

Tác giả đoạt giải Pulitzer năm 1999

MICHAEL CUNNINGHAM

TỔ ẤM NƠI TẬN CÙNG THẾ GIỚI

"Trữ tình... Khó quên và hoàn mỹ." - New York Times

Tổ Ấm Nơi Tận Cùng Thế Giới

Michael Cunningham

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[1]
[2]
[3]
[4]
[5]
[6]
[7]
[8]
[9]
[10]
[11]
[12]
[13]
[14]
[15]
[16]
[17]
[18]
[19]
[20]
[21]
[22]
[23]
[24]
[25]
[26]
[27]
[28]
[29]
[30]
[31]
[32]
[33]
[34]
[35]
[36]
[37]
[38]
[39]
[40]
[41]
[42]
[43]
[44]
[45]
[46]
[47]
[48]
[49]
[50]

Michael Cunningham sinh năm 1952, ở Ohio, Mỹ. Là tiểu thuyết gia đương đại nổi tiếng đã giành giải Pulitzer cho thể loại tiểu thuyết và giải thưởng PEN/Paulkner năm 1999 với tác phẩm ***The hours (Thời khắc)*** (sẽ được Bách Việt xuất bản vào quý IV/2010)

Tổ ấm nơi tận cùng thế giới, một cuốn tiểu thuyết trang nhã và trữ tình, được xem là rất thành công của Michael Cunningham khi viết về mối quan hệ giữa con người trong cuộc sống thành thị hiện nay. Tác phẩm được dựng thành phim năm 2004.

Lời dịch giả

Là một nhà văn đương đại tài năng của nước Mỹ, Michael Cunningham được giới phê bình văn học trên thế giới đánh giá rất cao bởi văn phong tinh tế, trữ tình. Ông sáng tác không nhiều nhưng đều được công chúng đón nhận. Hầu hết các tác phẩm của ông được viết dưới dạng tự thuật, ngôn từ hoa mỹ, điêu luyện, giàu cảm xúc, hình ảnh và tính biểu tượng. Tác phẩm *The hours* đã mang lại cho ông giải Pulitzer năm 1999, đây có thể coi là kiệt tác của Cunningham, một mốc son đánh dấu độ chín trong tài năng của ông.

Nhắc đến Michael Cunningham, chúng ta không thể không nhắc đến *Tổ ấm nơi tận cùng thế giới*, cuốn tiểu thuyết thứ hai mà ông đã thai nghén trong vòng sáu năm trời. Ngay từ khi ra mắt năm 1990, nó thực sự tạo nên một tiếng vang lớn. Tác phẩm kể về mối tình tay ba lệch lạc giữa hai chàng trai đồng tính và một phụ nữ lớn tuổi này đã thu hút được sự quan tâm của độc giả bởi nội dung táo bạo nhưng không kém phần xúc động. Câu chuyện được kể đan xen qua lời tự thuật của từng nhân vật, độc giả sẽ có cảm giác như họ chính là những con người của đời thực. Chúng ta như hòa nhập vào thế giới trong truyện, cô ùng khóc, cùng cười với các nhân vật và khi câu chuyện kết thúc, cảm giác xót xa và tiếc nuối đọng lại trong lòng chúng ta cùng những dư âm khó quên của giọng văn trữ tình giàu sức gợi. Một cuốn tiểu thuyết tuyệt vời về tình yêu, tình bạn, tình thân và tình người, đúng như lời nhận xét của Gayle Kidder trên tờ nhật báo *The San Diego Union*: “Xuất sắc và làm thỏa mãn độc giả... Một cuốn sách hay trong số những gì tôi đã được đọc trong nhiều năm qua. Niềm hy vọng giữa bi kịch là một thứ mong manh, và Cunningham đã nâng niu nó với một sự cẩn thận tuyệt vời.”

Bùi Khánh Vân

Cuốn sách này dành cho Kent Corbett

Bài thơ thế chỗ một ngọn núi

Nó kia, từng từ nối tiếp nhau,
Bài thơ thế chỗ một ngọn núi.

Chàng hít thở không khí trong nó,
Ngay cả khi cuốn sách nằm lật từng trang trong lớp bụi trên bàn.

Nó nhắc chàng đã cần biết bao
Một điểm đến trên hướng đi của mình,

Chàng đã bố trí lại những cây thông như thế nào,
Đã dời những vách núi và rẽ lối giữa những đám mây ra sao,

Để tìm được quang cảnh thích hợp,
Nơi chàng sẽ hoàn thiện mình trọn vẹn:

Chính ngọn núi đó, nơi sự thiếu chính xác của chàng,
Cuối cùng sẽ khám phá ra quang cảnh mà họ đã len lỏi đến,

Nơi chàng có thể nằm và, nhìn xuống biển,
Nhận ra tổ ấm vô song hiu quạnh của chàng.

- *Wallace Stevens*

PHẦN 1

BOBBY

Một hôm, bố tôi mua một chiếc xe mui trần. Đừng hỏi tôi. Tôi mới năm tuổi. Ông ngẫu hứng mua và lái nó về nhà như thể ông mang về một hộp kem sô-cô-la hạnh nhân vậy. Hãy hình dung sự ngạc nhiên của mẹ tôi. Bà hay buộc dây chun trên tay nắm cửa. Bà thường giặt túi bóng cũ và treo chúng trên dây phơi để hong khô, một chuỗi sứa nhuộm màu tann tiện uể oải phất phơ trong ánh mặt trời. Hãy tưởng tượng cảnh bà đang tẩy mùi pho mát ở một cái túi bóng, trong lần quay vòng thứ ba hay thứ tư của nó, khi bố tôi đỗ chiếc Chevy mui trần lại. Tuy là xe cũ nhưng nó vẫn là một kỳ quan di động – với những thanh hãm xung bằng chrome và phần thân trông như một thực thể sống màu bạc đồ sộ. Ông đã thấy snó được đỗ trên phố kèm theo tấm biển đề **ĐỂ BÁN**, và quyết định biến mình thành kiểu người mua xe theo ý thích nhất thời. Chúng tôi có thể nhận ra khi ông dừng xe, niềm hứng khởi trong ông đã bắt đầu phai nhạt. Chiếc xe quả là một vật đáng xấu hổ. Ông đi chầm chậm vào lối xe chạy với nụ cười gượng gạo trông y như cái lưới sắt bảo vệ bộ tản nhiệt của chiếc Chevy.

Dĩ nhiên chiếc xe phải được vận hành. Mẹ tôi không bao giờ đặt chân lên xe. Anh Carlton của tôi và tôi được đưa đi một vòng. Carlton rất phấn khích. Tôi thì hoài nghi. Một khi bố tôi đã mua xe trên đường phố, ông còn có thể làm những gì nữa? Điều này sẽ biến ông thành người như thế nào?

Ông đưa chúng tôi về miền quê. Các quán hàng ven đường bày cơ man nào là táo. Đám bí ngô tỏa sáng lên bãi cỏ quanh những căn nhà chính ở nông trại. Carlton, đầy khích động, đứng bật dậy từ băng ghế trước và bị kéo trở lại. Tôi giúp bố một tay. Bố tôi túm lấy một bên thắt lưng cao bồi dính hạt của Carlton còn tôi túm lấy bên kia. Tôi thích làm thế. Tôi thấy mình có ích khi giúp bố kéo Carlton xuống.

Chúng tôi đi qua một trang trại lớn. Những căn nhà phụ của nó neo trên một biển lúa mì dập dờn, và những tấm ván ốp tường màu trắng đang tan vào ánh nắng nhạt nhòa của buổi chiều muộn. Ba người chúng tôi, ngay cả Carlton, đều im lặng. Nơi đây mang về gì đó thật thân thuộc. Những đàn bò gặm cỏ, những đám cây mùa thu đổ bóng dài. Tôi tự nhủ rằng chúng tôi là nông dân, và bằng cách nào đó vẫn đủ giàu để lái một chiếc mui trần. Trên đời này thiếu gì những khả năng như thế. Khi tôi đi trên một chiếc ô tô vào ban đêm, tôi tin rằng mặt trăng cũng đang đi theo tôi.

“Về đến nhà rồi”, tôi hét tướng lên khi chúng tôi đi qua trang trại. Tôi không biết mình đang nói gì. Đó là do sự kết hợp của gió và tốc độ tác động lên não tôi. Nhưng cả Carlton lẫn bố tôi đều không hề thắc mắc. Chúng tôi băng qua một sự im lặng sống động. Vào lúc đó, tôi chắc chắn rằng chúng tôi đều có chung một giấc mơ. Tôi ngẩng lên để thấy mặt trăng, trong trẻo và gần trên một bầu trời xanh nhò nhò, đang thực sự đi theo chúng tôi. Không lâu sau Carlton lại bật dậy, hét vào luồng không khí trước mặt, và tôi cùng bố lại kéo anh xuống, về đúng chỗ ngồi của anh.

JONATHAN

Lúc hoàng hôn, chúng tôi tập trung trên bãi cỏ đang dần thẫm màu. Tôi mới năm tuổi. Không khí thoảng mùi cỏ mới cắt, và những hố cát đang lấp lánh. Bố tôi kiệu tôi trên vai. Tôi vừa là phi công vừa là tù nhân của dáng vẻ to lớn của ông. Đôi chân trần của tôi run rẩy chạm vào hai bên má ông ram ráp, và tôi bám vào tai ông, cặp vỏ sò lớn mềm mại bao phủ bởi lớp lông tơ nhỏ li ti.

Son môi và những chiếc móng tay màu đỏ của mẹ tôi trông sẫm đi trong ánh chiều nhập nhoạng. Bà đang mang thai, bụng mới chỉ nhú lên, và đám đông rẽ ra nhường đường phố cho

bà. Chúng tôi dựng lều trên đường lẩn bóng số hai, cùng với hai cái ghế nhôm gấp. Đám đông đang tập trung cho buổi lễ. Khói bốc lên từ những chiếc bếp nướng di động làm không khí thêm ngọt ngào. Tôi ngồi yên trong lòng bố tôi và được ông cho hớp một ngụm bia. Mẹ tôi ngồi tự quạt cho mình bằng tờ *Biếm họa Chủ nhật*. Những con muỗi lượn lờ quanh đầu chúng tôi dưới vòm trời tím biếc.

Ngày mùng Bốn tháng Bảy^[1] đó, thành phố Cleveland đã thuê hai anh em nổi tiếng ng Mexico đến đốt pháo hoa trên sân golf thành phố. Hai anh em này đã biểu diễn khắp thế giới, ở các sự kiện tôn giáo hoặc các sự kiện quốc gia. Họ đến từ sâu trong Mexico, nơi bánh mì được làm thành hình những chiếc đầu lâu và gái đồng trinh, còn pháo hoa được coi là hình thức biểu diễn nghệ thuật cao cấp nhất của con người.

Màn trình diễn bắt đầu trước khi ngôi sao đầu tiên xuất hiện. Nó mở đầu khá nhạt nhẽo. Hai anh em họ đang trêu đùa khán giả, bắn lên vài kiểu đơn giản: từng chùm hoa theo bộ đôi và bộ ba thông thường, những cú pháo thăng thiên xoắn ốc, những chùm tia sắc sỡ tạo nên những bông phong lan bằng khói màu tẻ nhạt. Thứ tầm thường. Rồi, sau một lúc ngừng, họ bắt đầu nghiêm túc. Một quả pháo thăng thiên vọt lên, kéo theo sợi ánh sáng màu bạc trong làn khói, và ở đầu mũi tên của nó bung ra một bông huệ tây năm nhánh rực màu tía, mỗi cánh lại nở ra một bông hoa riêng. Đám đông xuýt xoa khen ngợi. Bố tôi ôm lấy bụng tôi bằng bàn tay lớn rậm nắng, và hỏi tôi có thích màn trình diễn hay không. Tôi gật đầu. Bên dưới họng ông, một đám lông vàng sẫm trời lên, cố thoát ra khỏi cổ chiếc áo sơ mi madras.

Thêm nhiều bông huệ tây nở bung ra, màu vàng pha đỏ và màu hoa cà, với những cái cuống màu bạc nấn ná bên dưới chúng. Rồi đến những con rắn, rực màu cam, được bắn phụt lên một tá một lần. Những thân hình cong cong to lớn đỏ rực tha thẩn giao nhau, quện vào rồi lại tách ra, tạo nên những tiếng kêu xèo xèo không ngớt. Tiếp nối chúng là những bông hoa tuyết vô thanh khổng lồ, những vật thể trong suốt như pha lê mang thứ màu trắng tinh khiết nhất, và kể đến là một chòm sao trong hình dạng Nữ thần Tự do, với đôi mắt xanh và làn môi hồng ngọc. Hàng nghìn người há hốc miệng và vỗ tay hoan hô. Tôi vẫn nhớ cái cổ họng lổm đổm máu khô của bố tôi, một cơ quan gồ ghề đồ sộ dùng để nốc bia được bao bọc lỏng lẻo bởi làn da xù xì. Mỗi khi tôi rên rỉ trước những tiếng nổ lớn thỉnh thoảng phát ra, hay trước những chùm than hồng rực rỡ như sắp gieo thẳng xuống đầu chúng tôi, ông lại trấn an tôi rằng chúng tôi không việc gì phải sợ cả. Tôi có thể cảm thấy giọng nói ồm ồm của ông trong bụng và chân tôi. Đôi cánh tay chắc nịch của ông, mỗi cánh tay được chia đôi bởi một tĩnh mạch, mạnh mẽ giữ chặt lấy tôi.

Tôi muốn nói về vẻ đẹp của bố tôi. Tôi biết đó không phải là chủ đề thường dành cho đàn ông – khi chúng ta nói về bố mình, chúng ta thường có xu hướng kể những câu chuyện về lòng can đảm hay cơn thịnh nộ dữ dội của họ, thậm chí cả sự hiền từ. Nhưng tôi muốn nói về vẻ đẹp cương trực, hoàn hảo của bố tôi: Ông có đôi cánh tay cân đối, rắn chắc, với nước da sáng và cơ bắp dẻo dai như thể chúng được tạc nên từ tro thô, cùng dáng đi thanh lịch, nhịp nhàng và khoan thai. Ông là người đàn ông lực lưỡng, cân đối; ông chủ một rạp chiếu phim có đôi mắt sẫm màu, lặng lẽ yêu thích những bộ phim điện ảnh. Mẹ tôi thường bị đau đầu và hay nói bóng gió mỉa mai, còn bố tôi luôn vui vẻ, luôn tất bật, luôn tin chắc rằng mọi thứ sẽ đâu vào đấy.

Khi bố tôi đi làm, chỉ còn lại hai mẹ con tôi ở nhà với nhau. Bà thường nghĩ ra những trò chơi trong nhà cho chúng tôi chơi, hoặc cùng tôi làm bánh quy. Bà không thích ra ngoài, đặc biệt là vào mùa đông, vì cái lạnh khiến bà đau đầu. Bà là con gái miền New Orleans, nhỏ nhắn và tỉ mỉ trong từng động tác. Bà lấy chồng từ rất sớm. Thi thoảng, bà dẫn tôi đến ngồi cạnh bà bên cửa sổ, nhìn ra phố, chờ đợi một khoảnh khắc khi khung cảnh bằng giá có thể chuyển mình thành thứ gì đó bình thường mà bà mong đợi, bình thản như những bà mẹ Ohio sôi nổi, cứng rắn vẫn hay lái những chiếc xe khổng lồ chở thực phẩm, trẻ con cùng những người thân lớn tuổi. Những chiếc xe hơi kiểu *station wagon*^[2] chạy ầm ầm trên con phố của chúng tôi, như những chiếc xe tăng được trang hoàng đang ăn mừng chiến thắng trong những cuộc chiến tranh ngoại quốc.

“Jonathan”, bà thì thầm. “Con trai ơi. Con đang nghĩ gì vậy?”

Đó là câu mà bà hay hỏi. “Con không biết”, tôi nói.

“Kể cho mẹ chuyện gì đó đi”, bà nói. “Hãy kể mẹ nghe một câu chuyện nào”.

Tôi thấy mình cần phải nói. “Mấy anh kia đang mang xe trượt tuyết của họ ra sông mẹ ạ”, tôi bảo bà, khi hai anh chàng hàng xóm đang đội những cái mũ lưỡi trai sọc vuông – những người mà tôi vừa ngưỡng mộ vừa sợ - đi qua nhà tôi, kéo theo một cái xe trượt mòn vẹt. “Họ sẽ dùng cái ván đó để trượt băng. Nhưng họ phải để ý đến những cái hố. Có đứa từng bị ngã xuống đó và chết đuối rồi đấy”.

Nó không giống một câu chuyện lắm. Tôi chỉ nghĩ được đến thế trong khoảnh khắc quan sát ngắn ngủi.

“Làm sao con biết?” Bà hỏi.

Tôi nhún vai. Tôi nghĩ rằng mình đã bịa chuyện. Đôi khi thật khó để phân biệt điều gì đã thực sự xảy ra với điều gì tưởng như đã xảy ra.

“Chuyện đó có làm con sợ không?” Bà hỏi.

“Không ạ”, tôi bảo bà. Tôi tự hình dung ra cảnh mình đang lướt trên một khoảng băng rộng, khéo léo tránh những cái hố lồi lõm, nơi những đứa trẻ đáng thương khác đã ngã xuống với một tiếng “tôm” sầm sầm.

“Ở đây con sẽ được an toàn”, bà nói, vuốt ve tóc tôi. “Đừng lo con ạ. Ở đây mẹ con mình hoàn toàn bình an vô sự mà.”

Tôi gật đầu, dù có thể cảm thấy cái vẻ không chắc chắn trong giọng nói của mẹ tôi. Khuôn mặt với cái mũi nhỏ và hàm nở rộng của bà thu lấy thứ ánh sáng mùa đông lạnh lẽo được hắt lên từ mặt phố đóng băng và nẩy thia lia từ phòng này sang phòng khác, len lỏi vào đám đồ bạc trong tủ kính, tạo cảm giác như chiếc đèn bàn nhỏ nhỏ hình lăng trụ đang chiếu sáng.

“Sao không kể một câu chuyện vui?” Bà nói. “Có lẽ lúc này mẹ con mình nên nghe một câu chuyện hài hước.”

“Vâng”, tôi nói, dù tôi không biết câu chuyện vui nào. Hài hước là một bí ẩn với tôi... tôi chỉ có thể thuật lại những gì mình đã thấy. Bên ngoài cửa sổ, bà Heidegger, bà lão hàng xóm không chồng, đang từ trong nhà bước ra, khoác trên mình chiếc áo choàng có vẻ như được làm từ da chuột. Bà nhặt một tờ báo được ném vào sân nhà bà và đi cà nhắc trở lại bên trong. Tôi biết, từ những lời bình phẩm riêng tư của cha mẹ tôi, rằng bà Heidegger rất buồn cười. Bà buồn cười vì luôn giữ cho nhà cửa vườn tược của mình được sạch như lau như ly, và khẳng kết tội những người Cộng sản, vốn đang điều hành trường học, công ty điện thoại, và nhà thờ của những người theo thuyết Luther. Bố tôi thường nói với giọng eo éo: “Những người Cộng sản đó lại gửi hóa đơn tiền điện cho chúng ta rồi. Hãy nghe tôi, họ đang cố tống chúng ta ra khỏi nhà đấy”. Khi ông nói kiểu đó mẹ tôi luôn cười, ngay cả lúc trả tiền hóa đơn, khi mà nỗi lo lắng khắc nét rõ ràng nhất quanh khóe miệng và mắt bà.

Ngày hôm đó, ngồi bên cửa sổ, tôi cố giả làm bà Heidegger. Trong một giọng run rẩy the thé không hoàn toàn khác biệt với giọng thường ngày của tôi, tôi nói: “Ôi, những người Cộng sản tồi tệ đó đã quăng tờ báo vào thẳng sân nhà tôi”. Tôi đứng dậy và đi cà nhắc đến giữa phòng khách, nhặt tờ tạp chí *Time* trên bàn uống cà phê lên và vẩy vẩy trên đầu.

“Những người Cộng sản kia”, tôi rên rỉ thốt lên. “Các người hãy tránh xa khỏi đây ngay. Đừng cố tống bọn ta ra khỏi nhà nữa”.

Mẹ tôi cười thích thú. “Con thật *trẻ con*”, bà nói.

Tôi đi đến chỗ bà, và bà trù mến gãi đầu tôi. Ánh nắng từ ngoài phố làm sáng bừng lên những tấm rèm sa mỏng và rót đầy đĩa kẹo xanh sẫm trên chiếc bàn kê sát tường. Chúng tôi thực sự an toàn.

Bố tôi làm việc cả ngày, về nhà ăn tối, rồi quay lại rạp vào buổi đêm. Đến tận lúc này, tôi không biết ông làm những gì vào khoảng thời gian đó – theo như tôi hiểu, hoạt động của một rạp chiếu phim đơn lẻ, không mấy thành công, không nhất thiết cần đến sự có mặt của người

chủ suốt từ sáng sớm đến tận đêm khuya như thế. Dù vậy, bố tôi vẫn làm việc từng đầy giờ đồng hồ, và cả mẹ lẫn tôi đều không hề thắc mắc. Ông đang kiếm tiền, duy trì ngôi nhà vốn vẫn che chở cho chúng tôi khỏi những mùa đông của Cleveland. Đó là tất cả những gì chúng tôi cần biết.

Khi bố tôi về nhà ăn tối, một mùi băng giá còn lưu lại trên áo choàng của ông. Ông to lớn và vững chãi như một cái cây. Khi ông cởi áo choàng ra, đám đông nhỏ xíu trên cẳng tay ông lập tức dựng đứng lên trong không khí ẩm cúng dụi dàng của ngôi nhà.

Mẹ tôi dọn bữa tối mà bà đã nấu. Bố tôi vỗ nhẹ lên bụng bà, lúc đó nó đã tròn căng như một quả bóng rổ.

“Dễ sinh ba lăm đây”, ông nói. “Chúng ta sẽ cần một ngôi nhà lớn hơn. Hai phòng ngủ thì không thể nào đủ nữa”.

“Nên bận tâm về hóa đơn tiền dầu cái đã”, bà nói.

“Một năm nữa thôi”, ông nói. “Sang năm chúng ta có thể tìm kiếm một căn nhà khác”.

Bố tôi hay nhắc đến sự thay đổi địa vị của chúng tôi. Nếu chúng tôi tự thu xếp theo một cách nào đó, những điều tốt đẹp sẽ xảy ra. Chúng tôi phải lưu ý về việc chúng tôi có vị trí thế nào, chúng tôi mong đợi những gì.

“Mẹ con em sẽ chờ xem”, mẹ tôi nói, giọng nhỏ nhẹ.

Ông đứng dậy và xoa bóp vai bà. Đôi bàn tay ông che lấp hoàn toàn vai bà. Ông gần như có thể bao quanh cổ bà bằng ngón cái và ngón giữa.

“Em chỉ cần chú tâm vào đứa bé”, ông nói. “Hãy giữ cho mình được khỏe mạnh. Anh sẽ lo phần còn lại”.

Mẹ tôi quy thuận những cái vuốt ve của ông, nhưng không hứng thú gì với chúng. Tôi có thể nhận thấy điều đó trên khuôn mặt bà. Khi bố tôi ở nhà, bà mang ánh nhìn thận trọng tương tự như khi chúng tôi quan sát đường phố. Sự hiện diện của ông khiến bà lo lắng, như thể vài thành phần nào đó từ bên ngoài đã đột nhập vào.

Bố tôi chờ mẹ tôi nói, để dẫn dắt chúng tôi theo cuộc trò chuyện đang bỏ dở về cuộc sống của gia đình mình. Nhưng bà vẫn ngồi im bên bàn, vai căng lên dưới sự săn sóc của ông.

“Ôi, bố nghĩ đã đến lúc bố phải quay lại làm việc rồi”, cuối cùng ông nói. “Khá lâu đấy, chàng trai. Hãy trông nhà nhé”.

“Vâng,” tôi nói. Ông vỗ nhẹ vào lưng tôi và hôn thật kêu lên má tôi. Mẹ tôi đứng dậy và bắt đầu rửa bát đĩa. Tôi ngồi ngắm bố tôi khi ông giấu đôi cánh tay cơ bắp trong tay áo choàng và quay trở ra nhà.

Đêm đó, sau khi tôi đã được đặt lên giường để đi ngủ, mẹ tôi thì đang ngồi xem ti vi dưới nhà, tôi lén vào phòng bà và thử tô son của bà lên môi tôi. Ngay cả trong bóng tối, tôi cũng có thể nhận ra rằng nó khiến tôi có vẻ khô hài hơn là quyến rũ. Tuy nhiên, nó vẫn làm thay đổi ngoại hình của tôi. Tôi lấy phấn hồng của bà để bôi lên má và kẻ chì đen lên đôi lông mày hoe vàng của mình.

Tôi nhón chân bước vào phòng tắm. Tiếng cười và tiếng nhạc tình tang bay bổng qua thanh lan can cầu thang. Tôi đặt chiếc ghế đầu ở phòng tắm vào chỗ bố tôi thường đứng cạo râu buổi sáng, và leo lên đó để có thể soi mình trong gương. Đôi môi tô son của tôi trông thật bự và không ra hình thù gì, những đốm phấn hồng đỏ thắm bị bôi toe toét. Tôi không đẹp, nhưng tôi tin là tôi mang vẻ đẹp tiềm ẩn bên trong. Tôi sẽ phải lưu ý về vị trí cùng những suy nghĩ của mình. Cẩn thận với cái bản lề cot ket, tôi từ từ mở tủ thuốc và lấy ra lọ bột cạo râu sọc vân hiệu Barbasol của bố tôi. Tôi biết mình phải làm gì: lắc cái lọ thật mạnh, xịt một đồng bột trắng lên lòng bàn tay trái và xoa bừa vào hàm và cổ. Trang điểm đòi hỏi tất cả sự tỉ mỉ mà người ta có thể có khi tháo ngòi nổ một quả bom; còn cạo râu là một hành động hấp tấp và thiếu chính xác, nó tạo ra những vết máu đỏ tươi và để lại từng mảng vụn râu – đã mất hết sức sống như da rần lột – trong bồn rửa mặt.

Sau khi đã xoa bột lên mặt, tôi nhìn thật lâu vào trong gương, xem xét kết quả. Đôi mắt được

bôi đen của tôi long lanh như những con nhện trên lớp bột trắng um tùm. Tôi không giống phụ nữ, cũng chẳng ra đàn ông. Tôi là một thứ gì đó hoàn toàn khác. Có rất nhiều cách khác nhau để trở thành một người đẹp.

Bụng mẹ tôi ngày càng to ra. Trong một lần đi mua sắm, tôi đã đòi và có được một con búp bê nhựa màu hồng có đôi môi mỏng đỏ thắm và đôi mắt xanh đậm mà mỗi khi nhắm lại, những lúc nó được đặt nằm ngửa, sẽ tạo nên tiếng lách cách dứt khoát như thể chúng là những ô cửa sổ thu nhỏ. Tôi ngờ rằng bố mẹ tôi đã bàn luận về con búp bê. Tôi ngờ rằng họ cho là nó sẽ giúp tôi đương đầu với cảm giác bị ra rìa của tôi. Mẹ tôi dạy tôi cách quần tã và tắm cho nó trong bồn rửa bát. Ngay cả bố tôi cũng tỏ ra thích thú với vẻ hồng hào của nó. Một hôm ông hỏi tôi ngay trước bữa tối: “Đứa bé thế nào?”, tôi nhắc thân hình cứng ngắc của nó ra khỏi bồn.

“Ồn ả”, tôi nói. Nước rỉ ra từ những khớp nối của con búp bê. Mái tóc màu lưu huỳnh của nó, mọc lên từ mạng lưới những cái lỗ được đục vào da đầu, tỏa ra mùi của một cái áo len ướt.

“Đứa bé ngoan thế”, bố tôi nói, và lấy một ngón tay lớn vỗ vỗ vào bên má cao su rắn chắc của nó. Tôi thấy xúc động. Thì ra ông cũng yêu nó.

“Vâng,” tôi nói, quần vật vô tri đó trong một cái khăn trắng dày dặn.

Bố tôi ngồi bệt xuống, phát ra một làn gió nhẹ quyen lẩn với mùi của ông. “Jonathan này?” Ông nói.

“Dạ.”

“Con biết là con trai thường không chơi búp bê, đúng không?”

“Dạ, vâng ạ.”

“Đây là em bé của con,” ông nói, “và con chơi với nó ở nhà thì được. Nhưng nếu con khoe nó với những đứa con trai khác, chúng có thể không hiểu. Vì vậy con chỉ nên chơi với nó ở đây thôi. Nghe không?”

“Vâng.”

“Tốt.” Ông vỗ vỗ lên tay tôi. “Nhớ chưa? Chỉ chơi với nó trong nhà thôi nhé!”

“Vâng,” tôi đáp. Khi tôi đứng đó, nhỏ bé trước ông, ôm con búp bê được quần tã, tôi cảm thấy nổi nhục nhã thực sự đầu tiên của mình. Tôi nhận ra một khuyết điểm sâu sắc trong mình, sự ngu ngốc. Tất nhiên tôi biết con búp bê chỉ là một thứ đồ chơi, và là một thứ đồ chơi đáng xấu hổ. Một thứ đồ chơi không thích hợp. Vậy sao tôi lại để cho bản thân có khuynh hướng tin vào những điều ngược lại?

“Con không sao chứ?” Ông hỏi.

“Vâng ạ.”

“Tốt. Thôi, bố phải đi đây. Con trông nhà nhé.”

“Bố ời?”

“Gì vậy?”

“Mẹ không muốn có em bé đâu,” tôi nói.

“Chắc chắn là mẹ muốn chứ.”

“Không. Mẹ bảo con thế mà.”

“Jonathan, con yêu, mẹ và bố đều rất vui khi có em bé. Còn con không vui sao?”

“Mẹ không thích có em bé,” tôi nói. “Mẹ đã bảo con thế mà. Mẹ nói bố muốn có nó, nhưng mẹ thì không.”

Tôi nhìn vào khuôn mặt khổng lồ của ông, và có thể thấy lời tôi nói đã phần nào tác động đến ông. Đôi mắt ông sáng lên, đám mao mạch trải trên mũi và má ông nổi đỏ và rõ nét hơn trên nước da hơi tái.

“Không đúng đâu, con trai ạ”, ông nói. “Đôi khi mẹ nói những điều mà mẹ không định nói. Tin

bố đi, mẹ cũng vui vì có em bé như bố và con vậy.”

Tôi không nói gì.

“Thôi, bố muộn rồi,” ông nói. “Hãy tin bố. Con sẽ có một em gái hoặc một em trai, và chúng ta đều yêu quý cô bé đó. Hay cậu bé đó. Con sẽ là một người anh cả. Mọi chuyện sẽ rất tuyệt đấy.”

Một lúc sau, ông nói thêm: “Hãy để ý mọi chuyện khi bố vắng nhà, nghe không?” Ông giơ ngón tay cái hình thìa lên vuốt ve má tôi, rồi đi.

Đêm đó tôi tỉnh giấc vì tiếng còi còi văng vẳng phát ra đằng sau cánh cửa phòng ngủ của họ ở cuối hành lang. Giọng họ rít lên. Tôi nằm chờ đợi – điều gì cũng không rõ nữa? Tôi nhanh chóng chìm vào giấc ngủ, và đến tận bây giờ vẫn không biết liệu có phải tôi đã mơ thấy tiếng còi còi đó hay không. Đôi khi vẫn thật khó để phân biệt chuyện gì đã thực sự xảy ra với chuyện gì tưởng như đã xảy ra.

Khi mẹ tôi sinh em bé vào một tối tháng Mười hai, tôi phải ở lại nhà với bà Heidegger, bà lão hàng xóm. Bà là một bà lão đa nghi, có đôi mắt mờ đục và luôn lo rằng tóc mình sẽ biến thành một mảng muối tiêu xác xơ, thừa thớt, qua đó người ta có thể nhìn thấy cả lớp da đầu hồng hồng.

Khi tôi nhìn bố mẹ cùng nhau lái xe đi, bà Heidegger đứng sau tôi, người bà thoang thoảng mùi nước hoa hồng héo. Khi chiếc xe đi khuất, tôi bảo bà: “Thật ra mẹ cháu sẽ không sinh em bé đâu”.

“Không à?” Bà dịu dàng hỏi lại, không biết phải nói chuyện với trẻ con như thế nào khi chúng bất chợt phát ngôn ra những điều kỳ lạ.

“Mẹ cháu không muốn,” tôi nói.

“Ôi, thôi nào, rồi cháu sẽ yêu em bé thôi, cháu yêu ạ,” bà Heidegger nói. “Hãy chờ xem. Khi bố mẹ cháu mang nó về, cháu sẽ thấy. Nó sẽ là đứa bé đáng yêu nhất mà cháu có thể tưởng tượng ra.”

“Mẹ cháu không thích có em bé”, tôi nói. “Chúng cháu không muốn có nó.”

Lúc đó, mặt bà Heidegger tội nghiệp tím tái lại, và bà bỏ vào bếp để lo liệu bữa tối với một âm thanh như tiếng giấy lụa sột soạt. Bà nấu món gì đó thật mềm và nhừ, món mà một đứa trẻ thích đồ ăn thanh đạm như tôi cực kỳ thích.

Bố tôi gọi về từ bệnh viện lúc quá nửa đêm. Bà Heidegger và tôi cùng với lấy cái điện thoại một lúc. Bà trả lời và đứng thẳng trong chiếc áo choàng tắm màu xanh, gật gật cái đầu già nua. Tôi có thể nhận ra điều gì đó không ổn qua đôi mắt bà, lúc đó rung rung và lòng lạnh như băng đóng trên sông ngay trước khi tan hết, khi nó chỉ còn đang nấn ná thêm một vài khoảnh khắc trên làn nước màu nâu lấp lánh.

Đứa bé sẽ được tả lại cho tôi như là một tấm vé bị hủy, hay một chiếc bánh bị lấy ra khỏi lò quá sớm. Chỉ khi trưởng thành tôi mới lắp ghép lại được sự thực về việc đứa bé bị nhau thai quấn quanh cổ và mẹ tôi bị mất nhiều máu vì biến chứng khi sinh. Mẹ tôi chết ngất đi trong gần một phút, và thật kỳ diệu là bà đã tỉnh lại. Phần lớn dạ con của bà đã bị nao. Đứa bé, là con gái, chỉ kịp kêu lên oe oe một lần dưới ánh đèn huỳnh quang trong phòng hộ sinh.

Tôi cho rằng bố tôi không có tâm trạng nào để nói chuyện với tôi. Ông đã kể chuyện đó với bà Heidegger. Bà đặt điện thoại xuống và đứng trước tôi với một vẻ bối rối, sợ hãi khiến tôi tưởng như chính chúng tôi đang phải đón chào cái chết. Tôi biết điều gì đó kinh khủng đã xảy ra.

Bà nói lí nhí: “Ôi, những con người tội nghiệp. Ôi, cháu là một cậu bé tội nghiệp.”

Dù tôi không biết đích xác chuyện gì đã xảy ra, nhưng tôi biết đây là một dịp phải tỏ ra đau buồn. Tôi thử mang cảm giác buồn khôn nguôi, nhưng thực sự tôi thấy hào hứng và khá hài lòng vì có cơ hội diễn rất đạt trong một tình huống xấu như thế này.

“Thôi nào, đừng buồn nữa, cháu yêu,” bà Heidegger nói. Giọng bà mang vẻ khiếp sợ thực sự,

run rẩy và lúng búng như đang súc đầy miệng nước. Tôi thử dẫn bà đến một cái ghế và ngạc nhiên khi thấy bà tuân theo tôi. Tôi chạy vào bếp và lấy cho bà một cốc nước, vì tôi nghĩ rằng đó là thứ mà người ta thường đưa cho ai đó đang trong trạng thái xúc động.

“Cháu đừng lo, bà sẽ ở bên cháu,” bà nói khi tôi bùng ra khay nước và đặt lên mép bàn. Bà định kéo tôi vào lòng nhưng tôi không thích ngồi ở đó. Tôi vẫn đứng bên chân bà. Bà vuốt ve tóc tôi, còn tôi xoa những khớp xương đầu gối gây gò ẩn dưới lớp vải flannel của bà.

Bà thần thờ nói, gần như nghi ngờ: “Ôi, cô ấy rất khỏe mạnh cơ mà. Trông cô ấy hoàn toàn khỏe mạnh cơ mà.”

Tôi bạo gan nắm lấy bàn tay già nua, khẳng khiu, yếu ớt của bà.

“Ôi, thằng bé tội nghiệp,” bà nói. “Cháu đừng lo gì cả, có bà đây rồi”.

Tôi vẫn đứng bên chân bà, nắm lấy bàn tay xương xẩu của bà. Bà mỉm cười với tôi. Trong nụ cười đó có chút vui vẻ nào không? Có lẽ là không, tôi ngờ rằng mình đã tưởng tượng ra nó. Tôi nhẹ nhàng xoa tay bà. Chúng tôi giữ nguyên tư thế đó trong một lúc, đầu cúi xuống, bất động và hơi thỏa mãn, như một cặp phụ nữ lỡ thì đã biết cách tìm kiếm sự khuây khỏa trong nỗi sầu khổ sâu sắc của cõi đời này.

Hơn một tuần sau mẹ tôi về nhà, dè dặt và khá nhút nhát. Cả bà và bố tôi đều nhìn quanh căn nhà như thể nó là mới với họ, như thể họ đã được hứa hẹn một thứ gì đó lớn hơn. Khi mẹ tôi vắng nhà, bà Heidegger đã tạo ra một mùi riêng của bà, thứ mùi trộn lẫn giữa mùi hoa hồng ướp đẫm và mùi thức ăn không quen thuộc. Bà siết chặt tay bố mẹ tôi rồi lịch thiệp và vội vã rời đi. Có lẽ bà đã được ngầm báo rằng, vào bất cứ lúc nào ngôi nhà cũng có thể bốc cháy.

Sau khi bà đi, bố mẹ tôi đều quỳ xuống và ôm lấy tôi. Họ vây quanh tôi, gần như che lấp tôi bằng cơ thể và thứ mùi trong lành quen thuộc của họ.

Bố tôi khóc. Trước đây ông chưa bao giờ nhỏ một giọt nước mắt trước mặt tôi, vậy mà giờ đây ông òa lên nức nở, họng bật lên những tiếng nấc nghẹn ngào như thanh âm phát ra từ cây đàn ống. Tôi thử đặt tay lên cẳng tay ông. Ông không hắt nó ra, cũng không mắng tôi. Đám lông hoe vàng của ông dựng lên lộn xộn giữa những ngón tay tôi.

“Không sao đâu,” tôi thì thầm, dù tôi không cho rằng ông có thể nghe thấy lời tôi qua tiếng khóc của ông. “Không sao đâu,” tôi lặp lại, giọng lớn hơn. Ông không nhận được bất cứ sự an ủi rõ rệt nào từ những lời trấn an của tôi.

Tôi liếc sang mẹ tôi. Bà không khóc. Khuôn mặt bà trắng bệch và vô cảm. Có lẽ bà là một thể xác trống rỗng, đang chết lặng chờ đợi được thổi hồn vào. Nhưng khi cảm thấy ánh mắt tôi đang nhìn mình, bà đã gắng sức kéo tôi vào lòng, với vẻ mộng du. Cái ôm của bà khiến tôi bất ngờ, và tôi tuột tay khỏi người bố tôi. Khi mẹ tôi ấn mặt tôi sát vào những nếp gấp trên chiếc áo choàng của bà, tôi hoàn toàn không còn nhìn thấy bố tôi nữa. Tôi thấy mình bị kéo vào sâu trong chiếc áo choàng của mẹ tôi. Nó che kín mũi và tai tôi. Tiếng khóc của bố tôi trở nên nghẹn ngào và xa vắng khi tôi bị ép sát hơn vào người mẹ tôi, xuyên qua lớp vỏ ngoài lạnh lẽo tiến vào cõi lòng thoảng hương quen thuộc. Tôi kháng cự một lúc, cố quay lại bên bố tôi, nhưng bà quá mạnh mẽ. Tôi biến mất. Tôi rời bỏ bố tôi và dần thân vào nỗi sầu muộn dữ dội hơn của mẹ tôi.

Sau đó, mẹ tôi ít khi muốn ra khỏi nhà hơn bao giờ hết. Đôi lúc vào buổi sáng, bà cho tôi lên giường nằm với bà và giữ tôi lại đó, để đọc sách hay xem ti vi, cho đến tận giữa buổi chiều. Chúng tôi cùng kể chuyện và chơi trò chơi. Tôi tin rằng tôi biết chúng tôi đang cùng nhau làm gì trong suốt những ngày dài ru rú trong nhà đó. Chúng tôi đang tập luyện cho thời điểm khi bố tôi không còn ở với chúng tôi nữa, khi chỉ còn lại mỗi hai mẹ con tôi.

Để làm cho mẹ tôi cười, tôi thường bắt chước người khác, dù tôi không thích đóng giả làm bà Heidegger nữa. Tôi quyết định giả làm mẹ mình, và đôi khi khiến bà cười phá lên. Tôi thường quàng khăn và đội mũ của bà, nhái theo ngữ điệu vùng New Orleans trong giọng nói của bà, nó đã bị tôi biến đổi thành một chất giọng nửa miền Nam, nửa quận Bronx[3]. “Con đang nghĩ gì

thế?” Tôi dài giọng. “Con yêu, kể chuyện cho mẹ nghe đi.”

Bà luôn cười đến chảy cả nước mắt. “Con yêu,” bà thường nói, “con thật có năng khiếu. Con nghĩ sao nếu bố mẹ đưa con lên sân khấu, để con có thể chăm sóc bà mẹ già cả của con khi bà lúc lỉu?”

Cuối cùng chúng tôi cũng dậy, bà vội vã mặc quần áo, chuẩn bị nấu nướng và lau dọn với sự nghiêm túc của một nghệ sĩ.

Bố tôi không còn xoa bóp vai bà khi ông về nhà vào buổi tối. Ông không còn đặt những nụ hôn thật kêu và cường điệu lên trán hay đầu mũi bà. Ông không thể. Một tấm lá chắn đã mọc lên quanh bà, trong suốt và rắn như thủy tinh. Tôi có thể nhận thấy nó dựng lên khi ông về nhà, những thứ mùi của thế giới bên ngoài vẫn bám đầy trên áo choàng của ông. Khi lá chắn được dựng lên, trông mẹ tôi không có gì khác – khuôn mặt bà vẫn lạnh lợi và hơi xúc động, những động tác của bà vẫn chính xác như một bác sĩ phẫu thuật khi bà dọn bữa tối hoàn hảo mà bà đã nấu – nhưng không ai chạm được vào bà. Chúng tôi biết thế, cả bố tôi và tôi, với cảm giác hoàn toàn chắc chắn không sao giải thích nổi. Mẹ tôi có năng lực đặc biệt. Chúng tôi ăn tối (tay nghề nấu nướng của mẹ ngày càng được nâng cao, bà đã đạt tới những tầm cao mới phức tạp hơn), nói chuyện phiếm, và bố tôi gửi một nụ hôn gió về phía chúng tôi khi ông lại sắp sửa ra ngoài làm việc.

Một đêm cuối xuân, tôi bị đánh thức bởi một trận cãi cọ thực sự. Bố mẹ tôi ở dưới nhà. Ngay cả khi tức giận họ vẫn có nói nhỏ, vì thế chỉ có vài từ hoặc cụm từ rời rạc văng vẳng vọng lên phòng tôi. Kết quả là nghe tiếng hai người như đang gào thét bên trong một cái bao tải lớn. Tôi nghe thấy bố tôi nói, “*sự trừng phạt*”, và, gần một phút sau, mẹ tôi đáp lại, “thứ mà *anh* muốn... thứ đó... *ích kỷ*”.

Tôi nằm trong bóng tối, lắng nghe. Ngay sau đó, tôi nghe tiếng bước chân, - của bố tôi – leo lên gác. Tôi cho rằng ông sẽ đi vào phòng tôi, và tôi giả vờ đã ngủ thật ngoan, đầu tôi đặt giữa gối và đôi môi tôi hé mở. Nhưng bố tôi không đến với tôi. Ông vào phòng của họ. Tôi chỉ nghe thấy tiếng ông đi vào đó, rồi chẳng nghe được gì nữa.

Nhiều phút trôi qua. Mẹ tôi không đi theo ông. Ngôi nhà thật tĩnh mịch, ngập tràn một sự thanh lạnh lạnh lẽo, giá buốt, ngay cả khi đám lá cây tử đinh hương và sơn thù du khế cò vào những ô kính cửa sổ. Tôi cẩn thận nằm trên giường, không chắc mình nên và được phép làm gì vào một đêm như thế này. Tôi nghĩ tôi sẽ ngủ tiếp, nhưng không tài nào chợp mắt được.

Cuối cùng, tôi ra khỏi giường và đi dọc hành lang đến phòng bố mẹ tôi. Cửa mở hé hé. Ánh đèn ngủ của họ - thứ ánh sáng nửa vàng nửa hồng được nhuộm màu bởi chao đèn bằng giấy da - lơ lửng trong cảnh tranh tối tranh sáng của hành lang. Tôi có thể nghe tiếng mẹ tôi bốc vò quả hồ đào trong phòng bếp, một chuỗi những tiếng răng rắc nhịp nhàng vang lên rõ rệt.

Bố tôi nằm chếch trên chiếc giường đôi, trong một vẻ buông xuôi lịch sự, gần như trang nghiêm. Ông quay mặt vào tường, trên đó treo bức tranh vẽ một con phố Paris màu ngọc lam, không có người, được lồng trong khung bằng bạc. Một cánh tay vắt ra ngoài mép đệm, những ngón tay lớn đung đưa với vẻ quái gở. Lồng ngực ông nhô lên hạ xuống theo nhịp đều đặn của giấc ngủ.

Tôi đứng ở cửa một lúc suy ngẫm về vị thế của mình. Tôi đã mong ông nghe thấy tôi, ngẩng lên và chợt lo lắng về việc đã làm tôi thức giấc. Khi ông vẫn giữ nguyên tư thế trên giường, tôi lặng lẽ bước vào phòng. Đó là lúc tôi phải nói, nhưng tôi không biết nói gì. Tôi nghĩ chỉ riêng sự xuất hiện của tôi cũng đã là động lực cho một điều gì đó xảy ra tiếp theo. Tôi nhìn quanh phòng. Đồ trang điểm và nước hoa của mẹ tôi được xếp trên một cái khay xà cừ, và được đặt trên một cái tủ com-mốt. Một chiếc gương hình hoa tiết hình hoa trên giấy dán tường phía đối diện. Tay không, chẳng có món lễ vật nào, tôi mò đến bên giường và thận trọng chạm vào khuỷu tay bố tôi.

Ông ngẩng đầu lên và nhìn tôi như thể ông không nhận ra; tôi như thể chúng tôi đã từng gặp nhau một lần, lâu lắm rồi, và giờ ông đang cố nhớ tên tôi. Khuôn mặt ông suýt nữa làm tim tôi ngừng đập. Trong một thoáng, có vẻ như cuối cùng ông đã rời bỏ chúng tôi; người cha trong

ông đã rút lui và thay thế cho nó chỉ là một người đàn ông, to lớn như một chiếc ô tô nhưng ngây dại và ngô nghê như một đứa trẻ, dám làm bất cứ điều gì. Tôi đột nhiên đứng ngây ra trước sự xa lạ mới mẻ của ông, mỉm cười ngượng nghịu trong bộ pyjama màu vàng.

Rồi ông sực tỉnh. Ông lấy lại vẻ mặt bình thường và nhẹ nhàng đặt tay lên vai tôi. “Này”, ông khẽ nói. “Con đang làm gì thế?”

Tôi nhún vai. Thậm chí cho đến nay, khi đã là người lớn, tôi cũng không thể nhớ nổi có khi nào mình không ngừng lại và cân nhắc trước khi nói ra sự thật không.

Đáng lẽ ông nên nhắc tôi lên giường cùng ông. Động tác đó có thể đã cứu thoát cả hai chúng tôi, ít nhất là trong thời điểm đó. Tôi nhức nhối vì nó. Tôi sẽ cho đi tất cả mọi thứ mà tôi nghĩ là mình có, trong những tưởng tượng phong phú nhất của mình, để được kéo lên giường cùng ông và được ông ôm, như lúc bầu trời nổ tung trên đầu chúng tôi vào ngày mùng Bốn tháng Bảy. Nhưng có lẽ ông đã xấu hổ vì bị bắt gặp khi đang cãi cọ. Giờ đây ông là người đàn ông đã làm con trai tỉnh giấc vì quát mắng vợ, và rồi thả mình nằm vắt chéo trên giường như một cô thiếu nữ đang đau khổ. Có thể ông còn khoác lên mình những hình ảnh khác nữa, nhưng hình ảnh này vẫn sẽ mãi gắn liền với ông.

“Đi ngủ tiếp đi”, ông nói, giọng cáu kỉnh hơn ông định. Tôi cho rằng ông đã hy vọng là tình huống này vẫn có thể được tháo gỡ. Nếu ông hành động đủ mạnh mẽ, chúng tôi có thể quay ngược về thời điểm trước đó và dệt lại giấc ngủ của tôi. Sáng hôm sau tôi sẽ thức dậy với những giấc mơ không nhớ rõ.

Tôi không nghe lời ông. Tôi chỉ muốn được an ủi ông. Bố tôi yêu cầu tôi quay trở lại giường và tôi trở nên bướng bỉnh và bực tức. Tôi chực khóc, khiến sự kiên nhẫn của ông bị kéo căng ra. Tôi muốn ông cần đến sự có mặt của tôi. Tôi cần biết rằng nhờ sự tốt bụng và kiên nhẫn của tôi, tôi sẽ chiến thắng trong cuộc thi đấu dai dẳng để có được tình yêu của ông.

“Jonathan,” ông nói. “Jonathan, đi thôi”.

Tôi để ông dẫn trở lại phòng. Tôi không được lựa chọn. Ông bế tôi lên và lần đầu tiên tôi không hoan hỉ khi được ông chạm vào, hay thấy vui thích trước thứ mùi nồng nồng và vàng trán rộng sáng bóng của ông. Lúc đó, tôi bỗng hiểu được sự trầm lặng của mẹ tôi cùng cảm giác xa cách mong manh của bà. Tôi đã tập đóng giả bà và giờ đây, trong lúc cấp bách, tôi không thể làm gì khác. Nếu bố tôi xoa bóp bờ vai mệt mỏi của tôi, tôi sẽ trở nên căng thẳng; nếu ông bước vào từ ngoài trời tuyết, tôi sẽ lo lắng nghĩ đến việc món trứng trộn rau bina chiên phồng của tôi có thể bị hỏng.

Ông nhẹ nhàng đặt tôi lên giường. Ông đắp chăn cho tôi, bảo tôi ngủ. Ông làm không tệ. Tuy nhiên, do đang tức tối, tôi tuột xuống giường và chạy ngang qua căn phòng đến bên rương đựng đồ chơi của mình. Những cảm giác xa lạ náo động trong tai tôi, khiến tôi choáng váng. “Jonathan,” bố tôi nghiêm khắc nói. Ông chạy theo tôi, nhưng tôi quá nhanh so với ông. Tôi thọc tay xuống đáy rương, biết mình sẽ chạm đến chỗ nào. Tôi túm lấy cái chân cao su bóng nhoáng của con búp bê và lôi ra rồi ôm ghì nó trong tay.

Ông do dự, đang lừng lờ trên cái giường nhỏ của tôi. Trên đầu giường, một con thỏ hoạt hình đang tung tăng nhảy múa trên cánh đồng hoa bốn cánh màu hồng.

“Nó là của con,” tôi nói, giọng khẳng khẳng gần như khích động. Sàn phòng ngủ dường như chao đảo dưới chân tôi, và tôi bám lấy con búp bê như thể riêng mình nó có thể giúp tôi khỏi bị mất thăng bằng và ngã nhào.

Bố tôi lắc đầu. Theo như tôi còn nhớ, đó là lần duy nhất sự điềm đạm trong ông bị tàn lụi. Ông mong muốn quá nhiều, mà thế giới thì đang thu nhỏ lại. Vợ ông xa lánh ông, công việc không thành công, còn đứa con trai độc nhất – ông sẽ không có đứa con nào khác nữa – lại thích chơi búp bê và những trò chơi trong nhà lạng lẽ.

“Chúa ơi, Jonathan,” ông quát lên. “Chúa ơi. Con bị cái quái gì thế hả? *Sao thế hả?*”

Tôi đứng nín thinh. Tôi không đáp lại câu hỏi đó, dù tôi biết ông muốn nghe một câu trả lời.

“Nó là của con” là tất cả những gì tôi có thể đáp. Tôi ghì con búp bê quá chặt vào ngực đến mức hàng mi cứng ngắc của nó đâm vào tôi qua lớp áo pyjama.

“Được thôi,” ông dịu đi, trong một giọng thua cuộc. “Được thôi. Nó là của con.” Rồi ông bỏ đi.

Tôi nghe tiếng ông xuống gác, lấy áo khoác từ cái tủ kê ở hành lang. Tôi nghe thấy mẹ tôi không nói được một lời từ trong bếp. Tôi nghe thấy ông đóng cửa trước, với một sự thận trọng và cân nhắc ám chỉ đó sẽ là hành động cuối cùng.

Ông trở lại vào buổi sáng, sau khi đã ngủ trên đi văng trong văn phòng của mình ở rạp chiếu phim. Sau một thời gian khó khăn, chúng tôi đã lấy lại được cuộc sống gia đình bình thường của mình, lại tìm thấy được niềm vui. Bố mẹ tôi đã tạo ra một mối quan hệ thân mật, vui vẻ mà không có những nụ hôn hay những trận cãi vã. Họ bắt đầu sống bên nhau với một thân tình giản dị, thoải mái của những người anh chị em đã trưởng thành. Ông không đặt ra cho tôi những câu hỏi không thể trả lời nữa, dù câu hỏi duy nhất đó của ông vẫn tiếp tục kêu lách tách sau gáy tôi như một đường nối điện bị lỗi. Tài nấu ăn của mẹ tôi đã trở nên nổi tiếng. Năm 1968, gia đình chúng tôi được chụp ảnh trên phụ bản *Chủ nhật* của tờ Bưu điện của Cleveland: mẹ tôi đang làm món tôm hầm trong khi bố tôi cùng tôi đứng nhìn, đầy hãnh diện và hy vọng, trong những bộ đồ thật bảnh.

BOBBY

Hồi đó chúng tôi sống tại Cleveland, ở một nơi đồng không mông quạnh. Đó là những năm sáu mươi – radio của chúng tôi suốt ngày ra rả những bản tình ca. Tất nhiên nó đã là quá khứ. Nó xảy ra trước khi thành phố Cleveland bị ảnh hưởng bởi suy thoái, trước khi dòng sông của nó bốc cháy[4]. Chúng tôi có bốn người. Bố mẹ tôi, Carlton và tôi. Carlton vừa tròn mười sáu khi tôi lên chín. Giữa chúng tôi còn vài anh chị nữa, họ là những ngọn lửa leo lét đã tắt dần trong dạ con của mẹ tôi. Gia đình tôi không phải là một cái cây có nhiều nhánh hay sai quả. Họ của chúng tôi là Morrow.

Bố tôi là giáo viên dạy nhạc của một trường trung học. Mẹ tôi dạy những đứa trẻ được gọi là “đặc biệt”, những đứa có thể nói được ngày Giáng sinh của năm 2000 sẽ rơi vào ngày nào, nhưng không nhớ là phải tụt quần ra khi đi tiểu. Chúng tôi sống trong một khu gọi là Woodlawn – nơi những ngôi nhà một hay hai tầng xinh xắn được sơn những màu lạc quan. Khu chúng tôi tiếp giáp với một nghĩa địa. Phía sau sân sau nhà tôi là một con mương bị lấp kín bởi những bụi cây, và xa hơn là cánh đồng đầy những bia mộ nhẵn bóng. Tôi lớn lên với nghĩa địa và không bận tâm lắm về nó. Có thể nó còn đẹp hơn trông mắt tôi nữa là khác. Phía gần nhà chúng tôi có một bức tượng thiên thần bằng đá, ngực nhỏ và cương nghị, nhô lên giữa những bia mộ vừa phải. Xa hơn, trong một khu giàu có, những thánh đường Hồi giáo và những ngôi đền Parthenon thu nhỏ lặng lẽ kể với Cleveland về những thành tựu bền bỉ của nhân loại. Carlton và tôi thường chơi trong nghĩa địa lúc còn nhỏ và, khi lớn hơn một chút, hút cần sa và uống Southern Comfort[5] ở đó. Nhờ Carlton, tôi đã là một đứa chín tuổi học lớp bốn tệ nạn nhất. Tôi đang thành công trên con đường hư hỏng của mình. Tôi không làm được gì mà không hỏi ý kiến anh ấy.

Đây là Carlton vài tháng trước khi anh chết, trong một thời khắc tuyết rơi nhiều đến mức đất trời đều như trắng xóa một màu. Anh di chuyển chậm chậm giữa những tấm bia mộ và tôi đi sau, buốt nhói vì tuyết, hướng theo chiếc mũ len đỏ rực của anh. Tóc Carlton được buộc túm ra sau theo kiểu đuôi ngựa, thật gọn gàng và giản dị. Anh tần tiện, theo kiểu riêng của mình.

Chúng tôi đã dùng ma túy tổng hợp với nước qua trong bữa sáng. Hay đúng hơn, Carlton dùng một viên và tôi, do còn nhỏ, chỉ được phép dùng một nửa. Thứ ma túy này được gọi là “ô kính cửa sổ”. Nó khiến ta nhìn rõ hơn, giống như thuốc nhỏ mũi Vicks có tác dụng làm thông mũi vậy. Bố mẹ tôi đang đi làm, kiếm miếng ăn hằng ngày. Do chúng tôi đã ra ngoài trời lạnh nên khi quay về, ngôi nhà sẽ khiến chúng tôi bị sốc trước sự ấm áp và chính trực của nó. Carlton thường tin vào những cú sốc.

“Em nghĩ nó đang có tác dụng”, tôi gọi to. Carlton đang mặc cái áo khoác da hoẵng, đã sờn hết độ bóng. Đằng sau lưng áo, ngang qua chỗ xương dẹt ở vai, bạn gái anh đã thêu vào đó một con mắt màu xanh tia chớp. Khi chúng tôi bước đi, tôi nói với con mắt đó. “Em nghĩ em cảm

thấy điều gì đó”, tôi nói.

“Còn quá sớm mà”, Carlton nói với lại. “Thoải mái đi, Frisco. Mà sẽ biết khi nào thì đến lúc.”

Tôi vừa thích thú vừa sợ hãi. Chúng tôi đang làm một việc hệ trọng. Carlton đã dùng ma túy vài lần trước đây, nhưng tôi thì chưa bao giờ. Chúng tôi đã cho những viên ma túy vào miệng lúc ăn sáng, khi mẹ tôi đi lấy món thịt lợn muối xông khói. Carlton thường thích làm những trò liều lĩnh.

Tuyết đọng lại trong những chữ chạm khắc trên bia mộ. Tôi nghiêng mình trong gió, cố tìm hiểu xem liệu mọi thứ quanh tôi có vẻ xa lạ vì tôi dùng ma túy, hay chỉ vì mọi thứ thực sự xa lạ. Ba tuần trước, một gia đình ở bên kia thành phố đang ngồi xem ti vi ở nhà thì một cái máy bay một động cơ đã rơi xuống nhà họ. Tuyết quay cuồng quanh chúng tôi, có vẻ như nó vừa rơi từ trên trời xuống vừa hất ngược từ dưới đất lên.

Carlton dẫn đường đến tụ điểm của chúng tôi, đó là lối vào có hàng cột trụ của một ngôi mộ thượng lưu. Ngôi mộ này là một cung điện. Những vị thần tình ái bằng đá tím tím phía trên nóc cao nhất, với những đôi cánh bằng giả còi cộc và những khuôn mặt trinh nguyên. Bên dưới mái che là một cái hiên, phía trong là những cánh cửa bằng gang dẫn vào ngôi nhà đích thực của người chết. Vào mùa hè, cái hiên này rất mát. Vào mùa đông, nó là nơi tránh gió. Chúng tôi cất một chai Southern Comfort ở đó.

Carlton tìm cái chai, mở nắp và nốc một hơi dài ra trò. Người anh được nam đầy tuyết. Anh đưa cho tôi cái chai và tôi uống một ngụm dè dặt hơn. Ngay cả trong mùa đông, ngôi mộ cũng tỏa ra mùi rên mốc như một cái giếng. Những đám lá khô và một cái vỏ kẹo M&M, bị gió khuấy tung, kêu lạo xạo trên sàn đá cẩm thạch.

“Mày sợ à?” Carlton hỏi tôi.

Tôi gật đầu. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc nói dối anh ấy.

“Đừng sợ, nhóc,” anh nói. “Sợ hãi sẽ làm cho mày rối tung lên. Nếu mày không thấy sợ thì ma túy chẳng thể làm mày đau được.”

Tôi gật đầu. Chúng tôi đứng trú trong đó, chuyền nhau cái chai. Tôi dựa vào sự chắc chắn của Carlton như thể nó tỏa nhiệt.

“Chúng ta có thể dùng ma túy suốt ngày ở Woodstock[6]”, tôi nói.

“Đúng vậy. Quốc gia Woodstock. Chà chà.”

“Người ta có thực sự *sống* ở đó không?” Tôi hỏi.

“Trời ơi, mày đừng hỏi câu đó nữa. Đại nhạc hội đã kết thúc, nhưng người ta vẫn còn ở đó. Đó là quốc gia mới. Hãy hy vọng đi.”

Tôi lại gật đầu, hài lòng. Có một đất nước khác dành cho chúng tôi. Tôi đã là một con người mới, với cái tên mới là Frisco. Tên cũ của tôi là Robert.

“Chúng ta sẽ dùng ma túy suốt ngày”, tôi nói.

“Mày nên tin như thế.” Khuôn mặt Carlton, vây quanh bởi tuyết và cẩm thạch, ngời lên. Đôi mắt anh sáng như ánh đèn neon. Thứ gì đó trong chúng cho tôi biết anh có thể nhìn thấy tương lai, một hồn ma lượn trên đầu mọi người. Trong tương lai của Carlton, chúng tôi đều được giải thoát khỏi công việc và học hành. Đang chờ đợi chúng tôi, sớm thôi, là một sự an nhàn tươi sáng, lý tưởng. Một cuộc sống giữa những hàng cây bên bờ sông.

“Mày cảm thấy thế nào, hả nhóc?” Anh hỏi tôi.

“Tuyệt”, tôi bảo anh, và đúng là thế thật. Những con bồ câu vỗ cánh phành phạch bay lên từ một cái cây trơ trụi và ngay lập tức biến đổi, chuyển mình từ thép sang bạc trong ánh tuyết lấp lánh bay. Vào lúc đó tôi biết ma túy đang có tác dụng. Mọi thứ trước mắt tôi đột nhiên trở nên rực rỡ. Làm sao mà Carlton lại biết điều này sẽ xảy ra? “Ồi”, tôi thì thào. Tay anh đặt trên vai tôi.

“Thoải mái đi, Frisco”, anh nói. “Trong thế giới tươi đẹp này chẳng có gì đáng sợ cả. Có tao ở đây mà.”

Tôi không sợ. Tôi chỉ đang ngạc nhiên. Cho đến lúc này tôi mới nhận ra rằng mọi thứ quả là thực. Một cành con này nằm trên sàn cẩm thạch dưới chân tôi, mang trên mình một chùm dâu tím thẫm. Đầu bị gãy của nó trầy xước, trắng bệch, trông như những thớ thịt. Những cái cây đều là vật thể sống.

“Tao đây”, Carlton lặp lại, và quả thực là anh đang ở đây.

Vài giờ sau, chúng tôi đã nằm ườn trên cái sofa trước ti vi, bình thường như Wally và Beav[7]. Mẹ tôi đang nấu bữa tối trong bếp. Một cái nắp vung kêu leng keng. Chúng tôi là những điệp viên. Tôi đang cố che giấu sự ngạc nhiên của mình.

Bố tôi đang chế tạo một cái đồng hồ quả lắc với bộ đồ nghề của ông. Ông muốn có gì đó để lại cho chúng tôi, một thứ mà chúng tôi có thể truyền lại cho nhau. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng ông cưa và gõ thành thịch trong tầng hầm. Tôi biết ông đang bày thứ gì trên giá cưa của mình – một hộp gỗ thô dài, trên đó ông gắn những cái gờ trang trí. Một giọt mồ hôi vương trên trán ông khi ông làm việc. Tối nay tôi đã khám phá ra khả năng có thể nhìn khắp các phòng trong cùng một lúc của mình, để biết từng chuyện đang diễn ra. Một con chuột đang gặm nhấm bên trong bức tường. Những đường dây điện cuộn lại sau lớp vữa xây, ẩn mình và kiên nhẫn như những con rắn.

“Suyt”, tôi nói với Carlton, dù anh không hề nói gì cả. Anh đang xem ti vi qua những kẽ ngón tay. Những phát súng bay vèo vèo. Những viên đạn làm bụi bốc lên mù mịt trên một bức tường bê tông. Tôi không biết bọn tôi đang xem cái gì.

“Các con ơi?” Mẹ tôi gọi từ trong bếp. Tôi cso thể, bằng đôi tai mới của mình, nghe tiếng bà đang dẫn những khoanh thịt cho bệt ra. “Hãy dọn bàn ăn như những công dân tốt nào”, bà gọi.

“Vâng, thưa mẹ”, Carlton đáp, giả giọng hết như lúc đang bình thường. Bố tôi đang nện búa dưới tầng hầm. Tôi có thể cảm thấy trái tim Carlton kêu tích tắc. Anh vỗ vỗ tay tôi, để đảm bảo với tôi rằng mọi thứ đều hoàn hảo.

Chúng tôi dọn bàn ăn, bày biện dao thìa đĩa, gấp khăn giấy thành hình tam giác đặt một bên. Chúng tôi rất thành thạo việc này. Sau khi làm xong, tôi ngừng lại để ngắm lớp giấy dán tường trong phòng ăn: một trang trại màu hoàng kim bị chặn phía sau bởi những ngọn núi. Những đàn bò gặm cỏ, những đám mây mùa thu đổ bóng vàng. Khung cảnh này lặp lại ba lần, trên ba bức tường.

“Vụt”, Carlton thì thào. “Vù... ù... ù... ù...”

“Bọn mình làm có đúng không?” Tôi hỏi anh.

“Bọn mình làm mọi thứ thật hoàn hảo, nhóc ạ. Mà trong đầu mày cảm thấy thế nào?” Anh gõ nhẹ lên đầu tôi.

“Tuyệt vời, em nghĩ thế.” Tôi nhìn vào lớp giấy dán tường, như thể tôi đang nghĩ đến việc bước vào chúng.

“Mày nghĩ thế. Mày nghĩ thế à? Mày và tao sẽ đến những hành tinh khác, nhóc ạ. Lại đây nào.”

“Đến đâu?”

“Đây. Lại đây.” Anh dẫn tôi đến bên cửa sổ. Bên ngoài tuyết là là bay, lấp lánh và óng ánh bạc, bên dưới những ngọn đèn đường. Những ngôi nhà trệt tích trữ sự ấm áp, tỏa ánh đèn lên lớp tuyết đọng. Đây là một con phố ở Cleveland. Đây là con phố của chúng tôi.

“Mày và tao sẽ bay, nhóc ạ”, Carlton thì thầm, sát bên tai tôi. Anh mở cửa sổ. Tuyết ủa vào, lấp lánh trên thảm.

“Bay nào”, anh nói, và chúng tôi bay thật. Trong một thoáng, chúng tôi vươn người về phía trước, làn gió đêm u tối phả vào mặt chúng tôi – chúng tôi nhấc thân mình lên khỏi tấm thảm len polyester màu ca cao phủ đầy tuyết khoảng hai phân rưỡi. Bí quyết để bay là đây – bạn phải hành động ngay lập tức, trước khi cơ thể bạn nhận ra rằng nó đang chống lại các định luật. Đến tận bây giờ tôi vẫn dám chắc với bạn về điều đó.

Chúng tôi đều biết rằng mình đã tạm thời rời khỏi mặt đất. Điều đó không làm chúng tôi

ngạc nhiên cho lắm, không hơn việc máy bay thi thoảng rơi từ trên trời xuống, hay việc chúng tôi đã luôn sống trong những căn phòng này và sẽ sớm rời chúng. Chúng tôi hạ mình xuống. Carlton chạm vào vai tôi.

“Chờ đấy, Frisco”, anh nói. “Những điều kỳ diệu đang xảy ra. Những điều vô cùng kỳ diệu.”

Tôi gật đầu. Anh kéo cửa sổ xuống, và nó đóng sập lại với một tiếng “xạch”. Khuôn mặt chúng tôi nhìn lại chính mình từ lớp kính tối đen, lạnh lẽo. Đằng sau chúng tôi, mẹ tôi đang thả những khoanh thịt vào chảo rán, nó phát ra tiếng kêu xèo xèo. Bố tôi đang cầm cúi với chúng tôi của ông dưới một chiếc bóng đèn có chao hình nón, sửa soạn cái hộp dài nơi ông sẽ đặt vào đó bộ máy đồng hồ, quả lắc và một cái mặt. Một chiếc máy bay kêu ừ ừ trên đầu chúng tôi, ẩn mình trong những đám mây. Tôi lo lắng liếc sang Carlton. Anh cười trấn an và bóp nhẹ gáy tôi.

Tháng Ba. Sau mùa tuyết tan. Tôi đang đi qua nghĩa địa, nghĩ về cuộc sống vĩnh hằng của mình. Một trong những điều thú vị khi sống ở Cleveland là bất cứ hướng đi nào cũng có vẻ như dài bất tận. Tôi đã ghi nhớ bản đồ. Theo tính toán của tôi thì chúng tôi đang cách Woodstock, New York gần ba trăm năm mươi dặm. Trong một ngày mới tinh khôi như thế này, tôi đang đi về phía đông, đến nơi Carlton và tôi cất cái chai. Tôi sẽ uống trước một hớp rượu, để chúc mừng tương lai tươi sáng của mình.

Khi đến nơi, tôi nghe thấy những tiếng rên khe khẽ phát ra từ sau ngôi mộ. Tôi đứng yên, cân nhắc xem mình nên làm gì. Âm thanh đó là một tiếng rên rỉ kéo dài, vút lên ở cuối, một nốt đồ cao, kiểu như là “ooooooooOw”. Một tiếng sói hú dội ngược lại. Điều thôi thúc tôi tìm hiểu thay vì bỏ chạy chính là nhu cầu kể chuyện. Trong những câu chuyện mà anh tôi thích nhất, người ta luôn làm những việc mạo hiểm, ngốc nghếch. Tôi nhận thấy tôi có thể đi tới quyết định bằng cách nghĩ mình là nhân vật trong một câu chuyện mà Carlton đã kể.

Tôi rón rén quanh sườn ngôi mộ, thận trọng như một con lửng, nép sát vào một bức tượng cẩm thạch. Tôi nhòm qua bờ vai nồn nà của bức tượng tiểu thiên sứ đó. Điều mà tôi trông thấy là hình ảnh Carlton đang nằm trên mặt đất cùng với bạn gái anh, trong một mớ hỗn độn của quần áo và da thịt trần trụi. Chiếc áo khoác có thêu hình con mắt của Carlton được vắt trên bia mộ, cứ chăm chú nhìn.

Tôi khom mình đằng sau bức tượng. Tôi có thể thấy đôi cánh tay trần của cô gái và lằn xương sống quen thuộc của Carlton. Hai người họ đang cùng nhau rên rỉ trên bãi cỏ mùa đông xơ xác. Dù không nhìn rõ vẻ mặt của cô gái, nhưng tôi thấy mặt Carlton nhăn nhó và rúm rỏ, những đường gân cổ căng lên. Tôi chưa bao giờ nghĩ việc này lại đau đớn đến thế. Tôi cứ nhìn, cố học hỏi. Tôi bám vào đôi cánh lạnh lẽo của tiểu thiên sứ.

Không lâu sau, Carlton nhìn thấy tôi. Mắt anh ngược vội lên đầy kích động, và thứ mà chúng tôi bắt gặp là cái đầu nhỏ bé của em trai anh, đang nhô lên bên cạnh đầu của một tiểu thiên sứ. Mắt chúng tôi giao nhau và mất một thoáng để cùng quyết định. Cô gái vẫn bám chặt tấm lưng gầy gò của Carlton. Anh quyết định mỉm cười với tôi. Anh quyết định nháy mắt.

Tôi chạy khỏi đó nhanh đến mức làm xới tung cả những mảng đất còn dính cỏ. Tôi luồn lách giữa những tấm bia mộ, vọt qua con mương, nhảy qua hàng rào vào địa phận của mảnh sân sau nhà tôi, nơi đặt cái bàn ngoài trời và cái ghế đu. Trong cái nháy mắt ấy ẩn chứa điều gì đó. Tim tôi đập nhanh như tim của một con chim sẻ.

Tôi vào bếp và thấy mẹ tôi đang rửa hoa quả. Bà hỏi tôi có chuyện gì thế. Tôi bảo bà là không có chuyện gì cả. Chẳng có gì hết.

Bà thở dài phía trên quả táo đang rửa dở. Những tấm rèm khoe họa tiết hình những ấm trà màu xanh dương. Mẹ tôi cọ quả táo bằng một cái bàn chải. Bà tin rằng vỏ của chúng phủ toàn chất độc.

“Carlton đâu?” Bà hỏi.

“Con không biết”, tôi đáp.

“Bobby?”

“Sao ạ?”

“Thực sự thì có chuyện gì thế?”

“Chẳng có gì”, tôi nói. Tim tôi đập với tốc độ như của một con chim ruồi, thành thịch hơn mức bình thường.

“Mẹ nghĩ là có chuyện gì đó đấy. Trả lời mẹ một câu nhé?”

“Vâng.”

“Anh con đang nghiện ma túy à?”

Tôi thấy nhẹ nhõm đôi chút. Chỉ là ma túy thôi. Tôi biết vì sao bà lại hỏi thế. Gần đây những chiếc xe cảnh sát cứ lượn lờ quanh nhà chúng tôi như lũ cá mập. Họ dừng lại, ghi chép rồi lướt đi. Họ đang đàn áp thẳng tay quanh khu. Mà trong vùng này thì Carlton lại vô cùng nổi tiếng.

“Không đâu”, tôi bảo bà.

Bà quay mặt về phía tôi, một tay cầm bàn chải, tay kia cầm quả táo. “Con sẽ không nói dối mẹ chứ?” Bà biết có chuyện gì đó đang xảy ra. Bà rất nhạy cảm với những vấn đề trong nhà. Bà có thể cảm thấy bụi bám trên mặt bàn và sữa bắt đầu chua trong tủ lạnh.

“Không ạ”, tôi nói.

“Có chuyện gì đó mà”, bà thở dài. Bà là một phụ nữ nhỏ bé, tháo vát, lúc nào cũng nheo mắt khi nhìn vào mọi vật. Bà lớn lên trong một trang trại ở Wisconsin, trải qua thời hoa niên với việc chăm chút những luống đậu và lo lắng về tiết trời mưa nắng. Bà vẫn đang cố gắng vượt qua thói quen hay trông đợi những điều nhỏ nhặt của mình.

Tôi ra khỏi bếp, vờ như đột nhiên quan tâm đến con mèo. Mẹ tôi theo sau, vẫn cầm cái bàn chải. Bà định cọ sự thật ra từ người tôi. Tôi đi theo con mèo, sau cái đuôi màu đen dựng đứng và lỗ hậu môn hồng hồng của nó.

“Đừng có bỏ đi khi mẹ đang nói chuyện với con”, mẹ tôi nói.

Tôi vẫn tiếp tục bước, để xem mình có thể đi được bao xa, miệng gọi: “Miu miu miu”. Ở hành lang trước, cái đồng hồ tự làm của bố tôi điểm nửa tiếng. Tôi đi về phía chiếc đồng hồ. Khi tôi bước đến chỗ cây đa búp đỏ thì bà túm được tôi.

“Mẹ đã bảo là con không được bỏ đi”, bà nói và dùng cái bàn chải đập cho tôi một phát đau điếng. Bà nắm lấy tai tôi và véo nó. Con mèo chuồn đi nhanh như một nốt nhạc đen.

Tôi đứng lại một phút, để bà biết là tôi đã nghe thấy lời bà. Rồi tôi tiếp tục bước. Bà lại đánh tôi, lần này là vào sau đầu, đủ mạnh để khiến mắt tôi hoa lên. “Mày có *dừng lại* không?” Bà quát lên. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ đi. Ngôi nhà của chúng tôi chạy từ tây sang đông. Với mỗi bước đi, tôi tiến đến gần trang trại Yasgur^[8] hơn.

Carlton huýt sáo khi về nhà. Mẹ tôi coi anh như một vị khách trọ ở quá lâu. Anh không để ý. Anh đang đắm chìm trong sự lạc quan. Anh vỗ vỗ má bà và gọi bà là “Giáo sư”. Anh coi bà như một người hiền lành, và quả thực là thế.

Bà không bao giờ đánh Carlton. Bà chịu đựng anh như kiểu những cô gái ở nông trại chịu đựng một con quạ đạo chích, với sự miễn cưỡng quá lâu và vô tận đến mức nó gần giống như là sự tôn sùng. Bà đưa anh một quả táo đã được cạo rửa, và bảo anh bà sẽ làm gì nếu anh để lại vết bẩn trên thảm.

Tôi đang đợi trong phòng chúng tôi. Anh mang về cả mùi nghĩa địa, lớp tuyết cũ và những nhành lá thông ướt đầm. Anh đảo mắt về phía tôi, miệng gặm một miếng táo, “Có chuyện gì sao, hả Frisco?” Anh hỏi.

Tôi nằm vắt vẻo trên giường, cố thổi chiếc kèn harmonica theo một điệu nhạc của Dylan^[9]. Tôi vẫn luôn cho rằng mình có thể tỏ ra khôn ngoan. Tôi trao cho Carlton một cái gật đầu hình thức.

Anh thả người xuống giường của anh. Tôi có thể thấy một bông nghệ tây nát bấy, bông đầu tiên trong năm, đang dính ở đế giày cao su màu đen của anh.

“Chà, Frisco”, anh nói. “Hôm nay mày quả thực là một người đàn ông”.

Tôi lại gật đầu. Tất cả chỉ có thể thôi sao?

“Chà”, Carlton nói. Anh cười, hài lòng với bản thân và vạn vật trên đời. “Điều đó thật tuyệt”.

Tôi thổi một đoạn mà mình thạo trong bài *Blowin' in the wind*.

Carlton nói: “Mày biết không, khi tao thấy mày ở đó rình mò bọn tao, tao đã thầm nghĩ, *phải*. Giờ *mình* đang thực sự ở đây. Mày hiểu tao nói gì không?” Anh vung vẩy cái lõi táo.

“Có”, tôi nói.

“Frisco a, đây là lần đầu tiên tao và con bé làm chuyện đó. Ý tao là, bọn tao đã nói chuyện. Nhưng cuối cùng khi bọn tao bắt đầu làm thế thì mày xuất hiện. Em trai tao. Như mày *đã biết đấy*”.

Tôi gật đầu, và lần này là thật. Chuyện đã xảy ra là một cuộc phiêu lưu mà chúng tôi có cùng nhau. Đúng vậy. Câu chuyện đang bắt đầu có ý nghĩa.

“Ôi, Frisco”, Carlton nói. “Tao cũng sẽ kiếm cho mày một con bé. Mày cũng lên chín rồi. Mày trong trắng cũng khá lâu rồi đấy”.

“Thật không?” Tôi hỏi.

“Nhóc ạ. Bọn tao sẽ kiếm cho mày một con bé lớp sáu, một đứa có ít nhiều kinh nghiệm. Chúng ta sẽ cùng phê ma túy và làm chuyện đó dưới những gốc cây trong nghĩa địa. Tao muốn có mặt trong lần đầu tiên của mày, nhóc ạ. Mày sẽ cần một người anh trai ở đó”.

Tôi định hỏi, làm ra vẻ ngẫu nhiên nhất có thể, về mối liên hệ giữa tình yêu và nỗi đau thể xác, thì giọng mẹ tôi vang lên trong căn phòng. “Biết ngay mày sẽ làm thế mà”, bà thét lên. “Mày để đầy hết bùn lên thảm rồi kia kìa”.

Tiếp theo là một rắc rối gia đình. Mẹ tôi bắt bố tôi, người cùng đến và đứng ở cửa với bà, nhìn những vết tích trên sàn. Trước đây ông là một người đàn ông điển trai. Đến nay khuôn mặt ông đã trở nên mệt mỏi do phải chịu đựng quá nhiều. Gần đây ông đang thích làm đom – với một chòm râu dê và đôi giày da dê.

Mẹ tôi chỉ những vết bùn hình bán nguyệt đầy suốt từ cửa đến tận giường Carlton. Thủ phạm đang đứng dựa phía trên chân giường, lăm lăm với vẻ khiêu khích, đôi bàn chân tội lỗi của Carlton vẫn xỏ trong chúng.

“Anh thấy không?” Bà nói. “Anh có thấy nó coi em ra gì không?”

Bố tôi, một người biết điều, bảo Carlton nên lau nó đi. Mẹ tôi thấy hành động đó là không đủ. Bà muốn Carlton ngay từ đầu đã không làm thế. “Em đã không đòi hỏi gì nhiều”, bà nói. “Em không hỏi xem nó đi đâu. Em không hỏi tại sao cảnh sát lại đột nhiên để ý đến ngôi nhà của chúng ta. Em chỉ yêu cầu nó đừng làm đầy bùn lên sàn nhà. Chỉ thế thôi”. Bà gườm gườm nhìn chúng tôi, ánh mắt giận dữ đầy phần nộ.

“Con nên lau nó ngay đi”, bố tôi bảo Carlton.

“Và chỉ thế thôi sao?” Mẹ tôi nói. “Nó lau dọn chỗ bẩn đó, rồi được tha thứ à?”

“Thế em muốn nó làm gì nào? Liếm chỗ bẩn đó hả?”

“Em muốn nó phải biết để ý”, bà nói, bất lực quay sang tôi. “Đó là những gì em muốn”.

Tôi nhún vai, bối rối. Tôi thông cảm với mẹ tôi, nhưng không đứng về phía bà.

“Được rồi”, bà nói. “Từ nay tôi sẽ không bận tâm đến việc lau dọn nhà cửa nữa. Tôi sẽ để lũ đàn ông các người làm việc đó. Tôi sẽ ngồi xem ti vi và quăng vỏ kẹo xuống sàn nhà”.

Bà dùng dùng bỏ đi, lướt qua không khí như một lưỡi dao. Trên đường ra khỏi phòng, bà cầm cái lọ đựng bút chì lên, ngắm nghía nó rồi ném hết đồng bút chì lên sàn. Chúng rơi xuống như những quả bóng, theo từng cặp và từng mẫu chéo nhau.

Bố tôi theo sau, gọi tên bà. Tên bà là Isabel. Chúng tôi có thể nghe thấy họ đi về phía bên kia căn nhà, bố tôi gọi: “Isabel, Isabel, Isabel”, trong khi mẹ tôi, thỏa mãn với hình ảnh của những cái bút chì quăng thêm vài thứ khác xuống sàn nhà.

“Em hy vọng mẹ sẽ không đập ti vi”, tôi nói.

“Mẹ sẽ làm những gì mẹ cần làm”, Carlton bảo tôi.

“Em ghét mẹ”, tôi nói. Tôi không chắc mình có thật sự ghét mẹ không. Tôi chỉ muốn thử xem âm thanh của ba từ đó được phát ra như thế nào, để xem liệu có đúng là thế không.

“Mẹ liều lĩnh hơn bất cứ ai trong nhà mình đấy, Frisco ạ”, anh nói. “Mày nên cẩn thận khi nói gì đó về mẹ.”

Tôi im lặng. Rồi tôi nhanh chóng nhồm dậy và bắt đầu thu nhật bút chì, vì tôi thích làm thế hơn là nằm một chỗ, cố gắng theo kịp sự thay đổi của lòng trung thành. Carlton đi lấy một miếng bọt biển và kỳ cọ những vết bùn.

“Mày làm bẩn thảm thì mày phải lau nó”, anh nói. “Đơn giản thế thôi.”

Thời điểm dành cho tất cả những câu hỏi của tôi về tình yêu đã trôi qua, và tôi không ngờ gần đến mức cố khơi lại chủ đề ấy. Tôi biết rồi thời điểm đó sẽ lại xuất hiện. Tôi buộc bút chì thành một bó gọn gàng. Mẹ tôi vẫn đang nổi cơn thịnh nộ khắp nhà.

Sau đó, khi bà đã ném chán đồ đạc và ba người chúng tôi đều nhặt lên hết, tôi nằm trên giường ngẫm nghĩ. Carlton đang nói chuyện điện thoại với bạn gái, thì thà thì thảo. Mẹ tôi, đã bình tĩnh lại nhưng vẫn còn nguy hiểm, đang nấu bữa tối. Bà hát trong khi nấu ăn, vài điệu nhạc buồn tẻ hồi những năm bốn mươi chắc đã phổ biến ở khắp các phòng trà khi chiếc máy bay chở người chồng đầu tiên của bà rơi xuống Thái Bình Dương. Bố tôi thổi kèn clarinet dưới tầng hầm. Đó là nơi ông đến để luyện tập, giữa đồng hồ nghề làm mộc của mình, với những cái búa và dùi được treo gọn gàng và hắt ra những cái bóng quá cỡ nhờ ánh sáng phát ra từ chiếc bóng đèn duy nhất. Nếu tôi áp tai xuống sàn, tôi có thể nghe thấy tiếng ông thổi kèn, một âm thanh trầm trầm kéo dài như tiếng rên của mèo đực. Tôi thấy thoải mái kỳ lạ khi áp tai lên thảm và nghe tiếng nhạc của bố tôi len lỏi qua những tấm ván lát sàn. Nằm áp tai trên sàn, tôi hòa theo với tiếng harmonica của mình.

Mùa xuân đó, bố mẹ tôi tổ chức một bữa tiệc để chào mừng mặt trời quay trở lại. Chúng tôi đã trải qua một mùa đông dài khắc nghiệt và giờ đây những bông cúc đại đầu tiên đang nhú lên trên những thảm cỏ và giữa những ngôi mộ.

Những bữa tiệc của bố mẹ tôi là những dịp trang trọng. Bạn bè họ, tất cả đều là giáo viên trung học, mang đến những bình rượu và những cây guitar. Họ là những người tân tiến ở Ohio. Dù họ đang có việc làm và trả tiền nợ thế chấp đúng hạn, nhưng họ vẫn coi mình là những con người hoạt động độc lập trong một nhiệm vụ gián điệp. Họ đồng ý đóng giả các giáo viên cho đến khi nào họ bắt tay vào việc viết tiểu thuyết, hoàn thành những bài luận văn, hoặc tiết kiệm đủ tiền để được tự do.

Carlton và tôi là những người phục vụ. Chúng tôi cầm áo khoác cho họ, mang đồ uống đến. Chúng tôi vẫn làm thế tại mỗi buổi tiệc từ khi chúng tôi còn nhỏ, với vai trò của một người đồng sự, do sự phát triển sớm của chúng tôi. Chúng tôi làm việc này rất thành thạo. Một phụ nữ tô son đầy đủ, người đã cố gắng hiển tuổi xuân của mình cho môn Toán lớp chín, đã gọi tôi là Chàng trai lý tưởng. Một trợ lý phó hiệu trưởng đội chiếc mũ lông Nga hỏi chúng tôi liệu chúng tôi định bầu cho Đảng Dân chủ hay Đảng Xã hội. Do đã lén hớp mấy ngụm rượu nên tôi cũng ngà ngà say.

Tuy nhiên, độ ổn định của buổi tối đã bị phá vỡ khi bữa tiệc mới đi được một nửa, vì vài người bạn của Carlton. Họ gõ cửa và tôi đến mở, hồi hộp như một chuyên gia cải trang, chờ xem ai sẽ bước lên tiếp theo và tin sái cổ rằng tôi là một đứa trẻ chín tuổi ngoan ngoãn, tinh táo. Tôi cứ ngỡ sẽ bắt gặp những anh chàng còn non nớt, nhưng hóa ra tôi chỉ thấy một đám thanh niên ngoài vòng pháp luật, đi giày khủng bố và đầu tóc rối bù. Bạn gái của Carlton đứng đằng trước, trong một bộ đồ gần như được làm hoàn toàn bằng lụa.

“Chào, Bobby”, chị tự tin nói. Chị là người New York và khôn ngoan hơn hẳn người địa phương.

“Chào”, tôi nói. Tôi để họ vào hết dù có một sự thôi thúc trái ngược là khóa cửa lại và gọi cho cảnh sát. Có ba nữ và bốn nam. Họ đi qua tôi trong quần áo ma túy và đưa ra những lời chào

ranh mãnh.

Những gì họ làm là xâm nhập vào buổi tiệc. Carlton đang đứng ở phía bên kia căn phòng huyền ảo, chọn đĩa nhạc tiếp theo, và bạn gái anh rẽ đám đông đi thẳng về phía anh. Chị có vóc người và dáng đi lả lướt uyển chuyển mà vài người cho là đẹp. Chị đi qua căn phòng đó như thể chị được cử đến để dạy cho toàn bữa tiệc một bài học.

Khuôn mặt Carlton gợi cho tôi biết rằng chuyện này đã được tính toán trước. Mẹ tôi hỏi xem chuyện gì đang diễn ra. Bà đang mặc cái váy dài hở vai màu đỏ sẫm. Khi bà chứng diện, bạn có thể thấy bà đẹp như thế nào, hay đúng hơn là bà đã từng đẹp đến mức nào. Carlton được thừa hưởng vẻ đẹp đó của bà. Còn tôi lại mang khuôn mặt của bố tôi.

Carlton nói qua loa gì đó. Dù mẹ tôi không đồng tình lắm, nhưng những kẻ xâm nhập vẫn được phép ở lại. Một người trong số họ, một anh chàng có kiểu tóc và mặt da rất giống Eddie Haskell^[10], bảo bà rằng trông bà rất đẹp. Bà rất vui khi nghe thấy thế.

Vì vậy những kẻ ngoài vòng pháp luật, được gia chủ cho phép, bắt đầu trà trộn vào. Tôi đến bên Carlton, phía không có bạn gái anh. Tôi muốn nói điều gì đó châm biếm và láu lỉnh, điều gì đó sẽ tách tôi và Carlton ra khỏi những người khác trong phòng. Tôi có thể cảm thấy lời bình luận đó hình thành trong đầu mình, nhưng vì chỉ là một đứa trẻ chín tuổi ngà ngà say, tôi không thể thốt ra được. Điều mà tôi nói lại là: “Ồi, chết tiệt”.

Bạn gái Carlton cười nhạo tôi. Chị coi việc một cậu bé nói từ “chết tiệt” thật buồn cười. Tôi muốn bảo chị rằng tôi đã phát hiện ra điều gì ở chị, nhưng tôi mới chín tuổi và đã uống ba phần tư ly cocktail Tom Collins. Ngay cả khi không say, tôi cũng chỉ có thể mơ tưởng đến tài ăn nói sắc sảo.

“Chờ chút, Frisco”, Carlton bảo tôi. “Nó sẽ biến thành một bữa tiệc thực sự cho mà xem.”

Qua ánh sáng ngời lên trong mắt anh, tôi có thể thấy được chuyện gì đang diễn ra. Anh đã sắp xếp một cuộc xem mặt giữa bạn bè của bố mẹ tôi và các bạn của anh ấy. Đó là một bước tiến của Woodstock – anh đang mưu đồ một tương lai mà ở đó người lớn và thanh niên bằng vai phải lứa với nhau. Tôi đồng ý chờ và đi vào bếp, hy vọng có thể lén nhấp mấy ngụm gin.

Tôi thấy bố tôi đang dựa vào tủ lạnh. Một hàng nam châm hình bướm bướm dập dờn quanh đầu ông. “Con có thích bữa tiệc này không?” Ông hỏi, vuốt ve chòm râu dê. Ông vẫn quen với việc mình là một người đàn ông để râu.

“Có ạ.”

“Bố cũng thế”, ông buồn bã nói. Ông không bao giờ muốn làm giáo viên dạy nhạc ở trường trung học. Vấn đề tiền bạc đã buộc ông phải làm thế.

“Con nghĩ loại nhạc này thế nào?” Ông hỏi. Carlton đã đặt đĩa của Stone^[11] vào máy quay đĩa. Mick Jagger^[12] đang hát *19th nervous breakdown*. Bố tôi dang rộng đôi tay, như thể bao gồm cả căn phòng, bữa tiệc và toàn bộ ngôi nhà – bất cứ thứ gì mà âm nhạc lan tỏa đến.

“Con thích nó”, tôi nói.

“Bố cũng thế”. Ông lấy ngón tay khuấy khuấy ly rượu rồi đưa lên miệng mút.

“Con *rất* thích nó”, tôi nói, to hơn mức bình thường. Ở bố tôi có vẻ gì đó khiến tôi phải cao giọng. Tôi muốn tóm lấy một nắm âm nhạc trong không khí và nhét vào mồm mình.

“Bố không chắc mình có thể nói là rất thích nó không”, ông nói. “Bố không dám chắc. Bố chỉ muốn nói là bố thích cái hướng đi của nó. Bố muốn nói rằng nếu âm nhạc phát triển theo hướng này, bố sẽ không cản trở nó”.

“Vâng”, tôi nói. Tôi bồn chồn muốn quay lại bữa tiệc, nhưng không muốn làm tổn thương cảm giác của bố tôi. Nếu ông cảm thấy mình đang bị né tránh, ông có thể đưa ra một loạt những lời biện bạch còn khủng khiếp hơn cả cơn thịnh nộ của mẹ tôi.

“Bố nghĩ có thể bố đã quá khắc nghiệt với học sinh của bố”, bố tôi nói. “Có lẽ qua mùa hè các con có thể dạy bố chút gì đó về loại nhạc mà mọi người đang nghe ngày nay”.

“Chắc chắn rồi”, tôi nói lớn. Chúng tôi mất một phút mới nói tiếp được.

“Các con vui chứ?” Ông hỏi. “Các con có thích bữa tiệc này không?”

“Chúng con rất vui”, tôi nói.

“Bố nghĩ các con đều vui. Bố cũng thế.”

Lúc đó tôi chỉ còn cách cửa một bước nhảy. Tôi hét tướng lên: “Thôi, tạm biệt bố”, và quay trở lại bữa tiệc.

Chuyện gì đó đã xảy ra khi tôi tạm thời vắng mặt. Bữa tiệc đã bắt đầu sôi nổi. Hãy gọi nó là một biến cố của lịch sử và thời tiết. Bạn bè của Carlton đang cư xử đúng mực, và bạn bè của bố mẹ tôi đã quyết định từ bỏ vài nghi lễ truyền thống với rượu vang và nhạc dân gian của họ, để xem họ có thể học được gì mới. Carlton đang khiêu vũ với vợ của một phó hiệu trưởng. Còn anh bạn Frank của Carlton, với khuôn mặt già trước tuổi và chỉ số IQ dưới mức sáu mươi, thì khiêu vũ với mẹ tôi. Tôi nhận thấy bố tôi đã theo tôi ra khỏi bếp. Tôi mời bà giáo dạy môn Toán có đôi môi màu hoa vằn anh nhảy. Bà quá đổi vui sướng. Bà to lớn và duyên dáng như một cái xe điều hành, và tôi dễ dàng leo lái bà vào giữa. Mẹ tôi, người nổi tiếng ở trường vì kỷ luật Sicily, nhảy với vẻ phóng túng khiến tất cả mọi người đều ngạc nhiên. Không ai có thể bàn cãi gì về vẻ đẹp của bà.

Đêm càng lúc càng khuya. Một sự cuồng nhiệt bắt đầu. Carlton đưa thêm nhiều đĩa nhạc mới vào máy quay đĩa – Janis Joplin[13] the Doors[14], the Dead[15]. Tương lai tươi sáng đang trải ra trước mắt mọi người, với vô vàn cơ hội có thêm nhiều đêm nữa y hệt như thế này. Ngay cả bố tôi cũng bị ép phải khiêu vũ, động tác của ông trông như một con chim không biết bay, vỗ vỗ cánh tay và cái bụng phệ. Tuy nhiên, dù gì thì ông cũng đã nhảy. Mẹ tôi tặng cho ông một nụ hôn.

Cuối cùng, tôi ngủ gật trên sofa, sáng khoái dưới tác dụng của rượu. Tôi đang mơ thấy mình bay lượn thì mẹ tôi đến và chạm vào tôi. Tôi mỉm cười trước khuôn mặt hoan hỉ đỏ bừng của bà.

“Đã quá giờ ngủ của con rồi đấy”, bà nói, rất dịu dàng. Tôi gật đầu. Tôi không thể chối bỏ sự thật.

Bà vẫn cứ đẩy vai tôi. Phải mất một lúc tôi mới hiểu ra rằng bà thực sự muốn tôi rời khỏi bữa tiệc và đi ngủ.

“Không đâu”, tôi bảo bà.

“Có đấy”, bà cười.

“Không”, tôi thân mật nói, thăm dò. Người mẹ mới mẻ này biết khiêu vũ và tán tỉnh. Ai biết bà còn có thể cho phép những gì?

“Có.” Giọng bà không còn nhẹ nhàng nữa. Bà thực sự nghiêm túc, như lúc bình thường. Tôi đi khỏi đó và lần này không nói năng gì. Tôi vừa tròn chín tuổi và trốn tránh giờ đi ngủ như thể trốn tránh cái chết.

Tôi chạy về phía Carlton để mong được che chở. Anh đang cười với bạn gái, một lọn tóc cong cong ướt đầm mồ hôi dính trên trán anh. Tôi lao về phía anh, mạnh đến nỗi suýt nữa làm anh ngã nhào.

“Chao ôi, Frisco”, anh nói. Anh xốc nách tôi lên và quay tôi nửa vòng. Mẹ tôi túm lấy gáy tôi theo kiểu nhà nông thứ thiệt, giằng tôi ra khỏi tay anh và đặt tôi xuống.

“Chúc mọi người ngủ ngon đi, Bobby”, bà nói. Rồi bà thêm vào, vì sự có mặt của bạn gái Carlton. “Đáng lẽ nó phải ngủ trằn trọc trước khi bữa tiệc bắt đầu cơ.”

“Không”, tôi hét lên. Tôi vùng vẫy cố thoát ra, tay mẹ tôi kẹp tôi chặt đến nỗi bà có thể làm vỡ được vỏ quả hồ đào.

Bạn gái Carlton hất tóc và nói: “Chúc ngủ ngon, nhóc”. Chị nở một nụ cười đắc thắng. Chị vuốt lại lọn tóc lòa xòa vương trên trán Carlton.

“Không”, tôi lại hét lên. Cái cách chị chạm vào tóc anh ẩn chứa điều gì đó. Mẹ tôi gọi bố tôi đến, ông xốc tôi lên và mang tôi ra khỏi phòng, giữ tôi như thể tôi là một quả bom chưa nổ. Trước khi tôi bị mang đi, mắt tôi bắt gặp mắt Carlton. Anh nhún vai và nói: “Chúc ngủ ngon,

nhóc". Bố tôi đẩy tôi ra, tôi gan lì cưỡng lại. Rồi tôi vùng vằng bỏ đi, tức đến nỗi không khóc nổi, miệng lòng thông một sợi nước dãi nhờ nhóp như của những đứa trẻ hư.

Sau đó tôi nằm một mình trên chiếc giường chật hẹp, cảm thấy tiếng nhạc ngân nga trong những chiếc lò xo xoắn của tấm đệm. Cuộc sống đang hé mở ngay ngoài kia, trong căn nhà của chúng tôi. Mọi người đang thay đổi. Đến ngày mai, sẽ không còn ai giống hết như trước nữa. Sao họ nỡ để tôi bỏ lỡ nó? Tôi nghĩ về việc trả đũa bố mẹ tôi, đặc biệt là Carlton. Anh là người có thể cứu tôi lúc đó. Đáng lẽ anh phải đứng về phía tôi. Điều mà tôi không thể tha thứ là cái nhún vai của anh, và ánh mắt bình thản khi nói: "Chúc ngủ ngon, nhóc". Anh đã gia nhập vào thế giới người lớn. Anh đã biến mình thành lớn hơn, và tạo thêm khoảng cách với tôi. Khi the Doors thành linh chơi bản *Strange days*, tôi mong sẽ có điều gì đó khủng khiếp xảy ra với anh. Tôi tự nhủ với bản thân mình như thế.

Khoảng nửa đêm, Frank ngốc nghếch tuyên bố anh ta vừa trông thấy một cái đĩa bay lơ lửng phía trên sân sau. Tôi có thể nghe thấy giọng nói trầm trầm thích thú của anh ta lan khắp phòng tôi. Anh ta nói nó như một đám mây rực rỡ lấp lánh. Tôi nghe tiếng một nửa số người trong bữa tiệc chen lấn xô đẩy nhau qua cánh cửa kính trượt. Lúc đó mọi người đều quá cuồng nhiệt đến mức họ tin là sẽ nhìn thấy một chiếc đĩa may thật. Một bữa tiệc náo nhiệt như thế theo logic sẽ thu hút được một niềm hân hoan đáp lại từ phía bên kia những vì sao.

Tôi ra khỏi giường và rón rén đi trên hành lang. Tôi sẽ không để lỡ vị khách ngoài hành tinh nào, bất chấp cái giá là sự phẫn nộ của mẹ tôi hay sự thất vọng của bố tôi. Tuy nhiên, tôi dừng lại phía cuối hành lang, xấu hổ trong bộ đồ pyjama. Nếu thực sự có người ngoài hành tinh, họ sẽ nghĩ tôi là người kém cỏi nhất trong ngôi nhà này. Khi tôi đang do dự không biết có nên quay lại phòng để thay đồ không khi mọi người lục tục trở vào trong nhà, nói rằng họ đã bị đánh lừa bởi sương mù và một chiếc máy bay. Mọi người lại tiếp tục nhảy nhót.

Chắc Carlton đã nhảy qua hàng rào phía sau. Có lẽ anh muốn ở đó một mình, đơn độc, phòng khi họ quyết định mang ai đó theo họ. Một vài đêm sau đó, tôi thường đi ra ngoài và đứng tại nơi mà có lẽ anh đã đứng. Phía bên kia con mương, nước sông đang dâng lên vì tuyết tan, nghĩa địa lập lờ như một thành phố chết. Mặt trăng tròn vành vạnh. Tôi đi loay quanh như Carlton có lẽ đã từng, bị thôi miên bởi thứ ánh sáng bàng bạc trên những tấm bia mộ, bức tượng thiên thần màu trắng đang giơ tay lên phía bên kia con sông.

Theo bố mẹ tôi, điều khó hiểu là tại sao anh lại chạy trở vào nhà nhanh hết sức như vậy. Có lẽ thứ gì đó ở nghĩa địa đã làm anh hoảng sợ, chắc là anh cần phải thoát khỏi bùa phép của nó. Nhưng tôi nghĩ có lẽ đúng hơn là sau khi lấy lại được bình tĩnh, anh đã nôn nóng quay lại với mọi người và âm nhạc, với sự sôi động, náo nhiệt của cuộc sống đang tiếp diễn.

Ai đó đã đóng cánh cửa kính trượt. Bạn gái của Carlton thờ ơ nhìn ra ngoài, tiếp xúc với bóng phản chiếu của chính mình. Tôi cũng nhìn. Carlton đang chạy về phía ngôi nhà. Tôi do dự. Rồi tôi nhận thấy anh có thể sẽ bị vỡ mũi. Nó sẽ là một trò hay với anh. Tôi cứ để anh chạy tới. Bạn gái anh thấy anh qua hình ảnh phản chiếu của chị, bắt đầu thét lên lời cảnh báo ngay khi Carlton va vào kính.

Đó là một tiếng nổ. Những mảnh kính lấp lánh văng khắp phòng. Tôi nghĩ nó khiến anh thấy ngạc nhiên hơn là đau đớn, như thể lao mình từ trên cao xuống nước vậy. Anh đứng chớp chớp mắt một lúc. Bữa tiệc ngừng hẳn lại, ai cũng nhìn chằm chằm, xác định xem chuyện gì đang xảy ra. Bob Dylan đang hát *Just like a woman*. Carlton tò mò giơ tay lên để nhổ một mảnh kính vỡ đang găm vào cổ, và lúc đó máu bắt đầu túa ra. Nó tuôn xối xả. Mẹ tôi hét lên. Carlton bước về phía vòng tay của bạn gái anh và hai người họ cùng ngã xuống. Mẹ tôi lao tới, phủ phục lên hai người. Mọi người hét lên những kinh nghiệm xử lý tai nạn của họ. Đừng nhắc thẳng bẻ lên. Hãy gọi xe cứu thương. Tôi đứng ở hành lang quan sát. Máu của Carlton túa ra, thấm xuống thảm, bắn lên quần áo của mọi người. Bố mẹ tôi đều cố dùng tay bịt vết thương của anh, nhưng máu vẫn rỉ ra qua các kẽ tay. Carlton trông ngơ ngác hơn bao giờ hết, như thể anh không theo kịp diễn biến của sự việc này. "Sẽ ổn thôi", bố tôi bảo anh, cố cầm máu cho anh. "Sẽ ổn thôi, đừng cử động, sẽ ổn thôi". Carlton gật đầu và nắm lấy tay bố tôi. Mắt anh lóe lên một tia kinh ngạc. Mẹ tôi hét lên: "Không ai làm gì sao?". Máu chảy ra từ người Carlton trở nên thẫm hơn, gần như đen sì. Tôi đứng nhìn. Bố tôi cố giữ lấy cổ Carlton trong khi anh vẫn cố nắm tay ông. Tóc mẹ tôi

nhuộm máu. Máu chảy xuống mặt bà. Bạn gái Carlton ôm anh vào lòng, vuốt ve tóc anh, thì thầm vào tai anh.

Anh mất khi xe cấp cứu vừa tới. Bạn có thể thấy sự sống cạn kiệt dần trong anh. Khi khuôn mặt anh ngày càng nhợt nhạt, mẹ tôi đã khóc âm thầm. Một phần linh hồn bà bay đi, than khóc khắp căn nhà, nơi nó sẽ mãi mãi thét gào và cuồng nộ. Tôi cảm thấy mẹ tôi đi qua tôi trên đường bà ra ngoài. Bà che chở thi thể Carlton bằng chính tấm thân mình.

Anh được chôn ở nghĩa địa sau nhà. Nhiều năm trôi qua – chúng tôi đang sống ở tương lai, và hóa ra nó rất khác so với những gì chúng tôi đã dự định. Mẹ tôi đã tạo nên một cuộc sống tách biệt của riêng bà đằng sau cánh cửa phòng khách. Bố tôi khe khẽ gửi lời chào về phía cửa mỗi khi ông đi qua đó.

Một đêm tháng Tư, gần một năm sau ngày xảy ra tai nạn của Carlton, tôi nghe tiếng những bước chân thận trọng đang di chuyển trên sàn phòng khách lúc đã quá nửa đêm. Tôi hăm hở chạy ra, nghĩ đến những hồn ma, nhưng chỉ thấy bố tôi trong bộ pyjama màu bướm đêm. Ông do dự nhìn vào khoảng không tối đen trước mặt.

“Bố ơi”, tôi gọi từ ngưỡng cửa.

Ông nhìn về phía tôi. “Ơi?”

“Là con. Bobby đây.”

“Ồ, Bobby à”, ông nói. “Con đang làm gì thế, hả con trai?”

“Con chẳng làm gì cả”, tôi bảo ông. “Bố ơi?”

“Sao vậy con trai?”

“Có lẽ bố nên đi ngủ đi. Được không ạ?”

“Có lẽ thế”, ông nói. “Bố chỉ định ra ngoài này để uống nước thôi, nhưng có vẻ bố đã đi loay hoay trong bóng tối. Đúng, có lẽ bố nên làm theo lời con bảo.”

Tôi cầm tay ông và dẫn ông đi dọc hành lang về phòng ông. Chiếc đồng hồ quả lắc điểm mười lăm phút.

“Xin lỗi”, bố tôi nói.

Tôi đưa ông lên giường. “Thế”, tôi nói. “Được chưa ạ?”

“Tuyệt. Không thể tốt hơn”.

“Vâng. Chúc bố ngủ ngon.”

“Chúc con ngủ ngon. Bobby này?”

“Dạ?”

“Con ở lại một phút được không?” Ông nói. “Bố con mình có thể nói chuyện. Con thấy thế nào?”

“Được ạ”, tôi nói. Tôi ngồi bên mép đệm. Chiếc đồng hồ cạnh giường ông kêu tích tắc từng phút.

Tôi có thể nghe thấy tiếng thở khó nhọc của ông. Quanh căn nhà, màn đêm Ohio rộn lên tiếng côn trùng râm ran, rả rích. Ngón tay màu xám nhỏ bé trên bia mộ của Carlton nhô lên giữa những ngôi mộ khác, trong tầm nhìn của đôi mắt trắng trống rỗng của bức tượng thiên thần. Phía trên đầu chúng tôi, những chiếc máy bay và vệ tinh cứ nhấp nháy nhấp nháy. Ngay cả giờ này người ta cũng đang bay đến New York hoặc California, để tiếp tục cuộc sống liêu linh và sáng tạo.

Tôi ở lại cho đến khi bố tôi thiêm thiếp ngủ.

Bạn gái của Carlton đã chuyển đến Denver cùng gia đình một tháng trước. Tôi không bao giờ biết được chị đã thì thầm những gì với anh. Dù chị vẫn giữ được bình tĩnh một cách đáng phục trong suốt vụ tai nạn, nhưng chị đã suy sụp ngay sau đó. Chị đã khóc lóc rất thảm thiết tại đám tang của anh đến nỗi mẹ chị - một phiên bản già hơn và có mái tóc đỏ hơn của chị - phải đưa

chị đi. Chị bắt đầu đến gặp bác sĩ tâm lý ba lần một tuần. Mọi người, bao gồm cả bố mẹ tôi, nói rằng việc ôm một chàng trai chết trong tay ở độ tuổi đó là quá nặng nề với chị. Tôi biết ơn chị vì chị đã ôm anh trai tôi khi anh chết, nhưng tôi chưa bao giờ nghe thấy chị nhắc đến việc: dù chị đã phải trải qua một chuyện tồi tệ, nhưng ít ra chị vẫn sống và tiếp tục con đường của mình. Ít ra chị cũng bớt dần vật vì đã cố cảnh báo anh. Tôi có thể hiểu được nỗi đau phức tạp của chị. Nhưng chừng nào chị còn ở Cleveland, tôi không bao giờ nhìn thẳng vào mặt chị được. Tôi không thể nói đến những vết thương mà chị phải chịu đựng. Tôi thậm chí còn không thể viết nổi tên chị.

JONATHAN

Tháng Chín đó, học sinh lớp bảy chúng tôi được chuyển từ những trường cấp một rải rác đến ngôi trường cấp hai duy nhất, một tòa nhà khổng lồ xây bằng gạch màu vàng nhạt, tên trường được treo trên cổng chính với những chữ cái bằng nhôm cỡ gần một mét, trông sơ sài và lạnh lùng như những nỗi lo sâu kín của tôi về sự quản thúc ở bên trong đó. Tôi đã nghe những lời đồn đại: bốn tiếng làm bài tập về nhà mỗi tối, có những tiết phải học hoàn toàn bằng tiếng Pháp, những trận đánh nhau bằng dao cạo trong nhà vệ sinh. Đó là lúc tuổi thơ kết thúc.

Vào giờ ăn trưa của ngày đầu tiên, một cậu bạn với mái tóc sẫm, dài gần đến vai đứng sau tôi và bạn tôi, Adam, trong hàng người đang xếp hàng ở căng tin. Cậu ta trông thật rách rưới và có vẻ lêu lổng: một vật sinh ra từ trong lòng nguy hiểm của chính ngôi trường.

“Chào”, cậu nói.

Tôi không chắc liệu cậu đang nói với tôi, với Adam hay với ai khác gần đó. Mắt cậu, hơi đỏ và ướt, có vẻ như đang tập trung vào thứ gì đó hơi đáng ngạc nhiên đang lơ lửng gần chân chúng tôi.

Tôi gật đầu. Có vẻ đó là biểu hiện cho một thái độ cân bằng vừa phải, không quá hóm hỉnh mà cũng không có hăm hở. Tôi đã tự lập ra vài quyết tâm liên quan đến lối sống mới. Adam, cậu bạn tròn ủng, nghiêm chỉnh mà tôi quen từ hồi lớp hai, phỉ phỉ một vết bẩn vô hình trên chiếc áo sơ mi kẻ ô hồ cứng của cậu. Cậu là con trai của một người nhồi thú bông, và có cái tính ngờ vực quá già dặn đối với những người lạ.

Chúng tôi chậm chạp tiến dần lên trong hàng, tay cầm cái khay nhựa màu trắng.

“Quả là một nơi khủng khiếp nhỉ?” Cậu nói. “Ý mình là, ờ, các cậu ở đây bao lâu rồi?”

Câu này nhất định là nói với chúng tôi, dù ánh mắt cậu vẫn chưa ngược lên. Giờ tôi có cơ để nhìn vào cậu. Cậu có khuôn mặt vuông vắn điển trai, với cái mũi thon hơi chẻ ở đầu và một cái hàm bệnh đủ để gợi đến dòng máu Da đỏ. Môi và cằm cậu lún phún những sợi râu vàng hoe.

“Cả đời”, tôi nói.

Cậu trầm ngâm gật đầu, như thể tôi đã nói gì đó khó hiểu và đáng suy nghĩ.

Một thoáng trôi qua. Adam đã kết thúc cuộc đối thoại bằng cách lịch sự giả điếc. Tôi cố ra vẻ hờ hững. Sự im lặng ập đến và trải ra – một trong những sự im lặng dễ chịu, kéo dài, mở ra trong những cuộc đối thoại bất ngờ với người lạ và cho phép tất cả các thành viên quay lại, nguyên vẹn, với cuộc sống quen thuộc của họ. Adam rõ ràng đã chuyển sự chú ý về phía trước hàng người, như thể điều gì đó thú vị và chưa từng có đang diễn ra ở đó.

Nhưng rồi, quên mất cái quyết tâm của mình, tôi lại rơi vào một thói quen từ lối sống cũ, một trong những khuyết điểm của bản thân mà tôi đã thề là phải từ bỏ.

Tôi bắt đầu huyền thuyên.

“Ý mình là, nơi đây quả thực khủng khiếp, cậu có nghĩ thế không?” Tôi nói. “Cho đến giờ mọi chuyện vẫn khá là dễ dàng, ý mình là vì bọn mình là *trẻ con*. Mình không biết trước đây cậu học trường nào, nhưng ở trường Fillmore, bọn mình vẫn có giờ giải lao, nghĩa là những giờ nghỉ để *ăn nhẹ* ấy, còn bây giờ, ừm, ở đây có những kẻ có thể tóm gọn đầu mình trong lòng bàn tay. Mình vẫn chưa vào nhà vệ sinh, nhưng mình nghe nói có những đứa lớp tám đang chờ sẵn

trong đó để đợi bọn lớp bảy vào, và nếu tóm được đứa nào chúng sẽ dốc ngược chân nó lên và ấn đầu nó vào bồn cầu. Cậu đã nghe về điều đó chưa?”

Adam sốt ruột bứt một sợi xơ vải khỏi cổ áo. Tai tôi nóng lên.

“Ồ, chưa hề”, một lúc sau, người lạ nói. “Mình chưa nghe thấy điều gì như thế cả. Mình đã hút một điếu cần sa trong phòng vệ sinh trước tiết ba, và mình chẳng bị làm sao cả.”

Giọng cậu không có vẻ gì là giễu cợt. Lúc đó chúng tôi đã tới bàn chia đồ ăn, nơi một phụ nữ mặt đỏ gay đang chia món mỳ ống hầm bằng một cái muỗng múc kem.

“Vậy thì có lẽ lời đồn đó không đúng đâu”, tôi nói. “Nhưng cậu biết đấy, đây là một nơi lộn xộn. Năm ngoái ở đây có một đứa trẻ bị giết đấy.”

Adam nhìn tôi sốt ruột, như thể tôi là một vết bẩn mới không hiểu sao lại xuất hiện trên mặt trước chiếc áo sơ mi của cậu. Tôi đã từ bỏ quyết tâm thứ hai của mình. Tôi không chỉ huyền thuyên mà còn đang bắt đầu bị chuyện.

“Vậy sao?” Người lạ nói. Có vẻ cậu thấy lời khẳng định của tôi là thú vị nhưng không đặc biệt lắm. Cậu mặc cái áo công nhân màu xanh đã bạc màu và một cái áo khoác da màu nâu, tay áo thông xuống những cái tua bẩn thỉu.

“Đúng vậy”, tôi nói. “Một học sinh mới, lớp bảy. Chuyện đó đã được đăng trên tất cả các báo. Cậu ta, ờ, hơi béo. Và hơi ngốc. Cậu ta xách một cái ca táp, và có một sợi dây đeo kính bằng chun màu đen. Đại khái là, cậu ta xuất hiện ở đây và nhóm học sinh lớp tám bắt đầu chọc ghẹo cậu ta. Ban đầu nó chỉ là, cậu biết đấy, sự trêu chọc thông thường, và có lẽ chúng sẽ chán và để cậu ta yên nếu cậu ta đủ thông minh để biết đường im miệng lại. Nhưng cậu ta lại quá nóng tính. Và chúng càng trêu chọc thì cậu ta càng tức điên lên.”

Chúng tôi di chuyển theo hàng, chất lên khay những cái bát nhỏ đựng ngô hạt, những hộp sữa và những miếng bánh màu vàng nhạt phủ lớp kem màu vàng. Chúng tôi tự động ngồi xuống cùng nhau, không cần thỏa thuận trước, đơn giản vì câu chuyện về cậu bé bị giết vẫn chưa kết thúc. Tôi kéo dài câu chuyện hầu như suốt giờ ăn trưa. Tôi không bỏ qua chi tiết nào về những trò bắt nạt ngày càng tăng của nhóm học sinh lớp tám đó – chúng đã lấy cặp kính, bỏ những quả pháo anh đào [\[16\]](#) vào ngăn tủ để đồ, và nhét con mèo chết vào ca táp của cậu – hay sự tức giận đầy bất lực và ngày càng gia tăng của cậu bé bất hạnh. Adam lúc thì nghe tôi lúc lại nhìn chằm chằm vào những người ngồi ở bàn khác, với sự thẳng thừng không e ngại của một người tin rằng sự quan trọng của mình đã biến mình thành vô tình. Chúng tôi đã ăn xong món mỳ ống và món ngô, bắt đầu ăn bánh trước khi nạn nhân trả thù, với hình thức là một sợi dây được căng ra gần như vô hình, cao đến cổ, ngang qua con đường mòn mà những học sinh lớp trên hay bắt nạt cậu thường cười những chiếc xe đạp bẩn thỉu qua. Chúng tôi ăn xong món tráng miệng vào lúc cậu làm hỏng việc – cậu đã không buộc chặt sợi dây vào những gốc cây – và trên đường về lớp để học tiết tiếp theo trước khi cảnh sát tìm thấy cậu nổi lênh phênh trong một cái giếng, trên cặp kính mới của cậu vẫn còn chiếc dây chun màu đen.

Ba người chúng tôi đi cùng nhau đến lớp học môn Toán của Adam và tôi. Cậu và tôi đã bàn trước với nhau là sẽ học chung càng nhiều môn càng tốt. Tôi kết thúc câu chuyện ở cửa lớp.

“Này, cậu”, người lạ nói. Cậu lắc đầu, và không nói gì nữa.

“Tên mình là Jonathan Glover”, tôi nói.

“Mình là, ừm, Bobby Morrow.”

Sau một thoáng, Adam nói: “Adam Bialo?” như thể không chắc liệu một cái tên như thế có thể tin nổi không. Từ này tới giờ, đây là lần đầu tiên cậu mở miệng.

“Thôi gặp cậu sau nhé”, tôi nói.

“Ừ. Mình sẽ gặp cậu sau.”

Cho đến khi cậu bước đi tôi mới thấy con mắt màu xanh đã bạc màu được thêu trên lưng áo khoác của cậu.

“Kỳ cục”, Adam nói.

“Ừ.”

“Mình nghĩ cậu đừng nói dối thêm nữa”, cậu nói. “Mình nghĩ cậu đã thề rồi cơ mà.”

Thực ra thì chúng tôi đã cùng thề với nhau. Tôi sẽ từ bỏ việc bịa chuyện, còn cậu phải ngừng việc kiểm tra những gì chưa hoàn chỉnh trên quần áo.

“Đó là một câu chuyện kể thôi mà. Đó không hẳn là nói dối.”

“Kỳ cục”, cậu nói. “Cậu sắp kỳ cục như cậu ta rồi đấy.”

“Ờ”, tôi đáp, với một sự thỏa mãn nào đó. “Mình nghĩ có lẽ đúng là thế đấy”.

“Mình cho là thế”, cậu nói. “Không nghi ngờ gì nữa”.

Chúng tôi đứng đó một lúc, dõi theo con mắt thêu trên áo của người lạ lùi xa dần tén hành lang màu bánh quy. “Kỳ cục”, Adam lặp lại, giọng cậu có vẻ căm phẫn thực sự, một sự kiên quyết khó lay chuyển trong cái trách nhiệm xã hội bền bỉ là phải luôn tuân thủ những quy tắc về sự sạch sẽ và tính khiêm tốn. Một trong những sức hút của Adam chính là cái phẩm chất của một người bạn tri kỷ tuy phiền phức nhưng về cơ bản là có thiện ý đấy. Lối sống thờ ơ, lảng tránh của cậu khiến tôi có vẻ kỳ lạ hơn bình thường; khi làm bạn với cậu, tôi có thể là một đứa liều lĩnh. Khi tôi ghi chép những cuộc phiêu lưu nhẹ nhàng của chúng tôi trong đầu, tôi cho Adam đóng vai một người lai giữa Becky Thatcher[17] và Sancho Panza[18], trong khi tôi là Huck, Tom và Nancy Drew[19] kết hợp với nhau. Adam coi một cuộc đi “tắm trường” hay một thanh kẹo ăn cắp là những thứ đã chạm đến giới hạn, những giới hạn mà tôi sẽ quá đổi vui sướng khi vượt qua. Cậu đã giúp tôi nhận ra lý tưởng lãng mạn của chính tôi, dù gần đây tôi bắt đầu nghi ngờ rằng những hành động phiêu lưu tội lỗi của chúng tôi là hết sức tầm thường, và rằng Adam sẽ không còn cùng tôi kẻ vai sát cánh thêm nữa.

Ngày hôm sau, Bobby đã chờ sẵn chúng tôi vào giờ ăn trưa. Hay, đúng hơn là, cậu đã tìm được cách xuất hiện cạnh chúng tôi trong hàng một lần nữa. Cậu đặc biệt có tài trong việc truyền tính ngẫu hứng vào trong những hành động của mình – cuộc đời cậu, nhìn từ xa, có vẻ không hơn gì một chuỗi những sự trùng hợp ngẫu nhiên. Cậu không tỏ ra có một ý định rõ ràng nào. Tuy vậy, không hiểu sao, cậu lại tiếp tục đứng trong cùng một hàng với chúng tôi.

“Chào”, cậu nói. Hôm nay mắt cậu thậm chí còn đỏ hơn, lơ đãng và ướt át hơn.

“Chào”, tôi nói. Adam cúi xuống để bút một sợi chỉ bị sút khỏi gấu quần nhưng kẻ sọc.

“Ngày thứ hai rồi đấy”, Bobby nói. “Chỉ còn phải trải qua một nghìn năm trăm ngày nữa thôi. Ài chà.”

“Có thực là chúng ta chỉ còn một nghìn năm trăm ngày đi học nữa thôi không?” Tôi hỏi. “Ý mình là, có phải cậu đã tính toán hẳn hoi không?”

“Đúng”, cậu nói. “Mà du di đi một chút.”

“Tổng cộng là thế, đúng không? Hai năm ở đây, bốn năm cấp ba và bốn năm đại học. Chúa ơi. Một nghìn năm trăm ngày.”

“Mình không tính *đại học* đâu cậu ơi.” Cậu cười, như thể ý nghĩ về đại học là to tát và hơi kỳ cục – như một ảo tưởng của tên thực dân về những bộ đồ uống trà bằng bạc lấp lánh trong rừng rậm.

“Ờ, đúng thế”, tôi nói.

Một lần nữa, sự im lặng lại bao trùm. Một lần nữa, bất chấp sự tập trung mãnh liệt của Adam về phía trước hàng người – nơi người phụ nữ mắt đỏ gay đang mức vài thứ hình tam giác màu nâu trong nước xốt cũng màu nâu nốt – tôi bắt đầu kể một câu chuyện. Ngày hôm nay, tôi kể về một loại trường đại học thực nghiệm mới, trường dạy sinh viên những điều họ cần biết để tồn tại trên đời này: cách để đi lại mà không tốn nhiều tiền, cách để chơi những điệu nhạc blue bằng dương cầm và nhận ra tình yêu đích thực. Đó không hẳn là một câu chuyện – tôi chỉ là một kẻ nói dối vừa đủ, không phải là một kẻ xuất sắc. Kỹ thuật thêu dệt của tôi liên quan nhiều đến tính kiên trì hơn là cảm hứng. Tôi bịa chuyện theo cách Groucho Marx[20] kể chuyện tiểu lâm, chồng chất từng chuyện lên nhau với hy vọng rằng chỉ riêng sự kéo dài đó sẽ làm cho toàn bộ câu chuyện trở nên đáng tin hơn.

Bobby say mê lắng nghe, không một lời thắc mắc. Cậu không khẳng khẳng bóc mẽ sự khác biệt giữa những gì có thể tin nổi và những gì vô lý. Qua thái độ của cậu, tôi nhận thấy rằng tôi coi bất kỳ tiết lộ nào của tôi – từ những nửa quả đào nhúng xi rô ở căng tin đến câu chuyện tôi kể về một trường đại học yêu cầu các sinh viên của mình phải sống một tuần ở thành phố New York mà không có đồng nào trong người – điều kỳ lạ và thú vị như nhau. Vào lúc đó, tôi hoàn toàn không biết gì về những ảnh hưởng của việc hú hơn bốn điều cần sa một ngày.

Tất cả những gì cậu làm là lắng nghe, cười mơ hồ và thỉnh thoảng lại chêm vào “À” hay “Chà”.

Một lần nữa, cậu lại ngồi ăn cùng chúng tôi. Một lần nữa, cậu lại đi cùng chúng tôi đến lớp học Toán.

Khi cậu đi khuất, Adam nói: “Ngày hôm qua mình đã nhầm. Cậu còn *kỳ cục* hơn cả cậu ta nữa kia.”

Adam và tôi mất chưa đến một tháng để nhận ra rằng tình bạn của chúng tôi giờ chỉ còn là một ký ức thời thơ ấu. Chúng tôi đã cố gắng lôi kéo tình bạn đó theo vào tương lai cùng mình, bởi vì chúng tôi tuy xung khắc với nhau nhưng cũng thật sự yêu quý nhau. Chúng tôi đã kể cho nhau nghe những bí mật, cùng nhau thề thốt. Tuy nhiên, đã đến lúc chúng tôi tách nhau ra. Một buổi chiều, khi tôi gợi ý rằng chúng tôi nên ăn cắp đĩa hát mới của Neil Young^[21] ở cửa hàng băng đĩa, cậu nhìn tôi với vẻ coi thường của một nhân viên kế toán thuế, không hẳn vì sự không trung thực của tôi lúc đó mà vì toàn bộ cuộc sống bừa bãi, tùy tiện mà tôi đã tự tạo ra cho mình. “Cậu thậm chí còn chưa bao giờ *nghe* Neil Young mà”, cậu nói. “Ồi dào”, tôi nói và rời bỏ tầm ảnh hưởng của những thói quen thận trọng, trật tự của cậu để đến gần một nhóm học sinh cấp ba tóc dài đang nói chuyện về Jimi Hendrix^[22], người tôi chưa bao giờ nghe tới. Tôi đã ăn cắp đĩa *Electric Ladyland* sau khi Adam, với một tiếng thở dài ngao ngán, bước ra khỏi cửa hàng.

Chúng tôi không tách nhau hoàn toàn mà không có sự ghen ghét hay buộc tội lẫn nhau. Tôi có ngay một người bạn mới còn cậu thì không. Cuộc nói chuyện cuối cùng của chúng tôi diễn ra ở bến xe buýt trước khi đến trường vào một buổi sáng tháng Mười ấm áp. Nắng thu tỏa xuống từ trên vòm trời xanh ngát, đây đó lơ lửng một đám mây trông mập mạp và dày đặc như thể nó chứa đầy sữa. Tôi ra hiệu cho Adam tách ra khỏi đám trẻ khác đang đợi xe buýt và cho cậu xem tôi đã mang theo cái gì: hai viên thuốc màu vàng nhạt tôi lấy trộm trong tủ thuốc của mẹ tôi.

“Chúng là cái gì thế?” Cậu hỏi.

“Trên nhãn của cái chai ghi là Valium.”

“Đó là gì?”

“Mình không biết”, tôi nói. “Mình nghĩ đó là một loại thuốc an thần. Đây. Hãy thử một viên và xem nó có tác dụng ra sao nào.”

Cậu nhìn tôi với vẻ khó hiểu. “Uống viên thuốc này à?” Cậu nói. “Uống luôn bây giờ á?”

“Này, này”, tôi thì thào. “Nói nhỏ thôi.”

“Uống một viên rồi đến trường à?” Cậu hỏi, cao giọng hơn.

“Đúng”, tôi nói. “Uống đi.”

“Bọn mình còn không biết nó sẽ có tác dụng như thế nào cơ mà.”

“Đây là một cách để tìm hiểu đấy. Nào. Mẹ mình vẫn uống chúng mà, làm sao mà chúng có hại được?”

“Nhưng mẹ cậu bị bệnh”, cậu nói.

“Mẹ mình chẳng bệnh tật gì hơn ai cả”, tôi bảo cậu. Những viên thuốc màu vàng, có hình đĩa với kích cỡ bằng đầu móng tay, nằm yên trong lòng bàn tay tôi, phản chiếu ánh sáng ngoại ô. Để kết thúc cuộc tranh cãi, tôi nhón lấy một viên và nuốt chửng.

“Kỳ cục”, Adam buồn bã nói. “Kỳ cục.” Cậu quay đi và đến đứng với những người khác đang

chờ xe buýt. Lần tiếp theo chúng tôi nói chuyện với nhau là mười hai năm sau, khi cậu xuất hiện cùng vợ trong ánh đèn đỏ mờ mờ của quán bar trong một khách sạn ở New York. Cậu đã kể cho tôi nghe về nghề giặt tẩy của cậu, chuyên về những công việc khó nhất: những chiếc váy cưới, đăng ten cổ và những tấm thảm gần như đã chung sống với bụi bặm trong suốt mười thập kỷ. Thực sự thì cậu có vẻ khá mãn nguyện.

Tôi nhét viên thuốc thứ hai trở lại túi và trải qua buổi sáng trong một cảm giác lâng lâng mơ màng hợp với thời tiết khi đó. Tôi thấy Bobby trong giờ ăn trưa, chúng tôi cười và chào nhau. Tôi đưa viên thuốc lẽ ra là của Adam cho cậu. Cậu nhận nó, nhét vào mồm với vẻ cảm kích giản đơn, không hề thắc mắc. Ngày hôm đó tôi không kể chuyện gì cả, tôi hầu như không nói gì. Tôi nhận ra rằng khi ngồi yên lặng bên cạnh tôi, Bobby cũng thấy thú vị như lúc cậu nghe tôi nói chuyện vậy.

“Mình thích đôi giày đó”, tôi nói trong lần đầu cậu ngồi trên sàn phòng ngủ của tôi, tay cuốn một cuốn cần sa. “Cậu kiếm chúng ở đâu thế? Hay là, chờ chút, mình không nên hỏi thế, đúng không? Dù sao đi nữa, mình nghĩ đôi giày của cậu rất tuyệt.”

“Cảm ơn”, cậu nói, thành thạo dùng lưỡi nhấp nước bọt để giấu cuốn cần sa. Trước đây tôi chưa bao giờ hút cần sa, nhưng tôi tuyên bố rằng tôi vẫn dùng nó đều đặn từ hồi mười một tuổi.

“Có vẻ là loại ngon nhỉ”, tôi nói về cái túi bóng đựng đầy cần sa nửa vàng nửa xanh mà cậu đã cuốn, được nhét trong túi áo khoác của cậu.

“Ờ, nó... cậu biết đấy... cũng được”, cậu vừa nói vừa châm thuốc. Trong những câu nói ngắt quãng ấy không hề có chút coi thường nào, chỉ là một vẻ ngáp ngừng và bối rối. Ở cậu có vẻ dè dặt của một người bị mất trí nhớ đang cố gắng hồi tưởng lại điều gì.

“Mình thích mùi này”, tôi nói. “Mình nghĩ mình nên mở cửa sổ. Phòng khi mẹ mình vào.”

Tôi tự nhiên cho rằng chúng tôi cần những kẻ địch chung trong hình dạng của chính phủ Mỹ, trường học và bố mẹ tôi.

“Mẹ cậu tốt nhỉ”, cậu nói.

“Mẹ mình cũng được”.

Cậu đưa cuốn cần sa cho tôi. Dĩ nhiên tôi cố hút nó với vẻ chuyên nghiệp, thanh nhã. Nhưng ngay hơi đầu tiên tôi đã ọe khan quá mạnh đến nỗi gần như nôn mửa.

“Nó khá nặng đấy”, cậu nói. Cậu lấy lại cuốn cần sa, rít một hơi duyên dáng và trao lại cho tôi mà không bình luận gì thêm. Tôi lại bị nghẹt thở, và sau khi đã hồi phục, cuốn thuốc lại được chuyển sang cho tôi lần thứ ba, như thể tôi thành thạo hết như tôi đã giả vờ. Lần thứ ba tôi làm khá hơn một chút.

Và thế là, không nhận ra sự thiếu kinh nghiệm của tôi, Bobby đã bắt đầu dạy tôi thói quen nghiện ngập ở độ tuổi đó.

Chúng tôi ở bên nhau suốt ngày. Đó là kiểu tình bạn hấp tấp, vội vàng thường gặp ở những người còn trẻ, cô đơn và tham vọng. Dần dần, từng chút một, Bobby mang đến những đĩa hát, áp phích và quần áo của cậu. Chúng tôi chỉ về nhà cậu trong chốc lát, đủ để tôi biết cậu đang trốn tránh khỏi thứ gì: một mùi chua chua thiu thiu của đồ vải bẩn chưa giặt và thức ăn để lâu, một ông bố bỏ từ phòng này sang phòng khác với sự thận trọng quá mức do say xỉn. Bobby ngủ trong một cái túi ngủ trên sàn phòng tôi. Trong bóng tối, tôi nằm nghe tiếng cậu thở. Thi thoảng cậu ú ớ rên rĩ trong những giấc mơ.

Khi thức dậy vào buổi sáng, cậu thường nhìn quanh với vẻ ngạc nhiên, rồi nhận ra mình đang ở đâu và mỉm cười. Ánh nắng xiên vào ô cửa sổ biến chòm lông trên ngực cậu từ màu hoàng kim sang màu đồng.

Tôi mua cho mình một đôi giày giống của cậu. Tôi bắt đầu để tóc dài.

Dần dần, cậu bắt đầu nói năng trôi chảy hơn. “Mình thích ngôi nhà này”, cậu nói vào một

buổi tối mùa đông khi chúng tôi đang ngồi nhàn rỗi trong phòng tôi, hút ma túy và nghe nhạc của the Doors. Những bông tuyết tấp vào ô cửa kính, quay cuồng trên con phố vắng yên tĩnh. The Doors đang hát bài *L.A. Woman*.

“Một ngôi nhà như thế này có giá bao nhiêu nhỉ?” Cậu hỏi.

“Chắc là không đắt lắm đâu”, tôi nói. “Nhà mình cũng chẳng giàu có gì mà.”

“Mình muốn mai sau sẽ có một ngôi nhà như thế này”, cậu nói, khi đưa tôi điếu cần sa.

“Không phải chứ”, tôi bảo cậu. Trong đầu tôi đang nghĩ đến những điều khác.

“Thật đấy”, cậu nói. “Mình muốn thế mà. Mình thích nơi này.”

“Cậu đâu thực sự muốn”, tôi nói. “Cậu chỉ nghĩ thế vì cậu đang phê thôi.”

Cậu rít một hơi cần sa. Cậu có một kiểu hút ma túy thanh lịch gần như yếu điệu, kẹp điếu cần sa bằng ngón cái và ngón giữa. “Vậy thì mình sẽ phê suốt ngày”, cậu nói khi nhả khói ra. “Rồi mình sẽ luôn thích ngôi nhà này cũng như Cleveland và tất cả mọi thứ, như chính bản thân nó bây giờ.”

“Chà, đó cũng là một cách sống”, tôi đáp.

“Cậu không thích ngôi nhà này sao?” Cậu hỏi. “Cậu nên thích nó mới phải. Cậu không biết cậu có gì ở đây đâu.”

“Những gì mà mình có ở đây”, tôi nói, “là một người mẹ hỏi mình câu đầu tiên vào buổi sáng là mình muốn ăn gì vào bữa tối, và một người cha hiếm khi rời bỏ rạp chiếu phim của ông.”

“Đúng vậy, anh bạn”, cậu nhe răng cười.

Căng tay cậu, với cổ tay to và bao phủ bởi lớp lông màu vàng, đặt ngẫu hứng lên đầu gối. Nó chỉ nằm đó, như thể nó chẳng có gì đặc biệt.

Tôi tin rằng tôi biết thời điểm khi sự quan tâm của tôi chuyển thành tình yêu. Một đêm đầu xuân, Bobby và tôi đang ngồi trong phòng tôi, nghe nhạc của the Grateful Dead. Đó là một đêm bình thường trong cuộc đời đầy biến động của tôi. Bobby đưa cho tôi điếu cần sa, và sau khi tôi nhận nó, cậu rút tay lại và nhìn vào một cái nốt ruồi màu nâu đỏ bên dưới cổ tay trái của cậu. Mặt cậu hơi lộ vẻ hoài nghi - ở tuổi mười ba cậu đã biết rõ về cơ thể mình, rõ ràng cậu đã bỏ sót cái nốt ruồi đặc biệt đó dù tôi đã thấy nó nhiều lần, một sự rối loạn sắc tố hơi lệch tâm nằm trên một cái chạc tĩnh mạch. Cái nốt ruồi đó khiến cậu ngạc nhiên. Tôi ngờ rằng cậu thấy hơi sợ khi nhận ra cơ thể mình có gì kỳ lạ. cậu sờ vào cái nốt ruồi, tò mò, bằng ngón trỏ của bàn tay phải, và mặt cậu cau kinh thấy rõ, như một đứa bé. Khi cậu lo lắng về cái khiếm khuyết nhỏ đó, tôi nhận thấy rằng cậu sống trong cơ thể cậu một cách trọn vẹn, đây ngạc nhiên pha lẫn bối rối giống hệt như cách tôi cảm nhận về bản thân mình. Trước đó tôi vẫn tin rằng - dù tôi chưa bao giờ thú nhận điều này, ngay cả với chính tôi - tất cả những người khác đều không thực bằng tôi; cuộc đời họ là một giấc mơ tạo nên từ những hình ảnh và cảm xúc tương tự như những bức ảnh: riêng biệt và rõ ràng, hiển nhiên, đơn điệu. Cậu nhẹ nhàng sờ vào cái nốt ruồi trên cổ tay, với đôi chút sợ hãi. Đó là một cử chỉ nhỏ. Quan sát cử chỉ đó giống như là trông thấy ai đó đang kiểm tra đồng hồ và biểu lộ sự ngạc nhiên trước giờ giấc. Nhưng trong khoảnh khắc, tôi đã nhìn thấy Bobby. Tôi có thể trông thấy cậu - cậu đang ở *bên trong* cơ thể đó. Cậu bước vào thế giới này với tâm trạng hoang mang, cảm thấy sợ hãi và kinh ngạc khi vẫn còn sống ở đây, ngay tại nơi này, trong một căn phòng ngủ có tường ốp bằng gỗ ván thông.

Rồi khoảnh khắc đó qua đi và tôi phải đối mặt với một thứ gì đó. Sau đêm đó - một đêm thứ Ba - tôi không thể, ngay cả khi tôi mong muốn, quay lại với cái trạng thái không phải nghĩ và mơ về Bobby. Ý thức về tính thực tại trong mọi phẩm chất của Bobby ngày càng lớn dần lên trong tôi, và tôi không thể ngừng băn khoăn, từng giờ từng phút, cảm giác thật sự khi ở bên trong da thịt cậu là như thế nào.

Đêm này qua đêm khác, chúng tôi lang thang trên phố như những điệp viên. Chúng tôi kết bạn với một gã lang thang tên là Louis, kẻ sống trong một cái thùng dương cầm và mua cho chúng tôi những chai rượu vang đỏ để đổi lấy thức ăn mùa chúng tôi lấy trộm từ bếp của mẹ

tôi. Chúng tôi trèo lên những nóc nhà ở khu trung tâm qua lối thoát hiểm vì cảm giác mới lạ khi được đứng trên một điểm cao. Chúng tôi dùng ma túy tổng hợp và đi lang thang hàng giờ qua một bãi phế thải, nó lấp lánh như một mỏ kim cương, với vô số những hang động, những ánh sáng kỳ lạ và những cao nguyên lung linh ánh trắng bằng bạc mà tôi cố hứng bằng tay. Chúng tôi đi nhờ xe đến Cincinnati để xem liệu chúng tôi có thể đến đó và quay trở về trước khi bố mẹ nhận ra rằng chúng tôi mất tích không.

Một lần, vào một đêm thứ Năm, Bobby dẫn tôi đến nghĩa địa nơi anh trai và mẹ cậu được chôn cất. Chúng tôi ngồi trên mộ họ, chuyền tay nhau một điếu cần sa.

“Cậu biết không”, cậu nói, “mình không sợ nghĩa địa đâu. Người chết nghĩa là, những người từng muốn những thứ mà cậu và mình cũng muốn thôi”.

“Bọn mình muốn gì nhỉ?” Tôi mơ hồ hỏi.

“Ôi, Chúa ơi, cậu biết đấy”, cậu nói. “Bọn mình muốn, ờ, những thứ tương tự như những người ở đây đã muốn.”

“Đó là gì?”

Cậu nhún vai. “Muốn sống, mình nghĩ vậy”, cậu nói.

Cậu miết những ngón tay lên đám cỏ. Cậu đưa tôi điếu cần sa đã bị ướt vì nước dãi của cả hai chúng tôi, và tôi phả một luồng khói trắng lên trời, nơi cụm sao Thất Nữ đang lung linh, nhấp nháy. Cleveland tỏa lên thứ ánh sáng nhỏ nhoi của nó – được phát ra từ những chiếc ti vi và đèn chụp. Một chiếc ô tô phóng qua, để lại trong màn đêm lạnh lẽo vài nhịp của bài *Helter Skelter*.

Tháng Tư đến. Đó chưa phải là mùa đi bơi, nhưng tôi cứ đòi đến mỏ đá ngay khi những mảng tuyết đọng đã biến mất không còn dấu vết. Tôi biết chúng tôi sẽ đi bơi mà không mặc gì cả. Tôi không thể chờ đợi thêm nữa.

Đó là một ngày xuân bất chợt hiện ra từ tiết đông giá kéo dài, với bầu trời trong như tuyết tan. Những bông hoa cuống dày và chịu được rét đầu tiên đã nhú lên khỏi mặt đất. Mỏ đá, nằm cách thành phố chúng tôi ba dặm, phản chiếu bầu trời trên một bề mặt tối sẫm và bất động như đá vỏ chai. Ngoài một con bò màu nâu nhạt lững thững từ trên đồng cỏ xuống uống nước ở chỗ nông, Bobby và tôi là những thực thể sống duy nhất ở đó. Có vẻ như chúng tôi đã đi nhờ xe đến một cái hồ băng cheo leo trên dãy Himalaya.

“Đẹp thật”, cậu nói. Chúng tôi chuyền tay nhau điếu cần sa. Một con chim giẻ cùi màu xanh lơ ra, với tiếng kêu chói tai đầy nghi vấn, từ một caayaafn bì vẫn đang nảy lộc.

“Bọn mình phải bơi thôi”, tôi nói. “Bơi đi.”

“Vẫn còn lạnh lắm”, cậu nói. “Ôi trời, nước vẫn còn đóng băng kia mà.”

“Dù sao thì chúng ta vẫn phải bơi. Đi nào. Đây là lần đi bơi chính thức đầu tiên của mùa hè này. Nếu bọn mình không bơi ngày hôm nay, ngày mai trời sẽ đổ tuyết tiếp đấy.”

“Ai bảo cậu thế?”

“Tất cả mọi người đều biết điều đó. Đi thôi nào.”

“Có lẽ thế”, cậu nói. “Nhưng mà vẫn lạnh khiếp đi được.”

Lúc đó chúng tôi đã đến bờ sỏi, chỗ được coi là bãi tắm, nơi con bò, nghiêm nghị đứng ở mép nước, nhìn chúng tôi chằm chằm với đôi mắt đen nhánh. Mỏ đá này có hình móng ngựa gồ ghề, với những vách đá vôi lỏm chỏm nhô ra theo hình bán nguyệt và rồi thụt lại về phía bãi tắm.

“Ít ra thì trời cũng không quá lạnh”, tôi nói với Bobby. “Giống như là đang ở Bermuda vào thời điểm này trong năm vậy. Xem mình này.”

Bị thôi thúc bởi mối e ngại của tôi rằng ngày hôm đó chúng tôi sẽ không làm gì ngoài việc hút cần sa, vẫn mặc nguyên quần áo, bên cạnh một vùng nước thăm, tôi bắt đầu leo lên con dốc trải đá phiến sét dẫn đến rìa vách đá cao nhất. Những vách đá gần hơn cao chưa tới sáu mét, và vào mùa hè những người đi bơi liều lĩnh thường lao từ trên đó xuống làn nước sâu. Tôi thậm

chỉ còn chưa bao giờ nghĩ đến việc lao mình từ trên một vách đá xuống. Tôi không hề can đảm chút nào. Nhưng hôm đó, với đôi giày cao bồi vẫn còn bó chặt vào chân, tôi bò lên con dốc dẫn đến thềm đá vôi nứt nẻ, đây đó nhú lên những bông nghệ tây màu vàng nhạt.

“Trên này là mùa hè đấy”, tôi hét lên với Bobby, người đang đứng một mình trên bãi, tay khum khum cầm điệu cần sa. “Lại đây”, tôi hét to. “Đừng lấy ngón tay thử nước nữa, hãy lên đây và bọn mình sẽ lao xuống. Bọn mình phải làm thế.”

“Không đâu, Jon”, cậu gọi. “Quay lại đi.”

Lúc đó, tôi bắt đầu cởi quần áo trong một trạng thái hồ hởi, kích động quá mức. Đây là một Jonathan liều lĩnh, can đảm hơn, đứng cheo leo trên một vách đá ẩm áp, thoát ý trước cái nhìn ngờ ngác của một con bò đang uống nước.

“Jon”, Bobby gọi, khẩn trương hơn.

Khi cởi áo rồi đến giày và tất, tôi cảm thấy một sự tự do mới mẻ mà trước đây tôi chưa bao giờ biết đến. Cảm giác đó lớn dần khi từng mảng da thịt được tiếp xúc với ánh nắng và khí trời rục rịch, mát mẻ. Tôi có thể cảm thấy người mình nhẹ bẫng, hụt hẫng, với mỗi mảnh vải mà tôi trút bỏ. Tôi hấp tấp cởi quần jean và quần đùi, rồi đứng đó một lúc, gầy nhẳng lỏa lồ, phóng túng, bao bọc trong ánh dương giá lạnh.

“Xem đây”, tôi hét lên.

Bobby, ở phía xa bên dưới, nói: “Này, cậu, không...”

Và vì Bobby, vì cuộc đời mới của tôi, tôi lao người xuống.

Một mảnh băng vẫn còn nổi trên mặt nước, không hơn gì một tấm màng mỏng, vô hình, cho đến khi tôi va vào nó. Tôi nghe thấy tiếng lắc rắc khe khẽ, cảm thấy băng vỡ ra khi quanh mình, và rồi thân thể bị quăng vào cái lạnh không ngờ, lạnh đến mức khiến tôi ngừng thở và có vẻ, trong một lúc lâu, còn làm tim tôi ngừng đập nữa. Da thịt tôi đột ngột co rúm lại, dính sát vào tận xương trong nỗi hoảng hốt bản năng, và tôi nghĩ, với một sự rõ ràng tuyệt đối, rằng tôi đã chết. Chết là như thế này đây.

Rồi tôi thấy mình nổi lên trên mặt nước, va vào băng lần thứ hai. Sự tỉnh táo dần dần trôi tuột khỏi cơ thể, nổi lên, và khi hồi tưởng lại tôi có một ấn tượng rõ rệt về việc thấy mình đang bơi vào bờ, thở hỗn hển, phổi siết chặt như nắm đấm, mảnh băng vỡ tan với mỗi cú khoát tay, bắn những mảnh vụn lóng lánh như kim cương lên không trung.

Bobby lội xuống tới đùi để kéo tôi lên. Tôi vẫn nhớ hình ảnh chiếc quần jean ướt sũng dính chặt vào ống chân cậu. Tôi còn nhớ mình đã nghĩ rằng giày của cậu sẽ bị hỏng.

Phải mất một lúc nữa đầu óc tôi mới tỉnh táo để nhận ra cậu đang mắng tôi, ngay cả khi cậu giúp tôi lên khỏi mặt nước.

“Chết tiệt”, cậu thét lên, và miệng cậu kề sát tai tôi. “Ôi, đồ chết tiệt. *Chết tiệt.*”

Tôi còn mãi thở hồng hộc, không đáp nổi lời nào. Cậu dìu tôi lên bờ sỏi trước khi thả tôi ra và chửi rửa tôi không tiếc lời. Điều tốt nhất tôi có thể làm là đứng đó, thở hỗn hển và run lập cập, khi cậu quát tháo.

Ban đầu cậu cứ đi đi lại lại theo đúng một kiểu, như thể chạm đến hai điểm mốc vô hình cách nhau ba mét, thét lên: “Đồ khốn kiếp, đồ ngu ngốc khốn kiếp”. Khi cậu quát mắng, khoảng cách giữa hai điểm mốc cứ rút ngắn dần lại, cho đến khi cậu chỉ còn luẩn quẩn trong những vòng nhỏ hẹp, theo mẫu của một cái lò xo xoắn. Mặt cậu đỏ gay. Cuối cùng cậu dừng bước, nhưng vẫn xoay người, ba lần, như thể cái lò xo vẫn đang xoắn lại bên trong cậu. Lúc đó cậu chưa ngừng quát tháo. Cậu thôi không gọi tôi là đồ khốn kiếp nữa, mà chuyển sang những ngôn từ tôi không hiểu nổi, một chuỗi những lời lải nhải cáu kỉnh có vẻ không nhắm vào tôi mà là vào bầu trời, những vách đá và những cái cây vô tri.

Tôi cứ ngẩn ra nhìn. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy một sự phẫn nộ nào như thế, tôi không biết là nó lại xảy ra trong cuộc sống thường ngày. Tôi chẳng biết làm gì ngoài chờ đợi, và hy vọng nó kết thúc.

Một lúc sau, không nói là mình sẽ làm gì, Bobby chạy đi lấy quần áo của tôi từ trên rìa vách

đá. Dù cơn giận của cậu đã phần nào lắng dịu, nó vẫn chưa hề tắt hẳn. Tôi đứng trần truồng trên lớp sỏi, đợi cậu. Khi cậu mang quần áo và giày của tôi lại, cậu trút nó thành đồng dưới chân tôi, nói: “Mặc nhanh vào đi”, với giọng vô cùng trách cứ. Tôi làm theo lời cậu bảo.

Khi tôi đã mặc xong quần áo, cậu choàng chiếc áo khoác của cậu lên người tôi, phủ lên chiếc áo khoác của tôi.

“Không, cậu cần nó mà”, tôi nói. “Quần cậu ướt hết rồi...”

“Im đi”, cậu bảo tôi, và tôi nghe theo.

Chúng tôi quay lại đường cao tốc, nơi chúng tôi sẽ đi nhờ xe về thành phố. Trên đường đi, Bobby choàng tay qua vai tôi và giữ tôi kề sát bên cậu. “Đồ khốn kiếp ngu ngốc”, cậu lầm bầm. “Ngu ngốc, ngu ngốc. *Ngu ngốc.*” Cậu cứ ôm tôi khi chúng tôi đứng bên đường, giờ ngón cái ra để vẫy xe và vẫn ôm tôi trong băng ghế sau của chiếc Volkswagen của hai sinh viên trường Oberlin, những người đã cho chúng tôi đi nhờ. Cậu choàng tay ôm tôi suốt quãng đường về nhà, miệng vẫn lầm nhảm.

Khi đã về tới nhà, cậu mở vòi tắm nước nóng. Cậu gần như cởi quần áo cho tôi và bắt tôi vào trong. Chỉ sau khi tôi đã tắm xong, quần người trong chiếc khăn tắm, cậu mới cởi quần áo ướt của mình ra và bước tới chỗ vòi hoa sen. Làn da trần của cậu hồng rực lên trong phòng tắm đầy hơi nước. Khi cậu ló ra, lấp lánh và lấm tấm những giọt nước, chòm lông nhạt màu dính chặt vào ngực cậu.

Chúng tôi về phòng tôi, bật đĩa Jimi Hendrix và cuộn một điếu cần sa. Chúng tôi ngồi khi vẫn quấn khăn quanh mình, hút thuốc. “Ngu ngốc”, cậu nói nhỏ. “Cậu có thể đã tự sát rồi đấy. Cậu biết mình sẽ cảm thấy thế nào nếu cậu bị như thế không hả?”

“Không”, tôi nói.

“Mình sẽ cảm thấy... mình không biết nữa.”

Và rồi cậu nhìn tôi buồn bã. Tôi đặt điếu cần sa xuống cái gạt tàn và, với một hành động bạo gan vượt xa việc nhảy từ trên vách đá xuống làn nước băng đá – vốn đã vượt quá tất cả những hành động can đảm của tôi cộng lại, tôi giờ tay ra và chạm vào cẳng tay cậu. Tay cậu đang nằm đó, gân guốc với những sợi lông màu hoàng kim, dưới những ngón tay tôi. Tôi nhìn xuống sàn – với tấm thảm bện và ván lát sàn nhà màu bí ngô. Bobby không rút tay lại.

Một phút trôi qua. Chẳng có gì xảy ra cả. Trong nỗi hồi hộp, mạch đập thành thịch, tôi bắt đầu dùng đầu ngón trỏ vuốt ve cánh tay cậu. Giờ đây, tôi nghĩ, cậu sẽ thấy tôi đang muốn gì. Giờ thì cậu sẽ chạy vụt đi vì sợ hãi và ghê tởm. Tuy vậy, tôi vẫn tiếp tục cái động tác nhỏ duy nhất đó, với một sự hồi hộp quá mạnh mẽ đến mức không thể phân biệt nỗi với nỗi khao khát. Cậu không rút tay lại, cũng không phản ứng gì.

Cuối cùng tôi cũng nhìn được vào mặt cậu. Mắt cậu sáng và không chớp như mắt của một con thú, miệng cậu trễ ra. Tôi có thể nhận thấy cậu cũng đang sợ, và chính nỗi sợ hãi của cậu đã khuyến khích tôi di chuyển bàn tay lên bờ vai trần của cậu. Làn da trên vùng xương bả vai rộng lớn nhẵn nhụi ấy nổi gai ốc. Tôi có thể cảm thấy hơi thở phập phồng khe khẽ của cậu.

Vì thiếu tính thận trọng, tôi nhanh chóng đưa tay xuống đùi cậu. Mặt cậu co rúm và nhăn nhó, nhưng không rút người lại. Tôi luồn tay xuống dưới chiếc khăn cậu đang quấn. Tôi thấy vẻ sợ hãi và thích thú lướt qua mặt cậu. Vì tôi không biết phải làm gì, tôi lặp lại những động tác vuốt ve tôi từng làm với chính mình. Khi cậu cương cứng trong tay tôi, đó có vẻ là dấu hiệu của sự tha thứ.

Rồi cậu giờ tay ra và, với sự nhẹ nhàng đáng ngạc nhiên, cũng chạm vào tôi. Chúng tôi không hôn nhau. Chúng tôi cũng không ôm nhau. Jimi đang hát bài *Purple haze*. Lò sưởi kêu ro ro từ sâu trong nhà. Hơi rút lên qua các ống dẫn.

Sau đó, chúng tôi lau dọn bằng khăn giấy và mặc quần áo trong yên lặng. Tuy nhiên, khi chúng tôi mặc xong, Bobby châm lại điếu cần sa đang hút dở và bắt đầu nói bằng giọng bình thường về những thứ bao giờ: chuyển lưu diễn sắp tới của the Dead, kế hoạch của chúng tôi về việc kiếm việc làm và mua ô tô cùng nhau. Chúng tôi chuyền tay nhau điếu cần sa và ngồi lên sàn phòng tôi như bất kỳ hai thiếu niên Mỹ nào, trong một ngôi nhà bình thường bao quanh

bởi nỗi buồn chán và màu xanh đang trỗi dậy của mùa xuân Ohio. Lại thêm một bài học nữa trong mớ kiến thức được tích lũy liên tục của tôi: như những hành động bất hợp pháp khác, tình yêu giữa hai chàng trai tốt nhất nên được coi là một chuyện quá bình thường. Phép lịch sự đòi hỏi ta không nên phê phán hành động vụng về, lóng ngóng của một người mà nên coi rằng thực sự thì người ta đã hành động với sự thành thạo, bình tĩnh của một tên tội phạm bẩm sinh.

ALICE

Con trai Jonathan của chúng tôi mang thằng bé đó về nhà. Hồi đó chúng tôi đều mười ba tuổi. Nó trông đối ngẫu như một con chó đi lạc, với cái vẻ ranh mãnh và nguy hiểm như thế. Nó ngồi ăn cùng chúng tôi, ngẫu nhiên món gà quay.

“Bobby”, tôi hỏi, “cháu ở thành phố này lâu chưa?”.

Tóc nó trông như tổ quạ. Nó đi giày ống và mặc cái áo khoác da có thêu hình con mắt của người thật bằng chỉ màu xanh cô bạn đã bạc màu.

“Cả đời cháu”, nó trả lời, gặm một cái đùi gà. “Chẳng qua là cháu đã vô hình thôi. Gần đây cháu mới quyết định để cho mọi người nhìn thấy mình.”

Tôi băn khoăn không hiểu bố mẹ nó có cho nó ăn uống đầy đủ không. Nó cứ nhìn quanh phòng ăn với sự thèm thuồng mà trong một thoáng, tôi cảm thấy nó giống như nhân vật phù thủy trong truyện *Hansel và Gretel*^[23]. Hồi ở New Orleans, tôi từng quan sát cảnh bọn mỗi gặm những hình trang trí chạm nổi bằng gỗ dưới cửa sổ phòng khách, và thấy rằng đường chạm khắc phức tạp đã vỡ tan trong tay tôi như đường.

“Vậy thì, chào mừng đến với thế giới vật chất”, tôi nói.

“Cảm ơn cô.”

Nó không cười. Nó gặm cái xương mạnh đến vỡ ra.

Sau khi nó về, tôi nói với Jonathan: “Cậu bé khá là lập dị, nhỉ? Con phát hiện ra cậu bé ở đâu vậy?”

“Cậu ấy đã phát hiện ra *con* đấy chứ”, Jonathan nhăm nhẩn nói, một đặc trưng cho cái tuổi mới lớn của nó. Dù da nó vẫn mịn và giọng nói vẫn còn trong, nhưng nó đã tự đặt ra cho mình thói cộc cằn như là một cách để bước vào tuổi trưởng thành.

“Thế làm sao mà cậu ta phát hiện ra con được?” Tôi từ tốn hỏi. Tôi vẫn có thể dùng vẻ ngây thơ miền Nam làm lợi thế cho mình, thậm chí sau bao nhiêu năm trời sống ở Ohio.

“Cậu ấy đến bắt chuyện với con ngay ngày đi học đầu tiên và bọn con bắt đầu chơi với nhau.”

“Ôi, mẹ nghĩ cậu ta thật kỳ cục”, tôi nói. “Quả thực, cậu ta làm mẹ hơi sợ.”

“Con nghĩ cậu ấy rất thú vị”, Jonathan nói với vẻ dứt khoát. “Anh trai cậu ấy đã bị giết đấy mẹ à.”

Ở New Orleans, chúng tôi có một tên gọi dành cho những người như Bobby, những người có vẻ bất hạnh mà mối quan hệ với họ thường dẫn đến kết cục bạo lực hơn mức bình thường. Tuy nhiên, tôi vẫn phải công nhận rằng rõ ràng nó là một vị khách khá trơ tráo.

“Con có muốn chơi bài trước khi đi ngủ không?” Tôi hỏi.

“Không đâu mẹ. Con chán chơi bài rồi.”

“Chỉ một ván thôi”, tôi nói. “Con cần phải cho mẹ cơ hội gỡ lại những lần thua trước chứ?”

“Thôi được. Một ván thôi mẹ nhé.”

Chúng tôi dọn bàn, và tôi chia bài. Tuy nhiên, tôi chơi khá dở. Tâm trí tôi cứ vẫn lơ đãng nghĩ về thằng bé đó. Nó đã quan sát ngôi nhà của chúng tôi với sự khao khát thêm muốn thấy rõ. Jonathan ăn hết quân bài này đến quân bài khác. Tôi lên gác lấy áo len và dường như vẫn không thấy ấm lên.

Jonathan đã ăn hết các quân bài.

“Mẹ hãy coi chừng”, nó nói. “Tối nay con thật là hên.”

Nó mê mải với niềm vui chiến thắng kiểu trẻ con và hồn nhiên đến mức quên cả sự cẩu kính vừa rồi. Tôi không hiểu sao nó lại không được nhiều người yêu mến hơn ở trường. Nó thông minh và xinh trai hơn hầu hết những thằng bé khác mà tôi thấy quanh đây. Có lẽ do bị ảnh hưởng bởi tính cách miền Nam của tôi nên nó ăn nói quá lưu lút, quá nhẹ nhàng, quá thiếu vẻ cục súc khó mà phù hợp với cái thành phố đậm chất Trung Tây khắt nghiệt này. Nhưng dĩ nhiên ý kiến của tôi chỉ là chủ quan. Có người mẹ nào lại không yêu thương con mình dù chỉ là một chút chứ?

Ned về nhà muộn, sau nửa đêm. Tôi đang đọc sách ở trên gác thì nghe thấy tiếng anh mở khóa cửa. Tôi cưỡng lại cái thôi thúc muốn tắt đèn và vờ như đã ngủ rồi. Tôi sắp bước sang tuổi ba mươi lăm. Tôi đã tự hứa với bản thân mình vài điều liên quan đến cuộc hôn nhân của chúng tôi.

Tôi có thể nghe thấy hơi thở của anh khi anh leo lên cầu thang. Tôi ngồi thẳng người hơn trong chiếc gối, chỉnh lại đai áo ngủ. Anh đứng ở cửa phòng ngủ, một người đàn ông bốn mươi ba tuổi, vẫn đẹp trai theo những tiêu chuẩn thông thường. Tóc anh đang ngả sang màu muối tiêu ở hai bên thái dương, theo kiểu ngôi sao điện ảnh.

“Em vẫn còn thức cơ à?” Anh nói. Liệu anh thấy vui hay thấy phiền?

“Em mải đọc nó quá”, tôi nói, chỉ vào cuốn sách. Không, sai rồi. Em *đang chờ anh*. Đó mới là câu đáp thích hợp. Tuy nhiên, cuốn sách đúng là thứ đã khiến tôi còn thức. Tôi vẫn thường nghĩ rằng bạn có thể thay đổi cuộc đời bạn mà không từ bỏ những chân lý đơn giản hằng ngày.

Anh bước vào phòng, cởi khuy áo. Một bộ ngực hình chữ V hiện ra, đám đông len lổm đốm những sợi xám. “Phim *Giải cứu* có vẻ là hơi quá nặng đối với Cleveland”, anh nói. “Tối nay đã có ba cặp bố mẹ gọi điện đến phàn nàn.

“Em không hiểu sao anh lại đặt bộ phim đó”, tôi nói.

Anh cởi áo và nhét vào giỏ đựng đồ tắm. Mồ hôi lấp lánh bên dưới cánh tay anh. Khi anh quay đi tôi có thể nhìn thấy đám đông, trông như một tấm bản đồ châu Phi cân đối, đã dựng lên trên lưng anh.

Không. Hãy tập trung vào sự tốt bụng và sự hài hước lịch thiệp của anh. Hãy tập trung vào hình dáng hồng anh, vẫn còn chắc nịch, trong chiếc quần vải gabardine.

“May là anh có nó đấy”, anh nói. “Nó sẽ là một bộ phim thành công. Suốt chiều lúc bảy giờ đã kín đến ba phần tư rạp.”

“Tốt quá”, tôi nói. Tôi đặt cuốn sách xuống chiếc bàn kê ở đầu giường. Khi chạm vào mặt gỗ, nó tạo ra một tiếng động nhẹ nhàng nhưng vẫn gây ngạc nhiên.

Anh cởi quần ra. Nếu tôi thuộc tí người khác, tôi có thể hài hước nói: “Anh yêu, hãy cởi tất ra trước. Em không thể chịu được cảnh một người đàn ông chẳng còn gì khác trên người ngoài chiếc quần đùi Jockey và một đôi tất đen.”

Tuy nhiên tôi không phải tí người đó. Ned treo quần lên một cách gọn gàng và đứng một lúc trong ánh đèn ngủ, mặc độc chiếc quần đùi và đi đôi tất trơn tối màu mà anh cứ nhất định đòi mua. Chúng đã làm rụng hết lông chân của anh. Khi anh cởi chúng ra, chúng sẽ để lại vết hằn trên lớp da nhẵn thín.

Anh mặc quần pyjama ra ngoài quần đùi, rồi ngồi lên giường để cởi tất. Ngoài lúc đi tắm, Ned hiếm khi khóa thân hoàn toàn.

“Ồi”, anh nói. “Anh mệt bã người.”

Tôi giơ tay ra vuốt ve tấm lưng nhể nhại mồ hôi của anh. Anh giật mình.

“Đừng lo”, tôi nói. “Em không định hại anh đâu mà.”

Anh cười. “Anh đúng là kẻ đa nghi”, anh nói.

“Lúc tối có một đứa bạn mới của Jonathan tới chơi. Anh nên gặp nó.”

“Tệ hơn Adam không?” Anh hỏi.

“Ôi, tệ hơn nhiều. Theo một kiểu hoàn toàn khác. Đứa này thì hơi, ừm, đáng sợ.”

“Như thế nào?”

“Dơ dáy”, tôi nói. “Trầm lặng. Có vẻ đói ngấu.”

Ned lắc đầu. “Thôi cứ kệ Jonny đi”, anh nói. “Nó biết chọn bạn mà.”

Tôi cảm thấy khó chịu. Ned vắng nhà quá nhiều. Chuyện gì xảy ra khi anh không có mặt cũng trở thành một hài kịch gia đình xoàng xĩnh, một bộ phim ngắn hài hước chiếu cho một ngôi nhà vắng vẻ phía bên kia thành phố. Tôi tiếp tục vuốt ve lưng anh.

“Nhưng đứa này có vẻ đáng sợ theo kiểu *người lớn* hơn”, tôi nói. “Adam và những đứa khác đều là trẻ con. Còn về thằng bé này, em cảm thấy nó có thể ăn trộm, nó có thể làm được tất cả mọi chuyện. Và nó khiến em phải lo nghĩ. Jonathan đang thay đổi, nó sẽ quan tâm đến những cô gái, những chiếc ô tô và cả những thứ có trời mới biết.”

“Chắc chắn là thế, bà già ạ”, Ned nói, và tỏ ra thoải mái bên dưới tấm chăn. Tôi biết anh hình dung chuyện đó như thế nào: một hài kịch thiếu niên, thú giải trí vô hại, với vô số những cuộc hẹn đầu tiên và những người bạn hippie. Có lẽ anh đã đúng. Nhưng bản thân anh ta không thể coi nó như một bộ phim được. Tôi không thể nói cho anh hay rằng khi anh phải đối mặt với nó hàng giờ thì nó tạo ra cho anh cảm giác khác biệt như thế nào. Tôi biết nếu tôi cố gắng nói ra, tôi sẽ giống như nhân vật bà mẹ trong bộ phim đó: một nhân vật quá cứng nhắc, lắm điều, một người không biết đùa.

“Anh tắt đèn nhé?” Anh nói. “Hay em muốn đọc cuốn sách đó thêm một lát nữa?”

“Không. Anh cứ tắt đèn đi.”

Chúng tôi nằm xuống bên nhau, nghe tiếng thở của mình trong bóng tối. Lẽ ra chúng tôi nên có nhiều chuyện để nói với nhau hơn. Có lẽ điều ngạc nhiên nhất trong cuộc sống hôn nhân chính là cái tính hình thức vẫn còn được duy trì của nó, ngay cả khi bạn đã trở nên quen thuộc với da thịt và những thói quen của người kia còn hơn cả của chính bạn. Mặc dù đã thân thuộc với nhau đến thế, nhưng có vẻ như chúng tôi vẫn đang trong một cuộc hẹn hò không mấy suôn sẻ.

“Tối nay em đã làm món thịt gà trộn ngải giấm”, tôi nói. “Đáng lẽ anh nên thấy nó ngấu ngiến món đó như thế nào. Anh sẽ nghĩ rằng nó chưa được ăn gì trong suốt một tuần.”

“Đứa bạn đó à?” Ned hỏi.

“Vâng.”

“Tên nó là gì?”

“Bobby.”

Bên ngoài, một con mèo hàng xóm kêu ngao ngao. Từ khi bà Heidegger mất, ba gia đình khác nhau đã lần lượt thuê nhà của bà, tất cả bọn họ đều có những con vật nuôi bị bỏ đói kêu gào ầm ĩ và những cuộc chuyển đi đột ngột. Hàng xóm láng giềng quanh đây đang ngày càng sa sút.

“Ned à?” Tôi nói.

“Ừm?”

“Trông em có già lắm không?”

“Trông em như mới mười sáu tuổi ấy”, anh nói.

“Ôi, em đã xa tuổi mười sáu lâu rồi. Trước đây, ba mươi tư có vẻ là quá già. Bây giờ dường như nó chẳng là gì cả. Nhưng em có một đứa con trai sắp đến tuổi cạo râu. Nó sẽ giữ những bí mật và lái ô tô ra đi.”

Tôi không biết phải nói thế nào cho anh hiểu: tôi thấy mình không còn là nhân vật chính nữa. Nhưng tôi không thể thốt ra những lời như thế. Chúng sẽ không vượt qua được không khí gia đình của phòng ngủ.

“Ba mươi tư chẳng là gì cả, bé ạ”, anh nói. “Xem em đang nói chuyện với ai này. Anh còn

chẳng *nhớ nổi* hồi mình ba mươi tư tuổi nữa.”

“Em biết. Em thật rỗng tuếch và gốc gác ghê.”

Tôi giờ tay ra, bên dưới chân và vuốt ve ngực anh. Một lần nữa, da anh lại sồn gai ốc dưới bàn tay tôi. Anh không quen với những âu yếm này từ tôi.

“Trông em tuyệt lắm”, anh nói. “Em đang ở thời kỳ đẹp nhất trong đời đấy.”

“Ned này?”

“Ừm?”

“Em yêu anh lắm, anh biết không. Chúa ơi, đã bao lâu rồi em không nói thế nhỉ?”

“Ôi, em yêu. Anh cũng yêu em mà.”

Tôi lướt những ngón tay dọc theo bắp tay anh, vuốt ve cẳng tay anh.

“Đêm nay em ủy mị quá”, tôi nói. “Em đang rời khỏi cái thói bú rỗng bình cũ.”

“Em không hề bú rỗng bình”, anh nói.

“Không phải đêm nay”, tôi bình thản nói. Giọng tôi không quyến rũ, nhưng cũng không hề khô khan hay nghiêm trang.

Anh nắm lấy tay tôi. Tôi đã từng tưởng tượng về hôn nhân theo một trong hai cách: hoặc là bạn yêu một người đàn ông và sống hạnh phúc với anh ta, hoặc không. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến khả năng yêu một người mà không kèm theo ham muốn về thể xác.

Anh hắng giọng. Tôi quay sang hôn anh, và anh để tôi hôn với một sự thụ động trong trắng, gần giống như bên lên. Điều đó làm tôi xúc động ngay cả khi râu anh lởm chởm cọ vào da tôi.

“Không phải đêm nay”, tôi lặp lại, và lần này tôi đã có thể hạ thấp giọng mình đến mức thì thào. Dường như nó là một sự bắt chước khéo léo của ham muốn, thứ mà tôi có thể bắt lấy và giữ làm của mình nếu anh bên lên âu yếm tôi giống như khi anh đón nhận nụ hôn của tôi.

“Ừ... ừm”, anh rên khe khẽ, tiếng rên thoát ra từ sâu trong cuống họng. Tôi thấy trong lòng êm ái, cảm giác như mình có thể tiến xa hơn, điều mà tôi đã không biết đến với anh trong một thời gian dài. Hóa ra nó vẫn có thể xảy ra.

Rồi anh hôn trả tôi, anh nhấc đầu lên khỏi gối và ấn miệng anh và miệng tôi. Tôi cảm thấy áp lực từ răng anh. Sự êm ái sụp đổ trong tôi, nhưng tôi không bỏ cuộc. Tôi đáp lại nụ hôn ấy, tay bám lấy đôi vai trần của anh. Nó ướt đầm mồ hôi. Tôi có thể cảm thấy những sợi lông xoắn thô cứng trong lòng bàn tay mình. Răng anh, chỉ được che chắn bởi bờ môi trên mỏng manh, vội vã cắn vào miệng tôi.

Và tôi biết mình không thể làm được. Không phải đêm đó. Tôi đã mất hứng. Sự hứng thú rời khỏi cơ thể tôi và bước sang phía bên kia căn phòng, nơi nó bất đồng ngắm nhìn một người đàn ông bốn mươi ba tuổi đang mãnh liệt hôn vợ mình, lướt hai bàn tay nhóp nhép lên tấm lưng và cạnh sườn đang lão hóa của cô ta. Đáng ra tôi có thể giả vờ tiếp tục nhưng thế thì đối trá vẫn hoàn đối trá. Và tôi sẽ phải ầm ức chịu đựng nó.

Tôi rời miệng ra, gieo một loạt những nụ hôn nhẹ nhàng dọc theo cổ anh. “Anh yêu”, tôi thì thầm, “hãy ôm em một lát. Nhé?”

“Tất nhiên rồi”, anh dễ dàng nói. “Tất nhiên rồi.”

Quả thực, tôi nghĩ anh cũng đang thấy nhẹ nhõm.

Chúng tôi nằm ôm nhau một lúc, cho đến khi Ned âu yếm hôn lên tóc tôi và quay đi để ngủ. Chúng tôi không nằm ngủ trong vòng tay nhau, chưa bao giờ. Chẳng bao lâu anh đã thở đều đều. Giấc ngủ đến với Ned thật dễ dàng. Hầu như mọi thứ đều thế. Anh là người có tài điều chỉnh những mong đợi của mình sao cho thích hợp với hoàn cảnh.

Có lẽ đêm nay là một sự khởi đầu. Có lẽ, đêm mai, tôi sẽ cố gắng hơn chút nữa.

Tôi không muốn mình là một kẻ tai quái trong nhà – một người mẹ cáu kỉnh, một người vợ hẹp hòi. Tôi tự hứa với mình một lần nữa và cứ mãi trần trọc cho đến khi ánh bình minh chiếu rọi sắc xanh qua các ô cửa sổ.

Jonathan vẫn mãi mê với Bobby, người đã trở thành một vật cố định ở bàn nhà chúng tôi. Ned không phản đối nó, vì anh vốn dễ dãi. Anh giữ một lớp không khí trung lập giữa bản thân anh và thế giới, vì thế bất cứ thứ gì trước khi chạm đến anh đều đã bị lọc và làm loãng đi.

Chính tôi mới là người phải lo toan.

Có vẻ Bobby không có những kế hoạch nào khác. Nó lúc nào cũng rồi rãi. Nó không bao giờ mời Jonathan đến nhà nó. Đến đó hợp với ý tôi, nhưng cũng không khiến tôi bắt đầu nghi ngờ. Một tối, tôi hỏi nó: “Bobby, bố cháu làm nghề gì thế?”

Lúc đó chúng tôi đang ăn tối, nó đang phết nốt chỗ xốt bơ cuối cùng của mình vào miếng bánh mì thứ ba do chính tay tôi làm, có vẻ trước cả khi Jonathan hay Ned hay tôi bắt đầu ăn.

“Bố cháu là giáo viên” là câu trả lời. “Không phải ở trường cháu. Mà ở trường Roosevelt.”

“Còn mẹ cháu?”

“Mẹ cháu mất rồi. Khoảng một năm trước.”

Nó nhét bánh mì vào mồm và với lấy miếng khác.

“Cô rất tiếc”, tôi nói.

“Cô không cần phải tiếc đâu”, nó bảo tôi. “Cô còn không biết mẹ cháu cơ mà.”

“Ý cô không phải thế. Cô muốn nói cô thông cảm trước sự mất mát của cháu.”

Với bàn tay vẫn đang nhét thức ăn vào mồm, nó nhìn tôi như thể tôi vừa nói bằng tiếng Sanskrit. Sau một lúc nó nói: “Cô làm nước xốt này như thế nào?”

“Bằng bơ và giấm”, tôi nói. “Chanh, một ít rượu vermouth. Thực sự thì cũng chẳng có gì.”

“Cháu chưa bao giờ ăn nước xốt như thế này”, nó nói. “Cô tự làm bánh mì này à?”

“Bánh mì là một sở thích của cô đấy”, tôi nói. “Trong lúc ngủ cô còn thấy mình làm nó cơ mà.”

“Chà chà”, nó nói. Vừa lắc đầu tỏ vẻ ngạc nhiên, nó vừa với lấy miếng thứ tư.

Sau bữa tối, bọn trẻ lên phòng Jonathan. Ngay lập tức tôi nghe tiếng giàn âm thanh được bật lên, một tiếng trống lạ lẫm thỉnh thoảng vang lên qua ván lát sàn nhà. Bobby đã mang đến mấy đĩa nhạc của nó.

Ned nói: “Chúa ơi, thằng bé là một đứa mồ côi”.

“Nó không phải trẻ mồ côi”, tôi nói. “Bố nó vẫn còn sống.”

“Em biết ý anh là gì mà. Thằng bé đó thật bất hạnh.”

Tôi đứng dậy để rửa bát đĩa. Khi tôi còn nhỏ, có những vùng của thành phố mà chúng tôi không bao giờ lại gần. Chúng là những điểm đen, những phần trống trên bản đồ. Tôi nói: “Đúng, và đó là lý do vì sao Jonathan lại quá quẩn quýt với nó như thế. Nếu mà nó còn què quặt nữa thì tối nào chúng ta cũng sẽ thấy nó ở đây thay vì cứ cách một ngày như thế này.”

“Ôi chao”, Ned nói. “Nghe chẳng giống em chút nào.”

Tôi chòng cái đĩa trống trơn của Bobby lên trên đĩa của Jonathan. Jonathan đã khéo léo dàn thức ăn quanh mép đĩa, để ra vẻ là nó đã ăn hết. Nó gầy đến nỗi bạn có thể nhìn xuyên qua nó trong luồng ánh sáng có cường độ mạnh. Đĩa của Bobby sạch trơn, như thể nó đã dùng lưỡi liếm sạch. Không một mẩu vụn nào rơi vãi quanh chỗ nó ngồi.

“Em biết,” tôi nói. “Em rất thông cảm cho tất cả những điều đã xảy ra với nó, em thực sự cảm thấy thế. Nhưng ở nó có vẻ gì đó khiến em lo sợ.”

“Nó chỉ là một đứa trẻ lêu lổng thôi. Nó không còn ai thân thích ngoài một ông bố, và không được nuôi dạy để nơi đến chốn. Chúng ta có đủ khả năng để cho một đứa trẻ lêu lổng tá túc mà, em có nghĩ thế không?”

“Tất nhiên là thế.”

Tôi mang chòng đĩa vào bếp. Tôi là Alice rầu rĩ và sắt đá, đã kết hôn với Ned, một người tử tế.

Anh cũng bê đĩa theo tôi. “Đừng lo”, anh nói sau lưng tôi. “mọi đứa trẻ đều mang về nhà một vài đứa bạn lêu lổng. Tuy nhiên Jonathan sẽ lớn lên bình thường thôi”.

“Nhưng em lo cho nó lắm”, tôi nói, mở vòi nước. “Nó đã mười ba. Điều này giống như là... ôi, em không biết nữa. Gần giống như là thấy vài bản tính tiềm ẩn của Jonathan đột nhiên hiện ra ánh sáng vậy. Vài điều nó vẫn nung nấu mà chúng ta chưa bao giờ hay biết.”

“Em đang quan trọng hóa vấn đề rồi.”

“Thật à?”

“Đúng vậy. Khi nào có thời gian anh sẽ kể em nghe về Robby Cole. Đó là bạn thân nhất của anh hồi còn đi học. Anh đã bị cậu ta thu hút vì cậu ta có thể dùng răng để mở nắp chai. Và còn nhiều điều khác nữa.”

“Và xem anh đã thành người như thế nào này.”

“Ồ, anh đã lấy em”, anh nói.

“Một thành tích đáng khen ngợi. Dù có lẽ nó vẫn chẳng là gì so với mục đích của cả một đời người.”

“Anh đã lấy em và điều hành rạp chiếu phim tốt nhất ở vùng Đại Cleveland này. Thôi anh phải đi rồi.”

“Tạm biệt anh.”

Anh vòng tay quanh eo tôi, hôn thật kêu lên cổ tôi. Mùi của anh thoảng tràn sang tôi, thứ mùi đặc biệt của da thịt hòa lẫn với mùi thuốc thoa sau khi cạo râu có hương cam ấy. Như thể tôi đang bước vào bầu không khí riêng của anh, và chừng nào tôi còn đứng trong ấy, tôi còn có thể chia sẻ với anh niềm tin rằng những điều tồi tệ rồi sẽ tự tan biến đi, rằng thế giới rút cục sẽ quy tụ về những kết quả tốt đẹp. Tôi ngoảnh lại và nhẹ nhàng hôn lên bên má ram ráp của anh.

“Bớt lo lắng đi nhé”, anh nói.

Tôi hứa là sẽ cố làm thế. Khi còn ở trong nhà, dường như điều đó là có thể. Nhưng ngay khi anh đi, khả năng đó cũng rút theo anh như thể nó là ánh sáng phát ra từ phòng bếp. Có lẽ đặc điểm ấn tượng nhất của Ned là khả năng bước đi thanh thản trong cái thành phố của những tảng đá xám và những viên gạch vàng này, nơi gió từ hồ thổi đến có thể làm trái tim con người thất lại.

Tôi lấy cuốn sách dạy nấu ăn mới mua xuống và bắt đầu nghĩ đến món ăn cho ngày mai. Cuốn sách toàn những công thức nấu nướng của miền quê nước Pháp.

Bobby ở lại đến tận mười giờ hơn, cho đến khi tôi gọi: “Các con, mai còn phải đi học đấy”. Ngay cả lúc đó, sau mười ba năm làm mẹ, tôi vẫn ngạc nhiên khi thấy giọng mình nghe giống hết giọng một bà mẹ.

Tôi đang đọc báo khi Bobby chạy xuống cầu thang. “Chúc cô ngủ ngon”, nó nói.

Lối nói của nó, toàn bộ cung cách của nó, giống như một người nước ngoài đang học những phong tục của một đất nước khác. Nó giống hết một kẻ tỵ nạn đến từ một nơi xa xôi nào đó, bị bỏ đói và tha thiết muốn làm vừa lòng người khác. Cách nó nói mấy từ “Chúc ngủ ngon” hoàn toàn giống cách của tôi.

“Bobby này?” Tôi nói. Thực ra tôi không biết nói gì thêm nữa. Chỉ vì nó đứng ngẩn ra đó.

“Dạ?”

“Cô thực lòng rất lấy làm tiếc về chuyện của mẹ cháu,” tôi nói. “Cô hy vọng cô không có vẻ quá khách sáo lúc ở bàn ăn chứ?”

“Không sao ạ.”

“Cháu và bố cháu xoay xở có ổn không? Có ai nấu bữa tối và thi thoảng dọn dẹp nhà cửa không?”

“Có ạ. Có một phụ nữ đến dọn dẹp tuần một lần.”

Tôi nói: “Sao cháu không mời bố cháu đến đây ăn tối một hôm? Có thể là đầu tuần sau chẳng hạn?”

Nó cứ nhìn tôi tần ngần và băn khoăn, như thể tôi đã phạm phải vài điều cấm kỵ ở đất nước của nó, như thể nó không hiểu ngay được liệu tôi có cố tình xúc phạm nó hay chỉ vì những phong tục ở đây là khác biệt không.

“Cháu không biết”, nó nói.

“Vậy thì có lẽ cô sẽ gọi điện cho ông ấy. Cháu nên về đi thôi, muộn rồi.”

“Vâng.”

Tôi tin rằng nó vẫn sẽ đứng trước mặt tôi nếu tôi không bảo nó đi về.

“Chúc ngủ ngon,” tôi nói lại lần nữa, và câu chào xã giao đó đáp lại tôi trong phiên bản của một giọng thiếu niên.

Sau khi nó về, tôi lên gác và gõ cửa phòng Jonathan.

“Dạ?” Nó nói.

“Mẹ đây. Mẹ vào được không?”

“Vâng.”

Nó nằm trên giường. Một giọng nam âm mũi, đệm bởi tiếng guitar thường, the thé phát qua những chiếc loa. Cửa sổ để mở dù lúc đó đã là đầu tháng Mười một và khắp nơi phủ đầy sương giá. Tôi nghĩ rằng mình ngủi thấy mùi gì đó ngòn ngọt và có vị khói, mà khí lạnh không xua tan hết được.

Tôi nói: “Tối nay con vui chứ?”

“Chắc chắn rồi ạ.”

“Bobby đã có một khoảng thời gian khó khăn, đúng không?” Tôi hỏi.

“Mẹ đừng nên thương hại cậu ấy.”

“Con có biết trước là mẹ cậu ấy đã mất không?”

“Có ạ,” Jonathan nói.

“Con có biết vì sao bác ấy mất không?”

“Một chút ạ. Ý con là, bác ấy đã uống quá nhiều thuốc ngủ. Nhưng mà bác ấy có toa thuốc và đã uống chúng hàng năm trời rồi. Con nghĩ có lẽ bác ấy đã bắt đầu phản nản rằng chúng không còn tác dụng nữa. Vì thế đó có thể chỉ là một tai nạn.”

“Bobby có một người anh cũng mất rồi đúng không?”

Jonathan gật đầu.

“Đó thực sự là một tai nạn. Hóa ra đó không phải là một vụ giết người. Đó là lúc mẹ cậu ấy bắt đầu dùng thuốc ngủ.”

Nó kể những chuyện này với một sự hãnh diện nào đó, như thể chúng đại diện cho những thành tựu vật chất của Bobby vậy.

“Chúa ơi. Sao lại có những chuyện như thế xảy ra với con người ta cơ chứ.”

Tôi đi đóng cửa sổ lại. Trời lạnh đến nỗi gần như có thể khiến bạn thở ra hơi trong căn phòng đó.

“Thế mà chưa từng có chuyện gì xảy ra với nhà mình cả,” Jonathan nói. “Chẳng có chuyện gì tồi tệ hết.”

“Chúng ta rất may mắn.”

Khi tôi quay lại từ cửa sổ, tôi thấy cái áo khoác da của Bobby vắt trên ghế. Con mắt thêu trên đó, to đùng, trông mắt lớn như một quả bóng khúc côn cầu, nhìn tôi chằm chằm từ lớp da đã bị sòn.

“Bobby để quên áo kia,” tôi nói.

“Cậu ấy cho con mượn đấy,” Jonathan nói. “Trước đây nó là áo của anh cậu ấy. Con đã cho cậu ấy mượn áo của con lúc ở trường hôm nay.”

“Cái áo gió “xịn” của con á? Con đã đổi nó lấy cái này à?”

“Vâng. Bobby đã kể cho con nghe rất nhiều về anh của cậu ấy. Ý con là, có vẻ anh cậu ấy khá thú vị. Khi anh ấy mất, gia đình cậu ấy gần như đã tan nát.”

“Con có biết cái áo gió đó giá bao nhiêu không?” Tôi hỏi.

Nó nhìn lại tôi theo một lối mới, hàm nghiền chặt thách thức và mắt tối sầm lại.

Tôi quyết định bỏ qua chuyện này. Tôi nghĩ tôi đã cho phép nó áp dụng điều này vào những thói quen của nó.

“Con nghĩ sao về món bê hầm cho bữa tối ngày mai?” Tôi hỏi. “Mẹ muốn thử một công thức nấu ăn mới, thịt bê với nấm và hành tây. Con thấy thế nào?”

“Con không quan tâm.” Nó nhún vai.

Tôi khoanh tay lại thật chặt. Căn phòng đó sao mà lạnh giá.

“Con muốn chơi một ván bài trước khi đi ngủ không?” Tôi hỏi. “Mẹ xấu hổ lắm, con biết đấy. Mẹ đã thua quá đậm mấy lần gần đây, mẹ khó mà ngẩng cao đầu được.”

“Không. Con mệt rồi.”

“Một ván ngắn thôi nhé.”

“*Không* đâu, mẹ ạ.”

“Thôi được rồi.”

Tôi đứng đó một lúc, dù rõ ràng đã đến lúc tôi để nó yên. Ánh đèn ngủ phòng nó, do tôi mua mười năm trước, chiếu lên mái tóc sáng màu và vẻ mặt như được điêu khắc tỉ mỉ của nó. Nó giống tôi, nhưng theo một kiểu lý tưởng hóa. Vẻ ngoài của tôi, vốn khá nghiêm khắc căn cứ vào mỗi lần tôi nhìn mình trong gương, đã trở nên dịu dàng hơn ở nó.

“Chúc mẹ ngủ ngon,” nó nói.

“Chúc con ngủ ngon.”

Tuy nhiên tôi vẫn nấn ná. Tôi không thể ngừng ngắm nó, dù nó rất ghét tôi làm thế. Nếu tôi có đủ can đảm tôi sẽ nói với nó: “Đừng làm thế. Đừng trở nên ghét mẹ. Con vẫn có thể có cả thế giới mà không cần gạt mẹ ra khỏi cuộc đời con cơ mà.”

Tôi lặng lẽ ra khỏi phòng, trong lòng nặng trĩu hình hài nó như lúc tôi mang thai.

Tôi mời Bobby và bố nó đến ăn tối vào thứ Ba tuần sau đó. Họ đến muộn chừng nửa tiếng, mang theo hai chai rượu. “Xin lỗi”, người bố nói. “Chúng tôi phải lái xe khắp thành phố để kiếm được một chai Chardonnay kha khá. Tôi hy vọng anh chị thích Chardonnay.”

Tôi bảo ông rằng chúng tôi rất thích nó.

Ông để một chòm râu dê và mặc cái áo khoác màu mù tạc với khuy bằng đồng lấp lánh. Khuôn mặt hồng hào của ông là một mớ mao mạch bị vỡ. Trông ông như một Bobby say xỉn và lớn tuổi.

Tên của người bố là Burton. Ông hiếm khi đụng vào thức ăn khi chúng tôi ngồi xuống dùng bữa tối. Ông cứ uống rượu, hút Pall Mall và thì thào ngừng những việc đó lại để xiên một chút cá bơn rim mà tôi đã làm, giơ lên một lát rồi nhét vào miệng mà không chú ý gì đến nó, hết như thái độ của một tay thợ mộc khi đóng một cái đình ba phân.

Ned hỏi ông ta: “Anh thấy bọn trẻ ở trường Roosevelt thế nào?”

Burt Morrow nhìn anh vẻ khó hiểu. Tôi nhận ra vẻ mặt đó.

“Chúng có thể rất khó chịu, ông nói với một giọng thận trọng. “Nói chung chúng không phải là những đứa trẻ hư, nhưng chúng có thể rất khó chịu”.

Một lúc sau, Ned gật đầu. “Tôi hiểu.”

“Chúng tôi cố gắng hòa thuận với nhau,” Burt nói. “Tôi cố gắng hòa thuận với chúng. Tôi cố gắng không xúc phạm chúng, và thường là thành công, tôi tin vậy”.

Ông quay sang Bobby và hỏi: “Con có nghĩ rằng nó vẫn thành công không?”

“Vâng, thưa bố”, Bobby nói. Nó nhìn bố mình với vẻ không ra yêu cũng không ra khinh khỉnh. Họ có chung một nét ngờ nghệch nào đó, một cách trả lời câu hỏi như thể nó được đặt ra bởi một giọng nói kỳ quái thì thầm vọng đến từ thình không. Họ giống như những người anh em lớn tuổi ngốc nghếch, tốt bụng trong một câu chuyện cổ tích – những người mà sự quyến rũ và hấp dẫn đã bỏ qua họ. Jonathan ngồi giữa họ, đôi mắt xanh của nó ánh lên vẻ thông minh.

“Đó cũng là tất cả những gì bản thân tôi đang cố gắng làm”, tôi nói. “Không can thiệp vào mọi chuyện của Jonathan và để nó tự trải nghiệm cuộc sống. Chúa ơi, tôi không biết làm thế nào để rèn nó vào khuôn khổ. Đôi khi tôi vẫn cảm thấy mình giống như một đứa trẻ”.

Cả Bobby và bố nó đều nhìn tôi với khuôn mặt sững sốt.

“Tôi đã kết hôn sớm, mọi người biết đấy”, tôi nói. “Lúc đó tôi chỉ nhỉnh hơn mấy thằng bé này vài tuổi, và chắc chắn tôi đã không nghĩ là mình sẽ yêu một người miền Bắc tên là Ned Glover, hay mình sẽ chuyển đến Ohio, với những cơn gió Canada thổi mưa tuyết từ vùng hồ tới. Grừ. Tôi không nghĩ là mình sẽ làm gì đó thật khác biệt như thế”.

Ned nháy mắt và nói: “Tôi gọi cô ấy là Helen[24] ở Louisiana. Tôi vẫn đang chờ một đám người miền Nam để lại con ngựa gỗ trên bãi cỏ trước nhà đấy.”

Burt châm thêm một điếu thuốc. Ông há miệng để nhả khói và ngấm nó uốn éo phía trên bàn ăn. “Có lẽ tôi nên làm gì đó khác biệt”, ông nói. “Tôi nghĩ anh chị nên khuyên tôi làm thế. Đúng vậy.”

Tôi không phải là người kém hiểu biết về tâm lý. Tôi biết Jonathan cần thoát khỏi bố nó và tôi, cần cắt đứt sự ràng buộc: giết chết chúng tôi, trong chừng mực nào đó, và rồi sau đó làm chúng tôi phục sinh, khi nó đã là một người đàn ông trưởng thành với cuộc sống riêng của nó, còn chúng tôi đã biến thành những người thừa, già cỗi. Tôi không mù quáng, cũng không ngốc nghếch.

Tuy nhiên, dường như chuyện đó đã xảy đến quá sớm, và Bobby có vẻ là một phương tiện sai lầm. Ở tuổi mười ba, chúng ta có rất nhiều lựa chọn mà không hề biết về những hậu quả có thể ảnh hưởng đến chúng ta qua nhiều thập kỷ. Khi tôi mười ba tuổi, tôi đã chủ định nói nhiều và lêu lổng một chút, để đảm bảo rằng những bữa tối trầm lặng và những buổi tối tẻ ngắt dài lê thê của bố mẹ tôi – chỉ được đánh dấu bằng tiếng chuông đồng hồ - sẽ không ảnh hưởng lâu dài đến tôi. Tôi vừa mới mười bảy khi gặp Ned Glover, một người đàn ông đẹp trai, hài hước ở độ tuổi đôi mươi, chủ một chiếc Chrysler mui trần, với vô vàn những câu chuyện từ miền Bắc.

Đêm đó, khi ở trên giường, tôi nói với anh: “Chà, ít nhất thì bây giờ chúng ta cũng biết sao Bobby lại có thứ đó.”

“Có thứ gì?”

“Mọi thứ. Toàn bộ tính cách của nó. Hay đúng hơn là sự thiếu vắng bí ẩn cái tính cách riêng đó.”

“Em thực sự không thể chịu nổi thằng bé đó, đúng không?” Ned hỏi.

“Em không chịu được bất cứ tính xấu nào của nó”, tôi nói. “Em chỉ, ừm, đây là một thời điểm quan trọng trong cuộc đời Jonathan. Em không chắc liệu nó có nên chơi cùng với một đứa như vậy không. Anh có nghĩ rằng Bobby hơi chậm phát triển không?”

“Em yêu, rồi sự ham mê sẽ mất đi thôi. Hãy tin vào con trai em hơn một chút. Chúng mình đã

nuôi nấng nó mười ba năm rồi, chắc là chúng mình cũng đã dạy được cho nó ít nhiều.”

Tôi không nói gì. Điều tôi muốn nói là: “Em mới là người đã dạy cho nó ít nhiều, còn anh thì chỉ rúc vào cái rạp chiếu phim đó thôi.” Nhưng tôi im lặng. Chúng tôi nằm chờ giấc ngủ đến. Đêm đó chúng tôi sẽ không làm tình. Tôi cách xa khả năng đó hàng dặm. Tuy nhiên, tôi nghĩ chúng tôi còn nhiều thời gian.

Có lẽ tôi đã quá cố chấp khi vẫn muốn được là bạn của Jonathan. Đáng lẽ tôi nên tách mình ra xa hơn. Tôi hoàn toàn không thể tin rằng đứa con trai mà tôi thường chơi và chia sẻ những bí mật cùng – đứa trẻ yếu đuối vẫn hay kể cho tôi nghe bất cứ chuyện gì xảy ra trong đầu nó – đột nhiên cần được đối xử bằng những khuôn phép lịch sự mà người ta có thể áp dụng với một người khách trọ.

Những ván bài quen thuộc của chúng tôi, cũng như những chuyến đi mua sắm vào ngày thứ Bảy, đã đến hồi kết. Bobby vẫn tiếp tục mặc chiếc áo gió màu xanh của Jonathan, và bắt đầu mặc cả áo sơ mi của Jonathan nữa. Khi nó ở lại qua đêm, nó ngủ trên cái giường xếp trong phòng Jonathan. Nó vẫn thân mật với tôi theo kiểu dân hạp cư bắt chước người khác của nó.

Một buổi sáng tháng Ba, tôi đang bỏ quả bưởi chùm cho bữa sáng. Jonathan ngồi một mình ở bàn ăn, đó là một trong những buổi sáng mà Bobby không ở cùng chúng tôi.

Tôi nói: “Trông có vẻ như trời sắp mưa ấy”.

Một khoảnh khắc trôi qua. Jonathan nói: “*Zâng, có zẻ thế*”.

Nó đang nhại theo giọng miền Nam của tôi.

Đáng lẽ tôi nên bỏ qua sự chế nhạo đó. Đáng lẽ tôi chỉ nên lờ nó đi và dọn đĩa bưởi chùm ra. Nhưng thay vào đó, tôi quay lại và nhẹ nhàng nói: “Con nói gì vậy?”

Nó chỉ cười như thể vô cùng mãn nguyện.

Tôi hỏi lại: “Con nói gì vậy, con yêu? Mẹ không chắc mẹ có nghe đúng không.”

Nó đứng lne, nó ra khỏi nhà và nói: “*Má nên tin rằng bữa mai con sẽ bỏ ăn sáng, má êu à.*” Khi nó bỏ đi, con mắt trên lưng áo khoác cứ nhìn tôi chằm chằm.

Điều đó xảy ra một lần nữa vào buổi tối, khi chúng tôi đang xem ti vi. Tối hôm đó, Bobby ở cùng chúng tôi. Ned đang ở rạp chiếu phim, còn chúng tôi, bao gồm tôi và hai thằng bé, đang xem một bộ phim chiếu lại tên là *Chuyến du hành đến các vì sao*. Tôi hỏi: “Ông Spock có lẽ không mấy hài hước ở các cuộc vui, nhưng mẹ thích ông ta nhất.”

Jonathan nói: “Ông ta đang thi hành nhiệm vụ năm năm trong vũ trụ đấy. Nếu mẹ cưới ông ta, mẹ sẽ cần một tá cậu con trai để làm bạn.”

Đáng lẽ tôi nên cười theo như một người bạn thật sự nhưng tôi vẫn quá ngạc nhiên bởi cái thói xấc xược thẳng thừng mới mẻ này. “Mẹ phần nào nghĩ rằng chúng ta là bạn của nhau”, tôi nói.

“Đúng vậy”, nó nói. “Những đứa con trai chẳng thích gì khác ngoài việc đi mua sắm và nấu ăn”.

Bobby ngồi trên sàn, như thói quen thường lệ của nó. Không hiểu sao nó không thích ngồi ghế.

Nó nói: “Thôi đi, Jon”.

“Chỉ đùa thôi mà”, Jonathan nói.

“Ừ, nhưng dù sao cũng thôi đi”.

Và thế là Jonathan thôi thật. Nó xem chương trình đó và không bình luận gì thêm. Chân nó trông to và khá nặng nề trong đôi giày cao bồi màu đen mà nó đã đòi mua.

Bobby đã cắt móng tay và chịu chải tóc. Có vẻ nó đã thay đôi giày ống bằng đôi giày vải đơn giản màu đen.

Nó luôn lễ phép với tôi. Thực ra thì còn hơn cả lễ phép: nó rất cung kính, theo kiểu của nó. Nó hỏi tôi về tất cả những món ăn mà tôi đã nấu trong bữa tối, và hỏi thăm ngày hôm đó của tôi trải qua ra sao. Việc trả lời nó không phải lúc nào cũng là dễ dàng, vì tôi không bao giờ biết chắc mình đang nói chuyện với ai. Nó vẫn một mực giữ lấy cái phong cách nước ngoài của nó, dù dần dần nó đã tiến bộ hơn trong việc bắt chước chuẩn mực trong sáng của một nhân vật trên truyền hình. Những hành động của nó đã lịch sự hơn. Nó bắt đầu cắt tóc, và thậm chí còn mặc vài bộ quần áo mới mà không phải là đồ của Jonathan.

Một đêm tháng Năm, tôi đang đi qua phòng của Jonathan thì nghe thấy tiếng nhạc không gào rú và ồn ào như bọn chúng thường mở. Tôi đã quá quen với tiếng nhạc ầm ĩ không dứt của chúng, như kiểu người ta quen với một con chó hay sữa. Thế nên với tôi, những tiếng guitar điện tử và trống bass đã trở thành một loại yên tĩnh mới. Nhưng thứ âm nhạc đặc biệt này – với duy nhất một giọng ca nữ ngọt ngào được đệm tiếng dương cầm – rõ ràng vẫn là một âm thanh nghe thấy được.

Tôi ngập ngừng bên ngoài phòng Jonathan. Rồi tôi gõ cửa và ngạc nhiên trước âm thanh rụt rè khe khẽ phát ra khi những đốt ngón tay tôi gõ vào cánh cửa gỗ. Nó là con trai tôi, đang sống trong nhà tôi cơ mà. Tôi có quyền gõ cửa phòng nó chứ. Tôi gõ lại, mạnh hơn.

“Dạ?” Nó nói vọng ra từ bên trong.

“Mẹ đây”, tôi nói. “Mẹ vào một lát được không?”

Chỉ có sự im lặng, lấp đầy bởi những phím dương cầm tình tang. Một lát sau, Bobby mở cửa.

“Chào cô”, nó nói. Nó đứng đó, cười cười, trông khá kỳ cục – lúng túng – trong chiếc áo sơ mi kẻ sọc và chiếc quần jean. Tôi có thể thấy Jonathan ngồi ở phía trong, cau có trong đôi giày ống màu đen và chiếc áo phông.

“Mẹ không định làm phiền các con đâu”, tôi nói, và thấy bức mình với cái giọng hèn nhát của mình. Tôi giống như một người thân nghèo khổ, đến để ăn bữa tối trách nhiệm thường niên của cô ta.

“Không sao”, Bobby nói. “Không sao đâu ạ”.

“Cô chỉ, ừm, cô cứ thắc mắc không biết đó là loại nhạc gì. Nó nghe thật... lạ.”

“Cô thích nó à?” Bobby hỏi.

Đó có vẻ là một câu hỏi bẫy. Liệu tôi có nên nói thật để rồi bị giễu cợt? Sau đó, gạt qua một bên những e dè của mình, tôi trả lời như một phụ nữ ba mươi lăm tuổi. “Nghe hay lắm”, tôi nói. “Ai đang hát vậy?”

“Laura Nyro[25] a”, Bobby nói. “Vâng, cô ấy hát rất hay. Đĩa này cũng cũ rồi, cô có muốn vào nghe một lát không?”

Tôi liếc sang Jonathan. Dĩ nhiên là tôi nên từ chối. Lẽ ra tôi nên đi làm những công việc thầm lặng của mình, gấp những cái khăn và ga trải giường. Nhưng tôi lại nói: “Có chứ, nhưng chỉ một lát thôi”, và bước vào căn phòng đó với vẻ cảm kích, nơi mà trước đây tôi được tự do ra vào. Từ năm ngoái, Jonathan gần như đã dán kín tường bằng những tấm áp phích của những ca sĩ nhạc rock tóc dài cau có. Giọng hát của nữ ca sĩ đó, cao vút và uyển chuyển, mong manh tràn ngập căn phòng, bị vây quanh giữa tất cả những ánh mắt nam giới gay gắt này.

Jonathan ngồi trên sàn, đầu gối áp sát vào ngực và tay ôm lấy ống chân. Nó đã ngồi kiểu đó từ khi lên bốn – một dáng vẻ hờn dỗi. Tôi bỗng thấy, có lẽ là lần đầu tiên, một người đàn ông mới lớn luôn ẩn mình bên trong một cậu bé như thế nào. Nó sẽ mang y chang những điệu bộ đó theo nó vào thế giới người lớn. Tôi thấy hơi ngạc nhiên, dù đó là điều dễ hiểu nhất. Trước đây không hiểu sao tôi cứ ngỡ rằng rồi Jonathan sẽ biến hẳn thành người lớn, bỗng một ngày trở thành một người xa lạ ân cần, tốt bụng. Tôi thấy rằng tôi vừa đúng vừa sai về điều đó.

Bobby nhấc bìa đĩa lên và giơ ra cho tôi, như thể tôi đến để xem xét việc mua đĩa. “Nó đây ạ”, nó nói. Khi tôi cầm lấy cái bìa đĩa, mặt nó đỏ bừng, vừa hãnh diện vừa ngượng ngùng.

Cái bìa đĩa có màu sô-cô-la sẫm. Nó được minh họa bằng hình ảnh một người phụ nữ khá giản dị với vàng trán cao, xanh xao và mái tóc đen mềm mại rẽ ngôi giữa. Có lẽ cô là một sinh

viên mờ nhạt, không nổi bật ở một trường nữ sinh, một kẻ đáng thương hơn là đáng để chế nhạo. Tôi biết rõ những cô gái đó. Chính tôi cũng từng cảm thấy mình có nguy cơ trở thành một người như thế, do đó tôi đã ép mình phải thay đổi. Dám ăn nói mạnh dạn và liều lĩnh, dám hẹn hò với những anh chàng mà bạn không thể đem về nhà gặp mẹ mình. Ned Glover đã đến từ Michigan trong một chiếc xe mui trần màu xanh tía chớp, một người đàn ông hài hước, tinh tế, lớn hơn tôi nhiều tuổi.

“Hay quá”, tôi nói. “Giọng cô ấy hay thật.”

Nó nghe hết như câu trả lời của một người phụ nữ trung niên đứng đắn. Tôi nhanh chóng đưa trả Bobby cái bìa đĩa, như thể nó quá đắt so với mức chi trả của tôi.

“Cô ấy đã thôi hát”, Bobby nói. “Cô ấy đã lấy chồng và, ờ, chuyển đến Connecticut hay đại loại thế.”

“Cô rất tiếc”, tôi nói.

Chúng tôi đứng đó lúng túng, như những người lạ tại một bữa tiệc. Tôi có thể cảm thấy cái áp lực muốn tống tôi ra khỏi phòng của Jonathan. Nó như một vật hiện hữu, một áp lực trên trán và vai tôi.

“Chà”, tôi nói. “Cảm ơn vì đã để cho một bà già xâm nhập vào đây nhé”.

“Có gì đâu ạ”, Bobby nói. Một bài hát đã hết và bài khác bắt đầu, một bài có giai điệu nhanh hơn mà tôi nghĩ là mình nhận ra. Đúng rồi, *Jimmy Mack*, từng được Martha and the Vandellas[26] hát.

“Cô biết bài này”, tôi nói. “Ý cô là, trước đây cô đã từng nghe nó.”

“Thế ạ?” Bobby nói.

Và rồi nó làm một điều kỳ cục. Nó bắt đầu nhảy.

Tôi chỉ có thể nghĩ rằng nó đã mất khả năng ngôn ngữ và buộc phải dùng đến thứ mà nó quen thuộc. Nó làm thế một cách tự động, như thể đó là bước tiếp theo hợp lý của một cuộc đối thoại. Nó bắt đầu lắc hông, giậm chân nhún nhảy theo điệu nhạc. Đôi giày vải cả nó kêu rin rít trên sàn.

“Đúng, đúng nó rồi”, tôi nói. “Đây là một bài hát xưa lắm rồi.”

Tôi liếc sang Jonathan, nó có vẻ ngạc nhiên. Nó nhìn lại tôi, và trong một thoáng chúng tôi lại tìm thấy sự đồng lõa cũ của mình. Chúng tôi đều đang kinh ngạc trước những tập quán của người địa phương. Tôi phần nào mong rằng khi chúng tôi còn lại một mình bên nhau, nó có thể bắt chước Bobby – nhảy múa với đôi vai rộng và khuôn mặt ngờ nghệch – chỉ để làm cho tôi cười.

Nhưng rồi Bobby cầm lấy tay tôi và nhẹ nhàng kéo tôi về phía trước. “Cùng nhảy nào”, nó nói.

“Ôi, không. Tuyệt đối ko được.”

“Không thể nói không”, nó vui vẻ nói. Nó không thả tay tôi ra.

“*Không*”, tôi lặp lại. Nhưng lời từ chối của tôi chẳng hề có uy lực. Có lẽ do tôi bị chi phối bởi nền giáo dục miền Nam của mình, bởi cái quyết tâm bẩm sinh phải luôn tránh điều khó chịu trong xã giao bằng bất cứ giá nào. Tôi khẽ mỉm cười khi nói lời từ chối mà không hề định thế.

Nó nhẹ nhàng cùng tôi xoay theo điệu nhạc. Nó nhảy giỏi hơn hẳn cái bộ dạng mà bình thường nó vẫn thể hiện. Khi còn trẻ, tôi đã nhảy rất khá – đó là một trong những quyết tâm mà tôi thực hiện được, một đặc điểm nổi bật của con người mà tôi muốn trở thành – và tôi đã nhận ra những dấu hiệu. Có những anh chàng mà bạn biết bạn có thể tin cậy vào họ trên sàn nhảy, bạn biết điều đó gần như ngay lập tức, nhờ vào cảm giác hơn là vẻ ngoài của họ. Có những người khiêu vũ truyền ra không khí một cảm giác tự tin và vững vàng. Họ có một vẻ duyên dáng, cởi mở khiến bạn bị thu hút, chỉ cần họ chạm tay vào bạn, bạn sẽ biết được rằng bạn không thể làm một động tác sai. Bobby là một người khiêu vũ như thế. Tôi sẽ không ngạc nhiên hơn nếu nó thả ra một đàn chim bồ câu còn sống từ dưới cổ tay áo kẻ sọc của nó.

Tôi hưởng ứng theo. Tôi cầm lấy bàn tay còn lại của nó và nhảy cùng nó, duyên dáng nhất có

thể, trong căn phòng chật hẹp, trước đôi mắt bất đồng của con trai tôi và ánh nhìn hằn học của những ca sĩ nhạc rock. Bobby mỉm cười ngượng ngịu. Giọng của nữ ca sĩ vang lên qua từng nốt nhạc với sự phóng túng sâu não, như một người họ hàng nhút nhát thoát khỏi vỏ bọc e dè của mình một cách nhanh chóng và cuồng nhiệt.

Sau khi bài hát kết thúc, tôi rút tay lại và vuốt tóc mình. “Chúa ơi”, tôi nói. “Hãy xem cháu đã dẫn dắt một bà già làm gì này.”

“Cô giỏi quá”, Bobby nói. “Hóa ra cô biết khiêu vũ.”

“Trước đây thôi. Từ đời nào đời nào rồi.”

“Đâu mà”, nó nói. “Tiết tục nào.”

Tôi lại nhìn sang Jonathan, và thấy đúng như những gì mình nghĩ: tất cả vẻ đồng lõa bùng ra trên mặt nó. Nó nhìn tôi chằm chằm, không hẳn là vẻ căm ghét mà là ẻ không nhận ra, như thể tôi chỉ là người nào đó giống mẹ nó mà thôi.

“Đã nửa đêm rồi”, tôi nói. “Cô rất muốn ở lại, nhưng cô còn phải gấp ga trải giường nữa.”

Tôi nhanh chóng ra khỏi phòng. Trong chưa đầy một phút, giọng nữ ca uyển chuyển đã bị thay thế bởi một giọng nam mạnh mẽ và tiếng guitar điện tử chói tai.

Đêm đó Ned về nhà muộn, sau khi tôi đã đi ngủ. Tôi thức giấc và thấy anh đang nằm cạnh tôi, hơi thở sâu và lông mày chau lại trong một giấc mơ. Tôi nằm ngắm anh một lúc. Ned đã từng là một cậu bé. Có lẽ tôi chưa bao giờ khắc ghi điều đó trong lòng, dù dĩ nhiên tôi đã thấy những bức ảnh của anh hồi đó: cậu bé Ned đang nhe răng cười dưới một cái mũ quả dưa quá cỡ, cậu bé Ned gầy gò với đôi bàn chân to bè trong đôi xăng đan ở bãi biển. Đích thân tôi đã đóng gói một thùng carton đựng những chiếc ô tô bằng sắt và những chú lính chì của anh để cất vào tầng áp mái. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ hoàn toàn hiểu rõ điều đó. Người đàn ông nằm đây đã từng là một đứa bé. Khi lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, anh mới hai mươi sáu còn tôi mười bảy, nhưng trong mắt tôi, ngay cả hồi đó anh cũng đã là một người trung niên. Có lẽ anh được sinh ra để làm người lớn. Những bức ảnh và những món đồ chơi kia có lẽ chỉ là di vật của một cậu bé đã mất sớm, người trước đây từng sống trong một ngôi nhà cũ, và đã mang theo ý thức về khả năng vô hạn ra khỏi thế giới cùng cậu khi cậu ra đi. Những gì còn lại là đồ sứ được cất đằng sau tủ kính và vẻ nhần nại của những bông hoa violet châu Phi – một cuộc đời già cả bình thản. Nhưng giờ đây, như thể là lần đầu tiên, nằm bên Ned, tôi có thể thấy đường cong trẻ trung của khuỷu tay anh lấp ló dưới gối, thấy bắp thịt trai tráng của bộ ngực đã trở nên rậm rạp và mệ mội. Con người tội nghiệp, tôi nghĩ. Cậu bé tội nghiệp.

Tôi giờ tay lên vuốt ve vai anh. Đáng lẽ tôi nên hôn anh. Đáng lẽ tôi nên lướt tay mình trên bộ ngực rậm rạp của anh. Nhưng cảm giác mới mẻ của tôi về vẻ đẹp ngây thơ của anh vẫn còn quá mong manh. Nếu anh tỉnh dậy và hôn tôi thật mãnh liệt, nếu anh siết chặt sườn tôi, nó có thể hoàn toàn sụp đổ. Vì thế tôi tạm bằng lòng với việc ngắm anh và vuốt ve bờ vai êm ái, mềm mại của anh.

BOBBY

Bố tôi đã tự mua cho mình một cặp kính mới – kiểu phi công, với gọng kính mảnh mai màu hồng ánh kim. Ông đến cửa phòng tôi và đứng tạo dáng ở đó, nghịch ngợm chống một bên khuỷu tay lên khung cửa.

“Bobby, con nghĩ thế nào?” Ông hỏi.

“Dạ?” Tôi nói. Tôi đang nằm đeo tai nghe trong bóng tối, hút cần sa và nghe Jethro Tull^[27]. Âm nhạc đã choán hết ý thức của tôi và tôi cần đến vài phút để quay trở lại với cái thế giới của nguyên nhân và hệ quả.

“Bobby, con nghĩ thế nào?” Ông hỏi lại.

“Con không biết,” cuối cùng tôi trả lời. Ông sẽ phải cho tôi thêm thời gian để đáp lại câu hỏi đó.

Bố tôi chỉ vào đầu mình. Ông đang đứng ở chỗ sáng. Những tia sáng hàng trăm oát đang bủa vây quanh ông, xuyên quann cảnh tranh tối tranh sáng trong phòng tối.

Tôi nghĩ gì về đầu ông à? Đó quả thực là một câu hỏi quá rộng, có lẽ vượt xa tầm hiểu biết của tôi.

“Chà”, tôi nói. Rồi bỏ lửng ở đó.

“Kính của bố”, ông nói. “Bobby, hôm nay bố có một cặp kính mới”.

Một thoáng trôi qua. Ông nói: “Con nghĩ thế nào? Nó trông có hơi trẻ so với bố không?”

“Con không biết”, tôi nói. Tôi có thể nhận thấy giọng mình nghe ngốc nghếch và trống rỗng thế nào. Nhưng tôi đành bó tay trước những câu hỏi của ông. Ông giống như một thiên thần đang đặt ra những câu đố khó hiểu.

Ông thở dài, một tiếng xì chầm chậm. “Thế thôi”, ông nói. “Bố đi nấu bữa tối đây”.

“Vâng, thưa bố”, tôi nói, hy vọng sẽ phát ra một giọng vui vẻ và hợp tác. Tôi nhắm lại trong óc – tối nay đến lượt ông hay tôi nấu cơm? Hôm nay là thứ Ba. Đến lượt ông. Tôi đã đúng.

Sau khi ông đã rời khỏi cửa, tôi mới nhận ra những câu hỏi của ông là những câu đơn giản. Ông đã đổi cặp kính gọng đồi mồi của mình để lấy một kiểu đặc biệt hơn và muốn được ủng hộ. Đáng lẽ tôi nên theo ông vào bếp, gọi lại chuyện đó. Nhưng tôi không làm thế. Tôi bị thú vui của bản thân đè bẹp, và tự cho phép mình quay lại với âm nhạc và bóng tối.

Một lúc sau, bố tôi gọi tôi ra ăn tối. Ông đã làm món thịt bò nướng và khoai tây chiên. Ông nhấp rượu Scotch từ một chiếc cốc được trang trí hình những lát cam tròn và có múi được chia đều nhau theo những chiếc bánh xe.

Mất một lúc, chúng tôi chỉ lặng lẽ ăn mà không nói gì. Một khi im lặng bao quanh chúng tôi, chúng khó có thể bị phá vỡ. Chúng cứ dai như đĩa xôi ấy. Cuối cùng, tôi nói: “Cặp kính đó trông hay đấy chứ. Ý con là con thích nó.”

“Bố nghĩ trông nó hơi trẻ quá”, ông nói. “Bố e rằng một người đàn ông ở tuổi bố trông có vẻ hơi ngớ ngẩn khi đeo một cặp kính như thế này.”

“Không đâu. Ai cũng có thể đeo kiểu này mà. Nó trông rất hay.”

“Con thực sự nghĩ vậy à?”

“Vâng”, tôi nói.

“Ừm”, ông nói. “Bố rất vui khi nghe con nói thế. Bố rất vui khi được một người trẻ tuổi góp ý về vấn đề này.”

“Quả thực là như vậy. Bố biết đấy, trông nó rất đẹp.”

“Tuyệt.”

Tiếng dao đĩa chạm vào đĩa lạnh canh. Tôi có thể nghe tiếng cổ họng bố tôi nuốt thức ăn.

Ông vẫn đang nhuộm tóc hàng tuần nay. Ông đã lập kế hoạch nhuộm nó từng chút một – cứ vài ngày, ông lại nhuộm thêm một ít. Theo cách này, ông hy vọng có thể làm ra vẻ như đó là một sự thay đổi tự nhiên, như thể thời gian đã tự đảo ngược, nằm ngoài ý muốn của cá nhân ông.

Đây là giải pháp của ông – già đi trong những chiếc áo sơ mi cổ rộng và những chiếc áo gi lê da, thử mọi thứ kết hợp giữa ria mép, râu cằm và tóc mai. Tôi đã từng thấy ông trong những bức ảnh cũ thời trai trẻ, một nhạc công say xỉn, lang thang với những chiếc áo phông để lộ đôi tay vạm vỡ, đã đâm sầm vào những giới hạn tài năng của chính mình và yêu một phụ nữ nông thôn, một góa phụ hiểu biết về hạt giống và những vụ thu hoạch.

Rồi tôi chợt nhớ. Đột nhiên nó nảy ra trong óc tôi: hôm nay là ngày giỗ của mẹ tôi. Đã hai năm rồi.

Ông rót tiếp chai Ballantine vào cốc của mình và nói: “Bố hỏi con một câu nữa nhé”.

“Vâng.”

“Con nghĩ sao về một chiếc xe mới?”

“Con không biết”, tôi trả lời. “Xe nhà mình đang dùng không tốt sao?”

Ông đặt cốc rượu xuống mạnh đến nỗi làm văng cả những giọt rượu Scotch và một viên đá cỡ bằng móng ngón tay cái ra mặt bàn. “Đúng”, ông nói. “Con hoàn toàn đúng. Hoàn toàn không cần thiết phải thay đổi bất cứ thứ gì. Bố không thể đồng ý hơn.”

Chiếc đồng hồ quả lắc kêu tích tắc. Tôi nói: “Mua xe mới cũng được, bố ạ.”

“Bố đang nghĩ đến một loại xe thời trang hơn một chút”, ông nói. “Có thể là một mẫu xe nước ngoài, có mùi.”

“Vâng. Tuyệt lắm ạ.”

“Kiểu xe nào thoáng gió một chút.”

“Vâng.”

Chúng tôi tiếp tục ăn. Khuôn mặt bố tôi thờ ơ và lạc quan. Ông đang loại bỏ từng sợi tóc muối tiêu. Đôi mắt ông ướt đầm đằng sau cặp mắt oval của đôi kính mới.

Mẹ tôi đã chết dần chết mòn trước khi thực sự qua đời. Bà đã ở lì trong phòng khách, thi thoảng lăm lăm mới lặng lẽ xuất hiện trong chiếc áo choàng tắm màu lam nhạt. Một lần, khi bà đi qua tôi ở hành lang trên đường vào buồng tắm, bà đã dừng lại để vuốt tóc tôi. Bà không nói gì. Bà nhìn như thể bà đang đứng trên sân ga giữa một miền quê bằng phẳng khô ráo, còn chuyến tàu chờ tôi đang chuyển bánh để đi lên một thế giới trên vùng núi cao.

Sau khi bố tôi và tôi phát hiện ra bà, ông đã gọi điện và rồi chúng tôi ngồi bên nhau, ông và tôi, trong căn phòng khách vắng lặng. Chúng tôi để bà một mình – có vẻ đó là điều lịch sự cần làm. Chúng tôi ngồi yên lặng, chờ cảnh sát và những người trợ giúp về y tế đến. Chúng tôi không nói gì.

Trong phòng ăn, khung cảnh nông trại mùa thu vẫn không thay đổi. Đàn bò vẫn quăng xuống những cái bóng màu da cam, và đám cây vắn nhú lên những chiếc lá vàng. Bố tôi từ tốn nhấm món thịt bò, không hề động đến những miếng khoai tây. Tôi ăn xong, mang đĩa của mình xuống bếp và xếp vào chồng đĩa. Một con ruồi lớn, óng ánh, đang mài miết lang thang trên một góc mờ cừu vàng ươm. Những tấm rèm vẫn phô bày họa tiết hình những ấm trà màu xanh dương.

Sau đó, lúc bố tôi đã đi ngủ, tôi trở dậy và đi loanh quanh. Tôi đã dùng một viên Dexedrine[28] sau khi tan học, nghĩ rằng mình có thể dọn dẹp nhà cửa, nhưng thay vào đó tôi lại chìm đắm trong âm nhạc. Hai điều cần sa vẫn không làm giảm bớt tác dụng của nó để tôi có thể ngủ được, vì thế sau khi bố tôi đã nốc sạch chai rượu và yên vị trên giường, tôi dạo một vòng qua các phòng, đầu tôi ong ong và nóng rực như một cái bóng đèn đang thắp sáng. Bên dưới tất cả sự lộn xộn này là bản sao hoàn hảo của một ngôi nhà, giống như phiên bản của những đồ vật thời xưa mà người ta đặt trong các bảo tàng ở những thị trấn nhỏ. Đây là phòng khách của họ, một chiếc sofa màu đỏ anh đào từng bị coi là đồ bỏ đi và một cái chậu tắm bằng đồng thau cũ chứa những khúc gỗ để nhóm lò sưởi. Đây là cửa trước, bằng gỗ sồi màu vàng, với duy nhất một ô cửa sổ bằng kính mờ mà qua đó ta có thể nhìn thấy hình dáng lờ mờ của những người lạ. Và đây là phòng giải trí, được đóng ván ô, với tấm thảm rách giống như một điểm đen trên sàn nhà lát vải sơn màu nâu.

Sau tai nạn, bố tôi đã cố bán ngôi nhà. Nhưng trong vòng sáu tháng, người khách có hứng thú duy nhất đã đưa ra cái giá chỉ nhỉnh hơn một nửa giá thị trường. Khu này ở Cleveland không nằm trong dự án phát triển.

Âm nhạc đang vang lên trong đầu tôi. Tôi đi dọc hành lang đến phòng bố tôi. Đầu tôi là một cái radio rực sáng – trong một thoáng tôi tin rằng tiếng nhạc sẽ đánh thức ông dậy. Tôi đứng trước cửa phòng ông, ngắm nghía những đường vân gỗ. Tôi mở cửa và rón rén bước vào.

Bố tôi ngáy ầm ầm. Từng giây cứ vun vút trôi qua theo những con số màu đỏ trên mặt chiếc đồng hồ điện tử của ông. Tôi đứng đó, chỉ đứng đó, khi thời gian trôi qua trên chiếc bàn cạnh giường. Đầu tôi đang vang lên bài Aqualung. Vào lúc đó, tôi đã hiểu được tâm lý của những kẻ sát nhân tâm thần. Tôi có thể ôm lấy đầu ông, vuốt ve mái tóc đen nhánh của ông. Tôi có thể

đắm ông và cảm thấy rằng ông vỡ tan ra những viên đường, rồi nghe tiếng chúng rơi lả tả xuống sàn. Tôi hiểu được sự im lặng tăm tối của thế giới, và ánh sáng cùng tiếng động lách cách phát ra bên trong bạn. Tôi có cảm giác của một bộ đồ du hành vũ trụ.

Tôi có thể đến giết bố tôi. Bây giờ, ngay lúc này, tôi có thể lén trèo lên và ấn một cái gối lên mặt ông. Ông say đến nỗi khó mà chống trả được. Tôi có thể thấy mình đang làm thế. Bộ phim đang chiếu trong đầu tôi, với nhạc nền của Jethro Tull. Một chiếc gối trắng như tuyết và cơ thể tôi đang ấn ông xuống; một sự vẫy vùng trong chớp nhoáng và tiếp đó là trạng thái lịm đi của người bị ngạt thở. *Này anh bạn Aqualung, đừng lo lắng như thế.*

Hoặc tôi có thể đặt một nụ hôn lên vầng trán lo âu của ông. Ông cũng say đến nỗi chẳng biết gì về việc đó nữa. Tôi có thể trèo lên giường với ông và chìm đắm vào sự ấm áp thơm như xạ, thứ mùi hòa quyện giữa rượu Scotch, mùi hương tỏa ra từ nách và nước hoa British Sterling ấy. Tôi đứng một lát bên giường ông, cân nhắc những khả năng đó.

Cuối cùng, điều tôi làm là bỏ đi. Tôi ra khỏi phòng bố tôi, đi trên hành lang và qua cửa trước để bước ra màn đêm Cleveland lấp lánh ánh sao và ánh đèn đường.

Gia đình Glover sống cách nhà tôi gần một dặm, trong ngôi nhà có những ô cửa sổ hình thoi. Một cây liễu gai trắng kéo kết đu đưa trước hiên nhà, diêm dúa như một chiếc đăng ten bị đóng băng. Tôi đứng giữa những bông diên vĩ, ngắm nhìn ngôi nhà của họ. Đó là đầu tháng Sáu, những bông hoa thì thào quanh đầu gối tôi. Len lén như một tên trộm, tôi ẩn mình trong bóng tối, quan sát nhà họ. Ánh sáng hắt ra từ cửa sổ phòng Jonathan, đó là quãng sáng màu ngà lơ mờ tỏa ra từ chiếc đèn ngủ cổ uốn cong đặt cạnh giường cậu. Cậu đang đọc truyện của John Steinbeck[29] cho giờ học ngày mai, và sau đó sẽ kể cho tôi nghe. Tôi rón rén đi đằng sau một cây dâu. Ánh đèn nhà bếp hắt một hình chữ nhật dài lên thảm cỏ khi cô Alice lau thìa và những cái chén đo. Tôi không thể trông thấy cô nhưng tôi biết những động tác của cô – cô nhanh nhẹn và chắc chắn như bản thân khoa học, dù cô quan tâm đến sự hoàn hảo nhiều hơn là ngăn nắp. Những cái chảo gang luôn bóng loáng, những tờ báo Chủ nhật vẫn yên vị trong phòng khách vào một đêm thứ Tư. Nhà Glover luôn chăm chút cho nhà cửa được tương đối sạch sẽ mà không liên quan mấy đến sự gọn gàng. Mọi thứ luôn được để nguyên.

Tôi nán lại trong bóng tối khi cô tắt đèn bếp và đi lên gác. Khoảng một giờ nữa hay hơn chú Ned mới về nhà. Tôi len lén đi quanh đúng lúc thấy đèn phòng cô bật lên qua cửa sổ. Tôi ngắm nhìn cửa sổ phòng cô và những cửa sổ khác nữa, những cánh cửa mở vào những căn phòng trống. Đằng sau cặp cửa sổ tối đen là bóng tối lập lờ của phòng ăn, nơi bộ đồ dùng trà bằng bạc đang tỏa ra một thứ ánh sáng lấp lánh đầy lạnh lẽo. Đằng sau ô cửa sổ thứ ba, nhỏ hơn, là phòng giặt đồ, với mùi thuốc tẩy vải đặc trưng của nó. Trên gác, bóng cô Alice thấp thoáng qua ô kính cửa sổ.

Tôi chờ đợi, quan sát, cho đến khi xe của chú Ned đỗ lại. Tôi có thể thấy chú đi từ ga ra đến cửa trước, chiếc áo sơ mi trắng loang loáng ánh đèn pin, những đồng xu kêu leng keng trong túi. Ned vuốt tóc bằng keo Vitalis, mặc quần Sansabelt. Tôi nghe tiếng chú lách cách xoay chìa khsoa trong ổ - một sự vừa vặn hoàn hảo. Chú tắt đèn và đi lên gác. Tôi có thể cảm thấy dáng đi của chú. Cô Alice đang đợi chú, tóc cô được buộc cao vống lên. Jonathan vẫn đọc sách trong phòng cậu, miệt mài với câu chuyện mà ngày mai cậu sẽ kể cho tôi.

Tôi ngồi giữa những bụi cây cho đến khi đèn đóm tắt hết, cho đến khi ngôi nhà ngủ yên trong màn đêm. Rồi tôi từ từ đi một vòng quanh nó, với những ngôi sao và những hành tinh đang lung linh tỏa sáng trên đầu. Phía trên cao đó, những định tinh đang sinh ra và va chạm vào nhau, tạo nên những cái hố trong thiên hà, kéo theo ánh sáng của chúng vào thế giới tiếp theo. Còn ở dưới này, trong một đêm trên trái đất râm ran tiếng dế kêu và vo ve tiếng muỗi, tôi đang đi theo một quỹ đạo với tâm là ngôi nhà của gia đình Glover.

ALICE

Bobby đã bỏ được kiểu nói đều đều như máy nhịp và chuyển sang giọng điệu trẻ con du dương. Nó thường lên giọng ở cuối mỗi câu, vì thế mỗi lời nó nói đều nghe như một câu hỏi

háo hức, thăm dò. Mái tóc bù xù của nó, sau khi quy thuận cây kéo của thợ cắt tóc, đã biến thành một mái tóc ngắn trông như bị bỏ liếm. Một lần, khi nó đứng nhe răng cười trước cửa nhà tôi vào buổi trưa, tôi thấy rằng nó đã bôi kem che khuyết điểm màu da lên đám mụn trên mặt.

Tuy nhiên, nó không bao giờ có thể thay đổi hoàn toàn được. Nó vẫn còn một nét gì đó hư hỏng, hơi nguy hiểm – một nét gì đó thêm khát và cảnh giác. Điều đó được thể hiện rõ ở bữa tối, khi nó vét sạch đĩa của nó, và được thể hiện ở sự lễ phép không đổi của nó. Chỉ những kẻ ty nạn mới có thể lịch sự không ngừng từ sáng đến khuya như vậy. Và, thêm nữa, hình ảnh cậu bé Bobby mà nó vẫn đang cố gắng trở thành không bao giờ có thể nhảy múa được như nó.

Nó bắt đầu mang những đĩa nhạc mà nó nghĩ là tôi thích – một thứ âm nhạc du dương, nhẹ nhàng hơn thể loại mà Jonathan ưa chuộng. Thi thoảng, nó gọi với xuống từ trên phòng Jonathan: “Cô Glover? Nếu cô không quá bận thì cô hãy lên đây và nghe thứ gì đó nhé?”. Hầu như lần nào tôi cũng đi lên đó. Tôi có thể bận gì được nào, nấu ăn và giặt giũ ư?

Tôi biết được một loạt những cái tên mới: Joni Mitchell[\[30\]](#), Neil Young, Boz Scaggs[\[31\]](#). Có lúc tôi chỉ ngồi nghe nhạc suông với hai đứa. Có lúc, khi một bài hát sôi động cất lên, tôi nhận lời mời khiêu vũ của Bobby.

Vũ đạo của nó quả là tuyệt vời. Cảm nhận về nhịp điệu của nó không thể nào bắt nguồn từ những mái đua đá hoa cương và những hàng rào cây hoàng dương ở Cleveland được. Khi khiêu vũ, nó quả thực là một người độc đáo – hông nó lắc lư với vẻ tự tin kêu gọi mang nét duyên dáng hơn là gọi tình, và tay chân nó thực hiện những động tác nhanh nhẹn, đáng ngạc nhiên qua cái không gian chật hẹp trong phòng con trai tôi. Khi bài hát kết thúc, nó cười và nhún vai, như thể khiêu vũ là một lời pha trò nhạt nhẽo đáng xấu hổ. Nó đã quay trở lại, một cách rõ rệt, với hình ảnh quen thuộc mà nó vẫn đang cố gắng tạo ra. Đó là hình ảnh những cậu bé ngoại ô xanh xao thường được các bà mẹ ưa thích.

Đôi khi Jonathan miễn cưỡng nhảy cùng chúng tôi, đôi khi nó hờn dỗi ngồi thu lu một chỗ, áp đầu gối vào ngực. Tôi không phải kẻ ngốc – tôi biết không một cậu bé mười lăm tuổi nào lại muốn mẹ mình tham gia vào cuộc sống bên ngoài xã hội của nó. Nhưng Bobby quá kiên quyết. Hơn nữa, Jonathan và tôi đã luôn là bạn tốt của nhau, bắt chấp mối quan hệ máu mủ của chúng tôi. Tôi cho rằng việc mình chấp nhận chút năng khiếu của Bobby về âm nhạc và khiêu vũ chẳng có gì là tai hại cả. Bản thân tôi cũng từng hơi phóng túng ở độ tuổi của Jonathan, cách đây không lâu lắm.

Jonathan đã nuôi tóc dài gần đến vai, chẳng đếm xỉa gì đến quy định về cách ăn mặc ở trường. Nó khâu những miếng vá sáng màu lên quần jean và nhất định mặc chiếc áo khoác da cũ của Bobby, ngay cả khi phần khuỷu tay đã bị rách. Lúc ở nhà, nó thường im lặng. Đôi khi sự im lặng của nó là do hờn dỗi, đôi khi chỉ đơn giản là nó không có gì để nói. Dù đã rất cố gắng, nhưng Jonathan không thể biến mình thành một kẻ xa lạ đối với tôi. Tôi hiểu nó quá rõ. Nó khiêu vũ lóng ngóng và vụng về hết như bố nó vậy, và cái tính cáu kỉnh xấc xược mà nó nhiễm phải cũng chỉ là hời hợt mà thôi. Khi không để ý, nó sẽ tự động rơi vào sự phục tùng mà không hề định thế. Nó sẽ cười trước khi nó nhớ ra là mình phải cau có.

Một đêm tháng Giêng, Bobby gọi tôi lên để nghe đĩa nhạc mới của Van Morrison. Tôi ngồi trên sàn với bốn trẻ, gật gù theo điệu nhạc. Bobby ngồi khoanh chân và thẳng lưng ngay bên trái tôi, như một tín đồ Yoga đang ngồi thiền. Jonathan ngồi xa hơn, khom mình hờn dỗi, đôi vai so lại phía trên đầu gối.

“Hay đấy”, tôi nói. “Cô thích anh chàng Van Morrison[\[32\]](#) này.”

“Van the Man[\[33\]](#)?” Bobby nhe răng cười. Đôi khi những lời nói của nó vẫn còn khó hiểu, dù nó chú ý kỹ lưỡng đến đâu. Tôi thường chỉ cười và gật đầu, như cách tôi sẽ làm với một người nước ngoài nói thứ tiếng Anh tuy quen thuộc nhưng rất khó nghe.

Có những lúc, ngay cả khi nó ăn nói ấp a ấp ứng, tôi vẫn hiểu được Bobby. Nó là một người nước ngoài đang nỗ lực để được đồng hóa. Chẳng phải chính tôi đã bị đưa đến một nơi lạnh lẽo, nơi mà hầu hết phụ nữ ở tuổi tôi và có hoàn cảnh như tôi đều thừa cân và không được học

hành đến nơi đến chốn sao? Nhiều năm trước, khi tôi vẫn còn đang cố gắng hòa nhập, những người phụ nữ ở PTA[34] và hội nhà thờ đã tặng tôi công thức làm món kem từ bánh pudding và những thanh kẹo, món xúc xích Đức nhúng trong mù tạc và mứt nho. Tôi không thể bức mình với Bobby vì những khó khăn mà nó gặp phải khi cố gắng tuân theo những lễ thói của địa phương.

“Van cũng khá đấy”, Jonathan nói. “Nếu mẹ thích thể loại này.”

“Anh ta thuộc thể loại gì?” Tôi hỏi.

“Ồ, nhẹ nhàng, mơ mộng. Một gã đàn ông tốt hát về tình yêu dành cho một phụ nữ ngoan.”

“Mình không biết, Jon”, Bobby nói. “Anh ta, cậu biết đấy, khá hơn thể chứ?”

“Anh ta cũng được”, Jonathan nói. “Chỉ hơi ảo là một chút thôi. Mẹ, mẹ có muốn con mở cho mẹ nghe thử âm nhạc thực thụ không?”

“Loại này có vẻ đủ thực thụ rồi đấy chứ”, tôi nói.

Jonathan nhìn Bobby, nụ cười của Bobby đã trở nên lo lắng và gượng gạo. “Đó là điều mẹ nghĩ thôi”, Jonathan nói. Nó nhồm dầy và gạt kim khỏi đĩa hát khi bài hát còn chưa kết thúc. Nó lòi một cái đĩa khác ra khỏi bộ sưu tập được cất trong một loạt những cái thùng gỗ màu cam xếp thành hàng kê sát tường.

“Đây là Jimi Hendrix”, nó tuyên bố. “Tay guitar đã khuấy vĩ đại nhất thế giới.”

“Jon”, Bobby nói.

“Mẹ sẽ thích loại nhạc này, mẹ ạ. Thật đấy. Con sẽ chỉnh âm lượng lên một chút, vì mẹ cần phải mở nhạc khá to khi nghe Jimi.”

“Jon”, Bobby nói. “Mình không biết liệu...”

Jonathan đặt kim vào mặt đĩa hát, và căn phòng vỡ òa trong tiếng guitar điện tử. Chúng ré lên inh ỏi như những con thú bị tra tấn. Một chuỗi bass thành linh vang lên, ồn ã và dai dẳng đến mức tôi cảm thấy gai gai nơi xương sống. Tôi có cảm giác tóc mình đang bị rối tung.

“Hay không ạ?” Jonathan hét lên. “Jimi là tuyệt nhất.”

Mắt chúng tôi giao nhau qua cơn bão âm thanh. Khuôn mặt Jonathan đỏ bừng, và mắt nó sáng rực. Tôi biết nó muốn gì. Nó muốn tống tôi ra khỏi phòng, hất tôi lộn nhào xuống vị trí quen thuộc của đồng đĩa bass và công việc hút bụi. Trong đĩa nhạc, một giọng nam đang hát: “Em biết không, em là một sát thủ trái tim bé nhỏ dễ thương”.

“Người tuyệt nhất”, Jonathan hét lên. “Hay hơn Van the Man nhiều.”

Tôi đi tới một quyết định. Tôi đứng lên và nói: “Bobby, nhảy nào.”

Nó hưởng ứng ngay lập tức. Chúng tôi cùng nhảy trong thứ âm nhạc hỗn loạn. Loại nhạc này cũng không đến nỗi quá tệ, chừng nào bạn còn chuyển động. Nó tạo cho bạn cảm giác nhẹ bẫng, nghiêng ngả, như một con chim sẽ bị mắc vào luồng gió xoáy – một cảm giác giống như vừa bị tấn công vừa được phóng thích. Bạn có thể hét lên trước thứ âm nhạc này. Nó gần như còn nâng cả tay bạn lên.

Khẽ liếc sang bên, tôi nhận thấy Jonathan đang thất vọng. Mẹ nó đã không thu mình lại trước thứ âm nhạc dữ dội này của nó. Một lần nữa, tôi có thể nhận thấy đứa trẻ đang ẩn mình trong một người đàn ông đang lớn – về mặt nó khi đó gọi cho tôi nhớ đến những lúc nước cờ của nó không hiệu quả, hay những khi không ai bị nó lừa trong ngày Cá tháng Tư. Nếu nó cho phép, tôi đã giờ tay ra véo má nó.

Chẳng mấy chốc, nó cũng bắt đầu nhảy. Nó còn có thể làm gì khác cơ chứ? Khi ba người chúng tôi lắc lư theo điệu nhạc, căn phòng nhỏ đó có vẻ chật kín người như quảng trường Thời đại, mỗi phân mỗi tấc đều đông đầy sức nặng của khoảnh khắc này. Jimi Hendrix đang gào thét bài *Joxy girl*, và tôi ngạc nhiên khi thấy rằng đó là một tên gọi thích hợp với mình. Một người phụ nữ lớn tuổi thông minh không dễ dàng sợ hãi. Người sẽ không rút về với những công việc nội trợ của mình để rồi bắt đầu béo lên.

Sau đó, tôi vào phòng nó thường xuyên hơn. Tôi không còn chờ được mời như mọi khi nữa. Có vẻ chúng tôi đã bỏ qua điều đó. Mỗi khi có việc lên gác, tôi thường gõ cửa phòng nó và ghé vào nghe một, hai bài hát. Tôi không bao giờ nán lại đó quá lâu.

Một đêm, khi tôi gõ cửa, tôi phát hiện có tiếng xe dịch ở bên trong. Không đứa nào đáp lại tiếng gõ cửa của tôi. Tôi nghĩ mình có thể nghe thấy chúng thì thảo gì đó với nhau. Rồi Jonathan nói: “Mẹ vào đi”.

Ngay khi bước vào tôi đã ngửi thấy mùi khói thuốc nồng nặc ngòn ngọt ấy. Căn phòng phẳng phất màu xanh. Bobby đứng sững như trời trồng, còn Jonathan ngồi ở chỗ quen thuộc cạnh lò sưởi. Bobby nói: “Ừm, cô Glover?”.

Jonathan nói với giọng bình thản, gần như ngọt ngào: “Mẹ vào đi. Mẹ hút một hơi nhé”.

Nó chìa ra một điều thuốc tự cuốn đang âm ỉ cháy về phía tôi.

Tôi tần ngần ở cửa. Trong một lúc lâu, tôi chẳng còn biết mình là ai nữa, chỉ ngơ ngẩn, bần thần, đứng đưng đứng nhìn khi đứa con trai của mình chìa ra một điều thuốc cuốn dơ dáy. Tàn thuốc ánh lên màu cam trong quầng sáng mờ mờ của ngọn đèn bàn hình quả bóng chày mà tôi mua cho nó khi nó lên bảy.

Tôi biết tôi cần phải làm gì. Tôi cần phải thể hiện sự kinh ngạc và giận dữ hay ít nhất là nói nhẹ nhàng nhưng kiên quyết về những giới hạn chịu đựng của tôi cho nó nghe. Dù gì đi nữa, đó cũng sẽ là kết thúc cho mối quan hệ thân thiết của chúng tôi – những cuộc khiêu vũ ngẫu hứng – và mở ra một thời kỳ đúng lẽ thói và nghiêm khắc hơn.

Khi sự im lặng đã vươn đến đỉnh điểm, Jonathan lặp lại lời mời. “Mẹ thử đi”, nó nói. “Mẹ đâu còn cách nào để biết được là mẹ đang thiếu thứ gì nữa?”

“Bố con sẽ lên cơn đau tim mất”, giọng tôi đều đều.

“Bố không có nhà mà”, Jonathan nói.

“Cô Glover?” Bobby bắt lặc nói.

Chính giọng của nó đã quyết định hộ tôi – cái vẻ sợ sệt khi nó gọi họ của chồng tôi ra ấy.

“Mẹ cho rằng nó đúng đấy”, tôi nói. “Mẹ đâu còn cách nào để biết là mẹ đang thiếu thứ gì.”

Tôi bước ba bước vào phòng và nhận lấy điều thuốc nho nhỏ dơ bẩn nó.

“Mẹ cừ lắm”, Jonathan nói. Giọng nó nghe hơn hở và khó hiểu.

“Hút như thế nào nhỉ?” Tôi hỏi. “Con biết đấy, đến loại thuốc bình thường mẹ còn chưa từng hút nữa là.”

Bobby nói: “Ờ, cô hãy rít khói, ờ, vào thẳng phổi cô. Và giữ nó lâu hết mức có thể[35]?”

Khi đưa điều thuốc lên môi, tôi ý thức được rằng tôi đang đứng trong phòng con trai tôi, mặc váy quây và chiếc áo cánh màu xanh nhạt, chuẩn bị thực hiện hành động bất hợp pháp lộ liễu đầu tiên của cuộc đời. Tôi rít một hơi. Khói thuốc chất và đẳng đến nỗi tôi gần như ngạt thở. Tôi giàn giụa nước mắt và không thể giữ khói lại trong phổi như Bobby đã bảo. Tôi lập tức phá vào một bùm khói dày, nó lơ lửng trên không, hỗn loạn, trong vòng đúng một giây trước khi tan đi.

Tuy nhiên, bọn trẻ vẫn reo lên. Tôi đưa điều thuốc cho Bobby.

“Cô đã làm được”, nó nói. “Cô đã làm được.”

“Giờ cô có thể nói là cô đã sống hết mình”, tôi đáp. Giọng tôi nghe như bị vỡ ra và méo đi.

Bobby rít nhanh một hơi với vẻ dễ dàng, tay bấu vào điều thuốc bằng ngón cái và ngón trỏ. Tàn thuốc rục lên. Khi nó nhả khói, chỉ một cuộn khói mỏng mờ mờ thoát ra ngoài không khí.

“Cô thấy không?” Nó nói. “Cô phải, ờ, giữ nó lâu hơn một chút?”

Nó đưa lại điều thuốc cho tôi. “Làm lại à?” Tôi hỏi.

Nó nhún vai, nhe răng cười, vẻ hoang mang, lúng túng. “Vâng, mẹ ạ”, Jonathan nói. “Mẹ hút cả điều cần sa này đi. Một hơi chẳng có mấy tác dụng đâu.”

Cần sa. Nó được gọi là cần sa, chứ không phải thuốc lá.

“Vậy thì, thêm một hơi nữa”, tôi nói. Tôi thử lại, và lần này cố giữ khói trong một, hai khoảnh khắc. Một lần nữa, tôi phả ra một đám khói hỗn loạn, rất khác so với vệt khói trắng đục thanh lịch của Bobby.

Tôi trả lại điếu cần sa cho Bobby. Jonathan nói: “Mẹ, con cũng ở đây mà.”

“Ôi, mẹ xin lỗi”. Tôi chuyển sang đưa cho nó. Nó vội vàng chớp lấy, như khi nó nhận những món đồ nhỏ nhỏ mà tôi mang về nhà từ những lần đi mua sắm.

“Thực sự thì thứ này sẽ có tác dụng ra sao?” Tôi hỏi. “Mẹ nên chuẩn bị gì cho mình?”

“Nó sẽ khiến cô cười”, Bobby nói. “Nó sẽ, cô biết đấy, khiến cô thấy vui và hơi khùng khùng một chút?”

“Không có gì ghê gớm đâu mẹ”, Jonathan nói. “Những miếng sườn cừu sẽ không đột nhiên nói chuyện với mẹ đâu, hay bất cứ điều gì đại loại như thế.” Nó rít một hơi, với vẻ nhanh gọn thành thạo và chuyển điếu cần sa cho Bobby. Khi Bobby trao lại cho tôi, tôi lắc đầu.

“Cô nghĩ thế là đủ rồi”, tôi nói. “Hãy giúp cô một việc đi”.

“Vâng?” Bobby nói.

“Hãy mở cho cô nghe một bài hát của Laura Nyro, rồi cô sẽ đi làm việc của mình.”

“Vâng”, nó nói.

Nó cho đĩa vào, và ba người chúng tôi đứng đó lắng nghe. Tôi chờ đợi bất cứ cảm giác nào ập đến. Lúc bài hát đã hết, tôi nhận ra rằng cần sa chẳng có chút tác dụng nào, ngoài việc gây ra một sự ngứa ngáy khô rát nơi cổ họng. Tôi vừa nhẹ nhõm vừa thất vọng.

“Được rồi”, tôi nói. “Cảm ơn lòng mến khách của các con.”

“Lúc nào mẹ cũng được chào đón, mẹ ạ”, Jonathan nói. Tôi không thể hiểu được giọng nó. Có thể nó đang chế nhạo, vênh váo, hoặc chỉ đơn giản là thân thiện.

“Đừng nói gì với bố con đấy”, tôi nói. “Con hứa đi! Con thề đi!” Trong một thoáng, tôi nghĩ rằng cuối cùng cần sa đã tác động đến tôi. Nhưng thực chất đó chỉ là nỗi xấu hổ từ mặc cảm tội lỗi của tôi mà thôi.

“Con hứa”, nó nói. “Con thề.”

Bobby nói: “Cô Glover? Tuyệt thật. Cô thật là... Cháu không biết nói thế nào nữa. Thực sự rất tuyệt. Chà!”

“Ôi, hãy gọi cô là Alice, vì Chúa”, tôi bảo nó. Và rồi tôi để chúng lại một mình.

Khoảng một tuần sau, tôi lại thử ma túy (nó được gọi là ma túy, không chỉ là cần sa), và thấy rằng nếu bạn tiếp tục dùng nó, nó sẽ thực sự có tác dụng. Nó sẽ khiến bạn thấy quay cuồng và lảng đãng một cách thú vị.. Nó sẽ làm giảm đi sức chú ý ở bạn.

Vào một chiều thứ Tư của tháng Hai, khi sự yên tĩnh trong trẻo giá lạnh bao phủ khắp nơi, tôi ngồi hút chung một điếu cần sa với Jonathan và Bobby. Nó là điếu thứ tư trong đời tôi, và khi đó tôi đã khá thành thạo. Tôi giữ khói lại, cảm thấy sức nặng và hơi ấm của thảo mộc trong phổi tôi. Trên giàn âm thanh, Bob Dylan đang hát bài Girl from the North country. Bóng đèn đang được thắp sáng trong ánh chiều nhập nhoạng, và những bức tường ốp ván mang màu mật ong sẫm.

“Các con biết đấy”, tôi nói, “thứ này nên được hợp pháp hóa. Nó chỉ ngọt vô cùng và chẳng hại gì, đúng không?”

“Vâng”, Jonathan nói.

“Chà, nó nên được hợp pháp hóa”, tôi nói. “Nếu Tổng thống Nixon hút thứ này một chút thôi, thì thế giới sẽ trở nên tốt đẹp hơn.”

Bobby cười và rồi nhìn tôi e dè, để chắc rằng tôi vừa có ý đùa cợt. Vẻ mặt nó cứ tần ngà tần ngần – nó cứ luôn bắn khoả đến từng chi tiết trước những phép xã giao đơn giản nhất – đến

mức làm tôi bật cười. Tiếng cười của tôi khuyến khích thêm tiếng cười của nó, và Jonathan cũng hòa theo. Nó bật cười trước những chuyện buồn cười riêng của nó. Đây là một trong những đặc trưng thú vị nhất của loại thảo mộc này: dưới sức ảnh hưởng của nó, bạn có thể bật cười trước bất cứ điều gì dù là nhỏ nhất, và một khi bạn đã cười, chỉ cần đưa mắt nhìn quanh bạn cũng sẽ không thể dừng lại được. Mọi thứ đều có vẻ kỳ cục và buồn cười: một cái lư hương hình Đức Phật được đặt cạnh một cô gái lắc vòng chạy bằng dây cót trên mặt bàn của Jonathan, hay vẽ thuần hóa, trung thành của đôi giày da lộn màu nâu vàng của Bobby.

Đôi khi trong những ngày này, tôi nghĩ về Wendy trong truyện *Peter Pan* – “bà mẹ” đơn độc của một đám trẻ mồ côi. Tôi không tự biến mình thành một kẻ ngớ ngẩn. Tôi không mua những cái váy lòn lẹt, đồ trang sức Ấn Độ hay những đôi xăng đan Mexico. Tôi không để tóc dài xõa sượt. Nhưng giờ đây tôi có một cảm giác khác lạ. Tôi có một bí mật mới, một bí mật hay ho hơn. Trước đây, bí mật duy nhất của tôi là việc tôi sợ tình dục và tôi không hề có hứng thú muốn làm quen với những người hàng xóm. Tôi cảm thấy mình yếu đuối và mỏng manh đến độ lu mờ, một nhân vật không có thực, luôn bị đau đầu khi trời lạnh và nhiễm bệnh xoang khi trời nóng. Nhưng điều bí mật mới mẻ này thật hay ho, thú vị - tôi sẽ gây ra tai tiếng trong khu này nếu người ta phát hiện ra nó. Bí mật đó kích thích tôi khi tôi đi dọc các dãy hàng ở siêu thị. Tôi là một bà mẹ đang cùng phê với con trai mình. Những phụ nữ địa phương – những con người đầy đặn đang chất đầy kẹo dẻo và kem cùng những súc thịt hộp hồng tươi và những gói ngũ cốc có đường lên xe đẩy chở hàng của họ - sẽ coi tôi là một kẻ thiếu tư cách, chương tai gai mắt và suy đồi. Tôi thấy mình trẻ trung, thon tôi hả, và có nguy cơ lầm đường lạc lối. Sẽ có một cuộc sống khác sau Cleveland.

Và có lẽ điều hay ho nhất mà tôi đã nhận ra là khi tôi phê, tôi có thể xoay xở mọi thứ với Ned. Ma túy thả lỏng cơ thể tôi, vì thế nếu anh ép miệng anh vào miệng thay vuốt ve tôi thật mạnh mẽ, tôi có thể hưởng ứng theo trong một trạng thái dịu dàng, uể oải, hoàn toàn không giống với những gì tôi đã làm khi bị kích thích. Trước đây, tình dục luôn tạo ra một sự thắt chặt nôn nao bên trong tôi, nhanh chóng chuyển từ cảm giác thú vị sang hốt hoảng và từ hốt hoảng sang đau đớn, vì thế khi Ned đang mờ mờ hồ hồ đi đến kết thúc, tôi cứ nằm bần chôn và cúi gằm bên dưới anh, thầm nghĩ: “Xong đi, xong đi, xong đi”. Nhưng giờ đây, tôi có thể đáp ứng được anh với một tâm trạng thoải mái hơn. Không hoàn toàn dễ chịu nhưng cũng không đau đớn. Một cảm giác nhồn nhột khiến tôi hơi buồn cười. Ma túy làm cho tình dục trở nên dễ dàng hơn; nó đã biến việc đó từ một nghĩa vụ đao to búa lớn thành một hài kịch ngầm tầm thường khá ngọt ngào, hài hước. Đây là Ned, chỉ là Ned, đang gấp gáp và rên rỉ, một cậu bé đã trở thành một người to lớn và vụng về. Đây là Ned và đây là tôi, một phụ nữ có thể gây ngạc nhiên cho chính bản thân mình.

Chuyện đó kéo dài đến tận mùa xuân. Trong cuộc đời mới của tôi, tôi thật bướng bỉnh và dị giáo, phóng khoáng và cởi mở về tình dục – tôi là mẫu người mà tôi muốn trở thành. Mẫu người đó tồn tại qua mùa tuyết tan và mùa cây cối đâm chồi nảy lộc cho đến tận tháng Tư, khi cây lê ở sân sau nở hoa trắng xóa. Vào đêm thứ Bảy trước lễ Phục sinh, sau khi đã làm xong món giăm bông, tôi bước ra ngắm cây lê đó. Đã gần nửa đêm, và chỉ có một mình tôi trong nhà. Ned đã tặng thêm một suất chiếu muộn vào thứ Sáu và thứ Bảy để cạnh tranh với những tổ hợp rạp chiếu phim sắp khai trương ở các trung tâm thương mại. Còn Bobby và Jonathan đã đi chơi đầu đó.

Tôi mặc chiếc áo khoác len cũ của Ned bên ngoài áo len của tôi. Không khí thoảng mùi đất nồng ẩm ướt. Cây lê lộng lẫy và nổi bật đứng giữa cái sân nhỏ của chúng tôi như một cái váy cưới, những chùm hoa của nó ánh lên một thứ ánh sáng trắng mờ nhạt. Tôi đứng một lúc trên bậc thềm trước cửa phòng bếp. Đó là một đêm không trăng, bầu trời trong đến mức dải Ngân Hà nổi hẳn lên giữa hàng hà sa số những vì sao. Đêm đó, ngay cả cái sân sau khiêm tốn của chúng tôi trông cũng thích hợp với những khả năng mới. Nếu tương lai là một quốc gia, thì đây sẽ là lá cờ của nó: một cái cây đang trở hoa trên một cánh đồng sao.

Tôi bước xuống thăm cỏ, dù đôi giày của tôi quá mỏng trong thời tiết như thế. Tôi muốn cảm

thấy tiếng lao xao bằng giá của đám cỏ bên dưới chân mình. Tôi thơ thẩn bên dưới những nhánh cây, đi qua những luống uất kim hương sắp nhú. Bao giờ cây lê rụng hết hoa, những bông tử đinh hương sẽ đua nhau nở. Một ngày nào đó, chúng tôi sẽ sống trong một ngôi nhà nhìn ra mặt nước. Tôi miết tay trên lớp vỏ sần sùi của một cành cây thấp, lay lay vài bông hoa lỏng lẻo để chúng rụng xuống tóc tôi.

Tôi ra đó được một lúc thì phát hiện thấy bọn trẻ đang ngồi trong xe ô tô. Chiếc xe đỗ ở lối đi trải sỏi giữa ga ra và ngôi nhà, bị mái đua bằng nhôm che khuất, trong một khoảng tối quá dày đặc đến nỗi tôi sẽ không thể nhìn thấy chúng nếu như tôi không đứng đúng vị trí đó. Đầu chúng thấp thoáng in bóng trên kính xe.

Tôi thấy sự có mặt của chúng thật kỳ quặc nhưng cũng thật tuyệt diệu. Có lẽ chúng đang chơi trò vòng quanh đất nước. Tôi đang quá đắm chìm vào vẻ đẹp của màn đêm đến nỗi chẳng buồn thắc mắc. Việc tôi trông thấy chúng có vẻ chỉ đơn giản là một điều may. Chúng tôi có thể cùng nhau hút một điếu cần sa và lắc cho những bông hoa lê rơi xuống đất. Tôi xăm xăm bước tới chỗ chiếc xe. Khi tới gần hơn, tôi có thể nghe tiếng nhạc rock phát ra từ chiếc radio. Derek and the Dominos, tôi nghĩ vậy. Tôi nhảy đến bên cửa lái, mở nó ra, và nói: “Xin chào, tôi có thể đi nhờ một đoạn không?”

Chúng tôi, cả ba người, trải qua một sự im lặng sững sốt lấp đầy bởi tiếng guitar xoang xoảng. Mùi khói ngòn ngọt bay ra khỏi xe. Jonathan ngồi ở ghế lái. Tôi trông thấy dương vật của nó, nhón nhọn và dựng đứng trong ánh sao.

“Ồi”, tôi thốt lên. Và chỉ có thế.

Mắt nó dường như lồi hẳn ra, như thể bị ấn từ đằng sau. Ngay cả lúc đó, tôi vẫn có thể nhớ rõ nó mang vẻ mặt hết như hồi mới lên hai, khi không được tôi mua cho túi kẹo mào hồng nhạt trong một dãy hàng ở siêu thị.

“Mẹ đi đi”, nó nói với giọng kiêu chể sự run rẩy, xuyên qua tiếng nhạc như một sợi dây xuyên qua sương mù. Đó hoàn toàn là giọng của người lớn. “Sao mẹ dám?”

“Jon?” Bobby nói. Nó kéo quần lên, nhưng trước đó tôi cũng đã kịp thấy dương vật của nó, lớn hơn và sẫm hơn của Jonathan.

Jonathan chẳng hề để ý gì đến tiếng gọi của Bobby. “Mẹ đi đi”, nó nói. “Mẹ có nghe thấy không? Mẹ có hiểu không?”

Tôi quá sững sốt đến nỗi không thể nói lại được câu gì. Tôi chỉ đơn giản đóng cửa xe, và quay trở vào nhà. Trong nhà thật sáng sủa và ấm áp. Tôi đứng ở hành lang, thở dốc. Tôi nhìn căn phòng khách trống trải với sự rõ ràng tuyệt đối: những cuốn tạp chí vẫn đang để mở trên bàn uống cà phê, một cái gối dựa trên ghế vẫn còn mang vết lõm mà khuỷu tay ai đó đã chống lên. Một con ruồi đang bò nửa vòn quanh chiếc bình màu ngọc bích của bà tôi.

Tôi lên gác và xả nước nóng vào bồn tắm. Đó là điều duy nhất tôi có thể nghĩ ra để làm. Khi nằm ngâm mình trong nước, tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Điều này quả là thực và rõ ràng – nước hơi nóng quá. Chân tôi nhoi nhói như thể bị kim châm. Đùi, hông và phần kín của tôi bỏng rát, nhưng tôi vẫn giữ nguyên tư thế. Tôi không nhấc dậy khỏi bồn nước đang bốc hơi đó.

Đó hoàn toàn không phải là một điều ngạc nhiên. Về Jonathan. Chắc hẳn tôi đã biết. Nhưng tôi chưa bao giờ chú ý nghĩ rằng: “Con trai mình sẽ không lập gia đình”. Tôi chỉ nghĩ là: “Con trai mình dịu dàng hơn, tốt bụng hơn, dễ có những cảm xúc mạnh mẽ hơn những thằng bé khác”. Đó là một vài đức tính tốt của nó. Tôi biết sự chua chát và bần tiện của những câu con trai bị lạc giới. Tôi chìm mình sâu hơn xuống làn nước trong bồn tắm, để nước nóng bao lấy vai tôi và làm bỏng rát cảm tôi. Khi nó bắt đầu nguội, tôi lại xả thêm nước nóng.

Sao tôi lại không nhận ra những dấu hiệu đó? Jonathan và Bobby đã mười lăm tuổi, thế mà chúng chưa bao giờ nói chuyện về bọn con gái. Chúng không dính tấm ảnh khóa thân vẽ bằng màu phun nào lên tường. Đáng lẽ tôi phải nghi ngờ, nhưng tôi chưa bao giờ mảy may nghĩ đến mối quan hệ xác thịt trong tình yêu giữa chúng. Trong tâm trí tôi, Jonathan vẫn mãi là một đứa trẻ nhỏ, một đứa bé ngây thơ. Tôi không thể quen được hình ảnh cái dương vật nhỏ bé đang dựng đứng của nó và cái dương vật lớn hơn của Bobby, được màn đêm che giấu đi.

Tôi đã góp phần vào chuyện này như thế nào? Tôi biết quá nhiều về tâm lý, nhưng có những chuyện tôi lại gần như chẳng biết tí gì. Phải chăng tôi là kiểu người mẹ đã khiến con trai mình tránh xa đàn bà? Phải chăng tôi đã nữ hóa nó khi cứ ngoan cố đòi làm bạn với nó?

Jonathan mãi mới vào nhà, sau khi Ned đã về và đi ngủ. Tôi nghĩ có thể nó sẽ gõ cửa phòng tôi, nhưng dĩ nhiên là nó không thể làm thế, vì còn có mặt bố nó. Nó đi về phòng, gây ra tiếng bình bịch quen thuộc trên thảm trải hành lang. Tôi muốn đến vỗ về nó, bảo nó là không sao cả. Tôi muốn đến rút tóc nó thật mạnh đến mức bật máu.

Lễ Phục sinh, chúng tôi máy móc trải qua ngày hôm đó. Ned, Bobby và Jonathan nhào tới những giỏ quà của họ, thốt lên trước những chiến lợi phẩm nho nhỏ, nhét đầy mồm những viên kẹo hạt đậu và kẹo dẻo hình con gà. Jonathan khoái trá cấn đôi tai của một con thỏ sô-cô-la khiến tôi bất giác rung mình. Ned tặng tôi một chậu cây phi yến mà tôi rất thích và một cái khăn lụa thêu hoa sắc sỡ được những bà lão nặng tai ưa chuộng khi họ ra ngoài ăn trưa.

Có lẽ Ned đã thấy vẻ chùng hững trên khuôn mặt tôi khi tôi lôi cái khăn “bà già” lờ lợet đó ra khỏi lớp giấy gói. Anh dịu dàng nói: “Anh có biết gì về khăn khiếm đau. Anh đã mua nó ở cửa hàng Herman Brothers đấy, em có thể trả lại nó và đổi lấy thứ gì đó khác.”

Tôi hôn anh. “Không cần đâu”, tôi nói. “Chiếc khăn đáng yêu lắm.”

Tôi không thể ngừng nghĩ rằng nếu là Jonathan thì nó sẽ biết mua cho tôi chiếc khăn như thế nào.

Chúng tôi ăn bữa tối tự tay tôi nấu và nói chuyện phiếm. Sau khi ăn xong, Ned đến rạp chiếu phim. Trên đường ra cửa, Jonathan nói với anh: “Bọn con đến suất chiếu lúc tám giờ bố nhé!”

“Dĩ nhiên rồi”, anh đáp và nháy mắt. Sau khi anh đi, bọn trẻ đi rửa bát đĩa. Tôi định giúp chúng, nhưng Jonathan đã xua tôi ra khỏi bếp. Từ phòng khách, nơi tôi xem qua loa một cuốn tạp chí, tôi có thể nghe tiếng hai đứa thì thào nói chuyện. Thi thoảng, chúng cười phá lên.

Rửa bát đĩa xong, chúng lên phòng của Jonathan ở trên gác. “Bữa tối ngon lắm mẹ ạ,” Jonathan nói khi hai đứa đi qua phòng khách. Bobby nói thêm: “Chà! Nó là, ờ, bữa tối tuyệt nhất đấy ạ?”

Chúng không mời tôi lên. Chúng không bật nhạc. Một tiếng sau, chúng trở xuống, trên người đã mặc áo khoác. Chúng ra khỏi cửa gần như ngay lập tức.

“Chào mẹ,” Jonathan nói với lại từ thăm cỏ.

“Chào cô Glover?” Bobby thêm vào.

Tôi đứng dõi theo chúng đi trên phố một lúc, tay chúng nhét trong túi áo khoác. Dáng đi của Bobby uyển chuyển và vững vàng, còn dáng đi của Jonathan thì hơi khệnh khạng, theo kiểu những cậu thanh niên cố tạo ra dáng vẻ nghênh ngang để tỏ ra tự tin. Đằng sau tôi, ngôi nhà thật vắng lặng, bát đĩa đã khô và được cất đi.

Tôi chờ đợi để có cơ hội trò chuyện riêng cùng Jonathan. Đó là gần một tuần sau. Cuối cùng nó cũng trở về từ những chuyến đi dạo ban đêm mà không có Bobby đi kèm, và tôi bắt gặp nó trên đường nó đi lên gác. Chỉ có nó mới tạo ra tiếng ồn như thế với đôi giày đó.

“Jonathan?” Tôi gọi. “Mẹ nói chuyện với con một chút được không?”

“Vâng.” Nó dừng lại ở lưng chừng cầu thang và dựa vào lan can như một tay cao bồi đang áp bụng vào quầy bar. Tóc nó rũ xuống, lòa xòa trên mặt.

“Con xuống dưới đi,” tôi nói. “Mẹ thực sự không muốn diễn một cảnh ở ban công đâu.”

“Vâng,” nó tỏ vẻ hào hứng. Nó leo xuống theo tôi vào phòng khách và ngồi xuống cùng tôi.

“Ừm,” tôi nói. Tôi không biết phải mở đầu một cuộc trò chuyện khó khăn với nó như thế nào. Từ trước đến giờ tôi vẫn luôn nói chuyện với nó dễ dàng như thể tôi đang nói chuyện với chính mình vậy.

“Sao ạ?” Nó hỏi.

“Jonathan, con yêu, mẹ biết con rất quan tâm đến Bobby.” Sai rồi. Giọng điệu đó thật là khô

han, hồng hách. Tôi cố cười nhưng tiếng cười của tôi thật nhạt nhẽo, vọng lại tai tôi như tiếng chuột kêu. “Quan tâm rất nhiều,” tôi nói thêm.

Lại sai nữa rồi. Lúc này giọng điệu của tôi lại quá hiểu biết, quá khơi gợi. Tôi vẫn là mẹ nó cơ mà.

Nó gật đầu, nhìn tôi với một khuôn mặt bình thản, vô cảm.

“Ừm, con yêu,” tôi nói, “thực ra thì mẹ vẫn đang băn khoăn rằng, liệu con có nên dính với Bobby quá nhiều như thế hay không. Con không nghĩ là mình cần có thêm những người bạn khác nữa à?”

“Không,” nó nói.

Tôi lại cười, lần này thành công hơn. “Ít nhất thì con cũng sẵn sàng nói chuyện về vấn đề này,” tôi nói.

Nó nhún vai và quăn một lọn tóc quanh ngón tay.

“Mẹ nhớ hồi mẹ bằng tuổi con, bọn mẹ vẫn thường đi chơi thành một nhóm đông,” tôi nói. “Bọn mẹ ít nhiều đều yêu quý nhau, và nhóm bọn mẹ có đến bảy hay tám người gì đó. Cả con trai lẫn con gái. Ý mẹ là, mẹ nghĩ mẹ biết cảm giác khi quá yêu quý một người bạn là như thế nào.”

“Vâng,” nó nói với giọng của một cậu con ngoan, có vẻ bớt khó hiểu hơn. Tôi ngờ rằng – tôi biết – tình yêu của nó dành cho Bobby chắc hẳn đã làm nó sợ. Có lẽ đó chính là nguyên nhân thực sự tạo nên điệu bộ đàn ông và đôi hài bảy dặm nặng nề này.

“Giờ thì nghe này,” tôi nói. “Mẹ là bạn con. Mẹ nghĩ mẹ hiểu Bobby. Nó có thể rất... cuốn hút. Nhưng mẹ phải nói với con điều này. Đừng quá quăn quýt với nó. Không phải ở một thời điểm quá sớm trong đời con như thế này.”

Nó nhìn tôi từ bên dưới mớ tóc lòa xòa, và tôi nhận thấy trên khuôn mặt nó thoáng hiện hình ảnh Jonathan ngày xưa của tôi, yếu đuối và hay nghi ngờ. Trong một thoáng, có vẻ chúng tôi đã khám phá ra một điều gì đó.

“Ôi, con yêu,” tôi nói. “Mẹ hiểu được cảm giác của con mà. Thực sự đấy. Vậy nên hãy tin mẹ. Sẽ có ngày con chỉ còn coi Bobby như một người quen cũ mà thôi.”

Mặt nó sa sầm lại. Đó là một quá trình hiển hiện thấy rõ, như những cánh cửa chớp sập lại trên một khung cửa ngập tràn ánh nắng.

Nó nói: “Mẹ đâu hiểu được cảm giác của con. Và mẹ đâu hiểu nổi Bobby. Con mới là người hiểu rõ cậu ấy. Mẹ đừng cố cai quản cuộc đời con nữa.”

“Mẹ không hề.”

“Có đấy mẹ ạ. Con không thể chịu nổi điều đó nữa. Mẹ đang hít đến cạn kiệt không khí ở đây đấy. Ngay cả những cây cảnh cũng đang chết dần chết mòn kia kìa.”

Tôi sững sờ nhìn nó. “Cuộc đời con là của con,” tôi nói. “Mẹ chỉ đang cố bảo con là mẹ luôn ở bên cạnh con mà thôi.”

“Ui, má thân êu, bên con chẳng còn khoảng trống nào cho ai khác ngoài con cả.”

Tôi tát nó gần như ngay lúc tôi nhận ra mình đang làm gì. Tôi tát nó rất mạnh, đủ để làm văng ra một sợi nước dãi từ khóe miệng nó. Tay tôi đau rất vì cú đánh đó.

Sau một thoáng, nó mỉm cười và đưa mu bàn tay lên chùi miệng. Cái tát đó có vẻ đã khiến nó thỏa mãn, có vẻ đã chứng minh cho thứ gì đó mà nó nghi ngờ bao lâu nay.

“Mẹ xin lỗi,” tôi nói. “Mẹ không hề muốn đánh con. Trước đây mẹ chưa bao giờ đánh con, đúng không?”

Nó đứng sừng sững mà không nói gì rồi đi lên gác, mang theo vẻ khám phá đầy thỏa mãn. Mỗi bước đi của nó vang lên như tiếng đại bác.

Tình bạn trước đây của chúng tôi đã chấm dứt. Jonathan và Bobby ngày càng hay đi chơi, về

nhà muộn và đi thẳng lên giường ngủ. Chúng không mời tôi lên để cùng phê thuốc hay cùng nhảy nhót với chúng nữa. Ned bảo tôi rằng chúng đến xem phim khá thường xuyên. Đôi khi, anh nói, anh ngồi với chúng, xem một bộ phim mà anh đã xem đi xem lại đến gần chục lần. Anh nói Jonathan có sự cảm nhận sắc sảo đáng ngạc nhiên về những bộ phim – có lẽ nó có những tố chất để trở thành một nhà phê bình phim.

Tôi biết rằng tôi không nên cấm Bobby đến nhà mình. Chẳng phải bố mẹ tôi đã cấm tôi gặp Ned sao? Chẳng phải cái tối hậu thư lạnh lẽo của họ đã dẫn dắt tôi đến với cuộc hôn nhân này sao? Thực sự tôi không thể biết được liệu tôi lo lắng nhiều hơn về tình yêu của Jonathan với bọn con trai nói chung hay về sự đam mê đặc biệt mà nó dành cho Bobby. Dù dĩ nhiên tôi hy vọng nó sẽ lớn lên như những người đàn ông bình thường, gặp gỡ một cô gái và có những đứa con. Tôi biết rằng lựa chọn đó đã nằm ngoài sự can thiệp của tôi. Jonathan không muốn ai xen vào cuộc sống của nó. Ngoại trừ Bobby, một thằng bé dễ thương nhưng không đáng tin cậy, một đứa trẻ không có những hoài bão rõ ràng và trí năng có vấn đề... Nếu Jonathan vẫn cứ dính vào Bobby thì nó sẽ không bao giờ biết được cái thế giới rộng lớn hơn sẽ còn đem lại cho nó những gì Bobby, không thể tránh khỏi, là một cậu bé Cleveland, và tôi biết tương lai mà Cleveland mang lại. Những con phố trung tâm đầy rẫy những thanh niên vẫn còn đang bám trụ lại đây: những thanh niên ở tuổi hai mươi lăm, đeo cà vạt rẻ tiền sáng màu và thắt lưng to bản, là cà trong giờ nghỉ trưa trước khi quay lại với công việc dưới ánh đèn huỳnh quang trong khi kim giây cứ lướt đi trên mặt đồng hồ.

Gần một tuần, Bobby và tôi mới chạm trán nhau.

Hôm đó, tôi xuống bếp lúc đã quá nửa đêm, cán vỏ bánh để làm vài cái bánh nướng. Đã hai tuần nay tôi mắc chứng khó ngủ, và vấn đề đó chẳng thể được cải thiện bởi tiếng ngáy hen suyễn của Ned. Cuối cùng, đành cam chịu, tôi xuống gác trong bộ đồ ngủ, hy vọng rằng vài thao tác làm bếp đơn giản sẽ giúp tôi ngủ được.

Tôi chỉ vặn đèn bếp ở mức lò mờ, và thực sự cũng không cần đến nó. Thậm chí trong một cái hầm mỏ tôi vẫn có thể làm bánh dễ dàng.

Tôi làm gần xong thì Bobby xuất hiện, trông ngái ngủ, lơ ngơ, dù đôi khi khó mà nhận ra điều đó ở nó. Nó đứng ở cửa bếp, mặc quần đùi, dáng vẻ to lớn và gân guốc.

“Ồ, chào cô,” nó lí nhí. “Cháu không biết là cô ở đây. Cháu chỉ, ừm, xuống uống nước thôi?”

Chắc chắn là nước từ vòi trong phòng tắm vẫn chảy bình thường. Tôi biết nó xuống đây vì cái gì: chai rượu gin mà chúng tôi cất trên chạn bếp lúc đó còn gần một nửa. Tuy nhiên tôi cũng vờ như không biết.

“Cô không ngủ được,” tôi nói. “Vì thế cô quyết định mình nên làm gì đó có ích.”

“Vâng,” nó nói. Nó vẫn đứng ở cửa, tiến thoái lưỡng nan. Tôi rót một cốc nước từ vòi và đưa cho nó.

“Cảm ơn cô,” nó nói. Khi nó bước tới để đón lấy cốc nước từ tay tôi, nó mang theo mùi đặc trưng của nó vào bếp, mùi thiếu niên phảng phất mùi kim loại trong một ngày lạnh giá. Tôi có thể nghe tiếng òng ọc đều đều mà cổ họng nó tạo ra khi nó uống nước.

“Bobby,” tôi nói.

“Dạ?”

“Bobby, chúng ta có phải là bạn không? Cô nghĩ chúng ta là bạn với nhau, cô và cháu ấy.”

Nó suýt làm rơi cốc. Nó cười trong sự lo lắng cực độ và nói: “Ồ, đúng vậy ạ. Ý cháu là, cháu nghĩ, cô biết đấy, là cô rất tuyệt vời.”

“Cảm ơn cháu. Cô vui khi cháu nghĩ vậy. Nhưng dạo này cô cháu mình không gặp nhau nhiều đúng không?”

“Vâng,” nó nói. “Dạo này cháu, cô biết đấy, khá là bận...”

Tôi không thể ghìm được một tiếng cười chế nhạo.

“Cháu đâu phải là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty General Motors,” tôi nói. “Đừng cố đánh lừa cô, nghe không? Chỉ lãng phí thời gian thôi.”

Nụ cười của nó méo xẹo, và nó nhún vai bất lực. “Ồ”, nó nói. “Cô biết đấy, Jonathan...”

“Jonathan làm sao?”

“Dạ, cậu ấy hơi... Cô biết đấy. Cô... kiểu như là... mẹ cậu ấy.”

“Nghe có vẻ đúng đấy,” tôi nói. “Cô *giống như* mẹ nó. Cô giống như một người nào đó có thể dễ dàng bị lừa bởi những lời giải thích khập khiễng.”

Bobby lại cười méo mó, như thể tôi vừa nói đùa. Tôi nhận ra rằng không ích gì khi kéo dài vấn đề này với nó. Nó chỉ tuân theo mệnh lệnh mà thôi. Tôi đứng trước mặt nó, hai tay khoanh lại trước ngực. Đáng lẽ tôi có thể dễ dàng nói: “Ra khỏi nhà này ngay và đừng có quay lại đây nữa.” Đáng lẽ tôi có thể xác nhận trạng thái tình cảm của nó.

Cố gắng thấy rõ để thay đổi chủ đề, Bobby hỏi: “Cô đang làm gì thế?”

“Làm gì à?Ồ, một cái bánh nướng. Cô đang làm vài cái bánh hồ đào cho ngày mai.”

“Cô quả là một đầu bếp tuyệt vời,” nó say sưa nói. “Cháu chưa bao giờ được nếm thức ăn *nóng sốt* như thế, ý cháu là giống như ở một nhà hàng vậy.”

“Chẳng có gì to tát cả,” tôi nói. Rốt cuộc thì tôi cũng có thể nhận ra qua khuôn mặt nó rằng đấy không chỉ là một lời bắt chuyện xã giao. Nó thực sự hứng thú khi thấy tôi xuống bếp để làm bánh lúc nửa đêm.

“Cháu muốn mai này có thể mở một nhà hàng,” nó nói. “Ý cháu là, cháu nghĩ sẽ rất thú vị khi biến một căn nhà cũ rộng lớn ở đâu đó thành một nhà hàng.”

Nó nhìn như bị thôi miên vào cái vỏ bánh, một miếng bột hình tròn trắng trắng lấp lóa trên tấm ván lăn bột.

“Cũng chẳng có gì ghê gớm cả,” tôi nói. “Cô có thể dạy cháu nấu ăn. Đó chỉ là một quy trình theo từng bước, không có gì là ảo diệu cả.”

“Cháu không biết,” nó nghi ngờ nói.

“Nhìn đây,” tôi nói. “Cô vẫn chưa cán cái vỏ thứ hai, sao cháu không thử nhỉ?”

“Được không ạ?”

“Lại đây. Cháu sẽ ngạc nhiên khi thấy nó dễ đến mức nào, một khi cháu học được vài ngón nghề.”

Nó đến đứng gần tôi ở quầy bếp. Tôi bỏ miếng vỏ bánh đã được cán vào một cái khay thiếc, rắc bột lại vào tấm ván, và đổ chỗ bột còn lại vào đó.

“Bài một,” tôi nói. “Cháu càng nhẹ nhàng với nó càng tốt. Nó không như bột bánh mì – với bột bánh mì thì cháu phải *giã* cho đến khi nào xong thì thôi. Còn vỏ bánh nướng thì ngược lại, nó đòi hỏi một sự khéo léo nhẹ nhàng hơn. Nào. Lăn từ phía cháu ra. Đừng có san phẳng nó.”

Nó cầm lấy thanh cán bột và ấn vào đồng bột mềm mại.

“Hãy nhẹ nhàng với nó,” tôi nói. “Tốt. Đúng rồi.”

“Cháu chưa bao giờ làm thế này,” nó nói. “Mẹ cháu chưa bao giờ làm những thứ như bánh nướng.”

“Cháu sẽ là một học sinh giỏi,” tôi nói. “Cô có thể nhận thấy điều đó.”

“Cô có biết làm những cái diềm bánh xinh xắn không ạ?” Nó hỏi.

“Chắc chắn là biết chứ,” tôi nói.

Trong suốt năm kế tiếp, tôi đã dạy Bobby mọi điều tôi biết về nấu nướng. Chúng tôi có những buổi học dài trong bếp cùng nhau, chuyển từ bánh nướng sang bánh mì và từ bánh mì sang bánh xốp bơ. Khi tác phẩm của nó ra lò thành công, vàng ngậy và bốc hơi, nó lặng ngấm với sự ngạc nhiên tuyệt đối. Tôi chưa bao giờ thấy ai có phản ứng như thế với việc làm bánh. Dường như nó tin rằng từ những nguyên liệu thô tằm thường như bột, mỡ pha vào bánh và những gói men nhỏ, cuộc sống có thể được tạo ra.

Jonathan đôi khi cũng dự những buổi học làm bánh của chúng tôi, nhưng rõ ràng tâm trí nó lại để ở đâu đâu ấy. Nó không có đủ kiên nhẫn với việc đo lường chính xác và việc làm tăng nhiệt độ một cách từ từ. Căn bản thì nó cũng chẳng mặn mà gì với đồ ăn thức uống. Ngay từ hồi bé nó đã thờ ơ với các món ăn.

Nó thường nấn ná một lúc trong bếp, rồi lên phòng và mở đĩa. Đôi khi nó mở Jimi Hendrix hay the Rolling Stones, đôi khi là một đĩa mới mà tôi chưa từng nghe.

Không đứa nào mời tôi lên nghe nhạc nữa. Thay vào đó, bây giờ Bobby thường chạy vào bếp và nói: “Cô nhìn này, cháu mới tìm thấy một công thức cho món, ờ, cá tẩm bột.” Hay: “Cô ơi, cô có biết làm bánh mì ngọt hình tròn không?”

Jonathan nộp đơn vào vài trường đại học và được trường Đại học New York và Đại học Oregon chấp nhận. Tất cả các trường mà nó nộp đơn đều cách xa Cleveland ít nhất là nghìn dặm.

Bobby không đăng ký trường nào cả - nó thậm chí còn không nhắc đến việc đó. Nó chỉ tiếp tục mang đến cho tôi những công thức nấu ăn và mua thêm những dụng cụ làm bếp phức tạp. Nó mua một cái máy chế biến thực phẩm hiệu Cuisimart, và một độ dao Đức mỏng và sắc đến nỗi chúng có thể tách lớp giấy dán tường nhà bếp ra mà không động đến lớp vữa bên dưới.

Vào tháng Sáu, Ned và tôi tham dự lễ tốt nghiệp của chúng cùng Burt Morrow, người chúng tôi đã không gặp hơn một năm qua. Burt không còn để kiểu râu dê như lần trước chúng tôi gặp nhau nữa, thay vào đó là kiểu tóc mai trải dài xuống hai bên má. Ông mặc áo khoác thể thao màu xanh lá và một cái áo len cổ lọ, với một cái huy chương vàng cỡ một đồng nửa đô đựng trên một cái dây đeo quanh cổ.

Chúng tôi ngồi phía cuối hội trường, một căn phòng rộng lớn màu cá hồi nhạt nhợt, ngay cả trong mùa này nó cũng có mùi xi măng ẩm ẩm và mùi của những bữa trưa đựng trong túi giấy màu nâu. Mỗi khi tên của một học sinh được xướng lên và chúng bước lên sân khấu để nhận bằng, bên người bạn học. Bạn có thể đánh giá mức độ được yêu mến của mỗi đứa dựa vào độ ồn ào mà tên chúng tạo ra. Cả Bobby lẫn Jonathan đều không tạo được tiếng ồn nào – có lẽ chúng là những kẻ vô danh với những người bạn cùng lớp, dù Burt đã bất ngờ huýt lên một tiếng còi lạnh lạnh khi tên của Bobby được xướng lên.

Sau đó, Bobby và Jonathan lên xe buýt của trường cùng những đứa trẻ khác để đến tham dự một bữa tiệc thâu đêm tại một công viên giải trí. Ned và tôi đã mời Burt đi uống rượu, vì chúng tôi không thể để ông lái xe về nhà một mình.

“Đi uống à?” Ông nói. “Tuyệt, đi uống rượu với những người lớn sẽ rất tuyệt. Tôi nghĩ chúng ta nên làm thế, đúng.”

Mắt ông chẳng có chút ánh sáng nào. Có lẽ chúng được làm từ đá mã não.

Chúng tôi đến một quán yên tĩnh gần hồ, với những chiếc bàn bằng đồng và những cô phục vụ trẻ trung ăn mặc kiểu Mother Hubbard^[36]. Tôi gọi một ly cocktail vodka, nó được đem đến cho tôi trên một cái khăn lót thêu ren thay vì khăn ăn thông thường.

Ned nâng ly lên và nói: “Vì thế hệ mới. Chúc may mắn.”

Chúng tôi uống mừng vì thế hệ mới. Qua những chiếc loa giấu đâu đó, một ban nhạc đang chơi bản *Moon river*.

Dường như chúng tôi đang ở một nơi ít quan trọng nhất trên đời này.

Burt Morrow nói: “Jonathan đã chọn NYU^[37] à?”

“Đúng vậy,” Ned đáp. “Nó chọn trường đó hoàn toàn dựa vào nền tảng kinh tế. NYU đắt hơn là trường Oregon.”

Burt nháy mắt, và châm một điếu thuốc. “Chà, tôi chắc ở đó thằng bé sẽ nổi bật đấy,” ông nói. “Bobby có vẻ không thích học đại học lắm.”

“Nó còn trẻ mà,” Ned nói. “Anh không thể biết chuyện gì sẽ xảy ra trong một hay vài năm nữa đâu.”

Burt nói: “Nó chọn gì tôi cũng đồng ý. Tôi sẽ không can thiệp vào cuộc đời nó. Ồi, không. Tôi sẽ không nghĩ đến điều đó. Nó có quyền làm những gì nó muốn.”

“Tôi nghĩ vậy”, Ned nói. “Chúng đều có quyền làm những gì chúng muốn, đúng không?”

Burt gật đầu, rít một hơi Pall Mall thật sâu như thể đang nuốt chính những chất liệu tạo ra cuộc sống: “Chắc chắn rồi,” ông nói, vẻ nghiêm trang. “Chắc chắn là thế.”

Chính cách ông dùng từ “chắc chắn rồi” đã làm tôi khó chịu. Nó khiến cho ông nghe có vẻ quá giống một đứa trẻ già dặn bị bỏ lại cho chúng tôi chăm sóc.

“Chúng không được phép,” tôi dần mạnh từng từ. *“Làm tất cả những gì chúng muốn.”*

“Ồ,” Burt nói, “miễn là chúng không làm hại ai...”

“Anh Burt này,” tôi nói. “Khi Jonathan bắt đầu chơi với con trai anh, nó là một đứa trẻ có bản tính cởi mở, dịu dàng, và giờ sau ba năm nó đã biến thành một người mà tôi khó có thể nhận ra. Nó đã từng là một học sinh hạng ưu và đến lúc Bbby không còn quần quýt với nó nữa, nó may mắn vào được bất cứ trường đại học nào.”

Burt chớp mắt nhìn tôi qua làn khói thuốc. Ned nói: “Thôi, Alice...”

“Ồi, đừng nói gì cả,” tôi bảo anh. “Em chỉ muốn hỏi anh Burt đây một câu thôi. Em muốn hỏi anh ấy em đã làm gì sai.”

Burt nói: “Tôi không nghĩ là chị đã làm gì sai cả.”

“Vậy thì tôi đang làm gì ở đây?” Tôi hỏi. Tôi bất chợt dùng đầu móng tay gõ gõ vào ly của mình. Tiếng gõ nghe đều đều như thể nó là một âm thanh phiền phức do ai đó gây ra. Tôi nói: “Sao tôi lại sống trong một thành phố mà tôi coi thường? Sao cuối cùng tôi lại bị con trai mình ghét bỏ? Đường như tôi cứ làm từng điều từng điều một, lúc đó nó có vẻ hoàn toàn logic, nhưng vào lúc này, khi ngồi đây, dường như đó là điều không thể.”

“Chà,” Burt nói rồi nuốt khói. Tôi vẫn nghe thấy tiếng móng tay mình gõ gõ vào ly.

“Chúng tôi đã tới đây để trở thành một gia đình,” tôi bảo ông. “Chúng tôi đã có những dự định tốt đẹp.”

“Ồi,” Burt nói. “Mọi chuyện sẽ ổn cả thôi. Chị phải có niềm tin.”

“Niềm tin là thứ chỉ dành cho những người trẻ tuổi thôi. Tôi đã đọc tất cả những cuốn sách hay, và tôi không còn đẹp nữa.”

“Ồi chao,” Ned nói. “Nếu em không đẹp jthì anh không biết nửa số đàn ông trong phòng đang nhìn chăm chăm vào cái gì.”

“Đừng nhìn em,” tôi bảo anh. “Sao anh dám làm thế? Anh có thể bức bối với em, khinh bỉ em hay chán ngấy em, nhưng đừng nhìn em như thể em là một cô vợ nhỏ. Em kò là người như thế. Anh có nghe em nói không? Anh có hiểu không?”

Ned không nói gì, chỉ đặt tay lên tay tôi để ngăn tiếng móng tay tôi gõ vào ly. Tôi nhìn vào mặt anh.

“Ned.”

Tôi chỉ gọi mỗi tên anh.

“Thôi được,” anh nói. “Chúng ta trả tiền và đi về thôi.”

“Em xin lỗi,” tôi nói.

“Không sao,” anh trấn an tôi. “Chúng ta đã có một ngày đầy xúc động. Đứa con trai duy nhất của chúng ta vừa tốt nghiệp trung học mà.”

Tay anh vẫn đặt lên tay tôi. Tôi nhìn ngang qua bàn về phía Burt, người đang chăm chăm nhìn tôi với cái nhìn trực diện hiểu biết đến đáng sợ.

Sau khi Jonathan đi New York, Bobby dọn ra ở riêng trong một căn hộ nằm trong một tòa nhà xây bằng đá vôi giản dị phía bên kia thành phố. Nó học ở một trường dạy nấu ăn và làm

bồi bàn vào buổi tối. Nó bắt đầu đề cập đến việc cùng tôi mở một nhà hàng.

“Một không gian ấm cúng của gia đình,” nó nói. “Cháu nghĩ tham gia vào việc kinh doanh nhà hàng sẽ rất hay đấy, đúng không ạ? Cô cháu mình có thể cùng làm việc ở đó.”

Tôi công nhận là tôi có thể sắm vai một cái máy rửa bát đĩa tốt như thế nào.

“Cô sẽ là bếp trưởng,” nó nói. “Nhà hàng đó sẽ là, ờ, nhà hàng duy nhất theo phong cách miền Nam đích thực ở Ohio.”

Dần dà, nó bắt đầu nấu bữa tối cho Ned và tôi ở nhà tôi. Nó đã thực sự trở thành một đầu bếp rất cừ, và có vẻ có những ý tưởng hết sức thuyết phục về việc bỏ vốn kinh doanh một nhà hàng.

Tôi bảo nó rằng nếu nó muốn mở một nhà hàng của riêng nó, tôi sẽ là khách hàng đầu tiên, nhưng đừng tính tôi vào làm bếp trưởng. Nó cười như khi chúng tôi lần đầu gặp nhau nhiều năm trước – nụ cười ám chỉ rằng tôi đã chuyển sang một thứ ngôn ngữ khác mà nó không hiểu nổi.

Mùa đông đó, tôi đã tự kiếm cho mình một công việc, làm thư ký trong một văn phòng bất động sản. Chúng tôi cần tiền. Rạp chiếu phim của Ned đang trong tình trạng tồi tệ hơn bao giờ hết, vì quá nhiều trung tâm thương mại đã được dựng lên ở ngoại ô. Người ta thường tránh đi vào trung tâm thành phố sau khi trời tối. Rạp chiếu phim nhấp nháy ánh đèn neon màu hồng trên một đại lộ nơi đèn đường chỉ phát ra những quảng sáng nhỏ nhoi; nơi những người mẫu ma-nơ-canh khỏa thân tươi cười đằng sau lớp kính tối om của một cửa hàng tạp hóa đã sập tiệm.

Dù công việc thư ký của tôi không hề cao quý hay thậm chí cũng chẳng có gì là đặc biệt thú vị, nhưng tôi vẫn thích có một nơi để đến mỗi ngày đến độ tôi bắt đầu sợ những ngày cuối tuần. Trong thời gian rảnh, tôi lại chú tâm vào việc chăm sóc khu vườn thảo mộc ở sân sau.

Bobby thỉnh thoảng gặp tôi để ăn trưa ở khu trung tâm, vì trường dạy nấu ăn của nó không xa văn phòng tôi lắm. Nó đã trở nên khá điển trai, theo vẻ đẹp truyền thống, và tôi phải thừa nhận rằng tôi thấy vui khi gặp nó ở những nhà hàng đông khách, nơi tiếng ồn do những người làm công ăn lương đói bụng gây ra khiến không khí nhà hàng thêm sôi động.

Trong các bữa ăn, Bobby luôn hăng hái nói về công việc kinh doanh nhà hàng. Có lúc, nó đã không còn giống như một kẻ đang bắt chước một thanh niên dễ coi, sạch sẽ nữa mà đã thực sự trở thành người như vậy, ngoại trừ những khoảnh khắc kỳ cục khi mắt nó ngời lên một cách khác thường và da nó lấm tấm mồ hôi. Những lúc như thế, nó khiến tôi liên tưởng đến một người bán *Kính thánh*, một trong những người cuồng tín miền Nam vô cùng nồng nhiệt mà tôi đã biết rõ từ thời hoa niên. Trong lúc hào hứng, Bobby có thể mang nét đặc trưng đó, nhưng rồi nó luôn kiểm soát được bản thân, cười trừ và hạ giọng xuống, thậm chí còn có vẻ rút lại mồ hôi vào trong lỗ chân lông nữa. Do đó ấn tượng cuối cùng mà nó tạo ra là một vẻ trẻ con và quyến rũ, một sự nguy hiểm non nớt bị đặt dưới tầm kiểm soát.

Tôi thú nhận những nỗi lo lắng của mình với nó, và thi thoảng cho phép mình buông đôi lời phàn nàn về hoàn cảnh của tôi, vì tôi không thích là gánh nặng cho Ned. Bệnh hen suyễn của anh đã trở nên tệ hơn nhiều khi công việc kinh doanh đi xuống, và anh bắt đầu uống nhiều rượu.

Bobby đã nói hàng nghìn lần: “Cháu sẽ tìm người bỏ vốn và sang năm sẽ mở nhà hàng, hoặc cùng lắm là hai năm nữa. Cô cháu mình có thể cùng điều hành nó. Mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp thôi.”

Tôi bảo nó: “Cháu nói nghe thật dễ dàng. Cháu còn trẻ mà.”

“Cô cũng còn trẻ đấy chứ,” nó nói. “Ý cháu là, cô trẻ hơn so với tuổi của cô. Cô sẽ thích làm bếp trưởng thôi, cô hãy đợi xem.”

“Cô sẽ không làm trưởng triếc gì hết.”

“Có đấy. Cô sẽ muốn khi cô thấy nhà hàng mà cháu sắp dựng lên cho cô. Nào, cô Alice. Hãy nói với cháu rằng cô ủng hộ cháu, và cháu sẽ dựng lên nhà hàng tốt nhất ở Ohio này.”

Người đàn ông ở bàn bên liếc về phía chúng tôi. Ông ta khoảng năm mươi tuổi, ăn mặc gọn gàng và có vẻ thành đạt trong bộ com lê màu xám đen. Tôi có thể nhận thấy mỗi nghỉ hoặc trong mắt ông ta: một phụ nữ lớn tuổi, khuôn mặt hơi nghiêm nhưng không hoàn toàn làm mất đi vẻ đẹp của bà ta, đang ănt rưa với một thanh niên đẹp trai, đầy sức sống. Trong một thoáng, tôi đi theo mạch suy nghĩ của ông ta, khi ông ta hình dung ra cảnh Bobby và tôi đi ra khỏi nhà hàng và lên một căn phòng cho thuê, nơi ánh nắng chiều xiên vào qua những tấm rèm che.

Bobby ngả người về phía trước, đôi bàn tay to lớn của nó mở rộng trên mặt bàn. Tôi đưa tay ra và nhẹ nhàng chạm vào những ngón tay to thô kệch của nó.

“Được rồi,” tôi nói. “Nếu cháu thực sự quyết tâm mở một nhà hàng như thế, hãy để cô tham gia cùng. Cô sẽ làm bất cứ điều gì có thể để giúp cháu.”

“Tuyệt quá,” nó nói, và mắt nó thực sự sáng lên, long lanh những giọt nước mắt.

Nó mở nhà hàng chưa đầy một năm sau đó. Có lẽ nó quá nôn nóng. Nếu nó chờ đợi cho đến khi nó hiểu thêm về kinh doanh, có thể nó đã thành công hơn. Nhưng nó cứ khẳng khẳng rằng mình đã sẵn sàng, và tôi chỉ có thể suy đoán không hiểu sự vội vã này có bị ảnh hưởng chút nào từ sự sa sút của Ned không. Nó kiếm được nguồn vốn từ Beechum, một gã đàn ông trông khá đáng ngờ, với mái tóc chải bồng về phía trước để che cái trán hói. Gã còn đeo vài chiếc nhẫn bạc và ngọc lam nặng nề trên những ngón tay thon gầy trắng trẻo. Gã Beechum này sở hữu, hay đúng hơn là gã tuyên bố là có sở hữu, một chuỗi hiệu giặt là tự động đang làm ăn phát đạt. Và theo như lời Bobby thì gã đã mừng tượng ra một thành công tương tự trong lĩnh vực ẩm thực theo phong cách miền Nam.

Dưới sự hướng dẫn của Beechum, Bobby đã thuê địa điểm trong một khu trung tâm mua sắm nhỏ ở ngoại ô, giữa một cửa hàng quần áo giảm giá và một tiệm bánh trưng bày trên tủ kính một chiếc bánh cưới hơi dơ dáy. Tôi bày tỏ và mối lo ngại về địa điểm này, nhưng Bobby đã nêu ra một loạt những ưu điểm không thể chối cãi của nó.

“Địa điểm này nằm gần vài đại lý bán lẻ chính,” nó nghiêm nghị nói. “Penney’s là đại lý bán lẻ hàng đầu, và Sears cũng sắp khai trương. Nơi đó còn có những cửa hàng thực phẩm khác nữa. Mà nó lại rẻ. Ý cháu là, cô phải bắt đầu từ đâu đó chứ, đúng không ạ?”

Tôi không cần đưa ra quá nhiều chi tiết về sự khởi đầu đầy lạc quan của nhà bằg, và sự đi xuống ngay lập tức của nó. Chỉ cần nói rằng Bobby đã đặt tên cho nhà hàng là Alice, và đã làm tất cả những gì có thể với một căn phòng sáng ánh đèn huỳnh quang và trần được thiết kế có độ vang, căn phòng đó trước đây từng là một tiệm bánh pizza nhưng đã sập tiệm. Nó treo những tấm áp phích đóng khung về New Orleans – những ban công sắt rèn trong Khu Pháp, một người đàn ông da đen đang thổi kèm trumpet – và kiếm được những chiếc bàn ghế gỗ ở cửa hàng đồ cũ. Tôi thử các công thức nấu ăn với Bobby, tranh luận về việc nêm nếm gia vị, dù Beechum thường thắng thế với những lời nhắc nhở về việc chi phí bị đội lên quá cao hay khẩu vị của người Ohio còn quá rụt rè. Thực đơn cuối cùng được đưa ra chẳng khác gì một phiên bản miền Bắc của ẩm thực miền Nam: Xúp mướp tây, bánh bột ngô, tôm đông lạnh được chế biến theo nhiều kiểu khác nhau. Những món tráng miệng đều đặc biệt. Tôi chủ định ghé qua đó thường xuyên nhất có thể.

Thỉnh thoảng khi đến ăn trưa, tôi thấy một, hai người khách khác nữa – những người đi mua sắm với những cái túi từ cửa hàng giảm giá bên cạnh, hay những nhân viên chào hàng đi một mình trong giờ ăn trưa – và đôi khi tôi là người khách duy nhất. Trong những lần đó, Bobby thường đến ngồi với tôi khi người phục vụ hoặc lau chùi cái tủ bày bánh nướng đã quá sạch sẽ hoặc lui về đọc một tờ tạp chí điện ảnh bên cạnh tủ lạnh.

Từ đầu đến cuối, Bobby chưa bao giờ mất đi vẻ hào hứng giống với người bán Kinh Thánh.

“Ban đầu mọi việc bao giờ cũng chậm chạp,” nó nói. “Cô phải để cho những lời truyền miệng lan ra. Khi một người rời khỏi đây sau những bữa ăn ngon miệng, họ sẽ kể cho mười người khác nữa. Cô cần phải chờ đợi.”

“Các món ăn ngon lắm, Bobby nói,” tôi nói. “Cô mong rằng mọi người sẽ đến để nhận ra điều

đó.”

“Chắc chắn thế,” nó nói. “Nếu cô có sản phẩm, người ta sẽ tìm đến cô. Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi.”

Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau trong căn phòng vắng, dưới những tuýp đèn huỳnh quang. Người ta đi qua khung cửa sổ sạch bong và nhìn vào trong với một vẻ mà tôi nhận thức được: khuôn mặt hóm hỉnh và khá đáng sợ ngoảnh vào bất cứ một cơ sở kinh doanh rủi ro nào. Chính tôi cũng đã từng nhìn vào vô số cửa sổ theo kiểu đó: những cửa hàng quà tặng nho nhỏ cầu kỳ nhưng vắng khách, những cửa hàng bán đồ ăn sẵn không trữ nhiều hàng, những cửa hàng thời trang với những bộ quần áo đã lỗi mốt một năm năm. Khi người ta vội vã đi qua với những gói đồ mua từ cửa hàng Sears và Penney's, tôi hiểu được những cảm giác của họ; tôi hiểu cái thái độ khinh khỉnh mà họ dành cho bất cứ thất bại nào của con người khi cố làm những việc bất khả thi.

Vào một đêm ẩm áp trái tiết tháng Mười một, sáu tháng sau khi cửa hàng của Bobby khai trương, Burt Morrow đã tự thiêu mình và nửa căn nhà ra tro khi ông ngủ quên mà không tắt thuốc lá. Ned và tôi đã bị tiếng còi xe cứu hỏa đánh thức, dù dĩ nhiên lúc đó chúng tôi không biết điểm đến của chúng.

Tuy nhiên, tôi vẫn có một linh cảm. Cảm giác đó tuy vô danh nhưng thật rõ ràng, vì thế tôi thao thức khá lâu sau khi Ned đã quay lại với giấc ngủ ồn ào, gần như khó nhọc của anh. Khi chuông điện thoại reo, tôi đã đoán ra ngay. Chúng tôi lái xe tới đó luôn, chỉ kịp khoác tạm áo choàng lên áo ngủ.

Bobby trông thấy chúng tôi đỗ xe. Nó vẫn đứng im. Nó đang đứng trên thảm cỏ, cạnh một viên lính cứu hỏa mặc áo khoác đen. Khi Ned và tôi chạy đến bên nó, Bobby nhìn chúng tôi với vẻ mặt nghiền ngẫm, sững sờ quen thuộc, vẻ mặt như của một người nước ngoài ấy.

Tôi vòng tay ôm lấy nó. Nó đứng im như phỗng. Nó nói rành rọt trong một giọng the thé: “Bố cháu mất vào khoảng mười hai rưỡi tối nay.”

Tay áo Bobby cháy sém và tóc nó bốc mùi khét lẹt. Chắc là nó đã cố gắng tìm cách xông vào căn nhà đang cháy.

Tôi vuốt mái tóc rối bù của nó. Nó đứng bất động trong vòng tay tôi. Nửa căn nhà đã cháy thành đồng đổ nát, nửa còn lại vẫn vẹn nguyên với vẻ khiêu khích. Cánh cửa trước đã mở, lộ ra bức tường bên trong với lớp giấy dán tường có họa tiết hình hoa đã bị cháy đen. Trên đó, một tấm gương vẫn còn được treo trong chiếc khung cầu kỳ.

Ned lập tức đi xem xét tình hình của Burt. Tôi ở lại với Bobby. Người nó chột rung lên, vì vậy tôi ôm nó chặt hơn, điều đó có vẻ khiến nó rung lên thêm. Sự xúc động của nó làm tôi sợ nhưng tôi không nói lỏng vòng tay. Tôi chỉ biết làm theo cách mà tôi thường làm với Jonathan khi nó còn nhỏ với những cơn khóc hờn vô cớ và tôi, ngốc nghếch ngay cả khi đã hai mươi hai tuổi, chẳng biết làm gì ngoài việc ôm chặt nó trong nỗi sợ hãi và bối rối của chính mình.

Jonathan về nhà dự đám tang. Mái tóc vàng hoe của nó vẫn thả ngang vai, nhưng nó đã chuyển sang đi giày lười và mặc một cái áo khoác vải tuyết cùng quần jean. Bobby ăn mặc theo kiểu những thanh niên lao động ở Cleveland: quần sợi tổng hợp xếp ly, áo sơ mi có cầu vai màu tùng lam.

Chúng cùng nhau lái xe đi dạo, xem những bộ phim cũ trên ti vi. Bobby xanh xao và lơ đãng, như thể phần bên trong sợ nó đang phát ra một tiếng động mà chỉ có nó mới nghe được. Jonathan trông chừng nó rất kỹ bằng cách ngồi gần bên nó và chạm vào vai hai tay nó.

Chúng giống như một cặp bệnh nhân và y tá. Giữa chúng có tình thương mến thương, nhưng không có dấu hiệu của sự yêu đương. Tuy cả ai đều còn trẻ, nhưng chúng đã nhiễm một đặc trưng của người già, khi chúng cùng ngồi trên chiếc sofa, chúng khiến bạn nghĩ đến những tủ đồ cổ và những cánh cửa chớp lật. Bobby luôn ngồi cạnh Jonathan, sát bên nhau như hồi còn trẻ con. Vào bất cứ lúc nào, một người lạ có thể sẽ không nhận ra nổi đâu là người đỡ dành, đâu là người được an ủi. Sau một tuần, Jonathan quay lại với cuộc sống mới của nó ở thành phố

New York.

Bobby mau chóng đóng cửa nhà hàng, và cuối cùng phải tuyên bố phá sản như một cách để xóa nợ. Hiện nó làm việc trong một tiệm bánh. Có vẻ nó cảm thấy an toàn hơn giữa những tấm ván lẫn bột, những quả trứng tươi và những tuýp bột nhồi.

Vì không còn đủ khả năng trả tiền thuê nhà nên nó phải rời khỏi căn hộ kia và chuyển đến sống cùng chúng tôi. Nó ngủ ở một chiếc giường hẹp trên gác, trong phòng của Jonathan.

Chúng tôi không thấy phiền gì lắm khi Bobby sống cùng. Thực ra mà nói, chúng tôi có thể tận dụng khoản tiền ít ỏi mà nó đóng góp, dù khoản tiền đó chẳng giúp được mấy cho việc học của Jonathan ở trường đại học hay sự đình trệ của rạp chiếu phim của Ned. Anh đã bắt đầu đặt những bộ phim nước ngoài, thể loại không được chiếu ở các rạp phim trong trung tâm thương mại. Anh phải vá thảm tiền sảnh bằng những miếng băng dính to bản.

Chủ nhật nào Jonathan cũng gọi điện về, như một đứa con có trách nhiệm. Nó đã chuyển từ ký túc xá đến một căn hộ ở Greenwich Village. Tôi cố hình dung ra cuộc sống của nó: những bộ phim và những quán cà phê, âm nhạc trong những câu lạc bộ ở tầng hầm. Tôi phải mừng tượng ra những chi tiết này vì nó không hề đề cập gì đến chúng. Điều mà nó kể cho tôi nghe là việc học của nó vẫn tốt, và nó không cần đồ trải giường, dụng cụ nhà bếp hay quần áo mới gì cả.

Đôi khi tôi nghĩ tôi sẽ bỏ Ned. Đôi khi tôi nghĩ tôi sẽ tuyên bố điều đó và bỏ đi, như một đứa trẻ mười bảy tuổi. Nhưng tôi không thể hình dung ra cảnh mình làm thế, thực sự không thể. Một trong những điều mà tôi phát hiện ra khi bước chân vào tuổi trung niên là tôi quan tâm đến anh từ tận đáy lòng. Anh truyền cho tôi sự dịu dàng, thậm chí là lòng trắc ẩn. Nếu anh thành công hơn, có lẽ tôi đã bỏ được anh.

Thay vào đó, tôi lại nỗ lực một lần nữa để hòa nhập với cuộc sống ở đây. Tôi gia nhập lại hội nhà thờ. Tôi bắt đầu dạy làm bánh ở YMCA[38] cho những bà nội trợ muốn làm gia đình mình ngạc nhiên vào những ngày lễ. Lớp học của tôi đã thu hút một lượng học viên đáng kể. Nhiều người trong số họ rất hài hước và tốt bụng, vài người còn bị dụ dỗ từ bỏ sự ham thích với thạch Jell-O và bột pudding có đường nữa. Khi khóa học kết thúc vào lễ Giáng sinh, ba bốn người trong số chúng tôi có lẽ sẽ tiếp tục là những người bạn làm bánh.

Đây là những gì mà bạn cần làm. Bạn tự tạo ra tương lai cho mình từ những nguyên liệu thô nằm trong tầm tay của bạn. Tôi ngồi đánh máy ở một chiếc bàn từ thứ Hai đến thứ Sáu, và dành hai ngày mỗi tuần để hướng dẫn cho những phụ nữ khác về nghệ thuật khuấy trứng thật đều, cán bột thật mỏng đến mức nhìn qua nó bạn có thể đọc được cả giấy in báo. Tôi không có nhiều thời gian làm việc nhà, nhưng Bobby luôn giữ cho nhà cửa sạch sẽ khi tôi đi vắng. Ngoài những lúc ở tiệm bánh, nó luôn ở nhà. Lúc nào cũng vậy. Nó nấu bữa tối mỗi ngày. Sau bữa tối, Ned quay lại rạp chiếu phim còn Bobby cùng tôi xem ti vi hay chơi bài. Tôi ngồi với nó cho đến giờ đi ngủ. Đôi khi tôi khuyên nó nên ra ngoài và xem thế giới đang thay đổi ra sao. Thậm chí tôi còn ngỏ ý cho nó ít tiền, nhưng tôi luôn nói rằng, đây chính là nơi mà nó muốn ở. Vì thế chúng tôi cứ ngồi đó, ngày qua ngày. Thành thật mà nói đôi lúc tôi mong rằng nó sẽ rời đi. Nó quá tận tụy và lúc nào cũng quá ngoan ngoãn.

Phần hai

JONATHAN

Chúng tôi là người tình một nửa của nhau. Chúng tôi cùng nhau cư ngụ nơi thượng tầng trong sáng của tình yêu, nơi người ta say mê nhau, yêu thương sự kỳ cục của nhau, và mong ước mọi điều tốt đẹp nhất sẽ đến với đối phương. Vì chúng tôi không phải là tình nhân theo nghĩa xác thịt, nên chúng tôi không mắc phải những phiền toái nho nhỏ. Clare và tôi kể cho nhau nghe những bí mật tồi tệ nhất và thừa nhận những nỗi sợ hãi ngốc nghếch nhất. Chúng tôi ăn tối và đi mua sắm cùng nhau, phán đoán tính cách của những người đàn ông đang băng

qua chúng tôi trên đường. Khi nhìn lại, tôi nghĩ chúng tôi giống như hai chị em gái trong những câu chuyện cổ tích, trong đó cô em trẻ trung xinh đẹp không được lấy chồng cho đến khi nào có người đến cầu hôn cô chị, người kém hấp dẫn hơn. Dù vậy, trong trường hợp của chúng tôi, chúng tôi cùng lúc vừa là cô chị vừa là cô dâu. Cuộc sống của chúng tôi chỉ xoay quanh những bộ quần áo, những câu chuyện gẫu và những lời tự kiểm điểm. Chúng tôi bình thần chờ đợi xem liệu có ai đến để mang một trong hai người chúng tôi đến với một loại tình yêu khác đáng sợ hơn không.

Trong ba năm, chúng tôi cùng nhau sống trong một tòa nhà sáu tầng không có thang máy trên phố Ba Đông giữa đại lộ A và B, nơi những phụ nữ Puerto Rico cãi nhau bằng tiếng Tây Ban Nha và những kẻ bán ma túy không ngừng ra vào những căn hộ dưới tầng hầm. Những cậu bé phê thuốc đẹp đến nao lòng thường say sưa nhảy nhót theo tiếng nhạc phát ra từ những chiếc radio khổng lồ trên phố. Chúng tôi sống ở khu này vì giá thuê nhà rẻ, và bởi vì – chúng tôi thừa nhận điều này trong một đêm say xỉn – chúng tôi thấy nó thú vị hơn cả những khu vực an toàn trong thành phố. Tôi phải thú nhận thêm rằng tôi coi khu này là một ngọn nguồn cho những câu chuyện mà tôi sẽ kể trong cuộc đời tốt đẹp hơn sắp tới. Khi tôi nói thế, Clare đã nhìn tôi ngờ vực và nói: “Quả là vớ vẩn khi tin tưởng vào tương lai, cậu không nghĩ thế à? Nó hơi giống như việc chế tạo những con thuyền trong chai ấy. Cậu biết không? Tuyệt vời một cách đáng sợ.”

Clare ba mươi sáu, hơn tôi mười một tuổi. Chị cứ khăng khăng sống theo vài giả thuyết mà mình đã đặt ra. Chị tin rằng James M. Cain^[39] là nhà văn Mỹ vĩ đại nhất, xã hội đã lên đến cực điểm vào cuối những năm ba mươi của thế kỷ XX, và không còn người đàn ông nào để dành cho một phụ nữ lập dị ở độ tuổi của chị. Khi tranh luận ở điểm cuối cùng, chị đáp lại bằng một giọng thiện chí nhưng gần như mất hết kiên nhẫn, như một giáo viên giỏi đang đối mặt với đứa học sinh không có triển vọng thứ mười nghìn của mình. “Bỏ qua những người đàn ông này nhé”, chị nói, đếm ngón tay. “Những người đồng tính. Những người đã có gia đình. Những người dưới hai mươi lăm tuổi. Những người trên hai mươi lăm nhưng chỉ hứng thú với những phụ nữ trẻ xinh đẹp. Những người vẫn còn độc thân chỉ vì họ không thể gắn bó đời mình với bất cứ ai. Những kẻ dễ tiện thấy rõ. Những kẻ hiếp dâm và những tên sát nhân tâm thần. Còn lại ai nữa nào?”

Trong cuộc sống thường ngày, chị luôn có thái độ vui vẻ đầy mỉa mai, như nhân vật phụ trong một vở hài kịch hồi những năm ba mươi. Như một kẻ sống sót sau chiến tranh, vẫn đi giày cao gót và tô son khi đi giữa đồng đổ nát.

Khi chị buồn chán, chúng tôi thường bàn tính đến việc có con với nhau. Clare từng trải qua một lần kết hôn, một lần phá thai, hàng tá tình nhân và ba lần đổi việc. Tôi rời trường đại học đã được ba năm, phụ trách chuyên mục ẩm thực cho một tờ tuần báo, và có đôi chút ham muốn với một người đàn ông mà tôi gọi là tình nhân. Về đêm, con phố của chúng tôi lấp lánh những mảnh kính vỡ. Mỗi sáng, một phụ nữ Mỹ Latin đầy đặn thường đi ngang qua phía dưới cửa sổ căn hộ của chúng tôi, hát vang những bản tình ca cảm động trên đường chị ta đi làm.

Một buổi sáng đầu xuân, khi chiếc lá thường xuân màu xanh nhạt đơn độc rơi xuống giữa thanh ngang của lưới sắt chống trộm trên cửa sổ phòng bếp, Clare vừa đưa tách cà phê lên miệng vừa thở dài nói: “Có lẽ tôi sẽ nhuộm lại tóc về màu bình thường. Cậu có nghĩ là đến tuổi nào đó thì người phụ nữ nên ngừng việc tỏ ra lập dị không?”

Chị đang mặc chiếc áo kimono mua ở cửa hàng giảm giá, không phải bằng lụa nhả nhận mà bằng tơ nhân tạo có màu son chói mắt, chắc là đã được chủ nhân trước đây của nó mua mới ở Hawaii hay Las Vegas năm năm trước. Clare không đẹp, thậm chí còn bị coi là phản lại vẻ đẹp thông thường.

“Không,” tôi nói. “Em nghĩ đến độ tuổi nào đó người phụ nữ càng có quyền làm thế hơn.” Tôi đứng ở cửa, vì bếp của chúng tôi chỉ vừa chỗ cho một người.

“Sự khác biệt giữa ba mươi sáu và hai mươi lăm,” chị nói, “là ở tuổi hai mươi lăm, cậu sẽ không có vẻ kỳ cục. Tuổi trẻ là sự bào chữa quan trọng hơn hết. Cậu có thể thử bất cứ thứ gì, làm bất cứ điều gì với tóc cậu, và vẫn tự tin với vẻ ngoài đó để đi khắp nơi. Cậu vẫn đang khám phá bản thân, vì thế điều đó là bình thường. Nhưng khi cậu già hơn một chút, cậu sẽ thấy

những ảo tưởng của mình bắt đầu lộ ra.”

“Vậy hôm nay sẽ trở thành một ngày thứ Bảy đen tối khác à?”

“Chưa biết được.”

“Đừng. Ngoài trời đẹp thế kia cơ mà. Hãy đi mua sắm và xem phim thay vì nghĩ đến việc tự sát.”

“Khi chúng ta có con,” chị nói, “cậu nghĩ tóc nó sẽ mang màu gì?”

“Tóc chị có màu gì vậy?”

“Chúa ơi, để tôi nhớ lại đã. Hơi nâu xỉn, tôi nghĩ vậy. Kiểu tóc của cô nhân viên bán hàng.”

“Có lẽ đứa bé sẽ mang màu tóc của em,” tôi nói. “Em cược rằng những loại gen yếu nhưng mang tính quyết định có thể làm cho chúng ta ngạc nhiên đấy.”

Chị nhấp một ngụm cà phê. “Thành thực mà nói”, chị nói, “tôi có cảm giác rằng những tổ tiên Rumani ghê gớm của tôi sẽ lấn át những tổ tiên Thụy Điển trầm ngâm của cậu.”

“Thế chị có muốn một phiên bản thu nhỏ của chị à?”

“Chúa ơi, không. Một tôi khác nữa à? Chúng tôi sẽ ghét nhau mất. Tôi chỉ mong một điều là đứa bé có trí thông minh của cậu.”

“Đừng khiêm tốn thế,” tôi nói. “Chị rất thông minh mà.”

“Nếu tôi thông minh như thế,” chị nói, “thì tôi đâu có cho rằng mình đã ba mươi sáu tuổi, đứng trong một căn bếp bé xíu và cố nghĩ ra cách tốt nhất để có con mà không cần yêu đương.”

Chúng tôi vẫn thường nói chuyện về đứa bé. Chúng tôi không lập kế hoạch, nhưng chúng tôi nói về nó rất nhiều. Đó là thói quen của chúng tôi. Hồi trước chúng tôi cũng từng có những ý định khác: chúng tôi đã cùng bàn về việc khai trương dịch vụ giao đồ ăn sáng đến tận giường, và chuyển đến vùng duyên hải ở Tây Ban Nha. Chúng tôi luôn bàn bạc về chi tiết của những việc này tỉ mỉ đến mức kết quả là chúng tôi đã băng qua một ranh giới vô hình và bắt đầu cảm thấy như thể chúng tôi đã thực hiện chúng, những lời trò chuyện của chúng tôi chủ yếu chỉ mang tính mộng tưởng. Chúng tôi đã từng mang món Benedict trứng^[40] từ phố Ba lên phía trên đại lộ Công Viên trong một cái tủ hơi (chúng đã biến thành một món hồ lồn bị vón cục), chúng tôi đã mua những cuốn hướng dẫn du lịch và băng cassette dạy hội thoại bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi không nghĩ rằng chuyện về đứa bé này sẽ có gì khác so với những việc đó.

“Nếu là con trai, em muốn đặt tên nó là Ethan”, tôi nói. “Hoặc Trevor.”

“Thôi nào cưng,” chị nói. “Không có cái tên mỹ miều nào hết. Nếu là con trai hãy gọi nó là Jon Junior. Nếu là con gái, sao không gọi nó là Mary hay Ann?”

“Tại sao không là Clare Junior?”

“Tôi đã bảo cậu rồi. Tôi muốn nó khác tôi.”

Đối thủ của Clare chính là hình ảnh của chị, là cái tính cách phức tạp mà chị đã tạo ra cho bản thân. Chị không dễ gì bộc lộ khả năng dữ dằn, sắc sảo và “thú vị” của mình. Khi thực hiện những điệu bộ quá hoàn hảo, chị có thể hơi kỳ quặc – thành thạo và khéo léo. Tôi có thể nhận thấy nó gây phiền phức cho chị như thế nào. Đôi khi chị ôm lấy cá tính của mình với sự thách thức thấy rõ, nhìn ra xã hội như thể muốn nói: “Đúng thế, thì sao?”. Đôi khi chị tự làm mình sợ. Chị đã trở nên quá điều luyện đến nỗi chị khó có thể thoát ra khỏi tính cách đó được nữa.

Tuy nhiên, chị vẫn có một cuộc sống mà tôi cho là đầy đủ, thú vị, và tôi không thích nghe những lời tự hạ thấp mình của chị. Chị từng lấy một vũ công hiện đang sống ở Tây Berlin, đoàn ca kịch của gã vẫn định kỳ đến diễn ở New York trước sự hoan nghênh thái quá. Chị từng là tình nhân của một nữ nhà văn khá nổi tiếng. Chị từng dùng heroin và thuốc phiện, và dùng lượng Dexedrine nhiều đến mức cần được điều trị tại một bệnh viện tư ở Baltimore. Cuộc sống của tôi, so với chị, có vẻ rut rè và cẩn trọng. Tôi không muốn phải nghĩ rằng cả hai sự lựa chọn – một cuộc sống nguy hiểm, quá cỡ và một cuộc sống lao động thoải mái – cuối cùng đều dẫn

đến một thói thúc mờ hồ, một niềm tin như nhau rằng thế hệ kế tiếp phải cải thiện vận mệnh của nó.

“Chị nghĩ ra sao về sự trừng phạt?” Tôi hỏi.

“Cho bản thân? Hay cho đứa bé?”

“Cho đứa bé.”

“Tôi sẽ không đánh nó,” chị nói. “Tôi không thể. Ôi, tôi không biết nữa. Có lẽ tôi sẽ là một trong những bà mẹ hay giận dỗi và thất vọng, và đứa bé sẽ mong rằng thà nó bị mắng mỗ hay ăn tát để cho xong chuyện còn hơn.”

Clare làm việc cho một thợ kim hoàn trên quảng trường Thánh Marks. Chị có năng khiếu trong việc kết hợp những thứ kỳ cục lại với nhau – chị làm vòng đeo tai và những cái trâm từ kim cương giả, thủy tinh vỡ, thiếc gỉ và những vật bằng nhựa nhỏ xíu từ những cửa hàng một giá. Lượng khách quen của chị tuy ít nhưng trung thành. Tôi đã bất ngờ trở thành người viết bài phê bình về các nhà hàng cho một tờ tuần báo, nó khởi sự một cách lặng lẽ và dần trở nên quá nổi tiếng bất chấp những tiện nghi thiếu thốn và đội ngũ nhân viên thiếu kinh nghiệm. Khi tôi nhận công việc này, ngay sau khi rời NYU, tôi đã coi nó là bước đầu tiên dẫn đến sự nghiệp thực sự của mình trong đội ngũ nhân viên của một tờ tạp chí quốc gia hào nhoáng. Nhưng không ngờ tôi đã vô tình bước lên – gần như nằm ngoài mong đợi của tôi – nền tảng của một điều tốt đẹp. Trong ba năm, tòa soạn đã chuyển từ những văn phòng ẩm thấp trong khu bán quần áo đến một tòa nhà sang trọng trên quảng trường Thống nhất. Đội ngũ nhân viên của nó đã tăng lên gấp ba. Và tôi đã được thăng chức từ nhân viên đánh máy và phóng viên không thường xuyên lên người phụ trách chuyên mục ẩm thực.

Điều trớ trêu là: tôi chẳng biết tí gì về đồ ăn thức uống cả. Đó là niềm đam mê của mẹ tôi, còn tôi lại luôn thờ ơ với mọi kiến thức về chủ đề này. Khi tổng biên tập quyết định mở thêm mục nhà hàng và bảo tôi là ông muốn tôi viết bài cho nó, tôi đã phản đối rằng tôi thậm chí còn không biết món bánh trứng Lorraine được chế biến thế nào. Ông nói: “Vấn đề là ở đó đấy. Nhiều người khác cũng đâu có biết.” Ông ngỏ ý sẽ tăng lương cho tôi, và giao cho tôi viết tối thiểu là sáu trăm chữ một tuần. Và thế là tôi trở thành Plain John, một nhân vật giàu có tương đối khiêm tốn, người đánh giá cao các món ăn ngon nhưng không nháy dưng lên trước một chút bột gia vị bạch đậu khấu không mong muốn trong món xúp đặc nghiền như có ớt, người thích đi ăn tối với bạn bè hoặc các cô nhân tình mỗi tuần đôi lần, và sẵn sàng bật dậy trước thứ gì đó hấp dẫn nếu cần. Tôi viết bài đánh giá về những nhà hàng Trung Quốc và Ba Lan, lùng sục khắp Manhattan để tìm được những loại hamburger, pizza và mì xào Thái ngon nhất. Tôi chỉ ra những nhà hàng thức thời nào phục vụ những khẩu phần nhỏ lỗ bịch, nơi nào sẽ gây ấn tượng sâu sắc nhưng lại không khiến các bậc cha mẹ lo lắng khi họ từ nơi khác đến thăm. Cả Clare và tôi đều sống dựa vào những bữa ăn được tờ báo chi trả, dù chúng tôi phải trả giá thông qua chế độ ăn thất thường của mình. Có tuần chúng tôi chỉ ăn mỗi món bánh bột ngô cuộn, tuần khác thì chẳng có gì vào bụng ngoài món vịt Bắc Kinh. Clare băn khoăn liệu việc mỗi tuần chỉ ăn mỗi một loại thức ăn như thế có thể gây hại lâu dài cho chúng tôi không. Chị mang về nhà nào vitamin, nào đồ uống làm từ cây lô hội, và bột protein được coi là thứ mà những vận động viên thể hình nổi tiếng ưa chuộng, những người đang nhe răng cười và làm động tác gồng mình trên những cái nhãn lờ lợc sắc sỡ.

Chúng tôi bảo nhau rằng chúng tôi nên nói chuyện với đứa bé liên tục, ngay cả trước khi nó đủ tuổi để hiểu. Chúng tôi cùng nhất trí rằng tốt hơn hết là bố mẹ nên thành thật với con trẻ, cả về những việc xấu xa cũng như những điều thú vị.

Người tình một nửa khác của tôi tên là Erich. Anh và tôi đã làm tình với nhau, mặc dù anh không truyền cho tôi nổi nhớ nhưng còn cào hay tâm trạng bồn chồn, khắc khoải khi kết hợp với khao khát sẽ tạo thành tình yêu. Tôi vẫn bình thản trước Erich. Thành thực mà nói, từ khi rời Cleveland tôi chưa bao giờ yêu người đàn ông nào mà tôi ngủ cùng – tôi không hề tới gần được cảm xúc đó, dù tôi đã biết hàng tá cơ thể trong mọi tâm trạng và thể xác khác nhau. Sự

quan tâm của tôi trên thực tế là dành cho Clare và trên giả thuyết là cho những người đàn ông nào đó mà chúng tôi thấy trên những con đường trong thành phố: những người đàn ông mạnh mẽ không khao khát danh tiếng hay hạnh phúc thông thường mà chỉ hành động theo sự bất cần của mình. Tôi nhìn một cách kín đáo nhất có thể vào những gã du côn đi giày quân đội màu đen, những cậu chàng Italia ủ rũ và những đứa trẻ tóc dài hung bạo đến New York từ những thị trấn nhỏ, hy vọng tiếng tăm về tội lỗi của chúng vẫn được giữ vững.

Tôi biết những ham thích của tôi là phi lý và có lẽ không lành mạnh. Nhưng chúng vẫn cứ dai dẳng – chúng là miền khát vọng của tôi. Một cậu bé nào đó mà tôi thấy đôi lần ở quầy bán báo trên phố, với mái tóc rối bù và vẻ mặt cau có, có thể khiến tôi ngứa ngáy muốn huých khuỷu tay vào tay áo cậu. Người đàn ông mà tôi ngủ cùng có vẻ còn thiếu sót và xa cách.

Erich và tôi làm tình một hay hai lần một tuần, thường là ở nhà anh trong khu phố Hai mươi Đông. Chúng tôi đã gặp nhau hai năm trước, trong nhà hàng nơi anh làm phục vụ quầy bar. Tuần đó tôi đang viết bài đánh giá về những nhà hàng dành cho dân đồng tính nam – chuyên mục của tôi sẽ đánh giá nhiều địa điểm khác nhau nơi các độc giả đồng tính nam có thể đến cùng người tình của họ nếu họ muốn công khai nắm tay nhau trên bàn. Tối hôm đó tôi đi ăn một mình và nán lại quầy bar để uống một ly brandy trên đường ra ngoài. Tuy quầy bar không đông, nhưng người pha chế rượu vẫn mất gần năm phút để hỏi xem tôi muốn uống gì. Anh đang khom người từ phía đầu kia của quầy bar, tay khoanh trên mặt quầy như một bà nội trợ Flemish đang thò người ra khỏi cửa, khẽ gật đầu một cách nhিপ nhàng, dứt khoát trước câu chuyện mà một ông già đeo đồ trang sức bằng vàng và quần khăn màu xanh ngọc bích đang kể. Trong khi chờ đợi, tôi ngắm cái móng của anh chàng pha chế, nó nhỏ và chắc nịch, lắc lắc nhিপ nhàng theo những cái gật đầu của anh.

Cuối cùng, ông già đang kể chuyện hắt đầu về phía tôi, nói: “Tôi nghĩ cậu có một vị khách đấy.” Người pha chế ngoảnh lại với vẻ giật mình. Mặt anh ta mỏng, mũi và cằm quá nhọn so với tiêu chuẩn đẹp trai thông thường, dù sắc mặt anh ta hồng hào và đôi mắt mang màu xanh thơ ngây, e dè như của trẻ con. Đó là kiểu mặt khiến người ta có thể nản lòng khi nhìn vào trong gương, dựa theo thói kiêu hãnh của con người – một khuôn mặt lúc thì thấy đẹp lúc lại thấy xấu. New York đầy những khuôn mặt như thế, những khuôn mặt không đẹp lắm của đám thanh niên, những người bị các bà mẹ quan tâm quá mức và tin rằng, với hy vọng nghiêm túc dù hơi e dè, họ có thể tạo nên tương lai bằng vẻ ngoài của họ.

“Ôi, xin lỗi,” anh ta nói. “Anh muốn uống gì?”

Tôi gọi một ly brandy. “Tối nay việc kinh doanh có vẻ chậm chạp nhỉ?” Tôi hỏi.

Anh gật đầu, rót brandy vào một chiếc ly hẹp miệng cỡ lớn. Ông già quàng chiếc khăn màu xanh ngọc rút một điều thuốc ra khỏi bao thuốc đang được ông đặt trên mặt quầy trước mặt, và nhét nó vào một cái bốt thuốc lá ngăn bằng vàng với sự tập trung tỉ mỉ.

“Thường thì, anh biết đấy, nó vẫn hơi chậm thế mà,” nhân viên pha chế rượu nói.

Tôi ngờ rằng nhà hàng này sẽ chẳng tồn tại bao lâu nữa. Nó đang có dấu hiệu xuống dốc, và tôi biết ít nhiều về những gì tôi sẽ viết trong chuyên mục của mình vào ngày hôm sau. Một vài cụm từ đã nảy ra: “Một nơi tầm thường theo phong cách những năm năm mươi, phục vụ thứ thức ăn thông thường, hơi đáng xấu hổ,” “như một con tàu ma cứ trăm năm lại đi vào bến cảng lúc nửa đêm”. Đó là địa điểm mà bạn có thể được một bà cô già giàu có đưa đến, tuy nhiên khách hàng ở đây lại chỉ có những ông già và những anh chàng có vẻ thêm thuồng, háo hức thay vì những mệnh phụ mặc áo lông thú và đeo ghim cài áo.

“Chà, nói thật thì,” tôi nói, “nơi này hơi ghê ghê.”

Anh đặt ly brandy trước mặt tôi trên một cái khăn lót cocktail và liếc về phía ông già kia, người đang từ từ nhả ra những chùm khói qua lỗ mũi. “Đó có phải là điều ghê nhất không?” Anh nói nhỏ. “Tôi đang kiểm một công việc khác.”

“Có lẽ đó là ý kiến hay đấy,” tôi nói.

Anh lại liếc sang ông già đang hút thuốc và đứng yên ở đầu này của quầy bar. Anh khoanh tay trên mặt quầy và gật đầu.

“Anh sẽ ngạc nhiên khi biết rằng công việc pha chế rượu này khó kiến như thế nào,” anh nói. “Ý tôi là, anh biết đấy, kiếm được việc ở những nơi tử tế ấy. Anh chưa từng đến đây bao giờ, đúng không?”

“Đúng.”

“Tôi không nghĩ là đã từng trông thấy anh.”

Một thoáng chăm chú lướt qua đôi mắt xanh nhạt của anh. Anh đang cố, nhưng không có vẻ tin chắc hay tò mò, tìm hiểu tôi. Tôi cho rằng quầy bar này là chốn thường xuyên lui tới của những thanh niên muốn kiếm tiền. Tôi không đủ đẹp trai để là một kẻ bán thân, cũng không mang vẻ giàu có đến mức được coi là một khách mua.

“Tôi chỉ muốn đến thử xem nơi này như thế nào thôi,” tôi nói. “Anh không thể cứ mãi đến mấy chỗ quen thuộc được.”

Ah gật đầu, không tin lắm. Đó không phải là một nhà hàng bình thường, không phải là nơi dành cho những người dằng hoàng.

“Anhh, ừm, làm việc ở quanh đây à?” Anh hỏi.

“Ở khu trung tâm,” tôi nói. “Tôi ở ngay đây thôi. Tôi làm nghề viết lách.”

“Thật à? Anh viết gì thế?”

Tôi nói cho anh ta biết tên tờ báo, và anh ta gật đầu với sự sốt sắng đặc biệt. Hồi đó tờ báo đang có tiếng. “Anh viết gì vậy?” Anh hỏi lại.

“Ồ, nhiều thứ. Mà này, anh sắp nghỉ chưa?”

“Ừm, một tiếng nữa chúng tôi sẽ đóng cửa.”

“Anh có muốn đi uống với tôi ở một nơi ít kinh khủng hơn không?” Tôi hỏi.

“Ồ, được chứ,” anh nói. “Ý tôi là, đồng ý.”

“Tôi tên là Jonathan.”

“Tôi là Erich. Tên tôi là Erich.”

Anh gật đầu khi giới thiệu tên mình. Trong mắt anh đã không còn vẻ e dè. Đây là công việc ngoài lề của tôi – tôi đã đến để làm quen với nhân viên pha chế rượu.

Tôi đi dạo và gặp anh một giờ sau đó ở một địa điểm trong khu phố Ba mươi. Anh đã đến trước tôi. Anh đứng ở quầy bar với một chai Budweiser, vờ như đang chăm chú với bộ phim của Esther Williams^[41] trên màn hình video. Anh chào và khẽ gật đầu, như thể đồng tình với lời chào của anh.

Tôi gọi một chai bia và chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Chúng tôi nói về những chuyện bình thường, giới thiệu qua loa về lai lịch và những tham vọng của chúng tôi. Hôm đó là tối thứ Tư, đám đông ở quán bar chỉ còn thưa thớt. Hình ảnh những cô gái hát hợp xướng mặc đồ sặc sỡ đang vui đùa trong làn nước xanh biếc lấp lánh trên màn hình video khiến cho căn phòng như ngập tràn ánh hoàng hôn rực rỡ, liên tục đổi màu. Erich rất lơ đãng, anh là mẫu người cứ xé khăn ăn, gõ chân và không thể nghe được một nửa những gì người ta nói với mình. Tóc trên đỉnh đầu anh đã mỏng đi – tôi ngạc nhiên khi biết anh kém tôi ba tháng tuổi.

Sau thứ có vẻ là một khoảng cách thích hợp đối với cả hai chúng tôi – hai cốc bia – chúng tôi đến căn hộ của anh trên phố Hai mươi tư, nơi anh đã đem đến cho tôi sự ngạc nhiên thứ hai.

Anh rất tuyệt khi ở trên giường. Tôi không còn cách nào khác để diễn đạt điều đó. Có vẻ nó giống sự lột xác. Lúc bình thường, anh cứ bồn chồn và thiếu tập trung, bằng chứng là anh thường ngừng lại bất chợt và hay bật ra những điệu cười kỳ cục. Nhưng khi cởi quần áo, anh bỗng có được sự tự tin duyên dáng của một vũ công. Vóc dáng anh khiêm tốn và gân guốc, với hai cánh tay nổi gân và lồng ngực nở nang. Đêm đầu tiên đó, khi chúng tôi đến căn hộ của anh (một phòng đơn với căn bếp kiểu Pullman^[42] và phòng tắm), anh cởi đồ nhanh chóng như thể anh đã mặc một bộ đồ dễ cởi, giống kiểu những diễn viên hài kịch thường mặc. Mới đây anh vẫn còn quần áo trên người, thế mà trong nháy mắt tôi đã thấy anh khỏa thân, trong khi tôi

vẫn đang cởi nốt cái khuy áo cuối cùng.

“Này,” tôi nói, “sao anh làm được thế?”

Anh cười và giúp tôi cởi nốt quần áo. Những động tác của anh nhanh nhẹn và hiệu quả nhưng vẫn đầy dịu dàng. Anh đột ngột biến phong thái e dè, do dự thành sự tập trung điềm tĩnh và khéo léo, thông thả. Anh cởi khuy quần tôi và nhẹ nhàng tut nó xuống mắt cá chân, rồi vòng tay quanh eo tôi và nhắc tôi lên giường, chỉ hơi căng thẳng một chút.

Anh không tạo ra hứng thú cho tôi. Tôi chỉ thấy hứng thú khi nghĩ về tình dục, về sự dễ chịu của nó – tôi đã ra ngoài và bắt gặp một người, một gã đàn ông bình thường sẵn sàng làm theo những gì tôi thích. Tôi thừa nhận rằng – trong những ham muốn của tôi có một nét bạo dâm. Một thói kiêu ngạo. Tôi lựa chọn những người đàn ông bình thường, những người sẽ không từ chối tôi; những người sẽ thấy may mắn khi có tôi. Tôi không rung động nhiều trước hình ảnh da thịt họ – dù vạm vỡ hay gầy gò thì vẫn luôn lúng túng và khoan khoái – mà chủ yếu vì cảm giác của tôi khi chiếm đoạt được họ. Khi Erich đưa tôi lên giường, tôi cảm thấy một sự hứng thú thông thường, quen thuộc. Tôi sẽ để anh điều khiển cuộc chơi nhưng rời khỏi căn hộ của anh tôi nhất định sẽ không phải là người chiến bại. Một phần trong tôi đã biến mất, ngay cả vào lúc này, khi ngực chúng tôi chạm nhau lần đầu tiên và chân chúng tôi vung về tìm vị trí. Tôi không chỉ đơn giản như thế. Tôi cảm thấy một sự phần chấn rạo rức nhưng không hoàn toàn dễ chịu, như thể một đàn ong đang vo ve trong ngực tôi.

Erich rúc vào vai tôi, nhẹ nhàng lướt những ngón tay dọc theo sườn tôi. Những đụng chạm của anh thật dịu dàng. Trong sự nghiêm túc và vẻ lơ đãng cùng ngoại hình không ưa nhìn của anh có vẻ gì đó ngọt ngào. Ở nó còn có vẻ gì đó đáng sợ.

Anh nằm trên người tôi một lúc, tới tấp hôn lên ngực tôi. Rồi anh khéo léo xoay cơ thể của chúng tôi để tôi nằm lên trên. Tôi nhìn tròn vẹn cơ thể anh, lần đầu tiên. Anh gầy nhưng có khung xương to, bụng nhiều lông hơn ngực. Dương vật anh nằm chếch về phía bên phải. Cái bụng rậm rạp, gầy gò và cái dương vật nằm chênh chếch của anh đột nhiên làm tôi thấy chán nản. Thường thường với những người lạ, tôi vẫn có một khoảnh khắc bị sốc như thế này, khi mà tôi hoàn toàn hiểu rõ sự riêng tư của cơ thể họ. Nhìn vào thân hình gầy gò của Erich, tôi cảm thấy như mình đã bắt gặp anh đang hờ hênh. Tôi thấy một khía cạnh khác của anh, và nó đẩy tôi từ thích thú sang ghê tởm – sự kích động của tôi bị giảm đi, và tôi đành phải giả vờ, nhắm mắt nhắm mũi nhét dương vật của anh vào miệng mình. Tôi đã nghĩ đến việc về nhà và uống gì đó với Clare. Ngay lúc chuyện này xảy ra, nó đã trở thành một câu chuyện mà tôi sẽ kể với chị. Chị và tôi sẽ cùng lắc đầu và bàn luận về sự khan hiếm tình yêu đến khó hiểu này.

“Hãy thư giãn đi,” Erich thì thầm. Tôi không trả lời, vì miệng tôi đang bị lấp đầy. Khi anh lập lại, tôi ngẩng đầu lên và nói: “Tôi hoàn toàn thoải mái mà, cảm ơn.” Tôi sẽ đưa anh đến đích thật nhanh chóng, rồi tự làm mình đến đích, và trở lại là chính tôi, tự do trên đường phố.

Anh trườn ra, để tôi nằm sấp trên đệm. “Anh quá căng thẳng đấy,” anh nói. Tôi ngờ vực tuân theo, và anh bắt đầu xoa bóp lưng tôi, dùng những đầu ngón tay lần theo bờ vai và xương sống tôi. “Anh rất săn chắc,” anh nói. “Tôi có thể cảm nhận được qua đôi bàn tay mình.”

Dù không muốn lắm, nhưng tôi vẫn phó mặc cơ thể mình cho đôi bàn tay anh. Tôi không thích bị nói là mình căng thẳng – có vẻ anh đã nhận ra một thói xấu trong tính nết của tôi. Khi làm tình, tôi luôn chuyển sang một tính cách không hẳn là của tôi. Lúc đó, tôi giống như một người anh trai giả định của mình, một người đàn ông khỏe mạnh, hơi bất cần, sống liêu lĩnh, không hề có cái nỗi e sợ thỏ để đang xâm chiếm bản thân kia của tôi. Ở bàn làm việc hay trên tàu điện ngầm, tôi thường mở tưởng đến những người đàn ông mạnh mẽ, hung dữ, những người cần tôi xoa dịu nỗi đau của họ. Khi ở trên giường với những người lạ ngoan ngoãn, tôi chỉ nghĩ đến việc nhanh chóng đạt đến cực khoái và chuẩn đi.

Erich xoa bóp lưng cho tôi với sự khéo léo nồng nàn, những ngón tay anh thuần thục day theo những huyết đạo. Khi tôi nhận xét về sự thành thạo của anh, anh nói: “Tôi đã từng học một khóa về xoa bóp mà.” Sau này, tôi biết được rằng anh rất tin tưởng vào những chứng chỉ đạt được. Anh là một sinh viên cần cù trên đời này, và thích chia nhỏ mọi thứ theo trình tự. Anh còn từng học tiếng Pháp giao tiếp, sáng tác và làm chân.

Dưới sự chăm sóc của anh, tôi không cưỡng lại được sự thư giãn ngoài ý muốn. Tôi chột thiếp đi lúc nào không biết. Điều này hoàn toàn không giống tôi chút nào. Dù gần đây tôi thường thức khuya và làm việc cả ngày dài. Cảm giác đó giống như là bị gây mê. Mới đây tôi còn tỉnh táo, ngắm một bức ảnh đóng khung về hai người lạ có khuôn mặt dịu dàng dựng trên chiếc bàn kê ở đầu giường, thế mà thoáng chốc đã thấy mình bị một nụ hôn đánh thức khi đang thi u thi u ngủ.

Tôi giật mình và suýt thì nhảy ra khỏi giường. Trong một thoáng, tôi chẳng còn biết gì hết. Tôi đang ở đâu, và cái miệng có mùi nước hoa cologne này là của ai? “Suýt”, anh thì thầm. “Không sao đâu.”

“Ôi, Chúa ơi, tôi đã ngủ sao?” Tôi hỏi. Tôi thấy chéch choáng và xấu hổ. Tôi có ngáy không nhỉ? Liệu tôi có chảy nước dãi không?

“Chỉ vài phút thôi mà”, anh nói. Anh hôn cổ tôi và dịu dàng nhưng chắc chắn chuyển vị trí xuống giữa hai chân tôi.

“Tôi không thể tin được”, tôi nói. “Anh biết không, tôi chưa bao giờ như thế.”

“Hãy cứ thoải mái đi”, anh nói. “Anh chỉ đang mơ đấy thôi.”

Không hiểu sao, tôi lại nghe theo. Dù bản năng tôi muốn quay trở lại là chính mình, nhanh chóng kết thúc chuyện này và tiếp tục cuộc sống riêng của mình, nhưng tôi vẫn quyết định thư giãn. Tôi cảm thấy một khoái cảm đầy ngạc nhiên và thú vị. Tôi để Erich chủ động và cuộc làm tình của chúng tôi trôi qua như thể tôi đang trong một giấc mơ thực sự. Anh làm chuyện này theo cái cách anh theo đuổi tất cả các kế hoạch của mình, với sự chăm chú tỉ mỉ của một học giả. Tuy cuộc làm tình của chúng tôi thiếu sự phóng túng của niềm đam mê đích thực, nhưng nó lại có một sự vững chắc bài bản cũng thú vị không kém. Erich có thể rót đúng một ounce whisky mà không cần phải đo. Và anh có thể biết được phải thọc sâu đến mức nào, khi nào thì rút ra, khi nào thì thêm vào một động tác bất ngờ. Tôi phó mặc bản thân cho điều đó. Anh thích được làm chủ, và tôi từ bỏ cái khao khát muốn gây ấn tượng của mình.

Đêm đó chúng tôi làm tình ba lần. Sau lần đầu tiên, chúng tôi không rời nhau ra. Tôi không có ý định chuẩn đi nữa. Anh ôm tôi, và tôi vuốt ve bắp đùi lưa thưa của anh. Tôi có thể ngửi thấy mùi mồ hôi anh, gần gũi nhưng không khó chịu. Chúng tôi ôm nhau trong im lặng khoảng mười phút. Rồi anh nói: “Anh đã sẵn sàng tiếp tục chưa?”

Lúc tôi mặc quần áo, căn hộ của anh đã phần nào bớt đi vẻ xa lạ. Nó không còn là một nơi ở thuận tiện hay thậm chí đặc biệt thoải mái nữa – một căn phòng gần như kín bưng nằm trong một tòa nhà gạch trắng có vẻ đã được xây vội hồi đầu những năm sáu mươi. Trong đó kê một cái giường thấp phủ chăn, một dàn âm thanh và ti vi, và một chiếc sofa màu đen to lớn kỳ cục mà, vào lúc bình minh, sẽ bắt đầu chức năng thường nhật của nó với việc hứng lấy bất cứ tia sáng nào rọi vào qua ô cửa sổ duy nhất. Trên tường là một tấm áp phích đóng khung bằng bạc, phỏng theo một bức họa của Matisse^[43] về một căn phòng trướng rủ màn che màu mè lòe loẹt, thiếu vắng sự sống, ngoại trừ ba con cá vàng hình dao găm đang lững lờ bơi trong một cái chậu cá cảnh màu xanh nhạt. Căn hộ của Erich giống như phòng đợi của bác sĩ. Nó chẳng gọi nhắc gì mấy đến việc có người sống trong đó ngoài một vẻ u sầu mong manh. Tuy nhiên, lúc tôi mặc xong quần áo và ghi lại số điện thoại của anh rồi để lại số của tôi trên một mảnh giấy, căn hộ đã mang vẻ thực tế hơn. Nó không có vẻ bớt trống trải hơn chút nào so với lúc chúng tôi mới đến, mà chỉ bắt đầu tiết lộ rằng quả thực vẫn có người sống trong này. Một chấm sáng đỏ nhấp nháy trên máy trả lời tự động, báo hiệu cho những tin nhắn chưa được nghe. Tôi thổi một nụ hôn gió về phía Erich từ nướng cửa, khẽ nói “Hẹn gặp lại” và đi bộ ba tầng cầu thang để xuống phố.

Thường thường đây vẫn là khoảnh khắc ưa thích của tôi, sau khi cuộc làm tình kết thúc và tôi đã quay trở lại với chính mình, vẫn trẻ trung và đầy sức sống, tự do đi bất cứ đâu. Tuy nhiên, tối nay tôi lại thấy bức tức và có cảm giác không trọng lượng, tôi không thể lấy lại được cảm nhận về bản thân. Con phố Hai mươi tư nằm yên lặng trong bể ánh sáng màu vàng sẫm. Một ả gái điếm cô độc tha thẩn với đôi tất dài màu đen và một cái áo khoác lông, một quầy hàng nông sản bán thâu đêm đang chất đầy nào cam, nào táo nhẵn bóng và những bông cẩm chướng

nhuộm xanh cho ngày lễ Thánh Patrick. Tôi đã được truyền sang một niềm khoái lạc len lỏi trong nỗi tiếc nuối mơ hồ. Thứ gì đó đã mất đi, ít nhất là trong lúc này – và giới hạn của khả năng. Tôi đã đi qua hai mươi dãy nhà trên đường về nhà, nhưng không thể lay chuyển được cảm giác đó. Nó theo tôi dai dẳng như một tên trộm.

Mãi đến hơn bốn giờ tôi mới về nhà. Clare đang ngủ. Khi tôi gặp chị vào tối hôm sau, tôi không kể nhiều về Erich với chị. Clare và tôi thường trò chuyện về đàn ông với cùng một thái độ khinh khỉnh mỉa mai, và tôi không biết phải giới thiệu thế nào về một người đàn ông như Erich. Không phải là tôi đang yêu, nhưng lần này một cuộc làm tình buổi đêm đã không còn là một hài kịch vụng về nữa, một sự tuyệt vọng hay nỗi chán chường nữa.

Clare nói: “Cậu chẳng kể gì cả, Jonathan. Thực sự thì có chuyện gì vậy?”

“Chẳng có gì”, chúng tôi đang ngồi trên sofa và uống Pernod. Pernod là thức uống gần đây của chúng tôi. Chúng tôi có thói quen sùng những loại rượu khác nhau dù không mấy trung thành với chúng.

“Cậu đang có vẻ thận trọng quá đấy”, chị nói. “Mà cậu đâu phải mẫu người như thế. Anh chàng này có vẻ là một người đặc biệt đúng không? Thực sự thì cậu đang giấu chuyện gì vậy?”

“Anh chàng này” là một diễn viên trong tương lai, anh ta đang phục vụ đồng uống ở một nơi đáng sợ. Anh ta bỗng dưng lại là một bạn tình tuyệt vời.”

“Cưng à, đừng có nói qua quýt như thế,” chị nói. “Tôi đã gặp bạn tình tuyệt vời cuối cùng của tôi, năm nào nhỉ, 1979 hay sao ấy? Hãy kể chi tiết một chút nào đi. Hãy kể đi. Đây là dì Clare của cậu mà.”

Chị nốc một hơi rượu thật dài, và tôi nghĩ rằng tôi thấy được ẩn sâu dưới sự tha thiết thân mật đó của chị là nỗi e sợ nhạt nhòa rằng rồi tôi sẽ rời bỏ chị, rằng tôi sẽ bị chìm đắm vào tình yêu. Nó hiện rõ trong đôi mắt và trên miệng tôi, khóe miệng ấy có thể trở nên nghiêm nghị và bất đồng bất chấp màu son đỏ chói.

“Cưng ơi, có những nơi mà ngay cả những người bạn thân nhất cũng không thể tới cùng nhau”, tôi nói.

“Ôi, không đúng,” chị nói. “Cậu không có ý như thế, cậu chỉ xấu hổ về vấn đề này. Đúng không?”

Clare và tôi không hề giữ bí mật nào với nhau – đó là khía cạnh hấp tấp, liều lĩnh trong tình bạn của chúng tôi. Có lẽ nó là sự thay thế cho kiến thức sinh học mà những cặp đôi khác lược lặt được từ tình dục. Clare và tôi thú nhận với nhau mọi chuyện. Chúng tôi lột trần bản thân mình và liệt kê những khuyết điểm của mình ra. Chúng tôi biết rõ về những mơ mộng ngớ ngẩn nhất của nhau, thú nhận về những dối trá, thói tham lam cùng những lời tự tăng bốc của chính mình. Chúng tôi mô tả tất cả những vướng mắc về sinh lý và biết rõ tình trạng gan ruột nhau.

Và bây giờ, lần đầu tiên, tôi muốn giữ riêng một điều gì đó cho mình. Tôi không rõ là vì sao. Có lẽ đó là một điều rất mơ hồ và tôi mong muốn được giữ lại. Erich đã làm tôi ngạc nhiên vì sự dịu dàng của anh. Điều gì đó ở anh đã làm tôi động lòng – chẳng hạn như: sự hào hứng thấy rõ và những hy vọng mong manh của anh. Điều gì đó ở anh khiến tôi tức giận. Tôi không biết cảm giác của mình là gì và cũng không thích bị buộc phải đặt tên cho những cảm giác đó. Có lẽ tôi sợ rằng khi miêu tả chúng quá sớm, tôi sẽ làm kiệt quệ tiềm năng thay đổi hay phát triển của chúng. Có thể tôi đã đúng.

Nhưng tối hôm đó tôi quyết định không giữ lại những bí mật. Tôi cũng sợ sự cô độc và sự ruồng rẫy, và tôi biết tôi sẽ không bao giờ sống với Erich. Cùng lắm thì anh sẽ là bước đầu tiên dẫn tôi đến với một thứ gì đó mơ hồ nằm ngoài không khí gia đình ấm áp mà tôi sẽ chia với Clare. Chị mới là tình yêu quan trọng nhất của tôi trên đời này. Tôi không có một nửa nào khác gần bó với mình quá sâu sắc như thế.

Vì thế tôi kể hết với chị. Hóa ra cũng không có gì nhiều để kể. Khi tôi kể xong, Clare nói: “Cưng à, cậu vừa tìm thấy một Bác sĩ Tâm lý cho mình đấy”. Chị hát vài câu từ bài hát của Aretha. “Đừng có gọi một tay bác sĩ nào cho tôi cả, họ chỉ biết tống đầy thuốc vào người tôi thôi, tôi đã tự kiếm cho mình một người đàn ông tên là Bác sĩ Tâm lý, người đã khiến cho tôi

thấy thực sự thoải mái.”

Đó có vẻ là một lời giải thích hiệu quả, ít nhất là trong thời điểm này. Erich sẽ là Bác sĩ Tâm lý. Từ đêm đó, càng gọi anh bằng cái tên ấy, tôi càng thấy nó phù hợp với anh. Clare và tôi tiếp tục mối quan hệ chị em của chúng tôi với sự gắn bó vẫn nguyên vẹn. Tôi đã tự tìm cho mình một điều thú vị nho nhỏ bên cạnh mối quan hệ đó. Clare khuyên tôi cứ tận dụng nó cho đến khi nào nó không còn giá trị, vì tôi hoàn toàn có thể làm được điều đó. Đó có vẻ là một lời khuyên chí lý.

Do đó, Erich và tôi bắt đầu hẹn hò. Vì anh làm việc vào ban đêm nên chúng tôi thường gặp nhau sau mười một giờ. Chúng tôi thường đi uống một hai ly rượu ở quán bar rồi về nhà anh.

Tôi không biết nhiều về cuộc sống riêng của anh. Anh có một tham vọng duy nhất, một tham vọng mơ hồ nhưng dai dẳng: được công nhận. Phương tiện mà anh dùng để đạt được sự công nhận đó là không mấy chắc chắn – anh chỉ đơn giản tìm kiếm một cơ hội, cố gắng để được chú ý đến. Anh đi thử vai cho bất cứ thể loại nào. Thậm chí anh còn đi thử giọng cho các vở nhạc kịch Broadway dù anh không biết hát. Anh làm việc mười bốn tiếng mỗi ngày cho một vai quần chúng trong bất cứ bộ phim nào được quay ở New York, và vào lễ Giáng sinh sẵn sàng sắm vai một anh lính người máy to quá cỡ cho cửa hàng đồ chơi F.A.O. Schwarz. Anh liên tục tham gia các lớp học diễn xuất, hùng hồn bày tỏ tham vọng được trở thành một diễn viên giỏi hơn, nhưng khi tôi quen anh lâu hơn, tôi bắt đầu nhận ra rằng diễn xuất thực sự không phải là điều mà anh quan tâm nhất. Sự hoan nghênh mới là mục đích của anh, và công việc theo hợp đồng ở cửa hàng đồ chơi nọ đại khái đã tạo cho anh một cảm giác thỏa mãn pha lẫn khổ sở mà anh sẽ nhận được từ việc đóng vai chính trong một vở diễn ở Broadway. Anh thích một sự theo đuổi có phương pháp và luôn mong chờ được chú ý, chứ không mơ đến một thành tựu. Trong cuộc sống đời thường, anh gần như vô hình – anh mặc quần jean và áo phông cổ cổ, lấp ló trong những cuộc trò chuyện đơn giản nhất, và sống một mình trong một căn hộ trống trải. Nhưng khi ở cửa hàng Schwarz trong mùa Giáng sinh, anh không bao giờ thoát vai, không bao giờ ngừng những động tác cứng nhắc như robot trong suốt cả ngày làm việc. Trong chiếc quần đùi thể thao và một ngày ba mươi độ, anh chạy bộ bốn mươi lăm lần ở cùng một dãy nhà trên phố Bleeker, vì đang là nhân vật làm nền mờ nhạt trong một bộ phim sẽ không bao giờ được trình chiếu. Vào ban đêm, khi đèn đã tắt, anh rất tuyệt khi trên giường.

Dù tôi gặp anh một hay hai lần mỗi tuần, tôi vẫn không hiểu được anh. Tôi ngờ rằng anh lo là nếu tôi – hay ai đó – hiểu được anh quá rõ, sự vận động của cuộc đời anh sẽ phần nào chậm dần – cái số phận vô danh của anh rồi sẽ được xác nhận. Bản thân tôi lại e rằng anh đang trên bờ vực bị chi phối hoàn toàn bởi mong muốn của người khác. Tôi nghĩ rằng đến một thời điểm nào đó, khi anh đã hoàn toàn hết hy vọng về việc đạt được danh tiếng, anh sẽ biến mình thành một người hâm mộ, tìm kiếm một người tình và vui vẻ từ bỏ mọi vết tích về cái quyết tâm cũ đó của anh. Có lẽ tôi đã cảm thấy thế ngay lần đầu trông thấy anh, khi anh gật đầu vui vẻ trong cuộc trò chuyện ở quán bar với một ông già. Anh đang rèn luyện sự tập trung. Tôi không muốn chúng tập trung quá mãnh liệt lên tôi.

Khi chúng tôi ở bên nhau, chúng tôi nhấn mạnh đến những chi tiết cục bộ: những câu chuyện chúng tôi gặp phải ở chỗ làm, những bộ phim mà chúng tôi thích hoặc ghét. Cuối cùng, trong cuộc hẹn có lẽ là thứ mười hay mười lăm gì đó, khi chúng tôi đang nằm im lặng trên cơ thể nhau, người vã mồ hôi, anh nói: “Mà, ừm, tóm lại thì anh là ai?”

“Gì cơ?”

Tại anh đỏ lên. Tôi ngờ rằng đó là một lời thoại được anh lấy ra từ trong một bộ phim.

“Ý tôi là, tôi thực sự không biết gì về anh”, anh nói.

“Tôi cũng không biết nhiều về anh,” tôi nói. “Tôi chỉ biết sơ qua rằng anh là một diễn viên, hiện đang làm nhân viên pha chế rượu. Anh muốn đổi việc nhưng chẳng làm gì nhiều để thực hiện điều đó, và anh thích phim *Cánh đồng chết*.”

“Ờ, tôi lớn lên ở Detroit,” anh nói.

“Tôi cũng đến từ miền Trung Tây đấy.”

“Tôi biết. Từ Cleveland.”

Sau một lúc ngừng, anh nói: “Chà, thật thú vị. Chúng ta đều là người miền Trung Tây. Điều đó thực sự, anh biết đấy, làm sáng tỏ được rất nhiều, đúng không?”

“Không, nó chẳng làm sáng tỏ được mấy”, tôi nói. Tôi tin rằng cuộc trò chuyện này là khởi đầu cho sự kết thúc của chúng tôi, và tôi không hoàn toàn bận tâm. Tạm biệt, Bác sĩ Tâm lý. Hãy để tôi quay lại trên phố, trở lại là chính tôi, với ý thức cũ của tôi về một tương lai vô tận.

Một lúc sau, anh nói: “Tôi từng chơi nhạc. Khi tôi còn nhỏ. Tôi rất mê âm nhạc. Tôi luôn mơ về nó. Tôi đã có những giấc mơ chỉ toàn là âm nhạc, chỉ... riêng âm nhạc mà thôi.”

“Thật à?” Tôi hỏi. “Anh chơi nhạc cụ gì?”

“Dương cầm. Cello. Một chút vĩ cầm.”

“Anh còn chơi không?”

“Không,” anh nói. “Không bao giờ chơi nữa. Anh biết đấy, tôi chơi không giỏi lắm. Tôi chỉ chơi được tầm tạm thôi. Nhưng không thật sự giỏi.”

“Tôi hiểu.”

Chúng tôi nằm bên nhau một lúc trong sự im lặng bút rút, chờ xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Chúng tôi không phải bạn bè cũng không phải tình nhân. Chúng tôi không có một ràng buộc tự nhiên nào ngoài vấn đề tình dục. Tôi tin rằng tôi có thể cảm thấy sức nặng trong nỗi bất hạnh của Erich như một thợ lặn cảm thấy áp lực từ đại dương, nhưng tôi không thể giúp anh. Đây là cái giá mà chúng tôi phải trả vì đã ngủ cùng nhau trước rồi mới làm quen với nhau – chúng tôi đã chia sẻ một sự thân mật mà không hề hiểu biết về nhau hay có tình cảm với nhau. Tôi không thể elăng nghe những lời thú nhận của Erich. Tôi không biết rõ anh đến mức làm được điều đó. Tôi nhớ đến lời khuyên của Clare – hãy cứ tận dụng nó trước khi nó hết giá trị.

“Nghe này,” tôi nói.

Anh đặt một ngón tay lên môi tôi. “Suýt,” anh thì thầm. “Đừng nói. Bây giờ thực sự không phải là, anh biết đấy, lúc thích hợp để nói.” Anh bắt đầu vuốt tóc tôi và nhảy nhót dọc theo vai tôi.

Mối quan hệ của chúng tôi vẫn còn mang tính ngại ngùng, giữ kẽ. Mỗi lần chúng tôi gặp nhau, có vẻ như chúng tôi mới gặp lần đầu tiên. Nhiều tháng sau, khi tôi hỏi Erich về tình yêu âm nhạc trước đây của anh, tất cả những gì anh nói là: “Hết rồi. Đó chỉ là, anh biết đấy, chuyện xưa rồi. Gần đây anh có xem bộ phim nào không?”. Đôi khi những cuộc trò chuyện của chúng tôi bị sa lầy, và những khoảng im lặng kế tiếp tạo cho cả hai cảm giác không được thoải mái. Anh chưa bao giờ đến nhà tôi, chưa bao giờ gặp Clare hay bất cứ người bạn nào khác của tôi. Tôi tạm rời bỏ cuộc sống quen thuộc của mình để đến gặp anh ở nhà anh. Khi ở bên Erich, tôi mang một tính cách mới. Tôi mạnh mẽ và hơi vô tình, hơi lơ đãng. Mối quan hệ của chúng tôi chỉ diễn ra ở mức độ xác thịt, và điều đó có vẻ thích hợp với chúng tôi. Bất cứ điều gì khác cũng sẽ là ủy mị, gượng gạo, hờ hênh. Chúng tôi không xâm phạm vào đời tư của nhau. Tôi tin rằng trong chừng mực nào đó, chúng tôi còn xem thường nhau. Vì tôi không mang theo gì khác ngoài sự kích động và thể lực vào việc này, tôi thấy tôi có thể ồn ào một cách đáng ngạc nhiên trên giường. Tôi có thể điềm nhiên bước đi trên sàn nhà, tiếng giày bình bịch như tiếng rìu bổ. Và tôi có thể trở nên hơi dữ tợn. Tôi có thể cắn vào da thịt Erich mạnh đến nỗi để lại những vết hình vỏ trai màu đỏ trên thân thể anh. Tôi có thể mừng rỡ ra hình ảnh của anh – một người đàn ông vô danh – bị xích tay, làm nhục, lột trần và bị cột vào một cỗ máy Kafkaesque, và bị nó hăm hiếp một cách tàn nhẫn.

Trong cuộc đời kia của tôi, tôi đi chơi hằng đêm với Clare, ăn đậu viên rán, gà nướng hay đồ ăn Việt Nam. Chúng tôi tranh luận về việc trẻ con nên được phép xem ti vi bao lâu. Chúng tôi nhất trí rằng bản thân sự nghiêm khắc của các trường công đã là một sự giáo dục, và nó sẽ cân bằng với những kiến thức tâm thường của các giáo viên. Đôi khi những ông bố trẻ tuổi đẹp trai sẽ đi qua cửa sổ của bất cứ nhà hàng nào mà chúng tôi đang ngồi, đẩy những cái ghế đẩy hay

kiểu những đứa con đang say ngủ trên vai. Tôi luôn ngắm họ khi họ đi qua.
Đó là cuộc sống của tôi giữa thời đương nhiệm của Tổng thống Reagan.
Rồi Bobby đến sống ở New York.

BOBBY

Tôi đã ở cùng với chú Ned và cô Alice gần tám năm. Trong khoảng thời gian đó, tôi chẳng có ham muốn làm gì và cũng không muốn thay đổi, trong tám năm, tôi bơm những bông hồng lên những chiếc bánh sinh nhật và nghĩ đến các món ăn sẽ nấu cho bữa tối. Mỗi ngày là một chương trình giống hệt nhau, và vẻ đẹp của chúng chính là sự giống nhau hoàn toàn đó, ngày nào cũng như ngày nào. Giống như là ma túy, sự lặp đi lặp lại làm thay đổi kích cỡ của mọi thứ. Một ngày đầy đủ và trọn vẹn của tôi là khi những ổ bánh mì quế ra lò thật hoàn hảo và bầu trời chuyển từ mưa sang tuyết. Tôi vỗ vỗ những quả dưa ở cửa hàng thực phẩm, thọc tay vào bó những quả hồ đào trong thùng. Tôi mua những đĩa hát mới. Tôi không yêu ai. Tôi không đến thăm mộ của gia đình tôi, ba tấm bia nằm cùng một hàng. Tôi chờ măng tây và cà chua xuất hiện trở lại, và bật đĩa nhạc *Blonde on blonde* của Bob Dylan cho đến khi những cái rãnh trên đĩa bị mòn đi. Tôi sẽ còn sống như thế cho đến ngày nay nếu chú Ned và cô Alice không chuyển đến Arizona.

Bác sĩ đã tuyên bố là: Không khí ở Ohio, với mùi dã thú và nước hồ, quá nặng nề cho hai lá phổi kiệt quệ của chú Ned. Chỉ còn cách chuyển đến sa mạc hoặc bắt đầu lên kế hoạch cho đám tang. Đó là những gì ông ta nói.

Ban đầu tôi nghĩ mình sẽ đi với họ. Nhưng cô Alice đã bảo tôi ngồi xuống để nói chuyện. “Bobby”, cô nói, “con yêu, đã đến lúc con ra ngoài tự lập rồi đấy. Con sẽ làm gì ở Arizona hả?”.

Tôi bảo cô rằng tôi sẽ kiếm một công việc làm bánh. Tôi bảo cô rằng tôi vẫn sẽ làm công việc hiện tại, chỉ là thay đổi địa điểm thôi.

Đôi mắt cô nhú lại, tối sầm. Một nếp nhăn kỳ quặc, một đường thẳng đứng lõm sâu, hiện lên trên trán cô. “Bobby, con đã hai mươi lăm tuổi rồi. Con không muốn một cuộc sống hơn thế này sao?”

“Con không biết”, tôi bảo cô. “Ý con là, đây cũng là một cuộc sống, và con cũng khá thích nó.”

Tôi biết lời nói đó của tôi nghe như thế nào – trì độn và ngu ngốc, như một người họ hàng bị bỏ rơi và cứ thui thủi chơi một mình, như thể cậu ta đã tính sẵn như thế. Tôi không thể nói cho cô hay về vẻ đẹp thường nhật, và rằng tôi không hề chán việc ngắm ánh nắng sớm lúc sáu giờ sáng trên những đường dây điện thoại. Khi còn nhỏ, tôi đã mong được thoát ra khỏi khoảng trống giữa bản thân mà tôi biết và thứ mà tôi nghe mình nói. Tôi đã mong mình giống với một chính thể duy nhất hơn.

“Con yêu, còn có nhiều điều hơn thế này”, cô nói. “Hãy tin cô.”

“Cô không muốn con đến Arizona”, tôi nói bằng giọng của một người họ hàng bướng bỉnh. Tuy nhiên, đó là điều tôi cần phải nói.

“Đúng. Thực sự, cô không hề muốn. Cô đang đẩy con ra khỏi tổ, điều mà đáng lẽ cô nên làm từ lâu rồi.”

Tôi gật đầu. Chúng tôi đang ở trong bếp, và tôi có thể thấy bóng mình phản chiếu qua ô kính cửa sổ. Lúc đó trông tôi thật to lớn, như một kẻ kỳ cục trong lễ hội hóa trang, với cái đầu to như chiếc mũ bảo hiểm của môn bóng bầu dục và đôi cánh tay dài nghêu thõng xuống gần sát sàn nhà. Thật kỳ lạ, vì tôi vẫn luôn nghĩ mình là một người bé nhỏ và còn khá trẻ con, gần như vô hình.

“Con có hiểu cô đang nói gì không đấy?” Cô hỏi.

“Có ạ.”

Tôi hiểu rằng cuộc đời tôi sẽ thay đổi dù tôi có muốn hay không. Tôi hiểu rằng nguồn cung cấp cho liều thuốc đặc biệt này – những chiếc khăn lau bát kê ca rô màu đỏ và chiếc bình sành đựng thìa gỗ này – sắp sửa cạn kiệt.

Tôi quyết định đến New York. Đó là nơi hợp lý nhất. Cuộc sống ở Cleveland của tôi đã phụ thuộc vào cô Alice và chú Ned – tôi cần lau nhà và nấu bữa tối cho họ. Tôi cần bảo vệ và chăm

sóc họ. Mặt khác, Cleveland là nơi mà mọi thứ đều không thể xảy ra. Không khí sục mùi thất vọng; nước sông đặc quánh như xi rô làm từ nhựa cây thích, những trung tâm mùa sắm xây bằng bê tông xỉ than với ba trong số năm tòa nhà vẫn còn trống. Khi làm việc ở tiệm bánh, bạn sẽ biết được sự bất hạnh của người địa phương. Người ta nhét toàn bộ những chiếc bánh vào nỗi buồn của họ, hàng tá những cái bánh sô-cô-la hạnh nhân, bánh quy và bánh Mismarck. Sự đều đều trong những ngày tháng tôi sống với chú Ned và cô Alice giống như là một ngọn lửa trại. Tôi thích điều đó ở Cleveland. Thế nhưng, không có họ, ở đó sẽ chỉ còn những bến xe buýt và những cơn gió thổi đến từ hồ Erie. Tôi không định biến mình thành một con ma quá sớm như thế.

Tôi gọi điện cho Jonathan. Tôi làm thế với nỗi lo lắng thực sự - lúc đó chúng tôi giống như những người thân hơn là bạn bè. Chúng tôi mua quà và hút cần sa cùng nhau trước những bữa tiệc Giáng sinh. Thế là đã đủ thân thiết. Nhưng các kỳ nghỉ cách nhau hàng tháng trời, và cậu mặc những bộ đồ mà tôi sẽ không bao giờ nghĩ là mình sẽ mặc. Cậu nói chuyện về rap hát, tôi đi xem phim cùng chú Ned hay xem ti vi với cô Alice. Tôi nằm trong phòng tôi - trước đây là phòng cậu - hàng giờ liền, chỉ để nghe nhạc. Jonathan nhanh nhẹn và sáng dạ, đang trên đường thành công, và dù tôi yêu quý cậu, nhưng những chuyến thăm nhà của cậu luôn khiến tôi thấy bối rối. Khi cậu có mặt, tôi có thể giống như một người anh em họ nhút nhát, hay tệ hơn nữa, giống như một ông chú độc thân, một mẫu người dễ dãi, vui tính, nông cạn. Jonathan dường như đã thu nhỏ lại cuộc sống của tôi, và tôi không thể ngừng mong ngóng ngày cậu bay trở về New York, vì tôi biết vào ngày hôm đó, cuộc sống của tôi sẽ trở lại với kích cỡ phù hợp, và tôi có thể đi trên những con phố Ohio mà không có cảm giác của một kẻ tỵ nạn, thất bại.

Tuy nhiên, khi cuộc sống ở Cleveland của tôi đã kết thúc, tôi gọi điện cho Jonathan. Tôi không muốn có một cuộc sống mới tùy tiện ở Boston hay Los Angeles. Tôi không thể tưởng tượng đến cảnh mình phải sống quá cô độc. Và dù tôi khá thân thiết với Rose, Sammi và Paul ở tiệm bánh, tôi không có cái mà người ta thực sự gọi là bạn bè. Trên đời này bạn không cần thiết phải gặp nhiều người. Bạn không cần phải làm thế khi bạn quá đắm chìm vào âm nhạc và để mặc thì giờ trôi qua.

Trong vài lần đầu gọi đến, tôi chỉ gặp máy trả lời tự động của Jonathan, và không thể nói chuyện với nó. Mỗi lần cái máy cất tiếng trả lời, tôi lại dập ống nghe với một tiếng bực nhỏ. Cuối cùng, sau gần một tuần cố gắng, đích thân cậu cũng trả lời.

“Alô,” cậu nói.

“Jon à? Jonny à?”

“Ừm.”

“Jon ời. Bobby đây.”

“Bobby à? Ôi, ngạc nhiên quá. Mọi chuyện ổn chứ?”

Tình bạn giữa chúng tôi đã trở thành như thế đấy. Một cú điện thoại của tôi sẽ khiến cậu nghĩ đến những tin tức xấu xảy ra với gia đình.

“À, ừ”, tôi nói. “Mọi chuyện đều ổn cả. Tốt đẹp và hoàn hảo, không thể tốt hơn được nữa.”

“Tuyệt. Cậu thế nào?”

“Mình ổn. Mình rất rất ổn. Còn cậu thì sao?”

“Chà, mình vẫn vậy”, cậu nói. “Cậu biết đấy. Cuộc sống vẫn đang tiếp diễn mà.”

Một sự thôi thúc ập đến với tôi, khiến tôi muốn nói, “Chà, vậy là tốt, tạm biệt” rồi gác máy. Nhưng tôi đã nén lại được. Một hình ảnh từ cái tương lai sắp tới ở Cleveland trôi qua trước mặt tôi. Vào ngày sinh nhật tới của tôi, tiệm bánh sẽ tổ chức cho tôi một bữa tiệc. Rose, người lúc đó đã bảy mươi tuổi, sẽ hôn và để lại một dấu son môi lên má tôi và gọi tôi là anh bạn trai tuyệt nhất của bà. Sẽ có một chiếc bánh miễn phí cho tất cả khách hàng. Chúng tôi sẽ dành một miếng lớn cho George Dubb, anh chàng độc thân nặng hơn một tạ, người mua những chai Napoleon và một tá bánh quy Linzer mỗi ngày.

“Nghe này”, tôi nói. “Ừm. Cậu biết là chú Ned và cô Alice sắp chuyển đến Arizona chứ?”

“Ừ, dĩ nhiên là mình biết rồi. Mình nghĩ việc đó sẽ tốt cho họ. Đáng lẽ họ cần thay đổi môi trường sống từ khoảng năm 1953 kia!”

“Đúng vậy. Ừm, cậu biết đấy, vì họ sắp chuyển đi, nên mình đang nghĩ là, ờ, mình còn ở đây làm gì nữa nhỉ? Người ta đã san phẳng Anh trắng rồi đấy, cậu đã nghe kể về việc đó chưa?”

“Chưa”, cậu nói. “Chúa ơi, mình đã không nghĩ về nơi đó suốt mười năm rồi. Cậu vẫn còn đến đó à?”

“Ồ, không. Mình và cậu từng đến đó một lần mà. Nhớ không? Để dùng ma túy ấy.”

“Mình sẽ chẳng bao giờ quên. Mình đã mất cả đêm để xỏ giày trượt vào và lướt một vòng quanh sân băng.”

“Giờ thì nó không còn nữa rồi”, tôi nói. “Giờ nó đã trở thành một Midas Muffler.”

“Thế à?”

“Jon này.”

“Gì?”

“Mình đến New York được không? Ý mình là, mình có thể ở với cậu một thời gian không? Chỉ đến khi mình có, ờ, một công việc và một căn hộ thôi, được chứ?”

Một thoáng im lặng. Tôi có thể nghe thấy tiếng lao xao của tất cả những giọng nói xen vào khoảng không cách xa hàng dặm giữa Jonathan và tôi. Cậu nói: “Cậu thực sự muốn đến New York à?”

“Ừ. Mình rất muốn. Mình nghĩ là mình rất muốn.”

“Đây là một nơi hỗn độn, Bobby ạ. Tuần trước có người đã bị giết cách chỗ mình ở chỉ vài dãy nhà. Họ tìm thấy thi thể người đó trong bốn thùng rác khác nhau đấy.”

“Mình biết đó không phải là Cleveland”, tôi nói. “Mình biết thế. Nhưng, Jonny này. Mình, ờ, lúc này cũng bận túi bụi với việc rắc đường lên bánh ở đây. Ý mình là, đến giờ mình đã làm được cả triệu cái bánh nướng xốp rồi.”

Cậu lại để một thoáng im lặng khác trôi qua đường dây điện thoại. Rồi cậu nói: “Nếu cậu thực sự muốn thử sống ở New York, dĩ nhiên cậu có thể đến ở với mình. Dĩ nhiên là thế. Mình sẽ xem mình có thể làm gì để bảo vệ an toàn cho cậu ở đây”.

Tôi chọn đi bằng tàu hỏa, vì nó rẻ hơn và vì tôi muốn biết chính xác khoảng cách mà tôi phải đi qua là bao xa. Suốt quãng đường đi, tôi cứ nhìn ra ngoài cửa sổ, với sự chăm chú hết mực, như thể tôi đang đọc một cuốn sách.

Jonathan đón tôi ở nhà ga New York. Cậu mặc một cái áo phông đen, quần jean đen, đi đôi giày màu đen nặng nề, xỉn như màu cam thảo. Bạn có thể dự đoán trước được rằng cậu sẽ mặc thứ gì đó mà bạn không thể tưởng tượng ra được.

Chúng tôi ôm nhau ở nhà ga, và Jonathan đặt một nụ hôn nhẹ vào giữa má tôi. Cậu dẫn tôi ra vỉa hè. Khi nhìn thấy cách cậu vẫy taxi, tôi đã có được bài học đầu tiên về việc chúng tôi đã trở nên khác biệt như thế nào. Cậu bước xuống khỏi vỉa hè đông đúc và giơ thẳng một tay lên, với sự tự tin điềm tĩnh của một vị tướng. Đó là một cử chỉ nhỏ, nhưng rõ ràng cậu đã có ý thức về quyền của mình. Còn tôi lại định giơ tay ra một cách rụt rè như thể để xin lỗi chứ không phải gọi xe.

Khi chúng tôi đã ngồi ở băng ghế sau trong taxi, Jonathan véo tay tôi. “Mình không thể tin được là cậu đang ở đây”, cậu nói.

“Mình cũng thế. Đó là lý do mình muốn thấy Pennsylvania lùi xa dần, để mình có thể tin được. Ý mình là, nếu mình bước ra từ một cái máy bay, nó sẽ có vẻ giống như, cậu biết đấy, một loại ảo giác nào đó.”

“Đúng thế đấy. Thành phố này chỉ là một giấc mơ cậu đang có thôi”, cậu nói. Và trong suốt quãng đường đến căn hộ của cậu, chúng tôi không nghĩ ra được điều gì để nói với nhau.

Chiếc taxi ì ạch bò qua giờ tan tầm. Tôi mới chỉ đến New York một lần, mấy năm về trước, khi Jonathan vẫn còn đi học. Lúc đó tôi đã thấy thích thành phố này, nhưng nó không liên quan đến tôi, hay đúng hơn là nó chỉ liên quan đến tôi theo cách gián tiếp nhất, như là một con đường cao tốc hay một con tàu chiến. Tôi đã làm những việc của một khách du lịch. Tôi đã leo lên đỉnh của những đài tưởng niệm, đi dạo qua Greenwich Village và đi uống rượu với Jonathan cùng bạn bè cậu ở một quán bar, nơi một nhà thơ nổi tiếng đã chết. Tôi đã cảm thấy thoải mái trong vai trò của một du khách, cảm thấy thỏa mãn vì được đến một nơi đầy những điều lạ lẫm và có một mái ấm xinh xắn quen thuộc để trở về.

Giờ thì tôi sẽ sống ở đây. Giờ thì nó hoàn toàn là một thành phố khác.

Nó thật lung linh. Đó là điều đầu tiên tôi nhận thấy. Những phân tử của nó có vẻ sôi nổi hơn, mọi thứ đều rung rinh và lấp lánh khiến cho người ta khó có thể trông thấy chúng. Bản thân đường phố và những tòa nhà tỏa ra nhiều ánh sáng hơn là từ trên trời chiếu xuống – nó hoàn toàn vỡ òa ra trước mặt bạn, vì thế bạn có thể nhìn thấy từng mảnh vụn của nó. Cleveland lại phô bày bản thân theo một cách khác, bằng những mảnh lớn hơn. Ở đó, bạn có thể trông thấy một bảng quảng cáo, một đám mây, một cây đu đang đứng trên cái bóng béo tròn của nó. Còn ở đây, trong mười phút đầu tiên ở New York của mình, tôi chỉ dám chắc rằng mình đã nhìn thấy cái mũ rơm màu đỏ của một phụ nữ, một đàn chim bồ câu, và một biển hiệu neon nhàn nhạt có chữ LOLA. Mọi thứ khác đều giống như một vụ nổ đang diễn ra, thành phố cứ liên tục vỡ tan thành nhiều mảnh.

Khi chúng tôi đến căn hộ của Jonathan, mọi thứ trở nên ổn định và rõ ràng hơn. Cậu sống trong một tòa nhà màu nâu trên một con phố màu nâu chật hẹp. Nếu Cleveland là một thành phố chủ yếu mang màu xám – với đá vôi và đá hoa cương – thì New York lại mang màu nâu, tất cả đều có màu gỉ sắt, màu sô-cô-la nhạt và màu be điểm vàng cứng nhắc.

Jonathan nói: “Nó đây. Tarantula Arms.”

“Đây là tòa nhà của cậu”, tôi nói, như thể tôi nghĩ rằng có thể cậu cũng không chắc về điều đó.

“Nó đấy. Mình đã cảnh báo cậu rồi mà. Đi thôi nào, sẽ khá hơn khi cậu vào bên trong.”

Ở bên trong, thanh lan can cầu thang được bao bọc trong thứ ánh sáng màu xanh tù mù. Một quầng sáng tỏa ra từ ánh đèn huỳnh quang ở mỗi chiếu nghỉ. Tôi xách một túi hành lý và đeo ba lô, còn Jonathan mang túi hành lý khác của tôi. Tôi đã không mang theo gì nhiều vào cuộc sống mới. Cả hai túi hành lý đều đựng đầy đĩa hát. Cái ba lô thì đựng quần áo của tôi, mà, như tôi đã thấy, chúng chẳng hợp chút nào với cuộc sống ở một thành phố như thế này. Tôi giống y như một học sinh theo diện trao đổi văn hóa.

“Chúng ta sẽ leo lên tận tầng sáu cơ đấy”, Jonathan nói. “Dừng cảm lên nhé.”

Tôi đi theo cậu. Những cái chiếu nghỉ tỏa ra mùi dầu rán. Tiếng nhạc Slow Tây Ban Nha lơ lửng trong thứ ánh sáng tù mù. Khi chúng tôi leo lên gác, tôi ngấm nhìn cái túi hành lý hiệu American Tourister màu xanh cũ kỹ tôi đã mượn của tôi Alice, nó đang đập đập vào đùi Jonathan. Ngay cả túi hành lý của tôi trông cũng không thích hợp với nơi này – trông nó tồi tàn và giản dị, cũ kỹ như một bà cô già chưa chồng.

Khi chúng tôi lên đến tầng sáu, Jonathan mở ba ổ khóa và mở cánh cửa kim loại. “Tèn ten”, cậu nói khi cánh cửa nặng nề mở ra, chiếc bản lề kêu cọt kẹt.

“Nhà cậu đây rồi”, tôi nói. Dường như tôi không thể vứt bỏ thói quen bảo cậu là chúng tôi đã đến căn hộ của cậu.

“Và cũng là nhà cậu nữa”, cậu nói. Cậu mời tôi vào với một cái cúi đầu.

Căn hộ quả thực khác hẳn với vẻ tù mù ở cầu thang và hành lang. Bạn bước thẳng vào phòng khách, được sơn màu đỏ cam, màu của một chậu hoa. Trong nhà có một chiếc sofa bọc vải màu da báo, và một bức họa lớn vẽ hình một phụ nữ màu xanh khỏa thân đang mài vụn vụn để với thứ gì đó lơ lửng ngay rìa bức tranh. Căn phòng ngập tràn ánh sáng. Những luồng sáng rọi vào qua chấn song cửa sổ, lọt qua những tấm rèm dày dặn thời những năm năm mươi chỉ chút những chiếc lá xanh đỏ. Nếu bạn kéo những tấm rèm này ra, ánh nắng sẽ lập tức ủa vào. Chúng nặng nề và lạnh lùng như cánh cửa kim loại mà chúng tôi vừa bước qua.

“Chà chà”, tôi nói. Và rồi, không cố tình, tôi lại nói: “Đây là nhà cậu”.

“Clare, người bạn sống chung với mình, rất hiểu biết về trang trí”, cậu nói. “Nào, cất đồ của cậu vào phòng mình đi.”

Chúng tôi đi trên một hành lang ngắn, qua hai cánh cửa đóng im ỉm, để vào phòng cậu. Phòng cậu sơn màu trắng, không có bức tranh nào trên tường. Cậu có một tấm nệm đặt trên sàn gỗ tròn, và một chiếc đèn bàn có chao bằng giấy trắng với đế là những dây kim loại như những đường kẻ bút chì.

“Mình khá là mê thứ màu của Thiên này”, cậu nói. “Mình cần chút thanh thần từ nó.”

“Ừ”, tôi nói. “Mình thích màu trắng.”

Chúng tôi đặt những cái túi xuống và đứng đó, trải qua một khoảnh khắc im lặng khó chịu. Qua năm tháng, chúng tôi đã mất đi sự thân thuộc, giờ đây chúng tôi chỉ giống những người thân của hai người bạn cũ đã mất.

Cậu nói: “Cậu có thể ngủ trong cái túi ngủ của mình. Và dù thế nào bọn mình cũng sẽ nhté được đồ của cậu vào trong tủ thôi.”

“Ừ,” tôi nói.

“Cậu có muốn mở hành lý luôn không?”

Tôi không muốn mở hành lý, nhưng đó có vẻ là một bước tiếp theo thích hợp. Lúc đó, tôi thấy mình hiểu được về quá khứ. Ở một thế kỷ khác, khi một người khách đến chơi, họ thường mở hành lý, nghỉ ngơi rồi thay đồ để ăn tối, vì vậy mọi người có một khoảng thời gian riêng tư đủ dài. Còn ở thời hiện đại, chúng ta sẽ không có khoảng thời gian nào bị gián đoạn nhiều như thế.

“Ừ”, tôi nói. “Ý mình là, đồ của mình chủ yếu là mấy cái đĩa hát thôi mà.”

Cậu cười. “Đó là thứ mà cậu sẽ mang theo vào hầm trú ẩn, đúng không?” Cậu nói.

Tôi mở cái túi du lịch American Tourister và lấy ra một chồng đĩa hát. “Cậu đã nghe đĩa mới của Joni chưa?” Tôi hỏi.

“Chưa. Có hay không?”

“Hay tuyệt. À, mà cậu có đĩa Van Morrison này chưa?”

“Không có. Thú thật với cậu, mình không nghĩ là mình còn nghe nhạc của Van sau khi mình rời Cleveland.”

“Ồ, đĩa này sẽ làm cậu thích mê đi”, tôi nói. “Anh ta vẫn là, ờ, một trong những người tuyệt nhất. Mình mở nó nhé?”

“Bọn mình không có máy quay đĩa,” cậu nói. “Chỉ có máy cassette thôi. Xin lỗi cậu.”

“Ồ, không sao”, tôi nói.

Cậu đặt tay lên vai tôi. “Sẽ ổn thôi, Bobby ạ,” cậu nói. “Bọn mình cũng có nhạc nhẽo mà. Bọn mình đâu có sống trong yên lặng. Nhưng nếu Van Morrison là ưu tiên hàng đầu, thì mình và cậu có thể đi ra ngoài ngay bây giờ và kiếm mấy cái băng nhạc của anh ta. Cửa hàng băng đĩa lớn nhất mà cậu từng thấy chỉ cách đây có sáu dãy nhà thôi.”

“Không sao đâu”, tôi nói. “Ý mình là, cậu có những thứ của riêng cậu mà có lẽ mình chưa từng nghe, đúng không?”

“Đúng thế. Dĩ nhiên là thế. Nhưng hãy nhìn thẳng vào mắt mình này. Chúng ta cần ra ngoài và mua cái băng Van Morrison đó ngay bây giờ, được chứ?”

“Không”, tôi nói. “Không sao đâu, thật đấy”. Nhưng Jonathan lắc đầu.

“Đi với mình”, cậu nói. “Bọn mình sẽ ưu tiên việc quan trọng trước và rồi có thể mở hành lý sau.”

Cậu dẫn tôi ra khỏi căn hộ, và chúng tôi đi bộ đến một cửa hàng băng đĩa lớn trên phố Broadway. Cậu đã không nói dối về cái cửa hàng đó. Không có lời miêu tả nào lại thích hợp hơn cụm từ “giấc mơ thành hiện thực” khi muốn nói về nơi này – nó hoàn toàn phù hợp. Cái cửa

hàng này choán hẳn một dãy nhà, nó có ba tầng. Ở Ohio, tôi vẫn thường hay lui tới một cửa hàng liên nhánh trong trung tâm thương mại, và một cửa hàng sắp sập tiệm của một gã hippie lớn tuổi, nơi những tấm bảng treo dụng cụ vẫn còn được đóng trên tường. Còn ở đây, bạn đi qua một dãy cửa xoay để vào căn phòng cao như một nhà thờ. Tiếng guitar và một giọng ca nữ trong vắt thánh thót vang lên qua từng dãy đĩa hát sạch sẽ. Những mũi tên neon luôn sáng rực, và một phụ nữ tóc đen, giống như một người đóng trong những quảng cáo nước hoa, đang lựa đĩa cạnh một cậu bé mặc áo phông có hình ban nhạc Sex Pistols[44]. Đó là một nơi tầm cỡ - bạn sẽ biết được điều đó nếu bạn bị mù và điếc. Bạn sẽ ngửi thấy nó, bạn sẽ cảm thấy nó ngứa ngáy trên da bạn. Đây là nơi mà các phần tử tinh khiết và khuấy động nhất. Hồi đó tôi đã tin rằng nơi này là trung tâm của thành phố New York. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn tin như vậy.

Chúng tôi xuống cầu thang để đến gian bán hàng cassette, và tìm thấy băng của Van Morrison. Chúng tôi cũng tìm thấy một băng nhạc cũ của the Stones mà Jonathan không có, cùng *Blonde on Blonde* và tuyển tập những bài hát đỉnh nhất của Janis Joplin. Jonathan trả tiền cho tất cả chỗ băng nhạc đó bằng thẻ tín dụng. Cậu khẳng khẳng làm việc đó. “Đây là món quà chào mừng cậu đến New York”, cậu nói. “Hãy mua cho mình thứ gì đó khi cậu kiếm được việc làm nhé.”

Chúng tôi đi về, tay xách cái túi bóng màu vàng đựng những cuốn băng cassette. Đã là chập tối trong một ngày không có thời tiết – một ngày ẩm áp với bầu trời trắng xóa, một trong những ngày không xác định được thời gian, có vẻ giống với ban đêm được chiếu sáng, khi mà chỉ bằng cách nhìn vào đồng hồ bạn mới biết được lúc đó là sáng hay chiều. Jonathan và tôi nói chuyện về chú Ned và cô Alice khi chúng tôi đi qua những con phố màu nâu lấp lánh với hàng dãy cửa hàng tạp hóa Tây Ban Nha và những cửa hàng bán buôn đã kéo sập những cái cửa kim loại của chúng xuống. Với những cuốn băng cassette trong túi khá nặng và Jonathan đang nói chuyện về bố mẹ cậu, tôi bỗng cảm thấy mình thích hợp với nơi này – như thế vào lúc đó, tôi đã ở thành phố này từ lâu lắm rồi. Đó là trải nghiệm thực sự đầu tiên của tôi khi sống ở New York, khi đi trên một con phố mang tên Great Jones với mảnh giấy gói bánh mì của hãng Wonder Bread, bị khuấy đảo bởi cơn gió duy nhất trong ngày, bay là là sau chúng tôi như một con thú nuôi điên dại.

Khi chúng tôi trở lại căn hộ, người sống chung nhà với Jonathan là Clare cũng đã về. Chúng tôi đi qua cánh cửa lớn và nàng cất tiếng gọi: “Chào cưng”. Như một người vợ.

Phòng khách trống không. Nàng đã gọi vọng ra từ phía trong.

Jonathan trả lời: “Cưng à, chúng ta có bạn đấy”.

“Ôi”, giọng nàng lại cất lên. “Tôi quên mất. Là hôm nay đúng không?”

Rồi nàng bước ra.

Tôi không biết liệu tôi có thể miêu tả Clare không, dù tôi có thể quan sát nàng ngay từ điều bộ uể oải, lả lướt của nàng cho đến khi nàng đi thẳng vào vấn đề của câu chuyện, khi nàng phẩy tay với sự chính xác chết người như của một người đi giăng câu. Nếu tôi nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy nàng, và khi tôi mở mắt ra, nàng cũng vẫn ở đó. Nhưng thứ mà tôi thấy là cái thói đi đứng và mỉm cười, là cái cách ngồi trên ghế. Tất cả những động tác của nàng đều đặc biệt – nàng có thói quen đặt cốc lên bàn riêng, thói quen nhô vai lên khi cười. Ngoại hình của nàng còn khó nắm bắt hơn. Khi lần đầu nhìn thấy nàng, nàng giống như một phụ nữ được chính New York hóa thân thành – nàng cứ liên tục thay đổi. Tôi có thể nhận thấy nàng đẹp theo kiểu sắc sảo, thô kệch, chẳng liên quan đến hình ảnh của các cô nàng trên những cuốn tạp chí. Tóc nàng lúc đó màu cam – xù lên tua tủa như thể đầu óc nàng đang bốc cháy. Nàng cao hơn tôi đến vài phân, với đôi môi đỏ sẫm. Nàng mặc quần bó và một cái áo phông vằn da hổ hở vai.

“Bobby, đây là Clare”, Jonathan nói.

Nàng nghiêng đầu chào theo lối chủ nhà và giơ bàn tay với những móng tay dài màu tía về phía tôi. “Chào Bobby”, nàng nói. “Rất vui được gặp anh.”

Sau đó, tôi được biết rằng nàng được nuôi nấng bởi một người mẹ theo thuyết Luther ngoan

đạo ở Providence, Rhode Island, và chưa bao giờ bỏ được thói quen cư xử lịch sự cũ. Tôi chào và bắt tay nàng, một bàn tay chắc khỏe như một cây sào hái táo.

“Bọn em vừa đi mua đồ”, Jonathan nói. “Vì bọn em cho rằng mình cần có ngay một băng nhạc của Van Morrison.”

Tôi biết ơn cậu vì đã giải thích rằng đó là điều mà chúng tôi cần. Tôi không muốn mình có vẻ quá ủy mị và kỳ cục ngay trước mắt một người lạ.

“Tôi rất thích Van Morrison”, nàng nói. “Tôi từng có tất cả các đĩa hát của anh ta. Nhưng mà, anh biết đấy. Anh sẽ mất đi nhiều thứ trong các vụ ly dị khác nhau”.

“Tôi mở nó được không?” Tôi hỏi.

“Cung ơi, hoàn toàn được”, nàng nói. “Ngay đằng kia kìa”.

Tôi đi về phía bên kia căn phòng, tới chỗ những cái kệ, nơi đặt một cái đài đen bóng. Trên cái kệ phía bên trên, một bộ sưu tập đầu lâu đồng vật đang lặng lẽ phô bày những cái hốc mắt trống rỗng và những bộ răng nanh màu ngà voi. Jonathan và Clare đang trao đổi về những chuyện vặt trong nhà. Tôi bóc lớp giấy bóng kính ra khỏi cuốn băng của Van, đút vào máy, và ấn nút Bật. Sau vài khoảnh khắc khẽ kêu lên ù ù, giọng của Van hát bài *Tore down à la Rimbaud* vang lên trong phòng. Tôi hít một hơi, rồi hít thêm một hơi nữa.

“Bobby?” Jonathan nói. “Cậu đói không?”

“Có lẽ”, tôi nói. Tôi đang ngắm nhìn những cái đầu lâu từ một khoảng cách an toàn, vây quanh bởi giọng hát của Van.

“Bọn mình nghe nhạc một lúc rồi ra ngoài ăn nhé?” Jonathan nói. “Do tòa soạn chi trả đấy. Tuần này mình đang viết về món thịt bò lò, cậu thấy được không?”

“Được”, tôi nói. “Tuyệt vời”. Tôi đang đắm chìm trong âm nhạc. Dù đó có là món gì thì tôi cũng đồng ý hết.

Chúng tôi quanh quẩn trong căn hộ cho đến khi cuốn băng chạy hết một mặt. Jonathan và Clare đang tỏ ra lịch sự - họ cũng thích nhạc của Van, nhưng lại coi nó như nhạc nền cho một cuộc trò chuyện. Clare hỏi những câu thăm hỏi xã giao về chuyến đi của tôi và về cuộc sống trước đây của tôi cùng Jonathan, tôi ngờ rằng có lẽ tôi đã trả lời nàng một cách nhát gừng với những nụ cười trừ và những giọt mồ hôi. Tôi không thể tập trung nghe nhạc trong căn phòng đó.

Khi mặt một của cuốn băng đã chạy hết, chúng tôi ra ngoài. Clare khoác lên người cái áo khoác da cũ, với biểu tượng hòa bình màu trắng vẽ trên lưng. Không hiểu sao tôi lại thấy hiểu nàng, dù trông nàng có vẻ là người khó hiểu nhất mà tôi từng gặp. Nàng có một sự cởi mở phô trương - một tính cách ồn ào, có vẻ như không che dấu bất cứ điều gì. Nàng tạo cho bạn cảm giác hư bạn có thể cầm lấy tay nàng khi bạn đi trên phố.

Chúng tôi đến một nhà hàng trông không giống nhà hàng chút nào. Một người khách qua đường không mấy hiểu biết có thể nghĩ rằng nó là một đại lý bảo hiểm rẻ tiền, với những cánh cửa chớp lật và vài chiếc cúp của trò bowling bám đầy bụi được trưng bày trên các cửa sổ. Nhưng, ở bên trong, nó chật ních người. Giọng ca của Elvis Presley^[45] len lỏi qua những tiếng cười và tiếng lách cách của đồ dao đĩa bằng bạc. Tại chiếc bàn gần cửa ra vào, một phụ nữ mặc váy lông thú đang nói gì đó về khỉ đột, theo ngữ điệu Anh.

Tôi đang mặc quần jean Calvin Klein và một cái áo phong thể thao. Đó là bộ đồ ưa thích nhất của tôi. Chúng tôi ngồi ở một bàn phía trong góc, nó gần ba bàn khác đến nỗi chúng tôi phải lách người qua đó mới vào được ghế của mình. Các bức tường treo đầy những cái đĩa lưu niệm và những tấm ảnh cũ, cùng với những cái đầu hươu nhồi, đồng hồ treo tường và những đĩa hát đã bạc màu của Dusty Springfield^[46] và the Kingston Trio^[47]. Một tấm biển treo ngay gần đầu tôi có dòng chữ: “Đừng đếm xỉa gì đến tấm biển này.”

“Nơi này được trang trí quá nhiều”, Clare nói với tôi.

“Vâng.”

“Trang trí nhiều hơn toàn bang Maine”, Jonathan thêm vào.

“Mà Bobby này”, Clare nói, “Anh nghĩ anh muốn làm gì ở đây? Ở New York này.”

“Tôi là một thợ làm bánh khá cừ”, tôi nói. “Tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ làm công việc đó. Ý tôi là, đó là việc mà tôi biết làm”.

“Mình nghĩ cậu đến đây để thoát khỏi việc làm bánh chứ”, Jonathan nói. “Mình nghĩ cậu đang chết chìm trong cái công việc ngớ ngẩn đó cơ mà”.

“Mình cho là thế”, tôi nói. “Mình nghĩ là mình đã nói thế, đúng. Nhưng, ừm, mình thực sự không biết làm gì khác. Ý mình là, mình không thể bước vào bệnh viện và hỏi liệu họ có cần bác sĩ phẫu thuật nào không”. Tai tôi nóng bừng. Tôi cảm thấy như mình đang bị thử tài trên thứ nguyên liệu mà tôi chưa từng được học.

“Có lẽ anh có đủ khả năng bằng một nửa số bác sĩ ở đó”, Clare nói. “Này, cưng ơi, hãy nghe lời bà dì này của anh. Một trong số những đặc điểm hay ho của New York là, anh có thể làm bất cứ điều gì ở đây. Đây là Miền đất Cơ hội, chữ M viết hoa, chữ C viết hoa. Ở đây anh có thể kiếm được tiền khi làm bất cứ điều gì mà anh có thể nghĩ ra.”

Tôi gật đầu, nhận thấy rằng nàng đang dùng móng tay vẽ những hình số tám nhỏ trên mặt bàn formica dùng đục. Nàng có đôi mắt màu xanh lá cây tự tin, nàng sẽ không nhìn đi chỗ khác khi nói chuyện với bạn. Nàng đeo một chiếc khuyên tai màu bạc rối rắm, kêu leng keng, dài đến mười lăm phân. Nàng tác động đến tôi giống như âm nhạc vậy. Tôi thấy thật khó khăn khi phải trò chuyện mặt đối mặt với nàng.

“Đúng thế, Bobby”, Jonathan nói. “Cậu không cần phải lao ra ngoài và nhận ngay công việc đầu tiên mà cậu có thể kiếm được. Cậu có những người bạn giàu có mà.”

“Ừm, chị làm nghề gì?” Tôi hỏi Clare.

“Cơ bản là tôi chỉ chơi thôi”, nàng nói. “Tôi chạy quanh thành phố tìm kiếm những thứ để làm ra đồ trang sức”.

“Clare là một nhà thiết kế”, Jonathan nói.

“Vớ vẩn. Tôi chỉ là một kẻ bán đồ linh tinh thôi. Nếu chị em phụ nữ thôi không còn muốn tỏ ra kỳ cục nữa, tôi sẽ thất nghiệp.”

Tôi nhìn vào mái tóc quả quýt của nàng, và tự hỏi đối với nàng loại phụ nữ nào mới là kỳ cục. Tuy nhiên điều mà tôi nói lại là: “Nghe có vẻ, chị biết đấy, khá hay ho”.

“Ồ, đúng vậy,” nàng nói. “Đó là một mảnh lời lớn đấy. Và khi đứa bé ra đời, tôi có thể làm việc đó ở nhà.”

“Chị đang có em bé à?”

“Jonathan không kể cho anh à? Chúng tôi đang trông đợi nó.”

Mặt Jonathan sa sầm lại. Elvis đang hát Jailhouse rock.

“Có phải bọn mình đang trông đợi ngày ra đời của nó đâu cưng”, cậu nói. “Bọn mình mới chỉ nghĩ ra kế hoạch đó thôi mà.”

“Chẳng mấy khác biệt.”

Tôi nói: “Tôi không biết hai người là, ừm...”

“Tình nhân chứ gì?” Jonathan nói. “Không phải đâu. Bọn mình chỉ mới đề cập đến việc trở thành những ông bố, bà mẹ thôi”.

“Ồ.”

“Hầu hết các ông bố bà mẹ đều không phải là tình nhân”, Clare nói. “Như bố mẹ tôi ấy. Họ chỉ lấy nhau và không quan tâm nhiều đến người kia. Ít nhất thì Jonathan và tôi cũng là những người bạn tốt.”

“Đây là thời hiện đại”, Jonathan nói, phần nào rụt rè.

Tôi gật đầu. Rồi nhân viên phục vụ đến, và chúng tôi phải quyết định xem mình nên ăn món gì. Jonathan nói cậu buộc phải gọi món thịt bò lò, nhưng Clare và tôi nên ăn những gì chúng tôi muốn. Tôi ăn gà rán với khoai tây nghiền, còn Clare ăn món ăn đặc biệt – cá ngừ hầm với

những miếng khoai tây vụn rắc bên trên.

Sau bữa tối, chúng tôi đi dạo. Chúng tôi đi bộ ra sông Hudson và đứng trên một cái cầu tàu, nhìn sang New Jersey qua làn nước tối thẫm đang khuấy động. Xa xa phía bên kia, một tách cà phê neon khổng lồ đang nhỏ ra một giọt cà phê màu đỏ, nuốt nó trở lại và rồi lại nhỏ ra. Clare và Jonathan đều là những người hay chuyện. Tôi đưa đẩy cuộc trò chuyện của họ như thể nó là một cái vòng tròn ra giữa họ. Cùng nhau, họ là những người trình diễn. Họ ăn ý đến mức thu hút được một khán giả - tôi không cần phải nói gì nhiều. Họ nói chuyện về những đứa bé, về việc chuyển về miền quê, và về việc làm cách nào để tồn tại được ở New York. Họ trao đổi những bí quyết để tìm kiếm được một căn hộ, và bảo nhau họ có thể kiếm được một món hời ở nơi nào.

“Cưng à”, Clare nói với tôi, “Chủ nhật tôi sẽ đưa anh đến khu Lower East Side. Đó là nơi anh có thể mua được đồ rẻ nhất.”

“Không đúng đâu”, Jonathan nói. “Clare có sự đam mê kỳ cục với phố Orchard đấy”.

“Jonathan toàn mua đồ bán lẻ thôi”, nàng nói. Giọng nàng ám chỉ rằng đó là một thói quen lười biếng, có thể nguy hiểm.

“Lower East Side”, Jonathan nói, “là một nơi thích hợp để mua sắm nếu cậu muốn trông mình như một ông vua nhạc disco, vào khoảng năm 1975”.

“Trông tôi có giống một ông vua nhạc disco không?” Nàng hỏi.

“Với phụ nữ thì khác. Thế giới này không âm mưu biến họ thành những kẻ trông có vẻ ngớ ngẩn theo cùng một cách như vậy”.

“Kẻ nào chỉ dành năm phút trong một cửa hàng tạp hóa thì không bao giờ được phép nói như thế. Đừng nghe cậu ta, Bobby ạ”.

Tôi cứ để mình đánh đu theo họ. Tôi âm thầm chơi một bản nhạc phim trong đầu.

Chúng tôi uống cappuccino trong một nhà hàng có sân vườn, nơi những ngọn đèn Giáng sinh nhấp nháy trên những cái cây, và một cậu bé làm bằng cẩm thạch đang tẽ vào một cái vỏ trai cũng bằng cẩm thạch. Rồi chúng tôi về nhà. Clare hôn vào má tôi, nói: “Chào mừng đến với Kiếp Trăm Luân”, và biến mất vào phòng riêng. Jonathan và tôi trải cái túi ngủ màu xanh dày dặn của cậu lên sàn. Cậu đưa cho tôi một cái gối từ giường của cậu.

Khi chúng tôi đều đã nằm yên, khi ánh đèn có chao bằng giấy màu trắng đã tắt, cậu nói: “Ngày mai mình sẽ đưa cậu đến công viên Trung tâm. Mình tính rằng nếu mỗi ngày bọn mình đến một khu khác nhau của thành phố, thì sang tuần sau cậu sẽ có một cái nhìn toàn diện hơn về nó”.

“Cậu biết mình muốn đi đâu không?” Tôi nói. “Ừm, mình muốn đến Woodstock”.

“Nó cách đây hơn một trăm dặm cơ.”

“Mình biết. Mình biết thế.”

“Hôm nào đó chúng ta có thể đến đấy”, cậu nói. “Mình chưa đến đó bao giờ. Mình chắc ở đó rất hay. Đây rấy những gã hippie lớn tuổi, mình đoán thế”.

“Ừm. Này, cậu và Clare thực sự sắp có con à?”

“Ôi, mình không biết. Bọn mình mới chỉ đề cập đến việc đó thôi”.

“Mình thích Clare”, tôi nói.

“Mình cũng thế”.

Một khoảng lặng trôi qua trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tiếng ồn ngoài phố lọt vào qua những tấm rèm.

“Bobby này?” Cậu nói.

“Ừm?”

“Mình không biết nữa. Mình cảm thấy có những điều cần phải nói với cậu, nhưng mình thực sự không biết phải bắt đầu thế nào. Mình không chắc phải nói những gì.”

“Ừm, những điều gì?” Tôi hỏi. Cậu nằm ngửa, gối đầu lên hai tay. Đôi khi cậu nằm như thế mà ngủ luôn, những ý nghĩ khi thức thay nhau đi vào trong những giấc mơ của cậu. Có thể cậu sẽ gặp rắc rối khi tách những ký ức thực với những ký ức trong mơ. Tôi biết cậu có thói quen như thế.

“Cậu biết đấy”, cậu nói. “Những việc bọn mình từng làm cùng nhau ấy. Ừm, những việc liên quan đến sex ấy. Ý mình là, bọn mình chưa bao giờ nói chuyện về nó, và sau khi học xong trung học bọn mình đã ngừng việc đó lại. Mình cho là mình đang thắc mắc không hiểu cậu nghĩ gì về tất cả những chuyện đó”.

Tôi có thể nghe thấy hơi thở của mình. Đây là một chủ đề khó. Hồi đó tôi đã nhận rất rằng tôi không cảm thấy thứ mà người ta gọi là “ham muốn”. Trong tôi còn thiếu một thứ gì đó. Tôi cảm nhận được tình yêu – sự căng thẳng và cuồng nhiệt của nó, sự dễ chịu của cơ thể hòa lẫn với nỗi sợ hãi lý trí. Tôi có cảm giác như thế đối với cả gia đình Glover, với Sammi ở tiệm bánh, với Dylan khi ông hát bài Baby blue. Nhưng chẳng có gì dựng lên trong háng tôi. Chẳng có gì dồn dập kích thích hay cố gắng thoát ra. Hồi đó tôi làm chuyện ấy với Jonathan chỉ vì cậu muốn thế, và vì tôi yêu quý cậu. Những cơn cực khoái trôi qua tôi như những cảm xúc dâng hiến cho cơ thể hơn là cho chính bản thân tôi. Những cảm xúc này dù dễ chịu khi chúng ập đến nhưng cũng thực sự biến mất khi chúng qua đi. Sau khi Jonathan rời khỏi thành phố, tôi chỉ còn lại một mình. Có lẽ chính sự thiếu vắng đó đã khiến tôi có thể sống cuộc đời làm bánh ở Cleveland, khiến tôi có thể không cần đến những điều gây xúc động nào khác ngoài những bông tuyết đầu tiên của tháng Mười một và tiếng rít sống động của một cái kim khi chạm vào đĩa hát.

Tôi nói: “Hồi đó chúng mình còn trẻ con, Johnny ạ. Đã lâu lắm rồi”.

“Mình biết. Cậu có đang, ý mình là, cậu đã từng hẹn hò với ai chưa?”

“Thực sự thì không”, tôi nói. “Cơ bản thì, mình chỉ làm việc và nghe nhạc. Thật lạ, đúng không? Ý mình là, ở độ tuổi của mình ấy”.

“Ờ, vẫn còn có những điều lạ lùng hơn mà.”

Chúng tôi chấm dứt cuộc trò chuyện tại đó. Chúng tôi nằm một lúc với tiếng ồn vẫn lan tỏa xung quanh – tiếng còi xe và tiếng quát tháo. Ngay trước khi thiếp đi, tôi nghe thấy tiếng người đi qua, cười đùa, chắc họ phải là một nhóm đông – như một đội hợp xướng của nhà thờ vậy.

CLARE

Tôi vừa muốn có một cuộc sống ổn định vừa muốn có một cuộc sống gây sốc. Hãy nghĩ về Van Gogh^[48], về những cây bách và những chóp nhọn nhà thờ dưới một bầu trời đầy những cơn rần rần quái. Tôi là con gái của bố tôi. Tôi muốn được yêu thương bởi ai đó giống như người mẹ thật trọng, cứng rắn của tôi, nhưng cũng muốn được vừa chạy vừa la hét qua những ánh đèn pha với một chai trong tay. Đó là lời nguyện của gia đình. Chúng tôi thường nuôi dưỡng những đám ước mơ lộn xộn cứ chổng chéo, đối nghịch và triệt tiêu lẫn nhau. Lời nguyện đó ngụ ý rằng nếu chúng ta không học cách định hướng những khát vọng của mình theo chiều này hay chiều khác, rốt cuộc chúng ta sẽ chẳng làm được gì cả. Hãy nhìn vào bố mẹ tôi ngày nay mà xem.

Tôi lấy chồng lúc mới hai mươi mấy tuổi. Khi hôn nhân tan vỡ, tôi đã yêu một phụ nữ. Trong những thời điểm đó và cả những thời điểm khác, tôi tin rằng tôi đã thu lại những cơn bốc đồng và bắt đầu chế ngự được sự rối loạn của mình. Giờ đây, ở độ tuổi gần bốn mươi, tôi chẳng còn biết là mình muốn gì nữa. Thay vì niềm tin vào sự thay đổi như thời còn trẻ, tôi bắt đầu cảm thấy một sự bồn chồn lo lắng kêu tích tắc bên trong tôi như một chiếc đồng hồ. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ tiến sâu vào tình trạng bấp bênh như thế này.

Tôi không cố tìm cách ngủ với Bobby. Trông anh rất giống một người đàn ông bị tai nạn trong phim hoạt hình, với những ngôi sao và hành tinh bay xung quanh đầu. Bạn có cảm tưởng rằng mắt anh hơi hiểng. Tuy vậy, anh vẫn làm bạn động lòng. Có lẽ vì bạn tin rằng nếu lâu lâu

bạn không để mắt đến anh, anh sẽ bị một tai nạn khác. Anh sẽ mãi cười tí mắt và rơi xuống một cái miệng cống đang mở. Anh sẽ bị một chiếc dương cầm rơi vào, và hàm răng anh sẽ bị thay thế bằng một loạt những phím đàn. Tôi không thích phải nghĩ rằng mình đang muốn được bảo vệ cho người khác ở ngưỡng cửa của tuổi trung niên. Tôi không thích phải nghĩ rằng mình đang ngày càng mềm lòng trước những người đàn ông bất tài, ngờ nghệch, những người đang cần được chăm sóc, như kiểu mẹ tôi chăm sóc bố tôi cho đến khi bà hết kiên nhẫn.

Dù tôi không động đến anh, nhưng tôi không thể phủ nhận sự lôi cuốn trong vẻ bồm xồm; ngờ ngác của Bobby. Anh có đôi bàn tay vuông vức và một khuôn mặt lơ ngơ lơ ngơ. Nếu không có đôi mắt ấy, sự ngây thơ của anh sẽ chẳng thể gây nên một sự xúc động nào. Chính đôi mắt anh đã tạo nên ấn tượng. Hãy hình dung ra một căn nhà nhỏ ấm cúng ở ngoại ô, với một chú lùn bằng thạch cao trên thảm cỏ và những chậu cây dã yên thảo trên cửa sổ. Tiếp đó hãy tưởng tượng ra một khung cửa sổ ở tầng trên. Đó là một khuôn mặt của Bobby. Đó chính là vẻ ngoài của anh.

Tuy vậy, tôi vẫn không thể ngừng chú ý đến anh. Đạo gần đây, nỗi khao khát đó cứ quấy nhiễu tôi như thể đám ruồi nặng làm phiền một con ngựa. Đó là sự bức bối dai dẳng nhưng không lớn. Nó có thể bị xua đi.

Có lẽ tiền bạc là thứ ngăn trở tôi. Gia đình tôi có tiền, ý tôi là bên gia đình đằng ngoại nhà tôi. Không phải giàu có theo kiểu quý tộc, thượng lưu – mà vì ông ngoại tôi đã kiếm được bộn tiền nhờ kinh doanh đồ trang sức rẻ tiền. Ông đã xây được ngôi nhà to vào loại thứ ba ở Providence. Ông đã đổi họ của mình từ Stein sang Stone, và cho mẹ tôi đến học ở trường Wellesly. Chuyện đó cũng đã lâu rồi. Ông vua của những món trang sức làm bằng kim cương giả đã nhắm đến sự chính thống thông qua sự phát triển của các thế hệ sau. Ông đã cho mẹ tôi đi học ở một trong bảy trường đại học ngành khoa học xã hội dành cho nữ sinh thuộc vùng Đông Bắc, và lập ra một tài khoản ngân hàng cho tôi từ trước khi tôi ra đời. Theo kế hoạch của ông, dòng máu sẽ được lọc bởi tiền bạc, và những đứa cháu của ông sẽ là những quý tộc thực sự, với sự điềm tĩnh và một thái độ thản nhiên về giá trị của chúng. Ông mất khi tôi mới lên mười. Nhưng tôi biết cái tương lai mà ông đã tính toán trong óc. Một con hươu bằng gang đã giương những chiếc gạc cứng nhắc trên bãi cỏ trước nhà và những con cá được mạ vàng đã rẽ nước để vào bồn tắm của nhà ông.

Tuy nhiên, dục vọng đã làm nhẽn kế hoạch đó. Mẹ tôi không quan tâm đến những anh chàng mà bà gặp trong những buổi giao lưu ở trường Wellesley, họ cũng không chú ý đến bà. Bà có nét mặt cương quyết và tác phong kín đáo, nghiêm nghị của một thợ trang sức. Bà không ve vãn, cợt nhả. Bà nuôi dưỡng những đam mê viển vông, hay đúng hơn là bà tin như thế, và không hứng thú gì với việc làm duyên làm dáng. Nếu là một trăm năm trước, bà có thể được coi là một phụ nữ ngoan. Nhưng ở trường Wellesley vào những năm 1940, bà chỉ có thể được biết đến như một kẻ tẻ nhạt. Bà trải qua bốn năm đại học như một kẻ mộng du bất mãn và rồi lấy bố tôi, người nói rằng ông đã “bị hạ giá” và có đủ cá tính cho cả hai người. Ông là cuộc phiêu lưu tình ái duy nhất của bà. Bà không bao giờ muốn có thêm lần nữa.

Tôi không biết có phải ông lấy bà vì tiền không. Tôi không nghĩ mọi chuyện lại đơn giản như thế. Bố tôi là một kẻ trăng hoa. Ông rất mau chán. Có lẽ ông thích chinh phục cái thử thách mà mẹ tôi đã đặt ra, một phụ nữ không bao giờ giả vờ cười hay có bất cứ phản ứng lịch sự nào khác, và là người được tất cả các trường luật mà bà nộp đơn vào chấp nhận. Ông là một người rất điển trai, phù phiếm. Có lẽ ông nghĩ rằng bà hiểu ông một cách sâu sắc hơn, và có thể bù đắp cho ông thông qua sự chăm chú nghiêm túc của bà. Có lẽ ông định giúp bà trở nên mềm mỏng hơn.

Khi tôi còn trẻ, tất cả những người tình của tôi đều là những kẻ hà tiện, ích kỷ. Chồng tôi, Denny, thường khiêu vũ sáu tiếng một ngày, và vẫn coi thường sự thiếu chuyên nghiệp của chính bản thân anh ta. Người tình Helene của tôi thường có những quan điểm tức cười về mọi vấn đề từ quyền phụ nữ đến việc rửa rau bina. Bản thân tôi cũng gặp khó khăn khi quyết định có nên đội mũ hay không. Ở độ tuổi hai mươi, tôi ngờ rằng nếu bạn lột vỏ vẻ ngoài, những thói

quen và nửa tá những tư tưởng danh thép của tôi, bạn sẽ tìm thấy một điểm trống rỗng, nơi lẽ ra phải chứa cái bản ngã của tôi. Đó có lẽ là bí mật tẻ nhất của tôi. Tôi đã dâng hiến cho những người tình thiện ý và tính nhạy cảm của mình – dường như đó là tất cả những gì tôi có. Tôi đã luôn tỏ ra ngoan ngoãn dễ thương đối với những người cuối cùng sẽ thay đổi ổ khóa để ngăn chặn những chuyến viếng thăm đột xuất của tôi. Những kẻ tuyên bố rằng họ sẽ chết nếu tôi bỏ họ, nhưng lại giận dữ tát tôi khi tôi mang về nhà loại bia không đúng ý. Sau khi ly dị, tôi đã thay hết người tình này đến người tình khác, lần nào cũng nghĩ rằng mình đã học được một bài học mà sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Người tình mới này của tôi sẽ có khiếu hài hước, hay sẽ không dùng ma túy. Người tình mới này của tôi sẽ là một phụ nữ, hoặc một người đàn ông da đen, hoặc một trùm máy tính với trái tim dành hết cho các dữ liệu.

Từ khi bước sang tuổi ba mươi, tôi đã ngừng yêu. Tôi vẫn đang sống như một đứa trẻ, hết giờ này qua giờ khác, trong khi những phụ nữ khác ở tuổi tôi thường đến dự những buổi biểu diễn hay những vở kịch ở trường của con họ. Việc buông xuôi này cũng không khó khăn lắm. Tôi có một công việc vất vả nhọc nhằn, và một khoản tiền thừa kế kếch xù đang chờ tôi khi tôi bước sang tuổi bốn mươi. Tôi có những người bạn để gặp gỡ và uống cà phê, và có những bộ phim và câu lạc bộ đang chờ tôi đến. Thời gian trôi qua một cách dễ chịu. Và bây giờ - có vẻ quá đột ngột – những cô nhân viên bán hàng đã gọi tôi là “bà”. Những chàng trai trẻ không còn tự động liếc nhìn tôi khi tôi đi qua họ trên đường phố nữa. Tôi không còn xuất hiện trên màn hình radar của họ nữa.

Trong chừng mực nào đó, tôi thích việc mình đang già đi. Tôi đã tự tạo một cuộc sống riêng cho mình. Tôi không phải một kẻ tham vọng tỏ vẻ đứng đắn sống với hai con mèo trong một ngôi nhà trong thành phố đầy rẫy những bản đồ cổ xưa. Tôi không phải một kẻ say sưa cứ trôi dạt hết cuộc chè chén này đến cuộc chè chén khác rồi lại tiếp tục lặp lại. Tôi tự hào về điều đó. Tuy nhiên, lúc này tôi lại hy vọng có được một niềm kiêu hãnh thông thường hơn trong cái tôi lớn hơn của mình. Tôi nghĩ rằng tôi có thể nói, nếu ai đó hỏi tôi, thật chính xác về những điều tôi đang làm trên đời này.

BOBBY

Đó là sự khởi đầu cho cuộc đời thứ hai mới mẻ của tôi, trong một thành phố có vòng quay riêng của chính nó – một quỹ đạo hối hả hơn bên trong vòng quay xanh thẫm điềm tĩnh của trái đất. New York không chào đón những kẻ tuyệt vọng và sống không mục đích vốn vẫn hay quanh quẩn ở những nơi nhỏ bé hơn. Ở đây, người ta thường lái xe vượt đèn đỏ. Họ còn vừa đi bộ vừa chải rửa ngay trước mũi những chiếc ô tô.

Tôi không tìm được việc ngay. Tôi thừa nhận rằng mình cũng không nhiệt tình lắm với việc đó. Jonathan hầu như ngày nào cũng đến văn phòng. Thi thoảng cậu ở lại đó đến tận nửa đêm. Cậu gọi sự nổi tiếng của tờ báo là một thảm họa tự nhiên – một ngọn núi lửa không ngừng phun trào khiến cho ngôi làng dưới chân núi không có thời gian để tự xây dựng lại. Người thợ xếp chữ biên tập lại bản thảo, nhân viên lễ tân bị quá tải với công việc sắp xếp, có sáu cuộc gọi đang chờ và ba nhà quảng cáo đang kiểm tra đồng hồ trong căn phòng đón tiếp mới trắng tinh. Cùng với chuyên mục hàng tuần của mình, Jonathan còn trình bày những trang giải trí và viết bài bình về những bộ phim mà cậu chưa hề xem, dưới một cái tên giả. Có những sáng, cậu uống hai tách cà phê, lao ra khỏi cửa, và khoảng mười sáu tiếng sau mới quay về.

Cuộc sống của Clare thanh thản hơn. Nàng là một trong những người có nhiều tiền hơn ta tưởng, nếu căn cứ vào những gì họ đang làm. Nhưng tôi cũng chẳng lấy đó làm thắc mắc. Tôi thấy mừng vì có bầu có bạn.

Tôi luôn thức dậy cùng lúc với Jonathan. Tôi pha cà phê trong khi cậu tắm. Chúng tôi nói chuyện và mở nhạc khi cậu mặc lên người bộ đồ màu đen của ngày hôm đó. Khi đã chuẩn bị xong xuôi, cậu hôn lên má tôi. Cậu cũng hôn Clare, nếu nàng có mặt lúc đó. Cậu thường nói: “Tạm biệt các cưng” và rời đi, tay vẫn cầm nửa chiếc bánh vòng.

Khi cậu đi làm rồi, buổi sáng chuyển sang một nhịp thanh bình hơn. Cuộc sống nội trợ ban

ngày của nó. Clare và tôi ngồi ở bàn trong phòng khách với những tách cà phê thứ hai và thứ ba. Chúng tôi xem qua mục rao vặt trên báo. Có lúc nàng sơn màu mới cho móng tay của nàng. Có lúc chúng tôi xem chương trình “Hãy chọn giá đúng”.

Nàng đi làm lúc mười một giờ kém mười lăm. Tôi dọn dẹp nhà cửa, mua đồ ăn cho bữa tối. Ngày nào tôi cũng đến cửa hàng băng đĩa. Tôi không mua đĩa. Tôi chỉ đứng nghe bất cứ bài hát nào mà cửa hàng chọn làm nhạc nền cho việc mua sắm của khách hàng. Tôi ngắm nhìn những người khác, phán đoán xem mẫu người như họ sẽ muốn nghe loại nhạc gì.

Clare về nhà lúc bảy giờ. Tôi luôn dọn sẵn bữa tối. Jonathan tối nào cũng đi ăn ngoài để viết bài cho mục ẩm thực. Clare nói trước đây nàng vẫn thường gặp cậu ở bất cứ đâu và ăn cùng cậu, còn bây giờ nàng thấy vui vì không phải ăn độc một món trong cả tuần. Đôi khi sau bữa tối nàng thường đi chơi cùng bạn bè, có lúc nàng lại ở nhà với tôi, nghe nhạc và xem ti vi. Nàng nói việc đi chơi bắt đầu có vẻ giống với đi làm hơn là công việc hiện tại của nàng. Những đêm nàng ở nhà, chúng tôi làm bỏng ngô và uống Coke cho người ăn kiêng. Đôi lúc nàng sơn lại móng tay lần thứ hai trong ngày. Và vào một đêm thứ Tư của tháng Sáu, nàng bắt tay vào một công việc lâu dài, đó là khiến tôi thay đổi.

Việc đầu tiên nàng làm là cắt tóc cho tôi. Lúc đó Jonathan vẫn ở văn phòng, còn Clare và tôi vừa đi xem phim về. Nàng đã dẫn tôi đi xem bộ phim *Tất cả mọi điều về Eve*, và ngạc nhiên khi biết tôi chưa từng nghe nói về nó. Hóa ra đó là một bộ phim hài đen trắng cũ, được chiếu ở một rạp chiếu phim, nơi một con chuột chạy ngang qua chân chúng tôi, mau lẹ và nhẹ nhàng như một thôi thúc xấu.

Chúng tôi đã về nhà, ngồi giữa căn phòng khách lờ lợ. Tôi bắt đầu mở băng của Van Morrison, và nàng nói: “Này, anh đã nghe Steve Reich chưa?”

Tôi nói chưa. Tôi bảo nàng rằng trước giờ tôi vẫn sống bên ngoài vùng phủ sóng của âm nhạc, bắt lấy bất cứ thứ gì bất chợt bay ngang qua. Nàng nói: “Tôi sẽ mở băng của ông ta ngay bây giờ.” Và nàng làm thế.

Nhạc của Steve Reich giống như tiếng mạch đập, với những biến tấu nho nhỏ. Nó là loại nhạc điện tử không phát ra từ nhạc cụ - mà có vẻ được tạo nên từ không khí nhiều động. Steve Reich giống như một người nói lắp bình thản, không bao giờ phát ra từ đầu tiên và không quan tâm liệu ông có làm thế không. Bạn phải thật chăm chú mới hiểu được ông, nhưng một khi đã hiểu được, bạn sẽ thấy vẻ đẹp giản dị của điều mà ông đang làm – sự lặp đi lặp lại thông thả đáng yêu của nó. Nó nhắc tôi nhớ đến thời thanh niên của tôi ở Cleveland, những biến tấu nho nhỏ ấy như đang khơi gợi lại những điều xưa cũ.

Lúc đó, Clare đã hiểu tôi quá rõ nên nàng để yên cho tôi nghe nhạc. Nàng không nói về những vấn đề không liên quan trong khi nghe Steve Reich giống như lúc xem phim *Tất cả mọi điều về Eve*. Khi cuốn băng đã hết, tôi nói: “Chà chà!”

“Tôi đã nghĩ là anh sẽ thích ông ấy mà,” nàng nói.

“Ôi, đúng vậy. Ông ta thật tuyệt. Ông ta thật, chị biết đấy...”

Tôi cố kết thúc câu nói bằng cách dùng bàn tay ước lượng hình thù của âm nhạc. Tôi không biết liệu nàng có hiểu tôi đang cố nói gì với nàng không.

Nàng chỉ lắc đầu và nói: “Bobby”.

“Ừm?”

“Chẳng có gì. Anh thực sự là một kẻ cuồng tín, phải không?”

Tôi nhún vai. Tôi không biết sự cuồng tín của tôi đặt tôi nằm đâu trong quan điểm của nàng về thế giới này. Tôi không biết liệu tôi có nên thừa nhận hay phủ nhận nó. Tôi nhìn xuống mẫu hoa văn của tấm thảm giữa hai bàn chân mình.

“Anh có biết tôi nghĩ gì không?” Nàng nói. “Tôi có thể hoàn toàn thành thực với anh không?”

“Có chứ,” tôi nói, tò mò về sự thành thực hoàn toàn đó và thực lòng thấy e ngại.

“Điều mà tôi nghĩ chính là: Tôi thấy anh cần phải cắt một kiểu tóc mới.”

Đó chỉ là một gợi ý về vẻ ngoài, một vấn đề làm đẹp chứ không phải về khiếm khuyết của bản

thân. “Thật sao?” Tôi nói.

“Tôi nói thật đấy. Thành thực mà nói, trông anh không giống anh lắm. Và nếu anh đi ra ngoài mà trông giống như ai đó chứ không phải bản thân anh, thì kết cục là anh có thể nhận được một công việc sai lầm, kiếm được những người bạn không thích hợp, và ai biết còn có những điều gì nữa. Anh còn có thể dính vào ai đó suốt cả cuộc đời.”

Tôi lại nhún vai và mỉm cười. “Đây là cuộc sống của tôi”, tôi nói. “Nó không có vẻ gì là sai lầm cả.”

“Nhưng đây mới chỉ là bước khởi đầu thôi. Anh không thể chỉ quanh quẩn trong căn hộ này để nấu nướng và lau dọn suốt được.”

“Đúng vậy,” tôi nói, dù thực ra tôi đã phần nào tin chắc rằng mình sẽ làm y hệt thế.

“Và, cưng ạ, kiểu tóc Bee Gees đó sẽ chỉ làm cho người ta lạc lối mà thôi. Anh có hiểu tôi đang nói gì không?”

“Ừm. Được rồi. Có lẽ ngày mai tôi sẽ đến, chị biết đấy, một tiệm cắt tóc.”

Bụng tôi sôi lên. Tôi có cần có một mái tóc như một anh hề để hợp với cuộc sống ở New York hay không? Nếu tôi làm thế, tôi sẽ không hợp với Cleveland hay với ngôi nhà ở Arizona của chú Ned và cô Alice nữa. Tôi sẽ không còn đường quay lại.

“Tôi có thể cắt tóc cho anh,” nàng nói. “Miễn phí.”

“Thật không?”

Tôi có thể nhận ra qua tiếng cười của nàng rằng tất cả mọi nỗi nghi ngờ của tôi đã được bùng phát ra qua đúng hai từ đó.

“Tôi từng học làm tóc mà, nếu anh thấy tin được,” nàng nói. “Tôi vẫn còn giữ đôi kéo đấy, tôi có thể tạo choa một vẻ ngoài mới ngay bây giờ. Anh nghĩ sao?”

Tôi ngập ngừng. Rồi tôi quyết định. Đó chỉ là mái tóc thôi mà. Tôi có thể nuôi nó dài trở lại như bây giờ và quay lại với công việc ở Ohio của tôi. Đâu phải là tôi đang đánh mất cuộc sống cũ.

“Được,” tôi nói. “Chắc chắn rồi.”

Nàng bảo tôi cởi áo ra. Đó là điều gây bối rối đầu tiên. Tôi không có dáng vóc săn chắc hay vạm vỡ. Trông tôi quả đúng là một người làm việc trong tiệm bánh. Nhưng Clare đã chuyển sang tác phong nhanh nhẹn của một thợ cắt tóc, và không để sự chú ý của nàng đi lạc xuống phía dưới xương đòn của tôi. Với giọng chuyên nghiệp, dứt khoát, nàng bảo tôi thò đầu xuống dưới vòi nước trong bếp. Rồi nàng vắt một cái khăn lên vai tôi và bảo tôi ngồi trên một cái ghế giữa sàn phòng khách.

Tôi bảo nàng: “Thợ cắt tóc tại gia chỉ luôn tĩa một chút ở hai bên thái dương thôi.”

“Chà, tôi đang chuẩn bị cho một cuộc phẫu thuật nghiêm trọng đây”, nàng nói. “Anh có tin tôi không?”

“Không,” tôi nói, trước khi nhận ra là mình nên nói dối có thiện ý.

Nàng cười. “Ồ, sao lại không? Nhưng hãy cố thư giãn đi, được chứ? Hãy để Gái già này lo liệu.”

“Được rồi,” tôi nói. Tôi cố không nghĩ tới việc trông mình sẽ như thế nào. Khi nàng bắt đầu với chiếc kéo, tôi tự nhủ rằng cuộc đời chúng ta được tạo nên từ những thay đổi mà chúng ta không thể kiểm soát được. Việc để cho những điều nho nhỏ xảy ra cũng là một thói quen tốt. Cây kéo cắt sát vào tai tôi. Những nhúm tóc ướt của tôi, trông tách rời và chẳng còn sức sống, rơi xuống sàn nhà xung quanh tôi.

“Chị cứ làm cho đến khi nào xong nhé!” Tôi nói. “Ý tôi là, tôi sẽ không nhìn cho đến khi chị làm xong đâu.”

“Được thôi,” nàng nói. Nàng dừng cắt trong một phút và mở băng của Van Morrison lên để giúp tôi bình tĩnh.

Nàng cắt tóc cho tôi mất gần bốn mươi lăm phút. Tôi cảm thấy hơi ấm và mùi hoa nhài

thoang thoảng tỏa ra từ người nàng, và những ngón tay thoăn thoắt, thành thạo của nàng lướt trên da đầu tôi. Hơi thở nàng khiến tôi thấy nhồn nhột. Từ lúc nàng bắt đầu, tôi đã mong việc cắt tóc sẽ diễn ra suốt cả đêm – để tôi không bao giờ thấy kiểu đầu mới, mà cứ mãi ngồi nửa mình trần giữa một đồng tóc rụng đang dày thêm lên của chính mình, bị vây quanh bởi tiếng tanh tách đem lại từ sự tập trung của Clare.

Nhưng cuối cùng, nàng cũng xong. Với một tiếng thở phào và nhát cắt cuối cùng ở thái dương tôi, nàng nói: “*Xong rồi đây.* Hãy vào phòng tắm và xem kết quả nào.”

Tôi để nàng dẫn đi, dù vẫn biết rõ đường vào phòng tắm. Tôi muốn ở trong trạng thái hợp tác này lâu thêm chút nữa, với tình trạng mái tóc và tương lai của tôi đang nằm ngoài tầm tay. Nàng dẫn tôi vào phòng tắm, để tôi đứng trước gương, và bật cái đèn gắn cố định trên trần.

“Tèn ten,” nàng nói. Và tôi trông thấy chính mình, đang lấp lánh trong ánh đèn.

Nàng đã húi cua cho tôi. Hai bên thái dương được cắt quá sát đến nỗi làm lộ cả da đầu, và trên đỉnh là một đám tóc dựng lồm chồm. Với mái tóc này, lần đầu tiên tôi được thấy rõ vẻ ngoài của mình. Đôi tai tôi nhỏ xíu. Đôi mắt tôi bé long lanh, và cái mũi to bị chẻ, như thể nó định tách ra thành hai cái mũi nhỏ hơn. Những đặc điểm này vẫn luôn có vẻ quá quen thuộc. Nhưng giờ đây tôi mới thấy chúng đặc biệt như thế nào. Khi ngắm nhìn khuôn mặt mình trong ánh sáng chói mắt, phía sau là nền gạch trắng, tôi có cảm giác mình giống như một người thân được gọi đến để nhận dạng một thi thể. Nếu linh hồn chúng ta bay ra khi cơ thể ngừng hoạt động, thì có lẽ đây sẽ là cách mà chúng ta trông thấy chính cái thể xác trống rỗng của mình – với sự hứng thú và nỗi sợ hãi tương tự như khi chúng ta trông thấy một nạn nhân bị tai nạn.

“Chà,” tôi nói.

“Trông anh thật tuyệt”, nàng bảo tôi. “Hãy chờ thêm tí nữa. Tôi biết ban đầu sẽ rất sốc. Nhưng tin tôi đi. Anh sẽ bắt đầu ngó nghiêng cái đầu mới ngay thôi.”

Tôi cứ nhìn đăm đăm vào khuôn mặt trong gương. Nếu tôi được coi là người như thế này, tôi không biết phải cư xử thế nào cho thích hợp. Như thể Clare đã đưa tôi đến một bữa tiệc công cộng và bảo tôi ấn số gọi lên Sao Mộc.

Nàng nói chúng tôi phải chờ Jonathan về, để cho cậu thấy hình ảnh mới của tôi. Tôi không thích tự khoe mình trước mặt Jonathan lắm. Thói tự mãn đó quả là ngớ ngẩn, và sự bằng lòng thay đổi của tôi cũng thế. Tuy nhiên, tôi vẫn đồng ý. Như tôi đã nói, Clare gây tác động lên tôi giống như âm nhạc vậy. Nàng đi vào trong não tôi. Tôi thấy bản thân không chỉ làm theo những gì nàng muốn mà còn không biết những khát vọng của tôi đã bị dừng lại ở đâu và bắt đầu bị thay thế bằng những khát vọng của nàng ở chỗ nào.

Trong khi chờ đợi Jonathan, chúng tôi làm những việc vốn đã trở thành thông lệ. Chúng tôi làm bỏng ngô và uống sáu lon Coke cho người ăn kiêng. Chúng tôi nghe lại băng Steve Reich, và xem một bộ phim chiếu lại của Mary Tyler Moore^[49]. Tôi nhận thấy rằng mái tóc mới của tôi không làm thay đổi kiểu ngồi của tôi trong một căn phòng, cũng không ngấm vào trong những ý nghĩ mơ hồ cũ của tôi. Tôi thấy nhẹ nhõm và thất vọng.

Jonathan về nhà lúc hơn một giờ. Khi chúng tôi nghe thấy tiếng chìa khóa của cậu, Clare bắt tôi trốn vào trong bếp. “Tôi sẽ ngồi đây như bình thường”, nàng thì thào. “Tôi sẽ giữ chân cậu ấy trong phòng khách. Sau vài phút, anh hãy bắt ngờ bước ra nhé.”

Tôi không muốn làm theo cách đó. Không muốn thu hút sự chú ý về phía mình. Nhưng Clare quá to lớn và nhanh nhẹn so với tôi. Tôi lơ mơ nhớ lại một bữa tiệc sinh nhật khi một ông già có cái mũi đỏ và bộ tóc giả màu rau diếp lôi ra những đồng xu từ tai tôi và lấy ra một bó hoa giấy từ bên trong áo sơ mi của tôi. Đúng, tôi đã giả vờ ngạc nhiên và thích thú một cách tỉnh bơ.

Vì thế tôi đi vào căn bếp tối om khi Jonathan bước qua cửa. Tôi nghe thấy tiếng bản lề rỗng lên, và cuộc đối thoại đơn giản của cậu với Clare. “Chào cưng.” “Chào cưng.” “Mọi chuyện thế nào?” “Thảm họa. Như thường lệ.” Cách họ nói chuyện nghe giống hết như một cặp vợ chồng, hơn cả bất cứ cặp đôi nào tôi từng gặp. Tôi hiểu vì sao việc họ cùng nhau sinh con có thể được coi là một bước tiếp theo hợp lý.

Tôi lắng nghe họ trò chuyện. Ánh sáng yếu ớt của lỗ thông gió lọt vào qua cửa sổ như sương mù. Những lọ thủy tinh đựng đầy thảo mộc của Clare tỏa ra một thứ ánh sáng dịu nhẹ trên ngưỡng cửa sổ. Tên chúng được viết bằng lối viết tay nhỏ và sắc nhọn trên những cái nhãn bằng giấy: cây hoa mũ hề, hồi sao, tầm ma.

Tôi nghe Jonathan hỏi: “Bobby đâu rồi?”

“Ồ, anh ấy ở đâu đó thôi”, nàng trả lời.

Đó sẽ là ám hiệu cho tôi. Đã đến lúc tôi bước ra như thể chẳng có gì bất thường xảy ra cả. Tuy nhiên, tôi vẫn ở nguyên trong bếp. Tôi bị thu hút bởi bóng tối lờ mờ, tiếng ro ro của tủ lạnh và những lọ gia vị để chữa bệnh đau đầu, mất ngủ, và xua đuổi những điều không may. Tôi giống như một thi thể bị chôn trong bức tường gạch, đang nghe trộm những vấn đề đời thường của người sống. Tôi chợt nhận ra rằng bản thân cái chết có thể là một hình thái tham gia mơ hồ hơn trong lịch sử vẫn đang tiếp diễn của thế giới. Cái chết có thể là như thế này, một sự hiện diện đồng thời với vắng mặt, trong khi bạn bè của bạn vẫn tiếp tục tán gẫu giữa những ngọn đèn và đồ đạc trong phòng về ai đó không còn là bạn nữa. Lần đầu tiên trong bao năm qua, tôi bỗng cảm thấy sự hiện diện của anh trai mình. Tôi thực sự cảm thấy thế, không thể nhầm lẫn – tính quả quyết và một điều gì đó ở anh ấy, nét đặc trưng của Cartlon vẫn còn vương lại sau khi giọng nói, da thịt và tất cả những bộ phận cơ thể khác đều đã tan biến. Tôi cảm thấy anh có mặt trong căn bếp đó một cách rõ ràng như trong buổi chiều lạnh lẽo tuyết rơi trắng xóa ở nghĩa địa nhiều năm trước, khi tương lai tươi sáng đang rạng rỡ phía trên những tấm bia mộ và lấp lánh nơi chân trời. Anh ấy đang ở đây, tôi tự nhủ, và tôi biết đó là sự thật. Từ lâu rồi tôi không còn thói quen nghĩ về anh, và tôi coi mình như đã được sinh ra dưới mái nhà của chú Ned và cô Alice sau khi bố tôi mất. Giờ đây, tôi nghĩ về tất cả bọn họ, những con người đã nằm lại ở Cleveland. Ngay lúc này, những bông cúc dại có lẽ đang nở trên bia mộ họ, và những cây bồ công anh chắc đã trở bông. Chiếc kèn harmonica mà tôi nhét vào túi áo ngực của Cartlon trong đám tang ở nhà, có lẽ đã lọt qua những rё xương sườn của anh và rơi lèng keng xuống đáy quan tài. Tôi đang sống cho cả tương lai của tôi lẫn tương lai đã mất của anh trai tôi. Tôi đại diện cho anh ở đây cũng như anh đang thay mặt tôi ở một nơi vô định nào đó. Việc anh bước vào cõi chết có lẽ cũng giống như khi tôi bước vào trong bếp – vào sự mộng lung êm đềm và tiếng ro ro mơ hồ của nó. Tôi hít thở thứ không khí tối tăm. Nếu lúc đó tôi có cảm giác về một cái chết nhẹ nhàng điềm tĩnh trong khi tim vẫn đập và phổi vẫn nở rộng, thì có lẽ anh cũng đang mang cảm giác tương tự về sự sống giữa nơi cái chết đang diễn ra. Bên ngoài, một dây phơi quần áo được chằng qua lỗ thông gió. Những cái tay áo rộng cứ phấp phơ phấp phới. Tôi nhận thấy rằng khi tôi và anh trai kết hợp lại – trong cái tên của cả hai chúng tôi – tôi có thể theo đuổi một cuộc sống và một tương lai đầy ngạc nhiên. Tôi có thể nuôi sống anh trong thế giới bên kia bằng cách vừa là tôi vừa là anh trong một cơ thể. Tôi cứ đứng trong căn bếp đó khi Clare liên tục ra hiệu cho tôi bước vào phòng khách. Tôi mãi ngắm một cái áo sơ mi màu trắng đang nhẹ nhàng đung đưa cách mặt bê tông sáu tầng cầu thang.

Cuối cùng, nàng đành tiến đến chỗ tôi. Nàng hỏi xem tôi có ổn không, và tôi bảo nàng rằng tôi vẫn bình thường. Tôi bảo nàng rằng tôi cảm thấy rất ổn. Khi nàng hỏi tôi chuyện gì đang diễn ra, tôi bắt lực chỉ về phía đám quần áo đang treo trên dây phơi. Nàng chặc lưỡi, nghĩ rằng tôi chỉ đơn giản là đang xấu hổ, và dắt tôi ra ngoài.

Jonathan rút lên trước kiểu tóc của tôi. Cậu nói trông tôi thật nguy hiểm. “Một Bobby của những năm tám mươi”, Clare tự hào tuyên bố, và tôi không phản đối nàng. Dù Jonathan đã mệt mỏi, nhưng chúng tôi vẫn giấu mái tóc của tôi đi quanh Village. Chúng tôi đi uống ở một quán đồng tính trên quảng trường Thánh Marks và cả ba người cùng nhau nhảy nhót. Dường như tôi đã lao qua một tấm kính và đến được bữa tiệc, sau nhiều năm ngồi trong nghĩa địa và nghĩ rằng mình còn sống. Khi chúng tôi đã nhảy nhót chán chê, tôi đòi đến cầu tàu trên sông Hudson, để ngắm giọt cà neon đang rơi ra từ một tách cà phê neon to bự. Rồi Clare và Jonathan bắt taxi về nhà, còn tôi vẫn đi bộ. Tôi đi khắp New York. Tôi đến công viên Battery, nơi Nữ thần Tự do đang giờ cao ngọn đuốc nhỏ bé bên bến cảng, và đi lên phía dãy xe ngựa đang mong ngóng chờ đợi kẻ quá say xỉn và những người lãng mạn bên ngoài Plaza. Khi trời hửng sáng, tôi đang ở trên đại lộ Năm trong khu phố Hai mươi. Một chiếc xe tải giao bánh đi ngang qua, người tài xế đang hát vang bài Crazy của Patsy Cline với giọng ca lạc điệu, và tôi hát theo ông

ta suốt nửa dãy nhà. Ban đầu tôi cho rằng chính kiểu tóc mới của tôi đã khiến tôi làm thế, nó đã phá vỡ trật tự thông thường của mọi thứ và chỉ cho tôi thấy những khả năng vẫn luôn sẵn có. Hồi trước, chúng tôi từng dùng ma túy vì những lý do ít nhiều tương tự như thế.

Sau đó, những thay đổi đến thật dễ dàng. Tôi không nhất thiết phải mãi gắn bó với những thứ quen thuộc nữa. Clare có một sở thích là làm tôi thay đổi. Nàng dẫn tôi đi mua quần áo trong những cửa hàng đồ cũ trên đại lộ Một, nơi nàng quen tất cả những nhân viên bán hàng và một nửa số khách hàng. Khi đi mua sắm, Clare có vẻ chăm chú của một con chim đại bàng mẹ đang kiếm mồi. Nàng có thể sà xuống một thùng carton đựng đầy quần áo cũ bằng vải polyester sáng màu – những món đồ bị phai màu của cửa hàng Woolworth khi còn mới trông đã thật kinh khủng và ngán ngẩm – và lôi ra một cái áo sơ mi lụa chi chít những con cá vàng lạnh lợi. Nàng có tính ưa lòe loẹt nhưng chịu khó tìm tòi, bạn biết được qua đôi mắt nàng rằng những thứ nàng muốn sẽ tỏa ra một ánh sáng rực rỡ mà những người mua sắm khác không nhìn thấy được. Tôi để nàng chọn lựa, và sau hai tuần tôi đã có một tủ quần áo tuy toàn là đồ cũ rẻ tiền nhưng lại là mới với tôi. Tôi có những cái quần thụng hồi những năm bốn mươi, và những cái áo sơ mi lòng thòng bằng tơ nhân tạo có màu thuốc là và mát tít. Tôi có những cái quần jean màu đen cũ, một cái áo khoác da khi đi mô tô, và một cái áo khoác vai vuông màu đen với những sợi thiếc thò ra lung tung. Tôi thậm chí còn có cả giày của những người xa lạ: một đôi Oxford màu nâu và mũi được làm từ lưới da, một đôi giày quân đội màu đen và một đôi giày vải màu đen bị vấy sơn.

Tôi cũng có thêm cả một chiếc khuyên tai nữa. Clare đã kéo tôi vào một cửa hàng trang sức trên phố Tám, và chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi chưa đủ để bạn kịp nói “thay đổi”, một người đàn ông Trung Đông đã bấm một cái khuyên bằng bạc vào dái tai trái của tôi bằng súng thủy lực. Nó không đau hơn vết cắn của một con rệp vùng. Clare hứa sẽ làm cho tôi một chiếc khuyên tai thật hoàn hảo. Người đàn ông Trung Đông mỉm cười. Dường như rằng ông ta được tạc từ một mẫu gỗ.

Trong những ngày đó, mỗi lần nhìn thấy bóng phản chiếu của mình qua các tủ kính bày hàng, tôi lại thấy ngạc nhiên. Có vẻ như tôi chỉ là người anh em sinh đôi lỗ mãng của chính mình, từ một nơi tôi tàn đến đây để gây chuyện với những người lao động bình thường. Người đàn ông với khuôn mặt mà tôi nhìn thấy thấp thoáng trên các tủ kính bày hàng đó sẽ không viết “Chúc mừng sinh nhật” lên mười nghìn cái bánh. Anh ta sẽ không bằng lòng khi phải sống trong một căn phòng ngủ trên gác với cửa sổ trông ra cái khung chơi leo trèo cho trẻ em của nhà hàng xóm.

Clare giới thiệu tôi với bạn bè của nàng: Oshiko, nhà thiết kế mũ bi quan; Ronnie, một họa sĩ dễ xúc động, người ăn nói dài dòng; Stephen Cooper, người chuyên nói về chuyện kiếm tiền bằng việc nhập khẩu cần sa và mua một cửa hàng trang sức ở Provincetown, nơi anh ta có thể quan tâm nhiều hơn đến những năng khiếu trời cho của mình. Những người này giống như những bộ phim đang chiếu quanh tôi – tôi ngồi quan sát và lắng nghe với sự chăm chú dễ dàng tương tự như khi bạn ngồi xem phim ở hàng ghế thứ năm. Họ thích được là các nhân vật mà họ đã tạo ra, và không cần phải tôi phải nhận xét gì. Vì thế chúng tôi hòa hợp với nhau. Tôi thường đứng hoặc ngồi, ngắm nhìn mọi thứ đang diễn ra. Nếu tôi có thể tạo nên một đặc trưng cho người địa phương mình, đó sẽ là sự bí ẩn và sự điềm tĩnh không đổi. Tôi nhận thấy rằng những người New York – ít nhất là những người mà Clare quen – thường đánh giá cao sự im lặng của người khác. Quanh họ lúc nào cũng ồn ào, bất kể ngày hay đêm. Bạn bè của Clare sẵn sàng coi tôi là kẻ hay suy tư, khi mà thực tế thì tôi chủ yếu quan sát và chẳng nghĩ gì cả. Thỉnh thoảng tôi lại chêm vào một câu hỏi, hoặc trả lời câu hỏi mà họ đặt ra. Tôi đeo chiếc khuyên tai mà Clare đã làm cho tôi, với một hạt hình giọt lệ màu bạc, một vòng kim loại gỉ sắt, và một con ngựa có cánh bằng bạc nhỏ xíu. Đôi khi nàng lơ lửng hỏi thăm xem tôi có thấy vui không, và tôi luôn trả lời rằng có. Đó luôn là sự thật. Khi đến những nơi như thế này – những câu lạc bộ huyền ảo với lối vào không có gì đặc biệt, những buổi tiệc tùng trong các căn hộ trắng toát và đơn sơ như dãy Himalaya – tôi chỉ đơn giản thấy mình hoàn toàn vui vẻ. Tôi đã ở trong nghĩa

địa bao năm rồi, giờ thì tôi đang ở trong một cuộc vui. Giữa một nơi sống đông như thế, tôi cứ giữ yên lặng như một hồn ma. Một cô gái xinh đẹp với làn da trắng xanh như váng sữa thông thả bước đi giữa những người khiêu vũ với một con rắn đốm mập mạp quấn quanh cổ tay. Hai cậu bé trong bộ váy nữ sinh kẻ ô đang đứng trang nghiêm cạnh nhau, nắm lấy tay nhau như thể chúng đang canh gác lối vào của một thế giới khó khăn, khắc nghiệt hơn và không thể tưởng tượng nổi là sẽ không có ai cố gắng lọt vào đó.

Nhưng những khoảng thời gian tuyệt vời nhất là những đêm mà Jonathan đi làm về sớm, vẫn kịp để ra ngoài dạo chơi. Đôi khi chỉ có hai người chúng tôi đi với nhau, và đôi khi có cả Clare theo cùng. Những đêm có mặt Jonathan, chúng tôi đi xem phim, rồi đi uống ở những quán bar mà chúng tôi thích. Những người bạn khác của Clare thường chỉ mải mê với việc tạo cho cuộc đời họ một nét hoang đường. Họ là những người trung thành với sự chuyển động, và biết được nơi nào là thích hợp nhất với họ, những bữa tiệc trong lòng bữa tiệc. Tôi có thể hiểu được thói thúc đó. Nhưng Jonathan, Clare, và tôi thích những quán bar cũ vốn bị đè bẹp dưới sức nặng của những điều thường nhật hơn. Hồi đó, Village đầy những quán bar như thế, và ngày nay vẫn vậy. Không gian bên trong vẫn mang vẻ mờ ảo cũ kỹ giống như màu của bia đen. Họ bán những gói khoai tây chiên và đậu phộng được kẹp trên dây. Khách quen ở đây – những người say rượu đứng đần trầm lặng vốn luôn tin rằng mọi thứ đang ngày càng tệ hơn và không bao giờ gây náo động – thường ngồi yên trên ghế ở quầy bar như những con gà mái đang đậu để ngủ. Chúng tôi luôn đặt một chỗ ở trong cùng.

Chúng tôi bắt đầu thích gọi nhau là gia đình Henderson. Tôi không nhớ là từ bao giờ và như thế nào – nó phần nào giống như sợi dây được Clare và Jonathan quăng ra, và bị mắc lại. Nhà Henderson là gia đình có những hy vọng khiêm tốn và những sở thích đơn giản. Họ thích đi xem phim hay xem ti vi. Họ thích uống bia trong một quán bar nho nhỏ rẻ tiền. Khi ba người chúng tôi đi chơi cùng nhau, chúng tôi gọi nó là “một đêm với gia đình Henderson”. Clare được coi là Mẹ, tôi là Junior, còn Jonathan là chú Jonny. Câu chuyện trở nên chi tiết hơn theo thời gian. Mẹ là người quán xuyến mọi việc. Nàng muốn chúng tôi để ý đến tác phong của mình và khi ngồi thì phải thẳng lưng, nàng chặc lưỡi khi một trong hai người chúng tôi chửi thề. Junior là một nhân vật có thiện chí, mờ nhạt, một kiểu hướng đạo sinh ngốc nghếch và có thể bị người khác dụ dỗ làm bất cứ điều gì. Chú Jonny là người có ảnh hưởng xấu. Chú ta cần được coi chừng. “Junnior”, Clare thường nói, “đừng ngồi quá gần chú Jonny. Và chú ta không cần phải đi vào phòng tắm cùng anh, giờ anh đã đủ lớn để tự xoay xở mọi chuyện rồi.”

Thỉnh thoảng chúng tôi mới sắm vai nhà Henderson. Không phải lúc nào chúng tôi cũng làm thế. Chúng tôi chỉ mượn tạm cuộc đời họ khi chúng tôi bị mất hứng với cuộc đời thật và phức tạp hơn của mình. Trước khi Jonathan rời đi vào buổi sáng, cậu có thể nói: “Tối nay có thể tôi sẽ về sớm đấy, gia đình Henderson có muốn đi xem phim của Fassbinder[\[50\]](#) không?” Clare và tôi hầu như luôn đồng ý, vì chúng tôi rảnh rang hơn. Chúng tôi thích một đêm được sắm vai nhà Henderson hơn là những thú giải trí khác. Thỉnh thoảng khi Clare và tôi chỉ còn một mình, nàng thường nói với giọng của nhân vật Mẹ, một biến thể kiểu Anh mơ hồ và run rẩy từ giọng thật của nàng. Nhưng khi không có chú Jonny, gia đình Henderson không tồn tại. Không có người chú tồi tệ đó, chúng tôi trở nên quá đơn giản – chỉ còn lại nhân vật Mẹ độc đoán và cậu con trai luôn vâng lời. Chúng tôi cần cả ba đỉnh của một tam giác. Chúng tôi cần những tác phong hòa nhã, sự hư hỏng và một giọng nói phân xử công bằng.

Tôi đã tìm được việc làm, chỉ là một công việc tầm thường, làm chân chạy vặt tại một cửa hiệu trứng ốp lết ở SoHo. Tôi nói viết mọi người, và đôi khi tự nhủ với mình, rằng tôi đang học về cách kinh doanh nhà hàng từ nền tảng thấp nhất, để một ngày nào đó tôi lại có thể mở một nhà hàng cho riêng mình. Nhưng tôi không tin lắm vào tham vọng đó, thực sự là không. Mỗi lần tôi chỉ có thể khơi dậy nó trong vài phút, bằng cách tập trung vào những chi tiết: bản thân tôi trong tương lai đang cau có kiểm tra một cái khay đựng món tráng miệng trước khi chúng tôi rời nhà bếp, hay đang miết tay trên mặt quầy bar làm bằng gỗ gụ, nhẵn nhụi và bóng bẩy như sườn của một con ngựa cái. Có thể tôi muốn điều đó. Nó có thể làm da dẻ tôi nóng bừng lên. Nhưng vào lúc mất tập trung, tôi lại quay về cuộc sống hiện tại: vẫn đang sống ở New York với Jonathan và Clare, làm một công việc bình thường. Tôi hài lòng với việc ở bên cái máy rửa bát

đĩa Mexico mỗi ngày, trong căn bếp trơn trượt của nhà hàng, thái nấm và cắt nhỏ pho mát Gruyère. Đó vẫn là bí mật đáng xấu hổ của tôi.

Một đêm nóng bức tháng Tám, tôi đi tắm và khóa thân đi vào phòng Jonathan, vì tôi cho rằng lúc đó chỉ có mình tôi trong nhà. Một người bạn cũ của Clare mới đến thăm thành phố và cần được dẫn đi tham quan, còn Jonathan giờ này chắc hẳn đang ở chỗ làm. Bầu trời tối đen, âm u và ảm đạm như phủ đầy khói, và dấu vết cơ thể của những gã lang thang vẫn còn in lại khi họ ngủ trên vỉa hè. Tôi vừa đi vừa hát bài *Respect*, với những giọt nước kêu xèo xèo trên da tôi, và thấy Jonathan ngồi trên sàn, đang cởi giày.

“Chào,” cậu nói.

“Ồ, chào cậu. Mình nghĩ là cậu đang, cậu biết đấy, đi làm cơ mà.”

“Máy điều hòa nhiệt độ ở văn phòng mình bị hỏng, và bọn mình quyết định không quan tâm đến việc tờ báo tuần này có ra đúng hạn hay không nữa. Nghề nào cũng có những giới hạn, ngay cả nghề báo.”

“Ra thế.” Tôi đứng ngượng ngịu trên hành lang, cách cửa phòng hai bước chân. Tôi không biết phải làm gì với tay mình. Trong căn hộ này, chúng tôi không hay khóa thân bất ngờ như thế. Đó không phải là điều chúng tôi thường làm. Tôi cảm thấy sự to lớn của mình làm bầu không khí thêm nóng lên. Dù Jonathan nhìn tôi với vẻ trù mến thân thiện, nhưng tôi chỉ có thể nghĩ đến việc vóc dáng cơ thể mình đã xuống mã ra sao. Khi chúng tôi còn là những cậu bé lêu lổng, cảm thấy lo lắng nhiều hơn là sung sướng trong bàn tay nhau, tôi đã tự hào về cơ thể mình. Tôi từng có bộ ngực vuông vức, phẳng phiu. Da bụng tôi từng căng ra thành hơn ba múi cơ săn chắc. Giờ thì tôi đã nặng thêm bảy cân. Tôi đã trở thành một phiên bản sớm phát triển của cơ thể bố tôi – một thân hình tròn ửng đặt trên đôi chân mảnh khảnh. Tôi đứng đó, với cơ thể trong trắng, rậm rạp, tỏa hơi nước vào trong không khí.

“Cậu vừa tắm xong à?” Jonathan hỏi.

“Ừ.”

“Nghe như nó có thể tạo ra sự khác biệt giữa sự sống và cái chết ấy.” Cậu lột tất và cởi chiếc áo phong màu đen ra. Cậu tụt chiếc quần soóc màu đen, bảo tôi rằng các nhân viên của tòa soạn đã quyết định về nhà sớm như thế nào khi bông hồng trên bàn làm việc của nhân viên tiếp tân rũ xuống và rụng hết cánh. “Như một con chim hoàng yến trong mỏ than”, cậu nói.

Cậu cởi hết quần áo ra. Tôi đã không thấy Jonathan khóa thân từ hồi chúng tôi mười sáu tuổi đến giờ, nhưng cơ thể cậu trông vẫn y như tôi còn nhớ. Gầy và hầu như nhẵn nhụi, không có cơ bắp – thân hình của một cậu bé. Cậu đã không mọc thêm những đám lông mới hay béo lên. Cậu cũng không có được cơ thể hình chữ V mẫu mực dù đã sống một cuộc sống kỷ luật hơn. Da dẻ cậu căng mịn như bột nhồi bánh mì đã lên men. Hai núm vú hồng hồng vô tư nhú lên trên đường cong mai mái của bộ người. Sự thay đổi duy nhất là một con rồng nhỏ màu đỏ, với mình rắn và vẻ mặt hồ nghi, mà cậu đã xăm lên vai.

Cậu cười với tôi, hơi bối rối nhưng không tỏ vẻ sợ sệt. Tôi nghĩ đến Carlton, với cơ thể thiếu niên trần trụi trong nghĩa địa dưới bầu trời xanh thẫm.

“Mình sẽ vận nước lạnh hết cỡ,” cậu nói. “Và mình cá là mình vẫn sẽ có cảm giác âm ỉm.”

“Ừ. Đúng vậy đấy,” tôi nói.

Cậu khóa thân đi trên hành lang tới phòng tắm. Tôi đi theo cậu. Đáng lẽ tôi nên ở lại phòng ngủ và mặc quần áo vào, nhưng tôi không làm thế. Tôi ngồi trên nắp bồn cầu và nói chuyện với cậu khi cậu tắm dưới vòi hoa sen.

Khi cậu tắm xong, chúng tôi đi vào phòng khách cùng nhau. Lúc đó sự lỏa lồ của chúng tôi đã trở nên quen thuộc hơn, mất đi sự ngớ ngẩn ban đầu của nó. Da dẻ chúng tôi đã trở thành một loại quần áo. Cậu nói: “Nơi này có một vấn đề là nó không có thông gió chéo. Cậu có nghĩ rằng ở trên nóc nhà sẽ mát hơn không?”

Tôi nói là có, có thể là như vậy. Cậu bảo tôi chút, và chạy vào phòng tắm. Cậu quay lại với hai cái khăn.

“Này,” cậu nói, ném cho tôi một cái. “Vì sự đứng đắn, phòng khi chúng ta chạm trán ai đó.”

“Cậu định lên nóc nhà mà không có gì trên người ngoài một chiếc khăn à?”

“Người ta còn làm những việc tệ hơn trong những trường hợp ít khẩn cấp hơn mà. Đi nào.”

Cậu lấy một cái khay đá ra khỏi tủ lạnh. Chúng tôi quấn khăn quanh eo lưng, và đi chân trần ra hành lang. Nó gần như vắng lặng. Những chiếc quạt điện kêu vù vù sau những cánh cửa đóng kín, và tiếng nhạc salsa len lỏi qua thanh lan can. “Suyt,” cậu nói. Cậu nhón chân một cách khoa trương trên những bậc cầu thang dẫn lên nóc nhà, tay cầm cái khay đá bằng nhựa màu xanh đang chảy nước. Tôi theo sát cậu.

Nóc nhà tối đen và vắng lặng như tờ, một khoảng sân thượng bằng phẳng trải nhựa đường bao quanh bởi vô vàn ánh điện đan xen trong thành phố. Một ngón gió nóng thổi qua, mang theo mùi rác rưởi ngòn ngọt do chúng đã trải qua một quãng đường quá xa. “Chẳng khá hơn tí nào,” Jonathan nói. “Nhưng ít ra thì không khí cũng chuyển động.”

Khi đứng gần như khỏa thân hoàn toàn giữa vạt ạt như thế, tôi có cảm giác như đang mơ. Một sự thích thú và một nỗi hồi hộp thú vị, rạo rực.

“Trên này thích quá,” tôi nói. “Khá là đẹp.”

“Khá đẹp,” cậu nói. Cậu cởi khăn ra và trải nó lên tấm giấy dầu. Da dẻ cậu trông xám ngoét trong bóng tối.

“Người ta có thể trông thấy cậu đấy,” tôi nói. Cách đây hai dãy nhà, một tòa nhà cao tầng sáng rực như thể nó chứa cả một thành phố bên trong.

“Họ sẽ không thấy nếu bọn mình nằm xuống,” cậu nói. “Trên này khá tối. Vội lại, họ thấy chúng ta thì đã sao nào?”

Cậu nằm trên chiếc khăn như thể cậu đang ở bãi biển. Tôi cũng cởi khăn của tôi ra và trải nó ra cạnh chỗ cậu. Luồng không khí chuyển động từ phố Ba, ngập tràn tiếng còi xe và tiếng nhạc Tây Ban Nha chạm vào từng phần cơ thể lộ ló của tôi.

“Này.” Cậu bê cái khay nhựa. Cậu đưa cho tôi một viên đá, và giữ một viên cho mình.

“Hãy lấy nó và xoa lên người,” cậu nói. “Không có nhiều đâu, nhưng đó là tất cả những gì bọn mình có.”

Chúng tôi nằm cạnh nhau trên chiếc khăn tắm, chà viên đá lên làn da mướt mồ hôi. Sau một lúc, cậu giơ tay ấn viên đá của cậu vào bụng tôi. “chuyện nào Mẹ còn chưa về,” cậu nói, “hãy để chú Jonny chăm sóc cậu.”

“Được,” tôi nói, và cũng làm thế với cậu. Chúng tôi không nói gì thêm nữa về việc chúng tôi đang làm. Thay vào đó, chúng tôi nói chuyện về công việc, âm nhạc và Clare. Trong khi nói chuyện, chúng tôi xoa viên đá lên bụng, ngực và mặt nhau. Giữa chúng tôi có một khía cạnh nào đó của tình dục nhưng chúng tôi không quan hệ với nhau – chúng tôi không phạm phải những hành động quá trớn. Đó là một loại âu yếm thân mật và ngọt ngào hơn. Đó là sự dâng hiến cho cảm giác thoải mái của nhau, và cho sự thân thuộc sâu sắc đối với những thân thể không hoàn hảo của chúng tôi. Khi viên đá tan hết, chúng tôi lại lấy viên khác trong khay. Jonathan chà viên đá lên lưng tôi, rồi tôi cũng làm thế với cậu. Tôi cảm thấy mỗi khoảnh khắc như vỡ ra, một khả năng mới, khi chúng tôi nằm đó, dùng nốt những viên đá cuối cùng và nói chuyện về bất cứ điều gì nảy ra trong đầu. Trên đầu chúng tôi, vài ngôi sao mờ mờ đã bắt đầu điểm xuyết trên bầu trời tím thẫm nóng như thiêu như đốt.

CLARE

Tôi đã nghĩ đến việc có con từ khi mới mười hai tuổi. Nhưng phải đến gần bốn mươi tôi mới bắt đầu nghiêm túc nghĩ về chuyện đó. Jonathan và tôi thường đùa bỡn về việc làm cha làm mẹ - đó là cách tán tỉnh của chúng tôi. Chúng tôi luôn có một kế hoạch nào đó. Đó là cách để chúng tôi trút bỏ bất cứ thứ tình cảm xúc nào có thể được hình thành. Quả là lạ khi hai người yêu nhau mà không có ham muốn tình dục. Bạn thấy mình đang lập kế hoạch cho những chuyến đi

và bàn bạc về những cách kiếm tiền. Bạn thấy mình tranh cãi vì màu sắc của một căn nhà mà các bạn sẽ không bao giờ cùng sở hữu. Bạn nghĩ tên cho một đứa bé mà bạn sẽ không bao giờ mang thai nó.

Tuy nhiên, gần đây, tôi không chắc chắn lắm. Tôi đã kiếm được chút tiền trong hơn một năm qua, hơn nửa triệu, nhưng ở tuổi ba mươi tám, bạn không thể nghĩ rằng cuộc đời bạn vẫn đang bắt đầu nữa. Những hy vọng dần trở nên mong manh. Bạn suy nghĩ quá nhiều và rồi nó biến mất. Tôi thấy ngạc nhiên trước cái cảm giác trống rỗng ở bên trong, trái tim và bụng tôi như đang đu đưa trên mây. Tôi đã luôn quá chú trọng đến hiện tại. Tôi cho rằng chỉ cần làm những việc như thế này là đủ - nếm cà phê và rượu vang, tận hưởng tình dục hay xem tất cả những bộ phim. Tôi nghĩ rằng việc mình đạt được điều gì trong đời sẽ không còn quan trọng nếu tôi chỉ để tâm đến mọi điều đang xảy ra.

Chẳng mấy chốc tôi sẽ phải bổ sung một điều quan trọng vào danh sách liệt kê những việc mà tôi đã quá già không thể làm nổi. Tôi có thể nhận thấy nguy cơ đó: người đàn bà lớn tuổi yêu một anh chàng đồng tính, và mang thai để tự bù đắp cho những mối quan hệ mà cô ta đã không thể giữ được. Tôi không thể đi theo hướng đi đó một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, nó vẫn giày vò tôi. Jonathan có việc làm, và có một người tình tôi chưa bao giờ gặp. Cậu có sự tự do sẵn có của một người đàn ông hai mươi bảy tuổi. Với bộ ngực ngày càng xệ xuống, tôi muốn có một thứ gì đó vĩnh cửu. Tôi muốn nuôi dạy con cái tốt hơn những gì cha mẹ tôi đã làm với tôi. Tôi muốn tiền bạc, sức khỏe và vận may của tôi được sử dụng một cách có ích hơn.

Một đêm, Bobby ra khỏi phòng tắm trong chiếc quần đùi Jockey, hát bài *Wild horses*. Tôi đang đi về phòng mình và chúng tôi chạm trán nhau trên hành lang. Anh cười. Anh có một thân hình đồ sộ, mềm mại, cơ bắp đang ganh đua với sự béo phì mới chớm. Mẹ tôi sẽ đồng tình gọi anh là “một gã vạm vỡ to con”. Việc kết hôn với bố tôi đã cứu bà thoát khỏi sở thích về những người đàn ông láu cá mảnh khảnh. Bobby là típ người miền Trung Tây. Anh khỏe mạnh và vuông vức, bình lặng. Tôi nói: “Chào, người đẹp.”

Mặt anh đỏ bừng. Vào cuối những năm tám mươi rồi mà vẫn còn có một người đàn ông sống ở thành phố New York đỏ mặt trước một lời khen. Anh nói: “Ừm, tôi sẽ chuẩn bị xong ngay thôi.”

Chúng tôi đã định đi đâu đó. Tôi không nhớ là đâu nữa. Tôi nói: “Cứ từ từ, dù sao thì không có ai xuất hiện ở đó trước nửa đêm đâu.”

“Ừm.” Anh đi vào phòng chung của anh với Jonathan. Tôi dừng lại, rồi bước vào phòng tắm và chùi hơi nước đang phủ trên gương thành một hình tròn. Khuôn mặt tôi hiện ra. Không đẹp cũng không xấu. Tôi luôn là một sự kết hợp khó chịu của bố mẹ tôi.

Thật ngạc nhiên là mẹ tôi ngày càng đẹp ra. Ở độ tuổi mà phụ nữ được coi là “đẹp lão” hơn là “xinh”, bà quả thực khá đẹp: hơi nam tính, khuôn mặt rộng, làn da hồng hào sạch sẽ và mái tóc đã chuyển từ màu nâu sang màu ghi xám. Khuôn mặt thiếu biểu cảm của bà không có nếp nhăn, và phong cách nghiêm túc, thẳng thừng của bà có vẻ hấp dẫn hơn khi người phụ nữ ở độ tuổi bà bắt đầu xuất hiện những nếp nhăn cứng nhắc và phải dùng quá nhiều phấn hồng. Mẹ tôi đã đuổi kịp bản thân bà. Bà đã tìm thấy vẻ đẹp của mình. Thậm chí ngay từ khi còn trẻ, trông bà cũng luôn có vẻ như sắp bước sang tuổi sáu mươi.

Bố tôi, mặt khác, đã khô héo như một quả mận. Hai má ông quắt lại, rúm rúm. Mái tóc xanh đen cứng cáp của ông không còn nữa, làn da giờ chỉ còn lỏng lẻo và dai nhách bám trên cổ ông. Khi còn trẻ, tôi đã luôn hồi hộp tìm kiếm trong gương từng nét đẹp của bố tôi hiện trên khuôn mặt mình. Giờ đây tôi lại kiểm tra những dấu hiệu của sự tàn phai và phát hiện ra chúng. Cổ tôi đã chùng xuống hơn một chút. Làn da quanh mắt đã thâm quầng đi. Gen di truyền đang gây ảnh hưởng đến tôi.

Mẹ, mẹ không cần phải quá ghen tỵ trước tình yêu mà bố dành cho con. Cuối cùng, mẹ đã thắng rồi. Mẹ là một viên churros lý tưởng không bị sự ham muốn quấy rầy. Bố và con đang héo mòn dần, và bọn con không biết phải làm gì với bản thân mình nữa.

Tôi lùa những ngón tay qua mái tóc. Rồi tôi vào phòng của Bobby và Jonathan, đứng ở

ngưỡng cửa. Bobby đang cúi xuống ngăn kéo tủ, tìm một đôi tất. Mông anh to hơn mức lý tưởng, nhưng cân đối. Nếu cụm từ “đầy đặn, kêu gọi như trong tranh của Rubens” được áp dụng cho đàn ông, nó sẽ hoàn toàn thích hợp với Bobby. Anh hơi phát tướng nhưng vẫn cân đối, như những người đẹp trắng hồng thời xưa vui đùa trong những khoảng rừng thưa mờ tối. Ở nét trầm lặng của anh có vẻ gì đó nữ tính, dù anh không phải là đàn bà. Anh giống như một con hươu đực. Một sinh vật có móng guốc đặc biệt, nhút nhát nhưng không ẻo lả.

Tôi nói: “Sao tối nay anh không mặc chiếc áo sơ mi garbadine màu đen?”

Anh giật thót trước tiếng nói của tôi. Tôi cảm thấy bị kích thích một chút khi đã khiến anh ngạc nhiên như thế. Tôi có cảm giác như một cái khóa kéo đang kéo lên trong dạ dày tôi. Tôi là tay thợ săn, còn anh là con hươu đực mập mạp thiếu cảnh giác.

“Ừm, cũng được,” anh nói.

Tôi đến tủ quần áo và lấy ra cái áo sơ mi đó. “Đây là một trong những cái áo mà tôi thích,” tôi nói. “Chúng ta nên cố kiếm cho anh thêm một cái như thế này.”

“Ừm.”

Tôi ướm chiếc áo lên thân mình trần của anh. “Đẹp lắm,” tôi nói.

Một lần nữa, mặt anh lại đỏ lựng lên. Hành động của tôi không hề hiệu quả. Tôi chẳng gây nên chút gì gọi là kêu gọi cả. Tôi quá giống một bà mẹ khi quan tâm đến ngoại hình của anh. Chúng tôi đã không tạo ra một thông điệp ngầm nào.

Có vài điều không thể bị bắt buộc. Ngay cả cái bài học nhỏ đó tôi cũng phải tốn nhiều thời gian mới hiểu được.

“Có lẽ chúng ta sẽ đi uống gì đó trước,” tôi nói. “Chúng ta không muốn đến đó quá sớm.” Tôi đặt cái áo lên chiếc đệm của Jonathan. Nó đen sì và nhàu nhĩ trên lớp mền bông trắng, một hình ảnh về vẻ đẹp đàn ông không gọi tình. Tôi về phòng mình để bắt đầu trang điểm cho một đêm vui chơi nữa trong thành phố.

Một tháng trôi qua. Năm đó mùa đông đến sớm. Một tuần trước lễ Tạ ơn, những bông tuyết to như những đồng xu đã bắt đầu từ trên trời rơi xuống và quay cuồng quanh những ngọn đèn đường. Những người chủ cửa hàng trên dãy nhà của chúng tôi điên cuồng quét lớp tuyết mới khỏi vỉa hè như thể những sai lầm thời trẻ của họ đã đuổi kịp họ. Khi Bobby đi làm về, tôi đang ngồi trên sofa trong phòng khách, sơn móng chân và uống một ly rượu vang.

“Chào,” anh nói, phủi tuyết khỏi vai áo choàng.

Tôi gật đầu. Tôi không có tâm trạng để trò chuyện. Mùa đông đã quay lại, sớm hơn dự kiến.

“Thật kinh ngạc,” anh nói. “Ý tôi là, tôi thực sự không nghĩ rằng New York lại có, ờ, *kiểu thời tiết* như thế này. Chị biết không?”

“Tùy thuộc vào lực lượng tự nhiên,” tôi nói. “Như ở bất cứ đâu thôi.”

Tôi muốn anh ngừng ngay cái nhiệt tình tuổi trẻ của mình lại. Đêm đó, tôi chỉ thích hợp để làm bạn với những quả phụ hút thuốc không ngừng hay những linh mục bị bắt bỏ áo thầy tu mà thôi.

“Trời thật sự, chị biết đấy, rất đẹp,” anh nói. “Ngoài kia cực kỳ yên tĩnh. Chị có muốn đi dạo trong tuyết một lúc không?”

Tôi đưa ra một ánh nhìn mà tôi hy vọng là nó sẽ tổng kết lại tất cả những quan điểm của tôi về việc nô đùa trong tuyết. Nhưng hiện nay anh đang trên đà hào hứng, không thể dừng lại được.. Thời tiết này đã khiến anh hoàn toàn kích động. Anh đến ngồi cạnh tôi trên sofa.

“Xem màu sơn móng này,” tôi nói.

“Tôi thích màu đó.”

“Màu xanh mật. Đó là màu mà tôi chuộng trong mùa này.”

“Lát nữa chị có muốn đi xem phim không?” Anh hỏi.

“Không. Tối anh ấy tôi đang say và mãi than thân trách phận đây.”

“Chị vẫn ổn đấy chứ?”

“Tôi không biết. Đừng hỏi tôi câu hỏi như thế ngay lúc này, trừ phi anh thực sự muốn nghe câu trả lời.”

“Tôi muốn mà,” anh nói. “Tôi thực sự muốn.”

“Chẳng có gì đâu. Chỉ vì mùa đông thôi, tôi không thích nó lắm. Khoảng sáu tháng nữa tôi sẽ trở lại là con người vui vẻ thôi.”

“Khổ thân chị,” anh nói. Tôi đã chế ngự được cái thôi thúc muốn quệt sơn móng lên mặt anh.

“Cái mùa đông chết tiệt này đến sớm hơn hẳn một tháng,” tôi nói, “và người xưa của tôi vài tuần nữa sẽ đến thành phố này. Quá nhiều điều tồi tệ trong một tháng.”

“Ý chị là chồng cũ của chị?”

“Đúng. Đoàn kịch của anh ta lại đi lưu diễn, họ sẽ diễn ở Viện Âm nhạc Brooklyn.”

“Chị sẽ gặp anh ta chứ?”

“Có lẽ anh ta sẽ gọi điện. Anh ta luôn làm thế khi đến New York. Anh ta nghĩ rằng chúng tôi vẫn chưa hành hạ nhau đủ hồi chúng tôi còn sống với nhau.”

“Chị chưa bao giờ kể về anh ta,” anh nói. “Đôi khi, chị biết không, tôi quên mất là chị đã từng lấy chồng.”

“Chính tôi vẫn đang cố quên việc đó đi đây.”

“Ừm, chị đã gặp anh ta ở đâu?” Anh hỏi.

“Anh có muốn được cười vỡ bụng không? Ở Woodstock đấy. Vâng, chính cái đại nhạc hội đó. Bảy năm đau khổ sinh ra từ một ngày cuối tuần yêu đương và yên bình.”

“Chị đã tới Woodstock?”

“Ừm. Tôi đã bỏ bốn trường đại học khác nhau và kết bạn với nhóm người vẫn hay đi quanh New England để mua quần áo cũ về bán ở New York. Chúng tôi đã nghe nói về một đại nhạc hội miễn phí cách không xa chỗ chúng tôi đang lũng súc những căn gác mái nhà người ta để thu mua những chiếc áo sơ mi Hawaii. Đây không phải là chuyện mà tôi có thể kể với bất kỳ ai.”

“Chị đã thực sự ở đó à? Chị đã đến đại nhạc hội sao?”

“Điều đó khiến tôi có vẻ hơi giống một thánh tích, đúng không? Như thể cứ đi khắp nơi hỏi chưa có ô tô vậy?”

“Nơi đó trông như thế nào?”

“Lầy lội,” tôi nói. “Chưa bao giờ anh được thấy nhiều bùn như thế. Tôi cảm thấy mình giống như một con lợn vậy. Tôi bị Denny thu hút vì anh ta mang theo một bánh xà phòng Lifebuoy to dùng khi ở bên bờ ao. Sau khi chúng tôi đã cùng nhau rửa ráy, anh ta nói: “Em có muốn biến khỏi đây và đi ăn một cái hamburger trong thị trấn không?” Và tôi hoàn toàn đồng ý. Tôi đã chán ngán những người thu mua quần áo cũ rồi. Ý tôi là, họ coi bản thân họ như những người thần bí, nhưng họ chỉ trả năm đô la cho những góa phụ để mua mớ quần áo và đồ lông thú cũ mà họ sẽ bán với giá hai trăm đô la trong thành phố.”

“Chị đã ở đó,” anh nói trong một giọng kìm nén sự ngạc nhiên. “Chị đã đến đó.”

“Và từ đó cuộc đời tôi đã trở thành một chuỗi thất vọng. Bobby ạ, người ta đã quá thần thánh nó. Đó là một đại nhạc hội. Nó thật bẩn thỉu và đông nghịt. Tôi đã rời khỏi đó trước khi nó diễn ra được một nửa, và ba tháng sau tôi đã lấy một gã hoàn toàn dẽ tiện.”

Tôi đã tô xong màu sơn xanh lên móng chân cái của mình. Rồi tôi nhìn sang Bobby, và thấy sự thay đổi. Mắt anh long lanh và ươn ướt. Anh ngồi, ngھn cổ về phía trước, ngھm tôi với vẻ khao khát.

Tôi nghĩ tôi nhận ra vẻ mặt đó. Đó là kiểu mà đàn ông đôi khi nhìn tôi khi tôi còn trẻ, khi tôi còn duyên dáng và lập di chúc không chỉ lờ loẹt như bây giờ. Đó là một khao khát biểu hiện thấy rõ. Ngay ở đó, trên khuôn mặt của một người đàn ông chưa đến ba mươi.

Đêm đó chúng tôi không ngủ cùng nhau. Mà phải đến tận tuần sau. Nhưng từ đêm đó, khả năng tình dục đã len lỏi vào mối quan hệ vốn chỉ từng là thân thiện và ở mức độ vừa phải giữa chúng tôi. Chúng tôi đã là bạn và giờ đây chúng tôi còn là thứ gì đó khác nữa. Có lúc chúng tôi thấy giận nhau đôi chút, hay trở nên xấu hổ khi ở bên nhau. Khi chúng tôi hết chuyện để nói, dường như chúng tôi để ý đến sự im lặng.

Tuy nhiên, anh sẽ không phải là người khởi xướng. Anh quá ngập ngừng. Anh quá quen với mô hình chị gái – day – em trai giữa chúng tôi. Tôi chưa bao giờ thấy người nào quá trong sáng như thế. Có lẽ đàn ông thời Trung cổ cũng giống như thế này: thận trọng quá mức, sợ cả việc chạm vào tay áo của một người đàn bà. Nếu chuyện đó xảy ra giữa chúng tôi, chính tôi mới là người chủ động.

Tôi làm thế vào một đêm thứ Ba. Tôi không hề tính đến chu kỳ của tôi. Tôi không hay tính toán như thế. Tôi rất thích Bobby. Tôi bị cơ thể anh hấp dẫn chứ không hẳn vì ham hố đến cái nguồn gen di truyền của anh. Điều đó, tôi nghĩ, tôi sẽ tính đến sau.

Chúng tôi đã đi xem phim Thiên định ở Thánh Marks, và việc đó suýt nữa đã khiến tôi đối ý về toàn bộ kế hoạch này. Bobby nói chuyện suốt bộ phim. Anh hỏi tôi liệu người sói có thật không. Anh muốn biết liệu Elaine Stritch là mẹ của Dirk Bogarde hay là bạn gái của anh ta.

Tôi trả lời các câu hỏi của anh, trong bụng thầm nghĩ: “Ồi, Jonathan. Tại sao cậu không phải là một người bình thường?”

Nhưng khi chúng tôi ra khỏi đó, đi bộ về nhà, tôi đã lấy lại được hứng thú của mình. Bobby là một người ngây thơ, phần nào giống như trẻ con. Quả thực anh không thể bị đổ lỗi cho thứ mà anh bị thiếu. New York này không thiếu gì người để đi xem phim cùng. Những đức tính khác mới thật là khó kiếm.

Khi chúng tôi về nhà, tôi mở một cuốn băng cũ của the Stones lên. Tôi châm một điếu cần sa và hỏi Bobby có muốn nhảy không. Đêm đó Jonathan đã đi chơi với bạn trai.

“Nhảy à?” Bobby hỏi. Tôi đưa anh điếu cần sa. Anh hút nó, đứng giữa phòng khách trong chiếc quần jean và chiếc áo phông đen cùng một cái thắt lưng cao bồi với móc khóa hình đầu bò. Tôi sẽ khó mà cảm dỗ nổi anh với vẻ nghiêm túc bình thường. Tôi không thể không cảm thấy mình giống như một cô gái điếm, với đôi mắt kẻ đậm và bộ đồ lót liền mảnh, đang mở cái đĩa kê loách choách để cố tán tỉnh một anh chàng ở nông trại cởi đồ ra.

“Bobby,” tôi nói. “Tôi định hỏi anh một câu thẳng thắn. Anh không phiền chứ?”

“Không. Tôi không ngại đâu.” Anh đưa trả điếu cần sa cho tôi.

“Vậy hãy trả lời thành thực nhé. Anh thích điếm gì ở tôi?”

“Hả?”

“Đừng bắt tôi lặp lại câu hỏi đó. Xấu hổ lắm.”

“Tôi thích điếm gì ở chị à?”

“Anh có, ờ, thích tôi không?”

“Ừm, sao lại không chứ. Chắc chắn rồi.” Tôi đưa lại điếu cần sa và anh rít một hơi dài.

“Bobby, anh đã bao giờ ngủ với đàn bà chưa?”

“Ồ. Ừm, chưa. Thực sự thì chưa.”

“Anh có bao giờ nghĩ rằng anh muốn làm thế không?”

Anh không nói gì. Anh không cử động. The Stones đang hát bài *Ruby Tuesday*. Tôi nói: “Lại đây nào. Hãy bỏ ngay điếu cần sa đó xuống và nhảy với tôi một lát, được không?”

Anh nghe lời, rít thêm một hơi và cho điếu cần sa vào gạt tàn. Tôi mở rộng vòng tay đón anh. Anh bước tới. Tôi cố không cảm thấy mình giống như một con nhện, một sinh vật già nua phàm ăn đang săn tìm cơ thể trơn lì, miễn cưỡng của những chàng thanh niên không được sáng sủa cho lắm. Tôi cố hết sức để vượt qua cảm giác đó.

Chúng tôi đang đưa trong một vòng tròn lỏng lẻo. Anh là một vũ công giỏi, và điều đó trợ giúp cho tôi rất nhiều. Anh không hề vụng về hay lóng ngóng, cơ thể anh không cần đến sự hướng dẫn của cơ thể tôi để theo được nhịp điệu hoặc thực hiện một động tác tiếp theo. Khi khiêu vũ trong tình trạng hơi phê, trong vòng tay nhau, chúng tôi không thấy thư giãn cũng không bị kích động. Khi chúng tôi khiêu vũ, chúng tôi giống như một cặp chị em đang luyện tập cho những việc yêu đương trong tương lai, nhưng cũng thu hút lẫn nhau. Đó là sự cuốn hút, là mặc cảm tội lỗi và buồn rầu trước nỗi vô vọng của sự tiếp xúc bình thường nhưng đầy cảm xúc và hơi nguy hiểm. Chị và em, đang luyện tập.

Người anh tỏa ra một mùi gỗ tươi mới, như những cái vỏ bút chì mới bị gọt. Lưng anh rắn chắc như của một ca sĩ opera. Anh nói: “Khi chị đến đại nhạc hội đó, chị có ở lại đủ lâu để thấy Hendrix không?”

“Hả?”

“Ở Woodstock ấy. Chị có thấy Jimi Hendrix không?”

“Dĩ nhiên là tôi có thấy Jimi. Chúng tôi đã trở thành những người bạn rất tốt. Nào, đến đây với tôi. Tôi nhận thấy sẽ chẳng còn bất cứ cách nào thoải mái và tinh vi để làm điều này nữa.”

Tôi ngừng nhảy và dẫn anh về phòng tôi. Anh không hào hứng lắm nhưng cũng không cưỡng lại. Tôi không bật đèn lên. Tôi đóng cửa và nói: “Anh có hồi hộp không?”

“Có.”

“Đừng hồi hộp. Chỉ để vui thôi mà. Chỉ vì tôi thích anh. Anh chẳng phải lo lắng về bất cứ điều gì trên đời này cả.” Tôi cởi khuy áo anh, và giúp anh lột nó ra qua vai. Vai anh ấm ấm và những sợi lông li ti trên đó cọ vào tay tôi nhồn nhột.

“Hình thể tôi, chị biết đấy, không được đẹp lắm,” anh nói, dù lúc đó tôi đã thấy bộ ngực trần của anh hàng trăm lần.

“Tôi nghĩ anh thật đẹp,” tôi nói. Tôi cởi áo của mình và vút nó trên sàn. Tôi không bao giờ mặc áo lót. Tôi cầm tay anh đặt lên ngực trái tôi.

“Thú thực với anh, chúng quả là dưới mức bình thường,” tôi nói. “Rồi anh sẽ gặp những người đàn bà khác có nhiều điều hay ho hơn ở đây.”

“Tôi không nghĩ đến những người đàn bà khác,” anh nói.

“Anh quá là... anh biết không?”

“Sao cơ?” Anh hỏi.

“Không có gì. Không sao cả. Nào lại đây, hãy cởi nốt đồ đi. Bà già Clare này sẽ dạy anh vài ngón nghề.”

Chúng tôi nhanh chóng cởi nốt chỗ quần áo còn lại, như thể những vị chủ nhà thật sự có thể về bất cứ lúc nào và thấy chúng tôi đang sử dụng nhà của họ. Khi chúng tôi đã khóa thân, tôi lại ôm lấy anh và hôn anh, với nhiều âu lo hơn là đam mê. Hơi thở anh nóng ấm và hơi nặng mùi, nhưng không khó chịu. Đó là hơi thở của một loài ăn thịt.

“Đừng sợ,” tôi nói. “Đây là điều tự nhiên nhất trên đời này. Thậm chí anh có thể thích nó nữa là khác.”

“Tôi rất thích,” anh nói. “Tôi nghĩ vậy.”

Tôi dẫn anh lên giường và đặt anh nằm xuống. Trước đây, tôi chưa bao giờ chủ động hoàn toàn như thế này. Nếu đây là một phần của quá trình lão hóa, thì tôi cũng chẳng mấy quan tâm. Việc chủ động làm tình có vẻ hồi hộp một cách thú vị.

Bobby nằm khóa thân trên giường tôi. Cái ấy của anh mềm mại nằm rạp trên đùi – nó có màu hơi tía, đã cắt bao quy đầu, lớn nhưng không đến mức quá cỡ. Đám lông rối lưa thưa một cách khác thường. Tôi có thể nghe tiếng anh thở.

“Mọi chuyện sẽ ổn thôi, cưng ạ,” tôi nói. “Hãy thả lỏng, tôi sẽ lo liệu mọi thứ.”

Tôi quỳ trên đệm bên cạnh anh, vuốt ve ngực và bụng anh. Anh nhìn lên tôi ngáp ngừng.

“Suyt,” tôi nói. “Đừng làm hết, đừng nghĩ gì hết. Người chị này của anh sẽ xoay xở tốt thôi, hãy nhắm mắt lại nào.”

Anh nhắm mắt. Tôi cúi xuống và dùng lưỡi đá nhẹ vào hai núm vú của anh. Tôi chưa bao giờ làm thế. Anh quá to lớn và chậm chạp. Trước đây tôi thường làm tình với những người mạnh mẽ có ham muốn với tôi, những người theo đuổi tôi vì những nhu cầu mơ hồ của họ. Tôi làm tất cả những gì có thể để giả vờ bình thản như một phụ nữ lớn tuổi. Tế nhị nhất có thể, tôi kiểm tra xem cái ấy của anh đã có dấu hiệu dựng đứng lên chưa.

“Clare,” anh nói. “Clare, tôi không biết liệu...”

“Suyt. Yên nào. Tôi sẽ bảo anh khi nào thì anh được phép nói.”

Tôi hôn dần xuống bụng anh, nắm lấy cái dương vật mềm oặt. Nó giống như một thứ đồ chơi cao su. Tôi cần phải luôn lưu tâm đến tính nhạy cảm của nó. Tôi cho nó vào miệng và từ từ kích thích nó, với sự giúp sức của lưỡi. Tôi mất khá nhiều thời gian. Tôi cù và vuốt ve anh bằng những đầu ngón tay, đưa lưỡi lướt quanh chỗ kín của anh, và nhẹ nhàng véo đùi anh. Tôi buộc mình không được vội vã. Những người đàn ông khác thường có những mong muốn và những cách làm khác mà họ ưa thích. Còn Helene luôn hướng dẫn tôi từng động tác. Chưa từng ai phớt lờ thân mình cho tôi xoay xở như thế này. Tôi ngậm duong vật anh và nghĩ mình giống như con diêm trong một bộ phim. Một con diêm thông minh luôn thực hiện thành công một màn trình diễn xuất sắc. Tôi dùng răng khể rút lông mu anh, dùng lưỡi kích thích đầu dương vật màu tía. Và cuối cùng nó bắt đầu cương cứng lên.

Rồi tôi cho phép mình mạnh tay hơn. Tôi lại cho cái ấy của anh vào miệng và nhịp nhàng lên xuống, lên xuống cho đến khi cổ tôi bắt đầu đau. Tôi vuốt ve dọc theo lồng ngực anh và nhẹ nhàng véo núm vú anh. Tôi có thể cảm thấy hơi thở anh ngày càng dồn dập. Tôi nghe anh khẽ rên rỉ, một tiếng gừ gừ khe khẽ như tiếng kêu của chim bồ câu. Chính tôi cũng cảm thấy kích động. Không phải quá mãnh liệt, mà là một sự rạo rực nhộn nhạo giống như hồi tôi còn con gái, khi lần đầu tiên tôi nghĩ đến những thân hình mạnh mẽ, to lớn, muốn kiểm soát và cưỡng lại nó.

Khi tôi nghĩ anh đã sẵn sàng, tôi nhồm dậy và dang chân anh ra. Vẻ mặt anh khiến tôi ngạc nhiên. Anh xúc động và hoảng hốt, chứ không phải là dễ chịu như tôi nghĩ. Tuy nhiên, tôi vẫn mỉm cười trấn an. Tôi biết đây không phải lúc để làm mất đà. Tôi hỏi: “Sẵn sàng chưa?”

Không chờ câu trả lời, tôi đưa thân mình vào đúng vị trí và nhét cái của anh vào.

Có gì đó không ổn. Khuôn mặt anh quá sống sượng và hoảng sợ. Tuy nhiên, tôi vẫn tiếp tục. Giờ không còn đường quay lại nữa. Tôi không chỉ nghĩ về khoái lạc của riêng mình. Tôi cứ làm thật nhịp nhàng. Tôi thì thầm với anh: “Cung ơ, anh làm tốt lắm. Ôi, đúng rồi. Anh làm rất tuyệt.”

Đó không hẳn là điều tôi muốn nói. Đó chỉ là điều mà tôi nghe thấy bản thân mình nói. Tôi vuốt ve ngực anh. Khuôn mặt anh lăm lăm mồ hôi. Tôi giờ tay ra và gạt một lọn tóc vương trên trán anh.

Và đột nhiên, anh bất ngờ đạt đến khoái cảm. Tôi cũng vậy. Khi xuất tinh, anh phát ra một tiếng rên đau đớn. Như thể anh bị đâm vào tận trong ruột. Đó là một tiếng kêu khủng khiếp, khôn nguôi. Tôi quên mất mình cần phải làm gì, chỉ biết cúi mình xuống, đầu gối vẫn ép vào lồng ngực anh, để chờ tiếng rên chấm dứt. Tiếp đó là một sự im lặng kéo dài, dày đặc. Rồi anh bật khóc, nức nở như một đứa trẻ.

Tôi đưa tay chạm vào mặt anh. Cái ấy của anh vẫn nằm bên trong tôi. Tôi biết chúng tôi đã chìm đắm vào nhau vĩnh viễn, không thể thoát ra được. Giờ đây anh là một bí ẩn. Tôi nằm xuống cạnh anh và an ủi anh. Tôi bảo anh rằng mọi chuyện đều ổn cả. Anh nằng nề vuốt tóc tôi. Anh nói: “Tôi chưa bao giờ. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ làm thế này.”

“Anh đã làm rồi đấy,” tôi thì thầm.

Anh áp ngực anh vào ngực tôi. Tôi có thể cảm thấy những giọt nước mắt âm ỉ của anh. Anh không nói gì nữa. Anh ngủ thiếp đi trên giường tôi và tôi để anh nằm đó, dù tôi không thể ngủ được. Tôi nằm cạnh anh một lúc, hít lấy mùi mồ hôi nồng nồng của anh và tự hỏi thực sự thì tôi

mới làm và trải qua việc gì.

JONATHAN

Đêm mà Arthur, người viết bài phê bình về rạp chiếu phim, vào bệnh viện, tôi đã cùng trao đổi với Erich về chuyện quá khứ. Chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện với nhau về quá khứ của mình, ngoài những chi tiết chung chung nhất về quê quán và đặc trưng của gia đình. Khi chúng tôi ở bên nhau, ý thức lôi theo ký ức trên một sợi dây thừng bị rút ngắn và bất kỳ sự kiện nào đã xảy ra trước đó từ hơn một hay hai ngày đều biến mất hoàn toàn. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau từ một hiện tại tiếp diễn, trong đó sự sâu sắc, nỗi thất vọng và những ước mơ lãng mạn cũ không tồn tại, sự thăng trầm bình thường của cuộc đời lao động có vẻ giống những vở nhạc kịch của Wagner, và những khoảng thời gian khi một ông chủ không đòi hỏi thái quá hay một tài xế taxi không tỏ thái độ thiếu thiện chí là những khoảnh khắc vô cùng êm ái.

Hiện chúng tôi đang ngồi trong căn hộ của Erich với một chai Merlot, ôn lại chuyện cũ. Anh mở đĩa của John Coltrane^[51].

“Tôi biết điều này thật là khó khăn,” tôi nói. “Tôi phải lên tiếng xin lỗi, vì tôi là người đã đòi khơi ra chủ đề này trước.”

“Một chút thôi,” Erich nói. “Chỉ một chút thôi mà, đúng vậy. Tôi không... sẵn sàng lắm về những vấn đề này. Tôi đã phải mất hơn một năm mới tìm được dịp thích hợp để nói cho bác sĩ trị liệu của tôi biết tôi bị đồng tính đấy.”

“Anh không cần phải kể với tôi bất cứ điều gì mà anh đã không nói với bác sĩ trị liệu của anh,” tôi nói. “Tôi chỉ muốn chúng ta, ừm, có một chút ý niệm về quá khứ của nhau. Chỉ cần kể thoáng qua thôi mà.”

Erich đỏ mặt và thốt ra một tiếng cười đau khổ được sinh ra bởi sự lúng túng trong giao tiếp. Trong chùng mực nào đó, anh vẫn còn non nớt. Chiếc sofa giả da khổng lồ mà chúng tôi đang ngồi là món quà bố mẹ anh tặng anh để kỷ niệm ngày anh nhập học trường Luật ở Michigan. Rõ ràng họ đã cho rằng anh sẽ bước vào một cuộc sống với ngôi nhà mười hai phòng và có ván lót dọc chân tường. Nhưng chưa đầy một năm sau, anh đã bỏ trường Luật để theo đuổi sự nghiệp diễn xuất ở New York. Hiện giờ bố mẹ anh đã không còn ngó ngàng gì đến anh nữa, và chiếc sofa nằm chềnh ềnh trong căn hộ của anh như một chiếc canô neo ở bể bơi.

“Chỉ một vài ý thôi”, tôi thêm vào. “Không cần phải thú nhận điều gì đáng xấu hổ đâu.”

“Tôi biết,” anh nói. “Quả thực tôi cũng không hiểu sao mình lại quá ngần ngại về những vấn đề như thế này. Tôi không hiểu nổi. Tôi vẫn luôn là mẫu người, anh biết đấy, hay lắng nghe người khác hơn. Tôi nghĩ đó là thói quen mà tôi có được do việc đứng phục vụ ở quầy bar.”

“Tôi sẽ bắt đầu vậy,” tôi nói. Và trong gần một giờ chúng tôi đã gọi lại tất cả những chuyện tản mạn cũ của chúng tôi, những vấn đề cả tốt lẫn xấu, mà chúng tôi cuộc sống ngỡ rằng chúng đã lùi quá xa vào quá khứ và giờ không còn ảnh hưởng đến chúng tôi nữa.

Dường như chúng tôi đều không liều lĩnh lắm. Cả hai chúng tôi đều không phải là những kẻ tham lam. Chúng tôi không tham gia vào những cuộc gặp gỡ bí mật. Chúng tôi chưa bao giờ làm tình với mười người lạ khác nhau trong cùng một đêm ở nhà tắm công cộng, hay trả tiền theo giờ cho những anh chàng mảnh mai, thô bạo trong khu phố Bốn mươi Tây. Nhưng chúng tôi đã từng về nhà với cả một trung đội người lạ. Chúng tôi đều hẹn hò với những người đàn ông trong các quán bar hay ở các bữa tiệc, chúng tôi đã ngủ với bạn của những người bạn đến chơi từ San Francisco hoặc Vancouver hay Laguna Beach. Chúng tôi đều mơ hồ hy vọng có thể yêu được ai đó nhưng cũng không mấy bận tâm về nó, vì chúng tôi nghĩ chúng tôi còn nhiều thời gian. Tình yêu là thứ có vẻ mang tính kết thúc, quá tẻ nhạt – nó là thứ đã hủy hoại bố mẹ chúng tôi. Tình yêu đã dẫn họ đến với một cuộc sống gồm những khoản tiền nợ thế chấp phải trả tiền và việc sửa chữa nhà cửa, đến những công việc vô vị và những dãy hàng sáng ánh đèn huỳnh quang của một siêu thị lúc hai giờ chiều. Chúng tôi đã mong đợi một tình yêu kiểu khác, một tình yêu có thể hiểu và tha thứ được cho những nhược điểm con người của chúng tôi,

nhưng cũng không khiến cho chúng tôi thấy tự ti. Có vẻ nó là một điều khả thi. Nếu chúng tôi không vội vã hay bộp chộp, nếu chúng tôi không hoang mang, một tình yêu vừa mang tính thử thách vừa mang tính khuyến khích có thể xuất hiện. Nếu tôi có thể tưởng tượng ra con người đó, thì người đó cũng có thể tồn tại. Và rằng mình đang sống ở thuở ban đầu của một thời đại trác táng mới, trong đó đàn ông và đàn bà có thể trả lời không do dự về những sở thích vô hại về xác thịt. Tôi từng lựa chọn bất cứ ai: tôi đã làm tình với một cậu chàng thô sáo ngốc nghếch mà tôi gặp ở công viên Quảng trường Washington, với một ông già người Pháp mặc áo khoác cashmere màu tía mà tôi gặp khi đang đi tàu điện ngầm IRT lên khu phố trên, và gặp một cặp bác sĩ thân thiện muốn làm ngọt ngào thêm sự hòa hợp của họ bằng cách thỉnh thoảng nhờ đến một người thứ ba. Ở độ tuổi hai mươi, tôi đã thấy mình giống như một nhân vật tình quái, bất trị, thông minh và nhanh nhẹn. Tôi đã hình dung ra cảnh những ngôi nhà đứng đắn và những ngày tháng khô khan của Ohio cứ dần trôi xa với mỗi cuộc phiêu lưu mới.

Erich và tôi không liệt kê ra từng trường hợp một. Chúng tôi không quá lãnh đạm như thế. Chúng tôi chỉ nêu ra những điểm nổi bật, nhưng nhấn mạnh thật rõ ràng – một cách vui vẻ – vào những khoái lạc chúng tôi đã tự phủ nhận. Cầm ly rượu bằng ngón tay dài, Erich cau mày nói: “Tôi chưa bao giờ quan tâm nhiều đến việc làm tình với những người lạ. Chưa bao giờ. Tôi đã gặp khá nhiều đàn ông làm việc trong các quán bar, và tôi, anh biết đấy, về nhà với vài người trong số họ, nhưng thực sự tôi chưa bao giờ thực hiện việc đó cho trọn vẹn. Tôi cũng đã thử đến các nhà tắm, nhưng chúng chỉ làm tôi thấy sợ. Tôi chỉ vào tắm hơi rồi đi về nhà.” Sau một lúc ngừng, anh nói thêm: “Để thủ dâm” và cười đau khổ, trán anh gần như tím tái đi.

Dù ngồi cùng nhau trong chiếc sofa khổng lồ đó, nhưng chúng tôi không chạm vào nhau. Mỗi người chiếm lấy một quãng sáng riêng cho mình. Sự dè dặt này là tiêu chuẩn của chúng tôi, được thể hiện một cách rõ rệt khi chúng tôi nói chuyện về những mối tình mà chúng tôi cầu mong chúng sẽ không biến thành tai họa. Trong những lúc bình thường, chúng tôi luôn duy trì một khoảng cách với nhau. Bất cứ ai trông thấy chúng tôi đi trên phố cùng nhau cũng có thể cho rằng chúng tôi là những người bạn chung phòng hồi học đại học, tuy đang dần xa cách nhưng vẫn không chịu chính thức tuyên bố rằng mối thân tình trước đây giữa chúng tôi đã hết. Chỉ những khi ở nhà, cùng khóa thân, chúng tôi mới trở nên thân mật. Trên giàn âm thanh, Coltrane đang chơi bản A love supreme.

“Điều nực cười là,” tôi nói, “tôi thường thấy có lỗi vì đã không mạo hiểm hơn. Tôi thường nghe những người đàn ông khác nói về việc họ thay đổi bạn tình bốn lần trong một đêm như thế nào và tôi đã nghĩ: “Mình là kẻ đồng tính kiêu căng nhất từ trước tới giờ.” Ý tôi là, đối với hầu hết những anh chàng mà tôi đi cùng, tôi biết có thể tôi sẽ không bao giờ gặp lại họ. Nhưng tôi luôn cảm thấy rằng có lẽ tôi muốn gặp họ lần nữa, như thể trong chừng mực nào đó chúng tôi có thể yêu nhau. Dù chúng tôi chưa bao giờ như thế.”

Erich nhìn vào ly rượu vang của mình và lẩm bẫm gì đó.

“Hả?”

Anh nói: “Ừm, anh có nghĩ rằng chúng ta, anh biết đấy, đang yêu nhau không?”

Tôi chưa từng thấy ai bẽn lèn như thế. Mặt anh đỏ bừng lên, và ly rượu vang của anh sáng sủa.

Tôi tin rằng tôi biết anh muốn gì. Anh muốn được yêu. Cuộc sống quả thật khủng khiếp. Danh tiếng vẫn từ chối không đến với anh bất chấp những nỗ lực liên tục của anh, và cái tương lai mà chúng tôi đang kỳ vọng có thể bị sụp đổ bất cứ lúc nào bởi một cơn ho dai dẳng, hay một vết hoa găm tim tím trên ống chân.

“Không,” tôi nói. “Tôi thích anh. Nhưng không phải là yêu.”

Anh gật đầu. Anh không nói gì.

“Anh yêu tôi à?” Tôi hỏi, dù đã biết câu trả lời. Anh chỉ khao khát muốn yêu ai đó. Tôi là kẻ phù hợp với những yêu cầu căn bản về tuổi tác, chiều cao và cân nặng. Nhưng anh không khao khát bản thân tôi. Không hẳn.

Anh lắc đầu. Chúng tôi ngồi một lúc trong im lặng, rồi tôi giơ tay ra và cầm lấy tay anh. Tôi

phải tỏ ra dịu dàng với anh vì tôi ghét anh, vì tôi muốn quát mắng anh bởi anh chỉ là một người bình thường, bởi anh không thể thay đổi cuộc sống của tôi. Tôi cũng cảm thấy sợ nữa. Tôi cũng muốn yêu. Tôi vuốt ve bàn tay Erich. Chiếc máy quay đĩa, được đặt ở chế độ lặp lại, bắt đầu phát lại đĩa hát của Coltrane. Erich định cười, nhưng đành nén lại với một hớp rượu dài.

Đáng ra tôi phải giết anh, dù tội lỗi duy nhất của anh chỉ là thiếu tập trung và kém nhanh nhạy. Đáng ra tôi phải dùng đĩa xiên vào trái tim anh vì anh là một kẻ kém cỏi, bị hoàn cảnh xô đẩy đến với một vai diễn mà anh chưa đủ trình độ để thực hiện. Tôi không thể phủ nhận rằng: tôi nghĩ mình xứng đáng có được nhiều hơn thế.

Chúng tôi đứng dậy và đi lên giường mà không nói năng gì. Đó là việc làm tự nguyện duy nhất của chúng tôi – thường thì chúng tôi hay giải thích cho những hành động đơn giản nhất bằng quá nhiều chi tiết. Những đêm đó chúng tôi chỉ cầm lấy ly rượu, không nói năng gì mà đi lên giường của anh, cởi quần áo và nằm xuống, trong vòng tay nhau.

“Đây là những thời điểm đáng sợ,” tôi nói.

“Đúng. Đúng như vậy.”

Chúng tôi nằm một lúc mà không bàn luận gì về lần làm tình gần đây nhất của chúng tôi – về việc chúng tôi không hề dùng đến những biện pháp đề phòng. Giờ có muốn bảo vệ bản thân khỏi người kia thì cũng đã quá muộn. Chẳng có sự giải thích nào có lý hơn việc ngay từ bốn năm về trước, khi chúng tôi gặp nhau, căn bệnh có vẻ chỉ xảy ra với những loại người khác. Dĩ nhiên chúng tôi đã biết về nó. Dĩ nhiên chúng tôi đã sợ. Nhưng không người quen nào của chúng tôi bị mắc bệnh đó cả. Chúng tôi đã cố tin rằng nó chỉ xảy ra với những người đàn ông có máu loãng bởi dùng quá nhiều ma túy, hay những người ngủ với một tá người khác nhau mỗi đêm. Erich có một bộ sưu tập những đĩa nhạc hay, và những bức ảnh đóng khung của những người anh chị em gầy gò đang đứng tạo dáng bên hồ, trong một căn phòng khách trang trí giấy dán tường, và bên cạnh một chiếc xe Camaro đỏ hào nhoáng. Anh kể về những lần đi thử vai, và nhắc đến việc tìm kiếm một công việc tốt hơn. Anh có vẻ quá bận rộn, chưa sẵn sàng đón nhận một cái chết sớm. Tôi không thể biết được anh giải quyết ra sao với cái phương trình đó trong đầu, vì đây có vẻ không phải là một cuộc trò chuyện mà chúng tôi có thể kéo dài. Thay vào đó, chúng tôi ôm nhau thật lâu trong im lặng. Rồi, với một sự hấp dẫn mới, chúng tôi làm tình khi đĩa của Coltrane cứ lặp đi lặp lại.

Vài ngày sau, Bobby kể cho tôi nghe về chuyện của cậu và Clare. Trước đó, tôi đã đến thăm Arthur ở bệnh viện. Bệnh viêm phổi của anh đang đỡ nhiều – anh đã tỏ ra lạc quan về tương lai, và tin chắc rằng việc ngừng uống rượu và chấp nhận một chế độ ăn lành mạnh sẽ cải thiện hoàn toàn sức khỏe của anh. Mặc dù vẫn còn có việc quan trọng cần làm ở văn phòng, nhưng tôi cũng chẳng thiết tha gì đến nó. Thay vào đó tôi đi về nhà, để dành buổi tối hôm đó với Bobby và Clare.

Khi tôi về, họ đang cùng nhau nấu bữa tối trong bếp. Căn bếp của chúng tôi chỉ bé bằng cái bột điện thoại công cộng, khó mà vừa chỗ cho hai người, nhưng không hiểu sao họ vẫn lèn vào được. Từ phòng khách, tôi nghe thấy tiếng cười của Clare. Bobby nói: “Em phải, ờ, dịch mông sang một chút nếu không anh không thể lấy cái này ra khỏi lò được.”

Tôi gọi: “Chào các cưng.”

“Jonathan,” Clare nói với giọng vui vẻ, thánh thót. “Ôi, Chúa ơi, cậu ấy về rồi.”

Có vẻ họ đã cùng cố chen nhau để ra khỏi bếp một lúc, và bị mắc kẹt. Tôi lại nghe thấy tiếng cười, và một tiếng làu bàu của Bobby. Clare vào phòng khách trước. Chị mặc cái áo bowling màu vàng, với một chuỗi hạt thủy tinh màu đỏ. Bobby theo sau, mặc áo phông và quần jean màu đen.

“Chào cưng,” Clare nói. “Ngạc nhiên quá. Tòa soạn bị thiêu trụi rồi à?”

“Không, chỉ vì em nhớ hai người thôi. Đêm nay em muốn nghỉ ngơi. Hai người muốn đi chơi bowling hay thứ gì đó không?”

Clare hôn lên má tôi, Bobby cũng làm thế.

“Bọn mình đang làm, ờ, thịt gà và bánh quy,” cậu nói.

“Không hề giống với những gì mà các bà mẹ của chúng ta làm,” Clare thêm vào. “Tôi không biết chỗ cậu thể nào, chứ ở quê tôi, chúng tôi chỉ mua đồ ăn sẵn khi nấu nướng ở nhà. Món thịt gà với nước sốt kem có vẻ được coi là quá kỳ cục và xa lạ.”

“Mẹ của Jon là một đầu bếp tuyệt vời,” Bobby bảo chị. “Bà không bao giờ mua, em biết đấy, đồ đông lạnh. Hay đồ hộp cả.”

“Phải,” Clare nói. “Và bà hãy tự lặn xuống biển để mò tìm ngọc trai và tự bẫy những con chồn vizon cho mình. Jonathan, cưng ời, cậu muốn uống cocktail không?”

“Có chứ,” tôi nói. “Chúng ta làm một bình martini nhé?”

Dạo này chúng tôi bắt đầu thích uống martini. Chúng tôi đã mua ba chiếc ly, và cất những hộp ôliu xanh trong tủ lạnh.

“Tuyệt,” Bobby nói. “Chúng ta có thể, ừm, uống mừng.”

“Cậu hiểu mình đấy. Mình sẽ uống mừng cho bất cứ điều gì. Có phải là ngày Guy Fawkes[\[52\]](#) hay ngày gì nhỉ?”

“Ờ,” Bobby nói. Cậu cười với vẻ bối rối thực sự.

“Có gì đó đặc biệt hơn cần được uống mừng hay sao?” Tôi hỏi.

“Tôi sẽ đi làm Martini,” Clare nói. “Hai người đợi ở đây nhé?”

Chị trở lại bếp. “Sao thế, anh bạn?” Tôi hỏi Bobby khi chỉ còn lại hai người chúng tôi.

Cậu vẫn cứ cười và nhìn xuống sàn nhà như thể cậu trông thấy những bí mật được in trên thảm. Bobby không có khả năng giấu giếm điều gì. Cậu có thể không trả lời một câu hỏi, nhưng không thể nói dối. Tôi không biết liệu đó có là do sự trung thực hay chỉ đơn giản là do cậu thiếu khả năng tưởng tượng. Đôi khi hai thứ đó quá gần gũi đến nỗi không thể nào phân biệt nổi.

“Jonny,” cậu nói. “Clare và mình...”

“Clare và cậu làm sao?”

“Bọn mình đã bắt đầu... bọn mình đã... Cậu biết đấy.”

“Không. Mình có biết đâu.”

“Có, cậu biết mà.”

“Ý cậu là hai người đã ngủ với nhau?” Tôi nói.

Cậu ngược mắt lên, nhưng không thể nhìn vào mắt tôi. Cậu cười nhả nhỏ, với niềm vui bị kìm nén thấy rõ, như thể cậu đang đợi tôi nhận ra là tôi đã quên mặc quần.

“Ừm,” một lúc sau cậu nói. “Ôi, Jonny. Bọn mình, ờ, đang yêu. Ngạc nhiên không?”

“Có. Thực là ngạc nhiên.”

Tôi đã không nghĩ rằng giọng mình lại lạnh lùng và tức tối như thế. Tôi đã định đáp lại với giọng dứt khoát nhưng thân mật – để bày tỏ thái độ của mình trước chuyện tình vô lý này. Khi nghe thấy giọng nói của tôi, Bobby nhìn tôi ngần ngại, nụ cười của cậu nhạt dần.

“Jon,” cậu nói. “Bây giờ bọn , ờ, đã là một gia đình thực sự rồi.”

“Gì cơ?”

“Ba người chúng ta. Chúa ơi, cậu không thấy điều đó tuyệt vời thế nào sao? Ý mình là, ờ, giờ thì cả ba người chúng ta đều đang yêu.”

Clare bước ra với chiếc khay đựng những ly martini vốn đã trở thành một phần trong nghi thức uống cocktail của chúng tôi. Cái khay đó là một món đồ lưu niệm cũ mếu mọ của Nam California, có hình những quả cam giấy bìa carton và những người đẹp đang thơ thẩn đi dạo trên một bãi biển màu xanh ngọc với vẻ mặt thần thờ, thất vọng.

“Anh đã kể với cậu ấy rồi,” Bobby tự hào nói.

“Vậy là anh đã làm như anh nói.” Chị nhìn tôi với vẻ vừa giấu cợt vừa ngần ngại. “Của cậu đây,

Jonathan. Uống đi nào.”

“Thật không?” Tôi hỏi chị.

“Về chuyện giữa Bobby và tôi à? Thật. Tôi nghĩ bọn tôi đang tuyên bố chính thức đây.”

Bobby cầm lấy một chiếc ly trên khay và nâng lên. “Vì gia đình chúng ta,” cậu nói.

“Ôi, thực sự thì, Bobby,” Clare nói. “Vì Chúa. Anh và em đang ngủ cùng nhau.” Chị quay sang tôi và nói: “Tôi và anh ấy đã ngủ cùng nhau.”

Tôi hớp một ngụm martini của mình. Tôi biết tôi cần phải có cảm giác như thế nào: hân hoan trước thói quen xuất hiện bất ngờ của tình yêu và khả năng làm thay đổi những điều thường nhật của nó. Thay vào đó, tôi lại cảm thấy lạnh nhạt và trống rỗng, như cát đang rơi xuống hố cát. Tôi cố tạo ra sự vui vẻ cần thiết. Tôi nghĩ nếu tôi giả vờ đủ khéo, tôi có thể bù lại cho sự lạnh nhạt ban nãy.

“Không thể tin được,” tôi nói. “Chuyện này diễn ra bao lâu rồi? Đó là tên một bài hát, đúng không? Một trong những rắc rối của tình yêu là, ta không thể nhắc đến nó mà không cảm thấy như mình đang liên tưởng đến những bài hát cũ.”

“Mới được vài ngày,” Clare nói. “Chúng vẫn muốn nói với cậu về chuyện này, nhưng có vẻ đây là điều không nên đưa ra trong những cuộc trò chuyện thông thường.”

Tôi gật đầu và trừng trừng nhìn chị. Không ai trong chúng tôi tin vào những gì chị vừa nói. Chúng tôi đều biết rằng chị và Bobby, dù có cố tình hay không, đã giấu giếm tình yêu của họ với tôi vì họ nghĩ họ có lý do để giấu nó.

“Nếu bây giờ chúng ta có con thì sao nhỉ?” Bobby nói. “Cả ba người chúng ta ấy.”

“Bobby,” Clare nói, “làm ơn im đi. Xin hãy ngậm miệng lại.”

“Hai người vẫn muốn có con mà, đúng không? Hai người đang bàn về việc đó còn gì. Nếu ba người chúng ta có một đứa con thì sao nhỉ? Hay là nhiều hơn?”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói. “Hãy sinh sáu đứa đi. Chấn nửa tá.”

“Hãy xem liệu đến Giáng sinh chúng ta có còn chịu đựng được nhau không đã,” Clare nói.

“Chà, chúc mừng cặp đôi hạnh phúc,” tôi nói, nâng ly lên.

Chúng tôi cùng uống mừng cho cặp đôi hạnh phúc. Tôi nói: “Mình chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này. Giờ thì rõ ràng nó đã xảy ra rồi. Nhưng thực sự thì, Bobby à, khi cậu đến đây, mình không bao giờ nghĩ rằng cậu và Clare...”

“Tôi cũng chưa bao giờ nghĩ thế,” Clare nói.

“Tốt hơn là hãy kể cho mình nghe nó xảy ra như thế nào,” tôi nói. “Mọi chi tiết, dù là riêng tư nhất.”

Chúng tôi cạn ly và uống thêm một lượt nữa, khi Clare kể chuyện, còn Bobby thỉnh thoảng chêm vào những lời thanh minh qua quýt. Không như Bobby, Clare có thể khéo léo thêm thắt vào câu chuyện đến nỗi đôi khi chị quên mất ranh giới giữa những lời cường điệu và cái sự thật chẳng có gì kịch tính. Chị không phải là kẻ vụ lợi. Trái lại, chị chỉ chọn cách mô tả mình một cách chân thực nhất. Chị thường xuất hiện trong những câu chuyện của mình như một nhân vật hơi kỳ cục, ngây thơ, dễ bị mắng mỏ như Lucy Ricardo[53] và hay gặp rủi ro, tận tụy đến mù quáng như gã ngốc trong phim *Con đường*. Chị luôn cường điệu sự thật – những lời nói dối với chị là những lời phóng đại, chứ không phải bịa đặt. Chị tả lại cuộc đời mình trong một thế giới kỳ dị, khôi hài, tuy thích hợp với chị nhưng vẫn tồn tại ở một khoảng cách sâu thẳm so với thế giới nội tâm chứa đầy những ký ức về sự bạo hành và một ký ức hoang mang về những khả năng bị giới hạn của chị.

Clare nói: “Về cơ bản. Mẹ đã quyết định dạy cho Junio một bài học về cuộc đời. Và, ừm, tôi nghĩ rằng Mẹ cũng hơi mất tự chủ một chút. Tôi không biết những cô gái cùng chơi bowling với tôi sẽ nói gì về chuyện này.”

“Họ sẽ không thích đâu,” tôi nói. “Có lẽ họ sẽ bắt chị phải treo giày đấy.”

“Ôi, chú Jonny. Tôi đã ngoan quá lâu rồi. Tôi nghĩ có thể tôi đã không chịu được thêm nữa.”

“Chà, ông chú này không nói gì được nữa rồi. Ngạc nhiên quá.”

“Đúng vậy,” chị nói.

Với sự vui vẻ quá đỗi, Bobby đưa tay ra nhéo khuỷu tay trần của chị. Những đầu ngón tay cậu in dấu mờ mờ trên cánh tay mịn màng đó. Tôi bỗng nghĩ đến một hình hoặc của họ khi về già: Clare, một bà già lập dị, phê ma túy, đội một cái mũ kỳ cục và trang điểm quá đậm, đang kể chi tiết về chuyện tình của mình, trong khi Bobby, hói đầu và bụng phệ, ngồi bần lên bên cạnh, lẩm bẩm: “Ôi, Clare.” Bản thân chúng tôi sẽ trở thành những câu chuyện để chúng tôi có thể kể cho nhau nghe.

“Tôi nghĩ đây chính là kết thúc của gia đình Henderson mà chúng ta vẫn biết,” chị nói.

“Đúng, em cũng nghĩ thế.”

Một trạng thái ngại ngùng bỗng dưng ập đến, khiến chúng tôi cứ đứng như thế một lúc, như thể chúng tôi là những bị khách bị một người bạn chung bỏ lại bên nhau. Bobby nói: “Bữa tối sắp xong rồi đấy. Cậu có muốn, ờ, ăn gì đó không?”

Tôi nói là tôi cũng đã thấy đói, vì ngoài việc ăn thì tôi cũng chẳng biết phải làm gì tiếp theo. Đầu tôi có vẻ trôi nổi đâu đó phía trên cơ thể. Vì rượu gin đã ngấm nên tôi cảm thấy những cảm xúc của mình giống như sóng radio được cái đầu đã lìa khỏi thể xác đó phát ra. Tôi thấy tức giận và ghen tỵ. Tôi muốn Bobby. Mặt khác, tôi cũng muốn Clare.

Chúng tôi ăn tối, và nói về những chuyện linh tính khác. Sau bữa ăn, chúng tôi đi xem phim *Những tên trộm như chúng ta ở rạp Thalia*. Trong mấy năm qua, Clare và tôi đã xem bộ phim đó vài lần, nhưng chị cứ nhất định đòi Bobby cũng phải xem. “Nếu đột nhiên chúng ta là một thứ gì đó,” chị nói, “tôi muốn ít nhất anh ấy cũng phải xem vài bộ phim cơ bản.” Trong suốt buổi chiếu, chị thủ thỉ với cậu và nhấn mạnh những ý kiến của mình bằng cách nhéo vào đầu gối cậu. Chị đã sơn móng tay màu hồng rực, nó ánh lên ngay cả trong bóng tối của rạp chiếu phim.

Tôi từ chối đi uống rượu sau khi xem xong phim, dù chúng tôi đã hình thành thói quen kết thúc những buổi tối bên nhau ở một quán bar, bất kể lúc đó đã muộn thế nào. Clare sờ tay lên trán tôi và hỏi: “Cung ồm à?” Tôi bảo rằng không, tôi chỉ thấy mệt và sẽ phải có mặt ở văn phòng vào sáng sớm mai để làm bù những việc mà tôi chưa làm tối nay. Bobby và Clare nói họ sẽ về nhà với tôi, nhưng tôi bảo họ cứ đi uống một mình. Tôi hôn cả hai người. Khi tôi về nhà, bầu trời quá trong trẻo và lạnh giá. Chòm Đại Hùng Tinh hiện lên rõ rệt qua những ánh đèn của Manhattan, nằm chênh chếch phía trên mái của trường Cooper Union. Không gian lạnh lẽo rạng rỡ quanh những ánh đèn cửa sổ. Ngay cả trong một đêm như thế, những cậu bé có đôi mắt đờ đẫn vẫn đi trên phố với những chiếc radio hình chữ nhật màu đen, tiếng nhạc của chúng bị loãng đi trong cái lạnh.

Về đến nhà, tôi cuộn chiếc túi ngủ của Bobby lên và cất vào tủ. Tôi biết rằng, từ giờ, cậu sẽ ngủ ở phòng của Clare. Tôi tự làm cho mình thêm một ly martini để uống trước khi ngủ. Tuyết bắt đầu lấp lánh rơi, những bông tuyết lả lướt trông chẳng khác gì không khí bị nén thành những viên màu xám. Tôi uống martini trong phòng mình, và hình dung ra cảnh Bobby và Clare đang bắt đầu xây dựng một tương lai cùng nhau. Họ là một cặp không hợp nhau lắm. Có lẽ họ sẽ cùng nhau chạm đến giới hạn của sự khác thường, và chuyện tình của họ sẽ chỉ còn là dĩ vãng. Nhưng có thể, chỉ là có thể, mọi chuyện sẽ không như thế. Nếu họ vẫn ở bên nhau, do sự hấp dẫn kết hợp với tính cố chấp và may mắn rõ rệt, họ sẽ có được một tổ ấm. Có lẽ họ sẽ có con. Họ sẽ có những công việc bình thường và thấy mình đẩy một cái xe hàng qua các dãy hàng sáng ánh đèn huỳnh quang của một siêu thị. Họ sẽ có tất cả những điều tương tự như thế.

ALICE

Ned và tôi đã chuyển khỏi ngôi nhà thân thuộc mà chúng tôi tự dựng lên cho mình để đến sống trong một ngôi nhà mới ở sa mạc Arizona, theo những yêu cầu của bác sĩ. Chúng tôi đã mua một căn hộ chung cư có diện tích chưa bằng một nửa ngôi nhà cũ, trong một tổ hợp không

thỏa mãn sự mong đợi của những người chủ công trình. Gần một nửa số căn hộ vẫn còn trống không sau ba năm được xây xong, và những chuỗi cờ đuôi nheo nhiều màu sắc, một vài cái đã rách, vẫn lờ lợet kết thành dây hoa ở các cổng vào. Những tòa nhà được trang trí như những ngôi làng của người Da đỏ, những bức tường bê tông lốm đốm màu bùn đỏ và có những đầu cọc nhô ra bên trên những ô cửa sổ khung nhôm. Chúng tôi có thể dễ dàng mua được một căn hộ một phòng ngủ, dù túi tiền của chúng tôi hơi eo hẹp. Căn nhà và rạp chiếu phim không bán được nhiều tiền.

“Hacienda Glover,” Ned gọi nó thế. Và, khi tâm trạng u ám hơn, anh gọi nó là “Con đường Thuốc lá, 1987.”

Anh không cho phép bản thân bộc lộ nhiều vẻ buồn rầu hay bi quan. Có lẽ anh không thể làm thế. Những cảm xúc được anh thể hiện ra chỉ biến thiên từ sự chấp nhận miễn cưỡng đến sự bất đồng ôn hòa, và khi tôi già biệt căn bếp ở Cleveland và cây lê trong sân sau, tôi nhận ra rằng tôi đã luôn có ý định, một cách mơ hồ, rời bỏ anh. Hay, đúng hơn thì, tôi đã nuôi ý định một ngày nào đó sẽ hưởng thụ cuộc sống nằm ngoài cái hài kịch gia đình êm đềm của chúng tôi, với sự vui vẻ thân mật trong những bữa ăn tối và những giấc ngủ trong lành, không mộng mị. Rắc rối trong một cuộc hôn nhân bình lặng là nó không chịu rạn nứt – sự bất công hay tàn nhẫn không bao giờ tạo nên một khe hở để qua đó bạn có thể thần nhiên bước vào một lối sống khác. Bạn sống trong những chi tiết sau: một căn bếp được sắp xếp theo ý bạn, những quả cà chua chín đỏ trên những cành dây leo mà bạn đã tự tay đóng cọc và buộc chặt. Giờ Ned đang ốm, và buộc phải đến một nơi anh lạ, thế nên tôi không thể tập trung được sự giận dữ hay tính tư lợi cần thiết để bỏ mặc anh đến đó một mình. Khi tôi xếp những con dao vào một cái hộp carton, tôi cứ suy ngẫm về tỷ lệ ly hôn đang gia tăng tại sao lại có quá nhiều người làm được như thế nhỉ? Những bộ phim và những cuốn tiểu thuyết từ thời thơ ấu không chuẩn bị đầy đủ cho vài người trong số chúng tôi những ấn tượng về gia đình tương lai của mình, chúng tôi không được báo trước về sức quyến rũ của những ô cửa sổ phòng khách quay mặt về hướng nam, hay những bông thực quỳ ment heo một bộ cửa ra vào kiểu Pháp.

Và giờ đây, Ned và tôi đang tháo rời nó, như thế đó, vì phổi anh không thể chịu được không khí Ohio ẩm ướt. Không ngờ việc này lại khá dễ dàng. Chúng tôi kê khai tài sản với một phụ nữ trang điểm đậm và mặc quần kiểu võ sĩ đấu bò. Cô ta mất chưa đầy một tháng để bán nó với giá phải chăng cho một cặp lập trình viên máy tính còn trẻ, sẵn sàng đầu cơ vào một khu vực không biết là trong tương lai có phát triển hay không. Rạp chiếu phim sẽ bị phá dỡ để làm khu đỗ xe. Chưa đầy tám tháng sau lời khuyên của bác sĩ, chúng tôi đã đến sống ở một nơi mà tôi thậm chí còn chưa bao giờ nghĩ là sẽ tới thăm.

Sa mạc có một vẻ đẹp thật hoang dã, với sự kết hợp kỳ cục giữa vẻ trống vắng và tầm quan trọng cùng bầu trời nóng nực cao vợi vợi. Từ lúc đóng bản giao kèo cho đến ngày chúng tôi dọn đến đây, cây xương rồng trước căn hộ của chúng tôi đã nở một bông hoa màu ngà duy nhất, như thể nó đang đợi một cái mũ ngông cuồng. Vài điều định mệnh quá thực vô cùng khó chịu. Vì thế, tốt hơn là chúng ta nên tránh khỏi chúng. Ned và tôi bắt tay vào sắp xếp những căn phòng nhỏ bé sơn màu trắng, treo những tấm rèm và móc những cái xoong chảo bằng đồng lên tường bếp mới, nơi chúng sáng bóng lên trong ánh nắng sa mạc. Tôi nhận ra nơi này sẽ không bao giờ mang vẻ quen thuộc. Thực sự nó đang cố khoắc lấy cái đặc tính đó ngay khi chúng tôi bàn bạc về việc sắp xếp bàn ghế và tranh ảnh. Ned thân mật ôm tôi khi chúng tôi ngừng tay. Anh giữ lấy vai tôi một cách dịu dàng, chắc chắn như anh đã từng làm hồi còn là người đàn ông hai mươi sáu tuổi, khi tôi chui vào trong chiếc xe mui trần cùng anh và được anh đưa đến nhánh sông Louisiana. Anh nói: “Sẽ không tệ lắm đâu. Em nghĩ sao, bé con?”

Tôi bảo anh rằng rồi mọi chuyện sẽ ổn, và tôi cảm thấy đó không phải là một lời nói dối. Chúng tôi là những sinh vật dễ thích nghi. Đó là nguồn gốc cho sự thoải mái trên đời này và, tôi cho rằng, cả cơn thịnh nộ âm thầm của chúng tôi nữa. Ned ôm tôi ở nơi sẽ là căn phòng khách mới. Những chiếc rèm quen thuộc đã được vén lên, và ngoài kia là một phong cảnh hoang vắng đáng yêu mà một lũ khách không được bảo vệ sẽ không thể chịu nổi quá một ngày.

JONATHAN

Tôi thấy có gì đó không ổn. Tôi cảm thấy mình như đang tách biệt dần với vạn vật xung quanh, và tôi lo rằng đó có thể là một dấu hiệu sớm của bệnh tật. Ban đầu, bạn cảm thấy lơ lửng như thể những giờ phút không làm nên một ngày và sự hiện diện của bạn – trong một chiếc máy bay hay trên đường phố - không ảnh hưởng gì đến ngoại cảnh như thường lệ. Rồi đến những vết thâm tím và những cơn sốt, một cơn ho cứ dai dẳng không dứt. Có lẽ đây là cách để cái chết thông báo về sự xuất hiện của nó, nó sẽ khiến bạn không còn ý thức được những gì bạn đang làm.

Máy bay cất cánh, xuyên qua những đám mây trắng để vươn tới một bầu trời trong xanh như những ý niệm nghiêm túc nhất về phần thưởng từ thiên đường. Tôi ngồi trầm tư, bay qua mặt đất trong trạng thái bất đồng, gần như bị ru ngủ - gần giống như lúc đi xem phim. Tôi thấy mình, một người đàn ông hai mươi bảy tuổi, bị ràng buộc vào một sự hỗn loạn được đoán trước, đang rót rượu Scotch vào một cái cốc nhựa trong, trên đường đến thăm bố mẹ anh ta trong một căn nhà mà anh ta chưa bao giờ thấy.

Ở Arizona, lần đầu tiên, bố tôi nói với tôi về cái chết. Một vị bác sĩ khác đã chứng thực căn bệnh của ông – bệnh khí thũng – nhưng khẳng định rằng nếu cẩn thận đề phòng thì ông vẫn có thể sống thêm ba mươi năm nữa. Tuy nhiên, cũng đã đến lúc nói về một số việc.

Điều bố tôi nói là: “Con trai, khi chuyện đó xảy ra, hãy chôn bố ở bất cứ nơi nào con muốn.” Ông và tôi đang ngồi ở bàn ăn, nơi chúng tôi vẫn đang chơi trò Yahtzee trong khi mẹ tôi nấu bữa tối.

“Thực sự thì việc đó cũng chẳng ảnh hưởng gì đến bố,” ông nói thêm. “Lúc đó bố đã chết rồi mà.”

“Con không biết đâu,” tôi nói. “Con không nghĩ rằng mình lại muốn quyết định một điều gì đó như thế.”

“Vậy thì con nên quyết định đi,” ông nói. “Đó là nơi mà con phải đến viếng trong suốt năm mươi năm nữa đấy. Hay là nghìn năm nữa, nếu họ tìm ra cách thay thế những bộ phận trong cơ thể con bằng chất dẻo.”

Từ trong bếp, mẹ tôi có thể nghe rõ tiếng chúng tôi trò chuyện. Nó nằm vuông góc với phòng khách kiêm phòng ăn.

“Giờ chả còn ai mơ đến sự bất tử đó nữa,” bà nói. “Cũng như đường một ray và những kỳ nghỉ trên Sao Hỏa ấy.”

Bà bê một đĩa bánh bột ngô kèm nước xốt đến bên bàn. Từ khi bà và bố tôi chuyển về Arizona, bà đã không còn làm điệu với mái tóc nữa. Bà buộc ngược tóc lên theo kiểu đuôi ngựa, làn da rám nắng. Bố tôi, có nguy cơ bị ung thư da, lại trắng nhợt như mặt trăng. Họ trông như một người khai hoang và cô dâu Da đỏ của ông ta.

“Chuyện đó thực sự không to tát đến thế đâu,” bố tôi nói. “Bố xin lỗi vì đã khơi nó ra.”

Tôi liếc nhìn mẹ tôi, bà chẳng còn quan tâm đến câu chuyện nữa và đã quay lại với món ớt xanh nhồi của mình.

“Này, Jonathan,” bố tôi nói. “Nếu bây giờ bố mẹ đột ngột qua đời, nếu bố mẹ ôm lấy tim mình và gục mặt xuống món bánh bột ngô này, thì con sẽ làm gì?”

“Con không biết nữa. Con nghĩ con sẽ đưa bố mẹ về Cleveland.”

“Đó chính là điều bố không muốn con làm,” ông nói. “Con sẽ không bao giờ quay lại Cleveland. Thế thì chôn bố mẹ ở đó để làm gì?”

“Nhà mình đã sống ở đó bao năm trời,” tôi nói. “Ý con là, nó vẫn giống như quê hương của chúng ta.”

“Bố mẹ đã mất ba mươi năm mới rời được Cleveland,” ông nói. “Cái rạp chiếu phim đó gần như đã vắt kiệt sức của bố, và thời tiết ở đó cũng suýt chút nữa giết chết cả bố lẫn mẹ. Nếu con

đưa bố mẹ quay lại đó, bố hứa là sẽ hiện về để ám ảnh con. Bố sẽ đánh thức con dậy thật sớm vào mỗi sáng thứ Bảy trong suốt cuộc đời con và bảo con giúp bố xén tỉa hàng rào.”

“Vậy, nếu là ở đây thì sao ạ?” Tôi nói. “Bố thích ở đây, đúng không?”

“Ở đây bố có thể hít thở không khí, và mẹ con đang học làm cocktail margaritas màu xanh dương. Với bố mẹ Phoenix có ý nghĩa như thế đấy.”

Tôi không thể hình dung ra cảnh ông được chôn ở Arizona. Nó sẽ giống như một trò đùa với ông, khi mộ ông nằm ở sa mạc miền Tây, với những con sói hú phía trên đầu.

“Con không biết mình có thể nói tiếp về vấn đề này không,” tôi nói. “Con không biết phải nói gì.”

“Thôi được,” bố tôi nói. “Lần này con muốn bị thua đậm đến mức nào trong trò Yahtzee?”

“Con nghĩ con nên đi nằm một chút. Được không ạ?”

“Dĩ nhiên là được. Con ốm à?”

“Không,” tôi nói. “Con chỉ muốn chợp mắt một lúc thôi.”

Tôi đứng dậy và đến bên chiếc sofa mới được mua ở Arizona. Nó là bản sao của chiếc sofa ở Cleveland, với tay ghế bằng gỗ thích gỗ lên và vải trải đệm kiểu thuộc địa hồ cứng. Chiếc ghế mới này, có thể được mở ra thành một cái giường, đã được mua để dành riêng cho tôi khi tôi đến thăm họ, vì căn hộ chung cư của bố mẹ tôi chỉ có một phòng ngủ, như tất cả những căn hộ khác trong tổ hợp này. Đó là một khu dành cho những quả phụ và những người đàn ông góa vợ.

“Sao con không mở chiếc sofa ra và ngủ một giấc?” Bố tôi nói.

“Không cần đâu ạ. Con cứ để yên nó như thế mà nằm cũng được,” tôi nói. Tôi nằm xuống, và kê một cái gối dựa bên dưới đầu. Vải bọc của chiếc sofa có hình những cây hương bồ, những con thuyền màu gỉ sắt, và những con vịt trời màu nâu cứ bay lơ lửng theo từng nhóm ba con. Một cái cây Giáng sinh nhỏ đang lập lòe trên đầu mép bàn, trên đó treo đầy những vật trang trí mà tôi nhớ là do chính tay tôi chọn trong một cửa hàng một giá hồi tôi còn nhỏ. Sau nhiều năm trưng những cái cây “lộng lẫy” – với những quả bóng màu đỏ và màu bạc, cùng những que kẹo hình ba toong và những chiếc đèn trắng nhỏ xíu – bố mẹ tôi đã quay lại với cái cây được trang trí lộn xộn, lòe loẹt của một hộ gia đình có trẻ con, nhưng với hình dáng nhỏ hơn.

“Bố thấy vui vì con đã về đây ít hôm,” bố tôi nói. “Trông con hơi xanh xao đấy, nếu con muốn nghe bố nói thật.”

“Vào mùa này ở New York ai cũng xanh xao cả,” tôi nói. “Có lẽ con sẽ chuyển đến Arizona.”

“Sao con lại muốn chuyển đến đây?” Bố tôi nói, lắc lắc cái chén đựng viên xúc xắc của trò Yahtzee. “Ở đây chẳng có gì để cho thanh niên làm cả.”

“Thế bố làm gì ở đây?”

“Chẳng làm gì. Thực sự thì với ai cũng thế thôi. Chẳng có gì để làm.” Ông đổ xúc xắc ra. “*Small straight*,[\[54\]](#)” ông nói. “Con muốn uống thêm ly nữa không?”

“Con không nghĩ vậy.”

Khi ông đến bên quầy bar to bằng cái tủ để rót thêm một ly nữa, tôi có thể nghe thấy hơi thở nặng nhọc của ông. Cái quầy bar hẹp này ngăn giữa phòng khách và phòng ăn nhỏ, đang bày từng hàng chai lọ ngăn nắp trên một cái giá bằng kính. Một cái khăn tay màu be, chưa bao giờ được dùng, được gấp đặt cạnh cái bồn rửa mini bằng chrome.

Bố mẹ tôi đã mang theo ý thức ngăn nắp từ Cleveland đến sa mạc. Ở đây, về đêm cát vàng thường bay vào qua cửa sổ, đám cỏ lùn thì thoảng cào vào cánh cửa, những lọ gia vị trên giá được sắp xếp theo thứ tự ABC một cách nghiêm ngặt. Mỗi chậu cây cảnh đều tỏa ra một sức sống xanh tươi mơn mớn, và sáng nào mẹ tôi cũng kiểm tra chúng một lượt, để bút những chiếc lá héo và cho vào một cái túi bóng.

“Thấy bố uống thêm nên con cũng thèm quá,” tôi nói. Tôi nghe thấy tiếng ùng ục đặc trưng của rượu bourbon khi nó chảy ra từ vòi của cái chai một lít Anh.

“Phim *Hy vọng và vinh quang* đang được chiếu ở trung tâm thương mại đấy,” bố tôi nói.

“Ngày mai bố con mình có thể đi xem vào suất chiếu buổi chiều,” tôi nói. “Lúc đó nắng không còn chói nữa.”

“Được.” Ông mang ly rượu đến cho tôi.

“Con thực sự không muốn quyết định, bố biết đấy, về việc lo liệu tang lễ cho bố mẹ,” tôi nói.

“Đừng lo lắng quá nhiều về việc đó. Đến lúc bố mẹ chết thì có thể con cũng đã ổn định cuộc sống ở đâu đó rồi. Hãy chôn bố mẹ ở nơi nào mà con tiện đi lại ấy.”

“Thế nhờ con chưa ổn định thì sao?”

“Con sẽ ổn định. Tin bố đi, chỉ là sớm hay muộn thôi.”

“Con nghĩ con nên vào bếp xem mẹ có cần giúp gì không,” tôi nói.

“Ừ.”

“Chỉ vì con chưa biết con sẽ định cư ở đâu,” tôi nói. “Con có thể lựa chọn bất cứ nơi nào. Con

có thể tới tận Sri Lanka.”

“Chà, hay đấy. Con nên đi nhiều khi còn trẻ.” Bố tôi lại gieo xúc xắc, và nguyên rửa sự thiếu may mắn của ông.

“Con không còn trẻ như thế đâu,” tôi nói.

“Ha. Đó là điều mà con nghĩ thôi.”

Trong bếp, mẹ tôi đang làm ráo rau diếp lá dài với vẻ mệt mỏi. Trông bà như đang quần tã cho đứa con thứ mười vậy. Tôi đứng cạnh bà ở bồn rửa. Người bà tỏa ra một mùi khô giòn, như những chiếc lá khô.

“Mẹ,” tôi nói.

“Con xem thứ mà người ta gọi là rau diếp ở đây này,” bà nói. “Mẹ đã đến ba cửa hàng khác nhau để tìm mua nó, vậy mà trông nó vẫn giống như bị ai đó dùng gậy đập nát suốt quãng đường đến Phoenix vậy.”

Bà phàn nàn bằng cái giọng hơi nhí nhảnh. Gần đây, trong những chuyến về thăm nhà, lúc trước là ở Cleveland, còn bây giờ là Phoenix, tôi thấy bà lúc thì hay mĩa mai, lúc lại thân mật, hồ hởi, chan hòa.

“Tệ thật,” tôi nói.

Chúng tôi đứng yên lặng khi bố tôi nhổm dậy khỏi ghế và đi lên phòng ngủ trên gác. Khi ông đã đi khuất, mẹ tôi nói: “Nào. Mọi chuyện sao rồi? Bobby thế nào?”

“Ổn cả mẹ ạ. Cậu ấy vẫn khỏe. Mọi chuyện đều khá suôn sẻ.”

“Tốt,” bà nói và gật đầu đầy nhiệt tình, như thể câu trả lời đó là đầy đủ và thích đáng.

“Mẹ ơ?” Tôi nói.

“Ừm?”

“Thực ra thì, con vẫn... ôi, con không biết nữa. Đôi khi con thấy rất cô đơn khi ở New York.”

“Ừm, mẹ hiểu,” bà nói. “Khó mà tránh khỏi cảm giác cô đơn. Ở đâu cũng thế thôi.”

Bà bắt đầu thái một quả dưa chuột thành những lát mỏng và lấp lánh kỳ lạ. Dường như lưỡi dao đã truyền ánh sáng tới từng lát rau quả.

“Mẹ có biết gần đây con đang băn khoăn điều gì không?” Tôi nói. “Con đang thắc mắc là sao bố mẹ không có nhiều bạn bè hơn. Ý con là, khi con còn nhỏ, con cảm thấy cả nhà mình như bị bỏ lại trên một hành tinh khác vậy. Giống như cái gia đình trên một chương trình truyền hình cũ vậy.”

“Mẹ không nhớ là lại có một chương trình truyền hình như thế,” bà nói. “Nếu con có con, một ngôi nhà và điều hành một công việc kinh doanh, con sẽ biết được mình có còn đủ năng lượng để chạy quanh hàng xóm gặp gỡ mọi người không. Và rồi mười tám năm sau, những đứa con của con sẽ gói ghém đồ đạc và rời đi.”

“Vâng, đúng vậy,” tôi nói. “Dĩ nhiên là chúng sẽ đi. Mẹ còn mong gì hơn chứ?”

Bà cười. “Chúng làm thế nếu con nuôi dạy chúng đúng cách,” bà vui vẻ nói. “Con yêu, không ai muốn con phải quay lại căn phòng cũ của con sau khi con đã tốt nghiệp đâu.”

Chúng tôi không phải một gia đình hay đối đầu nhau. Chúng tôi không cố gắng tranh cãi. Thay vào đó, khi cuộc sống của chúng tôi thay đổi, chúng tôi cố gắng tạo nên những cách ứng xử bình thường mới mỗi khi ở bên nhau.

“Gần đây con vẫn đang băn khoăn liệu đây có phải, mẹ biết đấy, là nó không,” tôi nói. “Một căn hộ, một công việc ổn định và vài người để yêu. Con còn có thể muốn gì hơn nữa?”

“Nghe có vẻ ổn đấy chứ,” bà nói.

Tôi hỏi: “Mẹ, lúc nào thì mẹ biết là mẹ muốn lấy bố thế?”

Bà im lặng trong đúng một phút. Bà đã thái xong quả dưa chuột và bắt đầu chuyển sang quả cà chua.

Cuối cùng bà nói: “Ừm, mẹ vẫn không biết liệu mẹ có muốn lấy bố con hay không. Mẹ vẫn đang cố gắng cân nhắc.”

“Thôi mà, mẹ nghiêm túc đi nào.”

“Được rồi. Xem nào. Lúc đó mẹ mới mười bảy, con biết đấy, và bố con hai mươi sáu. Ông ấy đã cầu hôn mẹ vào lần hẹn hò thứ tư. Mẹ còn nhớ hôm đó là sau Ngày Quốc tế Lao động một tuần, mẹ đang đi đôi giày màu trắng, và mẹ cảm thấy vừa khó chịu vừa hơi ngớ ngẩn. Bố mẹ đang ngồi trong xe của bố con, và mẹ giả vờ suy nghĩ trong khi thực chất thì mẹ chỉ đang lo lắng về việc đã đi đôi giày chết tiệt đó, rồi ông ấy ngó sang mẹ và nói với mẹ: “Chúng mình lấy nhau nhé”. Chỉ thế thôi.”

“Vậy mẹ nói gì?”

Bà vớ lấy quả cà chua thứ hai. “Mẹ chẳng nói gì. Mẹ chỉ giật mình. Và xấu hổ, vì đã lo lắng về đôi giày vào một thời điểm như thế. Mẹ nhớ là mẹ đã nghĩ rằng: “Mình là kẻ nhỏ mọn nhất trên đời này.” Mẹ đã bảo ông ấy mẹ cần thời gian để suy nghĩ. Và mẹ thấy mình chẳng nghĩ ra được lý do gì để không nên lấy ông ấy. Vì thế bố mẹ đã lấy nhau.”

“Mẹ có yêu bố không?” Tôi hỏi.

Bà mím môi, như thể câu hỏi đó là không thích hợp và có vẻ hơi chọc ngoáy. “Lúc đó mẹ còn quá trẻ,” bà nói. Nhưng chắc chắn là mẹ yêu ông ấy. Mẹ phát điên lên vì ông ấy. Chưa từng có ai khiến mẹ cười như ông ấy đã làm, con có nhớ ông ngoại con luôn nghiêm túc như thế nào không? Và hồi đó bố con có mái tóc dày dặn màu hạt dẻ không ai đẹp bằng.”

“Mẹ biết rằng bố là người mà mẹ muốn lấy trong số tất cả những người khác trên thế giới này à?” Tôi hỏi. “Mẹ không hề lo rằng mẹ có thể gây nên một số sai lầm hơn nữa sao, như là đánh mất cuộc sống thực tại của mẹ và, con không biết phải nói thế nào, hoàn toàn thay đổi đến nỗi không thể quay lại như xưa nữa?”

Bà xua câu hỏi đó đi như thể nó là một con ruồi lơ lửng nhưng cứ mãi lẩn quẩn quanh bà. Những ngón tay bà lấp lánh ruột cà chua. “Hồi đó mẹ không thắc mắc những câu hỏi lớn như thế,” bà nói. “Con có thấy nặng nề khi phải suy nghĩ, phân vân và dự định quá nhiều không?”

Tôi nghe thấy tiếng giạt nước ở nhà vệ sinh trên gác. Tôi biết bố tôi sắp trở xuống, chuẩn bị chơi một ván Yahtzee nữa.

“Thực sự thì tình hình bố thế nào ạ?” Tôi hỏi mẹ tôi.

“Ôi, thất thường,” bà nói.

“Trông bố khá ổn từ khi con đến đây.”

“Đó là vì có con ở đây đấy. Nhưng bác sĩ Reuben nói bệnh khí thũng rất buồn cười. Nó có thể đột nhiên khá lên. Như thế đó.”

“Vậy mẹ nghĩ là bố đang khá lên?” Tôi hỏi.

“Không. Nhưng có thể đấy. Ông ấy có thể đột nhiên khá lên bất cứ lúc nào.”

“Còn mẹ thì sao?”

“Mẹ à? Mẹ khỏe như ngựa ấy,” bà nói. “Mẹ còn cảm thấy hơi xấu hổ bởi mình quá khỏe mạnh đấy.”

“Con ám chỉ việc khác cơ. Mẹ đã nói mẹ muốn kiếm một công việc ở đây mà. Mẹ đang nhắc đến một trường bất động sản.”

“Mẹ nên làm thế. Mẹ cứ có ý định đến đó và xem nó là gì. Nhưng nếu thế thì bố con sẽ cô đơn suốt cả ngày. Thật trở trêu. Ông ấy luôn tháo vát hồi bố mẹ còn sống ở Ohio. Ông ấy lúc nào cũng ở cái rạp chiếu phim đó, đến mức mẹ cho rằng ông ấy thích ở một mình. Nhưng bây giờ khi chuyển đến đây, ông ấy cứ cuống cả lên nếu mẹ đi mua hàng quá lâu.”

“Mẹ có nghĩ bố đang bị lão suy không?” Tôi hỏi.

“Không. Chỉ vì ông ấy tốt bụng và hay lo thôi. Trước đây bố con chưa bao giờ sống nội tâm như thế. Vậy mà bây giờ, ừm, lúc nào ông ấy cũng muốn làm một điều gì đó. Mẹ giống như người tổ chức những trò tiêu khiển trong một chuyến du lịch trên biển cho một người nào đó

vậy.”

Bà cười với tôi, đảo mắt một cách hài hước, nhưng giờ sự châm biếm toát ra một cách nhẹ nhàng.

“Hai người chứ,” tôi nói. “Bố và mẹ.”

“Chỉ là ví von thôi mà,” bà nói.

Hôm sau, bố tôi và tôi đi xem phim *Hy vọng và vinh quang* ở rạp Phoenix Số Tám. Mẹ tôi, người tuyên bố rằng đã xem quá đủ phim trong tuần đó, ở nhà để làm việc trên cái mà bà gọi là mảnh vườn. Đó chỉ là một khoảnh đất nhỏ trồng cỏ ướt đầm nước và những bông hoa cuống dày, khỏe mạnh. Khi chúng tôi ra khỏi nhà, bà đang đi ra ngoài nắng, mặc chiếc quần soóc Bermuda kẻ sọc, đội một cái mũ rom nhạt và đeo đôi găng tay làm vườn bé như đôi tay của chuột Minnie.

Khi chúng tôi ra khỏi cửa, bố tôi nói: “Những ông chủ trại thượng lưu cuối cùng đi đây.” Bà trao cho ông ánh nhìn đã xuất hiện từ khi họ chuyển đến sa mạc: ánh nhìn triu mến giản dị, nhẫn nại của một y tá giỏi.

Chúng tôi lái chiếc xe hiệu Oldsmobile cũ của bố tôi đến rạp chiếu phim, một chiếc Cutlass lớn màu xanh sẫm, lừ lừ và nặng nề như một chiếc tàu ngầm. Ông đặt tay trên vô lăng lúc ba giờ chín phút. Ông đeo một cặp kính râm loại mắt kẹp bên ngoài cặp kính bình thường. Phía trên đầu chúng tôi, bầu trời mang một màu xanh oi ả, nóng nực. Những ngọn núi mờ ảo phía xa xa ở rìa những khu nhà và những trung tâm mua sắm. Khi chúng tôi quẹo tay lái để tránh một con tatu đã chết, bố tôi lắc đầu và nói: “Ai mà ngờ cuối đời mình lại phải sống trong sa mạc cơ chứ?”

Tôi nhún vai: “Có ai ngờ được cuối đời mình sẽ sống ở đâu đâu bố.”

“Nó quá sâu sắc với bố,” ông nói và rẽ vào bãi đỗ xe của trung tâm thương mại, đi dọc theo một dãy cao bồi trên lưng ngựa bằng neon với những đôi chân đu đưa.

Chúng tôi là hai trong số khoảng nửa táng ở rạp chiếu phim, đó là một suất chiếu vào buổi chiều của ngày thường. Trong sự vắng vẻ này, tôi lại nhớ đến rạp chiếu phim cũ của bố tôi. Dù chỉ là một căn phòng có kích thước trung bình, với tất cả các mặt được che rèm màu nghệ, nhưng nó cũng có vẻ u sầu thừa thớt như thế, và tỏa ra thứ mùi tương tự: mùi ẩm mốc và bông ngô lâu ngày. Một phụ nữ lớn tuổi ngồi trước chúng tôi hai hàng ghế ngoảnh lại nhìn chúng tôi vì tiếng thở nặng nề của bố tôi. Bắt gặp ánh mắt ông, bà ngoảnh đi và khẽ chỉnh lại một bên khuyên tai.

Tôi tin rằng tôi biết bà đang nghĩ gì: Người đó không còn sống trên đời này lâu nữa. Có lẽ bà là một góa phụ, một khách quen của suất chiếu buổi chiều. Tôi muốn vỗ vỗ vào bờ vai mập mạp của bà và kể cho bà nghe câu chuyện về cuộc đời của bố tôi. Tôi muốn bà biết rằng ông không chỉ là một ông già mặc chiếc áo thể thao polyester, thở hổn hển trong một rạp chiếu phim nhỏ bé, hẻo lánh và tẻ ngắt.

Phim *Hy vọng và vinh quang* quả là đáng xem, và sau đó bố tôi và tôi ghé qua trung tâm thương mại. Đó là một trung tâm thương mại lớn, với một ốc đảo trung tâm nơi những cây dừa đang đâm mình trong ánh nắng chiều. Chúng sà những chiếc lá xuống một con suối đang róc rách chảy qua. Những cụ già ngồi trên ghế băng, và một người đàn ông tươi tỉnh trong bộ đồ vải bông chéo màu trắng đang biểu diễn một cái đàn hộp. “Arizona là vùng đất của những người sống mà như đã chết,” bố tôi bảo tôi. Ông thúc tôi đi vào bên trong trung tâm và vào cửa hàng Montgomery Ward, để xem ở đó hiện đang bán thứ gì.

Chúng tôi ngắm nghía những giàn âm thanh, những chiếc ti vi mini, và những khung cửa sổ bằng nhôm. Chúng tôi xem xét những cái máy xén cỏ chạy bằng điện đứng sắp thành hàng trên cánh đồng cỏ nhân tạo. “Cái máy này tốt đấy,” ông nói, thử tay phanh của một cái máy màu đỏ tươi.

“Con muốn có một cái loại Turf Titan hơn,” tôi nói, ám chỉ cái máy xén cỏ to dùng màu đỏ thẫm cỡ bằng một cái máy kéo nhỏ. “Bố trông này, bố có thể cưỡi lên nó đấy.”

“Trông nó chả hợp chút nào với một thanh niên,” ông nói. “Cái máy này có giá trị chỉ bằng một phần ba này.”

Chúng tôi sắm vai khách mua hàng giống đến nỗi một nhân viên bán hàng còn trẻ với kiểu tóc che cái đầu hói bước đến và bắt đầu miêu tả những đặc tính của một loại đất hơn cái mà bố tôi đã chọn. Khi nhân viên bán hàng thuyết minh xong, có một phụ nữ mảnh mai đi qua, mang theo hai đứa trẻ sinh đôi trong một cái điu giống như ba lô. Cô không xinh, mái tóc nâu xỉn bù xù và cằm nhỏ nhọn hoắt. Mắt cô – toàn bộ thân hình cô – trông hết sức mệt mỏi, như thể dù có nghỉ ngơi đến mấy thì cũng không hồi phục lại được. Tuy nhiên, cô có một sự tự tin vững vàng trong từng bước đi, làm tăng thêm sức nặng lên dãy hàng sáng choang, nơi cô đang bước vào để tìm kiếm dụng cụ làm vườn thích hợp. Hai đứa trẻ song sinh của cô cứ mãi ngơ ngác nhìn chằm chằm vào khoảng không trống trải ngay trước mắt chúng. Khi cô đi dọc theo dãy hàng, tôi nghĩ đến cuộc sống quá yên ả mà ắt hẳn cô phải có, bất chấp tất cả những công việc nội trợ mệt nhọc. Một năm nữa, hai đứa con của cô sẽ biết đi và biết nói. Một năm nữa, cô sẽ biết chính xác bao nhiêu thời gian đã trôi qua.

Cô rẽ vào và biến mất vào gian bán bàn ghế ngoài trời. Nhân viên bán hàng đang giới thiệu về những đặc tính an toàn của cái máy. Anh ta dùng bàn tay để chỉ ra ba điểm nhạy khiến cái máy không thể chộp lấy tay hoặc chân của bạn rồi nhả ra một tia máu hay những mẫu xương. Bàn tay anh ta trắng trẻo và thon gầy, ngón cái quá cong đến nỗi nó có vẻ làm anh ta bị đau.

Bố tôi và tôi lắng nghe chăm chú, hứa sẽ suy nghĩ về nó. Bố tôi, gật đầu khi nhận tấm danh thiếp của nhân viên bán hàng, trông vô cùng nhợt nhạt dưới ánh đèn huỳnh quang của cửa hàng Montgomery Ward. Ánh đèn trắng có cường độ mạnh xuyên qua mái tóc mỏng chiếu vào tận lớp da đầu bên dưới của ông. Ngay khi nhân viên bán hàng kết thúc việc giới thiệu sản phẩm, tôi vội đưa bố ra khỏi cửa hàng và mua đồ uống cho ông trong bóng tối tĩnh lặng của một tiệm thịt nướng. Một tấm biển dựng trong chậu hoa tulip nhựa viết rằng ở đây hiện đang phục vụ: “Bữa tối sớm đặc biệt.” Chúng tôi là những khách hàng duy nhất ngồi ở quầy bar vào giờ đó.

“Câu nhỏ đó thật hăng hái,” bố tôi nói trên ly bourbon. “Thêm một trăm đô la nữa là con sẽ có một cái máy xén cỏ to hơn. Con có thể có một cái máy xén cỏ theo ý muốn với chưa đến một trăm đô la.”

“Dù sao thì con cũng chẳng có bãi cỏ nào cả,” tôi bảo ông.

“Vậy thì, khi nào con có, con nên biết cách chọn mua một cái máy xén cỏ.”

“Nếu mà con có một bãi cỏ, thì bố và con có thể đi mua máy xén cỏ một cách nghiêm túc hơn.”

“Lúc đó có thể bố không còn nữa,” ông nói. “Ngay bây giờ bố cũng có thể giúp con có được kiến thức về chúng.”

“Bố này,” tôi nói. “Con thực sự không biết liệu con có phải là mẫu người thích cỏ cây không. Con chẳng có cái cây nào cả. Thậm chí con còn không có ô tô.”

“Chiếc Olds kia mới đi được gần bốn vạn dặm,” ông nói. “Chắc là nó vẫn còn tốt khi con có nó một ngày nào đó.”

“Ý con không phải là con muốn có một cái ô tô. Con không định nói rằng con cảm thấy thiếu thốn. Chẳng có ai ở New York có ô tô cả. Con có thể bắt taxi khi cần đi đâu đó.”

“Và ở đó con thấy hạnh phúc chứ?” Ông hỏi.

“Vâng. Ý con là, con nghĩ thế. Hẳn rồi.”

“Đó là tất cả những gì mà bố quan tâm. Con có thể biến chiếc Olds thành một cái chậu nước cho chim tắm nếu con thích. Bố chỉ muốn con được hạnh phúc thôi.”

Tôi hít một hơi, và lúc đó, lần đầu tiên trong nhiều tháng qua, tôi thấy cực kỳ - gần như thái quá - khỏe mạnh. Tôi đã chờ đợi, gần như suốt cuộc đời, để nghe ông bày tỏ những khao khát của ông một cách chi tiết và dễ chấp nhận hơn cái ước muốn quan trọng duy nhất: tôi hoàn toàn được hạnh phúc, từng phút từng giây.

“Bố ơi, con xin phép,” tôi nói. “Con cần đi vệ sinh.”

“Bố sẽ ngồi đây chờ,” ông nói.

Phòng vệ sinh nằm ngay ở khu ngoài cửa nhà hàng, đằng sau khu vực thu ngân. Tôi nhận ra rằng thay vì đi vào phòng vệ sinh, tôi có thể bước ra khỏi cửa trước mà bố tôi không hề hay biết, và tôi đã làm thế, không do dự và không vì lý do gì ngoài một thực tế đơn giản, đó là một điều khả thi. Qua cánh cửa kính mờ, tôi bước ra sảnh chính ngập tràn thứ ánh sáng nhân tạo của trung tâm thương mại. Tôi đứng lại một lúc, nheo nheo mắt trước ánh sáng đột ngột ập đến, khi cánh cửa từ từ khép lại phía sau lưng. Khi nó đóng lại, một cảm giác tự do phóng túng xuất hiện trong tôi, một cảm giác chóng mặt, choáng váng. Tôi len lỏi giữa những người đi mua sắm để đi đến lối ra vào của trung tâm và băng qua những cánh cửa thủy lực để bước vào thứ ánh sáng ban ngày đích thực. Bãi đỗ xe đông nghịt những ông chồng, bà vợ vừa đi làm về - ánh nắng chiều rực rỡ dát vàng lên kính chắn gió và ăng ten radio của những chiếc ô tô. Đó là ánh nắng mùa thu nhưng không kèm theo cái se se lạnh đặc trưng của mùa. Tôi bước đi, mà chẳng tập trung suy nghĩ về một điều gì, theo hướng khu vực phía tây của bãi đỗ xe, lại gần hàng cây Joshua còi cọc ngăn cách trung tâm thương mại với đường cao tốc. Bên kia đường cao tốc là những căn nhà lưu động nằm tản mát, và xa hơn nữa là sa mạc, một dải đất bằng phẳng thanh thanh rải rác những cây xương rồng. Ở rìa sa mạc là những ngọn núi đỏ nhấp nhô. Tôi nghĩ rằng mình sẽ băng qua đường cao tốc để đi vào sa mạc. Tôi chẳng hề suy xét gì đến những động cơ hay hậu quả của việc đó. Lần đầu tiên tôi nhận thấy rằng người ta có thể bỏ đi chỉ vì một phút giây ngẫu hứng. Người ta có thể quyết định bỏ lại cái chết của người cha, sự cô đơn trống trải của người mẹ và cái tương lai mơ hồ của chính mình. Người ta có thể tìm một công việc và thuê một căn phòng dưới cái tên mới trong một thành phố xa lạ, đi trên những đại lộ của nó mà không cảm thấy sợ hãi hay bối rối. Tôi đứng đó một lúc, ngắm nhìn sa mạc khi những chiếc xe cứ vun vút phóng qua.

Chính vì bố tôi mà tôi đã quay trở lại. Hay, đúng hơn là, chính vì tôi đã nghĩ đến cái tâm trạng lo âu thắc thóm đang lớn dần lên trong ông khi ông không thấy tôi trở về. Tôi không quan tâm lắm đến việc ông đi tìm tôi khắp phòng vệ sinh nam, kiểm tra xem tôi có ở cửa hàng Ward hay Sears không, và cuối cùng gọi điện cho cảnh sát. Tôi không quan tâm đến những hành động ông sẽ làm. Điều khiến tôi không thể chịu đựng được là hình ảnh của ông ngay lúc đó, cô đơn với đồ uống của mình ở tiệm thịt nướng, chỉ mới bắt đầu nhận ra có gì đó không ổn. Tôi rảo bước ngang qua bãi đỗ xe, và phải đứng lại một phút trước nhà hàng, lấy hơi.

Khi tôi trở về bàn, ông hỏi: “Con có sao không? Bố đang định đi vào đó tìm con đấy”.

“Con không sao đâu,” tôi nói. “Con chỉ hơi khó tiêu thôi bố ạ.”

“Trông con không được khỏe lắm,” ông nói. “Có lẽ bố con mình nên về nhà đi.”

“Không. Con hoàn toàn bình thường mà. Con nghĩ chắc là do con không quen uống rượu vào buổi chiều thôi.”

Chị phục vụ, một phụ nữ trạc tuổi tôi, với làn da xấu được đánh phấn kỹ càng, cười phá lên khi nhân viên pha chế rượu nói gì đó. Cả hai đều đang hút thuốc. Nhân viên pha chế rượu là một người đàn ông trung niên với vẻ thân thiện, từng từng của một con chó sục. Bóng phản chiếu của ông ta lơ lửng trong chiếc gương mờ đằng sau quầy bar, tối đen như một thi thể bị kẹt trong băng. Phía trên những cái chai lấp lánh, một đàn ngựa Clydesdale bằng nhựa nho nhỏ đang kéo một xe chở bia mini theo một vòng tròn.

Đêm đó, sau bữa tối, khi bố tôi lấy ra bộ trò chơi sấp chữ, tôi hỏi rằng liệu ông có muốn đi dạo thay vì chơi trò đó không. “Chẳng có nơi nào để đến cả,” ông nói. “Hàng dặm quanh đây chỉ toàn là những căn hộ chung cư giống hệt nhau thôi.”

“Đi đi, Ned,” mẹ tôi nói. “Reuben nói rằng tập thể dục một chút sẽ có lợi cho anh đấy.”

“Không lâu đâu bố,” tôi nói thêm. “Chỉ mười phút thôi.”

Ông đứng dậy, trút ra một hơi thở khô khốc, mỏng manh.

“Được rồi,” ông nói. “Nhưng đừng có nghĩ rằng làm thế là con sẽ thoát được trò sấp chữ này

đấy.”

“Con đi vào phòng tắm cái đã,” tôi nói. “Con sẽ quay lại ngay.”

“Thằng bé này ở trong phòng tắm còn nhiều hơn là ở bên ngoài,” bố tôi nói với mẹ tôi.

“Con đã hai mươi bảy tuổi rồi đấy,” tôi nói. “Con đã lớn tuổi hơn bố hồi bố gặp mẹ rồi đấy.”

Trong phòng tắm, căn phòng với giấy dán tường có hoa văn hình những nụ hồng màu cam ngỗ nghĩnh, tôi vĩa nước lạnh lên mặt. Tôi đứng đó một lúc, dưới tiếng ù ù khe khẽ của bảng điện huỳnh quang. Tôi không nhìn vào hình phản chiếu của mình trong gương. Thay vào đó, tôi nhìn vào những tờ giấy dán tường, vào những nụ hồng sắp xếp theo hàng một cách trật tự, mỗi nụ lơ lửng trên một chiếc lá màu ô liu.

Ở tuổi mười chín, tôi đã đeo một chuỗi ngọc trai trên cổ, và xăm hình rồng lên vai phải. Tôi đã bỏ học ở NYU được một học kỳ mà không nói với bố mẹ tôi, và dùng một phần tiền học phí để đăng ký học pha chế rượu. Tôi đã nghĩ mình có thể làm một điều như thế. Và giờ thì tôi ở đây, đứng trong căn phòng tắm ở Phoenix, không biết phải làm gì với bố mình, ngay lúc ông còn sống cũng như sau khi ông mất. Tôi chưa bao giờ ngờ rằng mình sẽ rơi vào một tình huống thông thường như thế này. Tôi ở trong phòng tắm lâu hết mức có thể. Tôi giặt nước bồn cầu hai lần như một cách để giải thích lý do tôi ở trong đó quá lâu.

Khi tôi trở ra, bố tôi hỏi: “Con chắc là con không sao chứ?”

“Con không sao,” tôi nói. “Bố con mình đi dạo thôi.”

Bên ngoài là màn đêm Arizona trong lành, bầu trời chỉ chít những vì sao. Khi chúng tôi ra phố, bố tôi nói: “Con muốn đi hướng nào? Cả hai phía đều chẳng có gì cả.”

“VẬY thì đi hướng bên trái đi ạ.”

Chúng tôi rẽ trái. Ở hai bên đường, những ô cửa sổ lấp lánh trong những ngôi nhà màu giấy da ẩm cứng. Chúng tôi bắt đầu khe khẽ hát bài *Give my regards to Broadway* và tôi hòa theo. Sau khi đi được vài dãy nhà, tôi hỏi: “Nếu bố con mình đi tắt qua lối đi giữa hai tòa nhà này, bố con mình sẽ ra ngoài sa mạc đúng không ạ?”

“Ngoài đó có rắn đấy,” bố tôi nói. “Bọ cạp nữa.”

Ý nghĩ về việc Ned Glover, người chủ rạp chiếu phim ở Ohio trước đây, sống chung một nơi với lũ rắn và bọ cạp thật là không tương đến nỗi tôi cười phá lên. Có lẽ bố tôi nghĩ rằng tôi cười vì sự thận trọng của ông. “Hừm, bố hy vọng con đi đôi giày đủ dày,” vừa nói ông vừa đi thẳng qua lối đi giữa hai tòa nhà về phía vùng đất rộng mở.

Tôi vẫn nán lại, lo lắng về những con rắn. Bố tôi đi được khoảng hai mươi bước, ngoảnh lại và vẫy tôi, rồi bước tiếp. Khi ông đi qua bóng tối của những tòa nhà để bước vào sa mạc lấp lánh ánh sao, tóc ông bị gió thổi tung lên. Trông ông như đang hiện ra từ một cái đường hầm vậy. Tôi lững thững đi theo ông, vừa đi vừa để ý đến mặt đất.

“Ở đây có rắn thật không ạ?” Tôi hỏi.

“Thật. Rắn chuông hẳn hoi. Bà Cohen cách nhà mình hai căn từng thấy một con rắn bị chết đuối trong bể bơi sục của bà ấy đấy.”

Chúng tôi cùng nhau đi vào sa mạc. Mặt đất vô cùng bằng phẳng, đây đó nhô lên từng bụi ngọc giả thẫm đen tua tủa. Phía trước chúng tôi là dãy núi bằng, rạn rờ vươn mình lên bầu trời. Nơi chân núi, vài ánh đèn le lói hiện ra trong bóng tối dày đặc, đó là những chiếc đèn lồng của các nhà tu khổ hạnh, những hồn ma của tộc người Navajo hay những người ngoài hành tinh đang dựng trại?

“Đêm nay đẹp thật,” ông nói.

“Đẹp quá. Bố này?”

“Gì hả con?”

“Chẳng có gì ạ,” tôi nói.

Tôi sợ rằng chúng tôi chẳng còn thời gian nữa. Dù tôi luôn âm thầm cho rằng rồi bố tôi sẽ qua đời trước tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ điều đó sẽ diễn ra ở một tương lai xa xôi, khi tôi đã trở

nên khôn ngoan, vững vàng và sẵn sàng hơn. Đột nhiên – có vẻ thực sự bất ngờ – phổi ông yếu dần với một tốc độ không lường trước được và máu tôi có thể bị bệnh tật xâm nhập, chuẩn bị biểu lộ những triệu chứng đầu tiên. Tôi muốn hỏi ông vài điều, nhưng dường như tôi không thể cất nên lời trong căn hộ chung cư, trong chiếc Oldsmobile hay ở trung tâm thương mại. Tôi đã hy vọng mình sẽ có nhiều quyết tâm hơn ngay tại đây, bên dưới những vì sao này.

“Mèo ăn mất lưỡi của con rồi hay sao mà lại ấp úng thế?” Ông hỏi.

“Chắc vậy ạ.”

Tôi vẫn đang cố tạo ra một phiên bản thay thế cho chính tôi, một người kiêu hãnh và không nao núng, người có thể nhìn thẳng vào bố mẹ và nói cho ông hay những bí mật cuối cùng của anh ta. Tôi muốn ông biết rõ tôi, *hiếu thảo* tôi. Tôi vẫn đang chờ cho đến khi mình ổn định và hoàn thiện, để cho ông thấy rằng tôi hoàn toàn hạnh phúc, một thứ hạnh phúc mà ông có thể hiểu được.

Bố tôi nói: “Bố đang nghĩ về cái máy xén cỏ đó.”

“Bố nghĩ gì về nó?”

“Nó quả là một món hời. Có lẽ ngày mai chúng ta nên quay lại đó để mua nó, và bố có thể cất nó ở đây cho đến khi con cần đến nó.”

“Bố có dùng nó trong thời gian chờ đợi không?”

“Bố á?” Ông nói. “Bố có gì mà xén chứ, cái vườn sỏi đá đó à? Bố mẹ có cái ga ra hai chỗ khá rộng, có rất nhiều khoảng trống.”

“Ý bố là nếu con có một bãi cỏ, thì con sẽ đến đây và lấy cái máy xén khi đó đã mười hay hai mươi tuổi à?”

“Càng ngày người ta sẽ càng làm ra những sản phẩm tệ hơn,” ông nói. “Con có biết mẹ con sẽ trả bao nhiêu tiền để lấy lại cái máy hút bụi Hoover kiểu đứng cũ của bà ấy không? Con không thể mua được những thứ đó dù trả bao nhiêu tiền chẳng nữa, bây giờ máy hút bụi đều được làm bằng nhựa dẻo cả.”

“Bố chẳng nghiêm túc về chuyện này gì cả,” tôi nói.

“Dĩ nhiên là bố nghiêm túc đấy. Dù sao thì con cũng sẽ được thừa hưởng mọi thứ trong ngôi nhà đó, sao con không thừa kế một cái máy xén cỏ thật bền ở tương lai khi mà những thứ duy nhất con có thể mua lúc đó đều được làm từ cao su?”

“Con không muốn một cái máy xén cỏ,” tôi nói. “Thật đấy. Cảm ơn lời đề nghị của bố.”

“Có lẽ bố vẫn sẽ mua nó dù thế nào đi nữa,” ông nói. “Rồi nó sẽ ở đó, và nếu con không muốn, con có thể đem nó cho Đội quân Cứu tế hay bất cứ thứ gì khác.”

“Bố, con không muốn máy xén cỏ đâu,” tôi nói.

“Ừm, hãy đợi xem.”

“Con không muốn một cái máy khoan điện, một cái lò vi sóng, hay một chiếc xe Mercury mui kín. Con không muốn những tấm vé xe theo mùa đến vùng đất dành riêng cho người Da đỏ. Con không muốn một cái máy xới đất, một bộ cần câu và dây câu, hay một cái phích để giữ cà phê nóng suốt cả ngày.”

“Thôi, thôi,” ông nói. “Không cần quá khích thế đâu.”

“Điều mà con thực sự muốn,” tôi nói, “là biết được chuyện gì đã xảy ra với con. Sao con không thể sống một cuộc sống đàng hoàng?”

Mặt ông nhăn nhó. Đó là vẻ mặt quen thuộc của ông, là sự dồn nén của những cơ mặt bên dưới làn da – nó xảy ra khi ông gặp phải điều gì đó trái ý hay khó hiểu. Khuôn mặt ông thực sự có vẻ nhàu nhĩ và co rúm lại khi những nét trên mặt ông đều dồn về điểm trung tâm. Trông ông giống như đang gắng sức nhìn qua một cái lỗ khóa từ một khoảng cách chừng vài bước.

“Rồi con sẽ phát hiện ra vài điều gì đó,” ông nói, “Con vẫn còn trẻ, cần phải có thời gian.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy? Bố đã ở đó mà, chắc là bố phải biết chứ. Con cứ nghĩ rằng chắc hẳn

phải có điều gì đó mà con không nhớ. Con có một công việc tử tế, con có tình nhân và bạn bè. Thế mà sao con lại có cảm giác quá cô độc và lẳng lẽ như thế? Sao con lại cảm thấy mình như một kẻ thất bại vậy? Bố có làm gì con không thể? Con sẽ không oán trách gì bố đâu. Con chỉ cần biết thôi.”

Ông ngừng lại để hít một ngụm không khí. Mặt ông vẫn co rúm lại.

“Bố yêu con mà,” ông nói. “Bố đã làm việc chăm chỉ, bố không biết nữa. Có lẽ bố đã phạm sai lầm. Bố mẹ đã chăm sóc con tốt nhất có thể.”

“Vâng, con biết,” tôi nói, “Con biết. Vậy sao con lại trở thành một kẻ bắn thủ như thế này?”

“Con không phải một kẻ bắn thủ,” ông nói. “Ý bố là, nếu con có vấn đề gì đó...”

“Bố chỉ cần trả lời câu hỏi của con thôi.”

“Bố không thể,” ông nói. Mắt ông trở nên đờ đẫn, và miệng ông hé mở. Ông đang nhớ lại điều gì vậy? Dĩ nhiên là đã có *chuyện gì đó* – một cơn giận khi tôi không ngừng khóc, vài điều bần tiện nảy sinh từ lòng đố kỵ. Vài hành động nhỏ nhen hay sự lơ là, một thoáng biến mất của tình yêu trong ông mà cuối cùng cũng không giải thích được điều gì.

Chúng tôi đứng một lúc trong im lặng, một điều thật hiếm hoi. Thông thường, bố con tôi tránh sự im lặng. Chúng tôi đều là những người hay chuyện, và biết cách giữ cho không khí quanh mình luôn sôi nổi bởi các cuộc trò chuyện, các trò chơi hay những khúc hát. Mảnh trăng lưỡi liềm trông như một con diều hâu đang lướt qua những vì sao. Một cái lon 7-Up rỗng lấp lánh trong ánh trăng như một vật gì đó đáng giá.

“Bố này,” tôi nói.

Ông không đáp. Chỉ đến lúc đó tôi mới nhận ra rằng ông đang gắng sức để thở.

“Bố ơi?” Tôi nói. “Bố có sao không?”

Mặt ông sạm đi, mắt ông lớn lạ thường khi ông tập trung hít thở. Vẻ mặt ông trông kinh ngạc như vẻ mặt của một con cá bị kéo lên khỏi mặt nước, nhức nhối và khó thở trước một thế giới đầy ánh sáng.

“Bố? Bố có nói được không?”

Ông lắc đầu. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là bỏ chạy. Tôi vẫn có thể bỏ đi, tôi có thể phủ nhận mọi chuyện. Sẽ không ai nghi ngờ gì tôi.

“Bố ơi,” tôi bất lực nói. “Ôi, bố ơi, con nên làm gì đây?”

Ông ra hiệu cho tôi lại gần hơn. Tôi ôm lấy vai ông, hít lấy mùi nước hoa cologne và mùi râu tóc của ông, nó vẫn không thay đổi so với hồi tôi còn bé. Phổi ông kêu rín rít như một quả bóng bay bị chà xát dữ dội.

Một cách cẩn thận, như thể ông được làm bằng sứ, tôi giúp ông ngồi xuống. Tôi ngồi cạnh ông, ôm ông, trên mặt đất mịn màng.

Chính là nó, tôi nghĩ. Đây là cái chết của bố tôi. Tôi không biết làm thế nào để giúp ông, không biết phải làm gì, phải chôn ông ở đâu. Tôi vuốt ve mái tóc lòa xòa của ông, vốn dĩ từng dày và tươi tốt đủ để làm nền cho một cuộc hôn nhân.

Tôi mở miệng định nói, và tôi nhận ra rằng tôi chẳng biết nói gì với ông. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là lời an ủi dành cho người sắp chết, mà bất kỳ người lạ nào cũng có thể nói ra. Tuy nhiên, tôi vẫn nói những lời đó. Nếu không ông sẽ chết trong im lặng.

“Không sao đâu,” tôi nói. “Mọi chuyện sẽ ổn thôi bố ạ.”

Ông không thể nói. Mặt ông sạm lại và nở rộng ra vì nỗ lực để thở.

Tôi nói: “Bố đừng lo về mẹ con con. Mẹ con con sẽ ổn thôi. Rồi mọi chuyện sẽ ổn cả thôi.”

Tôi không biết liệu ông ấy có nghe thấy tôi nói không. Có vẻ ông đã đi quá xa vào trong bản thân ông, ý thức ông đã rút lui khỏi não và tập trung toàn bộ sức lực vào hành động bất lực của hai lá phổi. Tôi cứ vuốt tóc ông và xoa vai ông. Tôi cứ bảo ông rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn.

Và, một lúc sau, ông dần dần hồi lại. Không khí lại bắt đầu tràn vào phổi ông và khuôn mặt

ông, từng phút một, dần mất đi vẻ hoang dại, ngột thở. Chúng tôi ngồi cạnh nhau trên nền đất khi phổi ông, đã trở nên mỏng mảnh như vải thưa, có vẻ đang cố gắng thêm lần nữa để hấp thụ oxy.

Cuối cùng, ông đã nói được: “Chắc là phổi bố đã mở rộng quá mức. Bố đã hơi quá xúc động.”

“Bố nên ở lại đây,” tôi nói. “Con sẽ đi tìm người giúp.”

Ông lắc đầu. “Bố sẽ ổn thôi,” ông nói. “Chúng ta phải đi về thật chậm. Được chứ?”

“Vâng. Tất nhiên rồi... Bố ơi, con xin lỗi.”

“Vì điều gì?”

Tôi giúp ông đứng lên và chúng tôi bắt đầu chuyển đi về nhà dài đằng đằng. Chúng tôi mất hơn một giờ để đi hết quãng đường mà trước đó chỉ mất có hai mươi phút. Những ngôi sao đang rơi trên bầu trời.

Khi tôi mười lăm tuổi, bố tôi và tôi từng cùng nhau lái xe đến Chicago để mua sắm và gặp phải một cơn giông trên đường về. Mưa như trút nước, bầu trời ngả dần sang màu xám xịt, báo hiệu cho những cơn lốc xoáy. Cơn giông ngày càng dữ dội đến nỗi chúng tôi phải dừng xe tại một trạm nghỉ. Trạm nghỉ này trông ra một cái hồ đục ngầu, tiếp nối với cánh đồng lúa mạch xanh ngút ngát. Mưa gõ lộp bộp trên nóc và mui xe. Chúng tôi ngồi trong im lặng, thi thoảng húm hắng giọng, cho đến khi một tia sét thoáng biến mặt hồ thành màu vàng ệch. Thế là chúng tôi bật cười. Tia sét giống như điểm nút của một câu chuyện cười dài ngoằng và lắt léo. Sau khi dứt cơn cười, chúng tôi nói về tương lai của tôi, về khả năng nuôi một con chó mới, và về mười độ phim ưa thích của chúng tôi. Sau khi cơn giông qua đi, chúng tôi lái xe về nhà, bật radio và mở cửa sổ xe. Sau đó chúng tôi biết được rằng một cơn lốc xoáy đã thực sự tấn công khu vực lân cận, san phẳng một tháp nước và một nghĩa địa của người Amish cách chỗ chúng tôi đỗ xe chưa tới hai mươi dặm.

Giờ thì chúng tôi đang đi cùng nhau, rất chậm, qua màn đêm sa mạc trắng xanh. “Bố ơi?” Tôi nói.

“Gì hả con trai?”

“Có lẽ mai bố con mình lại đi xem một bộ phim khác đi. Con nghe nói phim *Gàn dở* cũng không quá tệ.”

“Tuyệt. Con hiểu bố đấy, bố luôn thích đi xem phim mà.”

Những loài côn trùng xa lạ phát ra một tiếng kêu nhẹ nhàng nhưng dai dẳng, một tiếng vù vù như tiếng trái đất có thể tạo ra khi quay trong đêm nếu tất cả chúng ta đều giữ yên lặng đủ để nghe thấy nó. Những ánh đèn tỏa ra từ khu tổ hợp chung cư. Chúng cách đây không xa. Tuy nhiên, trông chúng có vẻ quá thực và quá gần, khó có thể chạm vào. Chúng giống như những cái lỗ bấm của màn đêm, qua đó ánh sáng lọt vào từ một thế giới khác sống động hơn. Trong một thoáng, tôi có thể hình dung được cảm giác khi là một hồn ma sẽ như thế nào – khi phải mãi mãi bước qua một sự im lặng sâu sắc hơn sự im lặng, khi có thể thấy rõ nhưng không bao giờ tới được những ánh đèn của gia đình.

CLARE

Tất cả những gì cậu nói là: “Chuyển đi thăm bố mẹ thông thường. Tội lỗi và những bộ phim. Hiện họ sống trong một ngôi làng của người Da đỏ.” Nhưng sau đó Jonathan trầm lặng hơn, kín đáo và nói năng nhất gừng hơn. Cậu luôn đóng cửa phòng mình. Tháng Ba, cậu tuyên bố rằng cậu sẽ chuyển đi.

Tôi hỏi tại sao.

“Để sống cho ra sống,” cậu nói.

Khi tôi hỏi rằng thế hiện giờ cậu nghĩ cậu đang sống kiểu gì, cậu nói: “Như một tấm vé bị

hủy.”

Đó là vào buổi sáng. Một trong những buổi sáng tháng Ba âm u lầy lội, cứ tiếp nối nhau như thể chúng đang bị tuột ra từ một ống chỉ. Jonathan nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ. Cậu cứ lấy đầu ngón tay nghịch nghịch tóc như thể đang ngồi ủ rũ trong một hộp đêm khi cậu nói từ “tắm vé”.

“Cưng ơi,” tôi nói. “Hãy cho tôi biết ý cậu là gì bằng thứ tiếng Anh thông thường ấy.”

Cậu thở dài, ngoảnh mặt nhìn tôi với vẻ miễn cưỡng thấy rõ. Thường thì cậu có thể dễ dàng thể hiện niềm vui, sự cảm động hay sự rộng lượng. Cậu có thể nói năng lịch thiệp, đúng mực bằng chính giọng mình. Nhưng khi cậu tức giận hay buồn bã, cậu cần phải bắt chước một hình ảnh nào đó. Tôi đã từng thấy cậu phát điên lên với vẻ gay gắt, mắt long lên sòng sọc như Bette Davis^[55]. Tôi đã từng thấy cậu lúng túng như một đứa trẻ đường phố, với đôi mắt nhìn xuống và đôi bàn tay nắm chặt lại. Còn cái vẻ nghịch tặc, nhìn ra ngoài cửa sổ này là một kiểu mới.

“Nào,” tôi nói. “Nói đi.”

Cậu ngoảnh mặt về phía tôi.

“Cuộc sống mà em vẫn đang theo đuổi đã bị ngừng lại,” cậu nói. “Em đã nghĩ em có thể sống tự do và yêu thật nhiều người khác nhau. Trong đó có cả chị và Bobby.”

“Cậu có thể. Cậu làm được mà.”

“Em không thể. Đây là một thời đại mới, mọi người ai cũng sẽ phải kết hôn.”

“Tôi thì không đâu, cảm ơn,” tôi nói.

“Có, chị sẽ làm thế đấy. Hiện chị đang cặp kè với Bobby còn gì. Em phải đi tìm một ai đó cho riêng mình, và em cảm thấy mình không còn nhiều thời gian trên đời này. Ý em là, Clare ạ, ngộ nhờ em mắc bệnh thì sao?”

Tôi ngập ngừng. “Cậu không mắc bệnh đâu,” tôi nói.

“Làm sao chị biết. Có khi đến hàng năm trời chúng ta vẫn còn không biết gì cơ mà.”

“Jonathan, cưng ơi, cậu đang quá cường điệu đấy.”

“Thế à?”

“Đúng. Cậu không sao cả, tôi có thể nhận thấy mà. Cậu hoàn toàn khỏe mạnh. Giờ thì đừng có chuyển đi, cậu sẽ phá vỡ gia đình này mất.”

“Chị và Bobby mới là gia đình,” cậu nói. “Chỉ hai người thôi.” Và cậu lại quay ra phía cửa sổ, nơi ngang qua lỗ thông gió, một thiếu phụ Puerto Rico đang treo quần đùi trẻ con và những đôi tất nam màu đen lên dây phơi.

Tôi nghĩ tôi sắp mang thai. Tôi đã thôi không dùng biện pháp phòng tránh nữa. Nhưng dường như tôi không thể nói với ai, cả Bobby lẫn Jonathan. Tôi cho rằng tôi thấy xấu hổ về những động cơ của mình. Tôi không thích mình bị coi là một kẻ tính toán hay lừa lọc. Thực sự thì tất cả những gì tôi muốn là ngẫu nhiên có mang. Cái bất lợi không ngờ tới của cuộc sống hiện đại chính là sự chiến thắng của chúng ta trước số phận. Chúng ta buộc phải quyết định quá nhiều thứ, gần như tất cả mọi chuyện, và hoàn toàn được cảnh báo về những hậu quả. Nếu ở vào một thời kỳ khác, tôi sẽ có con ở độ tuổi hai mươi, khi tôi lấy Denny. Đương nhiên tôi sẽ trở thành một bà mẹ mà không cần phải quyết định gì cả. Không cần cân nhắc những hậu quả. Nhưng Denny và tôi ban đầu quá thực tế - lúc đó chúng tôi đang sống dựa vào khoản tiền gửi ngân hàng của tôi, và anh có những tham vọng lớn - sau đó giận nhau đến mức khó mà có con với nhau được nữa. Tôi đã bất ngờ mang thai, với một thành viên trong đoàn ca vũ kịch của Denny, người bảo với tôi rằng anh ta là một kẻ đồng tính. Và tôi đã phá nó. Ở độ tuổi đó, trong thời gian đó, bạn phải bỏ qua những gì không cần thiết. Bạn phải giữ cho mình được thon thả, rảnh rang và không vướng víu.

Giờ đây tôi lại muốn có một đứa con, và tôi muốn nuôi nấng nó cùng với Jonathan. Chúng tôi có thể tạo nên một gia đình kiểu mới. Một gia đình lớn rồi rạc chỉ toàn có những ông chú, bà dì.

Nhưng tôi không thể buộc mình phải thú nhận điều mà tôi đang mong muốn. Tôi đang cố gắng dàn xếp việc đó. Tôi cần có thêm thời gian.

Để cố động viên tinh thần của Jonathan, tôi đã bảo cậu đưa Erich về ăn tối. Cậu không muốn làm thế. Tôi phải nói ra nói vào mãi. Việc thuyết phục cậu mất đến hơn một tuần. Dầu vậy, tôi không hề bỏ cuộc, vì tôi tin tưởng vào những gì mình đang làm. Tôi suy luận thật đơn giản về vấn đề của Jonathan. Cuộc sống của cậu đã bị chia thành quá nhiều ngăn khác nhau. Ngăn dành cho công việc, cuộc sống của cậu cùng Bobby và tôi. Ngăn dành cho vài người bạn thời đại học, cho cuộc sống tình dục ngẫu hứng với những người lạ, và cuộc tình hiện tại với một người đàn ông mà chúng tôi chưa ai gặp. Tôi cho rằng cậu cần đặt những ngăn này chồng chéo lên nhau nhiều hơn.

“Sao cậu lại không muốn đưa Erich về đây ăn tối?” Tôi hỏi cậu trong một buổi sáng âm u nhưng không có vẻ là sẽ mưa. “Cậu xấu hổ vì chúng tôi à?”

Tôi đang mặc cái áo choàng tắm vải chenille màu hồng, và quấn một cái khăn sọc vắt lên tóc. Trong một thoáng, tôi thấy mình giống như người vợ đánh đá của ai đó, hai tay chống nạnh. Nó khác xa với hình ảnh một người đang ngọt nhạt dụ dỗ người khác. Nhưng tôi hoàn toàn không để ý. Ít nhất một phụ nữ như thế cũng biết được cô ta muốn gì. Cô ta không bị sự nhập nhằng và do dự bao quanh như một đám ruồi nặng.

“Dĩ nhiên là không,” Jonathan nói. “Em đã bảo chị rồi. Anh ta và nhà Henderson sẽ không hợp nhau đâu.”

Cậu đang chuẩn bị đi làm. Cậu đã xỏ chân vào một chiếc giày. Cậu đang nhắp một tách cà phê trong khi Bobby phết bơ vào cái bánh vùng vông cho cậu.

“Chúng ta sẽ không sắm vai nhà Henderson,” tôi nói. “Chỉ có bốn người chúng ta thôi, những thường dân quá lo lắng về khuyết điểm của chính mình nên không thể nhận ra khuyết điểm của người khác.”

“Anh ta và em có không có kiểu quan hệ đó,” Jonathan nói.

“Kiểu quan hệ sao?”

“Kiểu “Ghé qua nhưng hà và gặp những người bạn cùng sống chung,” Điều đó sẽ rất bất tiện. Cho tất cả mọi người.”

“Làm sao cậu biết, nếu cậu chưa bao giờ làm thế?” Tôi hỏi. “Cưng à, nói thật với cậu, tôi nghĩ chính cậu đã đặt giới hạn cho những mối quan hệ của cậu bằng cách tự mình quyết định trước rằng họ có thể liên quan hoặc không được liên quan đến những điều gì.”

Bobby đưa cho Jonathan chiếc bánh vùng vông, và vỗ yêu lên mông tôi. Tôi lo lắng nghĩ về những đêm yên lặng mà tôi và anh sẽ có cùng nhau. Về những thói quen nội trợ không thay đổi mà chúng tôi sẽ nhiệm phải.

“Có lẽ chị đúng đấy,” Jonathan nói. “Thôi em đi đây, chào.”

Tôi theo cậu ra hành lang. “Bọn tôi sẽ không kể cho anh ta nghe bất cứ bí mật nào của cậu,” tôi gọi với theo. “Bọn tôi sẽ không đùa giỡn vớ vẩn, hay khoe khoang những tấm hình về chuyến đi đến một công viên quốc gia nào đó của bọn mình đâu.”

Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được cậu làm theo ý tôi nhờ tính cố chấp quen thuộc. Tính cố chấp của tôi, dù nó vẫn thường xuyên có tác dụng, khó có thể được coi là một đức tính tốt, vì tôi không có đủ sức chịu đựng để khuyến khích nó. Cái tính quả quyết dứt khoát của tôi đã dẫn dắt tôi, bất chấp tất cả những lời khuyên có lý, cưới một vũ công mà tôi cứ ngỡ là vị cứu tinh, và rồi yêu một phụ nữ danh tiếng, người nói rằng cô sẽ dạy tôi thôi không còn ghét bỏ chính mình. Nó đã dẫn tôi đến với công việc buôn bán quần áo cũ, vào trường làm tóc, Phật giáo và khiêu vũ hiện đại. Những con chó chăn bò chắc hẳn cũng phải trải qua cái kiểu rắc rối như thế này. Khi chúng cắn chặt vào cái tai hay cái đuôi của một con bò đực, có lẽ chúng tin rằng chúng đã giữ được cả con vật.

Erich đến ăn tối vào một đêm thứ Sáu. Bobby và tôi đang làm một bữa tối nhỏ nóng sốt, đang

là một thời đó: mì ống với thảo mộc tươi, gà quay, các loại rau từ ba lục địa. Chúng tôi muốn tạo ra một sự ấn tượng. Khi cùng nhau chuẩn bị bữa tối, chúng tôi cùng đoán xem trông Erich như thế nào.

“Em nghĩ anh ta là người ủ dột,” tôi nói. “Một trong những mẫu người có tính khí thất thường, trầm lặng mà người ta thường gọi là “khó tính”, trong khi điều họ thực sự muốn ám chỉ lại là “một gã dở người”.”

“Em nghĩ là Jonathan, ờ, sẽ thích một người như thế sao?” Bobby nói.

“Em nghĩ cậu ta có thể *bị* một người như thế cuốn hút,” tôi nói. “Anh nên nhớ rằng, cậu ta không hề giới thiệu người này cho bất cứ người bạn nào.”

Bobby đang thái hạt lựu một quả ớt vàng. Tôi đứng áp lưng mình vào lưng anh, rửa rau arugula. Chúng tôi đã quen với việc cùng nhau làm việc trong căn bếp nhỏ xíu này. Chúng tôi đã biết cách cử động một cách nhịp nhàng, ăn khớp.

“Ừ,” anh nói. “Vậy có lẽ em đã đúng. Anh thì hình dung ra anh ta giống như một tên tội phạm.”

“Một tên *tội phạm*? Anh nghĩ thế thật à?”

“Không đến nỗi giống như một kẻ giết người đâu. Không phải loại tội phạm nghiêm trọng đến thế. Giống kiểu mấy gã bán ma túy hơn. Em biết đấy. Loại người làm những việc bất lương ấy.”

“Nhưng anh ta là một diễn viên,” tôi nói. “Chúng ta biết rõ điều đó mà.”

“Ồ, anh nghĩ nhiều người trong số họ vẫn bán ma túy. Em không nghĩ thế sao? Ý anh là, nếu không làm thế thì họ còn cách nào để tự nuôi mình nữa?”

“Anh nghĩ trông mặt mũi anh ta thế nào?”

“Ừm, có màu da sẫm,” anh nói. “Không quá đẹp trai đến mức nổi bật. Hơi thâm trầm, ừm, một cách khó chịu. Anh nghĩ anh ta có một túm tóc đuôi ngựa nhỏ.”

“Hừm. Em nghĩ anh ta còn rất trẻ. Anh biết đấy, một trong những gã tóc vàng hoàn hảo từ miền Trung Tây đổ dồn về đây và cuối cùng xuất hiện trong những quảng cáo kem đánh răng ấy.”

“Rồi chúng ta sẽ biết thôi,” Bobby nói. Và nửa tiếng sau, chúng tôi đã có câu trả lời. Jonathan và Erich về cùng nhau. Họ mang theo những bông tulip vàng trồng trong nhà kính, và một chai rượu vang đỏ. Jonathan để Erich đi trước. Cậu nán lại gần cửa như thể cậu định chuồn mất và để lại ba người bọn tôi lại với nhau.

Erich bắt tay tôi, rồi bắt tay Bobby. “Rất vui khi được gặp các bạn,” anh ta nói.

Dáng người anh ta mảnh khảnh, đầu bị hói. Anh ta mặc quần jean và áo phông có cổ màu xanh hải quân với logo nhãn hiệu thời trang Ralph Lauren – hình một con ngựa trong trò polo – được thêu bằng chỉ đỏ trên ngực.

“Erich,” tôi nói. “Người đàn ông bí ẩn.”

Vầng trán cao của anh ta sa sầm lại. Anh ta có khuôn mặt sắc sảo, với cái cằm nhọn hoắt, cái mũi cũng nhọn và đôi mắt nhỏ lạnh lợi. Những chi tiết đó được đặt quá sát với nhau. Đó là một khuôn mặt hốt hoảng, nhẩn nhúm. Trông Erich có vẻ giống với một người đàn ông bị kẹt đầu giữa hai cánh cửa thang máy. Anh ta gật đầu.

“Thực sự tôi không phải một kẻ bí ẩn,” anh ta nói. “Ồi, không. Không bí ẩn chút nào. Tôi rất tiếc vì trước đây chúng ta chưa gặp nhau. Tôi, ừm, rất vui khi được đến đây.”

Anh ta cười như thể bị dấm vào bụng.

“Anh uống gì nhé?” Tôi nói. Anh ta nói là anh ta muốn uống nước khoáng seltzer, và Jonathan vội đi lấy đồ uống. Chúng tôi ngồi xuống trong phòng khách.

“Căn hộ đẹp lắm,” Erich nói.

“Một cái ổ lợn thì có,” tôi trả lời. “Dù sao cũng cảm ơn lời khen của anh. Anh không phải bước

qua xác chết nào trong hành lang đầy chửi?”

“Ôi, không,” anh ta nói. “Không. Sao chị lại hỏi thế? Chuyện đó từng xảy ra ở đây à?”

Tôi không biết liệu anh ta thấy ghê sợ hay thích thú trước ý nghĩ về những kẻ giết người trong hành lang. Anh ta có một giọng nói nhiệt tình, khó hiểu.

“Gần đây thì không,” tôi nói. “Mà anh là diễn viên à?”

“Vâng. Ừm, tôi cũng không biết nữa. Gần đây tôi chỉ là một nhân viên pha chế rượu nói. Chị làm nghề gì?”

Anh ta ngồi trên cái ghế bành mà tôi đã kiếm được ở đại lộ Một. Một cái ghế lưng xòe cũ khổng lồ bọc vải thêu kim tuyến màu xanh lá. Anh ta ngồi như thể bị ai đó chỉ định là phải chiếm ít diện tích nhất có thể, chân bắt chéo và tay chắp trên đùi.

“Tôi bán mấy thứ đồ rẻ tiền ấy mà,” tôi nói. “Tôi làm khuyên tai từ những món đồ phế thải.”

Anh ta gật đầu. “Và chị có thể sống được với nghề đó?” Anh ta hỏi.

“Trong chừng mực nào đó,” tôi đáp.

Tôi không bao giờ kể với những người lạ về khoản tiền gửi ngân hàng của tôi. Tôi thấy mình quá vô dụng và hư hỏng khi có một khoản thu nhập không làm mà có trong khi mọi người xung quanh tôi đang phải vật lộn mưu sinh để trả tiền thuê nhà. Tôi luôn có việc làm nhưng không phải những công việc nặng nhọc, vất vả mà người ta chấp nhận để có thể trang trải tất cả các khoản chi tiêu.

Giờ đây tôi mơ hồ cảm thấy rằng tôi đã để lộ một điều gì đó đáng trách. Erich có thể là một gián điệp của CIA. Một mật vụ không cần ngụy trang và rõ ràng đến mức khiến người ta thốt ra những mảnh khoe lừa đảo dễ tiện vì lúng túng.

Jonathan mang đồ uống đến. “Vì sự kết thúc của một điều bí ẩn,” tôi nói, và chúng tôi cùng nâng ly uống mừng điều đó.

“Anh có, ừm, thích loại nhạc đặc biệt nào không?” Bobby hỏi.

Erich nháy mắt với anh. “Tôi yêu âm nhạc,” anh ta nói. “Tôi thích tất cả các loại nhạc.”

“Tôi đi mở nhạc đây,” Bobby vừa nói vừa đứng dậy. “Anh có, ừm, muốn nghe loại nào đặc biệt không?”

“Để tôi xem các bạn có gì nào,” Erich nói. Và với vẻ duyên dáng không ngờ, anh ta nhồm dậy khỏi cái ghế vô chủ và theo Bobby đến bên máy cassette.

Lúc này Jonathan và tôi mới có cơ hội giao tiếp bằng mắt với nhau. Cậu mấp máy môi nhưng không phát ra tiếng. “Em đã bảo rồi.”

Bobby ngồi xổm trước những cái giá đựng băng cassette.

“Gần như loại nào chúng tôi cũng có một ít,” anh nói. “Chúng tôi gần như, anh biết đấy, có tất cả mọi thể loại.”

“Anh có Coltrane này,” Erich nói. “Ôi, xem này, anh có cả the Doors nữa.”

“Anh thích the Doors à?” Bobby hỏi.

“hồi còn nhỏ tôi đã muốn được *trở thành* Jim Morrison[\[56\]](#) đấy”, Erich nói. “Tôi thường bắt chước những động tác của anh ấy ở sân sau. Ngày nào tôi cũng tập luyện và lẩm nhẩm hát theo. Nhưng rồi tôi nhận ra rằng tôi thiếu vài phương tiện cơ bản.”

Anh ta cười, giống như một luồng khí bất ngờ phun ra.

“Vậy ta sẽ mở băng của anh ta luôn,” Bobby nói, và nhét cuốn băng của the Doors vào máy.

“Anh có thích Bob Dylan không?” Anh hỏi Erich.

“Ôi, chắc chắn rồi. Tôi cũng muốn trở thành Bob Dylan nữa đấy.”

“Tôi đã mang theo vài đĩa hát từ Ohio,” Bobby nói. “Tôi có vài cái, anh biết đấy, khá hiếm. Anh thích Hendrix không?”

“Tôi rất thích Hendrix. Anh ta là, anh biết đấy, nghệ sĩ vĩ đại nhất.”

“Tôi có thể kiểm được bằng cassette của của vài đĩa nhạc. Nhưng có mấy cái quá hiếm. Anh có muốn xem chúng không?”

“Có. Có chứ. Rất muốn.”

“Nhưng chúng ta không thể nghe chúng được,” Bobby nói. “Chúng tôi chưa có máy quay đĩa. Chúng tôi phải mua một cái thôi. Dù chúng sắp, anh biết đấy, lỗi thời rồi.”

“Tôi có một cái máy quay đĩa đấy,” Erich nói. “Nếu anh muốn, thi thoảng, anh có thể đến và mở đĩa của anh ở nhà tôi. Nếu anh muốn.”

“Ôi, tuyệt quá. Sẽ rất tuyệt đấy. Đến đây nào, tôi cất những cái đĩa trong phòng của Clare và tôi.”

Erich nói với Jonathan và tôi: “Hai người thứ lỗi cho chúng tôi một phút nhé?” Và tôi chợt thấy anh ta giống như một đứa trẻ lên tám hoặc chín: lễ phép và quá hăng hái, hay khóc nhè, một bí ẩn đối với cha mẹ anh ta.

“Dĩ nhiên rồi,” tôi nói. Sau khi họ đi khuất tôi nói nhỏ với Jonathan: “Chà, hai cậu bé đó có vẻ hợp nhau đấy chứ.”

Cậu lắc đầu: “Em đã bảo chị đây sẽ là một thảm họa mà. Chị đâu có nghe em.”

“Vớ vẩn. Thảm họa thảm hiếc gì. Bobby thích anh ta mà.”

“Và chị sẽ nghĩ anh ta là một kẻ ngớ ngẩn và chán ngắt.”

“Jonathan. Tôi mới biết anh ta chừng năm phút thôi.”

“Năm phút là đủ. Chị phải ngủ với anh ta thì mới hiểu được anh ta hơn nữa.”

“Tôi không hiểu sao cậu vẫn hẹn hò với anh ta bao năm qua nếu cậu không thích anh ta lắm,” tôi nói.

“Tình dục,” Jonathan nói. “Và sự điên rồ của em. Ôi, em nghĩ em thích anh ta nhưng không phải vì yêu đương. Em chưa bao giờ muốn anh ta dính dáng đến những người khác trong cuộc đời em, và em đã đứng về điều đó.”

“Cậu là một người rất lạ lùng.”

“Chẳng lẽ em còn không biết sao,” cậu nói.

Khi Bobby và Erich quay lại, tôi gợi ý rằng chúng tôi nên mang đồ uống lên nóc nhà để ngắm hoàng hôn. Điều quan trọng là phải giữ cho cuộc vui tối nay được tiếp tục, tôi hậm chí là cưỡng ép nếu cần thiết. Đó là một buổi tối cuối tháng Ba ấm áp kỳ lạ. Đó là kiểu thời tiết gợi cho người ta nghĩ đến một mùa xuân đến sớm hay những tác động của một vụ thử hạt nhân.

Jonathan hào hứng đồng ý, Bobby và Erich thì ít hứng thú hơn. Tôi biết họ đang nghĩ gì. Nếu chúng tôi leo lên nóc nhà, họ sẽ lỡ mất bài tiếp theo của đĩa *Strange days*.

“Các chàng trai, chúng ta có thể mở lại nhạc khi chúng ta trở xuống mà,” tôi nói và ngạc nhiên khi thấy giọng mình nghe giống như giọng của một bà mẹ đến thế.

Chúng tôi leo cầu thang lên nóc nhà, một khoảng sân thượng bằng phẳng trải nhựa đường, bao quanh bởi trần tường bằng bê tông có hoa văn. Mặt trời màu cam lơ lửng phía chân trời New Jersey. Bóng của những chiếc ăng ten ti vi đan vào nhau rối rắm, kỳ cục. Những ô cửa sổ của các tòa nhà cao tầng thuộc khu dân cư ánh lên màu hổ phách và màu đồng thếp. Một đám mây hồng mập mạp, cuộn cuộn và xếp nếp như ngà voi được khảm, lưng lờ đón lấy ánh nắng cuối cùng tỏa xuống Brooklyn. Những tấm rèm có diềm xếp nếp tung bay và tiếng nhạc salsa thoát ra qua một cửa sổ để ngỏ phía bên kia ngõ. Chúng tôi đứng quay mặt về phía tây, kéo theo những chiếc bóng dài đến sáu mét.

“Đẹp quá,” Jonathan nói. “Chỉ đến khi ta nghĩ rằng ta sẽ chuyển về miền quê, thành phố mới làm được một điều như thế này.”

“Tôi rất thích nóc nhà,” tôi nói. Một lần nữa tôi lại ngạc nhiên trước giọng nói của mình. Tôi đã trở thành một bà chủ nhà như thế này từ khi nào vậy?

“Ở khu nhà tôi các bạn sẽ không thể nghe thấy loại nhạc này,” Erich nói. “Không bao giờ có

loại nhạc Mexico này, không hề.”

“Tôi cũng hơi thích nó đấy,” Bobby nói.

“Tôi cũng thế,” Erich đáp.

Bobby ngoáy hông theo điệu nhạc, và chẳng mấy chốc anh đã bắt đầu nhảy nhót. Bình thường, khi thấy anh vui vẻ, hơi lúng túng trong ngày, bạn có thể quên mất rằng anh là người nhảy giỏi như thế nào. Đó là một trong những điều đáng ngạc nhiên ở anh. Khi một nốt nhạc vang lên, anh có thể làm những động tác thật duyên dáng và hăng hái. Có vẻ như anh đã trút được vài gánh nặng từ bên trong. Một hồn ma của người sống, toàn xương và sụn, sẵn sàng biến mất trước một tiếng guitar bập bùng hay tiếng còi pim pim đầu tiên. Trên đĩa hát, một giọng ca nữ được đệm bởi tiếng trống lắc và tiếng guitar đang hát hết mình bằng tiếng Tây Ban Nha, với niềm đam mê giản đơn không giấu giếm. Bobby, người thích tất cả các loại nhạc, dù hay hay dở, đang nhảy nhót khi mặt trời dần dần khuất dạng.

Erich liếc nhìn Jonathan và tôi. Tôi biết anh ta đang nghĩ gì. Tôi nói: “Nhảy đi nào.” Và với nụ cười ngượng ngịu, anh ta bắt đầu nhảy cùng Bobby.

Anh ta không nhảy giỏi như Bobby, nhưng anh ta có thể di chuyển bàn chân nhịp nhàng nghe tiếng nhạc và làm những động tác uốn éo nhẹ nhàng bằng đôi cánh tay. Bobby quay sang phía anh ta khi bầu trời vượt mất mảng màu xanh cuối cùng và một ngôi sao mờ mờ bắt đầu xuất hiện trên vòm trời phía đông loang sắc tím.

Jonathan và tôi đứng ngẩn họ, tay vẫn cầm đồ uống của mình. Jonathan nói: “Em không muốn phải đứng ngoài lề cuộc vui này. Chị có nghĩ thế không?”

“Không”, tôi nói. “Hoàn toàn không.”

Jonathan đặt ly rượu xuống lan can và bắt đầu nhảy cùng Bobby và Erich. Cậu là một vũ công thanh lịch dù hơi kiềm chế. Cậu chỉ di chuyển trong một khoảng không gian nhỏ hẹp, không bao giờ vượt quá những giới hạn xác định nào đó. Tôi ngắm nhìn họ. Trong một thoáng – chỉ một thoáng – tôi thấy thế giới như đang trôi xa dần. Tôi thấy mình đang đứng trong ánh hoàng hôn, đang già đi trong chiếc váy màu tía nhạt mua ở cửa hàng đồ cũ khi một nhóm thanh niên đang cùng nhau nhảy múa. Nó khác xa một khoảnh khắc bình thường. Tuy nhiên tôi lại cảm thấy như thế trước đây mình cũng đã từng sống trong khoảnh khắc đó.

Để mang mình trở lại với cuộc sống thực tại, tôi bắt đầu nhảy. Tôi còn có thể làm gì khác? Hai gót giày tôi dính vào lớp nhựa đường, tạo nên những âm thanh *pốc pốc* khe khẽ cho đến khi tôi tháo chúng ra và nhảy bằng đôi chân đi bít tất dài.

Jonathan nói: “Vâng, và bây giờ là bài hát trên nóc nhà của vở nhạc kịch *Câu chuyện miền Tây*. Các bạn đã sẵn sàng chưa?”

“Câu đầu tiên là thế nào nhỉ?” Tôi hỏi.

“Xem nào. *Tôi thích sống ở Mỹ.*”

“*Tôi thấy thật tuyệt khi sống ở Mỹ.*”

“*Mọi thứ đều tự do ở Mỹ.*”

“*Chỉ với một khoản phí nhỏ ở Mỹ.*”

Chúng tôi hò reo và vỗ tay. Khi bài hát đó kết thúc, tôi thực hiện một cú nhào lộn ba lần liên tiếp một cách hoàn hảo. Tôi đã không làm thế ít nhất là mười lăm năm rồi. Tôi cảm thấy chân mình thẳng băng như những con dao chém vào không khí.

“Tôi từng muốn được làm thành viên của đội cổ vũ đấy,” tôi bảo họ. “Trước khi tôi quyết định sa xuống địa ngục.”

Điều gì đó đã giữ chân chúng tôi trên đó. Tôi nhớ đến một cảm giác từ thời thơ ấu, khi một trò chơi đang đến lúc sôi nổi. Bobby đã cởi khuy áo, và hiện chiếc áo đang phình ra trong gió. Tất cả chúng tôi đều nhảy múa thật hăng hái, như những thành viên của một đội hợp xướng Broadway, với những cú nhảy và xoay mình. Khi tiếng nhạc salsa ngừng lại, chúng tôi bắt đầu hát. Chúng tôi hát hết những đoạn mà mình có thể nhớ trong bài *The Jets song* và bài *Officer Krupke*. Chúng tôi hát tất cả các bài từ vở *Tóc*.

Bobby nói: “Anh trai tôi từng mở đĩa đó mười lần một ngày. Cho đến khi mẹ tôi phải vứt nó đi. Anh ấy lại kiếm được một cái đĩa khác. Vì thế mẹ tôi phải ném cả cái giàn âm thanh đi.”

“Một người anh em họ của tôi từng đóng trong vở *Tóc*,” tôi nói. “Vài năm trước, ở một nhà hàng có sân khấu kịch tại Florida.”

Chúng tôi hát vài bài của vở *Nam Thái Bình Dương*, và tất cả các bài của vở *Cô nàng đồng danh* mà chúng tôi có thể nghĩ tới. Chúng tôi nhảy theo giọng hát của chúng tôi. Khi chúng tôi không thể nhảy tiếp được nữa, chúng tôi ngồi xuống lớp nhựa đường ẩm áp, hít lấy mùi đất ẩm trộn lẫn với các chất hóa học khác. Chúng tôi vẫn hát. Bất chợt, khi chúng tôi đang hát bài *Get me to the church on time*, tôi nhìn sang Jonathan và bắt gặp cậu đang chăm chăm nhìn tôi với vẻ mà tôi chưa từng thấy trước đây. Đó là một cái nhìn trùng trùng, đau đầu, không rõ là tức giận hay âu sầu. Khi mắt chúng tôi giao nhau, cậu vội ngược lên trời. Chúng tôi hát bài *I heard it through the grapevine* và *Norwegian wood*. Bobby và Jonathan cùng nhau hát vài bài của Laura Nyro, cho đến khi tôi bắt họ quay lại với những bài mà tất cả chúng tôi đều thuộc. Chúng tôi ngồi hát trên cái nóc nhà đó cho đến khi bóng tối đích thực ập đến, và thành phố tỏa ra quanh chúng tôi những ánh đèn của mười triệu bữa tiệc.

BOBBY

Sau hôm chúng tôi cùng nhau nhảy múa trên nóc nhà, Jonathan đột ngột biến mất. Cậu chẳng để lại gì ngoài vài tờ trên một mảnh giấy đặt ở bàn, được chặn dưới cái máy xay hạt tiêu. “*B. và C. thân mến, chúc hai người hạnh phúc bên nhau. Nghe có vẻ hơi sến, đúng không? Đại khái là, tôi đang bắt đầu lại cuộc đời ở một nơi nào đó, thực sự cũng không biết là ở đâu nữa. Thứ đồ nào của tôi mà hai người không dùng được thì cứ vứt đi. Thân Yêu, J.*”

Clare và tôi đọc đi đọc lại những dòng chữ đó, như thể chúng là mật mã cho một thông điệp khác dễ hiểu hơn. Nàng gọi điện đến tòa soạn và biết được rằng cậu thôi việc sáng hôm đó, không hề báo trước. Cậu đã bỏ đi, không để lại địa chỉ của nơi cậu sắp đến. Phòng cậu vẫn mang màu trắng và đượm vẻ trống vắng. Theo những gì chúng tôi nhận thấy, chỉ vài bộ quần áo của cậu biến mất.

“Chết tiệt,” Clare nói. “Tên khốn kiếp đó. Sao cậu ta có thể làm thế?”

“Anh không biết,” tôi nói. “Anh nghĩ cậu ấy chỉ làm vậy thôi.”

Clare giận dữ còn tôi trở nên dờ dẩn. Sự ra đi của người khác thường đem lại cho tôi cảm giác thần thờ - tôi thấy đầu óc mình cứ u mê. Khi ai đó bỏ đi, tôi chẳng còn biết gì nữa. Trong tôi ngập tràn cảm giác bối rối khó chịu, nó mạnh mẽ hết như tác dụng của ma túy. Đó là một kiểu trì trệ, tôi nghĩ vậy. Một kết nối nơ-ron bị thiếu. Một người vốn dĩ từng ở đây đã không còn ở đây nữa. Có vẻ tôi không thể hiểu nổi.

“Jonathan, đồ đê tiện,” Clare nói. “Ngay khi mọi chuyện đang bắt đầu tiến triển.” Nàng vo viên tờ giấy và ném vào thùng rác, rồi sau đó lại bới nó lên, như thể nàng nghĩ nàng cần phải giữ nó lại làm bằng chứng.

“Cậu ấy sẽ quay lại?” Tôi nói. Đó là điều mà tôi định bảo nàng, nhưng không ngờ lại diễn đạt nó như một câu hỏi.

“Bọn đàn ông làm sao thế nhỉ?” Clare nói. Nàng đứng trên thảm phòng khách, tay khoanh trước ngực và hàm nghiền chặt lại. Tôi thấy rằng ở kiếp trước, có thể nàng đã là một giáo viên, một phụ nữ lơ đãng, lúc đầu khiến bạn thấy kỳ quặc nhưng cuối cùng lại làm thay đổi cuộc đời bạn. Tôi không đáp. Tôi đang ngồi trên cái ghế bọc vải nhung trơn mà chúng tôi đã tha về nhà từ góc phố Năm và Mười tám. Tay tôi kẹp chặt giữa đùi. “Thật sự đấy,” nàng nói. “Em muốn biết. Anh có biết không? Trong đầu họ nghĩ gì vậy? Họ muốn gì?”

Tôi nhún vai. Đó không phải là câu hỏi mà tôi có thể trả lời, dù có vẻ nàng ngỡ là tôi làm được. Có lẽ tôi là học sinh ngu dốt nhất trong lớp của nàng, không thể trả lời ngay cả những câu dễ nhất mà nàng đặt ra cho tôi.

“Em đi ra ngoài đây,” nàng nói. Nàng khoác áo khoác lên vai, đó là cái áo da bạc màu với biểu

tượng hòa bình trên lưng. Đôi khuyên tai của nàng kêu leng keng và lấp lánh. Nàng xuống cầu thang với tiếng giày lộp cộp đầy quyết tâm khiến tôi nghĩ rằng trong vòng một giờ nữa nàng sẽ kéo tai Jonathan lôi về. Nàng sẽ kiểm tra các nhà ga và sân bay, chặn lại các phương tiện giao thông trên cầu George Washington. Khôn gai có thể thoát khỏi nàng khi nàng to lớn và đang cáu giận như thế. Nhưng chưa đầy một giờ sau, nàng quay về một mình. Tôi hầu như vẫn bất động. Tôi đã dành cả tiếng đồng hồ ngồi trong phòng khách, để mặc thời gian đằng đẵng trôi qua. Khi Clare quay về, nàng dừng lại một lúc, nhìn tôi bối rối.

“Em có tìm thấy cậu ấy không?” Tôi hỏi.

“Dĩ nhiên là em không tìm thấy.”

Nàng dùng dùng bước đến bên tôi. “Anh có yêu em không?” Nàng hỏi.

“Anh không biết,” tôi nói. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là nói ra sự thật.

“Em cũng không biết là em có yêu anh không nữa,” nàng nói. Nàng cởi áo tôi mạnh đến mức làm rách toạc những đường chỉ. Chúng tôi làm tình trên sàn phòng khách. Nàng cắn vào cổ tôi và đầu vú tôi, rút tóc tôi. Nàng để lại những vết máu chạy dọc theo lưng và mông tôi.

Jonathan đã rút hết tiền khỏi ngân hàng và mua một tấm vé đi đâu đó. Clare và tôi mất vài tuần mới thôi mong ngóng tin tức của cậu.

“Em không hiểu nổi,” nàng nói. “Có vẻ đây không phải là sự thật, đây chỉ là vài kiểu *thông điệp* nào đó. Anh biết Jonathan có thể là người như thế nào mà.”

“Anh biết,” tôi nói. Nhưng cậu thực sự đã bỏ đi. Cô Alice và chú Ned không thể nói gì với chúng tôi, và tất cả những gì chúng tôi biết về Erich là cái tên của anh ta và việc anh ta đang làm ở một nhà hàng nào đó. Sau bữa tối hôm đó, chúng tôi đã chúc mừng nhau vì khả năng vui chơi của mình. Chúng tôi cùng nhau hứa hẹn sẽ mau chóng làm một điều nào đó loạn tương tự như thế. Chúng tôi không nghĩ rằng mình cần gì đó đặc biệt để liên lạc với nhau.

Jonathan dường như đã rơi xuống một cái cửa bẫy. Lần cuối chúng tôi thấy cậu là lúc cậu đang rửa bát đĩa, hớp nốt chỗ rượu Scotch cuối cùng, và hôn chúc hai chúng tôi ngủ ngon. Sáng hôm sau cậu đi làm từ sớm. Và khi Clare cùng tôi về nhà tối hôm đó, chúng tôi phát hiện ra mảnh giấy.

“Tên khốn ngu ngốc,” Clare nói. “Cậu ta làm sao thế không biết.”

“Cậu ấy là mẫu người đa cảm,” tôi nói. “Cậu ấy không thể dừng được.”

Tôi chờ đợi những cảm giác thực sự của mình ập đến. Tôi chờ đợi tất cả những phản ứng thích hợp: thịnh nộ và thất vọng, cảm giác bị phản bội. Nhưng hàng tuần trôi qua mà sự trống rỗng vẫn cứ bám lấy tôi. Chẳng có gì xảy ra cả, chẳng có gì hết. Tôi cảm thấy dường như tôi đã quay trở lại với cuộc sống kiểu Cleveland trước đây của mình, một cuộc sống được tạo nên từ những chi tiết. Khi ở chỗ làm, tôi cắt nhỏ những tảng pho mát và thái nấm. Lúc ở nhà, tôi thường xem ti vi, ngắm ánh nắng thay đổi bên ngoài cửa sổ, hay ngắm nhìn thời gian trôi qua khi mở những đĩa hát. Tôi ngạc nhiên khi thấy rằng New York có thể bình thường và yên ả như Cleveland. Nó có thể mang vẻ hoang phế tương tự như thế. Dù chúng ta vẫn thường nghĩ rằng những người đã khuất chỉ sống trong quá khứ, nhưng giờ đây tôi tin rằng họ vẫn tồn tại trong một hiện tại bất tận. Không có hy vọng về những điều tốt đẹp hơn trong tương lai. Không có kỷ ức về mỗi khoảnh khắc đã xảy ra trong quá khứ.

Không có Jonathan, tôi tự ám ảnh cuộc sống của mình. Tôi không thể giao tiếp với ai. Tôi bước qua từng thời khắc như một vong hồn đang thơ thẩn đi dạo với vẻ ngạc nhiên qua những căn phòng mà anh ta từng khiêu vũ, khóc lóc và làm tình, những căn phòng mà hồi còn sống anh ta đã thờ ơ.

Clare đã vượt qua được một loạt những cảm xúc quen thuộc hơn, và dần bình tâm lại. Nàng đã tự dạy mình chấp nhận những bí ẩn và sự ích kỷ đến mức khó chịu của Jonathan. Nàng đã đề ra một nguyên tắc: không bao giờ tin tưởng ai dưới ba mươi tuổi. “Họ không thể sống có trách nhiệm, ngay cả khi đã ở tuổi hai mươi tám,” nàng nói. “Ở độ tuổi đó, ta vẫn còn đang khám phá bản thân mình. Em thực sự mong muốn những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với Jonathan. Em hy

vọng một lúc nào đó, sau khi đã có được một tính cách ổn định, cậu ấy sẽ gọi điện cho em.”

Nàng đã ghét bỏ tôi trong một thời gian vì tôi đang ở độ tuổi hai mươi tám. Sau lần làm tình dữ dội trên sàn phòng khách đó, nàng đã thôi không còn ngủ với tôi nữa. Nàng bảo tôi đến ngủ ở giường của Jonathan, để nàng sẽ không cảm thấy thiếu vắng nếu một ngày nào đó tôi cũng đột nhiên biến mất. Và rồi, sau gần một tháng, nàng trườn lên giường với tôi lúc nửa đêm. “Em thực sự là một con đê tiện đúng không?” Nàng thì thầm. “Hãy tha lỗi cho em, cưng nhé. Chỉ vì em không thể chịu được cảnh mình bị bỏ rơi. Anh nghĩ thế nào? Anh có nghĩ rằng tự bọn mình có thể cùng nhau xoay xở được không, chỉ hai người chúng mình thôi ấy?”

Tôi bảo nàng rằng tôi nghĩ có lẽ chúng tôi có thể làm được. Theo như những gì chúng tôi biết, chúng tôi cũng phần nào yêu nhau. Tôi thích làm tình với nàng, tôi thích hơi ấm và sự bất ngờ toát ra từ thân thể nàng. Tôi thích vệt lông hoe vàng nhỏ xíu trải từ rốn đến chỗ kín của nàng, và tôi thích những nếp nhăn mà móng nàng tạo ra khi nó gập đùi nàng. Đêm đó chúng tôi lại làm tình, lần đầu tiên sau một tháng ngủ riêng, và dù chúng tôi đã thực hiện tất cả các động tác, nhưng điểm quan trọng nhất lại không đạt được. Tôi đã ngờ rằng nó sẽ trở nên như thế. Giờ đây tình dục là một chuỗi những chi tiết, với sự bùng nổ ngọt ngào vào lúc cuối cùng. Đó là một nét đặc trưng khác của ngày thường.

Sau đó, chúng tôi lại ngủ chung giường. Chúng tôi làm tình một hay hai lần một tuần. Nhưng Jonathan đã mang theo một thứ gì đó từ bầu không khí khi cậu bỏ đi – một điều tiếp theo mãi không xảy ra. Clare và tôi bị mắc kẹt ở hiện tại. Theo như những gì chúng tôi biết lúc này, đó là nơi thích hợp dành cho chúng tôi. Nhưng khi điều đó xảy ra – khi chúng tôi mất hết ý thức về quá khứ và tương lai – chúng tôi bắt đầu buông xuôi. Clare cũng cảm thấy thế. Nàng gọi tôi là “anh yêu” và “cưng” nhiều hơn. Nàng nhìn tôi với vẻ trù mến dịu dàng hoàn toàn đối lập với khao khát. Tôi bắt đầu nhận ra những đường gân cổ của nàng cứ nháy nhót khi nàng nói. Tôi cũng để ý hơn đến việc nàng cứ vách những bức tranh vô hình trên mặt bàn khi nói chuyện, và mascara đôi khi bị vón cục dày cộp trên lông mi nàng.

Chúng tôi vẫn làm những việc quen thuộc. Chúng tôi xem ti vi và đi xem phim, mua quần áo cũ và đi dạo qua những khu vực lân cận đang ngày một thay đổi. Đôi khi chúng tôi đến những câu lạc bộ và các bữa tiệc, nhưng những dịp ở riêng bên nhau thì cứ trôi xa dần. Chúng tôi không biết phải nói gì với nhau. Tôi không phải là người hay chuyện. Tôi tiếp thu mọi thứ, nhưng không thể cất chúng thành lời để truyền đạt lại. Trước đây Jonathan đã luôn nói thay cho cả hai chúng tôi. Còn bây giờ, những đợt im lặng cứ trải dài mãi. Không có ai ngoài Clare và tôi trở về nhà. Chúng tôi không còn biết bàn tán về ai, lo lắng cho ai, trừ hai người chúng tôi với nhau.

Tôi nghĩ đến bố mẹ mình. Tôi nghĩ đến cô Alice và chú Ned.

Đây là tình yêu giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Tôi đã có thêm nhiều hiểu biết về nó trong vốn kiến thức liên tục được tích lũy của mình.

Hè qua, thu tới. Đến tận cuối tháng Mười một tôi mới gặp Jonathan, và cũng chỉ là tình cờ. Tôi đến gặp bác sĩ trị liệu ở khu Upper West Side để chữa cái lưng đau do tôi bê một thùng sâm banh ở chỗ làm. Khu Upper West Side giống như một thành phố khác – vì chỗ chúng tôi sống có vẻ sầm uất hơn. Khi đi trên quảng trường từ phía tây của công viên Trung tâm đến bến tàu điện ngầm, tôi trở mắt ngơ ngẩn, như một du khách, nhìn ngắm mùa thu vàng đang trải ra trong công viên Trung tâm và dõi theo những con chó nhỏ xinh xắn đang lon ton chạy theo đôi giày bóng loáng của những người chủ. Tôi quá đắm chìm trong vẻ khác biệt của nơi này đến nỗi tôi gần như đi qua Jonathan.

Cậu đang dựa vào sườn gạch của một tòa chung cư, đọc tờ *The Village Voice*. Tôi nhìn chăm chăm vào cậu như thể cậu cậu là một đặc điểm của nơi này. Cậu giống như từ trong một bức ảnh bước ra cuộc đời thực, giống như khi bạn trông thấy những chi tiết của Paris hiện ra khi bạn dạo qua nó trong một chuyến du lịch trọn gói ba ngày.

Tôi nói: “Jonathan à?”

Cậu ngẩng lên, và gọi tên tôi.

“Jonathan, mình... có phải cậu không đấy?”

Cậu gật đầu. “Mình đây. Mình về thành phố được vài tuần rồi.”

“Mình, ôi, Chúa ơi. Mình không biết nói gì cả. Ừm, cậu ổn chứ?”

Tôi bối rối bởi sự xuất hiện trở lại của cậu giống như khi cậu bỏ đi. Một lần nữa, cơ thể tôi ngừng hoạt động và tôi trôi nổi trong không gian.

“Mình vẫn ổn, Bobby, mình không có ý định gặp lại cậu như thế này.”

“Ừ. Ý mình là, cậu có thể nói cho mình biết chuyện gì đã xảy ra không?”

Cậu thở dài. “Mình xin lỗi vì cái cách mà mình bỏ đi. Nó hơi kỳ cục, đúng không? Mình chỉ... mình biết mình sẽ không thể làm cách nào khác được. Mình sẽ chỉ quanh quẩn ở đó làm một ông chú cho đến khi cậu và Clare chuyển đi và bỏ lại một mình mình trong căn hộ kinh khủng đó. Clare thế nào?”

“Cô ấy vẫn ổn. Cô ấy, ờ, hầu như vẫn vậy. Mình nghĩ bọn mình đều không có gì thay đổi mấy.”

“Nghe giọng cậu cứ như đó là một định mệnh khủng khiếp vậy,” cậu nói.

Tôi nhún vai, và cậu lại gật đầu. Cậu quen thuộc đến mức khiến tôi khó lòng nhìn kỹ. Khuôn mặt và quần áo của cậu cứ nhòe nhòe. Có thể tôi đã băng qua một ranh giới tinh thần và thực sự chỉ đang nói chuyện với ai đó giống Jonathan mà thôi. New York đầy rẫy những người bị ảnh hưởng bởi những mất mát của riêng họ, và cho rằng họ có quen biết với bất cứ ai trên đường phố.

“Cậu muốn đi uống hay làm gì đó không?” Cậu hỏi.

“Ừ,” tôi nói. “Chắc chắn rồi.”

Chúng tôi đi đến quán đầu tiên mà chúng tôi thấy, một quán bar Ireland phục vụ món thịt bò muối trên một chiếc bàn giữ nhiệt. Đó là phiên bản phía bắc của những quán bar ở Village mà chúng tôi vẫn thường đến vào những buổi tối sấm vai nhà Henderson. Những vật trang trí làm bằng giấy xếp trong lễ Giáng sinh đã trở thành vật cố định ở đó quanh năm, và ti vi đang chiếu một bộ phim dài tập quá tươi sáng cho một phụ nữ lớn tuổi đơn độc đang ngồi ở quầy bar, sẵn sàng quát lên với bất cứ ai làm ảnh hưởng đến bà.

Jonathan gọi một ly “Dewar’s có đá”, còn tôi uống bia. Cậu cụng nhẹ ly cậu vào ly tôi. “Cậu có nghĩ là sẽ còn gặp lại mình không?” Cậu hỏi.

“Mình không biết. Làm sao mình biết được?”

“Ừ. Làm sao cậu biết được.”

“Cậu đã đi đâu thế?” Tôi hỏi cậu. Tôi vẫn chưa lấy lại được ý thức về thực tại. Tôi thoáng nghĩ đến việc nói lời xin lỗi, rồi đến bên chiếc điện thoại công cộng ở đằng sau và gọi cho cảnh sát. Nhưng tôi sẽ nói gì với họ?

“Chà, tài khoản ngân hàng của mình không có nhiều tiền lắm. Ý mình là, nếu mình có hàng nghìn đô, có lẽ mình đã đi Florence hay Tokyo hay đâu đó. Nhưng với những gì mình có, mình chỉ đến được California. Cậu có nhớ Donna Lee, bạn đại học của mình không? Cô ấy hiện sống ở San Francisco, với 1 phụ nữ tên là Cristina. Mình dẫn đến đó và ngủ trên sofa nhà họ một thời gian, và cố dựng lên một cuộc sống kiểu San Francisco cho mình.”

Cậu nhấp ly rượu vào nút một viên đá ngay khi tôi biết cậu sẽ làm thế. Cậu vẫn đeo chiếc nhẫn Navajo bằng bạc mà cậu đã mua ở Cleveland hồi chúng tôi mười lăm tuổi. Những chi tiết đó quay cuồng và náo động trong đầu tôi.

“Mình thực sự không, cậu biết đấy, hiểu hết chuyện này,” tôi bảo cậu. “Mình vẫn chưa hiểu gì từ lúc cậu bỏ lại mảnh giấy đó. Bọn mình đã rất vui vẻ, bữa tối với Erich rất thú vị, thế rồi cậu bỏ đi. Mình chẳng hiểu gì hết.”

“Ừm, thực sự thì chính mình cũng không hiểu nổi nữa. Cậu biết đấy, tháng trước mình đã đón sinh nhật lần thứ hai mươi chín. Và mình có cảm giác như trong vòng năm phút nữa mình sẽ lại bước tiếp sang tuổi ba mươi.”

“Ừm, chúc mừng sinh nhật cậu.”

“Cậu cũng sắp hai mươi chín rồi, chỉ vài tuần nữa thôi.”

“Đúng thế,” tôi nói.

“Ừm. Thôi, mình phải đi rồi. Họ vẫn đang cân nhắc xem liệu có nên cho mình quay lại tòa soạn không, mình định nửa tiếng nữa sẽ đến gặp Fred và Georgeanne. Có vẻ họ vẫn chưa quyết định xem liệu mình là một thiên tài lãng mạn đa cảm hay đơn giản chỉ là vô trách nhiệm. Để mình trả tiền đồ uống cho.”

Cậu ném một đồng tiền lên mặt bàn. Tôi giơ tay ra và đặt tay lên tay cậu.

“Cậu có muốn ghé qua nhà tối nay không?” Tôi hỏi. “Clare sẽ muốn gặp cậu đấy.”

Cậu nhìn vào hai bàn tay của chúng tôi. “Không đâu, Bobby ạ,” cậu nói. “Mình không muốn ghé qua. Đây chỉ là một sự tình cờ thôi. Ý mình là, cậu chưa bao giờ lên mạn phía bắc này. Còn mình cho rằng có lẽ mình đang ở Michigan.”

“Cậu không muốn gặp bọn mình à?”

Giờ thì cậu nhìn thẳng vào mặt tôi. Cậu rút tay ra khỏi tay tôi.

“Bobby, sự thật là, có vẻ mình đã yêu cả hai người bọn cậu. Nghe có vẻ lạ lùng, mình biết. Mình không bao giờ muốn một điều như thế này xảy ra. Ý mình là... Ừm. Đó không phải là điều mà cậu sẵn sàng đón nhận. Có vẻ mình đã yêu cả cậu lẫn Clare. Mình đã nhận ra điều đó vào cái đêm ở trên nóc nhà ấy. Mình không muốn hẹn hò với Erich, hay với ai khác. Chỉ là vô vọng thôi. Từ khi mình biết cậu, có vẻ mình không thể yêu ai khác được nữa.”

Cậu đứng lên. “Chờ đã,” tôi bảo cậu. “Chờ chút.”

“Cho mình gửi lời hỏi thăm Clare nhé,” cậu nói. “Chừng nào mình lấy lại được tinh thần, sẽ gọi cho cậu.”

Cậu ra khỏi quán bar. Vì vẫn còn bối rối, tôi không biết phải nói hay làm gì hợp lý. Tôi để cậu bước vào buổi chiều tháng Mười một, và đến lúc tôi ra đến vỉa hè, và cậu đã đi khuất.

Cậu đã làm như cậu nói. Cậu sống một cuộc sống riêng. Dù chúng tôi cùng ở trong một thành phố, nhưng tôi chưa bao giờ gặp lại cậu lần nữa, và cậu cũng không gọi điện. Mùa thu rồi mùa đông trôi qua. Cho đến mùa xuân, cậu để lại một lời nhắn trên máy trả lời ftwj động của chúng tôi.

“Chào Bobby và Clare. Quả là kỳ cục khi nói một chuyện như thế này vào một cuốn băng. Bobby. Bố mình mất sáng nay. Mình nghĩ mình nên báo cho cậu biết.”

Theo sau giọng cậu là một tiếng lách cách và vo vo của máy móc, khi chiếc máy chuyển sang tin nhắn tiếp theo.

CLARE

Chúng tôi đang bay hai nghìn dặm để đến dự đám tang của một người đàn ông tôi chưa từng gặp. Qua cửa sổ máy bay, tôi ngắm nhìn những đám mây mập mạp đang đổ bóng xuống Texas. Texas bằng phẳng và chỉ độc một màu như một phong bì đựng tài liệu. Ở bên dưới đó, trong bất cứ ngôi nhà trại nào đã gắn mình với mặt đất màu be bất tận, có thể có người đang ngẩng lên nhìn chiếc máy bay này. Có thể người đó đang thắc mắc, như chính tôi đôi khi vẫn làm, rằng những cuộc đời thú vị giàu có trên cao kia đang bay đến với những sự kiện tiếp theo nào đó của cuộc đời họ.

“Em thực sự không muốn uống chút rượu vang à?” Bobby hỏi. Tôi lắc đầu.

“Em đang kiêng rượu một thời gian,” tôi nói. “Có lẽ cô ấy có thể mang cho em soda hay thứ gì đó.”

Bobby nghiêng người ra hiệu cho nữ tiếp viên hàng không. Luồng không khí lạnh thổi xuống từ lỗ thông gió phía trên đầu làm rối tung mái tóc đã mọc dài ra và được vuốt gel của anh. Tôi vuốtso lại tóc cho anh. Rồi tôi đổi ý và lại làm rối nó.

Tôi đã mang bầu được hơn hai tháng. Tôi chưa kể với ai cả. Tôi vẫn chưa rõ mình sẽ làm gì với nó.

“Anh thực sự, ờ, rất vui khi em đi cùng anh,” anh nói.

“Ừm, em không muốn vắng mặt trong một đám tang.”

“Em biết anh đang nghĩ gì không?” Anh nói. “Anh đang nghĩ ba người chúng ta có thể thuê một chiếc ô tô và quay lại New York. Chúng ta có thể viết, em biết đấy, tham quan những cảnh đẹp của đất nước mình.”

“Em nghĩ là chúng ta có thể đấy,” tôi nói.

“Chúng ta có thể đến động Carlsbad. Chúng ta có thể ngắm hẻm núi Lớn.”

“Ừm, em luôn muốn được ngắm hẻm núi Lớn.”

“Chắc chắn rồi,” anh nói. “Chúng ta có thể thuê giày đi bộ đường dài và ba lô. Chúng ta có thể cắm trại qua đêm.”

“Bobby. Người ta không *thuê* những thứ như thế. Người ta sở hữu chúng. Có nhiều người thích cắm trại mà. Anh và em là mẫu người ưa thích các câu lạc bộ hơn.”

Tôi chỉ nghĩ đến việc được trông thấy hẻm núi Lớn. Chứ không phải là đi bộ trong lòng của nó.

“Em không muốn đấy thôi,” anh nói.

“Em chỉ mang theo quần áo dự đám tang,” tôi nói. “Anh có thể nhìn em đi lão đảo trên một con đường mòn nào đó trong bộ váy đen và giày cao gót được không?”

Bobby gật đầu. Anh lấy tay vuốt lại tóc. Ánh nắng ở Texas lấp lánh bạc trên khuôn mặt vuông vức và đôi bàn tay gân guốc, thô kệch của anh. Bất chấp kiểu tóc Italia bóng lộn và chiếc khuyên tai, khuôn mặt anh vẫn ngây thơ như một cái bát rỗng. Nó vẫn là khuôn mặt của một người đàn ông tin rằng những bất đồng của con người có thể được giải quyết bởi một chuyến hành hương đến với những hiện tượng địa chất nổi tiếng.

“Chỉ là, em biết đấy, một ý kiến thôi mà,” anh nói.

“Em biết. Hãy để lúc khác.”

Anh lại gật đầu. Đứa bé dần hình thành trong tôi đang tuân theo mệnh lệnh từ gen của anh và tôi. Những móng tay nhỏ xíu đang được tạo nên trong từng khoảnh khắc trôi qua. Bobby nhấp một ngụm rượu vang. Qua cửa sổ, chúng tôi nhìn chăm chăm vào sự trống trải đang trôi qua bên dưới.

Jonathan đón chúng tôi ở sân bay. Trông cậu xẹp hẳn đi, như thể ô-khí hay vài chất lỏng cần thiết đã rò rỉ khỏi cơ thể cậu. Tôi đã không gặp cậu gần một năm rồi. Có phải cậu vẫn luôn nhỏ bé và xanh xao như thế này không? Đám đông râm nắng, ăn mặc sáng sủa, đang đứng xung quanh cậu trong khu vực chờ. Trông cậu giống như một kẻ tỵ nạn với vẻ nhợt nhạt và chiếc áo phông đen đó. Một người vừa mới đến từ một nơi nghèo đói, khắc nghiệt. Khi Bobby và tôi xuống máy bay, cậu trao cho chúng tôi những cái ôm hình thức, cứng nhắc, giống cách những nhà chính trị Pháp thường làm.

“Cô Alice thế nào hả Jon?” Bobby hỏi.

“Cứng rắn lắm,” cậu nói. “Cứng rắn hơn mình.”

“Còn cậu thế nào?” Tôi hỏi.

“Kích động,” cậu diễm nhiên nói. “Bối rối.”

Chúng tôi đến căn hộ chung cư của bố mẹ Jonathan trên chiếc xe của bố cậu, một chiếc Oldsmobile màu xanh khổng lồ. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy Jonathan lái xe. Trông cậu vừa trẻ con vừa người lớn đằng sau vô lăng của chiếc xe lớn đó. Cậu giữ vô lăng bằng cả hai tay, như thể cậu đang lái một con tàu.

Trên đường đi, cậu kể cho chúng tôi hay cơn đau tim của bố cậu đã tấn công ông trên đường

ông đến chỗ cái hòm thư như thế nào. Cậu giải thích chuyện đó thật chi tiết. Bố cậu bị hen suyễn rồi bị khí thũng. Do đó cái chết vì bị đau tim của ông có vẻ khiến mọi người cảm thấy ngỡ ngàng như thể họ thấy ông đột nhiên hoàn toàn khỏe mạnh. Bobby hỏi: “Trên đường ông từ hòm thư quay lại à?”, như thể đó là chi tiết đáng sợ nhất của chuyện này.

Tôi đeo kính râm vào và ngắm những trung tâm mua sắm đang dần trôi qua. Chúng cứ rung rinh qua màn hơi nóng. Giữa chúng là một vùng đất rộng mở, xám đỏ, rải rác xương rồng. Arizona là nơi đầu tiên tôi thấy giống hệt với những gì tôi đã hình dung về nó. Khi chúng tôi lái xe đi trên con đường cao tốc năng chang chang, tôi thấy mình mạnh mẽ và tháo vát. Tôi, một phụ nữ lớn tuổi đeo kính râm, đã đến đây để giúp đỡ hai người đàn ông bối rối đương đầu với nỗi buồn đau của họ. Lúc đó tôi nghĩ rằng tôi sẽ bỏ Bobby và tự sinh con một mình.

“Mình đã viết cho ông một lá thư,” Jonathan nói. “Lá thư đầu tiên trong vòng ít nhất là một năm qua. Tuy nhiên mình vẫn chưa gửi nó. Nó vẫn nằm trong túi áo khoác của mình khi mình nghe tin.”

Chung cư của bố mẹ Jonathan nằm trong một tổ hợp màu bùn và trái dài, cách một trung tâm mua sắm có tên Teepee Town vài dặm. Một tấm biển bên cạnh lối vào đề dòng chữ màu xanh nhạt: “Vẫn còn các căn hộ trống.” Jonathan đỗ xe. Cậu dẫn chúng tôi đi qua hòm thư để lên lối đi trải sỏi dẫn đến một trong những tòa nhà. Nó là một tòa nhà kiểu truyền thống, được sơn màu nâu để hợp với chất liệu giống gạch sống. Tôi ngờ rằng người ta đã dùng súng phun thủy lực phun màu lên gạch sống. Tôi thắc mắc không hiểu kiểu người nào lại muốn sống ở một nơi như thế.

Bên trong căn hộ thật tối và mát mẻ. Thay vì những tấm thảm Da đỏ và đồ gốm, ở đó lại có những chiếc ghế bành, những cây dương xỉ, và những bức ảnh gia đình lồng trong khung bằng chrome. Bằng chứng duy nhất về việc có người chết là những bông hoa. Có đến nửa tá bình hoa và lọ hoa diêm dúa. Một nữ chần chiên bằng sứ màu trắng đứng giữa hai bó hoa trên một cái bàn tròn bóng loáng, trông bình thản và đáng sợ như được làm từ xương. Trước khi chúng tôi kịp thích nghi với bóng tối trong nhà, một phụ nữ nhỏ bé với làn da rám nắng bước ra từ nơi có lẽ là căn bếp. Bà phúi phúi tay vào chiếc quần jean.

“Đưa con đi hoang đã trở về đây,” bà nói, giọng hơi nhè nhẹ kiểu miền Nam. “Chào mừng đến với những vùng đất dành riêng cho người Da đỏ.”

“Chào cô Alice,” Bobby nói.

Bà nắm lấy cầm Bobby và xoay mặt anh sang bên này bên kia. Bà hăng hái kiểm tra nó như một nhà nhân loại học đang kiểm tra sự hoàn hảo của một chiếc đầu lâu. Tôi chợt hiểu nguyên do từ đâu mà Jonathan lại có cái ôm ngoại giao, cứng nhắc đó.

“Chào người đẹp,” bà nói. Bà đặt một nụ hôn phớt nhẹ lên môi anh.

Bobby đứng đó, buông thõng hai tay, như thể đã bị bà làm cho chết lặng. Jonathan phải giới thiệu tôi. Alice liếc qua tôi với con mắt khoa học và bắt tay tôi. “Cảm ơn cháu vì đã đến đây,” bà nói.

“Cảm ơn cô vì đã đón tiếp cháu,” tôi nói. Đó có vẻ là điều ngớ ngẩn nhất để nói với một phụ nữ có chồng vừa mới qua đời.

“Con rất tiếc về chuyện chú Ned, cô Alice ạ,” Bobby nói. Tay anh đã khoác hờ lên vai Jonathan.

“Cô biết,” Alice nói. “Cô cũng vậy.”

“Bọn cháu có phải là những người đầu tiên đến đây không?” Tôi hỏi.

“Ừm, gia đình cô không định tổ chức một đám tang lớn,” Alice nói. “Cô đang chờ em trai của Ned từ Muncie đến và vài người quanh đây. Gia đình cô quyết định chỉ tổ chức đám tang một cách thân mật thôi.”

“Ồ,” tôi nói. Tôi lại sai lầm lần nữa, theo một cách mơ hồ, và thay vì tiếp tục lo lắng về hành vi của mình, tôi quyết định không nói gì nữa và cảm thấy không thích Alice. Dù bà vừa mới trở thành góa phụ.

“Mọi người uống gì nhé?” Jonathan nói. “Có ai muốn uống gì không?”

Mọi người đều đồng ý. Jonathan lãnh trách nhiệm đi lấy đồ uống. Tôi nhận ra rằng có lẽ cậu đã lớn lên theo cách đó, dẫn dắt mọi chuyện, mời đồ uống, khởi xướng trò chơi xếp chữ hay những cuộc đi dạo trong công viên. Tôi có thể hình dung ra hình ảnh của cậu khi hai tuổi, cứ mãi quấy rầy mẹ mình bằng một từ mới mà cậu chưa bao giờ nói trước đó, để lôi kéo sự chú ý của bà khỏi chính bà. Giờ đây, ở tuổi ba mươi, cậu đang biến thành bà. Cậu trao những nụ hôn lãnh đạm ở sân bay. Cậu đang hình thành một cuộc sống trật tự và cô lập như căn phòng khách kiểu Mỹ xưa của mẹ cậu.

Sau khi chúng tôi đã ăn uống xong, Alice tuyên bố rằng bà sẽ ngủ ở một khách sạn ven đường. Bobby và Jonathan phản đối. Nhưng bà rất kiên quyết. “Căn hộ này bé như cái lỗ mũi ấy,” bà nói. “Trong cái không gian chật hẹp này, người ta làm sao tôn trọng sự riêng tư của một phụ nữ có tuổi được.”

Bobby khẳng định rằng anh và tôi mới là những người nên đến khách sạn ven đường, nhưng Alice không hề lay chuyển. “Cô đã thu xếp rồi,” bà nói. “Cô sẽ trở lại vào sáng sớm mai, trước khi các con ngủ dậy.”

“Nhưng thế này thì thật không phải,” Bobby nói. “Bọn con không muốn cô phải ra khỏi nhà mình vì bọn con.”

Tôi kín đáo nhéo vào đầu gối anh. Anh không nhận thấy rằng đêm nay Alice rất muốn ở một mình như thế nào sao? Tôi biết bà sẽ làm gì. Bà sẽ bước vào căn phòng khách sạn ven đường sạch sẽ đó, bật điều hòa nhiệt độ lên, và nằm xuống một chiếc giường không phải của riêng mình. Bà sẽ có vài giờ bên ngoài cuộc đời bà. Chính tôi cũng đã từng làm như thế, khi một mối tình kết thúc và căn hộ của tôi đột nhiên có vẻ quá riêng tư. Không biết Bobby có hiểu được ý nghĩa của cái nhéo đó hay không, nhưng anh lập tức ngừng phản đối. Alice ra khỏi nhà, hứa sẽ làm xong món bánh quế kiểu Bỉ trước khi mọi người tỉnh dậy vào sáng hôm sau. Tôi nói một lời tạm biệt nhanh nhẩu, thản nhiên, không rõ có khiến Alice hiểu được rằng tôi biết bà không phải đang làm ơn cho ai cả hay không. Rằng dù tôi hiểu động cơ của bà, nhưng nó không khiến tôi thích bà hơn chút nào.

Rồi bà đi. Sau đó, chỉ còn lại chúng tôi với nhau, không biết phải nói hay làm gì. Dù tôi đã trải qua nhiều cuộc chia ly, nhưng chưa từng phải đối mặt với cái chết của những người thân. Bố mẹ tôi vẫn còn sống. Còn ông bà tôi đều đã mất một cách lặng lẽ, ở những bang khác, khi tôi còn rất nhỏ. Tất cả những cảm giác về sự mạnh mẽ, tháo vát mà tôi cảm thấy khi ngồi ở băng ghế sau của chiếc Oldsmobile đều đã tan biến hết. Thay vào đó là một cảm giác ngốc nghếch mơ hồ, và sự bức bối trước viễn cảnh phải ngủ trong một ngôi nhà xa lạ và đến dự đám tang của một người không quen.

“Có ai muốn uống thêm không?” Jonathan hỏi.

Chúng tôi tiếp tục uống. Chúng tôi đã yên vị trên những chiếc ghế bành và chiếc sofa thuộc địa xấu xí. Trước đây, khi nghĩ đến đám tang, tôi cứ ngỡ đó là một dịp để chia sẻ một cách thoải mái và tự do, như nước tuôn ra từ vòi, giữa những người hoặc vô cùng yêu thương nhau hoặc quá đau đớn trước mất mát của họ đến nỗi những bất đồng nhỏ nhỏ thường ngày và những mối ác cảm cũ cứ trôi đi hết. Nhưng ở đây, khi uống nước tonic trong một phòng khách nhỏ cứng nhắc, nội thất rẻ tiền, tôi vẫn không quên sự nhỏ nhen và phù phiếm thường có của mình. Tôi không hề cảm thấy cú sốc về cái chết của người cha. Tôi không thể ngừng cho rằng cái tổ hợp chung cư hoang vắng này có vẻ là một nơi hợp lý và phần nào thích hợp cho cái chết. Đó chỉ là một sự ngạc nhiên vừa phải đã được những cư dân ở đây chuẩn bị kỹ lưỡng.

Jonathan nói: “Xin lỗi vì đã để chúng ta gặp nhau trong hoàn cảnh này. Tôi cho rằng mình sẽ gặp lại hai người, nhưng ở hoàn cảnh khác cơ.”

Tôi biết cậu đã phải cố gắng lắm mới nói ra được một câu thẳng thắn như thế mà không theo sự chỉ đạo và uốn nắn của người khác. Bản năng quan trọng nhất của Jonathan là luôn hành động như thể tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp. Như thể chúng tôi đang có những khoảnh khắc vui vẻ.

“Tôi cũng thế,” tôi nói. “Thú thực với cậu, tôi đã phân vân mãi không biết mình có nên đến

đây không. Giờ tôi vẫn không chắc liệu tôi làm thế là có đúng không nữa.”

Cậu gật đầu. Cậu không trấn an tôi.

Gần như lo lắng và cúi kính, tôi nói: “Chắc hẳn bố cậu phải là một người đàn ông tuyệt vời.”

Bobby nói: “Chú Ned tốt lắm. Chú ấy thực sự, em biết không, rất *tuyệt vời*. Tiếc là em chưa bao giờ được gặp chú ấy, Clare ạ. Em sẽ thích chú ấy lắm.”

“Ồ, chắc vậy.”

Một thoáng im lặng. Viên đá kê lách cách trong ly của Jonathan.

Tôi nói: “Nghe này, Jonathan, tôi không biết tại sao cậu lại làm thế. Nhưng tôi cho rằng đó là điều cậu cần làm. Có lẽ chúng ta nên cố quên nó đi chừng nào chúng ta còn ở đây.”

“Em đã kể với Bobby,” cậu nói. “Em cũng đã cố kể với chị. Dường như em không thể sống lâng lâng khi ở bên cạnh hai người.”

“Giờ thì cậu sống lâng lâng rồi chứ?”

“Có vẻ thế. Họ không cho em trở lại tòa soạn, nhưng họ giúp em kiếm được công việc biên tập cho tờ *Esquire*. Em đang cố gắng làm lại từ đầu. Những sự biến mất không lời giải thích thường không nhận được ưu ái như thế, ngay cả trong ngành báo chí.”

“Chà, tôi hy vọng cậu sẽ hạnh phúc hơn trước đây,” tôi nói.

“Thực sự thì chưa,” cậu nói. “Nhưng em có thể bắt đầu cảm thấy hạnh phúc hơn vào bất cứ lúc nào.”

“Tốt.”

Cậu nhìn quanh căn phòng như thể không hiểu nổi làm cách nào cậu đến được đó – như thể một phút trước đây cậu còn đang ở trên giường mình ở New York.

Cậu nói: “Em cứ tự nhủ với mình là: “Bố mất rồi.” Có vẻ em vẫn không thể tin nổi đó là sự thật. Em có cảm giác như đó là điều chỉ diễn ra trên ti vi. Ý em là, có thể chị sẽ nghĩ em quá xúc động, nhưng thực sự em cảm thấy hơi nhỏ nhoi. Như thể việc này khiến em trở nên ít quan trọng hơn. Hơn cả một diễn viên đóng vai phụ. Chỉ hiểu em đang nói gì không?”

Bobby nói: “Chú Ned là, em biết đấy. Một người đàn ông rất tốt. Clare ạ, em sẽ rất thích chú ấy đấy. Thực sự là thế.”

Tôi có thể nghe thấy giọng anh như sắp khóc.

Jonathan nói: “Ôi, Bobby, làm ơn im đi.”

“Cứ để anh ấy nói,” tôi nói. Tôi nhổm dậy từ chiếc ghế bành của mình và đến ngồi bên Bobby trên sofa. Tôi xoa bóp cổ cho anh. Có cảm giác như những đường dây cáp bằng thép đang chạy qua nó.

“Ông ấy giống như là bố anh vậy,” Bobby nói. “Ý anh là, một người bố thực sự ấy. Anh cho rằng ông còn hơn cả người bố ruột của anh nữa.”

Jonathan thở dài, một tiếng xì nhỏ nhỏ khô khốc gọi cho tôi nghĩ đến mẹ cậu. “Bobby, nếu cậu muốn gia đình mình, cậu có thể có nó,” cậu nói. “Nhờ thế mà mình có thể trao cho cậu toàn bộ cuộc sống trước đây của mình. Cậu có thể quyết định nơi chôn cất bố mình. Cậu có thể lo lắng về việc mẹ mình sẽ không biết phải làm gì với bản thân bà khi không có ông. Nếu cậu muốn làm tất cả những điều đó, mình hoàn toàn hoan nghênh.”

Jonathan ngồi trong chiếc ghế to quá cỡ như đứa trẻ ngoan đang tức giận. Mặt cậu tái nhợt và đôi mắt rực sáng. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cậu nói bằng giọng đó, nhưng không hiểu sao tôi biết rằng đó là giọng nói thực sự của cậu, rõ ràng, điềm tĩnh và bùng bùng lửa giận. Lúc đó, có vẻ như tính cách rộng lượng, dễ thương không còn là của cậu nữa. Nó chỉ là một điều thành công nhất mà cậu đã đạt được, một hệ thống tỉ mỉ những cử chỉ thân thiện đã che phủ tất cả những dấu vết của đứa trẻ bé nhỏ, lạnh nhạt, tức tối đang đối diện với chúng tôi đây. Đầu cậu có vẻ quá lớn so với cơ thể. Chân cậu có vẻ khó mà chạm được xuống đất.

“Thôi đi,” tôi nói. “Đây không phải là lúc ăn nói như thế.”

“Jon,” Bobby nói. “Jonny, mình...”

“Hãy cứ sắm vai mình đi,” Jonathan nói. “Mình không biết là vì sao, nhưng cậu làm thế giỏi hơn mình mà. Ngày mai khi người ta đưa thi hài bố mình vào lò thiêu, cậu sẽ là con trai ông ấy, còn mình sẽ là người bạn thân nhất của cậu. Mình sẽ nhỏ vài giọt nước mắt và cảm thấy xót thương một lúc, rồi sau đó sẽ trở lại với cuộc sống bình thường của mình.”

“Jon,” Bobby nói. Anh không khóc, nhưng cổ họng tắc lại, giọng anh nghe khàn khàn và nghèn nghẹn.

“Dù sao thì cậu cũng là một cậu con trai tốt hơn mình,” Jonathan nói. “Cậu mang bạn gái về nhà và một ngày nào đó cậu sẽ có con. Cậu sẽ không mãi xuất hiện một mình trong các kỳ nghỉ. Như kiểu một nhân vật độc thân kỳ cục chẳng có gì khác ngoài một công việc và một cuộc sống không đáng được nhắc đến. Cậu là người có ý nghĩa hơn mình. Với bố mình thì đã quá muộn rồi nhưng cậu vẫn có thể là con trai của mẹ mình. Cậu có thể mau chóng sinh vài đứa cháu cho bà để bà không phải ngồi một mình trong căn hộ chung cư này, và ngắm nhìn những cây cỏ lần bị cuốn đi.”

“Đồ chết tiệt,” tôi nói với Jonathan. Tôi đứng bật dậy, không hề cố ý. “Tất cả những gì anh ấy làm cho cậu là tôn sùng cậu. Còn tất cả những gì cậu làm lại là bỏ rơi anh ấy. Cậu không có quyền nói với anh ấy như thế.”

“Ôi, chị là một người tốt,” cậu nói. “Chị để tôi yêu chị và rồi bắt đầu ngủ với người bạn thân nhất của tôi. Chị là người thích hợp để bảo tôi rằng tôi có quyền làm gì.”

“Chờ đã. Để cậu yêu tôi? Ai nói là cậu đã yêu tôi?”

“Chính tôi. Tôi đang nói thế. Với cả hai người. Giờ tôi chỉ muốn hai người để cho tôi yên.”

“Jon,” Bobby nói. “Ôi, Jon...”

“Tôi phải đi đây,” Jonathan nói. “Nếu ở mãi đây, có lẽ tôi sẽ phát điên lên mất. Gặp lại hai người sau.”

“Mẹ cậu đã lấy xe đi rồi mà,” tôi nói.

“Thì tôi sẽ đi bộ.”

Cậu nhồm dậy khỏi ghế và ra khỏi cửa trước. Cánh cửa gây ra một tiếng động nhỏ đáng thương khi nó đóng lại sau lưng cậu – tiếng của thứ đồ gỗ rẻ tiền va vào một cái khung cửa nhôm.

“Anh sẽ đuổi theo cậu ấy,” Bobby nói.

“Không. Hãy để cậu ta đi, để cậu ta bình tĩnh lại. Cậu ta sẽ quay về thôi.”

“Ừ. Nhưng anh phải nói chuyện với cậu ấy. Nãy giờ anh vẫn ngồi đây mà không hề nói được gì.”

“Bố cậu ấy vừa mất,” tôi nói. “Và cậu ấy đang thiếu tỉnh táo. Cậu ấy cần ở một mình.”

“Không, cậu ấy đã phải ở một mình quá nhiều rồi,” Bobby nói. “Cậu ấy cần có anh đi theo.”

Bobby đi vòng qua tôi và ra khỏi cửa. Dù muốn tôi cũng không thể giữ nổi anh. Có lẽ tôi nên ở trong nhà một mình, nhưng tôi không thể hình dung ra cảnh mình ngồi đó với những bông hoa tang và chiếc đồng hồ cứ kêu tích tắc. Tôi đi theo Bobby và Jonathan. Không phải để can thiệp, mà vì tôi không muốn phải chờ đợi họ, một mình, trong căn nhà sạch bong này.

Lúc tôi ra ngoài, Jonathan đã đi được một dãy nhà. Cậu là một nhân vật nhỏ bé kỳ cục đang vội vã cầm túi bước đi dưới ánh đèn đường. Tôi ra phố đúng lúc Bobby gọi cậu. Khi nghe thấy tiếng gọi tên mình, không hề ngoảnh lại, Jonathan bắt đầu chạy. Bobby đuổi theo. Còn tôi, sợ rằng mình sẽ bị bỏ lại một mình trong một căn hộ chung cư có ma, đuổi theo Bobby.

Anh là người chạy nhanh nhất trong ba người chúng tôi. Tôi không bao giờ tập thể dục, lại đang mang bầu và đi giày cao gót, nên tôi chạy cứ như nhân vật nữ chính trong một bộ phim ly kỳ. Một phụ nữ quyến rũ, yếu đuối cần được giải cứu hết lần này đến lần khác. Khi tôi vừa chạy vừa thở hồng hộc trên phố, tôi thấy Bobby đã thu hẹp khoảng cách giữa anh và Jonathan. Xung quanh chúng tôi, những tòa chung cư kỳ cục đứng sừng sững trong ánh đèn đường sau những

bãi cỏ trải sỏi trắng. Vài tòa nhà có những ô cửa sáng đèn. Còn phần lớn đều tối om, không có rèm và chẳng có người ở. Ngoài tiếng thở phì phò của tôi, tôi có thể nghe thấy tiếng ào ào khô khốc của màn đêm sa mạc, sự khuấy đảo của gió và bụi.

Tôi còn cách Bobby gần hai dãy nhà khi anh đuổi kịp Jonathan. Tôi thấy anh túm áo Jonathan, kéo cậu lại. Tôi thấy chân Jonathan cứ khua khua một lúc, như một nhân vật hoạt hình. Và rồi tôi thấy Jonathan ngoái lại và đấm Bobby. Đó là một cú đấm bừa dữ dội, trúng vào bụng Bobby và khiến anh gập bụng lại, có vẻ do ngạc nhiên hơn là do sức mạnh của cú đấm. Jonathan quay đi và chạy tiếp nhưng Bobby đã hét lên và chồm lên người cậu. Rồi họ cùng ngã xuống, đấm nhau loạn xạ.

“Dừng lại,” tôi hét lên. “Đồ khốn. Dừng lại, các người có nghe tôi không hả?”

Khi tôi tới chỗ họ, họ đang lẫn lộn trên phố, cuống cuồng đá nhau và cố không chế được người kia. Một vết máu hiện lên trên má Jonathan. Tôi cúi người xuống. Thoáng chốc, tôi đã có thể túm lấy tóc của cả hai người và giật mạnh.

“Dừng lại,” tôi nói. “Dừng lại ngay.”

Họ dừng lại. Tôi không thả tóc họ cho đến khi họ buông nhau ra và ngồi đối diện nhau trên mặt đường rải nhựa tối sẫm. Vết thương trên má Jonathan rỉ máu. Tay áo cậu rách tả tơi, bay phần phật, lộ ra một mảng vai tai tái hình lưỡi liềm. Bobby, người to hơn và khỏe hơn, có một vết bầm trên trán và một vết rách trên quần, chỗ đầu gối.

“Đồ khốn kiếp,” tôi nói. “Hai người điên rồi à? Cả hai người.”

“Ừ,” Bobby nói. Và họ cùng cười phá lên.

“Cậu có sao không?” Jonathan hỏi. “Mình có làm cậu đau không?”

“Không. Mình không sao, ý mình là mình chẳng xây xát gì. Cậu thì sao?”

“Mình cũng nghĩ thế.” Cậu chấm chấm nhẹ lên vết thương trên má, nhìn những đầu ngón tay dính máu với vẻ ngạc nhiên và thỏa mãn. “Ồi, nhìn này,” cậu nói. “Máu.”

“Không tệ lắm đâu,” Bobby nói. “Chỉ là, cậu biết đấy, một vết thương nhỏ thôi.”

“Trước đây mình chưa bao giờ đánh nhau thật sự,” Jonathan nói. “Mình chưa bao giờ đấm ai trong đời.”

“Hồi nhỏ mình vẫn thường làm vậy,” Bobby nói. “Mình thường đấm anh trai mình. Nhưng anh ấy lớn hơn mình nhiều. Anh ấy chỉ, ờ, cười và đẩy mình ra.”

“Tôi hy vọng hai người biết được rằng hai người giống quân dê tiện đến mức nào,” tôi nói.

“Ồ, em nghĩ là em biết,” Jonathan nói.

“Đúng. Anh cũng nghĩ thế,” Bobby đáp.

Họ đứng lên và chúng tôi quay về căn hộ. Trên đường đi, Jonathan nói: “Mình xin lỗi về cách cư xử của mình. Ý mình là, trong cả tối nay và gần một năm qua.”

“Không sao,” Bobby nói. “Ý mình là, mình nghĩ rằng mình hiểu.”

Jonathan khoác tay Bobby. Họ bước đi thản nhiên và vui vẻ như hai người tỉnh lẻ đang đi dạo qua ngôi làng của họ. Jonathan chìa khuỷu tay kia ra cho tôi, nhưng tôi từ chối. Tôi đi một mình, cách họ một đoạn. Tôi nghĩ rằng sau khi dự xong đám tang, tôi sẽ lên máy bay quay về và không bao giờ gặp lại cả hai người bọn họ nữa.

Đám tang của Ned diễn ra vào lúc bốn giờ ngày hôm sau. Sáng hôm đó, em trai ông, một người bán đồ nội thất tên là Eddi, đã bay đến từ Indiana. Khói thuốc của Eddie thoát ra khỏi mũi và bay vào đôi mắt ươn ướt của ông giống hệt như kiểu của bố tôi. Tôi biết tôi sẽ không bao giờ thích nổi ông ta. Có vẻ tôi chẳng thích ai ở đám tang này. Ở đây còn có mặt một phụ nữ tóc bạc đầy đà tên là Cohen, và một bà tóc bạc nhỏ bé tên là Black. Tôi chẳng có ác cảm gì với họ nhưng tôi cứ để mắt đến những nhược điểm của họ (một cái xắc tay đựng đầy khăn giấy, phần hồng bị đóng vảy trong những nếp nhăn quanh miệng) vì đó là xu hướng tự nhiên.

Chúng tôi đến nơi hỏa táng trong một đoàn xe ngắn nối đuôi nhau: chiếc Oldsmobile, một chiếc Honda và một chiếc Plymouth. Chúng tôi vẫn đi theo thứ tự của những chiếc xe khi đi bộ từ bãi đỗ xe đến nhà nguyện: Jonathan, Alice và Eddie đi trước, theo sau là Bobby và tôi, rồi đến hai người phụ nữ kia. Trên đường đi tôi thì thầm với Bobby: “Theo anh thì vì sao cô Alice lại tổ chức đám tang nhỏ như thế?”

“Anh nghĩ là vì sẽ chẳng có ai đến nữa ngoài từng này người,” anh thì thào đáp. Chúng tôi đang bước trên một lối đi lát bê tông rải đá dăm, hai bên là những hàng rào trồng hoa. Những bông loa kèn màu hồng ló ra từ những chiếc lá xanh mướt. Bobby đổ mồ hôi trong chiếc áo khoác sẫm màu. Tôi đã quên không mang theo cặp kính râm nào khác ngoài một cặp có mắt kính hình tam giác với khung màu đỏ tươi, thứ mà tôi không thể đeo khi đến dự một lễ tang.

“Chắc ông ấy còn phải quen những người khác nữa chứ,” tôi nói. Tôi khoắc lấy tay anh, để không bị bước hụt khỏi đường vì ánh nắng chói chang đến hoa mày chóng mặt. Tôi thấy mình thích được bám vào tay anh. Nó không liên quan gì đến việc tôi thích Bobby. Khi bám vào tay người khác, tôi thấy mình thực sự giống với một người tham dự đám tang hơn, chứ không phải là một kẻ không mời mà đến.

“Ông từng điều hành một rạp chiếu phim ở Cleveland,” Bobby nói. “Ý anh là, ai sẽ đến chứ, những người hướng dẫn chỗ ngồi ở rạp từ mười năm trước à?”

“Thì, phải có ai đó chứ,” tôi nói. Chúng tôi đã gần đến nhà nguyện. Đó là một tòa nhà có đầu hồi, có vẻ được xây từ kính và gương màu. Phòng hỏa táng nằm ở phía sau. Bàn đầu khi chúng tôi mới dừng xe, tôi đã tìm kiếm những ống khói, nhưng tất cả những gì hiển hiện đằng sau nhà thờ chỉ là một tòa nhà mái bằng trát xi măng với những đường rãnh chạy dọc hai bên sườn, như thể nó đã được chải bằng một cái lược khổng lồ trong khi xi măng vẫn còn ướt. Dĩ nhiên, bây giờ công nghệ đã quá tiến bộ nên người ta chẳng cần đến những ống khói nữa.

Chúng tôi ngồi xuống những hàng ghế đầu, trong sự im lặng của không khí được điều hòa. Quan tài của Ned, đóng bằng gỗ sẫm màu, được đặt dưới một cây thánh giá Lucite. Trên quan tài chỉ đặt một vòng hoa thực quỳ. Nó gợi tôi nhớ đến vòng hoa mà Donna Reed[\[57\]](#) đã vút xuống biển ở đoạn cuối bộ phim *Từ đây đến cõi vĩnh hằng*. Tôi nghĩ rằng Ned, một ông chủ rạp chiếu phim, có lẽ sẽ thích như thế.

Tôi ngồi ở đầu cuối của băng ghế, Bobby ngồi bên phải tôi và bên trái chẳng có ai. Jonathan ngồi bên cạnh Bobby, kể đến là Alice. Jonathan đang khóc, lặng lẽ nhưng không dè dặt. Hôm nay, cậu không còn tỏ ra can đảm và vô tình nữa. Vết thương trên má cậu đã đóng vảy, được nhuộm ánh nắng rơi đến qua ô cửa kính màu, rung rung trên cằm cậu. Tôi sờ lên cằm mình, và những giọt nước mắt chợt rỉ ra từ mắt tôi như thể tôi vừa bấm một cái nút. Tôi nghĩ về bố tôi. Một lần, trong một cuộc tranh cãi với mẹ tôi khi đang say xỉn, ông đã đánh rơi tôi xuống một tảng tuyết. Tôi tin rằng đó là ký ức đầu tiên của tôi. Mẹ tôi đã đòi bế tôi, và trong khi họ giằng co nhau, tôi đã bị rơi xuống tuyết. Bố tôi luôn ôm tôi rất chặt, kể cả khi say. Ông sẽ không làm rơi tôi nếu mẹ tôi không cố gắng giằng lấy tôi. Tuyết lúc đó trắng muốt, lạnh giá và tinh mịn như chính cái chết. Tôi đã bị lún sâu xuống. Hai người họ vục tôi lên, chửi rửa nhau. Nếu Ned là bố tôi, tôi chắc chắn rằng ông sẽ không phải kết thúc cuộc đời trong một đám tang nhỏ thưa người giữa sa mạc như thế này. Nước mắt tôi trào ra. Bobby bóp nhẹ tay tôi. Trong một thoáng, tôi cảm thấy Jonathan và tôi như là hai chị em, đag được một người bạn chung an ủi. Rồi tôi nhớ ra rằng mình đang khóc cho chính mình và chút buồn riêng của tôi, chứ không phải vì tiếc thương vô hạn một người vừa mới mất. Và điều đó dường như chỉ khiến tôi khóc to hơn.

Sau đám tang, quan tài được đẩy đến chỗ hỏa táng. Chúng tôi, những người đưa tang, trở ra xe và về nhà. Tro hài cốt sẽ được sẵn sàng vào ngày hôm sau. Họ làm việc rất nhanh chóng. Tôi băn khoăn không hiểu liệu họ có sử dụng vài quy trình làm bốc hơi mới nào không. Khi chúng tôi ra khỏi nhà nguyện, tôi đeo kính râm lên để che đi đôi mắt đỏ ngầu của mình.

Mọi người quay lại nhà của Alice, từ giờ nó sẽ là nhà của Alice, chứ không còn là của Alice và Ned như trước đây nữa. Tôi nghĩ chắc Alice sẽ phải ghét ngôi nhà đó lắm, với những bức tường xi măng sơn màu bùn và máy điều hòa kêu ro ro dưới những cái cọc nhỏ và thô nhô ra bên trên các cửa sổ. Tôi ngờ rằng có lẽ Ned đã học cách thích nó. Theo một kiểu hài hước. Những người hay đi xem phim thường thấy được nhiều tình huống trớ trêu hơn.

Bobby không nói gì suốt quãng đường về nhà. Anh ấy đang tôn *trọng nỗi tiếc thương của mình*, tôi ngạc nhiên nghĩ. Nỗi tiếc thương của tôi dành cho một người lạ, cho những ký ức của tôi, trong khi chính anh mới là người quen biết ông hồi ông còn sống. Mặt tôi đỏ bừng. Tôi đã quên băng đi. Tôi đưa tay vuốt tóc anh, rồi lướt xuống ngực anh, nơi có những múi cơ và chất béo mềm mại. Tôi chột ham muốn anh dữ dội. Tôi ham muốn lòng tốt và sự hy sinh của anh như thể chúng đã tạo nên một con người khác, một người xa lạ đẹp trai tài giỏi mà tôi vừa mới gặp. Đó không phải là nỗi khao khát dành cho một Bobby mà tôi quen biết. Tôi muốn người lạ để động lòng này tấp xe vào lề đường, nơi chúng tôi có thể làm tình thật dữ dội. Để bù lại cho cái ham muốn kỳ cục đó, tôi hôn vào tai Bobby và thì thầm: “Ồn rồi, cưng ạ.”

Anh mỉm cười. Anh đang đeo cặp mắt kính hình oval mờ mờ nên tôi không thể trông thấy ánh mắt anh lúc này, cũng như anh không thể trông thấy ánh mắt tôi. Anh không nói gì cả.

Bobby và tôi, và Jonathan và tôi – tình yêu xen lẫn tình bạn giữa chúng tôi, cùng gia đình lệch lạc mà chúng tôi đang cố tạo thành – có vẻ đã hóa thành một tình huống ngốc nghếch khác. Một ngôi nhà được xây bê tông khác được phun màu với những cái cọc phía trên các cửa sổ. Giờ đây, thật bất ngờ, khoảnh khắc đó phủ kín chiếc Honda đi thuê. Bobby và tôi đang lái xe trên một con đường cao tốc ở miền sa mạc, tham dự một tang lễ tạm bợ. Tôi đang mang thai. Anh là bố của đứa con trong bụng tôi. Jonathan, người đã làm cả hai chúng tôi đau lòng một cách mơ hồ mà tôi không thể đặt tên, đang ngồi trong chiếc xe chạy phía trước, bên cạnh người mẹ thân nhiên của cậu. Chiếc radio đang phát một bài hát cũ của Fleetwood Mac [58], lóe lên màu cam trong cái ánh nắng giữa chiều chói chang, gay gắt.

Khi về đến nhà, hai người phụ nữ lớn tuổi đi thẳng vào bếp để làm những gì cần làm với món hầm và món tráng miệng mà họ đã mang đến. Đó là mối bận tâm của con người về việc ăn uống bất chấp sự hiện diện của cái chết. Tôi cảm thấy đỡ ngượng ngùng hơn một chút trước sự ham muốn có một cuộc làm tình nóng bỏng và hoang dại vào lúc quan tài của Ned đang được đưa vào lò thiêu.

Eddie, người em trai của Ned, ngồi hút thuốc trong chiếc ghế bành. Người ông sực nức mùi nước hoa cologne và mùi của tất cả mọi thứ mà nó định bao phủ. Tôi thắc mắc không hiểu vợ ông đâu, và liệu ông có con không. Làm sao mà ông không có vợ con được? Tôi luôn ngạc nhiên khi những điều đó lại đơn giản và quen thuộc đến vậy đối với hầu hết mọi người.

“Dịch vụ đó tốt thật, ông nói.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Alice nói. Hai người phụ nữ kia đã xua bà ra khỏi căn bếp của mình. Bà bước quanh phòng, chỉnh trang lại một chút. Bà chỉnh lại một bức tranh vốn dĩ không hề bị lệch đi cho ngay ngắn. Bà đang mặc một bộ váy dạ hội màu đen mà có lẽ bà đã mang từ Cleveland đến. Chắc chắn bà sẽ chẳng cần đến một cái váy như thế trong sa mạc này. Nhiều năm trước, khi bà gói ghém đồ đạc và chuyển đi, có lẽ bà đã quyết định giữ cái váy đó cho ngày hôm nay.

Lúc đó, tôi có thể hình dung ra bà trong căn phòng ngủ ở Ohio, đang gói ghém đồ đạc để chuyển đến một căn nhà ngổ ngàng trong sa mạc. Tôi có thể thấy bà đang phân loại đồ dùng của mình, bọc lại thành từng gói để đem cho Đội quân Cứu tế. Tôi có thể thấy bà tình cờ tìm thấy cái váy đặc biệt này. Có lẽ bà biết rằng bà sẽ cần nó một ngày nào đó. Có lẽ bà đã ngồi trên giường, cầm chiếc váy màu đen mượt mà đó với vẻ ngờ vực. Chiếc váy mà bà đã ngẫu hứng mua ở một trung tâm thương mại, không quá đắt, cũng không có gì là đặc biệt. Có lẽ bà đã ngồi một lúc trên tấm ga trải giường vải chenille màu trắng, trong chiếc quần jean, chiếc váy đen trải trên lòng. Thế rồi, với một động tác chính xác và khoa học, bà đã gói cái váy trong giấy lụa, xếp nó cùng với những bộ đồ mùa hè và những chiếc quần soóc Bermuda.

Tôi có thể thấy bà một cách rõ ràng. Tôi khẽ lắc đầu, để xóa bỏ hình ảnh đó.

“Bây giờ thì chẳng có ai cả,” Eddie nói. “Ngoài những người đang ở trong phòng này. Mà chẳng hiểu sao chúng ta lại trở thành một gia đình nhỏ như thế nhỉ?”

“Chú không nhất thiết phải gặp quá nhiều người trên đời này,” Alice nói. Bà liếm ngón tay cái và lau vết bẩn trên một chiếc lá ráy thơm. “Chú làm việc của mình, nuôi dạy con cái và sống trong nhà mình, thế là đủ. Cả Ned lẫn tôi đều không phải là người hòa đồng cho lắm.”

“Ở Cleveland dường như chị luôn có bạn cơ mà”, Eddie nói.

“Những người hàng xóm ấy mà,” Alice nói. “Vài người trong số họ rất tốt. Nhưng bọn tôi đã chuyển khỏi đó rồi. Họ đều gửi hoa đến đấy chứ.”

Bà nhanh nhẹn băng qua căn phòng, và mở những tấm rèm ra. Ánh nắng ủa vào phòng như bóng đèn flash. Jonathan giật nảy mình, rồi nói: “Xin lỗi,” như thể cậu đã phạm phải một điều cực kỳ đáng xấu hổ. Tôi cho rằng có lẽ Alice và Ned là một trong những cặp vợ chồng mà “mọi-người-đều-yêu-quý-ông-nhưng-không-ai-chịu-được-bà.” Tôi nghĩ rằng nếu tôi lấy Ned, có lẽ ông sẽ có vài người bạn vẫn còn nghĩ đến ông mà mua một chiếc vé máy bay đến Arizona. Tôi cảm thấy những giọt nước mắt lại dâng lên, và phải siết chặt nắm tay để ngăn chúng lại. Tôi ngồi sát vào Bobby hơn. *Cháu xin lỗi, chú Ned*, tôi thầm nói. Trong một thoáng, có vẻ hình ảnh của Bobby và Ned đã bị lẫn lộn trong đầu óc tôi. Tôi cảm giác như mình đã sáu mươi lăm tuổi, đang ngồi đó với Bobby, người chồng quá cố của tôi, người vừa trở về từ năm mộ để chỉ ra những khuyết điểm và lỗi lầm của tôi.

Hai người phụ nữ kia vẫn tiếp tục cuộc trò chuyện sôi nổi, thì thoảng lại có tiếng thìa gõ vào nồi leng keng. Tôi hỏi Eddie về cuộc sống của ông, để cuộc trò chuyện không bị gián đoạn. Vợ ông đã mất. Ông có hai cô con gái, đều đã kết hôn, theo như ông giải thích, họ không thể đến dự đám tang được. Ông là người đã quen với một cuộc sống quy củ, sự ra đời và những cái chết ở Muncie, Indiana. Những ký ức cứ xâm nhập vào sự chú ý của tôi khi tôi nghe Eddie nói. Bố tôi đã cho tôi đứng trên mặt quầy bar khi tôi mới lên bốn, trước tiếng vỗ tay của những người đàn ông khác. Ông đã mua cho tôi những bộ váy diêm dúa mà mẹ tôi không muốn tôi mặc. “Trông nó như một con diêm,” mẹ tôi nói, và trong nhiều năm tôi cứ tin rằng một con diêm là một kẻ được đàn ông ưa thích. Tôi cứ ngỡ đó là một hình thái tăng bốc bất đắc dĩ. Bố tôi là người vui vẻ và hay nuông chiều. Mẹ tôi thì chỉ biết đến công việc. Mãi tới khi lớn lên, tôi mới bắt đầu hiểu được bà. Bố tôi thường chửi rủa, than khóc, và ngã xuống những bậc thềm ở sân sau. Ông phá hỏng những chiếc ô tô, và bắt đầu buộc tội tôi là thông đồng với mẹ tôi. Ông trở nên quá to lớn và ồn ào, quá nguy hiểm, và nếu mẹ tôi vui vẻ hơn một chút, tôi sẽ đứng về phía bà. Bố tôi đã ngã tro ra ở hành lang. Ông nói gì đó với tôi mà tôi không hiểu nổi, và ngay sau đó ông bỏ đi. Mẹ tôi đã dán lại giấy dán tường trong phòng bà với hoa văn hình những bông hoa cúc trong sáng rạng rỡ. Bà nói: “Giờ thì mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn.”

Eddie ngồi hút thuốc, đôi mắt ông mờ đục và vàng khè sau năm mươi năm nhuộm khói của chính ông. “Em chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ sống lâu hơn anh ấy,” ông nói. “Tuy anh ấy là anh cả, chị biết đấy. Nhưng mà...”

“Ừ,” Alice khẽ nói. “Tôi biết.”

Bà Cohen và bà Black từ trong bếp bước ra. Một trong hai người, tôi không thể nhớ ai là ai, lau khô tay bằng một cái khăn lau kẻ sọc. “Mong rằng ông ấy được yên nghỉ,” người kia nói.

“Dù sao thì cuộc đời anh ấy cũng không đến nỗi tệ,” Eddie nói. “Anh ấy luôn thích phim ảnh, và cuối cùng cũng được làm chủ một rạp chiếu phim. Không tệ.”

“Ông ấy là một người rất tốt,” người phụ nữ đang lau tay nói, không biết là bà Cohen hay bà Black. “Ban đêm tôi thường ngủ ngon giấc hơn, vì tôi biết rằng khi tôi gọi ông ấy, ông ấy sẽ đến ngay. Tôi chưa bao giờ phải gọi ông ấy, cảm ơn Chúa, nhưng tôi luôn biết rằng tôi có thể làm thế.”

“Một người rất tốt bụng,” người kia nói.

Jonathan đã đến ngồi trên một cái ghế. Bobby bước đến bên cậu, ngồi ghé trên tay ghế. Nếu họ có thể hợp nhất thành một người, họ sẽ rất tuyệt vời.

“Cảm ơn vì đã làm bữa tối,” Alice nói với hai người phụ nữ kia. “Có lẽ đã hơn năm giờ rồi. Sao chúng ta không uống chút gì nhỉ?”

“Ồ, tôi không bao giờ uống rượu,” người phụ nữ cầm khăn lau nói. “Tôi từng mồi thận. Tôi chỉ còn một quả thận thôi, và nó là của chị tôi đấy.”

“Đúng vậy,” người kia nói.

Tôi thắc mắc không biết hai người đó có phải là chị em không.

Sau bữa tối, họ về nhà. Eddie quay về căn phòng trong khách sạn để “tắm táp”, hứa rằng sẽ trở lại để “làm một ly trước khi ngủ.”

Alice nói: “Có lẽ hai chàng trai này cần có một khoảng thời gian riêng bên nhau. Sao các con không ra ngoài uống gì đó?”

“Con không biết,” Jonathan nói. “Bọn mình có nên đi không?” Cậu hỏi Bobby. Bobby liếc sang tôi. Không hiểu sao tôi lại quyết định nhanh chóng đến thế. Tôi khẽ gật đầu, đồng ý.

Jonathan hỏi liệu cậu có nên mang theo áo khoác không. Bobby bảo rằng có lẽ cậu nên mang theo. “Hai đứa,” Alice nói, “đúng là một cặp bài trùng.” Tôi chưa bao giờ thấy ai bối rối như Jonathan, lo lắng đến nỗi cần phải có người khác bảo mình làm gì.

Bobby hôn tôi trên đường anh ra ngoài, một cái hôn ướt át thật kêu lên má. “Bọn anh sẽ, em biết đấy, không đi quá lâu đâu,” anh thì thầm. Tôi đẩy anh ra như thể xua một con ruồi. Ý thức về thực tại của tôi đã tan biến. Tôi đang ở một nơi bất kỳ nào đó, bị bỏ lại một mình với một phụ nữ nhỏ nhen mà tôi gần như không quen biết. Tình huống này rồi sẽ kết thúc. Nó sẽ chỉ là một câu chuyện nhỏ nữa trong cuộc đời tôi mà thôi.

Jonathan nấn ná ở ngưỡng cửa: “Tạm biệt,” cậu nói. “Bọn em sẽ sớm quay lại.”

“Đi đi,” tôi nói. Nếu tôi là chị gái cậu, có thể tôi đã ngăn không cho Alice rút hết những gì tinh túy ra khỏi cậu. Có thể tôi đã đặt Alice vào đúng vị trí của bà và khuyến khích Jonathan tự đứng trên đôi chân của chính mình.

“Tạm biệt mẹ,” cậu nói.

Alice nắm lấy cầm cậu theo cái kiểu trực tiếp, giống như một nhà khoa học của bà. Bà nhìn thẳng vào mắt cậu: “Tạm biệt con trai,” bà nói. “Mẹ yêu con.”

Sau khi họ đi khuất, Alice hỏi: “Cô mang gì đến cho cháu nhé?” với chất giọng ấm áp của chủ nhà, khiến tôi nhớ ra rằng tôi chỉ là một vị khách.

“Không cần đâu, cảm ơn cô,” tôi nói. “Cháu có thể giúp cô làm gì không?”

“Không. Cô nghĩ là cô sẽ dọn dẹp lại căn bếp một chút.”

“Cháu sẽ giúp.”

“Không, cảm ơn cháu,” bà nói, với một nụ cười kiên quyết. “Cô thực sự muốn làm một mình. Cháu chỉ cần thoải mái ở ngoài này là được.”

Với tôi thế là ổn. Giờ thì không ai trong chúng tôi cần phải cố nặn ra chuyện để nói. Sau khi Alice vào bếp, tôi bật ti vi, vặn nhỏ âm lượng xuống hết mức có thể, để không làm ảnh hưởng đến những suy nghĩ của bà.

Tôi nhìn chăm chăm lên màn hình. Tôi không biết chương trình này là gì, và cũng không quan tâm. Thường thì tôi chỉ xem ti vi khi có tâm trạng hay có chuyện gì đó xảy ra. Lúc ở nhà, tôi vẫn hay tắt tiếng ti vi và bật giàn âm thanh lên, để tôi không phải nghe những nhân vật xa lạ nói chuyện với nhau.

Alice ở trong bếp khá lâu. Các chương trình cứ tiếp tục nối nhau. Tôi vừa xem ti vi vừa xem qua những tờ tạp chí. Chỉ để giết thời gian. Tôi đoán rằng Bobby và Jonathan đang ở một cái quán ven đường nào đấy, uống rượu và nói chuyện về chính họ, về Alice và tôi. Tôi thấy ghen tị - không phải vì tình cảm họ dành cho nhau mà vì cái quá khứ bên nhau của họ. Cái mối quan hệ thân tình ấy. Tôi, một con người hoàn thiện và biết điều hơn, sẽ bay trở lại New York và tiếp tục một điều gì đó. Tôi sẽ sinh con một mình. Chẳng có gì buộc tôi phải gắn bó với bất cứ ai ở đây cả, không có yếu tố duyên số hay định mệnh nào hết. Tôi giờ qua tờ *Arizona Highways* và *Địa lý quốc gia*.

Rồi tôi nghe thấy tiếng rơi vỡ trong bếp. Tôi không chắc liệu mình có nên vào đó hay không. Có lẽ Alice bỗng dưng thấy suy sụp, và không muốn bị làm phiền. Tôi không muốn xen vào. Trên ti vi, một nghìn đứa trẻ đang hát không ra tiếng về Coke. Tôi biết bài hát này. Đó là một chương trình quảng cáo cũ, không hiểu sao lại được phát lại. Tôi quyết định làm theo cái ý nghĩ thứ hai của mình rằng có lẽ sẽ không phải nếu tôi không vào xem Alice thế nào.

Trong bếp, bà đang cầm hai mảnh vỡ của một chiếc đĩa. “Cô đã làm rơi nó,” bà nói. Bà vừa nói vừa cười một cách kỳ cục, như thể việc đánh rơi nó là một thành tích.

“Tiếc quá,” tôi nói.

“Dù sao thì nó cũng chẳng là gì cả,” bà bảo tôi. “Nó được bán với giá một đô la chín mươi tám xu ở cửa hàng K-mart. Chẳng khó khăn gì khi mua cái khác để thế vào cả.”

“Vậy thì may quá,” tôi nói.

“Thật không?” Bà vẫn cầm hai mảnh vỡ, hoàn hảo như hai mảnh trăng khuyết. Sau một thoáng, bà lại làm rơi chúng.

“Cô xin lỗi,” bà nói. “Cô thực sự xin lỗi. Cháu cứ sang phòng bên xem ti vi đi. Cô sẽ ổn thôi.” Bà quay đi và bước ra khỏi cánh cửa có màn che. Nó đóng sập lại sau bà, với tiếng đóng mỏng manh của nhôm nhẹ.

Tôi cúi xuống và nhặt cái đĩa lên. Lần này nó đã vỡ thành nhiều mảnh, những mảnh vỡ dày cộp hình tam giác. Tôi nhặt hết chúng lên và cẩn thận ném vào thùng rác. Tôi sợ lại làm chúng vỡ thêm nữa. Tôi đứng một lúc trong căn bếp vắng lặng, mong là Bobby và Jonathan sớm về nhà. Tôi định quay lại phòng khách và ngồi yên một chỗ như bà bảo, nhưng tôi không thể tưởng tượng nổi là mình lại làm thế. Tôi quyết định đi theo Alice và hỏi xem liệu tôi có thể giúp được gì không, và phải khéo léo để không biến mình thành kẻ quấy rầy. Xét cho cùng, tôi vẫn chỉ là một người khách.

Tôi mở cửa và bước ra một quãng sáng hình chữ nhật. Những vì sao hiện lên rõ ràng bất chấp ánh đèn của tổ hợp chung cư. Sân sau không rộng lắm. Chỉ là một khoảnh cỏ xộp với một luống hoa và hai bồn cỏ, bao quanh bởi một bức tường xây bằng chất liệu giống gạch sống. Alice đứng giữa thảm cỏ, quay lưng về phía ngôi nhà. Bà lấy cả hai tay túm vào tóc mình, lắc lắc từ bên này sang bên kia. Khi tôi bắt đầu bước về phía bà, bà thốt ra một tiếng thở dài, vốn là một tiếng rên rỉ bị xep đi, một tiếng xì chậm chậm kéo dài. Bà dùng một tay để túm lấy và bứt vài cọng tóc ra khỏi đầu. Tôi có thể nghe tiếng nó bị bứt phụt ra.

“Cô Alice?” Tôi nói.

Bà ngoảnh lại, tay vẫn còn nắm tóc. Những sợi tóc xoắn xỏa xuống gần ba mươi phân trong ánh điện. “Cháu không nên thấy cảnh này,” bà nói. “Đây không phải là cuộc sống của cháu. Cháu nên quay vào trong nhà thì hơn.”

“Cháu có thể làm gì giúp cô không?” Tôi hỏi.

Bà cười: “Có đấy, cháu ạ”, bà nói. “Hãy chạy đến K-mart và mua cho cô một cái đĩa mới. Và một người chồng mới.”

Chúng tôi đứng đối diện nhau. Tôi cho rằng bà đang bực mình, đợi tôi quay trở vào nhà. Tôi không nghe theo. Có lẽ vì tôi cũng thấy tức tối, và không muốn bà thấy thỏa mãn.

Sau một phút, bà nhìn xuống nắm tóc trong tay: “Đây là tất cả những gì cô có.”

Tôi không nói gì. Tôi không cử động.

“Cô không muốn hai thằng bé kia trông thấy cô như thế này,” bà nói. “Cô không muốn Jonathan nhìn thấy. Cô không nghĩ nó có thể chịu được, khi thấy cô như thế này.”

“Cô đừng lo về điều đó,” tôi nói.

“Dù sao thì cô vẫn cứ lo. Cô cho rằng cháu trông thấy cô như thế này thì cũng không sao. Cháu thực sự chưa bao giờ biết cô. Đúng, cháu có thể thấy cô như vậy. Không sao, đúng không?”

“Vâng,” tôi nói. “Vâng, không sao đâu.”

Bà giơ bàn tay còn lại lên và túm tóc mình. Tôi nắm lấy cổ tay bà. “Đừng,” tôi nói. “Cô đâu cần phải làm thế.”

Tôi đã không định chạm vào bà.

“Không à?” Bà hỏi. “Cô không cần phải làm gì à?”

“Không,” tôi nói. “Không, không gì cả.”

Bà thở dài. Tôi vẫn giữ cổ tay bà. Tôi giữ thật chặt. Tôi vừa chờ xem Alice sẽ làm gì tiếp theo vừa nghĩ về đứa con của mình, lớn lên, đặt ra cho tôi một sự yêu ghét lẫn lộn không ngừng. Tôi có thể nghe tiếng những đứa trẻ trong chương trình quảng cáo, đang hát bài về Coke. Tất cả những giọng hát đó. Như thể đang có một cái loa trong đầu tôi.

“Cháu thấy đấy, cô không chỉ đơn giản như thế đâu,” bà nói. “Chúng ta đều thế. Không, ý cô thực sự không phải vậy. Lúc này cô chỉ thấy thương cho thân mình, không phải cho toàn bộ cuộc đời khốn nạn này. Thậm chí không phải cho Ned. Cô không chỉ đơn giản như thế. Và cô sẽ phải làm gì với Ned tội nghiệp? Làm sao mà bọn cô không trở thành một trò lố bịch được?”

“Cô không hề lố bịch,” tôi nói.

“Đừng an ủi cô. Cháu có muốn biết một bí mật không?”

Tôi im lặng. Tôi vẫn đang giữ cổ tay mỏng manh của Alice.

“Cô đã định bỏ Ned,” bà nói. “Cô đã quyết định như thế. Cô đang nghĩ đến việc mình phải nói với ông ấy thế nào, và rồi ông ấy đột ngột qua đời trên đường đến chỗ cái hòm thư.”

“Ôi, cô ơi,” tôi nói. Đó là tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra để nói.

“Điều nực cười là, cô đã có ý định bỏ ông ấy suốt gần ba mươi năm qua. Nhưng cô không thể nghĩ được là mình sẽ đi đâu, hay sẽ làm gì. Dường như cô không hề biết một người phụ nữ có thể tự mình làm được những gì. Và ngôi nhà của bọn cô, căn nhà cũ ở Cleveland ấy, có vẻ quá vĩnh cửu.”

“Cô có thể đuổi ông ấy đi mà,” tôi nói.

“Ôi, nhưng cô không muốn sống ở Cleveland một mình. Đó là một nơi rất khó chịu. Và cô cứ nghĩ: “Nếu mình bỏ đi, đây sẽ không còn là căn bếp của mình nữa. Mình sẽ không còn được cất đĩa trong cái tủ chạn này, hay bật đèn lên từ góc này nữa.” Cô có thể tưởng tượng ra những điều to tát hơn. Những đêm cô đơn và một công việc để làm. Thứ mà dường như cô không thể từ bỏ là những điều thường nhật vụn vặt đó. Và rồi đã đến giờ nấu cơm tối, và rồi một ngày nữa lại trôi qua.”

“Chà, cháu thực sự ngưỡng mộ cô vì đã ở lại,” tôi nói. “Bố cháu đã bỏ đi, và cháu không biết liệu cháu có bao giờ vượt qua được điều đó không nữa.”

“Thực sự thì, cô nghĩ việc mình ở lại là một điều hèn nhát,” bà nói. “Cô đã ép Jonathan làm bạn với mình, và khi cô thấy nó quá quẩn quýt với Bobby, cô đã đặt ra một vật cản giữa chúng.

Cô tổng Ned đến rạp chiếu phim vì, ừm, như cháu có thể hình dung ra được, bọn cô chẳng mấy khi ân ái với nhau trên giường. Và ông ấy không phải mẫu người dành cho chuyện yêu đương. Ông ấy chỉ chìm đắm trong những bộ phim. Giờ thì cô đã là một bà già, và Ned đã mất, còn Jonathan tội nghiệp không biết phải làm gì với bản thân nó.”

Tôi nhận thấy một chiếc máy bay đang lặng lẽ bay qua trên đầu. “Cháu không biết phải nói gì với cô,” cuối cùng, tôi nói.

“Không cần nói gì cả. Cháu có thể nói lỏng cổ tay cô ra một chút. Cháu đang làm nghẽn mạch máu của cô đấy.”

“Ôi, cháu xin lỗi.” Tôi thả tay bà ra và ngạc nhiên khi Alice cầm lấy tay tôi.

“Chúng ta không phải bạn bè,” bà nói. “Chúng ta thậm chí còn không thích nhau. Có lẽ cô thật may mắn, khi ở đây có mặt một người không phải bạn mình. Cô không thể kể chuyện này với bất cứ ai ngoài một người lạ. Cảm ơn cháu vì đã không bỏ đi.”

“Cô đừng nói gì cả,” tôi nói. Tôi không ngờ giọng mình lại dữ dội đến thế. “Nếu cô bỗng thấy biết ơn cháu, thì chúng ta sẽ không thể nhìn mặt nhau sau chuyện này được nữa. Bất cứ ai trong hoàn cảnh này cũng sẽ làm như cháu thôi.”

“Nhưng cháu đã có mặt ở đây,” bà nói. “Cháu đã đi hai nghìn dặm để đến đứng ở đây với cô. Đó là những gì khiến cô thấy cảm kích.”

“Có gì đâu ạ,” tôi nói.

“Rất nhiều là khác,” bà đáp.

“Ồ,” tôi nói, và hai người chúng tôi đứng trong yên lặng, nắm tay nhau như hai đứa trẻ bẽn lẽn trong một cuộc hẹn.

Một phút sau, Alice nói: “Cô không biết liệu cháu có thể giúp cô một việc không. Nghe có vẻ lạ lùng đấy.”

“Việc gì vậy cô?”

“Cô không biết liệu cháu có thể ôm cô và siết cô thật chặt không. Ý cô là thật chặt ấy.”

“Cô nói thật chứ?”

“Thật,” bà đáp. “Nhé!”

Tôi vung về vòng tay qua vai bà và ôm siết lấy bà. Tôi không quen bà đến mức có thể từ chối. Tôi hít lấy mùi tóc của bà.

“Hãy chặt hơn nữa,” bà nói. “Đừng e dè với cô. Cô không muốn một người đối xử lịch thiệp với mình ôm lần cuối đâu.”

Tôi hít một hơi thật sâu và áp Alice vào ngực mình. Tôi có thể cảm thấy bộ ngực nhỏ bé của bà qua lớp áo lót, cả xương sườn và sống lưng của bà. Tôi có thể nhận ra bà rất gầy.

“Tuyệt,” bà nói. “Chặt hơn nữa đi.”

Tôi nắm lấy cổ tay bên kia của mình, như một đồ vật, và siết bà thật chặt cho đến khi tôi nghe tiếng bà thở dồn. Tôi nhận thấy bà cũng đã ôm tôi.

“Ôi Chúa ơi, bà thì thầm. “Hãy ôm cô chặt hơn nữa. Đừng thả ra.”

Tôi vẫn ôm bà khi một chiếc ô tô dừng lại ở cửa trước. “Bobby và Jonathan đã về,” tôi nói, nói lỏng vòng tay.

“Ôi, không,” bà nói. “Cô cần tránh chúng thêm một lát nữa.”

Cửa xe đóng lại. “Không sao đâu cô, sẽ ổn thôi,” tôi bất lực nói.

“Cô chưa sẵn sàng,” bà nói. “Cô cần một chút thời gian nữa.”

Cửa trước mở ra. Chẳng có nơi nào để đi cả. Bức tường bao kín quanh sân, cao đến ngực, và phía bên kia là những tòa nhà giống hệt như thế này. “Cô đến đây,” tôi nói. Tôi dắt bà đến góc xa nhất của sân, nơi ánh đèn ít chiếu tới nhất.

“Cô hãy đứng đây,” tôi nói, để bà đứng trong góc tường. Tôi có thể nghe tiếng Jonathan gọi

mẹ cậu. Một ô cửa sổ lấp lánh ánh đèn.

“Cô đâu có khóc,” bà nói. “Đúng không?”

“Đúng. Cô cứ đứng đây,” tôi nói. Tôi đứng che trước mặt bà, quay lưng về phía ngôi nhà, chặn lấy ánh sáng.

Bobby nhanh chóng mở cửa sau và đứng trên ngưỡng cửa, một cái bóng hắt xuống qua ánh đèn. “Clare à?” Anh gọi. “Cô Alice ư?”

“Bọn em không sao, Bobby ạ,” tôi nói. “Vào trong đi. Bọn em sẽ vào ngay.”

“Có chuyện gì thế?” Anh hỏi. “Có chuyện gì không thế?”

“Ôi, đừng để nó ra đây,” Alice nói.

“Không có gì đâu, anh yêu ạ,” tôi gọi với. “Bọn em không sao. Hãy vào đi mà.”

“Sao thế?” Anh bước ra thăm cở và đứng cách chúng tôi vài bước. Anh chống tay trên hông, như một người cha đang tức giận. Tôi chưa bao giờ thấy ghét anh đến thế.

“Gì thế?” Anh nói.

Lúc đó, Alice bật khóc vì xấu hổ và đau buồn. Những tiếng nức nở khô khốc kéo dài bị chặn lại nơi cổ họng bà và tạo ra một âm thanh nghẹn ngào. “Cô Alice à?” Bobby hỏi.

“Dĩ nhiên đó là cô Alice,” tôi nói. “Vào trong đi.”

Anh đến và đứng cạnh tôi. “Cô Alice?” Anh nói, như thể anh không nhận ra bà.

Tôi đặt tay lên vai bà. Tôi không định ôm bà. Tôi chỉ giữ lấy bà, để bà không có cảm giác hụt hẫng.

“Ôi, cô Alice, con xin lỗi,” anh nói. “Ôi Chúa ơi, con rất, rất xin lỗi.”

“Con đâu có làm...” là tất cả những gì Alice có thể thốt ra.

Bobby hít một hơi thở mạnh và cũng bật khóc. Tôi muốn đấm anh. Sao anh dám tỏ ra yếu đuối trong một khoảnh khắc như thế này? Tôi thực sự đã giơ một tay lên để làm thế, để tát anh thật mạnh. Tôi đã luôn muốn làm một động tác như vậy. Nhưng tay tôi dừng lại nửa chừng và thay vào đó, theo đà của sự kiềm chế, nhẹ nhàng đặt lên lưng anh. Tôi còn có thể làm mình với tay mình nữa? Tôi không phải mẫu người anh hùng. Tôi không định dùng bạo lực. Bobby rung lên, và khi tôi chạm vào anh, sự run rẩy của anh truyền qua tôi như một cú sốc điện. Tôi bất chợt nghĩ đến bố tôi. Đột nhiên tôi thấy ông hiện ra trong óc mình, rõ ràng như trong một tấm ảnh, điển trai và ngạo mạn trong chiếc áo choàng mùa đông. Tôi để một tay trên người Alice và một tay trên người Bobby. Tôi có thể thấy bố tôi một cách rõ ràng, và mẹ tôi: phần nộ, giỏi giang, có tuổi trong chiếc áo khoác đỏ vai vuông. Tôi thấy Ned rõ rệt như thể tôi biết rõ ông, bị người vợ bất mãn xưa đuổi, đang xem phim giữa lượng khán giả cứ ít dần đi, mơ về Faye Dunaway[59] hay Elizabeth Taylor[60].

Tôi ôm lấy Bobby và Alice, rồi bỗng dưng ngửa đầu ra sau và cười. Không phải vì có gì đó đáng cười. Mà tôi chỉ cười vậy thôi. Tôi biết tôi nên cảm thấy xấu hổ, vì đã cười trong một thời điểm như thế, nhưng mọi chuyện đã đi quá xa. Tôi quyết định không ngại ngùng gì hết, và thực sự cảm thấy thế. Tôi cứ cười mãi. Việc chẳng có gì đáng cười có vẻ chỉ càng làm cho tôi cười nhiều thêm.

Rồi một bàn tay e dè nhẹ nhàng đặt lên vai tôi. Đó là Jonathan, trông rut rề và khao khát. Bằng cái chạm vai đó, cậu ngỏ ý muốn được cùng đứng vào trong vòng tròn. Tôi tạo khoảng trống giữa tôi và Bobby cho cậu, và vòng tay tôi qua vai cậu để tôi vẫn có thể đặt tay lên Bobby. Tôi vẫn cười. Tôi cảm thấy một thứ gì đó nặng nề bắt đầu lớn dần lên trong tôi, một thứ to lớn và ươn sùng, như một cục bột đã bị tôi nướ từ lâu lắm rồi đến mức tôi đã quên bằng đi làm nó đang nằm trong ruột tôi. Tôi cười bố tôi, một người say khướt bị hành hạ vì đã hiến mình cho sự dơ bẩn và lộn xộn, cười người mẹ mạnh mẽ, hay thù hằn của tôi. Tôi cười Ned, một con người mơ mộng đã hóa thành tro và xương, tôi cười Jonathan yếu đuối, cười Bobby và cười chính bản thân tôi, đã mang thai ba tháng sau sinh nhật tuổi bốn mươi với một người đàn ông mà tôi không chắc là mình có thích không. Tôi cười Alice, bị mắc kẹt trong một ngôi nhà “rỗng” trong sa mạc vì bà không thể lường tượng ra một cuộc sống không có cái tủ chén ở góc bếp.

Và tôi cười trước tất cả những thứ vụn vụn dơ dáy.

JONATHAN

Clare bị ốm khi chúng tôi đi qua bảy bang khác nhau. Chị buồn nôn lần đầu ở hẻm núi Lớn, tái mét và đứng ngay đơ cạnh một chiếc kính viễn vọng không được dùng tới bên bờ Nam, dõi mắt về phía cảnh đẹp qua đôi kính râm. Khi Bobby ôm lấy thanh chắn, thốt lên trước bờ vực sâu thăm thẳm, Clare dựa vào khuỷu tay tôi và nói nhỏ: “Cung ơi, tôi không nghĩ là mình có thể chịu đựng được.”

“Chịu đựng cái gì?” Tôi hỏi.

“Cái này,” chị nói, phẩy tay về phía vực thẳm. “Tất cả vẻ đẹp hùng vĩ này. Một khoảnh khắc tuyệt vời như thế này. Nó vượt quá sức chịu đựng của tôi.”

Tôi đứng sát vào chị. Dù sáng hôm đó thật êm ả, nhưng tôi vẫn muốn che chở cho chị khỏi bất cứ ngọn gió nào có thể nổi lên bởi sự rộng lớn của hẻm núi. Mặt trời vừa mới mọc. Nó dát một ánh nắng vàng lên những mặt vách đá, rồi hắt xuống một cái hồ mờ ảo, mơ hồ bên dưới đáy vực tăm tối lơ mơ có vẻ sâu thăm thẳm. Bobby nháy nhót kích động trước mép vực, tự ôm lấy mình và bất ngờ thốt ra những tiếng rên rỉ khe khẽ.

“Có gì đâu,” tôi bảo Clare. “Chị hãy đứng đây mà ngắm nhìn cũng được, và sau đó chúng ta sẽ đi ăn sáng.”

Từ “ăn sáng” khiến chị nôn ọe. Chị phải bám vào cái kính viễn vọng cho khỏi ngã. Nó kéo kẹt chìa lên một dải mây hồng sắc sỡ. Chị cúi xuống, ọe khan, nhưng không nôn ra thứ gì. Một sợi nước dãi đông đưa trên miệng chị, lấp lánh trong ánh nắng.

Tôi ôm lấy vai chị. “Cung à, chị ốm rồi,” tôi nói.

“Đẹp kinh lên được,” chị nói. “Tốt hơn là nên đưa tôi trở lại chiếc Chevy Nova đó.”

“Chờ chút, em sẽ gọi Bobby.”

“Mặc kệ anh ấy,” chị nói. “Đừng quấy rầy, anh ấy đang xuất thần hay sao ấy.”

Có lẽ chị đã đúng. Bobby đã ngừng những động tác nháy nhót kích động và giờ đang đứng đó, hai tay đặt trên thanh chắn, như một vị thuyền trưởng đang chỉ huy con tàu của mình trong cơn bão. Cậu dễ bị xúc động quá mức hơn Clare và tôi – cậu không ý thức được rằng mình đã đi quá xa.

Tôi giúp Clare chui vào trong chiếc xe hiệu Chevrolet mà chúng tôi đã thuê. Chị và tôi đã đồng ý lái xe từ Arizona trở về New York, nửa hứng thú nửa không. Đây là buổi sáng đầu tiên trong hành trình của chúng tôi – chúng tôi đã khởi hành từ nhà mẹ tôi lúc ba giờ sáng để kịp đón bình minh trên hẻm núi Lớn. Trong năm ngày tiếp theo, chúng tôi sẽ băng qua dãy núi Rocky và vùng Đồng bằng lớn, viếng mộ ở Ohio, và mua những cái hộp Shaker ở Pennsylvania. Đó là chuyến đi mà Bobby vẫn hằng ao ước. Cậu lái xe hầu như suốt cuộc hành trình, và luôn đòi dừng lại ở các cửa hàng có quảng cáo “Mút tự làm” hay “Đồ thủ công địa phương”, dù ba phần tư trong số đó được làm từ một địa điểm nào đó ở châu Á. Cậu dùng thẻ tín dụng của tôi để mua những cuốn băng cassette trị giá hơn một trăm đô: của the Stones, David Bowie^[61] và Bruce Springsteen^[62]. Cậu mở đi mở lại đĩa *Born to run*, cho đến khi Clare phải vứt nó qua cửa sổ trên đường đến Sandusky.

Tôi dìu chị vào ngồi ở ghế trước. Chiếc ô tô tỏa ra mùi bọc cao su sạch sẽ và chị hít thật sâu, như thế không khí được thanh lọc có thể làm chị hồi sinh. “Cảm ơn cung,” chị nói. “Giờ cậu đi được rồi. Hãy đi ngắm phong cảnh đi.”

“Không, em sẽ ở đây với chị.”

“Cậu nghĩ tôi muốn bắt cậu ngồi trong một chiếc ô tô bé tí thay vì ngắm nhìn hẻm núi Lớn à? Đi đi. Vì Chúa.”

Tôi nghe theo. Tôi đến đứng cạnh Bobby ở thanh chắn. Vào lúc này, trong mùa vắng khách, khu vực quan sát vắng tanh. Một chiếc cốc giấy bẹp rúm nằm lấp lánh trên mép đất đỏ mỏng

manh phía bên kia thanh chắn. Ánh nắng sớm, rực rỡ nhưng không ấm áp, lan tỏa trên mặt mũi và quần áo của chúng tôi.

“Ngạc nhiên quá,” tôi nói.

Bobby ngoảnh mặt sang tôi. Cậu không nói gì, và có lẽ mong rằng tôi cũng sẽ như thế. Nhưng tính lịch sự không bao giờ mất đi trong cậu.

“Ừ,” cậu nói.

“Thật không ngờ,” tôi nói. “Ý mình là, ta đã thấy nó quá nhiều lần trên những miếng lót cốc hay khăn lau đĩa và không biết là còn trên những thứ gì nữa. Mình cứ ngỡ có lẽ nó cũng chỉ tầm thường mà thôi.”

“Ừ.”

“Nó thực sự làm Clare choáng váng đấy. Mình đã phải đưa chị ấy trở lại xe.”

“Ừm.” Cậu quàng tay lên vai tôi, vì cậu yêu quý tôi và vì cậu thực sự rất muốn tôi im miệng lại. Tôi vòng tay qua eo lưng cậu. Đây là mùi hương và da thịt quen thuộc, săn chắc của cậu. Chúng tôi cùng ngắm mặt trời mọc. Bobby ấm áp và chắc nịch, đầu óc cậu đầy ắp những ý nghĩ vừa quen thuộc, vừa hoàn toàn xa lạ với tôi. Cổ tay cậu vẫn còn cái nốt ruồi màu nâu đỏ. Clare đang đợi chúng tôi trong xe, chào thua trước phong cảnh này. Vào lúc đó, tôi tin rằng tôi chưa bao giờ yêu ai ngoài bố mẹ tôi và hai người này. Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ quên được mỗi tình đầu của mình. Có lẽ, do thói ngông tuổi trẻ, chúng ta đã trao đi sự say mê một cách dễ dàng và gần như tùy tiện, với quan niệm sai lầm rằng tình yêu trong chúng ta sẽ không bao giờ cạn kiệt.

Clare lại bị nôn vào sáng hôm sau, ở đỉnh Pikes. “Có lẽ tôi đã bị dị ứng với những di sản quốc gia,” chị nói. Chúng tôi đưa chị đến gần nhà vệ sinh nữ ở một trạm xăng của hãng Shell và đợi chị gần nửa tiếng. Chị trở ra, xanh xao và thẳng đơ, với cặp kính râm trên mặt và đôi môi mới tô lại son đỏ thẫm. Trông chị như một ngôi sao điện ảnh thời xưa. Đằng sau chị, những đỉnh núi đá hoa cương phủ tuyết đứng sừng sững.

“Cưng ơi,” tôi nói, “chúng ta có nên lái xe thẳng đến Denver và đưa chị lên máy bay không?”

“Không,” chị nói. “Tôi nghĩ là tôi không sao đâu. Hôm qua tôi đã khỏi, đúng không? Có lẽ chị hơi khó chịu một chút thôi.”

Thực sự thì chị đã hồi phục lúc mười giờ. Mặt chị hồng hào trở lại, và thân hình đã mất đi vẻ gồng mình, cứng nhắc. Chúng tôi lái xe giữa những cánh đồng xanh mơn mơn, xa xa là những ngọn núi bị che phủ bởi những rừng thông và những cây bạch dương trơ trụi. Đó là một phong cảnh đơn giản, xanh tươi – rộng mở, không ẩn giấu mối đe dọa nguy hiểm nào. Xa hơn về phía bắc, tôi ngờ rằng, địa hình sẽ gồ ghề hơn, những đỉnh núi sẽ nhấp nhô hơn, và nếu bạn đi chệch đường quá xa, bạn có thể bị khoảng mênh mang vô tận giữa trời và đất nuốt chửng. Còn ở đây, nơi trung tâm của Colorado, chúng tôi chỉ đi qua một vẻ đẹp rộng lớn, không đáng sợ. Đó là những ngọn núi và những cánh đồng chăn nuôi gia súc. Đó là những dòng suối lấp lánh bạc róc rách chảy theo đường cao tốc, lộ nhô những mỏm đá màu sô-cô-la. Khung cảnh ấy làm bạn xúc động bởi vẻ đẹp trù phú của nó, nhưng không làm bạn thay đổi chút nào. Nó không bao giờ đe dọa sẽ làm tan vỡ trái tim bạn.

Chúng tôi lái xe suốt cả ngày, và đến Nebraska trước khi trời tối. Clare đọc *Vogue*, *Phỏng vấn* và *Rolling Stone*. “Điều mà tôi thích nhất khi đi du ngoạn bằng ô tô,” chị nói, “là mình có thể đọc những cuốn tạp chí ngó gần hàng giờ liền. Ý mình là, cậu có thể ngắm phong cảnh bất cứ lúc nào, bất cứ đâu. Nhưng cơ hội để đọc hết một cuốn tạp chí *Phỏng vấn* mà không thấy phí phạm thời giờ? Thật hiếm.”

Chúng tôi ngủ trong một khách sạn ven đường cách Lincoln năm mươi dặm về phía tây, và tiếp tục lên đường ngay sau khi trời hửng sáng. Sáng hôm đó, Clare chỉ bị nôn ọe một chút. Chúng tôi rơi vào nhịp điệu đều đều của việc lái xe, đọc, ăn và nghe nhạc, khi những vùng đất nông nghiệp của Nebraska, Iowa và Illinois cứ vùn vụt trôi qua. Bạn phải đi qua vùng Đồng bằng lớn thì mới hoàn toàn hiểu được sự vắng vẻ của miền này. Những đặc điểm chính của nó

không phải là các phương tiện giao thông hay những biểu hiện phong phú mà là một sự hiu quạnh trống trải không hoàn toàn hoang vu – không có chân trời nào thực sự trống vắng. Mặt trời luôn chiếu sáng lên một tháp nước hay một hầm ủ thức ăn cho gia súc phía xa xa, lấp lánh trên một bảng quảng cáo hay một nhà kho tạm thời lợp mái thiếc. Cứ hai mươi hay ba mươi dặm, bạn lại băng qua một thị trấn đang chật vật, nó vẫn tiếp tục tồn tại vì ở vài thời điểm trong quá khứ nó đã được lập ra để tồn tại. Chúng tôi dừng lại ăn cơm trong vài thị trấn kiểu đó, hy vọng được ăn món khoai tây chiên hay bánh nướng được chính tay các bà vợ của những ông chủ quán làm trước đó một tiếng, nhưng hóa ra tất cả thức ăn đều đã nguội ngắt, đã được đun hoặc hâm lại. Những cánh đồng nối đuôi nhau trôi qua. Dù đã được gieo hạt nhưng chúng vẫn còn trơ trụi, những khoảng đất đen trống trải cứ phơi ra dưới bầu trời lạnh lẽo. Clare đọc cho chúng tôi nghe những câu chuyện từ một cuốn sách của Flannery O'Connor^[63]. Ở đó của chúng tôi ngày càng trở nên dơ dáy, đầy rác rưởi, ngập ngụa giấy gói và những vỏ chai. Lúc sắp tối, khi dừng lại ở một khách sạn ven đường ở Indiana, chúng tôi gần như chẳng còn biết gì đến quá khứ và tương lai nữa – có vẻ từ trước tới giờ chúng tôi vẫn luôn lái xe qua những vùng đất nông nghiệp rộng lớn và sẽ mãi làm thế. Đó vừa là điều kinh khủng vừa là điều tuyệt diệu của những chuyến đi đường dài. Bạn quên mất cuộc sống của bạn với một tốc độ thật đáng kinh ngạc. Trong vòng hai tuần, một người đi du hành giữa các vì sao sẽ không còn coi mình là người sống trên trái đất; sau sáu tháng trong vũ trụ, có thể cô ta hay anh ta cũng sẽ không bao giờ quay lại mặt đất nữa.

Ngày hôm sau, chúng tôi lái xe qua Cleveland. Clare bị nôn vào sáng hôm đó, nặng hơn lúc ở Nebraska nhưng ít nghiêm trọng hơn khi ở trên đỉnh Pikes. Lúc chúng tôi đến địa phận thành phố Cleveland, sau mười một giờ trưa, chị đã phần nào hồi phục.

“Cleveland,” chị nói. “Ai ngờ mình lại được ghé thăm một nơi xa xôi, kỳ lạ như thế này chứ?”

Bobby và tôi bỗng thấy vô cùng hồi hộp khi tới ranh giới thành phố. Chúng tôi chỉ trở những tòa nhà cho nhau, bỗng dưng về tầm cỡ của chúng. Trước đây chúng luôn có vẻ quá to lớn. Chúng tôi lái xe qua những dãy nhà xây bằng đá vôi lộn xộn của khu trung tâm, chọn lối đi quen thuộc. Lộ trình của chúng tôi thật ngắn. Ban đầu chúng tôi băng qua tòa nhà để xe bằng gạch bê tông cao sáu tầng, nơi trước kia là rạp chiếu phim của bố tôi. Tòa nhà mới được xây theo từng tầng dốc thoải, với mũi tên neon màu xanh xinh đẹp vô tình chỉ lối vào. Nó thật thanh bình và đơn giản, hoàn toàn thiết thực, và có vẻ sẽ tồn tại đến hàng trăm năm. Rạp phim cũ của bố tôi, được xây dựng trong thời Suy thoái, đã được trang trí sơ sài, với những viên gạch màu vàng nằm theo kiểu chữ chi và mái che bằng nhôm uốn cong như một cơn sóng biển. Ngay từ hồi mới xây, chắc hẳn nó cũng mang cái vẻ tạm bợ đó, một công trình nhỏ dành cho sự quên lãng và tức cười được dựng lên trong những thời kỳ khó khăn. Tòa nhà để xe trông nghiêm chỉnh hơn, trông chắc chắn và nhẵn nhụi như một chiếc cần sa.

“Thế đấy,” tôi nói. “Bố hãy yên nghỉ nhé.” Tôi cố nói bằng giọng cộc cằn, suồng sã vì tôi không thể chịu được ý nghĩ mình đang trở nên ủy mị trước một khoảnh khắc hiển nhiên như thế. Tôi không ngại tính đa cảm của mình nhưng tôi không thích mình trở thành một kẻ yếu đuối. Tôi chẳng hề thấy tiếc cho công việc kinh doanh đã mất của bố tôi. Tôi mơ hồ cảm thấy xấu hổ và cô đơn, nhưng vẫn bằng lòng với bản thân, đơn giản vì tôi vẫn còn sống, vì tôi vẫn còn tồn tại để bước vào tương lai. Chỉ những người hoài cổ nhất mới không chịu tin rằng khu này của thành phố nhìn chung đã được phát triển. Những nhà hàng mới trưng tên mình với những chữ cái mạ vàng, và một chuỗi cửa hàng bách hóa nổi tiếng đang cải tạo lại cửa hàng của một gia đình đã sập tiệm vốn chất đầy những bộ quần áo lỗi mốt nhếch nhác và những món đồ trang sức bằng ngọc nhân tạo lờ lờ.

Chúng tôi đi qua ngôi nhà cũ của gia đình tôi, trông nó thật tuyệt vời. Những người chủ mới đã sơn nó thành màu xanh lá thông, và đã lợp lại mái nhà. Tôi có thể hình dung ra tình trạng hiện tại của những căn phòng: đồ gỗ sẽ được sơn thành màu trắng, và thảm trải sàn sẽ bị cạo lại để trưng ra mặt sàn bằng gỗ sồi. Ở đó sẽ có các tác phẩm nghệ thuật và những bộ bàn ghế bọc da trơn.

“Chết tiệt,” Bobby nói. “Hãy xem họ đã làm gì với nó kìa.”

“Trông nó tuyệt đấy chứ,” tôi bảo cậu. “Đừng dừng lại. Nó không còn là nhà của bọn mình

nữa rồi, thậm chí đừng có nghĩ đến việc bước đến cửa trước và xin phép được gõ vào bên trong.”

“Mình đâu muốn làm thế,” cậu nói, dù tôi biết nếu cậu đi một mình thì cậu sẽ làm như vậy. Bobby không có tài bỏ mặc những thứ đó.

Điểm dừng chân cuối cùng của chúng tôi là nghĩa địa. Chúng tôi lái xe đến khu đất nơi Bobby từng sống, băng qua bức tường lát đá thấp, trên đó từ “Woodlawn” nổi lên với những chữ cái làm bằng sắt rèn, chữ “n” cuối cùng đã bị vỡ nhưng hình của nó vẫn còn, một cái bóng mờ nhạt trên đá. Chúng tôi đi theo con đường ngoằn ngoèo, băng qua những ngôi nhà xây theo kiểu bộ ba giống hệt nhau, và dừng xe ở vị trí ngôi nhà cũ của Bobby. Ngôi nhà không còn nữa, nó đã bị thiêu rụi gần hai mươi năm trước và đã bị san phẳng, nhưng vẫn không có ai xây gì trên đó cả. Nơi này không hề được cải tạo. Có vẻ như dân cư ở đây đã tự tiện sử dụng khoảnh đất này mà không chính thức mua nó: một khu vườn nhỏ được khoanh cọc, chuẩn bị cho vụ trồng trọt mùa xuân, và một bộ xích đu gỉ sắt đã được dựng lên giữa đám cỏ dại. Có vẻ như đất đai của nhà Morrow đã trở thành một kiểu công viên ở vùng ngoại ô Cleveland. Những người sống trong khu đó – hiện vẫn còn ở trong những ngôi nhà trệt ọp ẹp tồi tàn, với những châu tằm cho chim hoặc những chú lùn bằng thạch cao trên bãi cỏ - đã chiếm đoạt nó. Tôi có thể hình dung ra cảnh họ đang tụ tập ở đó trong buổi hoàng hôn, những đứa trẻ đang đu đưa trên cái xích đu cọt kẹt trong khi những người phụ nữ gieo hạt hướng dương và rì rầm tán gẫu về những sự kiện đã xảy ra trong ngày. Đây là một việc hơi bất hợp pháp, một sự chiếm đoạt vô căn cứ của những người không hề giàu có mà chỉ lần hồi sống qua ngày, và mảnh đất đó đã được vỡ hoang theo đúng nghĩa. Bây giờ nếu muốn sở hữu mảnh đất này, bạn phải giành giật lại nó từ những người đã học cách chăm sóc nó. Nếu bạn san phẳng những công trình xây dựng nho nhỏ của họ và dựng lên một căn nhà mới, bạn sẽ là một kẻ xâm chiếm, không khác một tên thực dân là mấy, và mảnh đất này sẽ bị quấy nhiễu cho đến khi ngôi nhà của bạn lại bị sụp đổ. Mảnh đất ngoại ô này đã trở lại với mục đích sơ khai của nó, và không thể được khai hóa lại mà không xảy ra một cuộc chiến khiến cho đôi bàn tay của người chiến thắng bị nhúng chàm.

“Nó đây,” Bobby nói. Clare ngò vức nhìn quanh. Chị đã không ngờ đến một thứ quá tầm thường như thế, dù chúng tôi đã làm hết sức để chuẩn bị tinh thần cho chị.

Chúng tôi ra khỏi xe và bước trên mảnh đất trống, dưới cái nhìn dăm dăm ngơ ngác, kỳ quặc của một thằng bé tóc đỏ vẫn đang đào đất bằng một cái thìa từ lúc chúng tôi dừng xe. Khi chúng tôi bước đến đó, Bobby nói: “Chỗ này trước kia là cửa ra vào. Và, ờ, ngay đây là phòng khách. Bếp ở đằng kia.”

Chúng tôi đứng một lúc trong ngôi nhà giờ chỉ còn là ảo ảnh, nhìn ngó xung quanh. Nó đã hoàn toàn biến mất, đã bốc hơi thực sự. Mặt trời chiếu sáng lên mặt đất trống. Clare cúi xuống nhặt một anh lính bằng nhựa màu be bé xíu đang khom mình với một khẩu súng bazooka.

“Anh nghĩ đây là phòng giải trí,” Bobby nói. “Hay nó nằm ở đằng kia nhỉ?”

Chúng tôi đi qua con mương ngăn cách khu đất với nghĩa địa, nhảy qua dòng nước màu nâu đang lững lờ trôi. Bobby nhìn một lúc vào bức tượng thiên thần bằng đá đang cheo leo trên đỉnh một bia mộ, đó là ngôi mộ cao nhất so với xung quanh. Cô đang rướn người về phía trước, kiễng chân, đôi cánh tay thon thả giơ lên với thái độ kích động nhiều hơn là nghiêm trang. Tôi không nghĩ rằng người chạm khắc bức tượng lại định biến cô thành một biểu tượng về giới tính.

“Ở đây từng có một hàng rào,” Bobby nói với vẻ tự hào dè dặt. “Sân sau nhà bọn anh, em biết đấy, kín đáo hơn thế này.”

Tôi nhớ ra rằng thiên thần này đã nhô lên phía trên đỉnh hàng rào nhà Morrow, lơ lửng giữa những cành cây.

“Ừm,” Clare nói. Chị đã trở nên trầm lặng hơn từ khi chúng tôi tới Cleveland. Tôi không thể hiểu được chị đang nghĩ gì.

Bobby dẫn chúng tôi đi thẳng tới chỗ những ngôi mộ của gia đình cậu. Chúng tôi nằm hơi xa so với vị trí ngôi nhà, trong một khu mới hơn của nghĩa địa. Những hàng bia mộ tiếp tục trải dài khoảng mười lăm mét, và xa hơn nữa chúng tôi có thể thấy ranh giới nơi dãy bia mộ kết

thức và đám cỏ liền mạch đang nằm chờ đợi những người, lúc đó, vẫn còn sống.

“Nó đây,” Bobby nói. Bia mộ của bố mẹ và anh trai cậu đều làm bằng đá hoa cương, nhẵn bóng và xám xịt, trông ẩm ướt, chỉ được khắc mỗi tên và ngày tháng năm sinh, năm mất. Chúng tôi đứng trước những ngôi mộ trong im lặng. Bobby nhìn chăm chăm vào những tấm bia mộ với sự kính trọng giản dị và gần như khách quan, như một du khách đến thăm một điện thờ. Đến bây giờ, nỗi đau thương trong lòng cậu đã qua và cậu đã bớt đau xót trước sự qua đời liên tiếp của những người trong gia đình cậu. Họ đã ra đi, cả ba người, và bỏ lại mình cậu ở đây. Một lúc sau, cậu nói: “Đôi khi mình băn khoăn không biết liệu có nên, cậu biết đấy, khắc vài kiểu thông điệp trên bia mộ của họ không. Cậu không thể nhận ra bất cứ điều gì về họ, trừ việc họ là những người thân.”

“Cậu muốn kiểu thông điệp nào?” Tôi hỏi.

“Mình không biết,” cậu nói. “Chỉ là... Ôi, Chúa ơi. Mình không biết nữa.”

Tôi nhìn sang Clare, chị đang nhìn Bobby với vẻ vừa băn khoăn vừa do dự. Tôi nghĩ cho đến lúc đó chị mới nhận ra cậu là người hoàn thiện, độc lập, với một quá khứ mất mát và những mong ước lớn lao. Trước đây, trong mắt chị, cậu là một bộ sưu tập của những điều kỳ cục và những tiềm năng chưa được khai thác – chị gần như đã tạo ra cậu. Giống như một nhà thổi miên coi đối tượng của mình là một cánh đồng để gieo vào đó những ám thị, có lẽ Clare đã coi Bobby là một dự án mà thành công hay thất bại của nó đều chỉ ảnh hưởng đến riêng mình chị. Chị là người phụ nữ duy nhất mà cậu ngủ cùng. Chị chọn quần áo và cắt tóc cho cậu. Những cuộc hôn nhân sắp đặt có lẽ cũng giống như thế này. Cô dâu mới còn quá trẻ và non nớt đến nỗi dường như cô đã hấp thu sự hợp nhất vào trong da thịt, những khuynh hướng của chồng cô đã xâm chiếm và trở nên không thể phân biệt được với những khuynh hướng của cô. Clare, với vai trò người chồng, chắc hẳn bây giờ mới lần đầu thấy rằng Bobby từng có một cuộc sống bên ngoài tầm ảnh hưởng của chị. Tôi không biết liệu chị đang hài lòng hay thất vọng.

Một lúc sau, chúng tôi rời nghĩa địa. Đáng lẽ chúng tôi nên nói hoặc làm gì đó, nhưng những người đã khuất là chủ đề khó. Điều ấn tượng nhất về họ là sự bất biến. Một nghìn năm nữa họ vẫn chỉ là những người chết như thế này. Tôi đang quen dần với điều đó vì cái chết của bố tôi. Lúc ông còn sống tôi đã nghĩ đến việc rồi đây chúng tôi có thể thay đổi trong mắt nhau. Nhưng bây giờ chúng tôi không thể tu sửa bản thân được nữa. Ông đã mang theo khả năng đó vào ngọn lửa lò thiêu.

Chúng tôi trở vào xe. Tôi sờ vào hai cái khuyên bạc đeo trên tai, nhìn xuống quần áo của mình. Tôi là một người đàn ông đang mặc quần jean màu đen và đi đôi giày cao bồi. Một bên cổ tay tôi đeo mười cái vòng cao su cũng màu đen. Tôi vẫn có thể đi đây đi đó, thay đổi công việc và đọc Turgenev. Tôi có thể có bất cứ loại tình yêu nào.

“Điểm dừng tiếp theo, thành phố New York,” Bobby nói từ sau vô lăng. Nếu không hơi ủ rũ, cậu cũng sẽ trở nên bần thần – đó là phản ứng quen thuộc của cậu trước nỗi buồn. Giọng cậu đã mất đi nhạc điệu và sự du dương, khuôn mặt cậu trở nên uể oải. Tôi chưa bao giờ thấy người khác có những biểu hiện tương tự như thế. Bobby có thể co mình lại khỏi bề mặt của làn da, và khi cậu làm thế, bạn ngờ rằng nếu bạn lấy kim châm vào đầu cậu, bạn phải đợi mũi kim xuyên vào khoảng hai phân thì cậu mới thét lên. Trong trạng thái trống rỗng này, cậu không nói và làm gì khác với bình thường. Lời nói và những hành động của cậu vẫn vậy. Nhưng thứ gì đó trong cậu đã mất đi, sự hăng hái sinh động đã tắt, và cậu bỗng có cái vẻ ù lì mà những người không hiểu cậu lắm có thể nhầm tưởng là ngốc nghếch.

Tôi hỏi liệu cậu có muốn ghé qua tiệm bánh để gặp ông chủ cũ không và cậu bảo rằng không. Cậu nói việc đó sẽ rất mất thời gian, như thể chúng tôi cần tới được New York vào đúng một thời điểm chính xác vậy. Tôi xoa xoa vai cậu khi chúng tôi rẽ vào đường cao tốc. Tôi nghĩ chúng tôi đều cảm thấy bối rối bởi Cleveland, bởi những mục tiêu thông thường và những triển vọng đang tăng lên một cách khiêm tốn của nó. Có lẽ những người khác có một trải nghiệm dễ chịu hơn khi họ thăm lại quê nhà: những người vừa mới thoát ly khỏi những khu nhà ổ chuột công nghiệp hay bị tuột dốc khỏi những đỉnh điểm của sự giàu sang hay hạnh phúc. Có lẽ họ có thể nói một cách dễ dàng rằng: “Tôi từng ở đó nhưng giờ tôi đang ở nơi khác.”

Chúng tôi đều im lặng suốt một tiếng đồng hồ tiếp theo. Clare quá khép mình đến nỗi tôi phải hỏi liệu có phải chị lại buồn nôn không, và chị bảo rằng “không” bằng một giọng bức bối. Pennsylvania hiện ra với những căn nhà kho màu trắng nhấp nhô và những ngọn đồi yên ả trải dài. Chúng tôi như đang lái xe trong một nhà kính nhỏ chứa đầy sự ảm đạm.

Không hề mào đầu, khi chúng tôi tiến đến một tấm biển đề “Bếp rang pho mát của Jay-Dee”, Bobby nói: “Mình đang nghĩ. Hai người có bao giờ muốn, ờ, có một ngôi nhà ở ngoại thành không? Một ngôi nhà mà tất cả chúng ta có thể sống chung ở đó ấy?”

“Ý cậu là cả ba bọn mình?” Tôi hỏi.

“Ừ.”

Clare nói: “Công xã giờ đã lỗi thời rồi.”

“Chúng ta sẽ không trở thành một công xã. Ý anh là, chúng ta giống một gia đình hơn, em không nghĩ vậy sao?”

“Mình cho là thế,” tôi nói.

“Chúng ta chẳng có gì giống một gia đình cả,” Clare nói.

“Dù có thích hay không,” Bobby bảo chị, “bây giờ cũng chẳng lùi lại được nữa.”

Clare nói nhỏ: “Dừng xe.”

“Gì cơ? Sao vậy?”

“Chị bị say xe à?”

“Dừng xe. Hãy dừng xe.”

Bobby đỗ xe ở ven đường, cho rằng chị sắp nôn. Chúng tôi đang ở một nơi thực sự hẻo lánh, trong một dải đất nông nghiệp bị bỏ hoang, với những cánh đồng đầy cỏ dại vào vương vãi rác rưởi. Một tấm biển của trạm xăng Texaco lung linh ở khúc cua của con đường phía trước.

“Cưng à,” tôi nói. “Chị có sao không?”

Chị đã mở cửa gần như trước khi Bobby dừng hẳn xe. Nhưng thay vì thò ra ngoài để nôn thì chị nhảy ra khỏi xe và bắt đầu đi bộ, với một sự kiên quyết dữ dội, dọc theo dải đất ven đường đầy bụi cây rậm rạp. Bobby và tôi ngập ngừng, không biết phải phản ứng thế nào cho thích hợp.

“Sao thế nhỉ?” Tôi hỏi cậu.

“Mình không biết.”

“Chúng ta nên đi theo chị ấy.”

Chúng tôi ra khỏi xe và chạy đuổi theo chị. Một chiếc xe tải mười tám bánh chạy qua, làm khuấy tung bụi cát và một cơn bão rác quanh chân chúng tôi.

“Này,” Bobby nói. Cậu chạm vào khuỷu tay chị. “Này, sao thế?”

“Để tôi yên,” chị nói. “Làm ơn hãy quay trở lại xe và để tôi yên.”

Có thể chị định, một cách tùy tiện, bỏ chúng tôi ở Pennsylvania. Có thể chị định đi nhờ xe về, hay bắt đầu một cuộc sống mới với việc đi lang thang khắp đất nước, làm công việc phục vụ bàn và thuê phòng nghỉ trong những khách sạn ở các thị trấn. Chính tôi cũng đã từng áp ủ những thôi thúc như thế.

“Clare,” tôi nói. “Clare.” Tôi nghĩ giọng nói của tôi sẽ làm chị bình tĩnh. Tôi là người bạn thân nhất, là người bạn tâm giao của chị. Chị ngoảnh lại. Mặt chị sa sầm, giận dữ.

“Để tôi yên,” chị nói. “Đi đi. Cả hai người.”

“Sao thế?” Bobby hỏi. “Em thực sự bị ốm à?”

“Đúng thế,” chị nói. Để thoát khỏi chúng tôi, chị rời khỏi lề đường và đổi hướng băng qua dải đất hoang bằng phẳng bụi bặm. Những cái lốp xe bị cắt vụn nằm rải rác, và tấm da dẹt của một con gấu trúc bắc Mỹ đã khô quắt lại sau bao mùa mưa nắng. Chúng tôi vẫn cứ đi theo sát bên sườn chị.

“Clare,” tôi nói, “sao thế? Chuyện quái gì đang xảy ra thế?”

Giọng chị rít lên: “Tôi đang mang thai. Được chưa?”

“Mang thai?”

“Chúng mình sắp có con à?” Bobby noi. “Em và anh?”

“Im đi,” chị nói. “Làm ơn im ngay cái miệng khốn kiếp lại. Tôi không muốn có đứa con quái quỷ nào hết.”

“Em muốn mà.”

“Không. Ôi, chết tiệt. Tôi đã để nó được hơn ba tháng rồi. Tôi chưa bao giờ bị ốm nghén cả. Lần trước khi tôi mang thai, tôi đã phá bỏ nó trước khi bất cứ thứ gì như thế này xảy ra.”

“Em muốn có đứa bé này mà,” Bobby nói.

“Không. Tôi chỉ... tôi cũng không biết nữa. Lười biếng và ngớ ngẩn.”

“Đúng. Chúng ta có thể có nó. Cả ba chúng ta có thể có nó.”

“Anh điên rồi. Anh có biết anh điên đến mức nào không hả?”

“Một đứa con,” Bobby nói với tôi. “Này. Bọn mình sắp có con đấy.”

“Không phải là *bọn mình*,” chị nói. “*Tôi* mới là người có thể có con. Hoặc là không.”

“Cưng ơi, chị có chắc không?” Tôi hỏi.

“Ôi, chắc chắn. Tôi hoàn toàn chắc chắn.”

Chúng tôi đã băng ngang qua nửa cánh đồng, bước mông lung về phía trước. Chẳng có gì ở đó ngoài một hàng cây màu xi măng trụi trụi bao quanh một cánh đồng thứ hai. Tuy nhiên, Clare vẫn đi thẳng về phía đó như thể câu trả lời cho những câu hỏi của chị đang chờ đợi ở nơi chân rì. Ánh nắng nhàn nhạt rơi xuống qua một làn mây mỏng.

“Clare,” Bobby nói. “Dừng lại đi.”

Chị dừng lại. Chị nhìn quanh, và có vẻ lúc này mới nhận ra rằng chị đang ở giữa một vùng đất rộng lớn, không có điểm đến hợp lý nào gần đó cả.

“Tôi không thể làm như thế này được,” chị nói. “Tôi chỉ nên yêu một người, hoặc nuôi con một mình.”

“Em chỉ đang sợ thôi,” Bobby nói.

“Tôi mong là thế. Tôi thà sợ hãi còn hơn là tức giận. Và xấu hổ. Tôi thấy mình như một đứa ngốc vậy. Chúng ta sẽ làm gì, đăng ký những lớp học sinh nở cùng nhau à? Cả ba chúng ta ấy?”

“Em nghĩ thế,” tôi nói. “Sao lại không chứ?”

“Tôi không lạ đời đến thế đâu,” chị nói. “Dù mái tóc của tôi có kỳ quặc thế nào.”

Chị nhìn Bobby và rồi nhìn tôi với một vẻ mặt vừa khinh khỉnh vừa van nài. Chị đã bốn mươi, mang thai, và yêu hai người đàn ông cùng lúc. Tôi nghĩ thứ khiến chị không thể chịu đựng nổi là điều trớ trêu của cuộc đời chị. Giống như nhiều người trong số chúng ta, chị đã lớn lên với hy vọng có được một mối tình đàng hoàng, không lệch lạc.

“Can đảm lên,” tôi bảo chị. Bobby và tôi đứng trước mặt chị, bối rối, bơ vơ và chẳng biết làm gì, bị ám ảnh bởi một tình yêu đau đớn mà hỗn loạn, không chịu tập trung theo cách thông thường. Những phương tiện giao thông gầm rú đằng sau chúng tôi. Một chiếc xe tải bóp còi hơi, một âm thanh dữ dội. Clare lắc đầu, không phải để phủ nhận mà là vì bức tức. Vì không thể nghĩ ra điều gì khác để làm, chị lại bắt đầu bước đi, chậm hơn, về phía hàng cây.

PHẦN 3

BOBBY

Những thú vui ở chốn thị thành quả là quá phức tạp đối với việc nuôi dạy một đứa trẻ. Chúng

rất dễ dẫn đến sự sa ngã. Tôi nghĩ thế, và Jonathan cũng vậy. Clare không chắc lắm – nàng lo rằng sự êm ả quá mức có thể làm thui chột trí tưởng tượng của đứa bé.

“Nếu nó trở thành một đứa cù lần thì sao?” Nàng nói. “Em không muốn đứa con nào của mình lại lớn lên để trở thành một người *quá* tốt bụng cả. Em không thể chịu được điều đó.”

Tôi nhắc nàng nhớ lại rằng New York đã chuẩn bị những gì cho những người quá nhỏ bé và không mấy hiểu biết, những người khó có thể giành được một chỗ đứng ở đó. Tôi nghĩ ra những con số xác suất về những trường học ở thị trấn và những hiệu quả của màu xanh tới sự phát triển tâm lý.

“Và nghe này, ở thời buổi bây giờ, đâu còn cái khái niệm cứ lớn lên ở nông thôn là người ta lại hiền lành tốt bụng nữa,” Jonathan nói. “Hầu hết những kẻ sát nhân thực sự gây xôn xao đều xuất thân từ những trang trại vô chủ và những khu nhà lưu động đấy.”

“Ừm, thôi được rồi,” cuối cùng Clare nói. “Tôi nghĩ New York là nơi để mọi người đổ xô đến. Nếu chúng ta nuôi con ở đây, nó sẽ chuyển về nông thôn khi nó lớn lên mất.”

Và thế là chúng tôi bắt đầu gọi điện thoại. Chúng tôi bắt đầu lái xe ra ngoại thành để tìm kiếm những mảnh đất quá xa lạ hoặc hoang vắng mà chúng tôi có thể mua bằng tiền thừa kế của Clare. Khi đi mua những bất động sản rẻ tiền, bạn sẽ có được cái nhìn của người trong cuộc về sự thất bại thường nhật của con người. Bạn ngửi thấy mùi cây cỏ ẩm ướt từ bên ngoài len lỏi vào qua những tấm ván lát tường ẩm thấp, trông thấy những trần nhà và sàn nhà đang dần dần xuống cấp. Bạn thấy được thời tiết và tình trạng mục nát đã chiến thắng thế nào chỉ bằng cách tiếp tục, ngày này qua ngày khác, cho đến khi nào tiền bạc cạn kiệt.

“Chúng ta không thể dừng lại quá lâu để suy nghĩ được,” Clare cứ lải nhải. “Chúng ta phải tiếp tục tìm kiếm. Nếu chúng ta dừng lại và suy nghĩ quá lâu, em e rằng em sẽ đổi ý đấy.”

Sau ba tuần, chúng tôi đã tìm được một ngôi nhà hai tầng màu nâu cách Woodstock năm dặm, một căn nhà không mấy giá trị với những ưu điểm và nhược điểm gần như tương đương. Những bức tường được xây trên một nền móng vững chắc. Giá nhà lại rẻ - vì chủ nhà muốn bán tổng bán tháo nó đi. Ánh sáng từ đồng cỏ llinh lãng bỗng bình qua những căn phòng như thể thời gian đang ngưng đọng. Nước giếng trong và lạnh hết như nước được chảy ra từ vòi.

Nhược điểm của ngôi nhà là hệ thống dây điện đã xuống cấp còn hệ thống ống nước thì bám đầy gỉ sắt. Ván lát sàn bằng gỗ thông cũ đầy rẫy những con kiến đục gỗ và đang trong tình trạng mục khô.

“Ít nhất thì nơi này cũng có một linh hồn,” Jonathan nói. “Chị biết ý em là gì không? Em cảm thấy bây giờ vẫn còn chưa quá muộn. Nơi này vẫn chưa bị hư hỏng hoàn toàn.”

Clare gật đầu. Nàng miết ngón cái theo khung cửa, và nhìn vào ngón tay với vẻ tần ngần.

“Có vẻ được đấy,” tôi nói. “Nơi này không gây ra cho em cảm giác gì sao?”

“Hừm,” Clare nói. “Buồn nôn. Chóng mặt. Hoảng loạn.” Nàng vẫn nhìn vào ngón tay cái.

Chúng tôi bàn bạc trong một tuần, và mua ngôi nhà đó. Kèm theo nó là cả cái giếng và ánh nắng chiếu, cùng mười lăm cây sồi, tám cây thông, một bụi mâm xôi, và một cặp mộ quá cũ đến nỗi bia mộ đã bị bào mòn nhẵn thín. Khi Clare ngồi trên cái ghế nhựa màu xanh, với cái bụng to, để ký giấy tờ, nàng nói: “Tạm biệt, Paris và Istanbul.”

Jonathan thêm vài: “Tạm biệt, thời trang Armani. Tạm biệt, những đôi giày cá sấu”. Hai người họ cùng thốt ra một tiếng cười hơi chua chát. Và rồi việc mua bán hoàn tất. Clare đã mua cho tất cả chúng tôi một sự khởi đầu mới bằng tài sản kiếm được từ kim cương giả của người ông quá cố của nàng. Để chúc mừng, nhân viên của công ty bất động sản đã cùng chúng tôi uống rượu vang trắng đựng trong những cái cốc xốp màu trắng.

Khi rời khỏi căn hộ ở New York, chúng tôi đã vứt đi tất cả những thứ bị hư hỏng hay vỡ nát – chúng chiếm gần một nửa số tài sản của chúng tôi. Chúng tôi vứt chúng ra đường như món quà biếu dành cho những người mới đến, những người đang tràn đầy hy vọng trước cuộc sống mới ở nơi mà chúng tôi sắp rời đi này. Từ cửa sổ, chúng tôi ngắm nhìn những người qua đường đến lấy và mang chúng đi. Một phụ nữ lấy cái đèn dung nham. Hai gã đầu trọc và một cô gái xăm mình mập mạp thì lấy đi cái sofa bọc vải polyester da báo bị vỡ.

“Tạm biệt, những kho báu,” Clare nói. Hơi thở của nàng tạo nên một làn khói mong manh trên kính.

“Tạm biệt, những món phế thải từ thùng rác ở các cửa hàng đồ cũ,” Jonathan nói. “Cưng à, có những lúc chúng ta chẳng cần phải tiếc nuối thứ gì hết.”

“Tôi đã tha cái sofa đó về đây từ phố Sáu mươi bảy,” nàng nói. “Nhiều năm trước, cùng với Stephen Cooper và Bill Choắt. Bọn tôi đã khiêng thứ chết tiệt đó qua vài dãy nhà, dừng lại và ngồi lên nó, rồi lại đi thêm vài dãy nhà nữa. Chúng tôi đã mất cả đêm để mang nó về. Có lúc đám ăn xin cũng ngồi lên nó với chúng tôi, và tất cả chúng tôi cùng nhau uống bia. Đêm đó chúng tôi đã kết bạn được với rất nhiều người.”

“Và giờ thì chị sắp được làm một bà chủ nhà và một bà mẹ rồi,” Jonathan nói. “Chị có thực sự muốn mình tha thẩn nhặt nhạnh quanh các con phố của New York suốt đời không?”

“Bill Choắt mất rồi,” nàng nói. “Tôi đã bảo cậu chưa nhỉ?”

“Chưa.”

“Corinne bảo tôi thế. Anh ấy mất ở Nam Carolina, ôi, ít nhất đã được một năm rồi. Trước đó chúng tôi đều đã mất liên lạc với anh ấy.”

“Em rất tiếc. Stephen vẫn ổn chứ?”

“Ôi, Stephen vẫn ổn. Anh ấy đã thực sự mở một tiệm kim hoàn ở mũi Cod. Tôi cho rằng anh ấy đang kiếm bộn tiền nhờ vào việc bán những con cá voi và những con mòng biển nho nhỏ bằng vàng cho khách du lịch.”

“Chà,” Jonathan nói. “Tuyệt quá. Ý em là, ít nhất anh ấy vẫn còn sống.”

“Ừm.”

Chúng tôi nhìn theo chiếc sofa được mang đi trên phố Bốn Đông. Trên vỉa hè, phía dưới cửa sổ của chúng tôi, một cặp đôi mặc áo khoác da đang reo lên trước chiếc đồng hồ treo tường cũ của Clare – một chiếc có hình boomerang bằng nhựa màu vàng với những con số điện tử màu hồng và đỏ.

“Không thể tin nổi là tôi lại nghe theo lời xúi giục của cậu mà ném cái đồng hồ đó đi,” nàng nói. “Tôi sẽ xuống dưới đó và bảo họ là tôi đã nhầm.”

“Quên đi,” Jonathan nói. “Họ sẽ giết chị đấy.”

“Jonathan, chiếc đồng hồ đó là một vật đặc biệt. Nó đáng tiền đấy.”

“Cưng ơi, nó hỏng rồi,” cậu nói. “Nó đâu còn báo giờ nữa. Hãy để họ lấy nó đi.”

Nàng gật đầu và lặng lẽ dõi theo cặp đôi kia chạy bộ về hướng đại lộ Một, chuyển qua chuyển lại chiếc đồng hồ như một quả bóng bầu dục. Nàng xoa xoa cái bụng bầu của mình. Hơi thở của nàng phả lên mặt kính.

Đó là hơi mười tháng trước. Còn hiện giờ chúng tôi đang sống trong một cánh đồng quay mặt về phía núi. Những bông hoa có mũi nhọn màu xanh leo lên những thanh hàng rào nhà chúng tôi. Những con ong kêu vo ve trong nhịp hối hả của công việc hằng ngày, và một bầu trời màu xanh sữa lơ lửng sau những rừng cây. Đây là dãy núi già. Mưa gió đã bào mòn chúng. Chúng không nhấp nhô hay hùng vĩ như những dãy núi “ăn ảnh” hơn. Những ngọn núi này đổ xuống một cái bóng bằng phẳng – những vách đá của chúng không gọi nhắc đến sự va chạm của những đĩa lục địa. Chúng được những cây thông bao quanh. Chúng nhô những hình bán nguyệt khiêm tốn lên bầu trời.

“Em ghét phong cảnh,” Clare nói. “Nó quá hiển nhiên.” Nàng đang đứng cạnh tôi trên bãi cỏ không được tĩa xén. Đó là tháng Tư đầu tiên của thập kỷ mới và nàng là một Clare mới. Giờ nàng sắc sảo hơn, những lời nói đùa châm biếm hơn. Đáng lẽ việc trở thành một người mẹ phải khiến nàng dịu dàng hơn thế.

“Ôi, thôi nào,” tôi bảo nàng. “Hãy cố vượt qua điều đó đi, nhé?”

Một đôi quạ bay lướt qua ngôi nhà. Một con phát ra tiếng kêu khàn khàn, như tiếng hai miếng

kim loại xoắn vào nhau.

“Lũ chim ó,” Clare nói. “Lũ chim ăn xác thối. Chúng đang chờ người đầu tiên trong số chúng ta chết vì buồn chán đấy.”

Tôi khẽ hát vào tai nàng. Tôi hát: “Lúc chúng tôi đến Woodstock, chúng tôi có tới nửa triệu người, và khắp nơi tràn ngập những bài ca và những lời tán tụng.”

“Thôi đi,” nàng nói, xua bài hát đi như thể nó là một con quạ khiêu khích. Những chiếc vòng tay bằng bạc của nàng kêu leng keng. “Điều duy nhất mà em chưa bao giờ ngờ tới,” nàng nói, “là rốt cuộc mình sẽ trở thành một kẻ hippie lụ khụ.”

“Em biết đấy, đó đâu phải là điều tệ nhất,” tôi nói.

“Quá muộn rồi,” nàng nói. “Những quả bom bướm đang quay lại những chiếc máy bay ném bom. Anh không nhận thấy sao? Người ta sẽ xây những tòa chung cư trên ngọn núi đó, cứ chờ mà xem.”

“Anh không nghĩ thế. Anh nghĩ nó sẽ không có đủ khách hàng đâu.”

Nàng nhìn dãy núi như thể tương lai được viết trên đó bằng những chữ cái nhỏ bé lấp lánh. Nàng nheo mắt. Trong một thoáng, nàng giống như một phụ nữ nông thôn, gân guốc và đa nghi, và không bao giờ để ý đến sơn môi hay những chiếc áo màu lục nhạt. Nàng có thể giống như bà ngoại tôi, đứng trên rìa mảnh đất ở Wisconsin của mình, bất mãn nhìn ra sự rộng lớn của thứ mà bà không sở hữu.

“Miễn là vẫn có đủ khách hàng cho Tiệm ăn Gia đình. Chúa ơi, em vẫn không thể tin được là chúng ta lại quyết định đặt tên cho nó như thế.”

“Người ta sẽ thích cái tên đó,” tôi nói.

“Ôi, nó thật quá kỳ cục. Nó quá lỗi thời và... kỳ cục.”

“Ồ, chỉ một chút thôi mà,” tôi nói.

“Một chút cái gì chứ.”

Nàng quá gay gắt và khó chịu, quá giống với bản thân đã bị thay đổi của nàng, đến mức một niềm vui khó hiểu chợt dâng lên trong tôi. Nàng quá thật, quá *Clare*. Tôi chợt ngó ngoáy một điệu nhảy. Nó không quyến rũ chút nào, cũng không tuân theo những luật chặt chẽ, vô hình về nhịp điệu – tôi giống như một con rối bằng gỗ nhỏ bé trên một sợi dây. Clare đảo mắt như một người vợ. Ở đây có chỗ cho những sự kỳ quặc thường nhật.

Nàng nói: “Em thấy mừng vì ít nhất một người trong chúng ta cũng cảm thấy hài lòng với tất cả chuyện này.”

“Ôi cưng ơi, em thấy không hài lòng điều gì nào?” Tôi nói. “Giờ đây chúng ta đã là *một thứ gì đó*, ý anh là chúng ta sẽ không bị chia lìa chỉ vì một người trong chúng ta muốn thế.”

“Nếu mà đúng như thế thì tốt,” nàng nói.

“Em có biết mai này anh muốn làm gì không? Anh muốn sửa lại cái nhà kho thành một ngôi nhà nhỏ riêng biệt, để cô Alice có thể chuyển đến đây khi cô ấy đã chán công việc nấu nướng thuê.”

“Ôi, chắc chắn rồi. Hãy xây cả một ngôi nhà tranh cho giáo viên lớp bốn cũ của em nữa.”

“Clare?” Tôi nói.

“Ừm?”

“Em thực sự không thấy hạnh phúc khi ở đây à? Ý anh là, đây là cuộc sống của chúng ta. Đúng không?”

“Ồ, đúng vậy. Đây là cuộc sống của chúng ta. Anh hiểu em mà, em suy nghĩ dưới dạng phản nản. Đó là cách trí óc em làm việc.”

“Đúng,” tôi nói.

Chúng tôi đứng ngắm những ngọn núi, rồi quay sang ngắm ngôi nhà. Ngôi nhà này đã quá cũ đến nỗi linh hồn của nó đã ngấm vào trong những bức tường. Nó không chứa những nỗi bất

hạnh của riêng ai mà là nơi ghi dấu những tháng ngày của mười thế hệ, những bữa ăn và những cuộc cãi cọ, những lần sinh nở và những hơi thở cuối cùng. Giờ đây, ngay lúc này, nó là một sự kết hợp tai tiếng giữa những nỗi thất vọng cũ và mới. Những tấm ván lát sàn nhà đang mục nát, và căn bếp đã được tu sửa chật ních với lớp vải sơn lót sàn màu cam và những cái tủ con giả gỗ kiểu Tây Ban Nha. Chúng tôi sẽ sửa lại căn nhà, dần dần, bằng số tiền chúng tôi kiếm được nhờ tiệm ăn của mình. Chúng tôi từ thành phố đến đây để tạo nên một cuộc sống mới với tài năng và công cụ, cùng niềm tin vào một tương lai rộng mở. Jonathan và Clare thường nhìn ngắm ngôi nhà và ngắm nghĩ xem liệu nó có thể trở thành cái gì. Họ nói về những đồ vật cổ định cổ xưa, những khung cửa sổ trượt loại “tám-tám” [64], một bệ lò sưởi bằng đá vôi được lấy từ một ngôi nhà ở Hudson và được chở về đây. Dù không phản đối sự cải tiến, nhưng tôi vẫn thích ngôi nhà như nó vốn có, với sàn nhà thủng lỗ chỗ và những tấm ván hóa học vân gỗ, như thể nỗi buồn và sự lười biếng đã trở thành một vật cố định trong nhà. Nằm trên một khoảnh đất um tùm rộng tới bốn mẫu, ngôi nhà trông thật xứng với dãy núi già. Nó cũng hiền hòa và không còn nguyên vẹn. Nó cũng đã bị khuất phục bởi thời gian.

“Em vẫn đang nghĩ,” Clare nói. “Nếu chúng ta sơn những ô kính cửa sổ thành màu xanh thì sao? Màu xanh cô bạn chẳng hạn, anh biết không? Anh có nghĩ trông nó sẽ quá nhí nhảnh không?”

“Hãy hỏi Jonathan ấy,” tôi đáp. “Cậu ấy là người hiểu rõ về những thứ như thế.”

Nàng gật đầu. “Bobby này?” Nàng nói.

“Ừ?”

“Ôi, em không biết nữa... Em đi vòng quanh nơi này và cảm thấy mình như đang đứng trên cánh cửa của một chiếc máy bay ở độ cao chín nghìn mét vậy. Em cho là em muốn anh và Jonathan cũng nghĩ giống em rằng chuyện này quả thật là lạ.”

Từ trong nhà, đứa bé bắt đầu khóc. “Chính vì nó đấy,” Clare nói. “Em luôn tự gây ra sai lầm, trước kia em chưa bao giờ phải lo lắng cho ai như thế này.”

“Không sao đâu,” tôi bảo nàng. “Mọi chuyện đều ổn và hoàn hảo mà. Hãy tin anh đi. Được không?”

Nàng do dự gật đầu. Nàng vẫn cứ lo lắng dù trong lòng cũng muốn tin. Lo lắng là một trong những yếu tố khiến nàng hay cáu kỉnh, nàng đang cố bộc lộ một tính cách hợp với những mong đợi tột nhất của nàng.

“Hãy đến xem Jonathan làm ăn ra sao với con bé nào,” nàng nói.

“Ừ. Đi thôi.”

Chúng tôi cùng nhau đi vào nhà. Cánh cửa ra vào mở thẳng vào phòng khách, một căn phòng lớn hình chữ nhật tòi tàn vẫn còn dán giấy có họa tiết những con chim đại bàng đỏ dữ tợn và những cái trống màu xanh. Vào thời điểm này trong ngày, ánh nắng chênh chếch xiên vào từ ba phía đang ngập tràn căn phòng. Jonathan đang đi một vòng với Rebecca ngồi trên vai. Nó khóc ò ỏ, một chuỗi tiếng ngắn ngắt như những tiếng nấc đáng xấu hổ.

“Những cơn khóc hờn vô cớ,” cậu nói. “Tã lót của nó không hề hấn gì, và nó mới ăn nửa tiếng trước.”

“Để tôi thử xem nào,” Clare nói.

Jonathan không giấu nổi sự miễn cưỡng. Cậu không muốn bỏ cuộc với con bé, ngay cả với những giấc mơ của nó. Nhưng khi Clare chìa tay ra, cậu vẫn trao nó cho nàng.

Clare ôm nó vào lòng, thì thầm với nó: “Này, con yêu,” nàng nói. “Sao thế? Có gì không hài lòng à?”

Rebecca nặng chín cân, với mái tóc tơ và đôi mắt sẫm dần dần. Mới được mười một tháng mà nó đã có tính nết riêng. Nó hay trầm ngâm. Nó cưỡng lại cả nỗi buồn và tiếng cười cho đến khi chúng lấn át nó, buộc nó hoàn toàn bỏ cuộc.

Clare bế nó đi quanh phòng khách, thủ thủ với nó. Nàng nói chuyện với con bé hết như cách nàng nói chuyện với Jonathan hay với tôi, trong những câu đầy đủ, nhưng khi nói với con bé,

giọng nàng không ẩn chứa một cơn thịnh nộ nào.

“Này, tiểu thư Rebecca, nàng nói. “Nàng chẳng biết điều gì cả. Nhưng, này, nàng cần gì phải thế nhỉ? Chúa ơi, nếu tôi bắt đầu cần nhần để nàng biết điều hơn, nàng sẽ bắt tôi chứ hả?”

Jonathan ngẩng họ với vẻ say sưa triu mến. Thiên chức làm cha mẹ đã mang lại vài điều ngạc nhiên – điều lớn nhất chính là sự tận tụy ghê gớm của cậu. Clare và tôi điềm tĩnh hơn trước vẻ yếu ớt và những nhu cầu bất tận của Rebecca. Jonathan chưa hề nghỉ ngơi từ khi con bé bước vào cõi đời này. Cậu là một bằng chứng sống cho việc sức mạnh của tình yêu có thể làm thay đổi suy nghĩ của con người.

Giờ đây cậu đã có một thứ cần thiết để gìn giữ. Giờ đây trong mọi câu chuyện bi kịch mà cậu tự kể đã có một nạn nhân nhỏ bé.

Rebecca không chịu nín, và chúng tôi đành mang nó ra ngoài. Nó cứ khóc mãi như một cái thuyền máy bị chìm đắm trong tiếng động cơ và bụi nước. Chúng tôi bế nó đi quanh khu đất, và để nó khóc ầm ĩ trong không khí buổi trưa. Jonathan ngắt lấy một bông cúc. Cậu huơ huơ bông hoa trước khuôn mặt nhón đỏ gay của con bé.

“Này, bé con,” cậu nói. “Này. Hãy xem thứ này lạ chưa này.” Trong tất cả các nét tính nết của nó, Jonathan yêu nhất là vẻ hay ngạc nhiên. Cậu gần như phát khóc khi nó tròn xoe mắt nhìn chăm chăm vào một cuộn len hay một cái thìa uống trà lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nhưng nó vẫn cứ khóc dù bông cúc ở ngay trước mặt.

“Không thể bị những bông hoa mua chuộc đâu,” Clare nói. Giọng nàng toát lên vẻ hãnh diện thật sự. Nếu Jonathan yêu con bé vì nó là thánh giả tuyệt vời nhất trên đời này, thì Clare lại yêu cái tính cố chấp bướng bỉnh với những bí ẩn riêng của nó.

Chúng tôi bước đến rừng cây sau nhà. Ở đây, trong bóng râm bất tận, không hề thấy một cọng cỏ. Chỉ có những thứ rác rưởi của rừng – những quả thông, những cành cây rụng và phân của những con hươu. Chúng tôi đi giữa những rặng cây yên tĩnh, kéo theo tiếng khóc ầm ĩ của Rebecca như một chiếc khăn óng ánh.

Clare hỏi: “Hôm nay hai người đã gọi thợ sửa ống nước chưa?”

“Rồi,” Jonathan nói. “Phải đến thứ Ba tuần sau nữa anh ta mới dành thời gian cho chúng ta được. Sao chị không để em thử dỗ con bé lần nữa xem nào?”

“Chết tiệt. Ngôi nhà này chắc phải đến thế kỷ sau mới được hoàn thiện mất. Cậu cũng biết thế, đúng không?”

“Đâu cần quá vội vàng thế,” Jonathan nói. “Lại đây nào, Rebecca.”

Cậu giơ tay ra đón nó, nhưng Clare vẫn ôm nó khư khư.

“Đâu cần quá vội vàng thế,” nàng nhại lại. “Vậy chúng ta cứ phải giữ nước nóng trong lò suốt đời à?”

“Chúng ta là những người khai hoang mà,” Jonathan nói. “Không thể mong đợi một cuộc sống tiện nghi ở ngoại ô ngay tức khắc được.”

“Tôi nghĩ,” nàng nói, “rằng cả hai người đều dần dần độn kiểu gì ý. Tôi thực sự nghĩ thế đấy.”

Nàng ôm chặt con bé và rảo bước đi lên trước chúng tôi, tiến sâu vào trong rừng. Những tia sáng, bị những cành thông chặn lại, treo lơ lửng. Jonathan vội chạy theo sau nàng, như thể cậu cho rằng nàng đang định đem Rebecca đi và một mình nuôi nó ở nơi hoang dã.

Gần một tuần nữa, tiệm ăn của chúng tôi sẽ được khai trương. Jonathan và tôi làm việc suốt ngày để hoàn thiện nốt. Nó không lớn, chỉ là một tiệm ăn kê được chín cái bàn, trước đây vốn là một quán rượu. Chúng tôi đã cải tạo lại quán rượu ấy như một cặp cô dâu lấy chồng ngoại quốc mới đến biên giới. Chúng tôi đã sơn nó thành màu trắng, và treo lên cửa những tấm rèm sọc. Jonathan còn dán ảnh cũ lên tường: những tấm ảnh tập thể ở trường của lũ trẻ đeo nơ con bướm và mặc áo choàng không tay, những người đàn ông và đàn bà mặc quần soóc Bermuda kẻ ô đang nằm phơi nắng bên một cái hồ, một bà lão đang xúc tuyết. Cậu treo lên đó cả một con cá hồi to kỷ lục bị bắt được vào năm 1957 và một cái giá đựng đầy những cái cúp.

Đó là những bức tượng nam nữ màu vàng kim, khóa thân nhưng không gọi tình, như những thiên thần, đang biểu diễn sự xuất sắc của con người trong môn bowling, golf, cầu lông và quyền công dân. Đây sẽ là một tiệm ăn đơn giản, chỉ phục vụ bữa sáng và bữa trưa. Chúng tôi mua những chiếc bàn và ghế không đồng bộ ở những cửa hàng đồ cũ, nơi chúng tôi tìm được những chiếc cúp, những bức ảnh và con cá hồi bóng loáng đó.

“Đến đây nào, mọi người,” Jonathan nói. “Tiệm ăn Gia đình sắp khai trương đây.” Cậu trát sơn trắng lên gờ tường. Cậu đang mặc quần yếm, và mái tóc được buộc túm ra sau kiểu đuôi ngựa.

Tôi đang ở trong bếp, chất những lọ mùt và nước xốt cà chua loại hai cân lên giá. “Họ không gửi mùt dầu tây đến,” tôi nói. “Mà họ gửi đến, ờ, một nửa là mùt phúc bồn tử và một nửa là mùt đào.”

“Mình sẽ gọi điện đến mắng cho họ một trận. Chắc là họ nghĩ họ có thể gửi cho chúng ta bất cứ thứ gì mà họ đang cố tổng khứ, vì nghĩ rằng chúng ta không biết gì đấy.”

Khi những cái lọ đã được xếp thành chồng trên giá, tôi đến đứng ở quầy thu tiền, xem Jonathan quét sơn. “Clare nghĩ chúng ta nên coi những điều chúng ta đang làm là lạ lùng,” tôi nói.

“Đúng thế đấy,” cậu nói. “Ai nghĩ là nó không lạ lùng kia chứ?”

“Chà, mình cho rằng cô ấy nghĩ đáng lẽ chúng ta phải thấy thất vọng hơn.”

“Chị ấy lo lắng chỉ vì chị ấy đang phải thanh toán các hóa đơn. Chị ấy đã chờ cả đời để có được số tiền này, thế mà bây giờ, rầm, nó đang bị tiêu mất.”

“Nó đang được, cậu biết đấy, *đầu tư* chứ,” tôi nói.

“Ừ. Gần đây chị ấy hơi bức tức gì đó thì phải.”

“Ôi, mình không biết nữa.”

“Mình nghĩ thế. Đạo gần đây Clare cứ trái tính trái nết thế nào ấy. Thực sự thì, từ dạo chị ấy mang thai.”

“Ừm, cậu biết đấy,” tôi nói. Tôi nhét một băng cassette mới vào giàn âm thanh. Jimi Hendrix bắt đầu hát bài *Are you experienced?*

“Mình nghĩ chị ấy sẽ ổn thôi.” Jonathan nói. “Làm cha làm mẹ thật là khó. Bản thân mình cũng thấy khó nữa là.”

Tôi lấy một cái chổi sơn ra và giúp Jonathan quét lại sơn. Jimi phát ra một tiếng gầm nhẹ nhàng, một giọng hát vẫn đang tồn tại từ thế giới của những người đã khuất, khi Jonathan và tôi sơn phủ lên cái gờ tường cuối cùng. Chúng tôi đứng đưa theo tiếng nhạc. Khi cùng nhau sơn một bức tường với giọng hát của Jimi vang lên bên tai, tôi cảm thấy một sự hoàn hảo. Thời gian như đan dệt vào nhau, quá khứ bị lẫn lộn với tương lai. Đột nhiên tôi ngỡ ngàng nhận ra: tôi đã có thứ tôi muốn. Một người anh em để cùng làm việc. Một tương lai bị thay đổi, lung linh như chiếc bóng đèn đang treo phía trên đầu chúng tôi.

Đây chính là điều khó nói về chúng tôi: Jonathan và tôi là những thành viên của một nhóm đã tồn tại quá lâu đến nỗi không ai khác có thể gia nhập ngay cả khi chúng tôi muốn có họ. Chúng tôi yêu mến Clare nhưng nàng không hẳn là người trong nhóm. Không hẳn. Thứ đã ràng buộc hai chúng tôi còn mạnh mẽ hơn cả tình dục. Nó mạnh mẽ hơn cả tình yêu. Chúng tôi được gắn kết với nhau. Mỗi người chúng tôi là bản thân người kia được sinh ra trong một cơ thể khác. Chúng tôi có thể yêu Clare, nhưng nàng không phải là chúng tôi. Chỉ có chúng tôi mới có thể cùng lúc vừa là bản thân mình vừa là người kia. Tôi quét sơn lên một vết tróc cũ. Những khuôn mặt bị ố màu của những cô cậu học sinh, giờ đều đã ở độ tuổi bốn mươi và năm mươi, từ trên tường nhìn ra ngoài với sự lạc quan thấy rõ.

Sau đó, chúng tôi khóa cửa tiệm ăn và đi đến chỗ chiếc xe đang đỗ bên đường chính. Tôi thích được đi bộ giữa vạn vật – tôi là người thích thị trấn này. Tôi vẫn đang trên đường đến Woodstock từ khi tôi mới chín tuổi và giờ đây, hơn hai mươi năm sau, tôi đã đến nơi. Anh trai

tôi đã đứng – vẫn còn có người ở đây. Đại nhạc hội, theo như tôi biết, đã diễn ra cách đây sáu mươi dặm, trong một đồng cỏ rậm rạp rộng lớn. Một không gian trống trải bao quanh bởi những rừng cây xanh đen. Jonathan và tôi từng thử bơi trong cái ao màu sô-cô-la trong khi Clare ngồi với Rebecca giữa đám cỏ, nhưng bọn muỗi đã buộc tất cả chúng tôi phải trở vào xe. Cuối cùng, chúng tôi đã đi ăn trưa ở một quán mà Clare cho rằng đó là nơi nàng từng đến với vị hôn phu khi họ rời khỏi đại nhạc hội thực sự. Nàng nói những cái bánh hamburger sẽ được kèm theo ba miếng dưa góp và một lớp phủ nước sốt cà chua, quả đúng thế.

Woodstock được coi là một thị trấn kiểu mẫu trước khi tương lai cũ bị chệch hướng và một cái mới thể chỗ nó. Những gã lãng mạn để râu vẫn gảy guitar trong quảng trường thị trấn, mơ mộng rằng họ là những sinh vật trong rừng và những nhà ảo thuật tập sự. Những bà lão tóc bạc gật gù gật gù nhịp nhàng trên ghế băng. Clare coi hình ảnh đó là kỳ cục còn Jonathan không để ý lắm, nhưng tôi lại đánh giá cao vẻ đẹp của những con phố yên tĩnh và cái quyết tâm theo đuổi những lối sống bên lề của con người nơi đây.

Jonathan và tôi lái xe về nhà trong chiếc Toyota mua lại, lên xuống những ngọn đồi, với những cành cây in bóng lập lờ trên kính chắn gió. Cậu ngồi ngả người trên chiếc ghế cạnh ghế lái, đôi giày vải chống lên bảng đồng hồ. “Mình sẽ nói cho cậu biết điều gì thực sự là kỳ lạ trong toàn bộ những việc mà bọn mình đang làm này,” cậu nói. “Điều mà thực sự, thực sự lạ lùng chính là: cuối cùng chúng ta cũng đã thực hiện được nó. Người ta nói họ sẽ chuyển về quê và mở một tiệm ăn nhỏ, nhưng có mấy ai thực sự làm thế đâu?”

“Có chúng ta,” tôi nói. “Chúng ta đã làm thế.”

Khi chúng tôi đã lên đến đỉnh ngọn đồi cuối cùng, tôi đạp phanh. “Gì thế?” Jonathan hỏi.

“Không có gì,” tôi bảo cậu. “Mình chỉ muốn nhìn ngắm một lát.”

Từ nơi tôi dừng lại, chúng tôi có thể trông thấy ống khói của ngôi nhà màu nâu cũ kỹ của chúng tôi nhô lên giữa một đám cây bách xù. Ba cửa sổ trên mái đón lấy thứ ánh sáng sắp sửa biến mất đằng sau dãy núi, và dây thường xuân vốn đã tự do mọc lên qua hàng thập kỷ đang rung rinh, tỏa ra ánh bạc lấp lánh trên mặt lá. Ngôi nhà đã đứng đó hơn một thế kỷ mà không chịu nhượng bộ trước khung cảnh xung quanh. Không cành dây leo nào trườn được lên nó, không cái hồ ngầm nào mở rộng được diện tích bằng cách thấm vào móng nhà. Tôi thường hát bài Woodstock để trêu chọc Clare, nhưng giờ đây tôi hát cho Jonathan nghe với thái độ nửa nghiêm túc. Với cái một nửa đó, bài hát nghe lại thú vị hơn. “Chúng ta là những kẻ lãng mạn, chúng ta chắc chắn sẽ thành công, và chúng ta phải quay lại khu vườn.” Cậu lắng nghe vài câu, rồi hát theo.

Lúc ăn tối, chúng tôi nói chuyện về tiệm ăn và đứa bé. Đạo gần đây, cuộc sống của chúng tôi được dành hết cho những điều thực tế - chúng tôi lo lắng trước cơn ho của Rebecca và công suất của cái tủ lạnh cỡ nhỏ tuy cũ nhưng đã được tân trang lại của chúng tôi. Tôi đang bắt đầu hiểu ra sự khác biệt thực sự giữa đám thanh niên và những người lớn tuổi. Giới thanh niên có thời gian để lập ra các kế hoạch và nghĩ về những ý tưởng mới. Còn những người lớn tuổi thì cần tập trung toàn bộ năng lượng của họ để duy trì thứ đã được đưa vào hoạt động.

“Em không thích bác sĩ Glass,” Clare nói. Nàng đang ngồi cạnh cái ghế ăn cho trẻ con của Rebecca, dứt pudding vani cho con bé. Trước mỗi miếng, Rebecca đều nghi ngờ nhìn vào cái thìa, kiểm tra lại những gì có trên đó. Nó đã được di truyền cái tính háu ăn của tôi, nhưng cũng kế thừa cả tính đa nghi của Clare nữa. Tuy đói nhưng nó vẫn thận trọng.

“Tại sao?” Tôi hỏi.

“Ừm, vì anh ta là một gã *hippie*. Và anh ta chắc hẳn chưa quá ba mươi lăm. Em thà đưa Rebecca đến khám ở một người già lụ khụ còn hơn. Anh biết đấy, một người đạo mạo đã giúp mẹ anh và tất cả anh chị em của bà ấy qua khỏi những thứ bệnh như đậu mùa và bại liệt khi họ còn nhỏ. Khi Glass bảo em không cần phải lo lắng về những cơn ho của con bé, em cứ nghĩ rằng: “Mình đang được một người đàn ông quá tân tiến khuyên bảo.”

“Em đồng ý,” Jonathan nói. “Glass tập dưỡng sinh đấy. Em thà tìm ai đó chơi golf còn hơn.”

“Anh thấy Glass được đấy chứ,” tôi nói. “Ý anh là, anh thích anh ta. Em có thể nói chuyện với anh ta mà.”

Jonathan nói: “Em cho rằng điều quan trọng là chị muốn bác sĩ của con chị là một người mẫu mực hơn. Đúng không? Người nào đó có vẻ không bị ảnh hưởng bởi các trào lưu.”

“Đúng vậy đấy,” Clare nói. “Ngày mai tôi sẽ tìm một bác sĩ nhi mới.”

“Anh thực sự thấy Glass rất được,” tôi nói.

Clare dừng thìa pudding ngay trước cái miệng đang há của Rebecca. “Em muốn thử chuyển sang người khác,” nàng nói. “Em không yên tâm với Glass, em nghĩ anh ta quá dễ dãi. Anh hiểu không?”

“Ôi, thôi được,” tôi nói.

“Ừm.” Nàng đưa chiếc thìa vào miệng Rebecca với sự chính xác thuần thục, nhẹ nhàng. Clare đang biến mình thành nhân vật Mẹ từ hồi chúng tôi còn sắm vai nhà Henderson. Chúng tôi đã không còn nhắc nhở gì đến nhà Henderson nữa, có lẽ vì sự khác biệt giữa cuộc đời thực của chúng tôi và cuộc đời giả định của họ đã co lại hết mức.

Sau đó, sau khi đã cho Rebecca đi ngủ, chúng tôi cùng nhau xem ti vi. Đó là điều thích hợp để làm vào buổi tối ở miền quê khi có một đứa con. Chúng tôi nằm trên chiếc giường cỡ lớn, xung quanh là bim bim, bia và Coke cho người ăn kiêng. Những căn phòng ngủ trên gác đều tối và ẩm cúng. Trần nhà lượn theo đường cong của mái nhà. Những người chủ trước đây – những người đã dán giấy dán tường hình con chim đại bàng và kê chiếc tủ kiểu Tây ban Nha ở dưới nhà – có lẽ đã hết tiền khi sửa đến lan can cầu thang. Trên này bị hư hỏng nhiều hơn. Giấy dán tường trong phòng này chỉ chít những bông hoa nhạt màu trông như loài ăn thịt, và những cánh cửa chớp lật đùng đưa trên những cái cây bị cọ sòn có màu chè đặc. Clare xem qua một lượt các kênh. Ở đây chúng tôi có truyền hình cáp, một thỏi nam châm mạnh mẽ hút lấy bất cứ thỏi thúc vô hình nào băng qua trong đầu. Ngoài các kênh thông thường, chúng tôi còn có những show diễn thoát y từ New York, những bộ phim truyền hình dài tập Mexico, những phụ nữ Nhật Bản hồ hởi giới thiệu các phát minh quá phức tạp đến nỗi chỉ những phát minh khác mới có thể đánh giá một cách đầy đủ về chúng được. Đôi khi, chúng tôi chuyển sang một kênh mơ hồ, mờ ảo, gần như đáng sợ - trông như thể những người đàn ông và đàn bà đang đi, và chỉ đi, qua một cánh đồng trống. Có thể đó là một kênh truyền hình mà chúng tôi đã chọn nhầm, được phát ra từ một thế giới mà chúng tôi không định trông thấy.

“Một trăm hai mươi kênh và vẫn chẳng có gì để xem,” Clare nói.

“Tối nay ti vi chẳng có gì cả, hãy làm chuyện đó đi,” Jonathan nói.

Clare nhú mày nhìn cậu và mắt nàng tối sầm lại. “Hai người đi mà làm,” nàng nói.

Jonathan nhảy chồm lên người nàng và giả vờ như đang làm tình một cách kích động. “Ôi, bé cưng, ôi bé cưng, ôi bé cưng,” cậu rên rỉ.

“Xuống ngay,” nàng nói. “Buông tôi ra. Không đùa đâu. Đi mà nhảy lên Bobby ấy.”

“Ôi, bé cưng,” Jonathan nói.

“Bobby, bắt cậu ta dừng lại đi,” Nàng nói.

Tôi nhún vai, bất lực. “Tôi sẽ hét lên đấy,” nàng nói. “Tôi sẽ gọi cảnh sát.”

“Và nói gì với họ?” Jonathan hỏi.

“Rằng tôi đang bị hai người đàn ông giam giữ trong ngôi nhà này. Rằng họ đã dụ dỗ tôi để gây giống và ép tôi sống như thế từ năm 1969.”

“Chị đã làm xong việc sinh con rồi,” Jonathan nói. “Nếu đó là mục đích duy nhất của chị ở đây, thì giờ bọn em đã xong việc với chị rồi.”

“Đứa bé vẫn cần sữa, đúng không?” Clare nói. “Và ngôi nhà này chẳng phải vẫn cần một người mẹ sao?”

Jonathan ngừng lại một lúc, ngẫm nghĩ. “Không,” cậu nói. “Chị đã được trả tự do.”

Cậu lặn khỏi người nàng và cầm lấy cái điều khiển từ xa. “Hãy xem có gì hay từ Sao Mộc tối nay không.”

“Nếu tôi đi,” Clare nói, “tôi sẽ mang con bé theo.”

“Ôi không, không được,” cậu đáp. Rồi cậu nhớ ra là phải điều chỉnh giọng nói. “Con bé thuộc về tất cả mọi người,” cậu dịu giọng.

Clare ngửa ra sau, ngả đầu về phía tôi: “Bobby?”

“Hả?”

“Em muốn biết bí mật về sự diễm tĩnh thần nhiên của anh. Chúng ta đang thực hiện một kế hoạch vô cùng kỳ cục và dị giáo, trong một ngôi nhà có thể sụp xuống quanh chúng ta bất cứ lúc nào, Jonathan và em đang cãi nhau về quyền sở hữu đứa con của em...”

“Con của *chúng ta*,” Jonathan nói. “Thực sự thì, Clare ạ, chị phải thôi cái từ *của chị* đó đi.”

“Về quyền sở hữu đứa con của chúng ta,” nàng nói, “còn anh chỉ ngồi đây như Dagwood Bumstead[65] vậy. Đôi khi em nghĩ *anh* chính là kẻ đến từ Sao Mộc.”

“Chắc vậy,” tôi nói. “Ý anh là, anh chẳng thấy toàn bộ chuyện này có gì là lạ cả.”

Nàng ngược lên trần nhà, mắt mở trừng trừng. “Đáng lẽ em nên biết trước,” nàng nói. “Đáng lẽ em nên đoán ra điều đó ngay lần đầu tiên em gặp anh, với mái tóc rối bù và chiếc quần jean Calvin Klein. Và rồi anh gần như có thể biến thành một người tân tiến ở East Village chỉ qua một đêm. Thật nực cười. Hóa ra Jonathan và em mới là những người bảo thủ. Bọn em mới là những kẻ cần phải nhìn vào trong gương và xem xem bọn em sẽ thấy gì mỗi ngày. Anh có thể làm bất cứ điều gì, đúng không?”

“Không,” tôi bảo nàng. “Đâu phải điều gì anh cũng có thể làm được.”

“Hãy kể ra xem nào. Hãy kể ra điều mà anh sẽ không làm được ấy.”

“Ừm, ờ, anh sẽ không thể ở một mình. Anh đã, em biết đấy, quá cô độc từ hồi còn nhỏ rồi.”

“Thế đấy,” nàng nói. “Anh là một người đại diện, đúng không? Anh phản chiếu những khát vọng của mọi người. Ôi, sao em chưa bao giờ nghĩ về điều này nhỉ? Khi anh sống với bố mẹ Jonathan, anh là một cậu bé Ohio dễ thương, khi sống ở East Village, anh thật trầm tĩnh, và giờ đây khi sống ở ngoại thành, anh là mẫu nhân vật người cha hippie ngọt ngào. Anh cho người ta bất cứ thứ gì họ muốn. Đúng không?”

“Anh không biết,” tôi nói.

Có những điều tôi không thể nói với nàng, những điều mà tôi không biết phải nói ra sao. Tôi một phần là người sống và một phần là người chết. Tôi đang sống vì nhiều người chứ không chỉ cho riêng mình.

“Ôi, Clare,” Jonathan nói từ phía cuối giường. “Sao đột nhiên chị lại có vẻ cả nghĩ thế? Chị thực sự nghĩ rằng chị có thể kết luận về Bobby trong một câu như thế à?”

“Còn cậu thì cứ liệt kê ra từng câu trong cuộc đời này,” nàng nói.

Tôi đưa tay vuốt tóc Clare. Tôi cố hôn lên đôi môi bần khoăn của nàng. “Này các chàng trai,” nàng nói, tránh nụ hôn của tôi. “Chúng ta quả là một lũ ương ngạnh. Một đám cực kỳ kỳ cục.”

“Thực ra thì chúng ta, em biết đấy, không kỳ cục hơn bất cứ gia đình nào,” tôi nói. “Ít nhất thì chúng ta cũng yêu nhau. Chẳng phải ban đầu em đã nói thế sao?”

“Có lẽ em đã nói thế. Khoảng một nghìn năm trước rồi.”

Tôi nhìn vào khuôn mặt già nua, bần khoăn của nàng. Tôi nghĩ tôi biết Clare sợ điều gì – một khả năng để tạo ra tương lai của chúng tôi đã bị mất. Giờ đây chúng tôi đang theo một kế hoạch ngẫu nhiên được nảy sinh dọc theo một đường cao tốc ở Pennsylvania. Giờ đây những điều tốt đẹp là những điều có thể tiên đoán được, và những gì gây ngạc nhiên đều có nghĩa là những tin xấu.

Tôi lại đặt môi tôi lên môi nàng. Lần này nàng đáp lại nụ hôn. Jonathan vẫn chuyển kênh liên tục, xem một cách lơ đãng.

CLARE

Tôi chưa bao giờ ngờ đến điều này, một tình yêu quá cồn cào đến mức nó hầu như không còn là của riêng bạn nữa. Một tình yêu tác động mạnh mẽ đến bạn, làm bạn thay đổi. Tôi biết rằng, nếu tôi đang cùng con bé băng qua đường mà một chiếc ô tô bấm còi om sòm trên phố, tôi sẽ lấy thân mình che cho nó. Tôi sẽ làm thế theo bản năng, giống như khi bạn giơ tay lên để bảo vệ đầu hay tim mình. Bạn che chở những bộ phận thiết yếu của bạn bằng những bộ phận khó bị tổn thương và ít quan trọng hơn. Thiên chức làm mẹ cũng làm được như vậy. Nhưng tôi nhận thấy rằng tình yêu của tôi dành cho con bé không phải là tình thương hay lòng tốt. Đó là một tình yêu vĩ đại, rực rỡ, một thứ đáng sợ. Tôi sẽ che chở cho nó trước một chiếc ô tô đang lao nhanh tới nhưng tôi sẽ chửi rửa nó khi tôi làm thế, như một tử tù chửi rửa đao phủ.

Miệng Rebecca mấp máy từ “Mẹ”. Nó luôn cúi kính mỗi khi tôi rời khỏi nó. Một ngày nào đó, nó sẽ trả cả một gia tài cho những nhà trị liệu để họ giúp nó giải quyết điều bí ẩn trong tính cách của tôi. Sẽ có nhiều thông tin – một bà mẹ sống với hai người đàn ông, có tình yêu phức tạp với cả hai người bọn họ. Một phụ nữ thiếu quyết đoán, vô tổ chức, không theo một sự sắp đặt thông thường. Người đã lồi tuổi thơ của mình theo vào độ tuổi bốn mươi. Tôi từng là một người kín đáo, bất cần, chỉ biết đến việc của mình, và giờ tôi đang trở thành câu đố trung tâm trong cuộc đời của người khác.

Trở thành một người mẹ là một điều nặng nề, xáo trộn. Nếu so sánh, việc trở thành một người tình – ngay cả một người tình dị dáo – vẫn là quá đỗi tế nhị và bình thường.

Có lẽ đó chính là cái bí mật mà mẹ tôi đã khám phá ra. Bà đã nghĩ người bố vô kỷ luật, lêu lổng của tôi sẽ trở thành một cuộc phiêu lưu của đời bà. Và rồi bà sinh con.

Ba người chúng tôi đã tạo ra một biến thể của sự sắp đặt truyền thống. Mỗi sáng, Bobby và Jonathan đến tiệm ăn từ trước lúc mặt trời mọc, còn tôi ở nhà với Rebecca. Tôi không muốn đi làm. Cuối cùng tôi sẽ lại bắt đầu làm đồ trang sức, hay vài việc vặt khác. Tiệm ăn là công trình của đám đàn ông, là một cách để họ tự nuôi mình và bắt đầu trả nợ cho tôi. Họ là những người lao động cần cù, tháo vát. Hay đúng hơn, Bobby là một người lao động cần cù, tháo vát, còn Jonathan ít nhiều noi gương anh. Họ thường rời nhà lúc năm giờ sáng, ngay khi bóng tối bắt đầu tan và đến tận bốn hay năm giờ chiều mới về, khi bóng tối đã len lỏi trở lại vào góc nhà. Thành thực mà nói, tôi không biết nhiều lắm về công việc của họ. Bobby nấu nướng, Jonathan là nhân viên phục vụ, và một cậu bé khờ khạo dễ thương trong thị trấn làm chân dọn bàn và rửa bát đĩa. Dù tôi vẫn nghe họ kể chuyện – về những khách hàng nóng tính, những thiết bị ở nhà bếp bị nổ hoặc bắt cháy trong ca phục vụ buổi trưa, những tên trộm khó tin liêu lĩnh (có người đã ăn cắp con cá hồi nhồi treo trên tường, cái bệ bồn cầu trong phòng vệ sinh nữ cũng đã bị lấy mất) – nhưng có vẻ như đó chỉ là những câu chuyện giai thoại xa xôi không có thực. Tôi thông cảm với họ. Nhưng với tôi, đặc điểm nổi bật duy nhất của họ là sự vắng mặt mười một hay mười hai tiếng đồng hồ mỗi ngày. Cuộc sống thực là điều xảy ra trong suốt những giờ phút họ không có nhà.

Trong nhiều năm, suốt phần lớn cuộc đời trước đây của tôi, tôi đã cẩn thận bước qua một cái giếng ngầm chứa đựng sự buồn chán và vô vọng nằm ngay bên dưới lớp màng mỏng bao quanh trí tưởng tượng của tôi. Nếu tôi đứng yên quá lâu, nếu tôi nhượng bộ sự nghỉ ngơi, tôi sẽ gục ngã. Vì thế tôi đã làm nhiều thứ, đến các câu lạc bộ và đi xem phim. Tôi liên tục thay đổi kiểu tóc.

Giờ đây, khi có Rebecca để chăm sóc, mỗi khoảnh khắc đều trở nên quan trọng với tôi, không phải lúc nào cũng dễ chịu nhưng nó thấm sâu vào tận đáy lòng. Đôi khi tôi thấy chán nản – bọn trẻ con không phải lúc nào cũng thú vị – nhưng nó luôn luôn, từng giờ từng phút, cần một thứ gì đó mà chỉ tôi mới có thể đem lại được. Dường như cứ mỗi ngày nó lại có thêm một cử chỉ hay phản ứng mới, mang nó đến gần hơn cái tính cách sâu cùng của nó. Từng giờ phút trôi qua, nó dần biến thành một con người hoàn thiện. Những giờ phút nối tiếp nhau, và tôi không có thời gian để dành cho những cảm giác mềm yếu hay vô vọng. Tôi tắm cho Rebecca, cho nó ăn, dọn

phân cho nó. Tôi chơi với nó. Tôi chỉ cho nó những gì tôi có thể biết về thế giới.

Thực sự thì, tôi thích nhất khoảng thời gian khi đám đàn ông đi vắng. Khi họ về nhà, cái cảm giác khẩn trương liên tục đã biến mất. Dù đã mệt lử, nhưng họ vẫn bảo tôi nghỉ ngơi để họ chăm sóc Rebecca. Họ là những ông bố tốt và có trách nhiệm. Tôi biết đáng lẽ mình nên thấy cảm kích. Nhưng tôi không muốn nghỉ ngơi. Tôi muốn bị căng ra và bị quấy rầy. Tôi muốn được bận bịu tíu tít với Rebecca mỗi khoảnh khắc khi thức, rồi chìm vào giấc ngủ tối đen và không hình dạng như một tương lai bị đánh mất.

Bobby yêu con gái của chúng tôi, nhưng không bị phiền nhiễu bởi sự tồn tại ồn ào, yếu ớt của nó. Trong một thế giới trống trải hơn, anh có thể là một người khai hoang, với những ảo mộng cải tạo lại xã hội trên một mảnh đất cách xa vị trí của những lùm lổ cũ. Anh có cái tính tận tâm đó. Anh đa cảm và cực kỳ tập trung. Anh không thực sự hứng thú với những sinh linh. Thi thoảng anh bế Rebecca, tôi biết anh nhìn nhân con bé như thế nào – như một công dân trong thế giới tương lai của anh. Anh ưu ái nó vì nó đã góp phần làm tăng dân số địa phương nhưng không đau lòng vì những điều xảy ra trong số phận của nó. Trong mắt anh, nó là một phần của sự vận động.

Bobby và tôi ngủ trên một chiếc giường mới cỡ lớn. Phòng Rebecca ở bên cạnh, tiếp đến là phòng tắm và phòng của Jonathan. Ngày nào Bobby cũng làm việc không ngừng. Anh đập trứng và nướng bánh, tranh cãi với các nhà cung cấp. Anh về nhà với tiếng khóc và những chiếc tã lót bẩn của Rebecca. Ban đêm, anh chìm vào giấc ngủ kiệt sức và mệt lả – một thứ vô thức hoàn toàn. Tôi biết ơn việc anh đã bớt hứng thú về tình dục, không chỉ vì tôi thấy mệt mỏi mà còn vì núm vú của tôi đã bị thâm khi cho Rebecca bú. Ba vết rạn màu vàng kéo dài từ xương sườn cuối cùng của tôi đến vùng đáy chậu. Tôi đã bốn mươi một tuổi. Tôi không còn cảm thấy mình duyên dáng nữa. Nếu Bobby nồng nàn và sung sức hơn, nếu anh ngại ngùng thú nhận rằng hiện tôi không còn hòa hợp với anh, thì tôi đã có thể làm được một điều gì đó. Tôi có thể bắt đầu một thói quen kiêu hãnh buồn bã mới. Nhưng anh là anh, một người đàn ông chăm chỉ, độ lượng. Chúng tôi nằm ngủ cùng nhau một cách yên bình.

Một ngày của Jonathan phát ra nhiều tĩnh điện hơn. Nếu Bobby làm việc với vẻ cẩn thận, hơi chậm chạp giống một cái máy hút bụi, hút lấy mọi việc vặt và nhiệm vụ, thì Jonathan cứ nhanh nhẩu như một cái máy đánh trứng. Cậu sốt sắng, nhiệt tình, đôi mắt đỏ đẫm do thiếu nghỉ ngơi. Cậu và Bobby đều bảo tôi rằng, khi làm bồi bàn, cậu chỉ tạo ra được sự quyến rũ chứ không có năng lực gì cả. Những cốc nước không được rót đầy. Món trứng bác bị nhơ nhằm thành trứng ốp lết. Cậu nói có những lúc trong ca sáng, dường như cậu đã thực sự ngủ gật khi đang di chuyển. Mới đây cậu đang rót đầy một bình kem, thế mà thoát cái đã thấy mình đứng cạnh một cái bàn, ghi yêu cầu của khách, mà chẳng nhớ gì về khoảng thời gian xảy ra giữa hai việc đó. Chẳng mấy chốc cậu và Bobby đành phải thuê một cô phục vụ, và Jonathan trở thành nhân viên đón khách và chân chạy việc vặt dự bị. “Em sẽ chịu trách nhiệm làm cho mọi người được vui vẻ,” cậu nói. “Em sẽ rót thêm nhiều cà phê hơn cho họ và hỏi thăm về quê quán họ. Bọn em sẽ thuê một chuyên gia để thấy rằng họ thực sự nhận được những gì họ yêu cầu.”

Thiên hướng thực sự của cậu là đứa bé. Mỗi tối khi đi làm về, cậu lại mang cho nó thứ luôn đó: một con búp bê nhựa mua từ cửa hàng một giá, một bông hồng hái từ khu vườn nào đó, hay một cặp kính râm mini gọng trắng. Cậu đưa nó đi dạo thật lâu trước bữa tối và sau đó đọc sách cho nó nghe.

Khoảng bốn giờ sáng, cậu đánh thức nó dậy, thay tã lót cho nó, và mang nó đến giường của Bobby và tôi. Trông cậu giống người cha một cách khôi hài khi mặc quần đùi và bế đứa con đang ngái ngủ của chúng tôi. “Em biết mình không nên đánh thức nó dậy như thế này,” cậu nói. “Nhưng bọn em cần phải trông thấy nó trước khi bọn em đi làm bánh mì.”

Cậu thường bò lên giường cạnh tôi, đặt Rebecca trong lòng. Có lúc, nó còn ngái ngủ và khóc nhai nhải dưới ánh đèn. Có lúc nó lại khúc khích và mấp má những từ không thể hiểu nổi. “Bé Rebecca ơi,” Jonathan thường thì thầm. “Ôi, con đúng là một đứa bé xinh đẹp, nhỉ? Ừm. Ôi, trông này. Hãy nhìn đôi bàn tay này. Con sẽ là một vận động viên tennis chứ hả? Hay là một nghệ sĩ vĩ cầm, hay một “người nhện” leo tường giỏi.” Cậu cứ nói tràng giang đại hải. Thỉnh

thoảng, khi nó khóc, chỉ có Jonathan mới có thể vỗ về nó được. Nó thường khóc thét lên trong tay tôi, và oằn người la hét trong tay Bobby. Nhưng khi Jonathan bế nó, nó sẽ im ngay. Nó nhìn cậu chăm chăm với đôi mắt hau hấu và chăm chú khác thường. Nó bám lấy cậu vì cậu hay vắng nhà và bởi vì, những lúc cậu ở nhà, cậu là người chăm sóc nó tỉ mỉ, dịu dàng nhất. Ngay từ sớm như thế, tôi tin rằng nó cũng đang yêu.

Rebecca và tôi cùng nhau chia sẻ một tình yêu căng thẳng hơn. Khi đám đàn ông đi vắng, nó và tôi chung sống trong trạng thái liên tục cần đến nhau. Nó cần và, với cường độ lớn dần, không thích sự che chở của tôi. Tôi chỉ cần nó lúc nào cũng được an toàn tuyệt đối. Tôi cần phải biết là nó vẫn ổn, từng phút từng giây. Nó có tác động lớn lên cả hai chúng tôi. Đôi lúc, khi chúng tôi ở bên nhau, khi tôi kiểm tra nước tắm của nó hay giặt lấy một cái bút chì ra khỏi miệng nó, tôi gần như có thể cảm thấy một câu hỏi kêu tanh tách trong bầu không khí quanh chúng tôi – *Nếu tôi không thể bảo vệ được thì sao?* Chúng tôi có thể trở nên cáu kỉnh với nhau. Tôi có thể dễ dàng nổi nóng với nó, và tỏ ra hống hách; tôi có thể từ chối nó nhiều thứ. Nó bị cuốn hút vào những nỗi sợ của tôi. Nó khóc thét nếu tôi nắm nó quá gần, hoặc nếu nó nhận ra rằng trong một thoáng tôi đã quên không để ý đến nó.

Tôi bắt đầu hiểu ra vài điều về mẹ mình. Bà đã có một lựa chọn sau khi tôi ra đời. Trong ngôi nhà hay trong bản tính bủn xỉn của bà không có đủ chỗ cho hai đứa trẻ khó chiều. Bà đã buộc phải lựa chọn. Có lẽ đó là lý do khiến cuộc chiến xảy ra. Bố tôi đã phải đấu tranh để giành được một phần. Ông đã dùng những vũ khí tốt nhất, giới tính và sự liều lĩnh của ông, nhưng mẹ tôi đã thắng thế với năng lực tổ chức và tính thẳng thắn của bà. Tôi đã từng yêu bố tôi hơn. Ông thường gọi tôi là Peg và Scarlett O'Hara^[66], nói rằng chúng tôi có thể mua bất cứ thứ gì chúng tôi muốn. Nhưng về sau này, khi ông làm bữa bữa rửa, ngã xuống trên bãi cỏ trước nhà và say xỉn phá phách đồ đạc, tôi đã ngoảnh mặt với ông. Cuối cùng, một đứa con sẽ chọn trật tự hơn là niềm đam mê hay sự quyến rũ.

Khi trưởng thành, tôi đã yêu sự thông minh và hài hước của Jonathan và, tôi cho rằng, cả sự vô hại của cậu. Cậu không lạnh nhạt cũng không nguy hiểm. Không phải đàn ông cũng không phải đàn bà. Ở cậu không ẩn chứa mối đe dọa về sự thất bại qua tình dục. Giờ đây tôi thấy rồi một ngày nào đó Rebecca cũng sẽ yêu cậu. Cậu có sức quyến rũ của một người cha. Cậu có sự ấm áp của một người mẹ mà không ẩn chứa mối đe dọa nào – nó sẽ không chết dù Jonathan thoáng không để ý đến nó. Cậu làm việc cả ngày, rồi về nhà với một món quà trong tay, xúc động với niềm vui tuyệt đối khi thấy nó sau quá nhiều giờ xa cách. Bobby thờ ơ một cách ngọt ngào còn tôi lại có mặt quá thường xuyên. Jonathan tạo ra một sự quyến rũ đều đặn hoàn hảo, có được nhờ sự vắng mặt hằng ngày của cậu. Rebecca sẽ là của cậu. Nó sẽ chăm sóc Bobby và tôi, nhưng nó thuộc về Jonathan.

Có những lúc – những khoảnh khắc – tôi tin rằng tôi đã thực sự tìm thấy phần thưởng của mình. Tôi có tình yêu, và một nơi ở trên trái đất. Tôi là một phần của một thứ ngọt ngào và êm đềm. Một gia đình. Đó là thứ mà tôi đã nghĩ là mình mong muốn. Gia đình tôi đã tan vỡ bởi sự ghen tuông và những cơn thịnh nộ. Không một món quà cưới nào của bố mẹ tôi còn sót lại. Chúng tôi đã phá hủy quá khứ. Giờ đây tôi chẳng còn gì để kế thừa ngoài những thứ mà mẹ tôi đã sửa sang lại, những vật cố định mạ vàng và những mẫu hoa văn trang trí, sau khi bố tôi bỏ đi để cai rượu, trở thành con chiên ngoan đạo rồi sau đó lại bắt đầu uống tiếp.

Nhưng có những lúc, tôi thấy nhớ sự cố chấp dữ dội của gia đình tôi. Chúng tôi vốn là những người khó tính, nổi tiếng quanh vùng: Amelia Stuckart tội nghiệp và Người Đàn Ông Mà Bà Ta Lấy. Tôi đã trở nên nổi tiếng trong vùng ngoại ô của chúng tôi vì là Đứa Con Gái Nhỏ Tội Nghiệp Của Họ. Tôi đã tự khám phá bản thân dựa trên những khái niệm về sự thiếu thốn và lòng kiêu hãnh. Tôi đã mặc những chiếc váy ngắn nhất, bới tóc thành một mớ bù xù. Tôi đã làm tình lần đầu với một tay guitar bass còm nhom khi mới mười bốn tuổi, ở đuôi của một chiếc xe tải. Tôi dễ dàng chống lại những nhà chức trách địa phương khi họ mặc những cái áo lót có độn, để những kiểu tóc nữ tính, và bôi thuốc thoa sau khi cạo râu hiệu Aqua Velva. Họ nói: "Hãy tham gia vào thế giới của chúng tôi", và tôi đã kiếm được một gã bán ma túy để làm bạn trai. Tôi thấy mình bị thu nhỏ lại trong con mắt của những cố vấn và mục sư – *có lẽ, thực sự thì,*

bà Rollins a, chúng ta không thể giúp gì được cho đứa con gái này nữa rồi. Tôi đến trường với một chai rượu tequila trong túi. Tôi phóng xe vèo vèo trong những đêm Rhode Island bằng giá. Tôi để lại một vết khói đằng sau. Những người được chăm sóc cẩn thận sẽ không thể tưởng tượng được sự tự do mà những người xấu có được.

Bây giờ, ở tuổi đã xế chiều, tôi đã được giải cứu. Đám đàn ông về hawrng nhà mỗi đêm, chăm sóc Rebecca, nấu bữa tối. Tình yêu của họ không hề đơn thuần. Họ có thể yêu nhau hơn là yêu tôi. Họ có thể chỉ đang lợi dụng tôi mà không hề hay biết. Tôi có thể chịu đựng được điều đó. Tôi không ngại chạm vào cái đáy xù xì trong những dự định tốt đẹp của con người. Thi thoảng tôi đã gặp rắc rối với chính sự vô hại đơn giản đó của nó. Chúng tôi sống trong một thế giới của lòng tốt và trật tự trong gia đình. Đôi khi tôi nghĩ mình giống như nàng Bạch Tuyết đang sống cùng những chú lùn. Những chú lùn chăm sóc nàng rất tốt. Nhưng nàng sẽ ở đó bao lâu mà không hy vọng được gặp ai đó có vóc dáng bình thường? Nàng sẽ ở đó để quét nhà và sửa chữa đồ đạc bao lâu trước khi nàng bắt đầu nhận thấy rằng cuộc đời nàng tuy thật an toàn và thú vị nhưng vẫn lan tràn một sự thiếu thốn?

ALICE

Khi tôi gọi Jonathan đến Arizona, tôi không nhắc đến cái hộp mà tôi dành cho nó. Đó không phải là loại quà nên được nói đến qua điện thoại. Tôi chỉ đơn giản thực hiện đặc quyền làm mẹ của mình và yêu cầu nó đến thăm tôi. Tôi thường không quấy rầy nó nhiều, khiến nó luôn mang cảm giác có lỗi quá mức. Tôi ngờ rằng nó mong tôi làm gánh nặng cho nó hơn nữa. Tôi nghĩ nó sẽ thấy phần nào nhẹ nhõm với một người mẹ phiền phức, quấy nhiễu. Theo như bản tính của nó, nó sẽ chẳng có lựa chọn nào ngoài việc vâng lời khi tôi gọi điện và nói rằng tôi muốn gặp nó. “Mùa này sa mạc đẹp lắm,” tôi nói. “Con hãy đến đây vài ngày đi.” Và nó đã làm thế.

Tôi đón nó ở sân bay Phoenix. Cuộc sống thôn dã không làm nó thay đổi nhiều lắm. Từ khi nó đi học đại học hơn mười năm trước, tôi cũng dần quen với những ngày tháng không được trông thấy nó, và đã học được một tính khách quan mới. Khi còn nhỏ, nó có vẻ giống một phát minh của tôi, và tôi yêu nó với một cường độ nhức nhối, rối bời, thi thoảng làm tôi đau lòng. Như thể nó là một phần trong tôi mà tôi cảm thấy thương yêu nhất, phần bị tổn thương bé bỏng mà chỉ muốn khóc và được ôm, đã bị cắt ra và giờ sống một cách tách biệt, nằm ngoài khả năng an ủi của tôi. Sự tồn tại của nó từng thúc ép và làm tôi lo âu nhiều đến nỗi tôi hầu như không biết trông nó như thế nào. Bây giờ tôi yêu nó ít mãnh liệt hơn, điềm tĩnh hơn, và có thể thấy rõ từng chi tiết của con người nó. Giữa những hành khách đang xuống máy bay, trông nó xanh xao và duyên dáng nhưng có vẻ không hoàn thiện; khi nó ngày càng lớn tuổi, tôi bắt đầu nhận thấy rằng nó đang có nguy cơ trở nên già đi mà không có được sự đỉnh đạc. Trông nó vẫn ngây thơ và trẻ con, vẫn mang vẻ đẹp mã của một chàng trai, một vẻ thanh xuân bất diệt có thể khiến cho một ông già trông giống như một đứa trẻ già dặn. Tôi vẫy tay từ giữa những người đang chờ đợi, và nó đi về phía tôi, vui vẻ và trông hơi cảnh giác, thận trọng lách qua đám đông như thể nó ngờ rằng trong số người đó có thể có đầy những kẻ thù đang cải trang.

“Con chào mẹ.”

“Chào con yêu.”

Chúng tôi ôm nhau, hỏi han về sức khỏe và hạnh phúc của nhau, rồi cùng đi đến chỗ đỗ xe. Trên đường đi, nó hỏi tôi: “Công việc của mẹ thế nào?”

“Đang phát,” tôi nói. “Mẹ nhận được nhiều cú điện thoại đặt hàng hơn khả năng giải quyết của mẹ, nhưng mẹ không muốn phải từ chối ai trong giai đoạn này. Mẹ đang cố thuê thêm một đầu bếp. Nhưng tìm được người vừa ý mẹ quả là khó.”

“Con thấy thật tự hào về mẹ,” nó nói. “Ai ngờ mẹ lại trở thành một người có tiếng trong lĩnh vực nấu nướng thuê như thế này chứ?”

“Nào, liệu hồn đấy. Đừng nịnh mẹ.”

“Con có nịnh đâu. Mà mẹ gầy đét như thế này từ bao giờ thế?”

“Ôi, đừng để ý đến mẹ,” tôi nói. “Mẹ nghĩ là do mẹ căng thẳng quá đấy thôi. Mẹ chưa bao giờ kinh doanh cả, càng chưa bao giờ có một công việc kinh doanh thành công. Mẹ cứ nghĩ rồi điều gì đó sẽ xảy ra và tất cả sẽ bung bét hết.”

“Mẹ đừng lo. Hay đó cũng là nịnh bợ nhỉ? Thôi mẹ *cứ* lo lắng đi. Những điều tồi tệ thường xảy ra với những người tốt nhất mà.”

“Đúng đấy,” tôi nói. “Hoàn toàn đúng. Thế công việc của con thế nào?”

“Điên cuồng. Hầu như bọn con ở đó suốt ngày, và mọi thứ luôn đứng trên bờ vực của sự điên rồ hoàn toàn. Nhưng bọn con đang ở mức hòa vốn rồi. Trong những ngày bận rộn nhất, bọn con thậm chí còn lãi được một ít.”

“Tốt,” tôi nói. “Đó là một lĩnh vực khó khăn đấy. Hòa vốn ở năm đầu tiên có nghĩa các con đang thành công.”

“Con cũng nghĩ thế. Con cứ bị thức giấc lúc nửa đêm,耿耿 ngơ nghĩ: “Ôi, mình quên mất không mang cả phê đến cho bàn số năm rồi.”

“Chào mừng đến với *tiền tuyến*,” tôi nói.

Khi đến chỗ đỗ xe, chúng tôi có một cuộc tranh giành thân mật nho nhỏ về việc ai sẽ là người cầm lái. Tôi muốn lái xe, vì tôi thạo đường hơn, nhưng một đứa con trai trưởng thành sẽ không muốn để cho mẹ nó lái xe ngay cả trên khu đất nhà bà. Tôi ném chìa khóa cho nó, để nó được thoải mái.

Chúng tôi lái xe trên con đường cao tốc bằng phẳng, lấp lánh, nói chuyện phiếm. Ánh mặt trời, không quá gay gắt vào thời điểm đó trong năm, tỏa sáng lên những cây ngọc giá đang trở hoa và những bụi cây màu xám than. Tôi nghĩ về mưa phùn và sương mờ khi đó đang chiếm ưu thế ở miền Đông mà không có vẻ gì là thềm muốn. Sa mạc, theo như tôi nhận thấy, có một vẻ đẹp quá mãnh liệt đến nỗi nó không thể ngấm ngay vào da thịt bạn. Họ hàng về địa lý thân thuộc nhất của nó chính là sông băng – giống như sông băng, nó có thể khiến cho những người không thông thạo tưởng nhầm rằng sự biến đổi chậm chạp của nó là trạng thái tĩnh lặng. Chúng tôi, những người sống ở đó, yêu nó vì vẻ giản dị và sạch sẽ của nó, vì hằng ngày nó vẫn luôn gọi đến sự vĩnh cửu. Một khung cảnh rừng rú có vẻ vừa rậm rạp vừa phù du, quyến rũ nhưng lại quá non trẻ, và phải chịu khuất phục trước những khúc quanh không thể biết trước của số phận. Không phải ngẫu nhiên mà những công dân đầu tiên đã xuất hiện trong sa mạc. Cũng không phải tình cờ khi những người già cả thường quay trở về đó.

“Trông mẹ tuyệt lắm,” Jonathan nói khi đang lái xe. “Con thích kiểu tóc của mẹ.”

“Ôi, giờ mẹ phải chỉnh trang đến vẻ ngoài mà,” tôi nói. “Mẹ không thể đi loăng quăng quanh thành phố như một phụ nữ hoang dã của miền núi nữa. Thú thực với con, mẹ đã phát hiện được một thợ cắt tóc. Một thợ cắt tóc cho nam giới. Hầu hết những tiệm uốn tóc nữ ở đây vẫn một mực tạo cho người ta những *kiểu tóc* xịt gồm ẻo lả mà mẹ thì chẳng có một chút hứng thú với chúng. Cứ ba hay bốn tuần là mẹ lại cắt tóc một lần, và không nghĩ nó có gì là khác biệt cả.”

“Con thích kiểu tóc đó,” tôi nói. “Mẹ con đang là một nữ hoàng nấu nướng thuê với mái tóc húi cua. Con không nịnh đâu. Con đang khen thật đấy.”

Nó rẽ vào khu chung cư, và xách túi của nó vào nhà. “Nơi này vẫn không thay đổi,” nó nói.

“Nó chỉ mất một ít đất vì lực entropy thôi,” tôi nói. “Mẹ đã định dọn dẹp nó một chút trước khi con đến đây. Nhưng một khách quen “sộp” của mẹ đã gọi điện đặt bữa tiệc tối vào phút chót, vì thế mẹ đã mất cả ngày hôm qua để làm món tôm sốt rau mùi thay vì việc hút bụi và quét dọn.”

“Không sao đâu mẹ. Nói thật với mẹ, nhà mình ở Cleveland vẫn luôn hơi quá ngăn nắp. Ý con là, con thấy mừng khi biết ở đây không phải lúc nào mẹ cũng lau nhà.”

“Con không cần phải lo về điều đó đâu. Tin mẹ đi.”

Vì nó sẽ ngủ trên chiếc sofa gấp, nên nó không cần phải lấy đồ ra khỏi túi hành lý. Nó chỉ đơn giản đặt cái túi vào một góc. Khi nó làm thế, tôi chợt thấy lo lắng – tôi đã bắt nó đến tận

Arizona chỉ vì một mục đích kỳ cục. Có lẽ rốt cuộc tôi sẽ coi đây chỉ là một chuyến viếng thăm đơn giản của nó. Tôi sẽ nấu nướng cho nó ăn, mua cho nó vài bộ quần áo mới bắt chước sự phản đối của nó và lại tiễn nó về nhà.

“Con đói không?” Tôi hỏi.

“Hơi hơi ạ. Ban này con không ăn trưa trên máy bay. Sau nhiều chuyến bay, con đã nhận ra rằng mình có thể từ chối khay thức ăn mà họ mang đến. Tuy nhiên con vẫn thấy mình đại dột khi làm thế. Như thế con đang ném tiền đi vậy.”

“Sao mẹ con mình không đi ăn bữa trưa muộn ở ngoài nhỉ?” Tôi nói. “Mẹ mới phát hiện một nhà hàng tuyệt vời cách đây khoảng mười dặm, ở đó họ tự tay làm và phục vụ món bánh bột ngô. Mẹ rất muốn thuê đầu bếp của họ, một người thực sự biết cách nấu món Mexico truyền thống, nhưng mẹ nghĩ mẹ sẽ không đủ tiền để thuê cô ta.”

“Nghe hay đấy mẹ ạ,” nó nói. “Mình đi thôi.”

Trong một thoáng, nó giống bố nó đến nỗi tôi phải dừng lại và nhìn nó chăm chăm, đầu tôi quay cuồng. Chắc là tất cả các bà mẹ đều phải trải qua những khoảnh khắc như thế này, khi những đứa con trưởng thành của họ - có vẻ đã định hình những tính cách riêng khó đoán - đột nhiên lộ ra một nét tính cách của bố chúng, quá giống đến mức chúng có thể chính là người đàn ông đó, tái sinh, ngay từ cơn ho sù sụ đặc trưng suốt hơn bốn mươi năm qua. Điều mà tôi trông thấy ở Jonathan khi đó là sự đồng ý dễ dàng, không do dự, là sự nhiệt tình thân thiện và cái mong muốn giữ cho mọi chuyện được êm đẹp. Nếu tôi là một mẫu người khác, một mẫu người dửng dưng hơn, tôi sẽ tóm lấy vai nó và nói: “Hãy đòi hỏi bất cứ thứ gì con muốn một cách dữ dội hơn nữa. Hãy khó tính và khắt khe hơn nữa. Nếu không chẳng bao giờ con có được một cuộc sống cho riêng mình.”

Thay vào đó, tôi lấy lại chùm chìa khóa xe từ nó và nói: “Lần này con nên để mẹ lái xe. Dù mẹ không nhớ rõ đường đến đó lắm. Và mẹ đã bị như thế đến hơn chục lần rồi.”

Chúng tôi dành hai ngày tiếp theo để nói chuyện, ăn uống và đi xem phim. Tôi dẫn nó đến tham quan căn bếp mà tôi đã thuê và văn phòng tạm thời của tôi, giới thiệu nó với ba nhân viên của tôi. Tôi cũng hỏi thăm về cuộc sống của nó, dù tôi luôn không chắc phải diễn đạt những câu hỏi của mình như thế nào. “Đứa bé sao rồi?” là câu mở đầu rõ ràng nhất.

“Nó vẫn khỏe ạ”, nó nói trên ly cocktail margarita. “Nó luôn làm cho con ngạc nhiên. Đôi lúc con thấy có vẻ như nó đang thay đổi từng chút. Con bắt đầu hiểu vì sao người ta lại có đến năm, sáu đứa con - thật khó để chấp nhận sự thật rằng giờ đây nó đã biết bò, và nó sẽ không bao giờ ở trong tình trạng phụ thuộc hoàn toàn vào người khác nữa. Đó cũng là một sự nhẹ nhõm. Nhưng con có thể thấy mình lại muốn có thêm một đứa nữa như thế nào chỉ vì muốn được trông thấy ai đó trải qua thời kỳ phụ thuộc khủng khiếp đó lần nữa.”

“Và con dành rất nhiều thời gian cho con bé?” Tôi hỏi.

“Tất nhiên rồi ạ. Tất nhiên là con phải làm thế rồi. Con là bố nó mà. Con là một trong hai người bố của nó.”

Tôi lắc đầu. “Có lẽ mẹ không hiểu lắm,” tôi nói.

“Hiểu gì cơ ạ? Mẹ đã đến đó, mẹ đã thấy tất cả bọn con ở bên nhau còn gì. Bọn con là ba người cùng nuôi một đứa con chung. Có gì to tát đâu.”

“Không có gì to tát cả,” tôi nói. “Mẹ nghĩ là do mẹ cổ hủ thôi.”

“Mẹ đâu có cổ hủ. Không thể nào cổ hủ với kiểu tóc như thế kia được.”

“Ừm, cứ cho là thế. Mẹ lo rằng con đang bị lợi dụng trong toàn bộ chuyện này. Bobby và Clare có nhau. Còn con có gì?”

Đây là một vấn đề nhạy cảm. Chúng tôi chưa bao giờ chính thức thừa nhận những khuynh hướng tự nhiên của nó - ngoài Bobby, tôi chưa bao giờ gặp một mối quan hệ bất chính nào khác của Jonathan. Theo như những gì tôi biết, nó không có những mối quan hệ kiểu đó. Và thực sự thì: tôi thích như thế. Nếu nó cứ kiên quyết với việc đó, tôi sẽ cố gắng chấp nhận hình

ảnh con trai mình có quan hệ tình cảm với những người đàn ông khác. Nhưng nó không có tính cố chấp. Nó thường về thăm chúng tôi trong vai trò một người độc thân trong trắng, bố nó và tôi luôn sẵn sàng đón tiếp nó như vậy. Nếu nó thất bại trong cuộc đời này, tôi cho rằng chính chúng tôi phải chịu trách nhiệm về việc đó.

“Chúng con có nhau,” nó nói. “Mẹ à, mẹ đúng đấy. Mẹ chẳng hiểu gì cả. Có lẽ mẹ con mình nói sang chuyện khác đi.”

“Nếu con muốn. Hãy nói cho mẹ nghe. Con có thấy hạnh phúc khi làm những điều mà con đang làm không?”

“Có chứ ạ. Con rất sung sướng. Và con là thành phần của một thứ gì đó. Con là thành phần của một gia đình và một công việc. Bọn con đang cùng nhau xây dựng một tổ ấm. Mẹ đã quá để ý tới việc trông bọn con không hoàn toàn giống với một gia đình bình thường đấy.”

“Đúng thế. Mẹ sẽ cố không quá chú ý tới điều đó nữa.”

Và, một lúc sau, chúng tôi chuyển sang những chủ đề khác. Nếu nó thốt ra những lời thú nhận về thứ tình yêu dị giáo đó thì tôi đã có thể phản ứng lại. Nhưng tôi không thể đòi hỏi một sự thẳng thắn như thế. Chỉ đơn giản là tôi không thể. Đó sẽ là việc của nó.

Tôi không nhắc gì đến lý do thực sự của tôi cho tới đêm trước khi nó đi. Hôm đó chúng tôi ăn tối ở nhà – tôi đã làm món salad bơ đơn giản và những khoanh cá hồi nướng. Sau khi những chiếc đĩa đã được dọn đi, tôi pha cà phê và nói: “Jonathan, con yêu, lần này mẹ gọi con đến đây là có lý do đấy. Mẹ muốn trao cho con một thứ.”

Mắt nó sáng lên – chắc nó nghĩ tôi có một kho báu gia truyền dành cho nó. Trong một thoáng, tôi có thể thấy nó hệt như hồi lên bốn, cư xử đúng mực một cách già dặn nhưng vẫn không giấu nổi sự thèm muốn trong cửa hàng đồ chơi, nơi không món đồ nào là quá đắt đến nỗi nó không dám mơ tưởng đến.

“Gì thế ạ?” Nó hỏi, sự háo hức được che giấu một cách tế nhị.

Tôi thở dài. Nếu tôi có một cái chăn hay một chiếc đồng hồ bằng vàng, tôi sẽ đưa ngay cho nó, nhưng Ned và tôi đều không cất giữ những thứ như thế. Chúng tôi đều sinh trưởng trong những gia đình quan tâm đến tương lai hơn là quá khứ. Tôi lên phòng ngủ trên gác mà không nói gì, lấy cái hộp ra khỏi ngăn kéo và mang nó xuống.

Jonathan biết cái hộp đó là gì. “Ôi, mẹ,” nó nói.

Tôi nhẹ nhàng đặt cái hộp lên bàn, một cái hộp gỗ hình chữ nhật phẳng nhẵn, trên đó có khắc họ tên cùng ngày tháng năm sinh, năm mất của Ned. “Đã đến lúc con phải chịu trách nhiệm với thứ này rồi,” tôi nói. “Yêu cầu duy nhất của bố con là con được toàn quyền quyết định việc xử lý nó.”

Nó gật đầu. Nó nhìn cái hộp nhưng không chạm vào. “Con biết,” nó nói. “Bố đã nói với con.”

“Con đã nghĩ về chuyện đó chưa?” Tôi hỏi.

“Rồi ạ. Chắc chắn là con đã nghĩ tới điều đó. Mẹ à, đó phần nào là lý do khiến con làm những việc con đang làm đấy. Con đang cố tạo nên một gia đình.”

“Mẹ hiểu.” Tôi ngồi xuống cạnh nó. Chúng tôi đều ngắm nghía cái hộp như thể ngờ rằng nó có thể tự di chuyển được.

“Mẹ đã nhìn vào bên trong cái hộp chưa?” Nó hỏi.

“Rồi. Ban đầu mẹ nghĩ mẹ không thể chịu được khi thấy nó. Thời gian trôi qua, mẹ nhận ra rằng mẹ không thể chịu được nếu không nhìn vào bên trong.”

“Và?”

“Nó như bồ hóng ấy. Xám vàng. Nó có nhiều hơn là con nghĩ đấy. Mẹ đã tưởng nó chỉ có một nắm thôi, một thứ thật mịn mà con có thể tung vào trong gió chỉ bằng một tay. Nhưng hóa ra không phải thế, nó khá là nhiều. Có vài mảnh xương vụn li ti, sẫm màu, như ngà voi để lâu vậy. Con yêu, mẹ có thể nhận ra một điều – nó không hơn gì một đôi giày cũ của bố con. Con có

muốn xem không?”

“Không. Không phải bây giờ.”

“Cũng được.”

“Sao mẹ lại đưa nó cho con lúc này?” Nó hỏi. “Ý con là, ừm, chính xác là thế đấy. Sao lại là lúc này?”

Tôi do dự. Sự thật là: Tôi đã bắt đầu hẹn hò một người. Anh ta trẻ hơn tôi, tên là Paul Martinez, và anh ta đã bắt đầu dạy tôi một loạt những điều thú vị mà tôi khó có thể tưởng tượng nổi hồi còn sống với Ned.

Dường như cuộc đời tôi đã diễn ra theo chiều đảo ngược. Với Ned, tôi đã có được một tổ ấm và một cuộc sống quý báu, một sự bình yên mà người ta hy vọng có được khi về già. Còn giờ đây, trước ngưỡng cửa của tuổi già thực sự, có vẻ tôi đã yêu một người đàn ông đa sầu đa cảm ưa tranh cãi, người biết chơi guitar và hôn tôi ở những chỗ mà Ned đã ngăn ngại ngay cả việc gọi tên chúng. Tôi thấy bây giờ mà còn cát tro của anh trong nhà thì quả là không thích hợp.

Nhưng tất cả những gì tôi nói với Jonathan lại là: “Mẹ sợ rằng mẹ đang biến thành Morticia Addams[67], với tro của chồng mình trên bệ lò sưởi. Đáng lẽ mẹ không nên giữ chúng lâu đến thế.”

Tôi sẽ còn nhiều thời gian để kể về Paul, nếu chúng tôi vẫn còn giữ được sự thu hút. Dù sự chăm sóc của anh làm tôi cảm động, nhưng tôi vẫn chưa tin tưởng lắm – có quá nhiều lý do để một người đàn ông trẻ tuổi mau chóng tin rằng anh ta yêu một phụ nữ lớn tuổi hơn. Tại sao lại phải làm cho Jonathan khó chịu một cách không cần thiết như thế? Tôi sẽ chờ xem liệu mối tình này có đủ nghiêm túc để đáng làm cho nó buồn hay không.

“Con có thể hiểu được,” nó nói. “Con không tin lắm rằng đây thực sự là tro của bố. Điều này có vẻ quá... Điều này có vẻ không giống với một việc xảy ra trong thế kỷ XX. Khi mà một công dân cất giữ hộp tro của bố mình.”

“Con có muốn cùng mẹ rải chúng ở sa mạc không?” Tôi nói. “Chúng ta có thể đi ngay bây giờ.”

“Ở đây ạ? Ý mẹ là đem chúng ra ngoài để rải ngay đằng sau ngôi nhà này?”

“Đúng. Nghe này. Đây không phải là cuộc sống mà bố mẹ hằng mơ ước. Nó không phải là những mơ mộng đã trở thành sự thật của bố mẹ. Chắc chắn là không. Nhưng đây là nơi mà bố mẹ đã chọn làm nơi ở cuối đời, và bố mẹ không thấy bất hạnh khi ở đây. Nói thật với con, mẹ đã rất hạnh phúc.”

“Bố đã bảo con là đừng chôn bố ở sa mạc. Bố đã nhất định bảo con thế. Bố muốn con ổn định cuộc sống trước, rồi hãy chôn bố ở nơi nào mà con xây dựng gia đình.”

“Jonathan, con yêu. Con không nghĩ là có gì đó hơi... *phù phiếm* với cái mong mỏi về một gia đình đó à?”

Nó hấp háy mắt trong sự ngạc nhiên giả bộ. “Mẹ,” nó nói. “Mẹ đang bảo con sống theo kiểu mới đấy à?”

“Mẹ đang bảo con là đừng lo lắng quá nhiều nữa,” tôi nói. “Bố con đã mất rồi. Ông ấy quan tâm đến sự lông bông của con vì ông ấy không thể tưởng tượng được rằng người ta có thể có hạnh phúc dù không bị ràng buộc. Đó là bản tính của ông ấy. Nhưng sẽ thật đáng tiếc nếu để cái trí tưởng tượng bị giới hạn của bố con kiểm soát cuộc đời con. Đặc biệt là khi ông ấy đã mất.”

Nó gật đầu. Sau một thoáng do dự, nó giơ tay ra và chạm vào chiếc hộp. Nó nhẹ nhàng lướt những đầu ngón tay lên những chữ chạm khắc trên chiếc hộp. Không ngẩng lên, nó nói: “Mẹ, nếu con có mệnh hệ gì...”

“Con sẽ chẳng sao cả,” tôi vội nói.

“Nhưng nếu có...”

Tôi hít một hơi và nhìn nó. Đây là lý do thực sự khiến tôi luôn mù quáng mang trong đầu hình ảnh độc thân đơn giản của Jonathan, cùng giới tính lệch lạc của nó. Tôi biết một ngày nào

đó tôi có thể nhận được một cú điện thoại, từ Bobby hoặc Clare hay ai đó mà tôi chưa bao giờ gặp, nói cho tôi hay cái tên của một bệnh viện.

“Được thôi,” tôi nói. “Nếu có chuyện gì đó xảy ra...”

“Nếu có chuyện gì đó xảy ra, nếu mẹ bị vướng bận với cả bố và con, thì con không muốn mẹ rải tro của bố con con trên sa mạc này. Nó khiến con thấy rùng mình. Được không ạ?”

Tôi không nói gì. Tôi đứng dậy và đi rót cà phê.

“Con có muốn đem chúng về rắc ở Woodstock không?”

“Có lẽ. Con không chắc lắm.”

“Tùy con,” tôi nói. “Đây hoàn toàn là quyết định của con.”

“Con biết. Con sẽ tìm một chỗ thích hợp. Mẹ có muốn đi xem phim không?”

“Thay vào đó sao không chơi một ván sấp chữ?”

“Vâng,” nó nói. “Cũng được. Tùy mẹ.”

Ngày hôm sau, chúng tôi lái xe đến sân bay với tro của Ned được nhét trong túi khoác vai màu đen của Jonathan, được bao bọc giữa những chiếc tất và đồ lót. Lần này tôi giành quyền lái xe, và Jonathan không phản đối. Đó là một ngày u ám hiem hoi, bầu trời đầy những đám mây ùn ùn kéo xuống từ dãy núi Rocky, âm đạm nhưng không có vẻ là sẽ mưa. Không khí có màu bạc, khắp nơi tràn ngập một thứ ánh sáng đều đặn, gần như không biết bắt nguồn từ đâu, có thể là được hắt lên từ nền sa mạc hay tỏa ra từ không khí.

Jonathan đang kể cho tôi nghe về hứng thú đang tăng dần của nó với nghề mộc khi tôi ra khỏi đường cao tốc, rẽ sang một con đường nhánh mà tôi biết.

“Mẹ,” nó nói. “Đây là đường tắt ạ?”

“Không. Không phải.”

“Vậy chúng ta đang đi đâu thế?”

“Cứ ngồi yên đấy.”

“Con sẽ lỡ chuyến bay mất,” nó nói.

“Không phải lo. Mà dù có bị lỡ đi nữa thì con vẫn có thể bay chuyến khác cơ mà.”

Con đường mới rải nhựa đường, giống như một dải ruy băng mỏng, chạy đến dãy núi nơi những người giàu có đã xây nhà rải rác trên đó. Một trong số những người khách hàng của tôi sống ở đó, trong một ngôi nhà quá gần bó với những ngọn núi xung quanh đến nỗi người ta khó có thể nhận ra nó là một ngôi nhà. Tuy nhiên, trước khi con đường đến được những ngôi nhà cầu kỳ đó, nó dốc xuống một khe suối cạn vốn amng trong mình một trong những điều ngạc nhiên nho nhỏ của sa mạc: đó là sự hiện hữu của nước ngầm. Nó không lộ rõ đến mức hình thành nên một cái vũng nhưng cũng đủ ẩm ướt để mọc lên những đám cỏ tươi tốt và một rừng cây dương lá rung khiêm tốn, những chiếc lá của nó rung rinh như thể đang ngạc nhiên không ngớt.

Tôi dừng xe trong cái khe cạn. Trông nó đẹp một cách huyền ảo trong thứ ánh sáng âm u. Những thân cây trắng và những chiếc lá màu xanh nhạt của những cây dương lá rung đang lấp lánh, và một vật nặng, xuyên qua chúng, tỏa sáng lên một vách núi xù xì màu đỏ phía xa xa.

“Jonathan,” tôi nói. “Hãy rải tro của bố con ở đây này. Hãy làm cho xong đi.”

“Ở đây ạ?” Nó hỏi. “Sao lại là ở đây?”

“Sao lại không? Con không nghĩ là nơi này rất đẹp sao?”

“Ồ, dĩ nhiên là có. Nhưng...”

Nó liếc về băng ghế sau, về phía cái túi của nó.

“Lấy cái hộp ra đi”, tôi nói. “Nào, làm đi. Hãy tin mẹ.”

Nó từ từ với tay ra sau, với sự ngập ngừng thấy rõ, và mở khóa của cái túi. Nó quay người lại,

ắm cái hộp bằng cả hai tay.

“Mẹ có chắc không?” Nó nói.

“Mẹ chắc. Đi thôi.”

Chúng tôi ra khỏi xe, bước vài bước trên đám cỏ khô dày. Jonathan ôm cái hộp. Những con ruồi lơ lờ vo ve quanh chúng tôi, và một con thằn lằn màu bụi nằm yên trên đỉnh một tảng đá màu hồng cao đến thắt lưng, nhìn chúng tôi chăm chăm với cả cuộc đời ngắn ngủi của nó.

“Quả là đẹp”, Jonathan nói.

“Thì thoảng mẹ vẫn đi qua đây”, tôi nói. “Mẹ có khách hàng ở đây mà. Từ bây giờ, mỗi khi con đến thăm mẹ, mẹ con mình có thể đến đây nếu con thích.”

“Con có nên mở cái hộp không nhỉ?” Nó hỏi.

“Mở đi. Không khó khăn gì. Con có biết cách mở không đấy?”

“Con nghĩ là con biết.” Nó chạm vào cái móc. Rồi nó tụt tay lại, không nhắc cái nắp lên.

“Không,” nó nói. “Con không thể. Đây không phải là nơi thích hợp.”

“Con yêu, chúng chỉ là đám tro thôi mà. Hãy rải chúng đi và tiếp tục sống vì cuộc đời của chúng ta.”

“Con đã hứa với bố rồi. Đây không phải là nơi thích hợp đây. Đây không phải là điều bố muốn.”

“Quên những gì ông ấy muốn đi,” tôi nói.

“Mẹ có thể làm vậy. Còn con thì không.”

Nó giữ chặt cái hộp, các đốt ngón tay trắng bệch ra như thể nó sợ tôi sẽ lấy mất. Tôi nói: “Không đúng.”

“Con không biết điều đó có đúng hay không. Đó là sự thật. Mẹ, sao mẹ lại muốn lấy bố?”

“Mẹ đã kể cho con nghe chuyện đó rồi mà.”

“Mẹ chỉ kể với con về việc mẹ đi đôi giày màu trắng sau ngày Quốc tế Lao động và bố có mái tóc dày dặn rất đẹp, mẹ không thể nghĩ ra lý do nào để không lấy bố, do đó mẹ đã làm thế”, nó nói. “Nhưng sao mẹ lại lấy bố, sao mẹ vẫn ở với bố, nếu mẹ không còn hứng thú với điều đó nữa? Có phải gia đình ta được tạo nên chỉ vì mẹ nghĩ là mẹ cần phải lấy chồng và sinh con không?”

“Hãy ăn nói cẩn thận, con trai. Mẹ yêu bố con. Con đâu có ngồi lì trong cái căn hộ chung cư đó bao năm trời. Con đâu có tỉnh giấc với ông ấy trong đêm khi ông ấy không thở được và rơi vào mê sảng.”

“Vâng. Nhưng mẹ có yêu bố không? Thực sự con chỉ muốn biết điều đó thôi. Con hiểu mẹ đã hy sinh vì bố, đã chăm sóc bố, và tất cả những điều tương tự như thế. Nhưng mẹ có yêu bố không?”

“Sao con lại hỏi mẹ mình một câu như thế?”

Nó vẫn nắm cái hộp trong tay. “Con nghĩ có lẽ con yêu bố,” nó nhẹ nhàng nói. “Con tôn thờ bố.”

“Ông ấy chỉ là một người đàn ông bình thường thôi mà.”

“Con biết. Mẹ không nghĩ là con biết điều đó à?”

Chúng tôi đứng một lúc ở rìa rừng cây dương lá rung. Chẳng có gì xảy ra, chẳng có gì chuyển động. Jonathan giữ khư khư cái hộp, mắt mũi nhắm chặt lại một cách buồn bã. Sau vài phút tôi nói: “Jonathan, hãy tự tìm lấy cho mình một người để yêu”.

“Con đã có rồi,” nó nói.

Tôi bỗng thấy choáng váng khi thấy cả hai chúng tôi nói chuyện với nhau như thế này – một cảm giác hoa mào chóng mặt như lúc đứng trên một độ cao lớn hay khi cảm thấy không an toàn. Chúng tôi đã luôn quá thận trọng với nhau. Giờ đây, khi đã khá muộn, khi tôi có những điều cần bàn với nó, chúng tôi không thể nói chuyện với nhau một cách dễ dàng được nữa.

“Con biết ý mẹ là gì mà,” tôi nói.

Nó nóng nảy ngoảnh mặt đi nơi khác, như thể thứ gì đó ở nơi chân trời phía tay phải của tôi đã thu hút sự chú ý của nó. Và tôi thấy, ngay trước mặt tôi, đang giận dữ lảng tránh ánh mắt tôi, là đứa con trai bốn tuổi tôi từng hiểu rõ hơn cả bản thân mình. Giờ nó đã trở lại, trong hình dạng một người đàn ông trưởng thành với vẻ lầm lì, khinh khỉnh, với một tinh thần hoang mang, suy nhược.

“Mẹ chẳng biết gì cả,” cuối cùng nó nói. “Cuộc sống của bọn con khác nhiều so với những gì

mẹ có thể tưởng tượng ra.”

“Mẹ hiểu rõ về phụ nữ,” tôi nói. “Và mẹ có thể nói với con thế này. Người phụ nữ đó sẽ không để con có những quyền bình đẳng trong vai trò làm cha làm mẹ đối với con của cô ta đâu.”

Giờ nó có thể nhìn tôi. Đôi mắt nó gay gắt và rực lửa.

“Rebecca không phải là con của riêng chị ấy. Rebecca là con của bọn con,” nó nói.

“Chỉ là một lối nói thôi.”

“Không. Thực sự là thế. Bobby, Clare và con không biết ai là bố đứa bé. Đó là lý do bọn con quyết định làm như thế.”

Tôi không tin nó. Tôi biết – phần nào – rằng nó và người phụ nữ đó không phải là tình nhân. Nó chỉ đang bịa chuyện, như nó vẫn thường hay làm hồi còn nhỏ. Tuy nhiên, tôi không phản đối.

“Và đó cũng là điều mà Clare muốn chứ?”

“Vâng. Đó là điều chị ấy muốn.”

“Có lẽ đó chỉ là điều mà cô ta nói là cô ta muốn thôi”, tôi nói. “Đó có thể là điều mà cô ta nghĩ là cô ta muốn.”

“Mẹ không hiểu Clare. Mẹ đang nghĩ về một mẫu người khác đấy.”

“Không đâu, con yêu. Con mới là người không hiểu gì. Mẹ biết sẽ thật khó khăn khi nghĩ khác đi về một người mà con đã quen biết, hay tin rằng cuộc đời con sẽ trở nên khác biệt. Và mẹ đang đứng đây để nói cho con hay rằng trên đời này vẫn có những định luật chung. Một người phụ nữ sẽ không chia sẻ đứa con của cô ta với ai cả.”

“Mẹ,” nó nói trong một giọng tỏ ra điềm tĩnh hết mức. “Mẹ à, mẹ đang nói về chính bản thân mẹ thì có. Chính mẹ mới không chịu buông tha con mình.”

“Hãy nghe mẹ. Hãy ra đi và tìm lấy cho chính con một người để yêu thương. Hãy sinh một đứa con cho riêng mình, nếu đó là điều mà con muốn.”

“Con đã có rồi,” nó nói. “Rebecca đích thực là con của con.”

“Số ba là một con số kỳ cục. Khi có ba người, một người thường bị đẩy ra ngoài.”

“Mẹ, mẹ không biết là mẹ đang nói gì đâu,” nó nói. “Mẹ chẳng hiểu cái quái gì hết.”

“Đừng có ăn nói với mẹ kiểu đó. Mẹ vẫn là mẹ của con đấy.”

“Vậy thì xin mẹ đừng có áp đặt con. Mẹ là người muốn nói chuyện cơ mà.”

Nó đã thắng tôi ở điểm đó. Chính tôi là người muốn nói chuyện. Tôi là người đã chui đầu vào một cuộc hôn nhân, để mình bị cuốn theo những công việc nội trợ lật vật đơn giản, nhàm chán. Và giờ đây, trong một rừng cây ở sa mạc, tôi muốn nói chuyện.

“Tất cả những gì mẹ muốn nói,” tôi nói, “là dường như có những giới hạn nào đó. Con người ta sống với nhau theo cặp đôi cũng đã đủ khó khăn rồi.”

“Còn con,” nó nói, “đang nghiêm túc cân nhắc khả năng rằng những giới hạn đó chính là một lời tiên đoán đã biến thành sự thật. Bobby, Clare và con đang hạnh phúc bên nhau. Bọn con dự định sẽ mãi sống cùng nhau.”

“Lịch sử đã dạy bảo chúng ta một cách khác hẳn.”

“Lịch sử đã thay đổi. Mẹ, đây không còn là thế giới như trước nữa. Thế giới này đang đi tới tận cùng vào bất cứ lúc nào, tại sao chúng ta không cố gắng có được mọi thứ mà chúng ta có thể?”

“Người ta vẫn luôn tin rằng thế giới đang đi đến tận cùng ngay từ ngày thế giới mới bắt đầu, con yêu ạ. Nhưng nó đâu có kết thúc, và nó cũng chẳng thay đổi gì mấy.”

“Sao mẹ lại có thể nói thế được nhỉ?” Nó nói. “Mẹ hãy nhìn vào mẹ xem nào.”

Tôi ý thức được rằng mình đang đứng trên mặt đất bụi bặm và xám đỏ. Tôi ý thức được rằng mình đang mặc quần jean và áo khoác da lộn, dưới bầu trời bao la.

Tôi nói: “Nói thẳng ra thì con nghĩ rằng Bobby sẽ chọn con? Là thế, đúng không? Con nghĩ Clare sẽ rút lui, và con cùng Bobby sẽ nuôi đứa trẻ đó, còn cô ta chỉ đứng làm nền thôi.”

Nó nhìn tôi, và tôi nhìn nó. Tôi nhìn thấu mọi thứ trong nó: cái ham muốn dành cho những người đàn ông, tội lỗi và nỗi thất vọng, cùng sự tức giận. Tôi thấy rằng trong chùng mực nào đó sự giận dữ của nó là sự giận dữ của một phụ nữ. Nó có cái ý thức phản bội của một người đàn bà. Nó tin rằng nó đã bị dồn đến đường cùng một cách bất công, được yêu bởi những con người không thích hợp vì những lý do sai lầm. Trong một thoáng, tôi cảm thấy sợ nó. Tôi sợ con trai mình, ngay tại nơi hoang vu, xa xôi hẻo lánh này. Chúng tôi đã bảo vệ bản thân bằng cách im lặng vì nếu không thì chúng tôi sẽ hét vào mặt nhau, sẽ cào cấu, cắn xé và gào thét. Cả hai chúng tôi đều quá đỗi xấu hổ, khó mà bày tỏ sự giận dữ theo cách thông thường.

“Mẹ chẳng biết mẹ đang nói gì cả,” nó khẽ nói, và tôi thừa nhận rằng có lẽ tôi không biết thật. Chúng tôi đã không còn hiểu nhau, chúng tôi là những người xa lạ theo một nghĩa sâu xa khó hiểu vẫn luôn ẩn dưới sự tận tình và thân mật của chúng tôi như một dòng sông đang chảy. Có lẽ điều đó đã luôn là sự thật.

“Chúng ta nên đi thôi và cố bắt kịp chuyến bay của con,” tôi nói.

“Vâng. Có lẽ thế.”

“Còn về đám tro. Đó là quyền lựa chọn của con. Khi nào con quyết định xong thì hãy báo cho mẹ biết.”

Nó gật đầu. “Có lẽ một ngày nào đó con sẽ trao nó cho Rebecca,” nó nói. “Này, con. Di sản của gia đình ta đấy.”

“Nó cũng sẽ không biết phải làm gì với chúng đâu,” tôi nói.

“Nếu con bảo nó, nó sẽ biết. Con muốn nó lớn lên mà không cần phải băn khoăn về việc cất tro của ông nó ở đâu.”

“Sẽ rất hay đấy. Sẽ rất hay cho nó.”

“Vâng.”

“Đi thôi nào,” tôi nói. “Chúng ta có thể bắt kịp chuyến bay nếu chúng ta đi nhanh.”

Chúng tôi quay trở vào xe, và đi nốt quãng đường còn lại trong im lặng. Jonathan nhét lại hộp đựng tro vào túi và kéo khóa lại. Khi lái xe, tôi định đưa ra vài lời khuyên nhủ với tư cách là một người mẹ, nhưng tôi không biết phải nói thế nào. Tôi muốn nói với nó một điều mà tôi đã mất gần sáu mươi năm mới học được: chúng ta nợ những người sống còn nhiều hơn là nợ những người đã chết, rằng cơ hội hạnh phúc duy nhất của chúng ta – một cơ hội đủ nhỏ - nằm ngay trong sự thay đổi đúng đắn. Nhưng tôi không thể nói ra được.

Vì chúng tôi không còn nhiều thời gian, nên nó phải nhảy ngay ra lề đường trước nhà đón khách. “Tạm biệt mẹ,” nó nói.

“Tạm biệt. Hãy bảo trọng.”

“Vâng. Con luôn giữ gìn mà.”

“Mẹ không chắc lắm về điều đó. Đi đi, nhanh lên. Con sẽ lỡ chuyến bay đấy.”

Nó ra khỏi xe và đeo túi lên vai. Trước khi chạy hết tốc lực đến chỗ máy bay, nó vòng ra bên đường lái. “Tạm biệt mẹ,” nó nói.

Nó đang ốm, hay chỉ đơn giản là đang già đi? Sao trông nó lại hơi phờ phạc, mắt nó lại hơi quá to so với đầu nó thế?

“Jonathan? Gọi điện cho mẹ khi con về đến nhà nhé! Để mẹ biết là con đã về nhà an toàn.”

“Vâng. Nhất định rồi.”

Nó cúi xuống trước ô cửa sổ xe để mở và tôi hôn lên miệng nó, thật nhẹ nhưng thật kêu. Tôi hôn tạm biệt nó. Và rồi, không một cái vẫy tay hay một cái nhìn lại, nó bước vội đi.

JONATHAN

Bobby và tôi tới nhà ga vài phút trước khi chuyến tàu của Erich đến. Ở nhà ga của một thị trấn như thế này – nó chỉ là một tòa nhà xây bằng gạch màu hạt dẻ, lớn bằng một kho dụng cụ, trước một sân ga bê tông – bạn thực sự có cảm giác về sự xa xôi hẻo lánh của chính mình. Ở đây, nơi nông thôn và thành thị giao nhau, bạn hiểu được rằng sự kiện quan trọng của một chuyến tàu đang đến chính là việc nó sẽ khởi hành đến những địa điểm tiếp theo. Ngay từ lúc chúng tôi dõi theo hình dáng ngoằn ngoèo của con tàu đang lượn quanh sườn đồi xanh ngát cuối cùng, tôi có thể tưởng tượng đến cơn bão bụi mà nó sẽ gây ra trên đường đi. Bụi bặm và một cái cốc giấy lạc lõng sẽ bay quanh sân ga trong một thoáng rồi lả hạ xuống, trở về với sự tĩnh mịch vốn có. Một cỗ máy bán hàng tự động màu đỏ bị nghiêng hẳn về một bên, trước đây từng bán báo, đang đứng há hốc miệng giữa những cây hương bồ và tầm ma phía bên kia đường ray.

Tôi đã gọi điện cho Erich vì tôi thấy cô đơn. Không đúng: Tôi nên gọi tình trạng này của mình bằng một cái tên thích hợp hơn mới phải. Khi chúng tôi chuyển đến Woodstock, tôi cứ nghĩ rằng ở đó sẽ có nhiều gã đàn ông đồng tính chưa bị ràng buộc hơn, tôi cứ tưởng rằng sẽ gặp được họ ở các quán bar và những điểm bán đồ cũ. Nhưng, thực tế thì, những gã đồng tính sống ở đó đều đã có đôi có cặp. Vì thế, cuối cùng, tôi đành phải gọi điện cho Bác sĩ Tâm lý và mời anh ta đến chơi vào cuối tuần.

Tôi vỗ nhẹ lên vai Bobby, vì tôi hồi hộp. Tôi đã không gặp Erich hơn một năm rồi. Người duy nhất trên sân ga ngoài chúng tôi lúc này là một phụ nữ lớn tuổi mập mạp, đang càng lúc càng bức bối khi tìm kiếm thứ gì đó trong cái túi rơm màu trắng. Tôi vẫn để tay trên vai Bobby khi con tàu ngoằn ngoèo tiến về phía chúng tôi. Một nhân vật từ cuộc đời cũ thực tế hơn của tôi sắp đến thăm tôi trong cuộc đời mới xa lạ, quê mùa.

Con tàu ầm ầm tiến vào, những cánh cửa của nó từ từ mở ra. Một gia đình xuống tàu, theo sau là một ông hói mặc bộ đồ màu nâu, tiếp đến là một thiếu phụ to béo được người phụ nữ lớn tuổi với cái túi rơm màu trắng đón. Trong một thoáng, dường như Erich không hề có mặt trên tàu. Và rồi anh xuất hiện, tay xách một cái va li màu nâu, trên bậc lên xuống của con tàu.

Tôi đã hiểu ngay khi tôi trông thấy anh. Với một người rắn chắc như Erich, ngay cả việc sút mất hai cân cũng đã tạo nên một sự thay đổi rõ rệt. Với vẻ ngoài bây giờ chắc hẳn anh đã sút ít nhất là năm cân. Da anh xám xịt và trông có vẻ bì bì.

Anh cười. Anh lò dò bước xuống những bậc thang, di chuyển như thể anh đang giữ thăng bằng một cái bình vô hình trên đầu. Bobby đỡ lấy khuỷu tay anh khi anh bước từ bậc thang cuối cùng xuống mặt bê tông.

“Chào,” Erich nói. “Tôi đã đến rồi đây.”

“Anh đã đến,” tôi nói.

Sau một thoáng do dự, chúng tôi ôm nhau. Qua lớp quần áo của Erich – chiếc quần jean đen và một cái áo sơ mi vải bông chéo màu xanh – tôi có thể cảm nhận được thân hình gầy yếu thực sự của anh. Như thể tôi đang ôm một bó sậy vậy. Trong vòng tay anh, tôi cảm thấy một nỗi hoang mang dâng trào. Đầu óc tôi choáng váng. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là buông anh ra, bỏ chạy về phía những cây hương bồ. Khi Erich và tôi ôm nhau, thế giới như vỡ vụn thành những đốm sáng lung linh trước mắt tôi, một thứ màu sắc hỗn loạn chói lọi, và trong một thoáng dường như tôi muốn đẩy anh ngã, đá anh lăn xuống bên dưới những bánh xe lửa để anh bị nghiền nát thành hư vô. Để anh không còn tồn tại nữa.

Thay vào đó, tôi nắm lấy đôi vai gầy gò xương của anh và nói: “Thật tuyệt khi được gặp anh.”

Con tàu lại lăn bánh, từ từ đi xa dần trong lớp bụi bốc lên mù mịt.

“Cảm ơn,” anh gật đầu nói. “Cảm ơn rất nhiều. Thật tuyệt khi được ở đây. Đã lâu lắm rồi tôi chưa được về nông thôn đây. Chào Bobby.”

Anh và Bobby bắt tay nhau. Khuôn mặt Bobby không thể hiện rằng cậu hiểu được bao nhiêu.

Câu xích va li của Erich đến ô tô với sự chắc chắn bình thản của một vị quản gia già cả. Erich có thể đi khá vững, dù bước đi của anh có phần thận trọng thấy rõ, một sự thận trọng như của người già, như thể xương anh mềm và giòn như sáp.

“Chuyển đi ổn chứ?” Tôi hỏi.

“Vâng, rất ổn. Con tàu đã đi qua vài nơi rất đẹp. Ở đây thực sự, ừm, đẹp quá nhỉ?”

“Đúng vậy,” tôi nói. “Nếu anh thích cái kiểu này.”

Anh chớp chớp mắt với vẻ ngập ngừng. Erich hiểu được những lời nói đùa thông thường, nhưng không hiểu nổi những lời châm biếm nho nhỏ.

“Chúng tôi thích nơi này,” tôi nói. “Nó yên bình, êm ả và tẻ ngắt như những gì anh từng tưởng tượng về nông thôn.”

“Ồ,” anh nói. “Tuyệt thật.”

Chúng tôi vào trong xe và bắt đầu về nhà. Bobby lái xe, còn Erich ngồi ở cạnh ghế lái. Tôi ngồi phía sau, chỗ của trẻ con. Khi chúng tôi lái xe trên con đường quen thuộc, tôi nhìn ra những đồng cỏ dại và cứ nghĩ đến việc ẩn mình trong đó, chui thật sâu vào trong một đồng cỏ cho đến khi tôi hoàn toàn bị che khuất giữa những lá cỏ nửa xanh nửa vàng đang úa tàn trong tiết giao mùa. Mười bốn tháng trước, khi Erich và tôi làm tình lần cuối, chúng tôi đã cẩn thận với nhau. Nhưng suốt gần một năm trước đó, chúng tôi đã không hề có biện pháp đề phòng. Tôi nhẹ nhàng lướt những đầu ngón tay lên ngực mình, và ngắm nhìn những chiếc lá cỏ đang rụng đưa dưới bầu trời cao.

Erich nói: “Bobby, anh có mang theo bộ sưu tập đĩa hát của anh không?”

“Ồ, chắc chắn rồi,” Bobby nói. “Anh biết tôi mà. Bọn tôi có một cái máy quay đĩa và những thứ tương tự như thế.”

“Tôi mang cho anh vài món quà từ thành phố đây,” Erich nói. “Có một cửa hàng băng đĩa rất lớn ngay trên khu tài chính, anh có tin nổi không.”

“Ồ, tôi biết cửa hàng đó,” Bobby nói. “Đúng, trước đây tôi vẫn thường đến đó.”

Chúng tôi lái xe về nhà, với những cuộc đối thoại ngắt quãng. Tôi ngạc nhiên khi nhận thấy mình không muốn hỏi thăm về sức khỏe của Erich. Không phải sự sợ hãi mà chính nỗi ngại ngùng đã ngăn tôi không đề cập gì đến nó; anh giống như vừa mới trở về từ một cuộc chiến, bị mất tay hoặc chân. Từ chỗ ngồi, tôi có thể thấy mảng da đầu yếu ớt hiện ra qua lớp tóc mỏng của anh – cả da và tóc đều đã mất đi chút sinh khí mà ta chỉ có thể nhận ra sự tồn tại của nó khi nó không còn nữa. Dù Erich chưa bao giờ vạm vỡ, nhưng hiện tại trông tóc anh như sắp rụng ra trong tay bạn. Lớp da đầu bên dưới khô cứng lại. Điều mà tôi làm, khi đối mặt với sự gầy mòn rõ rệt của anh, là nêu ra những quan điểm ưa thích của tôi, bàn tán về những điều kỳ cục của dân cư địa phương, và kể về chuyến tham dự phiên chợ quê gần đây của chúng tôi, nơi những quả dưa chuột đoạt giải thưởng và những con lợn con của tổ chức 4-H^[68] được trưng bày một cách tự hào. Tôi không thể ngừng xoa ngực mình. Chúng tôi băng qua sông Hudson. Bên dưới chúng tôi, những chiếc sà lan đang băng qua mặt nước màu nâu lấp lánh. Những hàng cây ở bờ bên kia đang ngả dần sang màu vàng và đỏ từ những đêm giá rét đầu tiên. Xen giữa những hàng cây, những lâu đài đồ sộ của những triệu phú quá cố đồ dẫn trông ra một bầu trời nhạt nhòa và lạnh lẽo.

Khi chúng tôi tiến đến con đường trải sỏi dẫn đến ngôi nhà, Erich há hốc miệng và nói: “Ôi, thật tuyệt vời. Tôi không thể tin được đây lại là nhà của các anh.”

Tôi chưa bao giờ nghe thấy giọng anh mang vẻ thích thú đến thế - một giọng ngạc nhiên đến mức run rẩy. Tôi không chắc liệu tôi có tin lời anh được không. Nó mang vẻ gì đó vồn vã, giả tạo. Anh có vẻ giống với vợ của một người đàn ông tham vọng, khi được đưa tới ngôi nhà ở nông thôn của sếp anh ta.

“Hãy chờ cho đến khi anh thấy bên trong đã,” tôi nói. “Đường vào khá dài đấy.”

“Ôi, không, nó thật hoàn hảo mà. Thật tuyệt vời,” anh nói. “Dù bên trong nó có như thế nào đi chăng nữa.”

“Anh hãy cứ chờ xem,” tôi nói.

Clare cùng Rebecca đón chúng tôi trên hiên nhà. Rebecca, vừa tắm xong, nhìn chúng tôi với đôi mắt vô cùng ngạc nhiên, như thể trước đây nó chưa bao giờ nhìn thấy hình ảnh của chúng tôi – ba người đàn ông đang bước ra khỏi một chiếc ô tô và leo những bậc thang lên hiên nhà. Clare nói lớn: “Chào mọi người.”

“Chào,” Erich nói. “Ôi, thật, ờ, thật tuyệt khi được gặp lại chị. Ôi, trông con bé này.”

Tôi có thể nhận thấy qua khuôn mặt Clare rằng chị đã ngỡ ngợ ra điều gì đó. Tôi gần như có thể nhận thấy cả một chuỗi suy nghĩ của chị, cổ khớp Erich này với Erich mà chị từng gặp mấy năm trước. Phải chăng anh ta vẫn luôn tái mét và gầy gò như vậy? Phải chăng da dẻ anh ta vẫn luôn quá xỉn như thế?

“Con bé đây,” một lúc sau, Clare nói, “Anh đang bắt gặp nó trong một ngày dễ chịu đấy, nó vẫn ngoan ngoãn từ lúc nó ngủ dậy sáng nay. Tốt hơn là hãy khen ngợi nó nhanh lên, vì mọi thứ có thể thay đổi bất cứ lúc nào.”

Erich, không hiểu lắm về trẻ con, đứng cách vài bước và nói: “Chào bé, xin chào.” Rebecca trở mắt nhìn anh hay nhìn khoảng không quanh anh, một sợi nước dãi đung đưa với vẻ khiêu khích trên cằm nó. Lúc đó, nó đã biết nói được vài tháng. Khi không có ai, nó có thể bi bô hàng giờ, xen lẫn những từ thực tế với thứ từ vựng của riêng nó, nhưng khi đối diện với những người lạ, nó thu mình lại, nhìn chằm chằm với sự chăm chú thản nhiên và hơi đáng sợ, chẳng làm gì khác cả, chờ đợi xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Khi rụt rè như thế, nó vẫn muốn được hưởng những đặc quyền của trẻ con, và sự thu mình do dự đó của nó ẩn chứa một nét phóng túng gần như quyến rũ. Tôi đã học được một bài học về tình cha – bạn yêu đứa con của bạn, một phần nào, vì bạn có thể nhìn thấu toàn bộ con người đó. Một đứa bé sẽ không có một cuộc sống hư hỏng, và khi so sánh với nó, tất cả những người khác mà bạn biết đều có vẻ giả tạo, hay che đậy và đầy thủ đoạn. Trong một năm rưỡi, tôi đã học được một điều rằng tôi có thể tưởng tượng ra cảnh Rebecca lớn lên, làm tôi tức giận, đau lòng hay thất vọng, nhưng tôi không thể nghĩ đến cảnh nó biến thành một kẻ xa lạ. Kể cả khi nó nặng đến hơn một tạ. Kể cả khi nó thuyết giảng về uy thế của một con côn trùng chúa, hay phạm tội giết người vì mưu cầu cá nhân. Chúng tôi đã được kết nối với nhau, chúng tôi đã tạo nên một mối thâm tình vốn không thể ị phá vỡ khi chúng tôi còn sống.

“Sao không ôm bố một cái thật chặt nhỉ?” Tôi nói. Clare miễn cưỡng trao nó cho tôi. Khi tôi ôm lấy nó, nó nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên thấy rõ. Tôi nói: “Chào tiểu thư Rebecca,” và nó cười khanh khách, như thể tôi vừa nẩy bật ra từ một cái hộp.

Tôi áp nó thật sát vào ngực. Tôi giở mũi vào bờ vai mập mạp của nó và hít hít.

Erich nói: “Thật thú vị. Những gì mà các bạn đang làm ở đây ấy. Ý tôi là, nó rất, rất thú vị.”

“Anh cứ quá lời,” Clare nói. “Vào bên trong đi, tôi sẽ đưa anh đến phòng anh. Ôi, tôi đã luôn muốn nói thế với ai đó.”

Clare dẫn Erich vào nhà, và Bobby xách va li theo sau. Tôi nán lại bên ngoài với Rebecca một lúc. Ánh nắng chiều tháng Mười vàng óng làm nổi lên từng cái cây trên sườn núi. Một con nhện dẹt mập mạp nằm im ở chính giữa tấm mạng nhện hình lục giác hoàn hảo chẳng ra giữa hai cái trụ và thanh lan can ở hàng hiên. Cũng nhanh như khi chúng ta lấy chổi quét mạng nhện, những con nhện què này – vài con có màu sáng, vài con nhàn nhạt như bụi – đã mau chóng tự chẳng lại chỗ dung thân cho chúng. Rebecca mấp máy. Nó bắt đầu khoa tay loạn xạ, báo trước cho những cơn khóc nhè vô cớ. Tôi vuốt tóc nó, chờ những giọt nước mắt lăn xuống. Tôi cũng nghĩ đến việc đem nó đi, đưa nó vào vùng núi cùng tôi.

“Vẫn còn có nhiều việc phải làm,” tôi thì thầm. “Sàn nhà vẫn bị mục khô. Và chúng ta thậm chí còn chưa bắt tay vào sửa lại căn bếp.”

Chúng tôi đưa Erich đến tham quan tiệm ăn, lúc đó đang làm ăn tốt nên Bobby và tôi có thể phó mặc nó trong vài giờ cho Marlys, đầu bếp phụ của chúng tôi, và tình nhân của chị ta, Gert, nhân viên phục vụ mới. Khi chúng tôi mở tiệm ăn, chúng tôi đã dự định mô phỏng nó theo kiểu

mà chúng tôi muốn tìm thấy trên đường từ Arizona quay về - một tiệm ăn nhỏ đặc biệt phục vụ những món ăn thực sự được bàn tay con người chế biến. Hóa ra là, không phải chỉ mình chúng tôi mới mong muốn kiếm được một tiệm ăn đơn giản mà khó tìm như thế. Tiệm ăn của chúng tôi luôn đông nghịt khách, và vào những ngày cuối tuần, thực khách xếp hàng đến nửa dãy nhà. Thật phấn khởi và phần nào đáng ngại khi thấy người ta quá háo hức với những món ăn thông thường đó: bánh mì và khoai tây chiên được làm ngay từ khâu đầu tiên, món xúp và món hầm, hai loại bánh nướng mỗi ngày. Đôi khi tôi cảm thấy chúng tôi đang lừa họ bằng cách giả vờ giản dị - chúng tôi đã có những cuộc sống ám ảnh, phức tạp và giờ đây chúng tôi đang kiếm sống bằng cách xếp những chiếc vỏ bánh có diềm lên trên những quả táo được hái từ một vườn quả cách đó gần mười dặm, và ký hợp đồng mua những loại mứt tự làm với một bà lão địa phương. Tuy nhiên, một nửa số thực khách của chúng tôi mặc những bộ đồ quê mùa được đặt từ những quyển catalogue và những cái áo len thô kệch được đan ở Hong Kong hay Guatemala. Tôi không cho rằng có ai trong số họ bị mắc lừa cả.

“Ôi, thật tuyệt vời,” Erich thốt lên. Tiệm ăn đã đến giờ đóng cửa, nhưng một nửa số bàn ăn vẫn còn những thực khách đang kết thúc nốt bữa ăn của mình. Marlys và Gert chào đón chúng tôi với vẻ thân thiện, hồ hởi nhưng vẫn ẩn chứa một nét bức bối thoáng qua. Tôi thấy mình hơi xấu hổ bởi vẻ xanh xao và gầy gò của Erich - như thể tôi đã tỏ ra ngang bướng, hay bộc lộ vài bí mật khó chịu, ở nơi tôi đã thuyết phục mọi người tin rằng mình là một kẻ ngây thơ.

Marlys dẫn Bobby vào bếp để bảo cậu cần phải đặt thêm thứ gì, và chỉ cho cậu xem chỗ bị rò rỉ trong máy rửa bát đĩa mà chị ta đã tạm thời bịt lại được. Tôi đã hiểu được rằng ngay cả một tiệm ăn nhỏ thành công cũng phải hoạt động trong một tình trạng khủng hoảng liên tục. Máy móc bị hỏng, bị cháy, hay không hoạt động khi nó được cần đến nhất. Sản phẩm làm ra thì bị cháy đen hay chưa chín, những con sâu gạo chui vào trong bột. Khẩu vị của khách hàng tuy theo những khuôn mẫu rõ rệt nhưng không thể đoán trước được, do đó, có những nguyên liệu mà tuần này chúng tôi hết sạch nhưng sang tuần sau lại bị mốc meo trên giá. Lợi nhuận tuy đều đặn nhưng rất ít, và dường như chúng tôi cứ liên tục phải làm thêm bánh nướng, cắt thêm khoai tây, hay mặc cả với người bán rau về một thùng carton rau diếp héo. Đôi khi tôi bước vào phòng ăn và thấy, với sự ngạc nhiên, rằng tất cả mọi người chỉ ngồi ăn mà không quan tâm hay chú ý gì đặc biệt, và nói chuyện phiếm với nhau. Họ tin rằng đây là một nhà hàng bình thường, và thấy chẳng có gì là lạ khi chúng tôi phải đấu tranh chống lại sự hư hỏng của thực phẩm và những kẻ ăn bám, hay sự giáo hoạt nhỏ mọn bất tận của những nhà cung cấp, để có được những món ăn đơn giản trên những cái đĩa gốm màu trắng này. Trong những dịp hiếm hoi, khi một khách hàng phàn nàn rằng trứng của ông ta đã bị làm kỹ quá hay món thịt xông khói chưa chín, tôi đã phải ghìm mình để khỏi thét lên rằng: “Ông không hề nhận ra rằng ông may mắn thế nào khi chúng tôi làm thế này à? Ông không *hiểu* à? Lòng biết ơn của ông ở đâu, vì Chúa?”. Tôi bắt đầu hiểu rõ hơn sự cần thiết của máy kết đông nhanh, tủ ướp lạnh hay lò vi sóng. *Món này có vẻ khá ngon, và điều đó có thể đoán trước được. Nó đã được thái hạt lựu hay được nhào bột, đã được cán hay thái. Nó không thể bị hỏng được. Nó sẽ được bảo quản cho đến khi thực khách quyết định rằng họ muốn gọi món đó lần nữa.* Gần hai năm trước, những người chủ của tất cả các tiệm ăn sáng trưng, hoang vắng ở ven đường có vẻ là kẻ thù của chúng tôi, bởi họ bán những món ăn tệ hại vì lòng tham và sự lười biếng. Giờ đây tôi lại coi họ là những nạn nhân của một loại thất bại có sức cảm dỗ và mang tính thiết thực hơn.

Gert hỏi Erich và tôi xem chúng tôi có muốn dùng thứ gì không. Chị ta nói cà phê vẫn đang được đun nóng, và lần cuối khi chị ta kiểm tra thì vẫn còn hai miếng bánh nướng nhân việt quất. Liệu chị ta có biết Erich bị bệnh không? Phải chăng đó là nguyên nhân thực sự khiến chị ta quan tâm đến anh như thế? Tôi có thể nhận thấy Erich bị Gert thu hút, vì chị ta quả thực quyến rũ, một phụ nữ tươi tắn, với khuôn mặt cứng rắn và mái tóc dài muối tiêu, người đã bỏ một công việc tốt trong ngành xuất bản để đến sống ở đây với Marlys. Chị ta ăn mặc như một bà vợ nông dân, trong những bộ váy hoa và những chiếc áo len đan, nhưng chị ta biết nói tiếng Nga và từng biên tập tác phẩm của một nhà thơ vĩ đại. Sau khi chúng tôi lịch sự từ chối cà phê và bánh nướng, chị ta đã quay lại với các khách hàng khác, tôi phải cố ngăn lại lời lẩm bẩm: “Chúng tôi nghĩ chị ta đang gian lận sổ sách”.

Erich nói với chất giọng mới mẻ, sôi nổi quá mức: “Nơi này trông thật đáng yêu.”

“Nó là một phần của kế hoạch quảng cáo mà,” tôi nói. “Một phần không thể thiếu để chúng tôi thu hút được khách hàng mục tiêu.”

“Tất cả bọn trẻ này là ai thế?” Anh hỏi, nhắc đến những bức ảnh treo trên tường.

“Những người lạ,” tôi nói. “Một đô la năm bức, mua ở một cửa hàng đồ cũ phía bên trên sông Hudson. Một nửa trong số chúng hiện là những kẻ nghiện rượu, những kẻ sùng Jesus hay là bạn tù của nhau trong các nhà lao. Số còn lại thì sống trong những khu nhà lưu động với sáu đứa con.”

Anh gạt đầu ra vẻ đồng tình, như thể đó là những lời kết thúc tốt đẹp cho những đứa trẻ khi lớn lên. Bobby ra khỏi bếp, Marlys theo sau. Đó là một phụ nữ có thân hình lực lưỡng, đầy tàn nhang, mái tóc màu mơ chín.

“Mình nghĩ có lẽ cái máy rửa bát đĩa hỏng rồi”, cậu nói. “Trông nó có vẻ, cậu biết đấy, khá trầm trọng.”

“Tuyệt nhỉ?” Tôi nói. “Phải mất đến hàng tuần họ mới mang một cái máy rửa bát đĩa mới đến đây. Cậu biết họ là như thế nào mà.”

Marlys ném cho tôi một cú đấm dứ. “Này, đồ đực rựa,” chị ta nói.

Tôi giơ tay lên đầu. “Ồi, đừng đánh tôi,” tôi đáp. Đây là cách mà Marlys và tôi thường làm để len lỏi qua mê cung của giới tính và sức mạnh. Chị ta kiếm được kha khá tiền ở tiệm chúng tôi và thường xuyên đấm chúng tôi thùm thụp, véo má chúng tôi thật mạnh hay vỗ mông chúng tôi. Tôi là chủ của chị ta, và tôi giả vờ là mình sợ đau, dù nó không hẳn là không liên quan đến những cảm giác thực sự của tôi. Marlys to lớn, điềm tĩnh và giỏi giang trong nhiều lĩnh vực. Chị ta đã sửa cái máy rửa bát đĩa vào giữa ca sáng. Chị ta là một thủy thủ và vận động viên trượt tuyết thành thạo, và biết tên các loại cây.

“Chà, chúng ta sẽ phải xoay xở với nó cho đến khi nó hỏng hẳn,” Bobby nói. “Cậu với mình có thể phải rửa bát đĩa bằng tay trong một thời gian đấy. Và hy vọng thanh tra y tế không ghé qua.”

“Cuộc đời hào nhoáng của một ông chủ nhà hàng là thế đấy,” tôi nói với Erich, anh gạt đầu tán đồng.

Chúng tôi ăn tối ở nhà và chủ yếu nói chuyện về Rebecca. Clare và tôi coi Erich như một thánh giả trước sự hứng thú của chúng tôi về những chi tiết vụn vặt về việc nuôi nấng một đứa trẻ. Khi chúng tôi chia phần món ngô, thịt rán và salad cà chua, chúng tôi tranh nhau kể về những điều kỳ cục của Rebecca, về sự ngạc nhiên của chúng tôi trước những vấn đề k hác nhau về tinh thần và thể chất khi được làm cha làm mẹ, và về đủ mọi lại quyết định tương đối có hiệu quả để hướng dẫn nó bước vào cuộc sống của tình yêu và sự lao động kiếm tiền. Erich, có lẽ là một người lịch sự bẩm sinh, không biết là đang giả vờ hay đang thực sự cảm thấy vô cùng hứng thú với cuộc trò chuyện của chúng tôi. Tôi không thể nhận ra điều đó.

Sau bữa tối, chúng tôi đưa Rebecca đi ngủ và xem một trong những bộ phim mà Clare đã thuê. (“Chúng ta không,” chị nói, “chỉ trò chuyện suông vào một ngày cuối tuần như thế này. Tôi đang tích trữ những bộ phim, trò chơi, hay bất cứ thứ gì. Tôi sẽ thuê cả đĩa biểu diễn xiếc chó nếu tôi biết có thể kiếm được nó ở đâu quanh đây.”) Sau khi xem phim xong, chúng tôi vươn vai, ngáp ngấn ngáp dài và nói rằng chúng tôi thấy mệt mỏi như thế nào – đó phần nào là sự thật. Phải, chúng tôi đều nhất trí, đã đến giờ đi ngủ rồi. Erich ngồi thu lu trên ghế, tay kẹp giữa hai đầu gối như thể căn phòng đang đóng băng. Anh quá nhỏ bé, và cứ một mực muốn làm một vị khách ý tứ, biết điều – một người sẵn sàng đồng ý với tất cả mọi việc, và nhất quyết cho rằng những ý định của chủ nhà đều giống hệt với mong muốn của anh. Gần như trước khi nhận ra mình đang làm gì, tôi nói: “Erich, anh bị như thế này từ lúc nào vậy?”

Anh nhìn tôi với vẻ pha lẫn ngạc nhiên và thất vọng, thoáng hấp háy mắt. Tôi chợt nghĩ rằng có thể anh coi tôi là nguồn gây bệnh cho anh. Vì thực tế thì có thể là như vậy.

“Tôi không chắc liệu nó có lộ rõ không,” anh nói. Anh nói quá nhỏ đến nỗi tôi khó có thể nghe thấy. Giọng anh khe khẽ như tiếng kêu của lò sưởi. Nhưng anh hấp háy mắt một cách dữ dội, và kẹp chặt đùi vào đôi bàn tay hơn. “Tôi đã cảm thấy *khá hơn*,” anh nói. “Ý tôi là, ừm, tôi nghĩ

rằng trông tôi vẫn ổn.”

“Đã bao lâu rồi?” Clare hỏi. Trước khi tôi nói chị đã đứng dậy, định đi pha trà thảo mộc, nhưng giờ chị vẫn đứng yên một chỗ bên cạnh chiếc sofa. Bobby, vẫn ngồi, quan sát trong im lặng.

Erich ngáp ngừng như thể đang cố nhớ lại. “Ừm, tôi đã thấy mình đổ bệnh được hơn một năm,” anh nói. “Tôi không thể tin được, ý tôi là sẽ thật là lạ khi tưởng tượng ra những triệu chứng này một cách rõ ràng như thế và rồi bắt đầu có chúng. Một thời gian tôi đã nghĩ rằng có thể tôi chỉ đang mắc bệnh tưởng thôi. Nhưng rồi, ừm. Tôi đã được chẩn đoán khoảng năm tháng trước.”

“Thế mà anh không gọi cho tôi?” Tôi nói.

“Làm thế thì có ích gì?” Anh nói. Lúc này giọng anh truyền ra không khí một cách rõ ràng như một sợi dây cáp xuyên qua sương mù. Nó đã mất đi vẻ lịch sự, nhiệt tình, thay vào đó là một vẻ cay đắng mà tôi chưa từng nghe thấy ở anh. “Có gọi thì cũng đâu có thuốc chữa,” anh nói. “Có gọi thì anh cũng có thể làm được gì ngoài việc lo lắng về nó.”

“Tôi đã hẹn hò với anh khi anh bị bệnh,” tôi nói. “Thế mà anh chẳng nhắc gì đến nó.”

Nhưng ngay lúc đó, tôi cũng nhớ ra rằng: chúng tôi không có mối ràng buộc nào để đề cập đến những vấn đề đó. Những gì chúng tôi trao đổi với nhau chủ yếu là tình dục và nỗi cô đơn chung.

Anh nhìn tôi. Mắt anh trông thật khủng khiếp. “Nói thật, tôi thấy rất xấu hổ,” anh nói. “Khi tôi nghĩ về một điều như thế này xảy ra, khi tôi nghĩ và, anh biết đấy, tưởng tượng ra nó, tôi biết tôi sẽ sợ hãi và tức giận. Và, ừm, cảm thấy có lỗi. Tôi không ngạc nhiên lắm về những cảm xúc đó. Nhưng tôi ngạc nhiên khi thấy mình xấu hổ vì nó.”

“Cưng à, không sao đâu,” Clare nói.

Erich gật đầu. “Dĩ nhiên là không sao,” anh nói. “Còn có thể nói gì khác nữa đây?”

“Chẳng có gì,” chị nói. “Xin lỗi.”

“Tôi nghĩ tôi đang cố hướng đến một thứ gì đó như ngôi nhà này,” anh nói. “Chị biết đấy, tôi đang cố gắng mừng tượng ra những gì phải làm với cuộc đời mình. Tôi đã nghĩ tôi sẽ kiếm tiền bằng cách nào đó và ổn định ở một nơi như thế này.”

“Ở đây đêm dài lắm đấy,” Clare nói.

“Nó là thiên đường,” anh nói. “Đừng cố giỡn tôi. Nó quả thực là thiên đường, và chị biết thế mà.”

Chúng tôi vẫn yên vị, đèn vẫn bật và đồng hồ vẫn kêu tích tắc. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là Rebecca. Nếu lúc này tôi muốn được biến mất vào trong đám cỏ cao, thì giờ đây tôi chỉ muốn đi đến phòng nó, đánh thức nó dậy, và vỗ về nó. Tôi nghĩ về đôi bàn chân xinh xắn của nó, và thói quen nắm chặt lấy tóc bằng một tay khi nó mút ngón tay cái ở tay kia. Tôi băn khoăn không hiểu, liệu ở tuổi hai mươi lăm, nó có còn chút dấu vết nào của cái thói quen đó không. Nó khi đã là một thanh nữ, liệu có hay nghịch tóc khi nó thấy lo lắng hay mệt mỏi? Liệu có ai sẽ yêu hình ảnh lộn tóc nâu cứ liên tục được xoắn ra xoắn vào quanh ngón tay vô thức của nó? Hay có người sẽ thấy khó chịu vì điều đó? Liệu mai này có ai nhìn thấy nó khi nó mệt mỏi, với những ngón tay cứ bện rộn nghịch tóc, và nghĩ rằng “mình chịu hết nổi rồi” không?

Tôi nói: “Em sẽ lên kiểm tra con bé.”

“Nó ổn mà,” Clare nói. “Nó đâu có gây ra tiếng động gì.”

“Nhưng kiểm tra thì có hại gì đâu.”

“Jonathan, nó vẫn ổn,” Clare nói. “Thực sự là thế.”

Đêm đó Erich ngủ một mình ở giường tôi. Dù tôi đã tuyên bố rằng mình sẽ ngủ trên tấm đệm dưới nhà, nhưng cuối cùng tôi lại ngủ chung với Bobby và Clare trên giường của họ. Tôi nằm giữa họ, khoanh tay trước ngực.

“Điều mà em thực sự cảm thấy ghê tởm,” tôi nói, “là em đã quá lo lắng cho bản thân mình. Erich bị *bệnh*, và em thấy thương cho anh ấy, nhưng chỉ theo một cách mơ hồ. Như thế cái thói ích kỷ của em là một hành khúc Sousa, và căn bệnh hiện tại của Erich là tiếng sáo kim đang làm nền cho nó.”

“Cũng là tự nhiên thôi mà,” chị nói. “Nhưng nghe này, có lẽ cậu không sao đâu. Cậu vẫn mạnh khỏe trong, xem nào, hơn một năm từ lần cuối cậu và Erich...”

“Nó có thể ủ bệnh trong ít nhất là năm năm,” tôi nói. “Gần đây người ta đang nghĩ nó có thể kéo dài đến mười năm nữa kìa.”

Chị gật đầu. Có gì đó không ổn, chị không phản ứng theo cách mà tôi mong đợi, với tính bạo dạn và sự cộc nhả “kiểu Clare”. Có vẻ chị đã thay đổi.

Bobby nằm im lặng bên cạnh tôi. Cậu hầu như chẳng nói gì suốt từ lúc ăn tối. “Bobby này?” Tôi nói.

“Ơi?”

“Sao thế? Cậu trầm lặng chết đi được.”

“Mình không sao,” cậu nói. “Mình chỉ đang suy nghĩ thôi.”

Clare nhéo vào khuỷu tay tôi. Tôi biết ý chị là gì: hãy để cậu yên cho đến khi cậu có thời gian để lấy lại được phản ứng thích hợp. Bobby đối mặt với những điều ngạc nhiên trên đời bằng một sự thận trọng gần như lơ mơ. Clare và tôi đã ngầm quyết định rằng nếu ngôi nhà bị cháy, một người trong chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm giúp cậu ấy lựa chọn nên nhảy ra khỏi cái cửa sổ nào.

“Em chỉ cảm thấy quá... kỳ lạ,” tôi nói. “Từ giờ trở đi, làm sao mà em có thể yên ổn trải qua một ngày nếu cứ mỗi năm phút không kiểm tra những triệu chứng của mình?”

“Cưng ơ, có lẽ cậu không sao đâu,” Clare nói, nhưng giọng chị chẳng hề có sức thuyết phục. Để bù lại, chị vỗ vỗ lên ngực tôi. Từ khi sinh con bé, Clare bỗng dưng hay có những đụng chạm về cơ thể hơn, dù sự âu yếm của chị vẫn đồng bóng và mơ hồ, như thể chị e rằng cơ thể của những người khác có thể làm tay chị bị bỏng.

“Cậu nghĩ sao, Bobby?” Tôi hỏi.

“Mình nghĩ cậu không sao đâu,” cậu đáp.

“Chà, tốt quá. Mình thấy mừng khi cậu nghĩ thế.”

Clare nói: “Tôi phân vân không hiểu Erich sẽ xoay xử chuyện này ra sao. Tôi có cảm giác anh ta không có nhiều bạn.”

“Anh ấy có bạn chứ,” tôi nói. “Chị nghĩ gì vậy, chị nghĩ anh ấy sống trong một môi trường chân không à? Chị nghĩ anh ấy thuộc loại diễn viên không có cuộc sống riêng sao?”

“Làm sao tôi biết được?” Clare nói.

Tôi nhận ra, qua giọng chị, rằng chị phần nào đổ lỗi cho tôi vì tôi đã không thể yêu Erich. Từ khi sinh con, chị đã bỏ hẳn cơ sở những lời nhạo báng trước đây, và có xu hướng hy vọng những người khác cũng mềm mỏng hơn như chị.

“Xin đừng nổi cáu với em,” tôi nói. “Không phải lúc này. Chị có thể cáu kỉnh gấp đôi với em vào lúc khác.”

“Tôi không cáu kỉnh,” chị nói. Chị có thói quen phủ nhận những hành động của mình ngay cả khi chị đã thực hiện chúng. Vào lúc đó, tôi tin rằng nếu cứ như thế này thì chị có thể gây hại nghiêm trọng cho con bé. Rebecca sẽ bị ảnh hưởng thế nào khi lớn lên với một người mẹ thường hay hét lên rằng: “Tôi có hét đâu?”

“Đúng,” tôi nói. “Chị không cáu. Chị luôn biết chính xác những gì đang thoát ra từ miệng chị, và bất cứ điều gì người khác nghĩ là họ nghe thấy chỉ là một ảo giác mà thôi.”

“Chúng ta không cần phải tranh cãi vào lúc này,” chị nói. “Trừ phi cậu thực sự muốn.”

“Có lẽ em muốn đấy. Chị thấy tức em vì em không yêu Erich, đúng không?”

“Dĩ nhiên là không. Sao tôi lại có thể tức giận bởi một chuyện như thế? Bất kể cậu yêu ai hay không.”

“Ôi, ba người chúng ta vẫn quen với sự nhập nhằng nhiều hơn thế này mà,” tôi nói. “Đúng không? Nói đi. Chị có nghĩ chính em đã làm hỏng cuộc đời em không? Chị có nghĩ việc em yêu chị và Bobby và có một mối quan hệ tình dục nghiêm túc với Erich là bất bình thường không?”

“Cậu đang nói thế đấy chứ,” chị nói.

“Nhưng em muốn nghe xem chị nghĩ gì. Chị nghĩ ở em có điều gì đó không hoàn thiện. Đúng không? Chị nghĩ rằng Bobby và em, mỗi người chỉ có một nửa là đàn ông. Đó là lý do chị ở với cả hai bọn em. Bọn em cùng nhau tạo nên một người trong mắt chị. Đúng không?”

“Thôi đi. Cậu đang bối rối, đây không phải là lúc thích hợp để cố nói chuyện.”

“Đó đâu phải là điều em muốn,” tôi nói. “Nhưng nó đã xảy ra. Em không muốn chị đột nhiên căm ghét em chỉ vì điều này. Clare, vì Chúa, em sợ lắm.”

Chị buột miệng nói: “Tôi không...”, nhưng đã kịp ngăn lại. “Ôi, có lẽ thế,” chị nói. “Tôi cũng sợ.”

“Em không buộc phải yêu Erich chỉ vì anh ta bị bệnh,” tôi nói. “Em không cần phải đột nhiên có trách nhiệm với anh ta.”

“Không,” chị nói. “Không, tôi đâu có cho rằng cậu phải làm thế.”

“Chết tiệt, sao em lại mời anh ta đến chứ?”

“Jonathan, cưng ới,” chị nói. “Việc Erich có mặt ở đây không gây ra điều gì khác biệt cả. Nghe cậu nói như thế cậu nghĩ rằng anh ta mang theo vài mầm bệnh đến đây ấy.”

“Không phải sao? Trước đây em có thể trải qua một ngày mà không nghĩ về nó. Giờ thì em không làm được như thế nữa.”

“Cậu vô lý quá,” chị nói. “Ôi, cậu có lý đến phát điên lên được. Tôi biết cậu đang nói gì. Nhưng đừng đổ lỗi cho anh ta. Đó không phải lỗi của anh ta.”

“Em biết,” tôi khổ sở nói. “Em biết thế.”

Hạn chế của tôi chính là cái lý trí của tôi. Tôi quá điềm tĩnh, quá đúng mực. Nếu tôi là một người khác, tôi có thể đã phá phách khắp nhà, đập vỡ đồ sành sứ và giật xé những bức tranh trên tường. Dĩ nhiên nó sẽ không giải quyết được gì, nhưng nó sẽ giải tỏa được bức xúc – nó sẽ là khoái lạc duy nhất mà tôi có thể tưởng tượng ra khi đó. Cái ý nghĩ về tình dục làm tôi ghê tởm, sự an ủi của những người bạn hoàn toàn khỏe mạnh cũng thế. Mong muốn duy nhất của tôi là chạy loạn lên, gào thét quanh nhà, giật xé những tấm rèm và đập vỡ đồ đạc, phá tan mọi tấm kính.

“Cố ngủ đi,” Clare nói. “Không ích gì khi cứ thao thức lo nghĩ về chuyện đó.”

“Em biết. Em sẽ cố.”

“Ừ. Chúc ngủ ngon.”

“Chúc ngủ ngon.”

Chị đặt tay lên bụng tôi và kéo tôi lại gần mùi hương và sự ấm áp tỏa ra từ cơ thể chị. Bobby thở nhẹ bên tay kia của tôi. Tôi biết tôi nên cảm thấy thoải mái và gần như đã làm được, nhưng cảm giác thanh thản thực sự cứ rung rinh bên ngoài tầm với của tôi. Tôi đang ở một nơi hoang vu với những người mà cuộc đời vẫn sẽ không thay đổi nếu tôi chết đi. Tôi nằm giữa Clare và Bobby, nghe ngóng Rebecca. Nếu nó thức giấc và khóc, tôi sẽ đến phòng nó và vỗ về nó. Tôi sẽ đun nóng chai sữa và bế nó khi nó uống. Tôi nằm ngóng đợi tiếng khóc thút thít đầu tiên, nhưng nó vẫn ngủ ngoan.

BOBBY

Đã quá nửa đêm. Những đám mây cuộn cuộn băng qua trên hành trình dài đến với Đại Tây

Dương từ tâm lục địa. Mặt trăng tròn tỏa sáng rực rỡ qua cửa sổ phòng ngủ của chúng tôi. Khi bước đi trên sàn nhà sáng ánh trăng, tôi dừng lại để ngắm Jonathan và Clare, đang say ngủ trong bóng tối phía cửa sổ mái. Nàng phát ra tiếng ngáy nhẹ nhẹ, như đang khẽ thổi những quả bong bóng. Còn cậu nằm nghiêng đầu xa khỏi nàng, như thể cậu đang mơ một giấc mơ ồn ào và không muốn làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của nàng.

Tôi đi dọc theo hành lang và gõ cửa, nhưng không đợi tiếng đáp lại. Căn phòng đó nằm bên phía không có ánh trăng của ngôi nhà – nó vẫn chìm trong bóng tối dày đặc. Tôi đứng một lúc bên cửa, rồi thì thầm: “Erich?”.

“Vâng?”

“Anh đang ngủ à?”

“Không. Ừm, không. Thực sự thì không.”

“Tôi chỉ, anh biết đấy. Tôi muốn chắc chắn rằng anh cảm thấy thoải mái.”

“Vâng,” anh nói. “Chiếc giường tốt lắm.”

Đầu anh là một chấm đen đang cử động ở mép của tấm chăn sáng màu. Tôi lơ mơ trông thấy anh: mắt anh và cái trán dô của anh. Căn phòng không có mùi bệnh tật.

“Đó là cái giường cũ của Clare,” tôi nói. “Ừm, của Clare và tôi, trong một thời gian. Giờ thì nó là của Jonathan và chúng tôi có, anh biết đấy, một cái khác rồi.”

“Nó quả là một cái giường tốt. Không quá mềm. Tôi luôn nghĩ rằng ở nông thôn người ta thường có những cái giường mềm.”

“Đôi khi có chuột chui vào đâu đấy,” tôi nói. “Chúng tôi cứ nói là sẽ bẫy nó, nhưng chẳng bao giờ làm. Tôi không chắc liệu chúng tôi có thực sự, anh biết đấy, đủ cẩn thận để là người thôn quê không.”

“Có lẽ lũ chuột ở đây cũng sạch sẽ hơn,” anh nói. “Có lẽ chúng giống những con vật thực thụ hơn.”

Một sự im lặng trôi qua. Sau một thoáng, chúng tôi nghe thấy tiếng chuột cào cào bên trong bức tường. Chúng tôi bật cười.

“Ở New York anh có, ờ, người nào chăm sóc anh không?” Tôi hỏi.

“Ừm, có những tình nguyện viên,” anh nói. “Nếu tôi cảm thấy thực sự ốm yếu, tôi có thể gọi điện đến một trong những trung tâm đó.”

“Còn về gia đình anh thì sao?”

“Gia đình tôi đã từ tôi.”

“Họ sẽ không giúp đỡ anh à?” Tôi hỏi.

“Họ thậm chí còn không *nói chuyện* với tôi. Tôi như đã chết rồi. Chị gái tôi có gọi điện, nhưng chị ấy sẽ không muốn cùng ở một phòng với tôi đâu. Chị ấy nghĩ lũ con của chị ấy có thể bị lây bệnh.”

“Anh vẫn có việc làm chứ?” Tôi hỏi.

“Không. Không, họ đã sai thải tôi vài tuần trước, sau khi tôi phải vào viện vì chứng viêm phổi.”

“Còn các bạn anh?”

“Vài người trong số họ đã chết năm ngoái. Họ đã ra đi *như thế*, ba người, ờ, trong sáu tháng. Cậu bạn mà tôi luôn coi là bạn thân nhất thì yếu hơn tôi, cậu ấy đang nằm viện. Cậu ấy chẳng nhận ra ai cả trừ phi hôm đó cậu ấy cực kỳ dễ chịu.”

“Anh có sợ không?” Tôi hỏi.

“Theo anh thì sao?”

“Có. Ừm, tôi cũng sẽ thấy sợ.”

Anh thở dài. “Thế mà có lúc tôi không sợ đâu,” anh nói. “Nó cũng chỉ là một việc đến rồi đi

thôi mà. Nhưng giờ đây mỗi giây mỗi phút đều đã khác. Ngay cả khi tôi không sợ, mọi thứ cũng vẫn khác. Tôi cảm thấy... ôi, tôi không thể giải thích được. Chỉ biết là khác thôi. Tôi thường thấy tách biệt khỏi bản thân mình, anh biết đấy. Như thể tôi không có cơ thể vậy, như thể tôi chỉ, tôi không biết nữa, như thể tôi là con đường mà tôi đang bước đi trên nó. Bây giờ thì tôi không bao giờ tách khỏi bản thân mình.”

“Ừm.”

“Và, anh biết đấy,” anh nói. “Nếu có lúc nào tôi thực sự nghĩ về nó, tôi sẽ hình dung bản thân mình như một người già và không có gì phải hối tiếc cả. Anh biết không? Tôi đã coi mình như một ông lão nổi tiếng đang nằm trên giường với bao người xung quanh, và nói: “Tôi không có gì phải hối tiếc”. Điều đó quả thực hơi ngớ ngẩn, đúng không? Nó quả là rất ngớ ngẩn.”

“Thực sự thì anh thấy hối tiếc điều gì?” Tôi hỏi.

“Ôi, ừm. Thực sự thì chẳng có gì, tôi nghĩ thế. Ý tôi là, tôi đã nghĩ rằng tôi có thể làm nhiều điều cho cuộc đời mình hơn thế này. Tôi đã nghĩ tôi còn nhiều thời gian. Và như tôi đã nói, tôi nghĩ tôi sẽ nổi tiếng và quy ẩn ở một nơi như thế này.”

“Ừm. Chà, đây không phải là nơi mà ai cũng có thể ở được,” tôi nói. “Chỉ có một rạp chiếu phim. Và không có nơi nào để nghe những bản nhạc hay cả.”

Anh cười, một tiếng sồn sột khe khẽ như tiếng cạo khoai tây. Bạn có thể nghe thấy bệnh tật trong tiếng cười của anh. “Thực sự tôi chưa bao giờ làm những điều như thế ở New York,” anh nói. “Tôi chỉ, ừm, tôi nghĩ chắc anh sẽ nói rằng tôi đã đánh cược cuộc đời mình. Tôi đoán chắc anh sẽ gọi nó như thế. Tôi đang nghĩ rằng dù thế nào thì mọi chuyện cũng sẽ có kết quả. Tôi nghĩ tôi chỉ cần làm việc chăm chỉ và có niềm tin.”

Tôi bước về phía giường. Tôi đứng cạnh anh, khi con chuột lại bắt đầu cào cào bên trong bức tường. “Ừm, này, tôi nằm lên giường với anh một lúc nhé?” Tôi nói.

“Gì cơ?”

“Để anh một mình ở đây thì có vẻ không phải lắm,” tôi nói. “Tôi nói. “Tôi cùng nằm trong chăn với anh một lát được không?”

“Tôi chẳng mặc gì đâu,” anh nói.

“Không sao.”

“Anh làm sao thế?” Anh hỏi. “Anh muốn ngủ cùng tôi vì tôi bị bệnh à?”

“Không,” tôi nói.

“Anh có muốn làm thế nếu tôi không bị bệnh không?”

“Tôi không biết.”

“Ôi, Chúa ơi. Anh làm ơn ra khỏi đây đi! Anh ra ngoài đi!”

“Nghe này, tôi xin lỗi. Tôi không định, ờ, xúc phạm anh đâu.”

“Tôi biết. Nhưng làm ơn đi đi.”

“Ừm, thôi được,” tôi nói.

Tôi rời căn phòng và đóng cánh cửa sau lưng lại. Tôi cảm thấy tay chân thật nặng nề. Một cảm giác thất vọng và nỗi xấu hổ ê chề, vô danh cứ mãi đọng lại. Tôi không muốn xâm phạm đến sự riêng tư của anh. Tôi chỉ muốn ôm anh một lúc, muốn ghì đầu anh vào ngực mình. Tôi chỉ muốn ôm lấy anh khi cơ thể anh đang chìm dần vào quá khứ.

JONATHAN

Erich trở lại vào ngày cuối tuần tiếp theo. Tôi không rõ tại sao lời mời lại được đưa ra hay tại sao nó lại được chấp nhận – không ai trong chúng tôi, kể cả Erich, thực sự thấy dễ chịu. Cả ngày Chủ nhật anh cứ sùng sĩa và thu mình. Tuy nhiên, khi chúng tôi tiễn anh ra ga tàu, Bobby hỏi: “Anh có muốn quay lại vào cuối tuần sau không?”, Erich ngập ngừng rồi đồng ý. Anh nói đồng ý

với một giọng dứt khoát, như thể đó là quyền lợi chính đáng của anh vậy.

Khi Bobby và tôi lái xe về nhà, tôi hỏi: “Cậu có thực sự muốn Erich quay lại sớm như thế không?”

“Jon à,” cậu nói, “anh chàng đó cần chút thời gian ở nơi thôn dã. Thực sự thì, cậu có *nhìn* vào anh ta không đấy?”

Trong một thoáng, có vẻ như Bobby chưa hiểu bản chất căn bệnh của Erich; có vẻ cậu tin rằng Erich chỉ đang căng thẳng và quá mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian thật dài. “Anh ấy cần nhiều hơn thế, Bobby ạ,” tôi nói.

“Ừm, một chút thời gian ở thôn quê là tất cả những gì chúng ta có thể trao cho anh ấy. Hiện giờ anh ấy, ờ, là một thành viên trong gia đình. Dù chúng ta có thích hay không.”

“Gia đình,” tôi nói. “Cậu biết đấy, cậu sắp làm mình phát điên lên với cái thứ vớ vẩn đó rồi.”

Cậu nhún vai và cười buồn bã, như thể tôi đang dần dỗi về một hoàn cảnh rõ ràng nằm ngoài tầm kiểm soát của mọi người. Giờ thì Erich đã được gắn liền với chúng tôi, dù rất mong manh, và theo như Bobby, chúng tôi buộc phải cung cấp cho anh ta mọi thứ mà chúng tôi có.

Erich quay lại vào thứ Sáu tuần sau trên chuyến tàu lúc năm giờ. Lúc đó, anh đã lấy lại được sự nhiệt tình nhả nhai, hơi thái quá, dù bây giờ nó đã có phần giảm bớt. Bobby đảm nhận nhiệm vụ chính là để ý đến sự thoải mái của Erich, và đến cuối chuyến viếng thăm thứ hai của anh, hai người họ đã khá quấn quýt. Bobby lúc nào cũng tỏ ra triu mến, còn Erich đón nhận những sự giúp đỡ của cậu với vẻ tham lam pha chút ngưng ngấu, như một hồn ma phần nộ trở về đòi nợ những người đang sống.

Một chiều Chủ nhật muộn, tôi đang ở trong bếp với Clare và Rebecca. Clare đang thái một quả bơ. Rebecca ngồi trên mặt quầy bếp, nghịch một bộ khuôn bánh quy hình động vật bằng nhựa, và tôi đứng bên cạnh, để giữ cho nó khỏi ngã. Bên ngoài cửa sổ, chúng tôi có thể thấy Bobby và Erich đang ngồi trên bãi cỏ mọc lộn xộn, nói chuyện về nghiêm chỉnh. Bobby đang mở rộng hai bàn tay, ngụ ý đến sự tầm cỡ, và Erich gật đầu về không tin lắm.

“Vậy là, Bobby có một tình yêu mới,” tôi nói.

“Đừng xấu tính như thế, cưng,” Clare nói. “Điều đó đâu có giống với cậu.” Chị xếp những lát bơ lên một cái đĩa, bắt đầu bóc vỏ một củ hành tím.

“Em không nghĩ rằng đột nhiên chúng ta lại phải làm từ thiện đối với Erich,” tôi nói. “Anh ấy trên thực tế vẫn là một người lạ.”

“Ở đây chúng ta có đủ chỗ cho một người lạ, cậu không nghĩ thế sao? Có vẻ như chúng ta không thiếu thốn thứ gì cả.”

“Thế bây giờ chị là mẹ Teresa đấy à?” Tôi nói. “Có vẻ hơi đột ngột đấy.”

Chị nhìn tôi với vẻ điềm tĩnh bình thản có sức buộc tội thuyết phục hơn bất cứ lời chỉ trích nào. Điều gì đó đã xảy ra với Clare. Tôi không hiểu nổi chị nữa – chị đã từ bỏ tính hay nhạo báng của mình và tiếp nhận một đức tính mềm mỏng, mơ hồ. Chúng tôi vẫn là bạn và sống chung một nhà nhưng chúng tôi không còn thân thiết nữa.

“Em biết,” tôi nói. “Em là đồ bỏ đi.”

Chị vỗ nhẹ lên vai tôi. “Xin đừng vỗ em,” tôi nói. “Chị đâu có quen vỗ em như thế này.”

Rebecca thì thò lò mũi xanh, ngắm nghía cái khuôn bánh quy hình con chuột rồi òa khóc. Sự xích mích của da nó như một sợi dây thừng nhỏ bền chắc, nó khóc mỗi khi quanh nó có ai lên giọng bức tức.

“Thôi nào, bé yêu,” tôi nói. “Không sao đâu, đừng để ý đến bố và mẹ.”

Tôi định bế nó nhưng nó không chịu để tôi ôm. Nó cứ đòi Clare bế, và chị mang nó vào phòng khách trong khi tôi thái nốt hành.

Cuối cùng, Erich đến ở hẳn với chúng tôi. Anh không còn nơi nào khác để đi ngoại trừ căn hộ trống trải, thiếu tiện nghi trong khu Hai mươi Đông. Anh sẽ chịu đựng căn bệnh trong sự bầu

bạn của những người tình nguyện cho đến khi anh phải chuyển đến bất cứ giường bệnh nào còn trống dành cho những người không giàu có và không có bảo hiểm. Bobby cứ đòi anh phải đến thăm chúng tôi thường xuyên, và sau khi đi đi lại lại quá nhiều lần, anh đã chuyển đến ở luôn với chúng tôi. Tôi nhường cho anh phòng ngủ của tôi, nói rằng tôi bỗng thấy mình thích ngủ ở dưới nhà. Chấp nhận Erich không phải là một quá trình đơn giản. Tôi bức tức với anh vì anh bị bệnh, đồng thời cảm thấy mình buộc phải đối xử với anh theo kiểu mà tôi mong muốn nếu bản thân tôi cũng đổ bệnh. Tôi tập tữ ra dịu dàng với anh vì tôi hy vọng những người khác cũng đối xử với tôi như thế nếu sinh lực của tôi bị mất dần và cơ thể tôi bắt đầu thay đổi. Đôi khi tôi bắt kịp cảm giác đó và trải qua nó, một thoáng quan tâm thực sự. Đôi khi tôi chỉ giả vờ có nó. Sau một hồi từ chối, Erich cũng đồng ý tiếp nhận giường của tôi, và khi làm thế, anh gần như đã chính thức rời bỏ một phần khỏi cái thế giới vẫn đang tiếp diễn này. Khoảnh khắc này có thể đến với tất cả chúng ta, vào một lúc nào đó trong hành trình cuối cùng từ sự khỏe mạnh tới bệnh tật. Chúng ta từ bỏ bốn phần cũ của mình là nghĩ đến nhu cầu của những người khác, và phó mặc bản thân cho họ chăm sóc. Thân phận của chúng ta cũng thay đổi. Chúng ta trở thành những công dân của một vương quốc mới, và dù chúng ta vẫn giữ được những gì tốt đẹp và xấu xa nhất của bản thân chúng ta trước đây, nhưng chúng ta không còn đích thân điều khiển được định mệnh của chúng ta nữa. Erich cần phòng tôi để chuẩn bị cho cái chết của anh. Anh là một người khép kín và sẽ không thể chịu được nếu trước mặt cứ có người đi đi lại lại. Vì thế, với nụ cười lịch thiệp và hơi phiền muộn, anh đồng ý để tôi nhường giường tôi cho anh. Tôi bước sang tuổi ba mươi hai ngay sau hôm anh đến ở hẳn với chúng tôi.

Chúng tôi dẫn anh đi dạo trong rừng, nấu những bữa ăn dễ tiêu cho anh. Anh giống như một người già trong nhà, lúc thì nhả nhặn lúc thì nóng nảy. Như thế chúng tôi đang sống cùng một người ông vậy.

Đông qua, xuân tới. Tiệm ăn trở nên phát đạt. Rebecca mọc răng mới và phát hiện ra một cơ hội tốt để nói không với bất cứ thứ gì người khác bảo nó. Erich tàn tạ đến không ngờ. Sinh lực của anh cứ lúc có lúc không, đôi khi biến đổi từ giờ này sang giờ khác. Anh có vấn đề về tiêu hóa, bị sốt, và thị lực suy giảm. Trí óc anh đôi khi lơ đãng – anh có thể trở nên đáng trí và hay quên. Hằng tuần anh vẫn đến bệnh viện ở Albany. Trong những ngày khỏe khoắn nhất, anh có thể xách giỏ đi bộ vào rừng để hái nấm. Còn trong những ngày tệ nhất, anh nằm cuộn tròn trên giường, không rõ là thức hay ngủ.

Tôi sống hơi tách biệt với mọi người. Tôi không muốn Erich đến sống cùng chúng tôi, nhưng không thể chủ động mong rằng anh sẽ ra đi – tôi quá lo lắng về tình trạng của mình khi ngôi nhà không còn đứng vững. Tôi đã học được cách tìm thấy sự thoải mái bình thản khi đối tốt với Erich. Nó đem đến vài tia hy vọng mơ hồ của việc xoa dịu định mệnh.

Một tối, khi từ tiệm ăn về nhà, tôi thấy anh đang ngồi trên hiên, quần mình trong một cái chăn. Mặt trời đã xuống núi. Những cái bóng màu tím đang lan rộng dù bầu trời vẫn còn sáng – trong ngôi nhà này chúng tôi luôn phải trải qua những buổi hoàng hôn sớm. Erich ngồi trên cái ghế liễu gai thời xưa với cái chăn màu xanh cũ kỹ của tôi kéo lên tận cổ, trông như một thiếu niên bị bệnh lao. Khi người anh bắt đầu hốc hác, trông anh lại càng trẻ ra. Xương sườn anh nhô ra, đôi tai và tứ chi có vẻ trở nên quá to so với cơ thể.

“Chào,” tôi nói. “Anh thế nào?”

“Ổn cả,” anh đáp. “Không quá tệ.”

Đây là cái tính hình thức phổ biến giữa chúng tôi, như hồi chúng tôi vẫn còn ngủ với nhau. Chúng tôi luôn lịch sự và giữ kẽ. Như thế chúng tôi vừa mới gặp nhau.

“Bobby sẽ về muộn,” tôi nói. “Marlys cần đi giải quyết vài công chuyện của phụ nữ, vì thế Bobby đang phải làm bánh nướng cho ngày mai. Clares và Rebecca có ở nhà không?”

“Họ đang ở trong nhà,” anh nói.

“Tôi sẽ đi kiếm Rebecca. Có lẽ tôi sẽ mang con bé ra đây một lúc, được không?”

“Được. Jonathan này?”

“Ừm.”

“Điều này sẽ thật, anh biết đấy, khó nói. Nhưng tôi cứ suy nghĩ mãi. Anh có bao giờ, ừm, băn khoăn về chuyện của chúng ta không? Ý tôi là, về anh và tôi.”

“Tôi có nghĩ về chúng ta,” tôi nói. “Chắc chắn rồi.”

“Ý tôi không chỉ là *nghĩ* thôi đâu. Tôi không có ý như thế. Ý tôi là, ừm, anh có bao giờ thắc mắc là tại sao chúng ta cứ luôn phải kìm nén không? Đường như chúng ta có thể làm cho nhau hạnh phúc hơn những gì mà chúng ta đã làm.”

Ngay cả trong tình trạng tồi tệ nhất, cuộc nói chuyện thẳng thắn như thế này cũng là khó đối với anh. Ngón tay mân mê mép cằm, và bàn chân gõ nhịp khô khốc vào chân cái ghế liễu gai.

“Ừm, giữa chúng ta có một kiểu quan hệ nào đó,” tôi nói. “Nó gần như thứ mà chúng ta đều muốn, đúng không?”

“Có lẽ thế. Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng gần đây tôi cứ băn khoăn, anh biết đấy. Tôi cứ băn khoăn rằng lúc đó chúng ta cứ chờ đợi cái gì?”

“Tôi cho rằng chúng ta đã chờ đợi cuộc đời thực của chúng ta bắt đầu. Tôi nghĩ có lẽ chúng ta đã phạm một sai lầm.”

Anh hít thở vẻ khó nhọc. Ở chính giữa tấm mạng nhện giăng ra giữa những cái trụ ở bậc thềm, một con nhện màu vàng xinh đẹp bất động đang treo mình.

“Đúng là chúng ta đã phạm sai lầm,” anh nói. “Ý tôi là, tôi nghĩ có lẽ thế. Tôi nghĩ là tôi đã yêu anh, và tôi không thể thừa nhận điều đó. Tôi đã... tôi không biết nữa... quá e ngại đến mức không dám thừa nhận nó. Và giờ đây có vẻ như đó là một sự uổng phí.”

Tôi đứng trên cái bóng màu tía của mình, nơi những tấm ván mục nát vì dãi dầu mưa nắng. Tôi nhìn anh. Lúc đó, anh có một vẻ cực kỳ chững chạc, đạo mạo, một diện mạo, không già cũng không trẻ, không phải đàn ông cũng không phải đàn bà. Có thể anh bị che phủ bên dưới những lớp chăn dày, và mắt anh long lanh trên một khuôn mặt vô sắc. Anh giống như con nhân sư đang đặt ra một câu đố.

Tôi tin rằng mình biết câu trả lời. Erich và tôi chưa bao giờ yêu nhau, chúng tôi không định trở thành tình nhân của nhau. Chúng tôi không bỏ lỡ cơ hội yêu đương nào cả. Thay vào đó, chúng tôi chỉ cùng nhau trốn tránh, bằng thứ tình dục hòa hợp và mối quan hệ không chút đòi hỏi của chúng tôi. Chúng tôi chỉ nương tựa lẫn nhau trong khi chờ đợi. Chúng tôi giống như những người đầy tớ, hai người đàn ông hói đầu trong trắng đã cố gắng hiến cuộc đời cho những lý tưởng mơ hồ của việc tuân theo những mệnh lệnh.

Nhưng tôi lại nói: “Tôi nghĩ có lẽ tôi cũng đã yêu anh.”

Tôi không muốn anh phải chết một cách lạnh lẽo. Nếu anh phải chết trong tình cảnh đó, thì có lẽ tôi cũng sẽ bị như thế.

“Anh nói dối,” anh nói.

“Không hề.”

Tôi nghĩ về bố tôi ở sa mạc, chẳng nhận được gì từ tôi ngoài những lời trấn an sáo rỗng. Ông đã mất trên đường từ chỗ cái hòm thư quay về, với một nắm catalogue và tờ bướm. Tôi đã viết một lá thư cho ông, trong túi tôi.

“Đúng là thế đấy,” Erich nói.

Tôi ngập ngừng. Rồi tôi bảo anh: “Không đâu, thật đấy. Tôi nghĩ có lẽ lúc đó tôi đã yêu anh.”

Anh gật đầu, trong một cơn giận dữ ngấm ngầm. Anh không hài lòng. Một con bướm đêm xuất hiện sớm, trắng đến nỗi gần như trong suốt, trông giống sự lay động trong không khí hơn là một cơ thể sống, bay qua.

“Lẽ ra chúng ta có thể làm tốt hơn thế này, anh và tôi,” anh nói. “Chuyện gì đã xảy ra với chúng ta vậy.”

“Tôi không biết,” tôi nói.

Chúng tôi không cử động hay nói gì trong ít nhất là một phút. Chúng tôi nhìn nhau chăm chăm trong sự hoài nghi tốt độ. “Chúng ta là những kẻ nhút nhát,” cuối cùng tôi nói. “Đây không phải là một sai lầm sâu sắc do chúng ta gây ra. Đó chỉ là một sai lầm nhỏ ngớ ngẩn không kiểm soát được. Người ta gọi chúng là gì nhỉ? Tội lơ đãng.”

“Tôi nghĩ có lẽ đó là điều làm tôi băn khoăn nhất.”

“Tôi cũng thế,” tôi nói. “Và rồi, vì chẳng còn gì nữa để nói, tôi đi vào trong nhà để tìm Rebecca.”

CLARE

Erich đã mang đến điều gì đó mới mẻ cho ngôi nhà. Hay có lẽ anh đã gọi lên một điều xưa cũ. Một điều đã ở đó bao lâu nay mà không ai hay biết. Anh bước đi trên hành lang, khẽ phát ra những hơi thở suy nhược trong không khí bụi bặm. Những biểu hiện rõ rệt về bệnh tật và cái chết có vẻ vẫn còn xa xôi chừng nào bạn còn chưa ngửi thấy mùi thuốc thang. Chừng nào bạn chưa thấy da dẻ chuyển sang màu đất sét.

Việc trở thành một người mẹ khiến tôi không thể làm được một số điều nữa, những điều mà trong cuộc sống trước khi tôi gần như có thể tự động làm mà không cần suy nghĩ. Tôi không thể từ chối những gì Erich cần nhưng đồng thời tôi cũng không thể ôm anh. Tôi nhận thấy rằng, phần nào nằm ngoài ý muốn của tôi, tôi đã trở thành người có thể, một cách khác thường, che chở cho người khác. Tôi cho rằng đó là do sự đa cảm, dù bản thân tôi chẳng hề ủy mị chút nào. Tôi chỉ cảm thấy khó chịu, lạnh nhạt và lạnh lùng. Lần đầu tiên, tôi không chỉ nghĩ về bản thân mình. Một vùng trong não tôi, mà tôi đã coi đó là tôi, có vẻ đã bị hấp thụ hết sạch. Thế chỗ cho nó là một thứ rắn chắc chỉ làm theo những gì cần thiết. Tôi nấu nướng cho Erich ăn trong khi đám đàn ông đi làm, để ý đến việc uống thuốc của anh, giúp anh đi vệ sinh trong những ngày anh cần được giúp đỡ. Tôi nói năng thân thiện với anh. Không gì có thể ngăn tôi làm những việc đó. Nhưng tôi không *quan tâm* đến anh. Trong chừng mực nào đó, mối quan hệ của chúng tôi giống như là một công việc nghiêm túc. Tôi chỉ quan tâm thực sự đến Rebecca, người vẫn đang sống và đang lớn lên. Còn Erich phần nào đã ra khỏi thế giới này. Tôi coi sự thoải mái và an toàn của anh là điều quan trọng thiết yếu, nhưng sự tồn tại của anh thì không. Giờ đây tôi đã hiểu rõ hơn vì sao trong những câu chuyện, các bà mẹ lại luôn xuất hiện với những hình ảnh của những vị thánh hoặc những quái vật. Chúng tôi không phải là con người theo nghĩa thông thường, ít nhất là khi con chúng tôi còn rất nhỏ. Chúng tôi trở thành những quái vật thật trọng, cứng rắn, và nếu đôi khi chúng tôi mất đi những phẩm chất tốt đẹp hơn của tâm hồn trong khi chăm sóc cơ thể mong manh ấy, chúng tôi không thể làm gì hơn được.

Hầu như suốt ngày tôi ở nhà một mình với Rebecca và Erich. Vì đám đàn ông đã thuê được Marlys và Gert nên giờ họ có thể về nhà thường xuyên hơn. Tuy vậy, phần lớn thời gian của tôi vẫn được dành cho một đứa bé hai tuổi và một người đàn ông đang chết dần chết mòn.

Tôi thuê những bộ phim và rót nước quả ép. Tôi bắt đầu dạy Rebecca đi vệ sinh, và thi thoảng thay ga trải giường bẩn cho Erich. Có những ngày tâm trạng anh khá tốt nhưng cũng có những ngày tệ hơn. Trong những ngày khó chịu đó, anh có thể cáu kỉnh với tôi. Anh có thể đột nhiên nói: “Tôi ghét nước táo ép, tôi phát ốm lên vì nó, ở chợ không có loại nào khác à?” Anh có thể phàn nàn về những bộ phim tôi thuê về. “*Bà Miniver*? Chúa ơi, họ chỉ còn có thể loại này thôi à?”

Nhưng anh chưa bao giờ mất kiên nhẫn với Rebecca. Đôi khi, trong những ngày anh phải nằm trên giường, hai người họ xem video cùng nhau. Tôi thuê về phim *Dumbo*, *Nàng Bạch Tuyết*, và bất cứ thứ gì liên quan đến những con rối. Erich cũng thích những bộ phim này. Anh không hoàn toàn thu hút Rebecca như Jonathan, nhưng anh giữ được hứng thú của nó. Anh có sức tập trung phi thường, và tôi ngờ rằng con bé cảm thấy yên tâm khi ở bên anh. Anh có thể sắm vai một người đàn ông tốt bụng với trẻ con một cách quá hoàn hảo. Anh để nó chỉ huy mình. Anh thực hiện, theo yêu cầu của nó, một điệu nhảy cứng nhắc với con khỉ nhồi bông mà

không hiểu sao nó lại đặt tên là Shippo, trong khi nó lộn ngược một con búp bê tên là Baby Lou và vung vẩy hai cái chân bằng nhựa cứng ngắc của con búp bê trong không khí. Anh đồng ý tham gia vào tất cả những trò mà nó nghĩ ra, nhiều trong số đó đòi hỏi phải chuyển đi chuyển lại một con khủng long cao su trong khi liệt kê ra một danh sách dài những yêu cầu thay đổi liên tục. Anh có thể giả giọng của Chú ếch Kermit, điều đó có vẻ khiến nó thấy rất buồn cười và hơi bối rối.

Thỉnh thoảng khi tôi mang cho họ chút đồ ăn nhẹ, tôi thấy họ đang ngồi cùng nhau trên giường của Erich, xem ti vi, đồ chơi quăng khắp nơi. Đôi khi tôi phải nín thở trước cảnh con gia súc tí hon của nó đi trên cái đầu gối gầy gò xương của Erich, hay Erich lơ đãng vuốt tóc nó khi họ cùng xem hoạt hình. Dù hôm đó trong người anh cảm thấy thế nào, anh vẫn luôn ân cần với con gái tôi. Sức tập trung của anh quả thật ghê gớm. Dường như anh đã tự đặt ra cho mình một quy tắc: không bao giờ biểu lộ bất cứ hành vi khó chịu hay thô lỗ nào với con bé này, và chỉ được phép tỏ ra thân thiện và dễ bảo khi có mặt nó. Anh khác với Jonathan. Anh không yêu nó. Anh chỉ quý mến nó. Đối tốt với nó là một trong những nguyên tắc quý củ của anh, dựa vào đó anh có thể sống cho qua ngày. Anh coi đó là công việc của mình.

Ban đầu, tôi cảm thấy một sự bất ổn mơ hồ xốn xang trong bụng tôi, nửa như buồn nôn, nửa như đau đớn. Có lúc tôi cho rằng mình đang mọc một cái ung nhọt hay tệ hơn, dù bác sĩ đã bảo tôi rằng đó chỉ là sự lo lắng. Cuối cùng, sau vài tháng, tôi đã nhận ra nó là cái gì. Tôi đang tiến tới một quyết định. Hay đúng hơn là một quyết định đang đến với tôi. Nó đang lớn dần lên trong tôi, gần như nằm ngoài ý thức tỉnh táo của tôi.

Nó đã lên đến đỉnh điểm vào một chiều tháng Năm, khi tôi đang chợp mắt với Rebecca. Con bé đã trở nên bướng bỉnh với những giấc ngủ ngắn và chỉ chịu nằm xuống vào buổi chiều nếu tôi đưa nó lên giường của Bobby và tôi, đọc cho nó nghe một trong những quyển sách của nó. Lúc đó, nó đã gần hai tuổi rưỡi. Nó đã bắt đầu bị ám ảnh với vài quyển sách, trong đó có một quyển kể về một con thỏ thường nói chúc ngủ ngon với tất cả đồ vật trong phòng ngủ của nó, và một quyển khác kể về một con lợn tìm được một khúc xương thần kỳ. Chúng tôi thường đọc cả hai quyển sách đó hai lần, và thiếp đi cùng nhau. Sau hai mươi phút, tôi tỉnh giấc vì giọng nói của Rebecca. Nó nằm cạnh tôi, tự kể chuyện cho mình nghe. Đây cũng là một thói quen mới của nó. Nó có thể tự nói chuyện với mình hàng giờ liền. Tôi nằm yên lặng, lắng nghe.

“Mình đi đến cửa hàng,” nó nói. “Mình có một khúc xương biết nói. Cô bé đó chưa bao giờ thấy nó. Cô bé nhạc khúc xương lên và đến nhà của Bunny. Bunny có nhà, và Jonathan cũng ở đó. Và họ nói: “Ôi, ôi, ôi, đúng là một con mèo nhỏ tốt bụng.” Và Jonathan cầm lấy khúc xương. Jonathan nói: “Giờ mình sẽ làm món gì đó thật ngon với khúc xương này.” Và Jonathan làm... cháo yến mạch. Nó rất, rất ngon. Và Bunny nói, ừm, và rồi Mẹ và Bobby và Erich nói. Và mình đưa Erich ít salad, vì chú ấy bị bệnh. Và Jonathan cũng có một ít. Và rồi đến đêm, và Bunny phải đi ngủ. Và rồi sang ngày tiếp theo, và mèo con đi đến thị trấn. “Ôi, ôi, ôi,” mèo con nói. Hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên của nó.”

Khi nằm nghe nó nói, tôi bỗng thấy hoảng hốt. Tôi có thể cảm thấy mặt mình nóng bừng lên. Ban đầu tôi không hiểu nổi tại sao tôi lại bất an bởi những gì mà mình nghe thấy đến thế. Đó chỉ là chuỗi ý thức thông thường của Rebecca, kiểu bi bô mà tôi vẫn thường nghe nó nói từ hơn một tháng qua. Nhưng dần dần, trong khi nằm trên giường với nó, tôi đã hiểu ra. Nó đang hình thành nhận thức riêng của nó. Nó không còn chỉ mơ hồ biết đến bản thân mà đã bắt đầu hiểu được cuộc đời riêng của những người khác. Nó sẽ sớm từ bỏ thế giới tuổi thơ tách biệt của mình. Nó sẽ nhớ được mọi chuyện. Nó là một cái máy ảnh đang sẵn sàng chụp hình. *Tách*, một ngôi nhà màu nâu với cánh cửa màu xanh. *Tách*, những món đồ chơi ưa thích của nó. *Tách*, Jonathan đến đánh thức nó vào mỗi sáng. Nó sẽ mang những hình ảnh đó theo bên mình suốt quãng đời còn lại.

Nếu nó có được nhận thức đầy đủ khi Erich đã chết và Jonathan bắt đầu bị bệnh thì sao? Nó sẽ bị ảnh hưởng thế nào nếu những ký ức sớm nhất của nó chỉ xoay quanh sự héo mòn và cuối cùng là biến mất của những người mà nó yêu quý nhất?

Một buổi sáng sau đó vài tuần, tôi đang ở trên giường với Rebecca, Bobby và Jonathan. Đó là một buổi sáng bình thường. Rebecca đã thức dậy trong trạng thái vui vẻ, và đang tự kể cho mình một câu chuyện tĩ mĩ về Bunny và một con voi biết bay. Một lát nữa, Bobby sẽ lần xuống gác để pha cà phê. Erich vẫn đang ngủ ở phòng Jonathan còn Jonathan ngồi cạnh tôi với cái chân kéo lên tận ngực.

Bobby nói: “Bao giờ đi làm về anh phải thay thế vài tấm ván lợp mới được. Em có thấy bao nhiêu cái đã bị thổi bay đi rồi không? Mái nhà đã sắp, ờ, tiêu tùng rồi.”

“Chúng ta nên lợp hẳn một cái mái mới,” tôi nói. “Hãy gọi thợ sửa mái ấy.”

“Khi nơi này ít nhiều được hoàn thiện,” Jonathan nói, “em muốn mời mẹ em đến đây lần nữa. Em nghĩ bà sẽ dễ dàng tin tưởng vào cuộc đời em hơn nếu bà trông thấy nó nhiều hơn nữa.”

“Bố mẹ, bố mẹ,” tôi nói. “Cậu biết đấy, tôi vẫn đang suy nghĩ. Tôi thực sự nên đưa con bé Rebecca đến Washington trong vài ngày, để gặp mẹ tôi.”

Bobby nhồm dậy để đi pha cà phê, nửa giây trước khi tôi biết anh sẽ làm thế. “Sao em không, em biết đấy, mời bà đến đây?” Anh nói.

“Vì bà đã sáu mươi lăm và không phóng khoáng chút nào. Tin em đi, anh sẽ không muốn bà Amelia đó đến đây để kêu ca về lối sống của chúng ta đâu. Đó là điều mà bà nghĩ chúng ta có ở đây đấy. Không phải một cuộc sống. Mà là một lối sống.”

“Chị không nghĩ là bà nên làm quen với chuyện này à?” Jonathan hỏi.

“Cưng ời, mẹ tôi vẫn còn chưa quen với việc tôi có ngực kia. Hình ảnh khỏa thân của tôi vẫn còn khiến bà thấy không được thoải mái cơ mà. Tin tôi đi. Tốt hơn là tôi nên đưa Rebecca xuống đó vài ngày.”

“Ừm, em biết đấy, nếu em cần làm thế,” Bobby nói và đi làm công việc vặt buổi sáng của anh.

“Chỉ một vài ngày,” Jonathan nói. “Đúng không? Như là hai hay bà ngày à?”

Tôi gật đầu và vuốt tóc Rebecca. Tôi tự hỏi liệu nó có cảm thấy sự căng thẳng qua bàn tay tôi và bật khóc không. Nhưng nó vẫn bi bô, không bị ảnh hưởng gì cả. Những âm mưu âm thầm trong đầu chúng ta không tạo ra nhiều vết tích trên đời này.

Tôi chỉ biết một nửa về những gì tôi định làm. Cho đến khi tôi nhận ra rằng bản thân mình đang làm nó thì nó mới trở thành một kế hoạch, và rồi có vẻ như tôi đang theo một quy trình mà tôi biết rõ hàng tháng hay thậm chí hàng năm trời. Tôi gói ghém đồ của Rebecca: quần áo và vài món đồ chơi cần thiết, cái xe đẩy và cái ghế ăn cho trẻ con của nó. Khi Jonathan giúp tôi chất các thứ lên xe, cậu nói: “Cưng à, chị chỉ đi vài ngày thôi mà. Có phải đến tận thế kỷ sau đâu.”

“Tôi muốn chuẩn bị thật đầy đủ,” tôi nói. “Tôi cần phải tránh đi mua sắm với mẹ tôi bằng bất cứ giá nào. Nếu tôi hết tã lót, bà sẽ dẫn tôi đến cửa hàng Saks cho mà xem.”

“Em thấy tẻ lắm,” Jonathan nói. Cậu đang mặc cái áo khoác vải bông chéo với khuôn mặt lịch thiệp trắng trẻo của Albert Einstein dính trên ve áo. Một vài bông tulip màu đỏ tía đã nhú lên trên bãi cỏ. Một con sáo Bắc Mỹ ghê gớm có tổ ở gần đó cứ nổi xng lên với chúng tôi từ những cành thấp nhất của cây sồi. Tôi nhắc cái xe đẩy lên, cho vào cốp xe, và Jonathan xếp cái túi tã lót quanh nó.

“Tôi lỗi,” tôi nói. “Dù đôi khi cảm giác tôi lỗi đó có giảm bớt đôi chút. Tốt hơn là nên tránh nó. Không nên tạo cơ hội để bà mua cho tôi một bộ váy năm trăm đôla khiến tôi trông như vợ của một nhà du hành vũ trụ. Tốt nhất là nên dự trữ sẵn đồ dùng cần thiết và ở nhà với bà.”

Tôi băn khoăn không hiểu mình có đang giải thích quá nhiều không. Tôi không muốn mình giống như một tên tội phạm với những bằng chứng hoàn hảo đến đáng ngờ. Những hành động của bà đã được phức tạp hóa lên.

“Chị nói sao cũng được,” cậu đáp. Giọng cậu không có vẻ gì là nghi ngờ.

Cậu đóng nắp cốp xe lại. “Em sẽ nhớ chị đấy,” cậu nói.

Lát nữa, Bobby sẽ bế Rebecca từ trong nhà ra. Tôi giờ tay túm lấy tay áo Jonathan.

“Nghe này,” tôi nói. “Tôi xin lỗi.”

“Gì cơ?”

“Ồ, cậu biết đấy. Tôi xin lỗi vì đã quá hèn nhát trước mẹ tôi. Lần sau tôi sẽ đưa bà đến đây. Cậu đừng đấy. Bà sẽ phải quen với chuyện này.”

“Ôi, các bậc cha mẹ hà khắc lắm. Tin em đi, em biết thế mà,” cậu nói.

“Tôi thực sự xin lỗi,” tôi nói. Tôi có thể nghe thấy giọng mình nghẹn ngào như sắp khóc.

“Cung ời, chị sao thế?”

Lúc đó, tôi chắc mẩm rằng cậu đã biết. Tôi lắc đầu. “Không sao,” tôi nói.

Cậu nhẹ nhàng ôm lấy tôi để trấn an. “Chị Clare ngốc nghếch,” cậu nói. “Bà già lắm cẩm.” Thực ra thì, cậu vẫn không hề biết gì. Cậu vẫn chưa tỏ vẻ là bị mất đi một thứ gì đó. Cậu tin rằng cuộc đời cậu sẽ ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Có lẽ đó là sai lầm cơ bản trong nhận thức của cậu. Có lẽ đó chính là điều ngăn không cho cậu yêu ai.

“Ôi, thôi ngay cái từ “bà già lắm cẩm” vớ vẩn đó đi, nghe không? Tôi là một người lớn. Tôi không phải bạn cùng chơi với cậu.”

“Ôi, xin lỗi.”

“Thực ra thì, Jonathan, tôi mong rằng cậu sẽ...”

“Gì cơ? Chị mong em sẽ làm sao?”

“Tôi không biết nữa. Cậu định làm một cậu bé đến bao giờ đây? Suốt đời à?”

“Thế chẳng lẽ chị muốn em biến thành một cô bé à?” Cậu nói.

“Ý tôi là... ôi, thôi đừng bận tâm. Hôm nay tôi điên quá. Tôi có thể cảm thấy thế ngay từ lúc tôi thức dậy.”

“Nghe này, chị sẽ gọi điện cho em khi chị đến nơi chứ? Để em biết rằng chị vẫn ổn?”

“Chắc chắn rồi. Dĩ nhiên là tôi sẽ gọi.”

Chúng tôi đứng một lúc, nhìn ngắm khung cảnh xung quanh như thể chúng tôi mới thấy nó lần đầu. Như thể chúng tôi vừa bước ra khỏi chiếc xe khách Winnebago để duỗi tay duỗi chân và sững sờ trước sự thênh thang rộng lớn của một công viên quốc gia.

“Chẳng phải mọi chuyện được coi là đơn giản hơn thế này sao?” Tôi hỏi.

“Bobby nói đây là một thế giới mới. Cậu ấy nói chúng ta có thể làm bất cứ điều gì mà chúng ta có thể nghĩ tới.”

“Đó là vì Bobby là một gã giỏi lừa phỉnh. Tôi đang có ý khen anh ấy đấy.”

Tôi nhận ra tôi vẫn đang bám vào tay áo khoác của Jonathan. Khi tôi buông ra, vết nắm tay của tôi vẫn còn in trên lớp vải bông chéo.

“Tôi sẽ vào đó xem thứ gì giữ chân anh ấy lâu thế,” tôi nói. “Nếu Rebecca và tôi không đi sớm thì bọn tôi sẽ bị kẹt xe ở New York mất.”

“Ừm.”

Jonathan đứng chờ bên cạnh xe, tay thọc sâu trong túi quần ka ki, ánh nắng lấp lánh trên mái tóc nhạt màu của cậu. Tôi ngoảnh về phía cậu khi lên đến hiên nhà. Cậu mỉm cười đầy thân mật và rồi tôi đi vào nhà.

Bobby đang bế Rebecca xuống gác. “Em đang định vào giục anh,” tôi nói. “Nếu bọn em không qua Manhattan lúc một giờ...”

Anh khẽ sụt. “Erich đang ngủ,” anh nói. “Anh ấy đã có một buổi sáng khó chịu.”

Tôi đón lấy Rebecca từ tay anh. Nó cũng đang có một buổi sáng khó chịu. “Con không *muốn*,” nó nói.

“Em đã sắp xếp hết mọi thứ chưa?” Bobby khe khẽ nói.

“Ừm. Em đã xếp hết đồ lên ô tô rồi. Chào tạm biệt Erich hộ em nhé?”

“Ừ.”

“Con *không muốn*,” Rebecca nói.

Bobby đứng ở chân cầu thang, bụng anh hơi căng tròn dưới lớp vải áo phông. Lúc đó, trông anh quá ngây thơ và có thiện ý. Tôi chỉ muốn đánh anh vì tội là một kẻ khờ khạo như thế, một nhân vật lạc quan, thật thà. Tôi có thể thấy hình ảnh của anh khi về già, lò dò từng bước với đôi dép lê đi trong nhà, tuyên bố rằng nhà an dưỡng này rất tuyệt vời và hoàn hảo. Anh sẽ nói: “Họ có bánh pudding sô-cô-la vào các ngày thứ Sáu. Tên của cô hộ lý là Harriet, cô ấy thường mang cho tôi xem những bức ảnh của con cô ấy.”

“Này,” tôi nói. “Em chợt nảy ra một ý điên rồ. Anh có muốn đi cùng em không?”

“Hả?”

“Ngay bây giờ. Chỉ cần ném vài thứ vào trong một cái túi và đi theo em.”

“Anh nghĩ là, em biết đấy, mẹ em không ưng anh mà. Về chuyện của chúng ta ấy.”

“Kệ bà ấy. Anh có muốn đi không?”

“Bọn anh phải chăm sóc Erich,” anh nói.

“Jonathan có thể chăm sóc Erich. Đến lúc cậu ấy phải bắt đầu có nhiều trách nhiệm hơn rồi, anh không nghĩ thế sao? Hai người họ sẽ cùng nhau xoay xở ổn cả thôi. Họ có thể sống tự lập được mà.”

“Clare, có chuyện gì thế? Em sao vậy?”

Tôi ôm lấy con bé. Tôi nói: “Không sao. Đừng bận tâm. Em chỉ là một mẹ già lẩm cẩm thôi.”

Tôi bế Rebecca ra khỏi cửa, và Bobby đi theo tôi đến chỗ đậu xe. Khi tôi thắt dây an toàn cho Rebecca, nó bắt đầu làm ấm lên và thút thít khóc. Rồi sự chuyển động của xe sẽ ru nó ngủ, nhưng trong một lúc nó vẫn không ngừng rên rĩ. Tôi phải cố kìm lòng trước tiếng khóc của nó.

“Tạm biệt, các chàng trai”, tôi nói.

“Không,” Rebecca nói từ chỗ ngồi của nó. “Không, không, không, không, không.”

Cả hai người họ đều hôn tôi, dặn tôi lái xe cẩn thận. Họ hôn Rebecca. Những âu yếm của họ càng thêm khuyến khích nó. Nó há miệng, gần như bật ra một tiếng la hét mà nó đã dồn nén từ bữa sáng.

“Tạm biệt, tiểu thư Rebecca,” Jonathan nói qua cửa sổ xe. “Ôi, bố yêu con ngay cả khi thỉnh thoảng con vẫn ghê gớm như thế. Hãy vui vẻ với người bà đáng sợ của con nhé.”

“Hãy bảo trọng,” tôi nói. Tôi cho xe lùi ra khỏi lối đi. Tôi vẫy tay, và họ vẫy lại. Họ đứng sát cạnh nhau, trước ngôi nhà xiêu vẹo. Khi tôi lùi xe, Jonathan đột nhiên chạy theo. Trong một thoáng, tôi cứ ngỡ rằng cậu có điều gì muốn nói với tôi, nhưng rồi tôi nhận ra rằng cậu sẽ chỉ chạy theo vài bước mà thôi, ngốc nghếch và trung thành như một chú cún. Tôi lá xe đi. Cậu đuổi kịp và nhanh chóng chạy song song với chiếc xe, hôn gió về phía chúng tôi. Tôi lại vẫy tay lần nữa, lần cuối cùng. Trước khi đến chỗ rẽ, tôi nhìn vào gương chiếu hậu và thấy cả hai người bọn họ. Jonathan và Bobby, đang đứng giữa đường. Họ trông như một cặp đôi lập dị, ăn mặc luộm thuộm ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Với đôi kính râm, áo phông và mái tóc bù xù, trông họ như đang quay trở lại một thời xưa cũ: những năm 1960 như sắp vỡ òa ra quanh họ, một cơn bão của tình yêu, những cơn thịnh nộ và những mong đợi bị cản trở. Bobby khoác vai Jonathan. Họ đều vẫy tay.

Con đường như dát bạc dưới ánh mặt trời buổi sớm. Đó là một ngày hoàn hảo để lên đường. Rebecca vẫn khóc ri ri ở băng ghế sau. Từng dặm đường dần trôi qua bên dưới bánh xe. Tôi biết cuộc sống của chúng tôi sẽ không dễ dàng. Tôi hình dung ra cảnh chúng tôi cùng nhau ở San Francisco hay Scattle, chuyển đến một căn hộ, nơi những người xa lạ cãi nhau phía bên kia bức tường. Tôi sẽ đẩy cái xe đẩy của nó trên những con phố không quen thuộc, tìm kiếm những cửa hàng tạp hóa. Nó sẽ không nghĩ rằng cuộc sống của chúng tôi có gì là kỳ cục – cho đến khi

nó lớn lên, và bắt đầu nhận ra rằng những đứa bé gái khác không sống như thế. Rồi nó sẽ ghét tôi vì tôi chỉ có một mình, vì tôi già và lập dị, vì tôi không thể cho nó một cái sân sau, một phòng giải trí và một người cha. Trong một thoáng, tôi nghĩ đến việc quay lại. Thôi thúc đó ập đến với tôi, và nếu tôi có thể quay ngoặt xe lại theo kiểu chữ U thì có lẽ tôi đã làm thế. Nhưng chúng tôi đang đi trên một con đường cao tốc không cho phép quay đầu xe. Tôi đi theo hai vạch phân cách song song liền mạch màu vàng cho đến khi thôi thúc đó tan biến dần bởi khoảng cách ngày một nhiều thêm. Tôi giữ tay trên vô lăng, và không nghĩ về bất cứ điều gì ngoài những dặm đường tiếp theo. Tôi liếc về phía Rebecca ở đằng sau. Cuối cùng nó cũng đã yên lặng nhờ sự chuyển động của chiếc xe. Trước khi ngủ thiếp đi, nó nhìn tôi oán trách, nước mũi chảy rùng rùng và cái mũi và bãi bông lệch đi, và nói một từ. Nó nói: “Mẹ.” Nó phát âm từ đó với một nỗi thất vọng thấy rõ.

“Một ngày nào đó con sẽ cảm ơn mẹ, con yêu,” tôi nói. “Hoặc có lẽ là không.”

Giờ đây tôi chỉ còn lại một mình với thứ này. Thứ tình yêu này. Thứ tình yêu xuyên sâu vào tận xương tủy như một tia X, không có yếu tố nào của lòng tốt hay lòng thương hại.

Thứ lỗi cho tôi, các chàng trai. Rốt cuộc, có vẻ tôi đã làm được thứ tôi muốn. Một đứa con của riêng mình, một hướng đi đến tiến đến. Có lẽ ngôi nhà và tiệm ăn chẳng đáng để đổi lấy thứ này, nhưng đó là tất cả những gì tôi có thể trao cho hai người.

Tôi rẽ khỏi đường cao tốc và đi về phía tây.

BOBBY

Mặt trăng đang đi theo chúng tôi, một mảnh lưỡi liềm trắng treo trên bầu trời xanh nhờ nhờ. Chúng tôi đang lái xe từ cửa hàng tạp hóa về nhà: Erich, Jonathan và tôi. Những ngày này Erich cứ mơ mơ màng màng. Anh lúc tỉnh lúc mê. Nếu không phải đang bận lái xe, có thể tôi sẽ ôm anh để giữ anh khỏi trôi tuột ra ngoài. Thay vào đó, tôi nói với Jonathan: “Anh ấy sao rồi?”

Jonathan nhìn vào băng ghế sau: “Anh ổn chứ, Erich?” Cậu hỏi.

Erich không trả lời. Anh đang rơi vào lơ đãng. Ai mà biết anh có thể nghe được những gì? “Mình nghĩ anh ấy vẫn ổn,” Jonathan nói với tôi. Tôi gật đầu và tiếp tục lái xe. Những trang trại trôi qua hai bên đường. Những con bò bắt đầu công việc thường nhật của chúng, đều đặn như mọi ngày.

Về đến nhà, chúng tôi giúp Erich ra khỏi xe, dẫn anh lên thềm nhà. Anh mỉm cười với niềm vui mơ hồ của người già. Có thể anh mừng vì chúng tôi đã về đến nhà. Có thể anh đang nhớ đến một món đồ chơi mà anh được cho hồi anh lên bốn. Chúng tôi cất thực phẩm vào bếp.

“Đi tắm nhé!” Tôi nói.

“Cậu có nghĩ anh ấy cần tắm không?” Jonathan hỏi.

“Mình nghĩ anh ấy muốn tắm,” tôi đáp.

Chúng tôi dẫn anh lên gác, xả nước vào bồn tắm. Hơi nước tạo nên một tia lấp lánh trên nền gạch trắng sứ mờ. Trong khi chờ bồn tắm đầy nước, chúng tôi giúp Erich cởi đồ. Anh không cưỡng lại cũng không hưởng ứng. Khuôn mặt anh lộ vẻ ngần ngại, chứ không phải vô cảm. Khi không còn biết gì về bản thân mình, anh thường khoác lấy vẻ khó chịu căm lạnh này, như thể anh không tin lắm vào sự trống rỗng mà anh nhìn thấy. Đó là sự kinh ngạc tách ra từ nỗi sợ hãi và băn khoăn. Nó không hề giống với khuôn mặt của trẻ sơ sinh.

Sau khi đã cởi hết đồ cho anh, chúng tôi dìu anh ngồi xuống nắp bồn cầu. Nước trong bồn tắm từ từ dâng lên. Erich ngoan ngoãn ngồi yên, đôi tay mềm rũ nhét vào giữa hai bắp đùi. Jonathan giờ tay ra chạm vào tóc anh.

“Mình sẽ đi mở chút nhạc,” tôi nói.

Ừ.” Jonathan ở lại bên Erich, một tay đỡ lấy vai. Tay kia vuốt vuốt tóc Erich.

Tôi bật radio trong phòng ngủ lên, rồi chỉnh đến một kênh cho người già, để nghe thứ âm nhạc của tuổi thơ chúng tôi. Ngay lúc này, Van Morrison đang hát bài Madame George. Tôi vặn

to lên để tiếng nhạc có thể vọng đến phòng tắm.

Khi tôi quay lại nói: “Bài này hay quá. Nó vẫn luôn là một trong những bài yêu thích của mình đấy.”

“Bạn muốn nhảy không?” Tôi hỏi cậu.

Cậu nhìn tôi do dự, băn khoăn không hiểu có phải tôi đang đùa hay không.

“Lại đây nào,” tôi nói, và giơ tay ra. “Erich sẽ không ngã đâu. Đúng không, Erich?”

Erich nhìn chằm chằm xuống đôi chân trần của mình. Một cách thận trọng, Jonathan bỏ tay ra khỏi người anh, Erich không ngã. Sau một thoáng, Jonathan bước vào vòng tay tôi và chúng tôi nhảy một điệu valse. Giày chúng tôi lộp cộp gõ trên nền gạch trơn. Tôi có thể cảm thấy sự hỗn loạn trong cuộc đời vẫn đang tiếp diễn của Jonathan. Nó rung chuyển dọc theo da cậu như một mạng lưới dây điện. Tôi miết tay dọc theo những đốt xương sống của cậu. Van đang hát: *“Hãy chào tạm biệt Madame Geroge. Hãy lau khô đôi mắt bạn vì Madame George.”*

“Bobby này?” Jonathan nói.

“Ừ?”

“Ôi, đừng bận tâm. Mình chỉ định nói gì đó ngớ ngẩn đại loại như: “Mình thấy sợ,” nhưng dĩ nhiên là mình thấy sợ thật. Bọn mình đều thế mà.”

“Ừm, đúng vậy. Ý mình là, mình nghĩ bọn mình đều thế.”

Chúng tôi nhảy cho đến hết bài hát. Tôi rất muốn trông thấy Erich cười, hay gật gật đầu theo điệu nhạc. Sẽ thật tuyệt khi thấy anh tham gia với chúng tôi dù là trong một cách gián tiếp như thế. Nhưng anh đã chìm đắm trong sự bí ẩn của mình, nhìn chằm chằm vào một cái hố cứ mở rộng mãi ra. Khi chúng tôi ngừng nhảy, chúng tôi giúp anh đứng dậy, và đưa anh vào ngồi trong bồn tắm. Chúng tôi cùng nhau gội đầu và kỳ cọ cái cổ gầy gò của anh. Chúng tôi rửa ráy bộ ngực lép kẹp và hai cái nách sâu hoắm bên dưới hai cánh tay anh. Anh thoáng mỉm cười. Vì cảm giác được tắm, hay vì thứ gì đó bí mật hơn thế.

Sau khi tắm cho anh xong, chúng tôi đưa anh lên giường. Cũng đã xế chiều. Jonathan nói: “Mình sẽ ghé qua tiệm ăn và đặt mua bữa sáng hàng nhé?”. Tôi bảo cậu tôi sẽ đi thay vài tấm ván lợp bị thiếu.

Chúng tôi bắt đầu làm việc của mình. Đó là một buổi chiều bình thường, đang chuyển dần sang buổi tối. Jonathan lái xe đến tận tị trấn, tôi dựng cái thang vào ngôi nhà và trèo lên với một ôm những tấm ván tuyết tùng mới. Chúng mang màu vàng mới tinh, trông nổi bật hẳn lên so với những tấm ván màu cà phê cũ. Những tấm ván cũ, rải rác lá thông, khô giòn và kêu rảng rặc bên dưới tay chân tôi.

Từ trên mái nhà, tôi có thể phóng tầm mắt ra xa. Tôi có thể trông thấy mảnh đất nhỏ của chúng tôi, và xa hơn là những cánh đồng cùng những ngọn núi. Tôi có thể thấy một chiếc xe muoi trần màu đỏ lướt qua. Một món đồ chơi của Rebecca đang nằm trên bãi cỏ gần hiên nhà, con búp bê tên là Baby Lou. Nó cứ nằm đó, say sưa cười với bầu trời. Tôi không thể tin được là Clare lại quên mang nó theo.

Tôi bỗng thấy hoang mang. Tôi biết Clare và Rebecca sẽ không quay trở lại. Tôi đã định nói gì đó trước khi họ bỏ đi nhưng tôi không dám – vì sợ rằng nhờ đâu Jonathan sẽ quyết định đi theo. Tôi không thể để ngôi nhà này sụp đổ được. Chúng tôi đã phải mất rất lâu mới gây dựng được nó. Jonathan và tôi cùng thuộc về nơi này. Clare đã đưa Rebecca đến với thế giới của người sống – với sự ồn ã và những điều bất ngờ của nó, cùng những nguy cơ thất vọng. Có lẽ nàng đã đúng khi làm thế. Đó là nơi Rebecca nên thuộc về. Ở đây chúng tôi sống trong một thế giới khác, một nơi yên tĩnh hơn, bao dung hơn. Tôi đã theo anh trai tôi vào thế giới này và tôi sẽ không bao giờ rời bỏ nó, không bao giờ.

Tôi có việc để làm. Tôi phải sửa lại một cái mái nhà.

Nỗi hoang mang thôi mà.

Rồi ngày nào đó Rebecca sẽ quay lại, và ngôi nhà sẽ chờ đợi nó. Ngôi nhà này là của nó. Cũng chẳng có gì to tát – một ngôi nhà có bộ khung bị mối xông được chấp vá lại bởi công sức của

những đôi bàn tay thiếu kinh nghiệm. Nó không có gì to tát nhưng bây giờ nó đang đứng vững và vẫn sẽ đứng vững khi con bé hai mươi tuổi. Bây giờ, ngay lúc này, tôi có thể thấy con bé. Tôi thấy thật rõ ràng như qua cánh cửa sổ mở vào tương lai vậy. Hình ảnh mà tôi trông thấy là một phụ nữ với mái tóc nâu nhạt, không đẹp theo những tiêu chuẩn của thế giới nhưng lại sở hữu một dáng vẻ quyến rũ kín đáo cùng một phong thái vững vàng, điềm tĩnh. Tôi có thể thấy nó đến đứng ở trên hiên của căn nhà mà nó được thừa kế. Một ngôi nhà con bé chưa bao giờ đòi hỏi, và không biết phải làm gì với nó. Tôi có thể thấy con bé đứng đó, mặc một cái áo choàng mùa đông, phủ những làn khói rung rinh vào không khí rục rờ. Đó là tất cả những gì tôi nhìn thấy. Nó không phải một ảo ảnh lớn. Nhưng tôi thấy nó một cách rõ ràng đến ngạc nhiên. Tôi trông thấy đôi giày của nó trên ván lát sàn nhà, và nghe được tiếng lách tách do mùa đông mang lại trên tóc nó. Tôi thấy hàm nó đón lấy thứ ánh sáng lạnh lẽo khi nó đứng trước món quà không mong muốn này. Tôi sờ vào hàm mình. Tôi quỳ gối ở đó, trên mái nhà, cảm nhận được một cách rõ rệt phần sọ dưới đang nhô ra. Thì giờ đang trôi qua, và tôi cảm phải làm việc. Tiếng búa gõ vang lên đều đều, chát chúa, làm rung chuyển cả bộ khung nhà. Tôi đóng một tấm ván vào đúng vị trí. Tôi lại đóng một tấm khác.

Đêm đó, Jonathan đánh thức tôi dậy bằng cách chạm vào tóc tôi. Tôi mở mắt và thấy khuôn mặt cậu, ngời sáng trong bóng tối của phòng ngủ, quá sát mặt tôi đến nỗi hơi thở của cậu làm tôi thấy má mình nhồn nhột. Cậu đặt một ngón tay lên môi và vẫy tay ra hiệu. Tôi theo cậu ra hành lang. Những nốt chấm bi trên quần đùi của cậu nổi lên rõ rệt trong bóng tối. Cậu đang mặc độc cái quần đùi, tôi mặc quần Jockey và một cái áo lót. Cậu lại vẫy tay và tôi theo cậu xuống gác. Bóng tối bủa vây lấy lưng cậu.

Trong phòng khách, cậu nói: “Xin lỗi đã đánh thức cậu dậy như thế này. Nhưng mình có việc muốn nhờ cậu giúp.”

Tôi hỏi cậu việc gì mà cần phải làm vào lúc nửa đêm như thế. Thay cho câu trả lời, cậu cầm một vật từ trên chiếc bàn cạnh chiếc sofa lên. Tôi mất một lúc mới nhìn rõ được – đó là cái hộp đựng tro của Ned. Âm cái hộp bằng cả hai tay, cậu đi về phía cửa trước.

“Đi nào,” cậu nói.

Chúng tôi bước ra ngoài hiên và dừng lại ở thanh lan can, trông ra màn đêm thăm thẳm như hai hành khách trên một con tàu viễn dương. Trong những đêm không trăng, ngôi nhà này có thể trôi nổi, nó có thể bồng bênh trôi qua không gian. Tất cả những gì hiện ra trong màn đêm xung quanh là một cánh đồng sao và những rặng cây im lìm.

Jonathan nói: “Mình đã đổi ý về việc cứ trì hoãn không rắc tro của bố mình. Đột nhiên mình nhận ra rằng đây chính là nơi thích hợp hơn bất cứ nơi nào khác.”

“Ý cậu là cậu muốn rải tro của chú Ned ngay bây giờ? Ngay tại đây?”

“Ừm. Mình muốn cả hai đứa chúng mình cùng làm việc này.”

“Ừm, cậu không nghĩ rằng cô Alice cũng muốn có mặt ở đây à? Ý mình là, sao chúng ta không có vài kiểu nghi lễ nào đó?”

“Không cần. Mẹ mình sẽ mừng khi nghe tin mình đã làm việc này. Đạo cần đây bà không quan tâm lắm đến những nghi lễ.”

“Vậy à,” tôi nói.

“Đi thôi.” Cậu bước xuống hiên, và tôi đi cùng cậu. Đi trên bãi cỏ giống như là bước vào khoảng không đích thực. Tôi bước đi với cảm giác mê sảng, không trọng lượng.

“Jon,” tôi nói. “Jonny à, có lẽ bọn mình nên hoãn việc này lại. Ý mình là, cậu không nghĩ rằng cậu sẽ thấy tiếc vì đã không lên kế hoạch gì à?”

“Nếu cậu không muốn, mình sẽ tự làm một mình,” cậu nói. Cậu bước vài bước về phía đường đi, một dải băng bạc mờ mờ trong bóng đêm. Tiếng ếch kêu râm rân và rền rĩ. Cụm sao Thất Nữ nhỏ bé nhấp nháy trên đầu chúng tôi. Tôi đi theo cậu. Khi chúng tôi băng qua đường, tôi bỗng nhớ đến hình ảnh của mình thời thơ ấu, đang đi theo anh trai tôi vào nghĩa địa để cùng chào mừng tương lai oai hùng của chúng tôi. Jonathan bước đi với vẻ quyết tâm vừa mang tính

nghi thức vừa có vẻ hơi điên rồ. Cậu đang mặc độc cái quần đùi chấm bi khi những thiên hà nổ tung phía trên đầu.

Một đồng cỏ linh lăng trống vắng trải ra bên kia đường. Đám cỏ linh lăng rì rào khẽ cọ vào đôi chân trần của chúng tôi. Dù vào ban ngày tôi biết rằng cánh đồng này bị chặn lại bởi những bụi cây và một cái chuồng bị bỏ hoang, nhưng tất cả những gì tôi có thể thấy lúc này là một đại dương cỏ linh lăng mênh mông. Khi chúng tôi đang đi, Jonathan nói: “Mình vừa mới nhận ra rằng thật là buồn cười khi cứ giữ mãi tro của bố mình cho đến khi nào mình kiếm được một nơi chốn thích hợp cho chúng. Mình đã quyết định rằng đây là một nơi hoàn toàn phù hợp. Ngay trên cánh đồng này. Thậm chí mình còn không biết ai là chủ của nó nữa, cậu có biết không?”

“Không.”

“Ôi, Bobby. Mình muốn trở thành một phần của thứ gì đó không dính dáng tới cái chết.”

“Thì đúng là thế mà.”

“Không phải. Mình từng nghĩ như thế, nhưng thật sự thì không phải.”

“Jon,” tôi nói. “Jonny à.”

Cậu đợi tôi nói tiếp, nhưng tôi không cất nên lời. Tôi không thể nói với cậu những gì tôi biết – chúng tôi đều có những niềm đam mê bên ngoài thế giới của người sống. Đó là điều đã chia cách chúng tôi với Clare, và với những người khác. Đó là điều đã giữ chúng tôi ở lại bên nhau khi chuỗi hoàn cảnh thông thường đã buộc chúng tôi lớn lên và tách nhau ra.

Sau một lúc, cậu nói: “Vì thế mình đã nghĩ đến lúc từ bỏ đám tro này. Ngay bây giờ. Ở đây. Có vẻ đây là một địa điểm thích hợp.”

Chúng tôi đã đi quá sâu vào cánh đồng đến nỗi bóng tối khép lại sau lưng chúng tôi, xóa nhòa con đường và ngôi nhà. Tất cả những gì chúng tôi có thể trông thấy là đám cỏ đỉnh lăng. Những cơn dế kêu rinh rích và đám muỗi vo ve quanh đầu chúng tôi, không thể tin nổi vào sự may mắn của chúng. Chúng tôi đứng đó, trong màn đêm râm ran, lấp lánh ánh sao. Một bóng tối hoàn toàn như tận cùng của thế giới.

“Cái nắp này hơi khó mở,” cậu nói. “Đợi một phút. Rồi.”

Cậu đặt cái hộp lên mặt đất.

“Thật khó tin,” cậu nói. “Bố mình thường kiêu mình trên vai. Ông từng cù mình cho đến khi mình tè dầm ra quần. Mình vẫn nhớ ông đã cảm thấy hối hận thế nào. Và xấu hổ. Và đôi chút phần nộ.”

“Cậu có muốn, ờ, nói một vài lời không?” Tôi hỏi.

“Ôi, mình nghĩ là mình đã nói rồi. Nghe này, cậu sẽ chạm vào chúng cùng lúc với mình chứ?”

“Được. Nếu cậu muốn.”

Chúng tôi đều cúi xuống. “Mình sẽ đếm đến ba,” cậu nói. “Một, hai, ba.”

Chúng tôi thò tay vào. Có một cái túi bóng bên trong hộp, và chúng tôi luồn tay vào trong túi. Tro của chú Ned có vẻ mềm mại và mịn màng. Chúng lổn nhổn những mẩu xương vụn. Khi chúng tôi chạm vào chúng, Jonathan hít một hơi.

“Ôi,” cậu nói. “Được rồi. Mình nghĩ đó là phần khó nhất. Cậu có thấy thế không?”

“Có.”

Chúng tôi đứng đó với những nắm tro và xương trong tay. “Mẹ mình đã đúng,” cậu nói. “Nó thực sự không hơn một đôi giày cũ của ông. Được rồi. Làm thôi.”

Trong im lặng, chúng tôi rải tro lên cánh đồng. Chúng tôi vừa bước lên theo những vòng tròn nhỏ vừa rắc chúng. Trời tối mịt nên tôi không thể trông thấy chúng rơi xuống. Chúng biến mất khỏi tay chúng tôi. Nếu chúng có tạo nên bất cứ tiếng động nào thì nó cũng sẽ bị chìm xuống bởi tiếng côn trùng rả rích và tiếng xào xạc của đám cỏ linh lăng.

Chúng tôi cứ liên tục quay trở lại chỗ cái hộp. Chúng tôi không nói gì cho đến khi đám tro đã

được rải hết.

“Vây là xong,” Jonathan nói. “Bố ơi, con chỉ làm được thế này thôi. Đó là điều tốt nhất rồi bố ạ.”

Cậu nhặt cái hộp lên và chúng tôi đi về phía khoảng tối, nơi chúng tôi nghĩ là vị trí của ngôi nhà. Chúng tôi đã bị mất phương hướng khi đi vòng quanh để rải tro, và đã cách ngôi nhà khá xa. Chúng tôi phải đi dọc theo con đường gần một phần tư dặm. Chúng tôi đã khiến cho một chiếc Volvo đi ngang qua phải tò mò – hai người đàn ông mặc đồ lót đi trên một con đường thôn dã, tay cầm một cái hộp rỗng.

“Bobby này?” Jonathan nói.

“Ơi?”

“Cậu có biết vì sao mình lại đột nhiên quyết định làm việc này không?”

“Không.”

“Sau khi Clare và Rebecca đi, mình chợt nghĩ rằng mình không muốn họ quay lại với Erich đang ngày càng tồi tệ trên gác và tro của bố mình vẫn được đặt trên một cái giá ở phòng khách. Đột nhiên mình thấy ngôi nhà mang quá nhiều vẻ chết chóc. Và thế là mình quyết định sẽ rải tro trên đồng cỏ. Ý mình là, mình giữ chúng để làm gì chứ?”

“Ừm, chẳng làm gì cả, mình nghĩ thế.”

“Mình muốn sơn lại phòng của Rebecca,” cậu nói. “Màu cũ quá xỉn. Ngày mai sau khi đi làm về bọn mình sẽ chọn màu sơn nhé? Màu gì đó lòe loẹt mà con bé sẽ thích mê đi, như màu hồng tươi chẳng hạn. Mình chưa nghe thấy ai nói trẻ con có khiếu thẩm mỹ kém cả.”

Tôi có thể nghe thấy hơi thở của Jonathan. Ánh sao loang loáng lan tỏa trên làn da trần của cậu. Chúng tôi bước đi vài phút trong im lặng.

“Nghe này,” cậu nói.

“Ừ.”

“Nếu mình có mệnh hệ gì, thì đây cũng sẽ là nơi hoàn toàn thích hợp để rải tro của mình. Nếu và khi nào điều đó xảy ra, mình muốn cậu bảo với mẹ mình thế. Hãy bảo bà rằng đó là yêu cầu cuối cùng của mình. Chúa ơi, nếu tro của bố mình và mình cuối cùng đều được rải quanh đây, mẹ mình sẽ đi về đâu khi bà mất nhỉ?”

“Bà cũng có thể đến đây mà.”

“Chà, bà vẫn luôn bị lôi kéo đến nhưng nơi mà bà không hề muốn. Vậy thì có gì mọi chuyện lại khác đi sau khi bà mất, đúng không?”

“Đúng. Ý mình là, mình nghĩ thế. Đây là nơi mà hiện tại tất cả chúng ta đều thuộc về.”

“Nếu quả thực là thế thì sao?” Cậu nói. “Nó sẽ không trở thành một thứ gì đó chứ?”

Chúng tôi không nói gì nữa. Giữa chúng tôi có quá nhiều vấn đề nên không biết phải nói về điều gì. Chúng tôi đi nốt đoạn đường ngắn ngủi cuối cùng, bị những loài động vật về đêm bí mật dõi theo. Nó giống như một giấc mơ, một trong những giấc mơ trẻ thơ về nỗi xấu hổ giữa chốn đông người, khi đi trên một con đường công cộng mà mặc nỗi chiếc quần đùi sờn rách. Nhưng, trong giấc mơ đặc biệt này, tôi không hề cảm thấy ngại cùng. Tôi đang ở đây, ăn mặc thiếu đứng đắn trên một con đường quê, với làn gió đêm u tối thổi quanh mình. Tro của Ned đang hòa lẫn với đất trong một thế giới thu nhỏ của kiến và những loài bọ cánh cứng kèn càng, ỉ ạch. Erich đang ở trong giấc ngủ chập chờn, với những giấc mơ chồng chéo. Trên đời này vẫn còn có cái đẹp, dù nó khắc nghiệt hơn những gì chúng ta từng mong đợi. Nó không giống với trang trại mùa thu trên tường phòng ăn của gia đình tôi cũng như một mẫu xương không giống với một người đàn ông hay một người đàn bà. Ở nơi nào đó trên lục địa này, Clare và Rebecca đang ngủ, trong một khách sạn ven đường hay trong một căn phòng khách nhà bạn bè nàng. Khi cái bóng xanh xanh của ngôi nhà hiện ra trước mặt chúng tôi, tôi nhớ ra rằng nhà cũng là một nơi để người ta rời khỏi nó. Đây là nhà của chúng tôi, chúng tôi có thể bỏ đi, và cũng có thể trở về.

Lúc này không gian thật mịt mùng đủ để nhìn thấy tương lai – những buổi sáng lạnh lẽo và những đêm dài đặng đặng, cùng thứ âm nhạc hằng ngày. Jonathan và tôi ở đây để duy trì một hiện tại, để mọi người có thể quay lại với nó khi tương lai của họ làm họ mệt mỏi. Chúng tôi đã phải đi một hành trình dài mới đến được đây. Chúng tôi đi vào lối xe chạy, và tôi thấy thứ gì đó đang làm lay động tấm rèm ở cửa sổ phòng ngủ. Trong một thoáng, tôi nghĩ Clare đã trở về. Tôi tóm lấy vai Jonathan.

“Gì thế?” Cậu hỏi. “Sao thế?”

“Không có gì. Chẳng sao cả. Đừng bận tâm.”

Giữa cơn bốc đồng và cái chạm vai đó, tôi đã tỉnh táo lại. Clare không quay về. Thứ mà tôi thấy chỉ là gió thổi mà thôi. Nó vừa là cơn gió vừa là linh hồn của chính ngôi nhà, thoáng lo lắng bởi sự vắng mặt giữa đêm hôm khuya khoắt của chúng tôi, nhưng đã già đến nỗi không còn ngạc nhiên trước những việc sinh ra từ khoảng trống giữa những gì chúng ta có thể tưởng tượng và những gì chúng ta thực sự tạo ra.

JONATHAN

Một buổi chiều tháng Tư, vài tháng trước khi Erich chết, Bobby và tôi dẫn anh đến một cái hồ nhỏ mà chúng tôi biết, ở sâu trong rừng. Chúng tôi lái xe mất mười dặm mới đến được đó, một hồ nước lung linh mang màu đen, với những cây thông bao quanh. Vào thời điểm quá sớm trong năm như thế, chúng tôi hoàn toàn làm chủ nó. “Chuyến đi bơi đầu tiên của mùa này,” Bobby nói khi chúng tôi ra khỏi xe. “Một truyền thống của chúng ta.”

“Đẹp quá,” Erich nói. Lúc đó anh đã rất yếu. Chân anh bị đau, và anh đi lại rất khó khăn – căn bệnh lan tỏa trong cơ thể anh nhanh hơn hầu hết những cơ thể khác. Khuôn mặt anh đã biến đổi trong suốt mùa đông. Mắt anh có vẻ to hơn và hàm anh cũng trở nên vuông vức hơn. Tôi cho rằng hình dạng sọ anh đã bắt đầu hiện ra.

“Bọn mình chưa hề đi đâu chơi từ hè năm ngoái,” tôi nói. Bobby và tôi giúp Erich vượt qua con đường mòn ngắn dẫn xuống một cái dốc để bước đến dải đất hình bán nguyệt trái đầy lá thông, vốn được coi như một bãi tắm. Mặt hồ gần như yên tĩnh một cách bất thường – giờ vẫn chưa đến lúc trông thấy những đàn ong hay những con chuồn chuồn hay bóng phản chiếu của những chiếc lá. Chưa đầy một tháng trước, những mảng tuyết vẫn còn nấn ná lấp lánh trên những tán cây. Giờ đây, những thân cây đều ướt đầm và lấp lánh như lông thú, và ánh nắng dịu dàng ấm áp vẫn chưa mang những màu sắc gay gắt khi tháng Năm về. Mặt hồ phản chiếu một đám mây đơn độc có hình dạng của một chiếc xì gà, trải ra từ bờ này sang bờ kia. Chúng tôi đứng trên bãi tắm hẹp, và Bobby lia một viên đá trên mặt nước, vốn phẳng lặng và yên tĩnh như đá phiêu.

“Các anh thường đi bơi ở đây vào mùa hè à?” Erich hỏi.

“Ừm,” tôi nói. “Đến lúc đó thì ở đây đông hơn, đây là đảo Coney địa phương đấy. Nó là một cảnh tượng có thực. Ở đây sẽ có những đứa bé và những con chó, và những cụ già tám mươi tuổi bơi khỏa thân.”

Anh nghiêm nghị gật đầu. Tôi thấy hối hận vì đã đề cập đến một mùa ở tương lai, một mùa có thể anh sẽ không bao giờ còn thấy được. Tôi vẫn quen với quy tắc lịch sự đặc biệt vốn phổ biến giữa những người bệnh. Hoàn cảnh này cũn giống như là bạn đang cư xử với một người thân nghèo túng, trong khi công việc của bạn đang thuận lợi. Nhờ sự hiện diện khốn khổ của anh ta mà bạn mới nhận ra rằng hầu hết những điều bạn nói và làm đều có liên quan tới sự giàu có của bạn ở một mức độ nào đó.

“Vậy chúng ta sẽ xuống hồ chứ?” Anh hỏi.

“Lạnh lắm,” Bobby nói.

“Anh đã nói đây là chuyến đi bơi đầu tiên trong mùa này còn gì. Anh đã nói đây là một truyền thống mà.”

“Chỉ là lối nói tượng trưng thôi,” tôi bảo anh. “Chúng ta chỉ đến đây để viếng cảnh hồ. Ít nhất

một tháng nữa nước hồ mới ấm lên được.”

Dù tôi cho rằng anh chỉ đang giả vờ, nhưng tôi có thể nhận ra qua giọng anh rằng Erich thực sự muốn bơi. Anh không thể chờ đợi đến lúc thích hợp được – lúc trời ấm hơn, có lẽ anh sẽ không thể đi lại được nữa. và cho dù anh vẫn cố đến được đây, thì anh cũng không thể có đủ tự tin để phơi bày cơ thể bị tổn thương của mình trước đám đông người lạ sẽ bắt đầu tụ tập ở đây khi mùa bơi đến.

“Anh có thực sự muốn không?” Tôi hỏi anh.

“Có,” anh nói, trong một giọng khẳng khái như trẻ con.

“Đó sẽ là một cách hay để mắc bệnh viêm phổi đấy,” Bobby nói.

“Hãy làm thế đi,” tôi nói. “Nào, nước không lạnh lắm đâu. Băng đã tan ít nhất là ba tuần rồi.”

“Cậu điên rồi,” Bobby nói.

Thật mà. Nào, Erich. Đi thôi.”

“Không được đâu,” Bobby nói. “Nó lạnh khiếp đi được.”

Tôi bắt đầu cởi quần áo, và Erich làm theo. Chúng tôi không có vẻ duyên dáng hay uyển chuyển khi cởi đồ - không có dấu hiệu của sex trong đó. Hoặc cho dù có sex đi chăng nữa thì nó cũng bị vùi sâu như thứ vẫn phổ biến giữa các cầu thủ trước một trận đấu, một tình yêu thân thể lớn đến mức có thể lan tỏa sang cả những cơ thể khác nữa, đơn giản vì chúng đều đang tồn tại và ít nhiều giống nhau. Khi Bobby cảnh báo về hành động đại dột của chúng tôi, chúng tôi đã cởi xong áo khoác và giày, quẳng chúng trên mặt đất. Chúng tôi đang dần khỏa thân trong ánh nắng trong trẻo ấm áp. Cuối cùng Bobby đành nhượng bộ và cũng bắt đầu cởi quần áo, vì cậu không muốn bị loại ra khỏi một sai lầm mà cậu không thể ngăn chặn.

Trong khi Bobby cởi đồ, Erich và tôi đứng cạnh nhau, trần truồng, quay mặt về phía hồ nước. Chúng tôi xấu hổ đến mức không thể nhìn thẳng vào nhau, dù tôi vẫn có thể trông thấy anh từ vị trí đứng chênh lệch của mình. Các khớp tay khớp chân của anh lồi lên, lốm đốm những vết thâm tím nhỏ. Ngực và bụng anh cũng rải rác các vết thâm, như những hình xăm cũ đã mờ đi trên da. Tôi thoáng rùng mình, không chỉ vì cơ thể anh đã thay đổi quá nhiều mà còn vì biểu hiện của căn bệnh ở anh là quá rõ ràng. Khi vẫn còn mặc quần jean và áo nỉ, trông anh ốm yếu nhưng vẫn ở mức bình thường; đến khi khỏa thân, anh giống như hiện thân của chính căn bệnh. Như thể phần con người trong anh đã bị ăn mòn và bị thay thế thứ gì đó khác.

Tôi đưa tay ra và nắm lấy tay anh, để bảo vệ cả hai chúng tôi. Khi làm thế, tôi đã theo kịp cử chỉ của mình. Tôi thấy thông cảm cho anh, một tâm hồn hoảng loạn chưa sẵn sàng đối mặt với cái chết, cũng giống như tôi nếu căn bệnh bắt đầu nảy nở trong tôi ngay bây giờ, trong khoảnh khắc này. Mặt tôi nóng bừng.

“Sẵn sàng chưa?” Tôi hỏi.

“Sẵn sàng.”

Chúng tôi cùng nhau lội xuống nước trong khi Bobby cởi quần. Ấn tượng đầu tiên ập đến là sự ấm áp – một lớp nước mỏng có nhiệt độ ôn hòa nổi lên trên bề mặt. Nhưng khi chúng tôi tiến sâu hơn, nước bên dưới lạnh đến tê tái.

“Ồi,” Erich thốt lên khi nước lạnh tấp vào mắt cá chân.

“Có lẽ đây chẳng phải là một ý kiến hay chút nào,” tôi nói. “Ý tôi là, nó không tốt cho anh.”

“Không,” anh nói. “Hãy lội xuống thêm một chút nữa thôi. Tôi muốn... ờ, tôi chỉ muốn thế.”

“Được thôi,” tôi nói. Tôi vẫn cầm tay anh. Lần đầu tiên tôi cảm thấy thân mật với anh, dù chúng tôi đã quen nhau nhiều năm trước và đã làm tình hàng trăm lần. Chúng tôi lội về phía trước, lò dò bước trên nền cát. Từng mảng da thịt cứ buốt nhói khi chạm vào nước. Có cảm giác như chúng tôi đang bước trên lớp băng hột.

Bobby bì bõm theo sau chúng tôi. “Điên khùng,” cậu nói. “Cực kỳ điên khùng. Erich, anh có hai phút ở đây thôi đấy, và rồi tôi sẽ đưa anh lên.”

Cậu thực sự nghiêm túc. Cậu sẽ đích thân vác Erich lên và mang anh vào bờ nếu cậu. Từ hồi

còn nhỏ, cậu đã mang trong mình trách nhiệm cứu vớt những gã ngốc khỏi làn nước đóng băng.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn có hai phút, và chúng tôi tiếp tục bước. Nước hồ thật trong – vô vàn tia nắng nhảy múa quanh đôi chân trần của chúng tôi, và những con cá tuế nháo nhác lao đi vun vút. Chúng tôi chỉ thấy được những cái bóng của chúng lướt dưới đáy. Tôi liếc nhìn Bobby, đang nghiêm nghị và điềm tĩnh như một con tàu hơi nước. Cậu là một hình ảnh trái ngược với Erich, thời gian đã làm cậu thêm dày dặn. Bụng cậu hiện giờ đã to và phệ ra, chòm lông ngực nhỏ màu đồng đã sẫm đi và lan rộng, những sợi lông xoắn đã lan lên tận vai và dọc xuống lưng cậu. Còn tôi thì đang bị rụng tóc – đường rìa tóc của tôi đã cao lên ít nhất là năm phân so với mười năm trước. Bằng những đầu ngón tay, tôi có thể cảm nhận một vùng ram ráp ở sau đầu, nơi tóc mọc thưa hơn.

“Tuyệt thật,” Erich nói. “Ý tôi là, chà, tôi cảm thấy rất dễ chịu.”

Chẳng dễ chịu chút nào. Là sự hành hạ thì đúng hơn. Nhưng tôi nghĩ tôi hiểu anh – nó là một cảm giác mạnh mẽ, đến từ thế giới bên ngoài chứ không phải từ thế giới bên trong. Anh đang nói lời tạm biệt với một nỗi đau nào đó.

“Anh đang run cầm cập kia kìa!” Bobby nói.

“Một phút nữa thôi. Rồi chúng ta sẽ lên.”

“Được. Đúng một phút thôi đấy.”

Chúng tôi cùng nhau đứng dưới nước, ngắm nhìn hàng cây trái dài một mạch bên bờ đối diện. Đó là tất cả những gì đã xảy ra. Bobby và tôi đã đưa Erich đi bơi lần cuối cùng, thực chất chỉ là lội được đến đầu gối. Nhưng khi tôi đứng trong nước, điều đó đã xảy ra với tôi. Tôi không biết liệu tôi có thể giải thích được không. Điều gì đó đã vỡ ra. Trước lúc đó, tôi vẫn luôn sống vì tương lai, trong trạng thái mong đợi liên tục, và quá trình đó đột nhiên ngừng lại khi tôi đứng khóa thân với Bobby và Erich trong một vùng nước nông lạnh buốt. Bố tôi đã mất và bản thân tôi có lẽ cũng đang chết dần. Mẹ tôi có một kiểu tóc mới, một công việc kinh doanh và một người tình trẻ, một cuộc sống mới thích hợp hơn với bà. Tôi không có con, nhưng tôi yêu một đứa trẻ như thể tôi là bố nó – tôi biết cảm giác đó là như thế nào. Tôi sẽ không nói là mình hạnh phúc. Tôi không chỉ đơn giản là hạnh phúc. Tôi chỉ thấy mình đang tồn tại, có lẽ là lần đầu tiên trong cuộc đời người lớn của mình. Khoảnh khắc này thật bình thường. Nhưng tôi có nó, tôi hoàn toàn có nó. Nó ngự trị trong tôi. Tôi nhận ra rằng nếu tôi phải chết sớm, thì tôi cũng đã biết được điều này, một thứ liên quan tới cuộc đời tôi, cùng những lầm lỗi và những may mắn kỳ cục của nó. Tôi đã có dịp được là một trong ba người đàn ông đứng khóa thân trong một hồ nước nhỏ trong vắt. Tôi sẽ không chết một cách uổng phí vì tôi đã ở đây, ngay đây và không phải nơi nào khác. Tôi không nói gì. Bobby tuyên bố rằng thời gian đã hết, và chúng tôi đưa Erich quay trở lên bờ.

HẾT

[1] Ngày lễ Độc lập của Mỹ. (Các chú thích trong cuốn sách là của người dịch.)

[2] Kiểu xe có phần đuôi được thiết kế để tăng thể tích chứa bên trong, ghế sau có thể tháo ra hoặc gấp lại để tăng diện tích chất hành lý, và có cửa sau.

[3] Một trong năm quận của thành phố New York.

[4] Sông Cuyahoga chảy qua Cleveland, đã bị cháy vài lần do tia lửa của đèn hàn bắn xuống và đốt cháy dầu mỡ loang trên sông, đến năm 1969 nó mới thu hút được sự chú ý của báo chí và từ đó đẩy lên phong trào bảo vệ môi trường.

[5] Một loại rượu mùi.

[6] Tên của thị trấn nằm ở phía đông nam New York, nơi diễn ra đại hội nhạc rock lớn nhất thế giới năm 1969.

[7] Tên hai nhân vật chính trong bộ phim hài kịch tình huống *Leave it to Beaver* (*Hãy để Beaver ra tay*).

[8] Nơi diễn ra đại học hội Woodstock.

[9] Bob Dylan (sinh ngày 24 tháng 5 năm 1941): ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn tới âm nhạc đại chúng trong năm thập kỷ qua, nổi tiếng với những bài hát chống chiến tranh và ủng hộ nhân quyền.

[10] Tên một nhân vật trong phim *Leave it to Beaver*, một cậu bé mồm mép.

[11] Tên gọi tắt của The Rolling Stones, ban nhạc rock nổi tiếng của Anh thành lập năm 1962.

[12] Mick Jagger (sinh ngày 26 tháng 7 năm 1943): ca sĩ chính của the Rolling Stones.

[13] Janis Joplin (1943-1970): nữ ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ, nổi tiếng trong thập niên 1960.

[14] Ban nhạc rock của Mỹ thành lập năm 1965 tại Los Angeles, California.

[15] Tên gọi tắt của Greatful Dead, ban nhạc rock của Mỹ thành lập năm 1965, nổi tiếng với phong cách độc đáo.

[16] Một loại pháo hình tròn, màu đỏ, đường kính khoảng từ 2cm đến 4cm, khi nổ phát ra tiếng động lớn.

[17] Nhân vật trong truyện *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* của Mark Twain, người được Tom thầm thương trộm nhớ ngay từ cái nhìn đầu tiên.

[18] Nhân vật trong truyện *Don Quixote* của Cervantes, là người bạn đồng hành đã nhiều lần cứu Don Quixote khỏi hậu quả của những hành động điên rồ trong chuyến phiêu lưu của ông ta.

[19] Tên các nhân vật chính trong các tiểu thuyết phiêu lưu, ly kỳ dành cho thanh thiếu niên.

[20] Groucho Marx (1890-1977): ngôi sao điện ảnh và hài kịch người Mỹ, nổi tiếng với tài hóm hỉnh.

[21] Neil Young (sinh ngày 12 tháng 11 năm 1945): ca sĩ, nhạc sĩ người Canada, được coi là một trong những nhạc sĩ có ảnh hưởng nhất trong thế hệ của ông.

[22] Jimi Hendrix (1942-1970): ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ. Ông được coi là tay guitar điện tử vĩ đại nhất trong lịch sử nhạc rock và có sức ảnh hưởng lớn tới nhiều thế hệ công chúng yêu nhạc.

[23] Câu chuyện cổ Grimm kể về chuyện hai anh em nhà nọ lạc vào trong một khu rừng và tìm thấy một ngôi nhà làm bằng bánh kẹo của một mục phu thủy già thích ăn thịt trẻ con.

[24] Trong thần thoại Hy Lạp, Helen là vợ của Melenaus xứ Sparta, nàng đã bị hoàng tử Paris của thành Troy cướp đi và từ đó đã gây ra cuộc chiến tranh thành Troy.

[25] Laura Nyro (1947-1997): ca sĩ, nhạc sĩ, nhà soạn lời và nghệ sĩ dương cầm người Mỹ.

[26] Một trong những nhóm nhạc thành công nhất của công ty Motown từ năm 1963 đến năm 1967.

[27]^[27] Jethro Tull: ban nhạc rock của Anh, thành lập năm 1967.

[28] Dexedrine: Một loại thuốc kích thích gốc amphetamine, tạo cho người dùng cảm giác tỉnh táo, nếu dùng liều cao sẽ gây tác dụng phụ như: làm cho người dùng trở nên hung hăng, dữ tợn hay hoang tưởng.

[29] John Steinbeck (1902-1968): nhà văn người Mỹ đoạt giải Pulitzer năm 1940 với tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ*.

[30] Joni Mitchell (sinh ngày 7 tháng 11 năm 1943): nữ ca sĩ, nhạc sĩ người Canada.

[31] Boz Scaggs (sinh ngày 8 tháng 6 năm 1944): ca sĩ, nhạc sĩ, tay guitar người Mỹ nổi tiếng trong thập niên 70.

[32] Van Morrison (sinh ngày 31 tháng 8 năm 1945): ca sĩ, nhạc sĩ người Bắc Ireland, nổi tiếng với sự bướng bỉnh và phong cách độc đáo.

[33] Van the Man: biệt danh mà các fan dùng để gọi Van Morrison.

[34] PTA: Hội Phụ huynh học sinh.

[35] Để biểu thị lối nói thường lên giọng ở cuối câu của Bobby, tác giả đã dùng dấu hỏi chấm cuối các câu nói của cậu.

[36] Kiểu váy dài, rộng lưng thùng, với tay áo dài và cổ cao.

[37]^[37] NYU: Tên viết tắt của Đại học New York.

[38] YMCA: Hội Thanh niên Cơ Đốc giáo.

[39] James M.Cain (1892-1977): nhà văn và phóng viên người Mỹ.

[40] Món ăn với hai lát bánh nướng, trên mỗi lát xếp một miếng thịt xông khói, một quả trứng chần và một loại nước sốt làm từ bơ, trứng và dầu.

[41] Esther Jane William (sinh năm 1921): diễn viên, vận động viên bơi lội nổi tiếng của Mỹ.

[42] Căn bếp nhỏ được tận dụng từ những hốc tường và được che bởi cửa hoặc rèm.

[43] Henri Matisse (1869-1954): họa sĩ người Pháp, nổi tiếng với khả năng sử dụng màu sắc và chất lỏng cũng như khả năng hội họa. Ông là nhân vật tiên phong của trường phái Dã thú.

[44] Ban nhạc punk rock của Anh thành lập ở London năm 1975.

[45] Elvis Presley (1935-1977): ca sĩ, diễn viên người Mỹ, được mệnh danh là ông vua nhạc rock and roll.

[46] Dusty Springfield (1939-1999): nữ ca sĩ người Anh.

[47] The Kingston Trio: ban nhạc dân gian và pop của Mỹ có công làm phục hồi thể loại nhạc dân gian vào cuối thập niên 50 đến cuối thập niên 60.

[48] Van Gogh (1853-1890): danh họa người Hà Lan thuộc trường phái hậu ấn tượng với nhiều tác phẩm nổi tiếng và được yêu

thích nhất trên thế giới.

- [49] Mary Tyler Moore (sinh ngày 29 tháng 12 năm 1936): diễn viên người Mỹ, nổi tiếng trong các loạt phim sitcom.
- [50] Fasssbinder: đạo diễn, diễn viên kiêm biên kịch người Đức, nổi tiếng với các tác phẩm về các vấn đề tâm lý và xã hội của nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- [51] John Coltrane (1926-1967): nhà soạn nhạc và tay saxophone người Mỹ.
- [52] Lễ kỷ niệm hằng năm tổ chức vào tối ngày mùng 5 tháng Mười một để đánh dấu sự thất bại trong vụ mưu sát vua James I của Anh và VI của Scotland của một nhóm tín đồ Công giáo Anh vào ngày 5 tháng Mười một năm 1605.
- [53] Nhân vật trong bộ phim hài kịch tình huống *I love Lucy (Tôi yêu Lucy)* của Mỹ.
- [54] Small straight: thuật ngữ trong trò Yahtzee, thường được dùng khi bạn đổ 5 viên xúc xắc ra và được một chuỗi 4 số liên nhau theo thứ tự.
- [55] Bette Davis (1908-1989): nữ diễn viên người Mỹ đã từng hai lần đoạt tượng vàng Oscar.
- [56] Jim Morrison (1943-1971): ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ, được biết đến nhiều nhất với vai trò ca sĩ chính của ban nhạc rock nổi tiếng của Mỹ là the Doors.
- [57] Donna Reed (1921-1986): nữ diễn viên người Mỹ.
- [58] Fleetwood Mac: ban nhạc rock Anh – Mỹ thành lập năm 1967 ở London.
- [59] Faye unaway (sinh ngày 14 tháng 01 năm 1941): nữ diễn viên nổi tiếng người Mỹ.
- [60] Elizabeth Taylor (sinh ngày 27 tháng 2 năm 1932): nữ diễn viên người Mỹ sinh tại Anh, nổi tiếng vì sắc đẹp và tài năng diễn xuất. Bà đã được Viện phim Mỹ xếp vào hàng ngũ những ngôi sao điện ảnh Mỹ vĩ đại nhất mọi thời đại.
- [61] David Bowie (sinh ngày 8 tháng 01 năm 1947): ca sĩ, nhạc sĩ, diễn viên, nhà sản xuất âm nhạc người Anh, ông được coi là người có tầm ảnh hưởng rộng lớn trong âm nhạc đại chúng, đặc biệt là trong thập niên 70 của thế kỷ XX.
- [62] Bruce Springteen (sinh ngày 23 tháng 9 năm 1949): ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ, đã giành được rất nhiều giải Grammy.
- [63] Flannery O’Connor (1925-1964): nữ văn sĩ người Mỹ, một trong những người có tầm ảnh hưởng của văn học Mỹ.
- [64] Loại cửa sổ đôi khung trượt, với mỗi khung được chia thành tám ô.
- [65] Dagwood Bumstead: Nhân vật chính trong bộ truyện tranh hài hước *Blondie*.
- [66] Nhân vật chính trong tiểu thuyết *Cuốn theo chiều gió*.
- [67] Nhân vật trong truyện tranh *Gia đình Addams*.

[\[68\]](#) Một tổ chức thanh niên được đặt dưới sự quản lý của Viện Thực phẩm và Nông nghiệp Quốc gia của Bộ Nông nghiệp Mỹ.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>